# CR-V

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng CHÚ Ý. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản khác, hoặc môi trường.

Các biểu tượng ⚠⚠📖 trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng ⚠⚠ được mã hóa bằng màu để thể hiện "nguy hiểm" (màu đỏ), "cảnh báo" (màu cam), hoặc "thận trọng" (màu hổ phách).

➔ **Nhãn an toàn** Tr. 134

## Một số lưu ý về an toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này khó có thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải sử dụng phán đoán của chính bản thân mình.

Bạn sẽ thấy các thông tin an toàn quan trọng này theo những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhãn an toàn** - trên xe.
- **Cảnh báo an toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo an toàn ⚠ và một trong ba cụm từ sau: **NGUY HIỂM**, **CẢNH BÁO**, hoặc **THẬN TRỌNG**.

  Những cụm từ này có nghĩa:

| | |
|---|---|
| **⚠NGUY HIỂM** | Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn. |
| **⚠CẢNH BÁO** | Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn. |
| **⚠⚠CẢNH BÁO** | Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn. |
| **⚠THẬN TRỌNG** | Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn. |

- **Đề mục an toàn** - những chú ý quan trọng về an toàn.
- **Phần hướng dẫn an toàn** - Lái xe an toàn.
- **Hướng dẫn** - cách sử dụng xe đúng cách và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

## Thiết bị ghi nhận dữ liệu sự cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thường được gọi là Thiết bị ghi nhận dữ liệu sự cố. Các thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe. Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

## Thiết bị ghi chẩn đoán dịch vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu hệ thống truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

## Ghi dữ liệu xe*

Xe của bạn ghi lại các thông tin sau dưới dạng dữ liệu khi Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) đang hoạt động.

- Trạng thái vận hành của từng chức năng CMBS
- Vận hành bàn đạp ga/bàn đạp phanh
- Tốc độ xe
- Các thông tin như khoảng cách và tốc độ tương đối của mục tiêu được xác định bởi CMBS

Honda có thể thu thập và sử dụng dữ liệu đã ghi vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe của Honda.

CMBS không ghi lại các hình ảnh hoặc âm thanh bên trong xe.

Cần có công cụ đặc biệt để xem hoặc xóa dữ liệu được ghi lại bởi CMBS.

Có thể tắt chức năng ghi hình ảnh CMBS để không ghi lại hình ảnh khi CMBS được kích hoạt.

Tiết lộ dữ liệu

Honda sẽ không tiết lộ hoặc cung cấp dữ liệu thu thập được từ CMBS cho các bên thứ ba trừ các trường hợp sau:

- Khi được sự cho phép của chủ xe
- Khi được yêu cầu bởi pháp luật, lệnh tòa án hoặc yêu cầu pháp lý có hiệu lực tương tự
- Khi dữ liệu đã được xử lý để xóa nhận dạng/ẩn danh phương tiện/người dùng, như khi dữ liệu tổng hợp được cung cấp cho các tổ chức nghiên cứu

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Điều khoản và điều kiện cập nhật hệ thống*

Điều khoản chung

Xe này có ứng dụng cho phép Màn hình giải trí của xe tự động tìm kiếm các bản cập nhật phần mềm của Honda dành riêng cho Màn hình giải trí và các thiết bị được kết nối (ban đầu cứ một (1) tuần một lần qua Wi-Fi hoặc bốn (4) tuần một lần qua Bộ điều khiển viễn thông (TCU)*, các truy vấn có thể xảy ra thường xuyên hơn hoặc ít xảy ra hơn do sự cố internet, do cố thử lại, do thao tác của người dùng, và do WAP gửi từ máy chủ hoặc do thay đổi chính sách truy vấn trên máy chủ Honda). Ứng dụng này sẽ gửi theo định kỳ một số thông tin của xe và thiết bị đến máy chủ (Số nhận dạng xe (VIN), Số nhận dạng loại xe (MT), Mã số phụ tùng Phần cứng và Phần mềm, Số sê-ri, Phiên bản phần mềm, ngôn ngữ ưu tiên, địa chỉ Giao thức Internet (IP), Nhật ký giao dịch (xem cảnh báo hoặc cập nhật, tải và cài đặt bản cập nhật, trạng thái phần mềm), v.v.). Khi ứng dụng tìm thấy bản cập nhật từ máy chủ, màn hình sẽ hiển thị thông báo tải xuống và cài đặt bản cập nhật. Bạn có thể chọn tự động tải xuống và cài đặt các bản cập nhật này trong phần cài đặt hoặc chọn cập nhật hệ thống theo cách thủ công.

Khi Màn hình giải trí của xe tìm kiếm bản cập nhật hoặc cảnh báo từ máy chủ, máy chủ sẽ tự động cho phép bạn cập nhật thiết bị hoặc gửi bản cập nhật hoặc cảnh báo đến Màn hình giải trí. Lịch sử cài đặt các bản cập nhật hoặc cảnh báo cũng sẽ được lưu lại trên máy chủ.

Dữ liệu cá nhân

Nếu các thông tin trên được gửi đến hệ thống của Honda và hệ thống tự tìm ra thông tin cá nhân về vị trí của bạn, lưu ý rằng thông tin này sẽ được xử lý nghiêm ngặt theo đúng các quy tắc và quy định được nêu trong thông báo này và luật bảo vệ dữ liệu hiện hành.

Các điều khoản này có trong chính sách bảo mật của Honda và khi sử dụng các bản cập nhật hệ thống, bạn phải tuân thủ chính sách bảo mật. Thông báo bảo mật của Honda đưa ra thông tin về việc Honda và bên thứ ba bất kỳ xử lý dữ liệu cá nhân do Honda thu thập được từ khách hàng hoặc khách hàng cung cấp cho Honda thông qua ứng dụng như thế nào.
Truy cập trang web của Honda để biết thêm thông tin chi tiết.

Honda thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng vì những lý do dưới đây:

- cung cấp các bản cập nhật hệ thống và các dịch vụ liên quan đến khách hàng
- cải tiến và tối ưu hóa các sản phẩm và dịch vụ cập nhật hệ thống
- giải đáp thắc mắc và khiếu nại của khách hàng
- để lưu trữ hồ sơ nội bộ
- đảm bảo các quyền lợi về mặt pháp lý cho Honda, như được liệt kê dưới đây, mà vẫn đảm bảo quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng
- như được mô tả trong Thông báo bảo mật và Thông báo bảo mật dữ liệu xe của Honda

Việc bảo vệ lợi ích kinh doanh hợp pháp và quyền lợi hợp pháp của Honda bao gồm, nhưng không giới hạn, việc sử dụng gắn liền với việc tuân thủ, quy định, kiểm toán, các tuyên bố pháp lý (bao gồm việc tiết lộ thông tin liên quan đến quy trình pháp lý hoặc kiện tụng) và các yêu cầu báo cáo về đạo đức và tuân thủ khác.

Honda cũng sẽ chuyển đổi dữ liệu cá nhân thành dữ liệu ẩn danh và sử dụng dữ liệu đó (thường trên cơ sở thống kê tổng hợp) nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích thị trường, cải tiến cập nhật hệ thống, phân tích xu hướng và đánh giá hiệu quả của các bản cập nhật phần mềm. Thông tin cá nhân được tổng hợp sẽ không định danh bạn hoặc bất kỳ người dùng nào khác của bản cập nhật hệ thống.

Honda có thể chia sẻ dữ liệu này với tổ chức hỗ trợ trên toàn cầu của Honda hoặc các công ty con của Honda hoặc các bên thứ ba khác mà Honda liên kết nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này là một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho các loại xe của dòng xe này. Tài liệu này có thể miêu tả các thiết bị và tính năng không có trên xe bạn.

Những hình ảnh trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này (bao gồm cả bìa trước) miêu tả những tính năng, thiết bị, màn hình Âm thanh/Thông tin và màn hình Đồng hồ chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe.

Thông tin và các thông số kỹ thuật trong tài liệu này có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor có quyền cắt bỏ hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu hướng dẫn này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên phải và vô lăng bên trái, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên trái.


**Lái xe an toàn Tr. 41**

Lái xe an toàn Tr. 42 Dây đai an toàn Tr. 47 Túi khí Tr. 62
Nhãn an toàn Tr. 134

**Bảng điều khiển Tr. 135**

Đèn báo Tr. 136 Đồng hồ đo và màn hình hiển thị Tr. 160

**Điều khiển Tr. 217**

Đồng hồ Tr. 218 Khóa và mở khóa cửa Tr. 219
Vận hành các công tắc quanh vô lăng Tr. 257
Hệ thống điều hòa không khí Tr. 325

**Tính năng Tr. 333**

Hệ thống âm thanh Tr. 334 Hệ thống màn hình âm thanh màu Tr. 336
Thông báo lỗi âm thanh* Tr. 578

**Lái xe Tr. 597**

Trước khi lái xe Tr. 598 Hướng dẫn lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa Tr. 609
Kéo rơ moóc Tr. 602
Camera lùi đa hướng* Tr. 789 Camera đa hướng* Tr. 791

**Bảo dưỡng Tr. 811**

Trước khi thực hiện bảo dưỡng Tr. 812 Hệ thống giám sát dầu Tr. 815
Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước Tr. 845 Vệ sinh Tr. 865
Bảo dưỡng Hệ thống điều hòa không khí Tr. 862

**Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 873**

Dụng cụ* Tr. 874 Nếu lốp xe bị xẹp Tr. 875
Không gạt được cần số Tr. 909 Quá nhiệt Tr. 911
Nếu bạn không mở được cửa nạp nhiên liệu Tr. 929

**Thông tin Tr. 939**

Thông số kỹ thuật Tr. 940 Số nhận dạng Tr. 943
Giấy phép mã nguồn mở Tr. 956

# Nội dung


Hệ thống phanh sau va chạm Tr. 80 An toàn cho trẻ Tr. 81 Khí xả nguy hiểm Tr. 133

Cửa hậu Tr. 236 Hệ thống an ninh Tr. 247 Cửa kính Tr. 249 Cửa sổ trời toàn cảnh* Tr. 253
Gương Tr. 279 Ghế ngồi Tr. 283 Các hạng mục tiện ích bên trong khác Tr. 303

Màn hình giải trí Tr. 388 Màn hình giải trí có tích hợp Google Tr. 484
Thông tin chung về hệ thống âm thanh Tr. 580

Khi lái xe Tr. 611 Honda SENSING Tr. 674 Phanh Tr. 767 Đỗ xe Tr. 777
Nạp nhiên liệu Tr. 805 Tiết kiệm nhiên liệu và khí thải $CO_2$ Tr. 809 Xe có động cơ tăng áp Tr. 810

Lịch bảo dưỡng Tr. 822 Dưới nắp ca-pô Tr. 829 Thay bóng đèn Tr. 842
Kiểm tra và bảo dưỡng Tr. 849 Ắc-quy Tr. 855 Bảo dưỡng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa Tr. 859
Phụ kiện và điều chỉnh Tr. 871

Xử lý kích nâng Tr. 899 Động cơ không khởi động Tr. 900 Nếu ắc-quy hết điện Tr. 906
Đèn báo sáng/Nhấp nháy Tr. 913 Cầu chì Tr. 920 Kéo xe khẩn cấp Tr. 928
Nếu bạn không thể mở được cửa hậu Tr. 931 Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)* Tr. 933

Tuân thủ quy định tiện ích* Tr. 944 Thiết bị phát sóng radio* Tr. 945

Hướng dẫn tham khảo nhanh Tr. 6
Lái xe an toàn Tr. 41
Bảng điều khiển Tr. 135
Điều khiển Tr. 217
Tính năng Tr. 333
Lái xe Tr. 597
Bảo dưỡng Tr. 811
Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 873
Thông tin Tr. 939
Mục lục Tr. 958

# Mục lục trực quan

Loại vô lăng bên trái

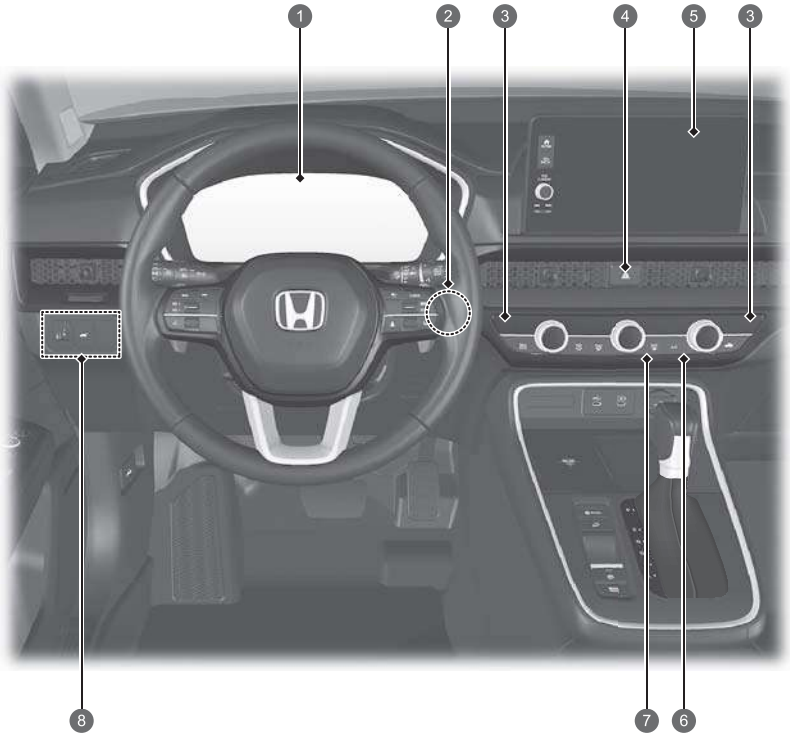


❶ **Đèn báo hệ thống** Tr.136
**Đồng hồ đo** Tr.160
**Màn hình giao diện thông tin cho người lái** Tr.165, 191, 194

❷ **Nút ENGINE START/STOP** Tr.257

❸ **Nút bộ sưởi ghế trước*** Tr.323

❹ **Nút cảnh báo nguy hiểm**

❺ **Hệ thống âm thanh** Tr.334
**Hệ thống định vị***
Xem tài liệu hướng dẫn hệ thống định vị

❻ **Hệ thống điều hoà không khí** Tr.325

❼ **Hệ thống sấy kính sau** Tr.275

❽ **Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*** Tr.267
**Nút cửa hậu điện*** Tr.242

Loại vô lăng bên phải

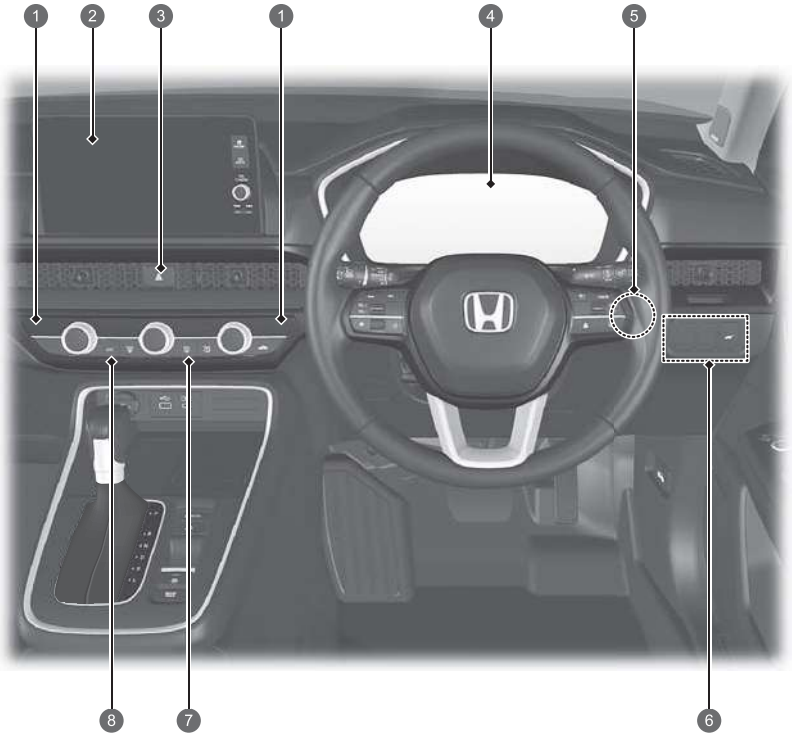


❶ **Nút bộ sưởi ghế trước*** Tr.323

❷ **Hệ thống âm thanh** Tr.334
**Hệ thống định vị***
Xem tài liệu hướng dẫn hệ thống định vị

❸ **Nút cảnh báo nguy hiểm**

❹ **Đèn báo hệ thống** Tr.136
**Đồng hồ đo** Tr.160
**Màn hình giao diện thông tin cho người lái** Tr.165, 191, 194

❺ **Nút ENGINE START/STOP** Tr.257

❻ **Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*** Tr.267
**Nút cửa hậu điện*** Tr.242

❼ **Hệ thống sấy kính sau** Tr.275

❽ **Hệ thống điều hòa không khí** Tr.325

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Mục lục trực quan

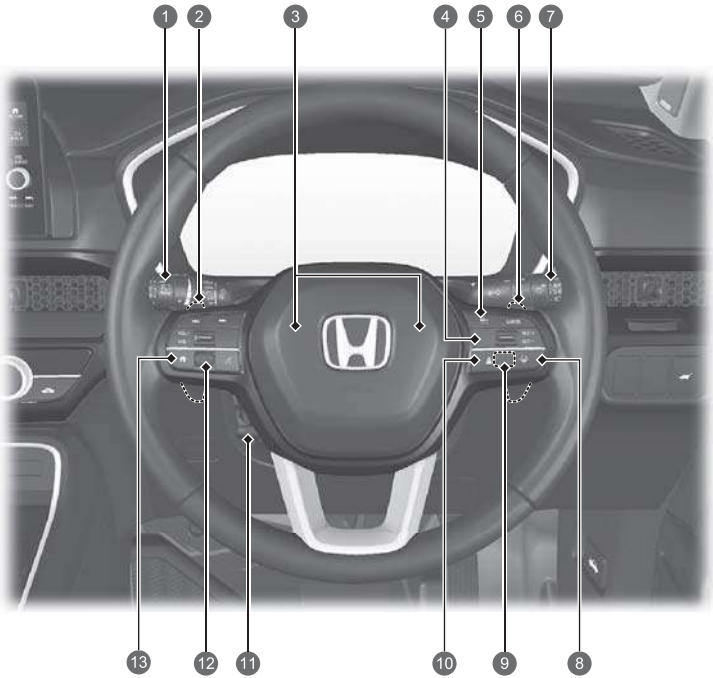


❶ Cần gạt nước/Rửa kính* Tr.272
Đèn chiếu sáng/Đèn xi nhan* Tr.261, 260
Đèn sương mù* Tr.264
Hệ thống quan sát làn đường* Tr.669
Nút CAMERA* Tr.792

❷ Lẫy sang số (Giảm số)* Tr.625

❸ Còi (Ấn khu vực xung quanh).

❹ Nút LIM* Tr.637

❺ Nút Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp Tr.707

❻ Lẫy sang số (Tăng số)* Tr.625

❼ Đèn chiếu sáng/Đèn xi nhan* Tr.261, 260
Cần gạt nước/Rửa kính* Tr.272
Đèn sương mù* Tr.264
Hệ thống quan sát làn đường* Tr.669
Nút CAMERA* Tr.792

❽ Nút hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) Tr.733

❾ Vòng lựa chọn bên phải* Tr.194

❿ Nút khoảng cách Tr.724

⓫ Điều chỉnh vô lăng Tr.278

⓬ Vòng lựa chọn bên trái Tr.165, 392

⓭ Điều khiển âm thanh từ xa Tr.339, 392
Nút (Màn hình chính)* Tr.165
Nút (Nói)
Tr.352, 353, 357, 361, 411, 438, 442, 463, 528, 532

Loại vô lăng bên trái

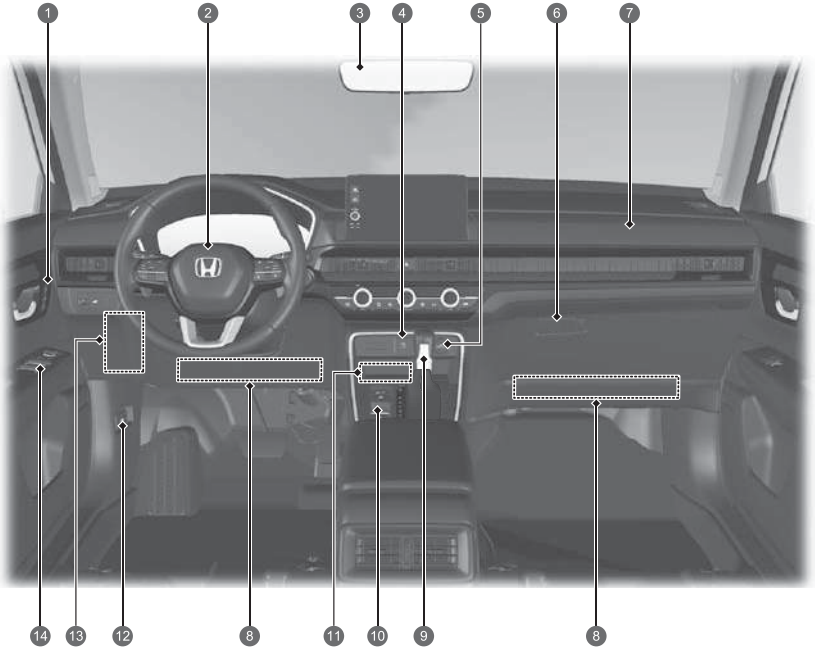


❶ **Nút ghi nhớ*** Tr.277
**Nút SET*** Tr.277
❷ **Túi khí trước phía người lái** Tr.64
❸ **Gương chiếu hậu** Tr.279
❹ **(Các) Cổng USB** Tr.338, 391, 488
❺ **Ổ cắm điện phụ kiện** Tr.317
❻ **Hộc đựng đồ** Tr.306
❼ **Túi khí trước phía hành khách** Tr.64
❽ **Túi khí đầu gối** Tr.67
❾ **Cần số** Tr.620, 622
❿ **Nút ECON** Tr.627
**Nút (Hỗ trợ đỗ đèo)** Tr.636
**Nút TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*** Tr.630
**Công tắc phanh đỗ điện** Tr.767
**Nút giữ phanh tự động** Tr.771
⓫ **Bộ sạc không dây*** Tr.319
⓬ **Lẫy nhả nắp ca-pô** Tr.830
⓭ **Hộp cầu chì trong xe** Tr.922, 924
⓮ **Công tắc điều khiển gương cửa** Tr.281
**Công tắc khóa cửa chính** Tr.233
**Công tắc cửa kính điện** Tr.250

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Mục lục trực quan

Loại vô lăng bên phải

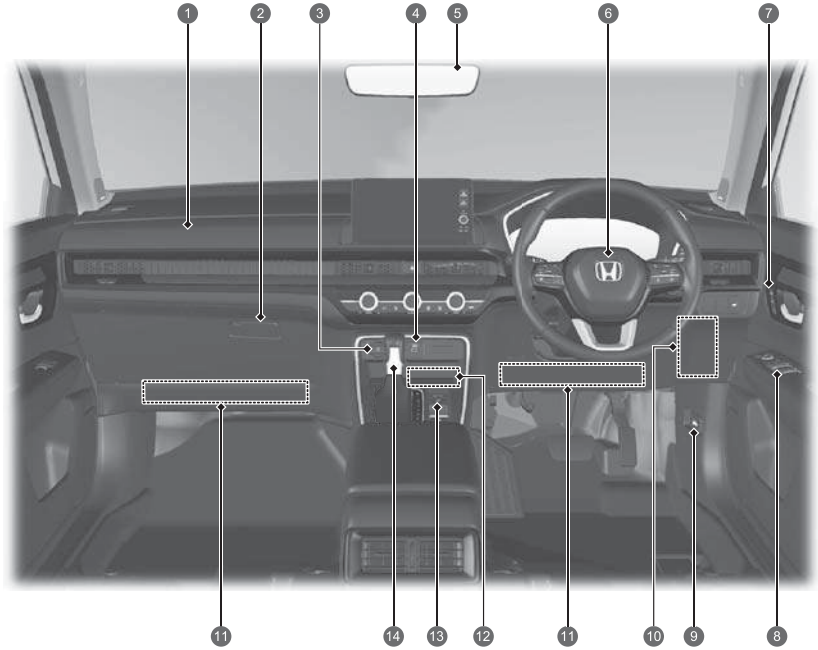



❶ Túi khí trước phía hành khách Tr.64
❷ Hộc đựng đồ Tr.306
❸ Ổ cắm điện phụ kiện Tr.317
❹ (Các) Cổng USB Tr.338, 391, 488
❺ Gương chiếu hậu Tr.279
❻ Túi khí trước phía người lái Tr.64
❼ Nút ghi nhớ* Tr.277
Nút SET* Tr.277
❽ Công tắc điều khiển gương cửa Tr.281
Công tắc khóa cửa chính Tr.233
Công tắc cửa kính điện Tr.250
❾ Lẫy nhả nắp ca-pô Tr.830
❿ Hộp cầu chì trong xe Tr.922, 924
⓫ Túi khí đầu gối Tr.67
⓬ Bộ sạc không dây* Tr.319
⓭ Nút ECON Tr.627
Nút (Hỗ trợ đổ đèo) Tr.636
Công tắc phanh đỗ điện Tr.767
Nút giữ phanh tự động Tr.771
⓮ Cần số Tr.620, 622

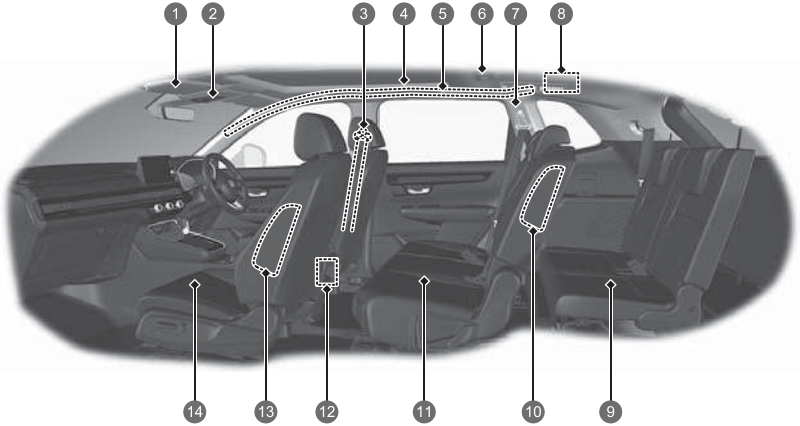


❶ **Tấm che nắng** Tr.324
**Gương cá nhân**
❷ **Đèn đọc sách phía trước** Tr.304
**Công tắc cửa sổ trời toàn cảnh*** Tr.255
**Hộp đựng kính mắt** Tr.312
❸ **Dây đai an toàn** Tr.47
❹ **Túi khí rèm bên** Tr.76
❺ **Tay nắm trần**
**Móc treo áo khoác** Tr.310
❻ **Đèn đọc sách hàng ghế thứ hai** Tr.304
❼ **Dây đai an toàn (Lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em)** Tr.122
**Dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế an toàn cho trẻ em** Tr.122
❽ **Dây đai an toàn có móc neo có thể tháo*** Tr.56
❾ **Hàng ghế thứ ba*** Tr.293
❿ **Túi khí bên hàng ghế thứ hai*** Tr.73
⓫ **Hàng ghế thứ hai** Tr.288
**Điểm móc neo dưới để cố định hệ thống ghế an toàn trẻ em** Tr.115
⓬ **Cổng USB** Tr.338, 391, 488
⓭ **Túi khí bên phía trước** Tr.73
⓮ **Ghế trước** Tr.283

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Mục lục trực quan

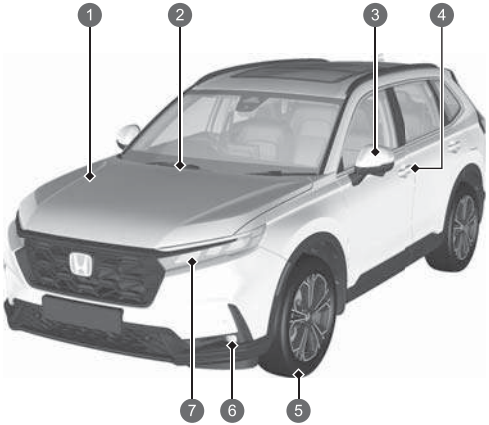


❶ Dưới nắp ca-pô Tr.829
❷ Cần gạt nước kính chắn gió Tr.272, 845
❸ Gương cửa điện Tr.281
Đèn xi nhan bên Tr.260, 842
❹ Nút điều khiển Khóa/Mở khóa cửa Tr.223
❺ Lốp xe Tr.849, 851
❻ Đèn sương mù trước* Tr.264, 842
❼ Đèn chiếu sáng Tr.261, 842
Đèn định vị/Đèn ban ngày Tr.261, 266, 842
Đèn xi nhan trước Tr.260, 842

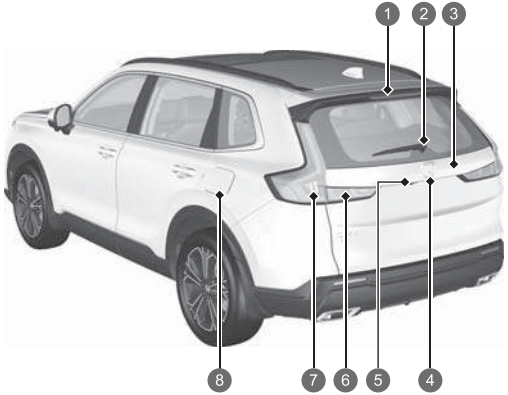


❶ Đèn phanh cao Tr.843
❷ Cần gạt nước sau Tr.847
❸ Mở/Đóng cửa hậu Tr.237
❹ Đèn biển số sau Tr.261, 843
❺ Camera lùi đa hướng* Tr.789
Camera đa hướng* Tr.791
❻ Đèn hậu Tr.261, 843
Đèn lùi Tr.843
Đèn sương mù sau* Tr.843
❼ Đèn hậu Tr.261, 842
Đèn phanh Tr.261, 842
Đèn xi nhan phía sau Tr.260, 842
❽ Cách nạp nhiên liệu Tr.807

# Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời*

Để cải thiện khả năng tiết kiệm nhiên liệu, động cơ sẽ dừng lại và sau đó khởi động lại như mô tả dưới đây. Khi bật Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời, đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu xanh lục) sẽ sáng. Tr.628



| Khi | Hộp số vô cấp | Trạng thái động cơ |
|---|---|---|
| Giảm tốc | **Chức năng giữ phanh tự động tắt** Tr.772 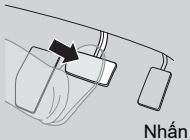 **Chức năng giữ phanh tự động bật** Tr.772 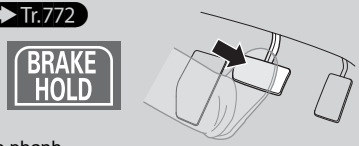  Nhấn bàn đạp phanh. | 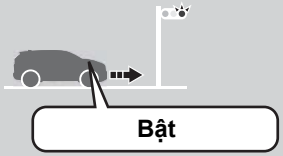  |
| Dừng | 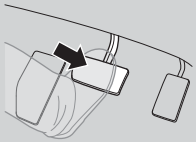 Nhấn giữ bàn đạp phanh. 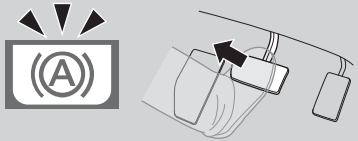 Khi hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, bạn có thể nhả bàn đạp phanh khi đèn báo Ⓐ (màu xanh lục) sáng. | 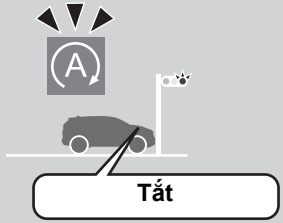  |
| Khởi động | 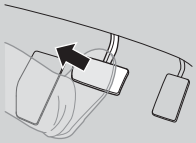 Nhả bàn đạp phanh. 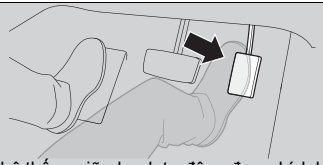 Khi hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, hãy nhấn bàn đạp ga. | |

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Lái xe an toàn Tr.41

## Danh mục kiểm tra trước khi lái xe Tr.46

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem ghế trước, tựa đầu, vô lăng và gương đã được điều chỉnh đúng chưa.

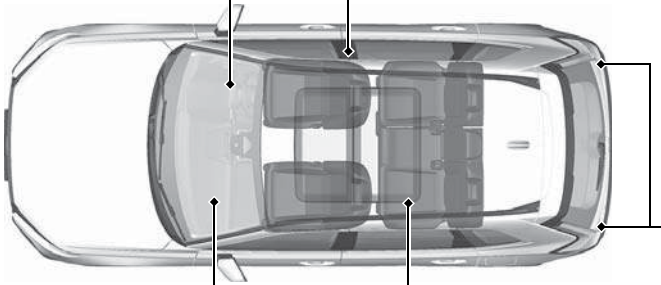

## Dây đai an toàn Tr.47

- Thắt dây đai an toàn và ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem hành khách có đang thắt dây an toàn đúng cách không.

Thắt dây an toàn ngang hông ở vị trí thấp nhất có thể.

## Nguy hiểm do khí xả Tr.133

- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng carbon monoxide. Không khởi động động cơ trong không gian kín, nơi khí carbon monoxide có thể tích tụ.

## An toàn cho trẻ Tr.81

- Tất cả trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

## Túi khí Tr.62

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để giúp bảo vệ bạn và hành khách trong trường hợp va chạm từ trung bình đến nghiêm trọng.

# Bảng điều khiển Tr. 135

## Đèn báo Tr.136/Đồng hồ đo Tr.160/Màn hình giao diện thông tin cho người lái Tr.165, 191, 194/Màn hình hiển thị trên kính chắn gió* Tr.212

Loại xe có đồng hồ đo loại A

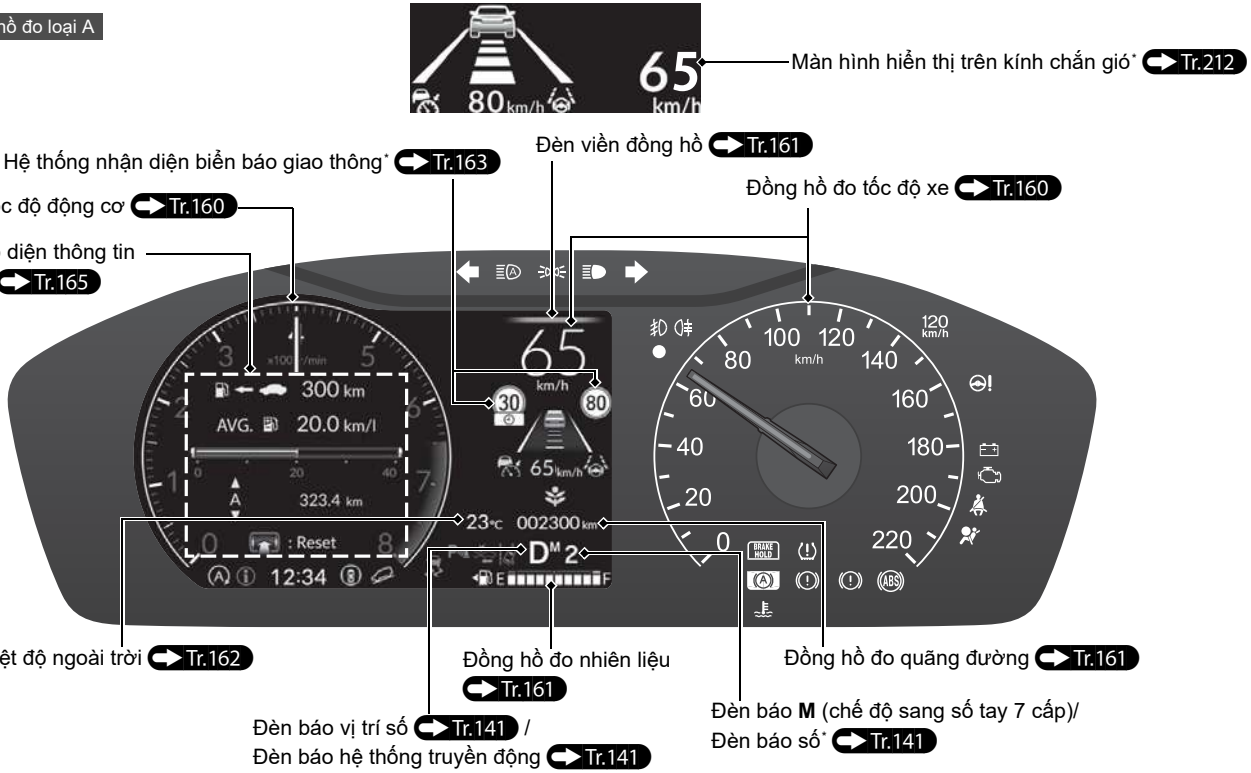




* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có đồng hồ đo loại B

● Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo.
**Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo** Tr.192

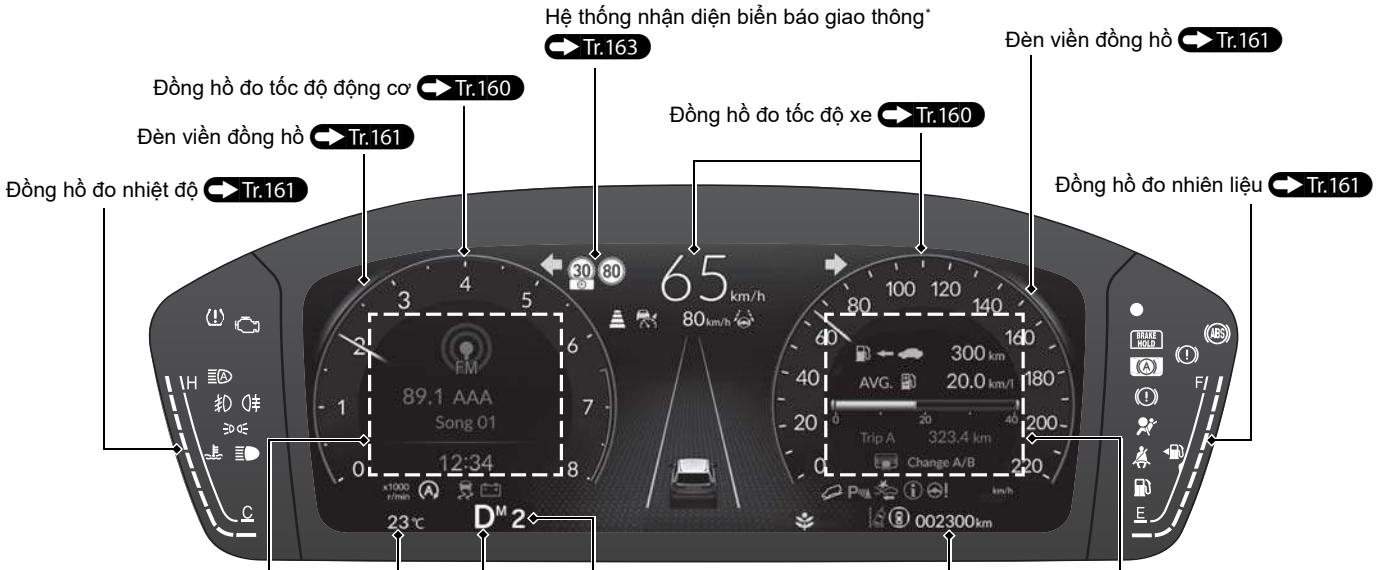

# Điều khiển Tr.217

## Đồng hồ Tr.218

Loại xe có Màn hình giải trí

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chỉnh kiểu hiển thị đồng hồ.

Loại xe không tích hợp Google

Tr.402

Loại xe có tích hợp Google

Tr.499

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Nút **MENU**

1. Ấn nút **MENU**.
2. Chọn **Clock Settings**.
3. Chọn **Automatic Time**, sau đó chọn **OFF**.
4. Chọn **Set Time**.
5. Chọn **12H(12-H)**/**24H(24-H)** để thay đổi đồng hồ 12 hoặc 24 giờ.
6. Chọn ▲ hoặc ▼.
7. Chọn **Set** để cài đặt thời gian.

## Nút ENGINE START/ STOP Tr.257

Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.

## Xi nhan Tr.260

Cần điều khiển xi nhan

## Đèn Tr.261

Công tắc điều khiển đèn

# Cần gạt nước và Rửa kính

Tr.272

Cần điều khiển Gạt nước/Rửa kính

Vòng điều chỉnh
: Độ nhạy thấp*1
: Gạt chậm, gạt ít*2
: Độ nhạy cao*1
: Gạt nhanh, gạt nhiều*2

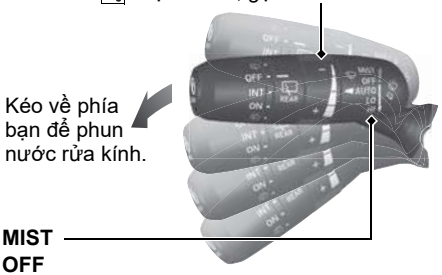


**AUTO***1: Tốc độ gạt thay đổi tự động
**INT***2: Gạt chậm và ngắt quãng
**LO**: Gạt chậm
**HI**: Gạt nhanh

*1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động
*2: Loại xe có thao tác gián đoạn thủ công

**Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động**

Chế độ **AUTO** luôn phải **TẮT** trước các trường hợp sau đây để tránh hư hỏng nghiêm trọng cho hệ thống cần gạt nước:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa

# Vô lăng

Tr.278

- Để điều chỉnh, hãy kéo cần điều chỉnh xuống, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.

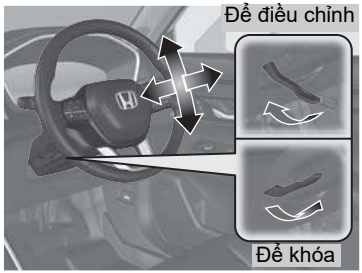


# Mở khóa cửa trước từ bên trong

Tr.233

- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái hoặc cửa hành khách* để mở khóa và mở cửa cùng lúc.

## Cửa hậu Tr.236

- Ấn tay nắm bên ngoài cửa hậu để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

Loại xe có cửa hậu điện

- Ấn tay nắm bên ngoài cửa hậu để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.
- Ấn nút cửa hậu điện trên bảng điều khiển phía người lái.
- Ấn nút cửa hậu điện trên chìa khóa điều khiển từ xa.

Loại xe có chức năng đóng mở cửa hậu rảnh tay

Với chìa khóa điều khiển từ xa bạn mang theo hãy đưa chân lên và hạ xuống (theo động tác đá chân) bên dưới ở giữa cản sau để mở hoặc đóng cửa hậu.

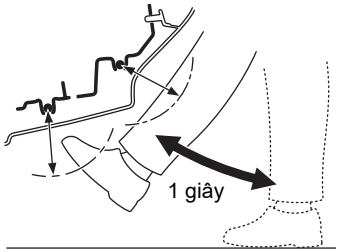


## Gương cửa điện

Tr.281

- Khi chế độ nguồn BẬT, gạt công tắc chọn sang **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút gập để gập và mở các gương cửa.

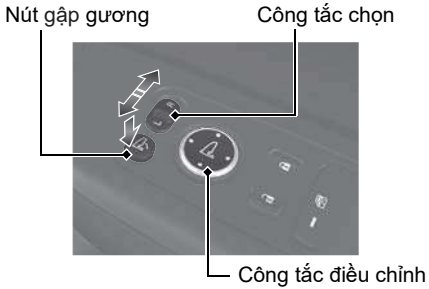

## Cửa kính điện Tr.249

- Khi chế độ nguồn được BẬT, hãy mở và đóng cửa kính điện.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, cửa kính của mỗi hành khách có thể được mở và đóng bằng công tắc riêng.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí BẬT (đèn báo bật), công tắc cửa kính của mỗi hành khách đều bị vô hiệu hóa.

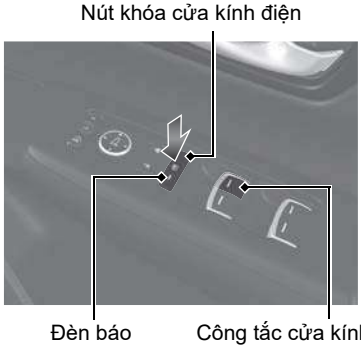

# Hệ thống điều hòa không khí Tr.325

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều hoà không khí.
- Ấn nút ON/OFF để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút FRONT để làm tan sương kính chắn gió.

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

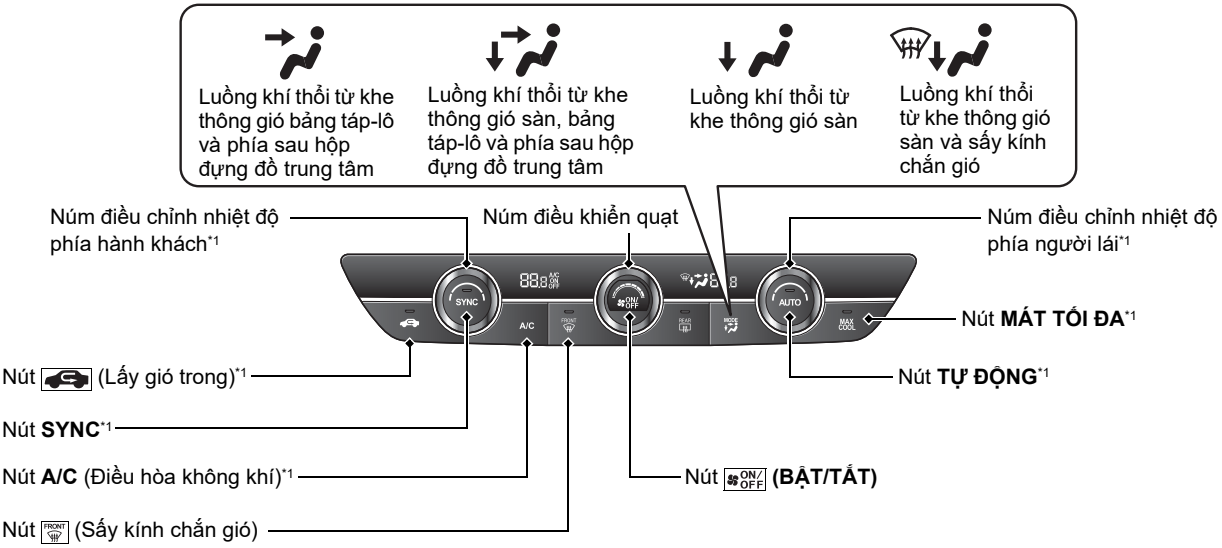


*1: Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

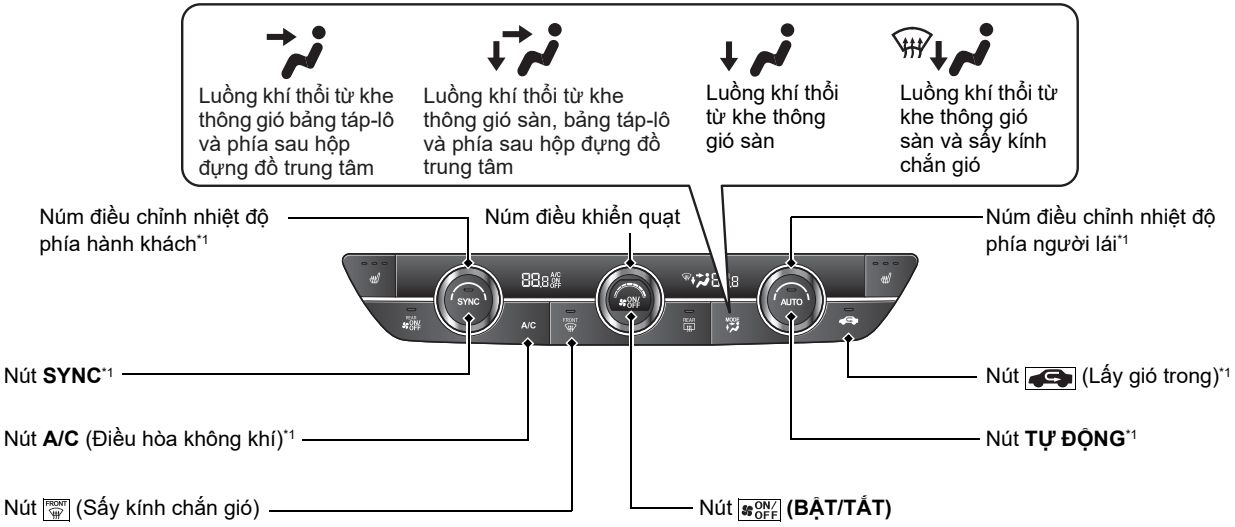


*1: Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

# Hệ thống làm mát sau* Tr.331

Có thể sử dụng hệ thống làm mát phía sau khi nút **REAR** ON/OFF (Bật/Tắt phía sau) trên bảng điều khiển phía trước được BẬT.
Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cách gạt cần điều khiển quạt trên trần xe phía trên vị trí ghế hàng thứ hai.

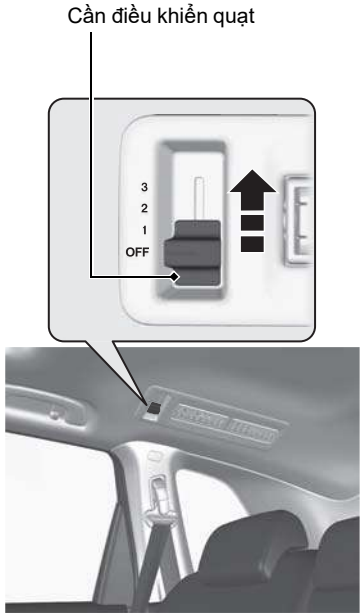




* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Tính năng Tr.333

## Hệ thống âm thanh Tr.334

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu Tr.336

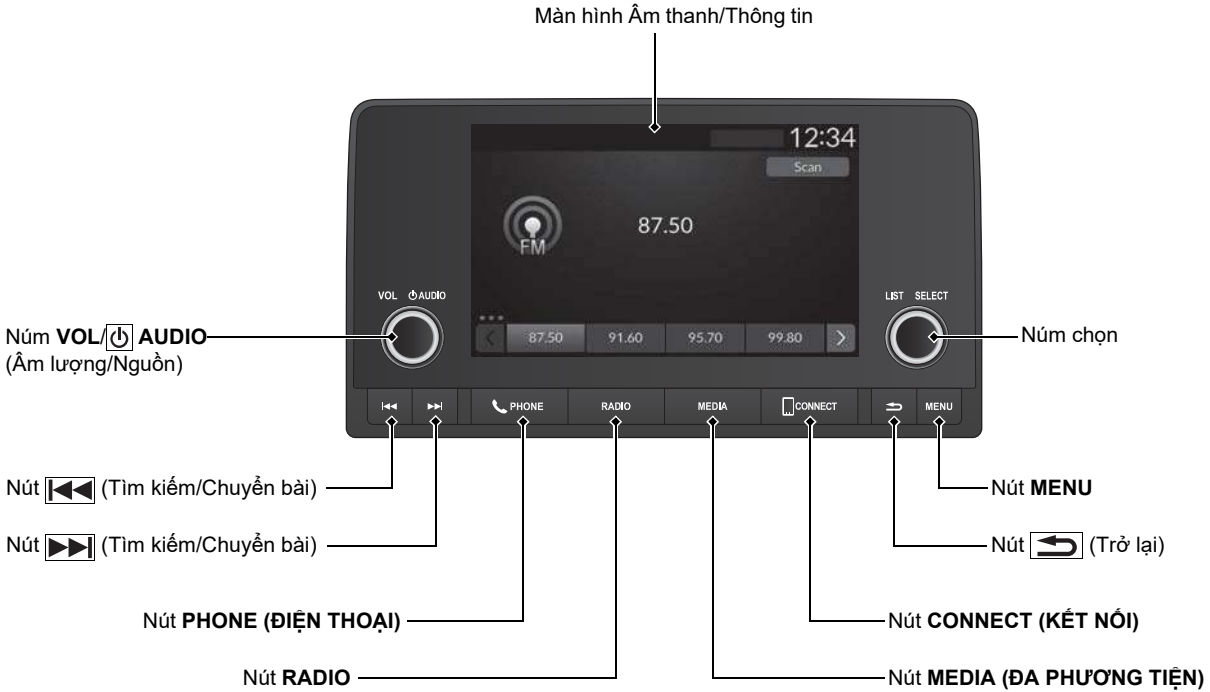

Loại xe có Màn hình giải trí Tr.388

Về hoạt động của hệ thống định vị Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống định vị

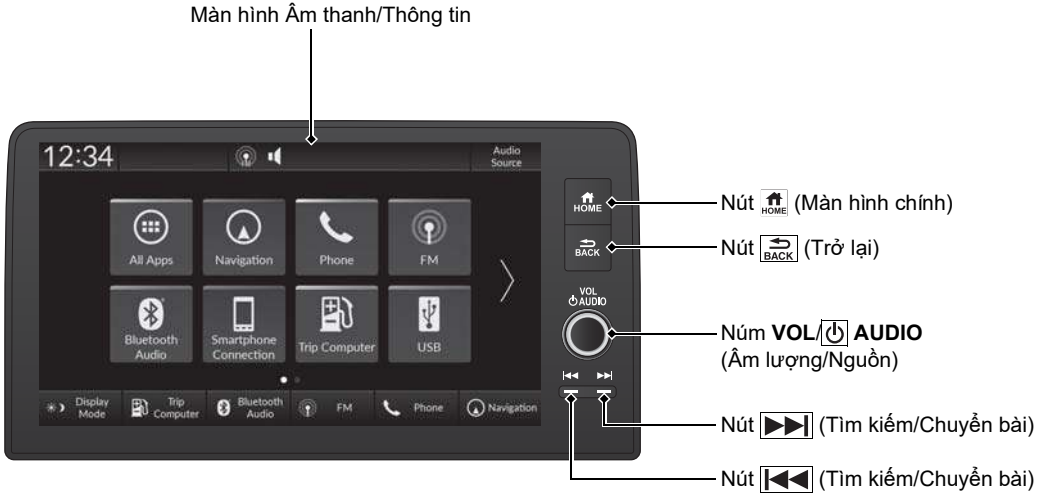

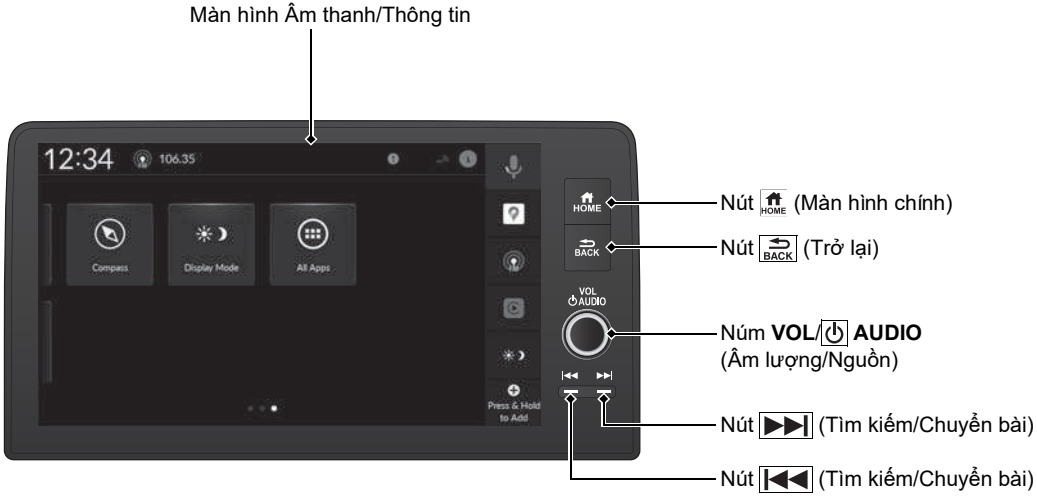
Màn hình Âm thanh/Thông tin
12:34
106.35
Compass
Display Mode
All Apps
Press & Hold to Add
HOME
BACK
VOL
AUDIO
Nút HOME (Màn hình chính)
Nút BACK (Trở lại)
Núm VOL/AUDIO (Âm lượng/Nguồn)
Nút ▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
Nút |◀◀ (Tìm kiếm/Chuyển bài)

# Điều khiển âm thanh từ xa

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Tr. 339

Nút |◀◀|/|▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)

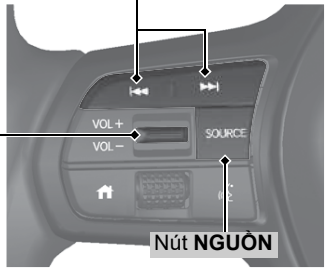


Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)

- Nút **SOURCE (NGUỒN)**
  Nhấn để chuyển qua các chế độ âm thanh.
- Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)
  Ấn để tăng/giảm âm lượng.
- Nút |◀◀|/|▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
  Radio:
  Ấn |◀◀|/|▶▶| để thay đổi đài phát thanh đã cài đặt trước. Ấn và giữ |◀◀|/|▶▶| để thay đổi kênh có tín hiệu mạnh.
  Kết nối có dây, ổ USB flash, âm thanh *Bluetooth*® hoặc điện thoại thông minh
  Kết nối:
  Ấn |◀◀|/|▶▶| để chuyển đến bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.
  Ổ USB flash hoặc Âm thanh *Bluetooth*®:
  Ấn và giữ |◀◀|/|▶▶| để thay đổi thư mục/nhóm.

Loại xe có Màn hình giải trí Tr. 392, 489

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Nút |◀◀|/|▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)

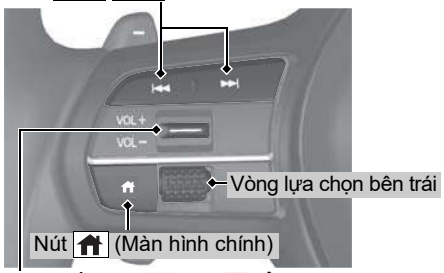


Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nút |◀◀|/|▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)

Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)

- Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)
  Ấn để tăng/giảm âm lượng.
- Nút |◀◀|/|▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
  Radio:
  Ấn |◀◀|/|▶▶| để thay đổi đài phát thanh đã cài đặt trước. Ấn và giữ |◀◀|/|▶▶| để thay đổi kênh có tín hiệu mạnh.
  Kết nối có dây, ổ USB flash, âm thanh *Bluetooth*® hoặc Điện thoại thông minh:
  Ấn |◀◀|/|▶▶| để bỏ qua đến đầu của bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.
  Ổ USB flash:
  Ấn và giữ |◀◀|/|▶▶| để thay đổi thư mục.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

- Vòng lựa chọn bên trái
  Khi chọn chế độ âm thanh
  Ấn nút (Màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn **Audio (Âm thanh)** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, và sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
  Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
  Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Vòng lựa chọn bên trái
  Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
  Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

# Cập nhật hệ thống*

Khi có bản cập nhật hệ thống, thông báo sẽ hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hướng dẫn cập nhật hệ thống thông qua màn hình âm thanh/thông tin được mô tả trong sách hướng dẫn này.
Để biết thông tin chi tiết về các phương pháp cập nhật khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng Honda Connect* hoặc hỏi đại lý.
Các bản cập nhật hệ thống làm thay đổi thông số kỹ thuật có thể dẫn đến một số khác biệt với thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng này.

**■ Hướng dẫn**

**Cập nhật hệ thống** Tr.407, 504

# Hệ thống chống khởi động từ xa *

Hệ thống chống khởi động từ xa sẽ ngăn không cho xe khởi động nếu xe bị đánh cắp.
Để biết thông tin chi tiết hơn về hệ thống này, vui lòng tham khảo sách hướng dẫn sử dụng Honda Connect.

# Lái xe Tr.597

## Hộp số vô cấp Tr.619

● Sang số [P] và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

### Sang số

Loại xe có lẫy sang số

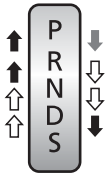


Loại xe không có lẫy sang số

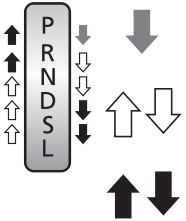


Nhấn bàn đạp phanh và nhấn nút nhả cần số để sang số.

Sang số mà không ấn nút nhả cần số.

Ấn nút nhả cần số và sang số.

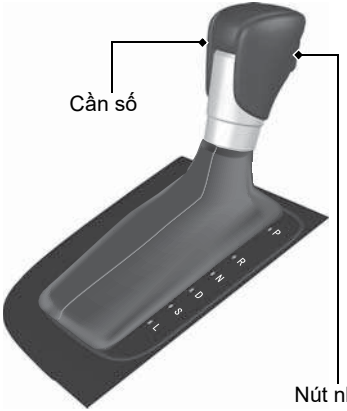


**P** **Số đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

**R** **Số lùi**
Dùng khi lùi xe.

**N** **Số không**
Hộp số không bị khóa.

**D** **Số lái**
Dùng để:
- Lái thường

Loại xe có lẫy sang số
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp

**S** **Số lái (Số S)**
Dùng để:
- Tăng tốc tốt hơn
- Tăng phanh động cơ
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc

Loại xe có lẫy sang số
- Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp

**L** **Số thấp***
- Dùng để tăng phanh động cơ hơn nữa.
- Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

### Chế độ sang số tay 7 cấp* Tr.625

Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

**Khi vị trí số ở** S

- Kéo lẫy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

**Khi vị trí số ở** D

- Kéo lẫy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.

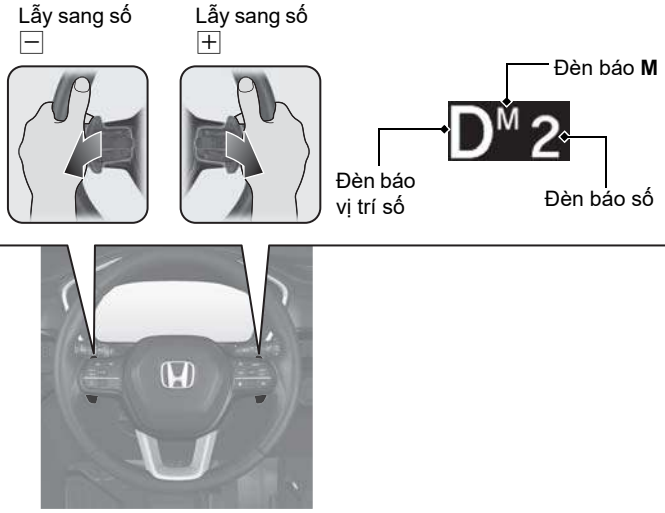


## Bật và Tắt CMBS Tr.682

- Khi khả năng va chạm trực diện là không thể tránh khỏi, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm CMBS có thể giảm tốc độ xe và mức độ nghiêm trọng của va chạm.
- CMBS được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt CMBS, sử dụng chức năng hỗ trợ an toàn của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

## Bật và Tắt VSA Tr.653

- Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì độ bám đường khi tăng tốc trên bề mặt đường rời rạc hoặc trơn trượt.
- VSA tự động sáng mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Chức năng VSA có thể được tắt một phần hoặc khôi phục hoàn toàn trong cài đặt VSA bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➡ **Chế độ hỗ trợ ổn định xe** Tr.209

Loại xe tại Đài Loan

## Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS) Tr.656

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước lốp tổng thể do áp suất lốp giảm.
- TPMS được bật tự động mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Phải thực hiện quy trình hiệu chuẩn khi có một số điều kiện nhất định phát sinh.

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

## Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* Tr.659

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước lốp tổng thể do áp suất lốp giảm.
- Hệ thống cảnh báo xẹp lốp sẽ tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Phải thực hiện quy trình hiệu chuẩn khi có một số điều kiện nhất định phát sinh.

## Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh* Tr.637

Hệ thống này cho phép bạn thiết lập tốc độ tối đa không thể vượt quá ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga.

- Để sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, ấn nút . Chọn hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh bằng cách ấn nút **LIM**, sau đó ấn công tắc **RES/+/SET/–** lên hoặc xuống khi xe của bạn đạt đến tốc độ mong muốn.
- Giới hạn tốc độ của xe có thể được thiết lập từ 30 km/h đến 250 km/h.

## Nạp nhiên liệu Tr.805

**Nhiên liệu khuyên dùng:**

Loại xe tại Pakistan

**Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên**

Loại xe tại Singapore

**Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên**

Loại xe tại Đài Loan

**Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên**

Loại xe ở các quốc gia khác

**Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên**

**Dung tích bình nhiên liệu:** **57 L**



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

1. Mở khóa cửa bên người lái. Tr.232

2. Ấn và nhả vùng có mũi tên để nhả cửa nạp nhiên liệu. Bạn sẽ nghe thấy tiếng tách và nắp sẽ mở ra nhẹ nhàng.

3. Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.

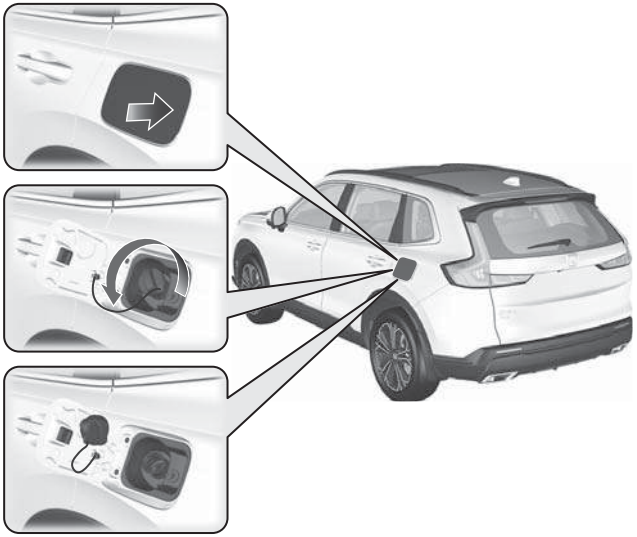

4. Đặt nắp lên giá đỡ trên cửa nạp nhiên liệu.

5. Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

# Honda SENSING Tr.674

Hỗ trợ các chức năng như tăng tốc, phanh và đánh lái nhằm giảm gánh nặng cho người lái, cũng như giúp tránh hoặc giảm mức độ nghiêm trọng của va chạm.

Honda Sensing có các chức năng sau.

## Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Tr.677

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với xe (gồm cả xe máy) phía trước từ phía sau, xe đang đến từ phía trước, xe đang đến gần từ sườn xe, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp chuyển động). CMBS được thiết kế để cảnh báo bạn khi xác định được nguy cơ va chạm, cũng như hỗ trợ giảm tốc độ, tránh va chạm và giảm mức độ nghiêm trọng của va chạm.

## Điều khiển phanh ở tốc độ thấp* Tr.691

Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp có ba chức năng: Phanh tốc độ thấp, Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau.
Hệ thống này sử dụng các cảm biến siêu âm nằm ở cản trước và sau để phát hiện nguy cơ va chạm với tường hoặc chướng ngại vật khác khi nhấn bàn đạp ga với lực quá mạnh và hệ thống hỗ trợ tránh va chạm và giảm thiểu thiệt hại do va chạm bằng cách giới hạn công suất hệ thống điện.

## Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường Tr.697

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe bạn có nguy cơ vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.

## Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp

Tr.707

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh* Tr.644

Tự động thiết lập giới hạn tốc độ mà hệ thống nhận dạng biển báo giao thông phát hiện. Và đảm bảo tốc độ giới hạn không vượt quá mức quy định ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga. Nếu bạn nhấn hết cỡ bàn đạp ga, tốc độ giới hạn có thể vượt quá.

## Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) Tr.729

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng xúc giác, âm thanh và hình ảnh nếu xe bị phát hiện lệch khỏi làn đường.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

## Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường Tr.742

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sử dụng camera được gắn vào phía trên của kính chắn gió để phát hiện và giám sát các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng (hoặc màu vàng).
Dựa trên hình ảnh từ camera chụp được, hệ thống tác động mô-men xoắn lên hệ thống lái để giữ xe của bạn đi ở giữa làn đường được phát hiện.

## Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* Tr.751

Đưa ra thông báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

## Hệ thống nhận diện biển báo giao thông* Tr.756

Nhắc nhở bạn về thông tin biển báo đường bộ, chẳng hạn như xe của bạn đang vượt quá biển báo giới hạn tốc độ và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

## Đèn pha thích ứng tự động Tr.269

Camera cảm biến trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe bạn như đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần hoặc đèn đường.
Khi bạn lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng điều kiện.

## Hệ thống thông tin điểm mù* Tr.665

Khi hệ thống phát hiện các phương tiện đang đến gần từ phía sau ở các làn đường bên cạnh, đèn báo tương ứng sẽ sáng nhằm hỗ trợ khi bạn chuyển làn đường.

## Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường* Tr.785

Hệ thống sử dụng cảm biến ra-đa giúp bạn quan sát khu vực góc phía sau khi lùi xe và cảnh báo cho bạn nếu phát hiện có xe đang đi đến từ góc phía sau.
Hệ thống này rất thuận tiện, đặc biệt là khi bạn lùi ra khỏi chỗ đỗ xe.

## Hệ thống cảm biến đỗ Tr.779

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/ thông tin giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

## Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái Tr.173, 202

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

# Bảo dưỡng Tr.811

## Dưới nắp ca-pô Tr.829

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bổ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh.
- Kiểm tra tình trạng ắc-quy hàng tháng.

1. Kéo lẫy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.

2. Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, đẩy cần sang bên, sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.

3. Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

## Lưỡi gạt nước Tr.845

- Khi nâng cần gạt nước phía trước, di chuyển cần đến vị trí bảo dưỡng trước khi nâng cần lên.
- Thay lưỡi gạt nếu lưỡi gạt để lại vệt trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.

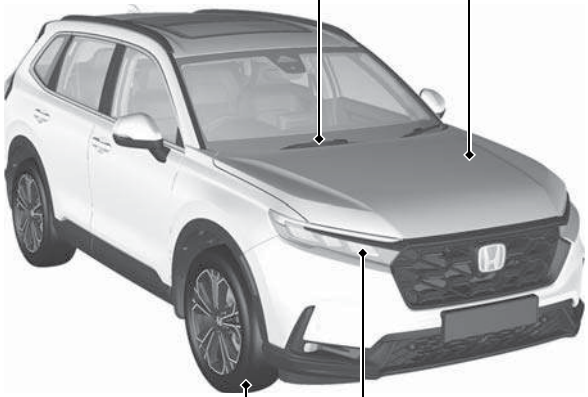

## Lốp xe Tr.849

- Kiểm tra lốp và vành xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

## Đèn Tr.842

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 873

## Xẹp lốp Tr. 875

Loại xe có dụng cụ vá lốp

- Đỗ xe ở nơi an toàn và vá lốp xẹp bằng dụng cụ vá lốp trong khoang hành lý.

Loại xe có lốp dự phòng

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lấy lốp dự phòng trong khoang hành lý để thay cho lốp bị xẹp.

## Đèn báo sáng Tr. 913

- Nhận diện đèn báo và tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.

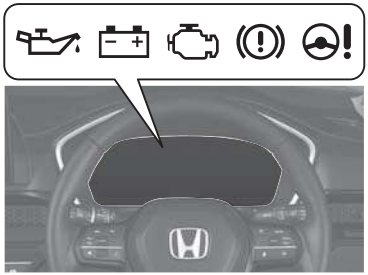

## Động cơ không khởi động Tr. 900

- Nếu ắc quy chết, mồi khởi động bằng ắc quy tăng cường.

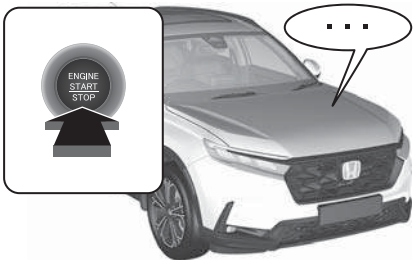


## Cháy cầu chì Tr. 920

- Kiểm tra xem cầu chì có bị cháy hay không nếu có một thiết bị điện không hoạt động.

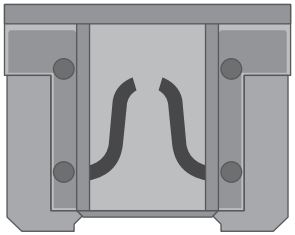

## Quá nhiệt Tr. 911

- Đỗ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.

## Kéo xe khẩn cấp Tr. 928

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

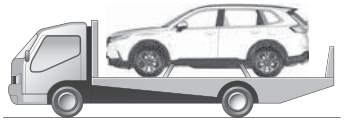

# Làm gì nếu

**Q** **Không thay đổi được chế độ nguồn từ TẮT MÁY (KHÓA) sang PHỤ KIỆN. Tại sao?**

**A**
- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng sang trái và sang phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.

**Q** **Không thay đổi được chế độ nguồn từ PHỤ KIỆN sang TẮT MÁY (KHÓA). Tại sao?**

**A** Cần số phải được gạt đến P.

**Q** **Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?**

**A** Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ một cách chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

**Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)** Tr.774

**Q** **Không mở được cửa sau từ bên trong xe. Tại sao?**

**A** Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa.
Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.

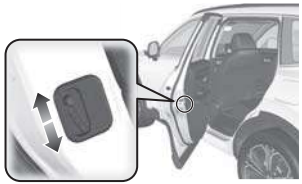

**Q** **Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?**

**A** Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

**Q** **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?**

**A** Tiếng bíp vang lên khi:
- Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Loại xe có Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời
- Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

**Q** **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe sau khi đóng cửa?**

**A** Tiếng bíp vang lên nếu bạn di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.
➔ **Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** Tr.226

**Q** **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?**

**A** Tiếng bíp vang lên khi người lái và/hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn.

**Q** **Ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhả phanh đỗ. Tại sao?**

**A** Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh.

---

**Q** Loại xe có Hệ thống TPMS/cảnh báo xẹp lốp

**Tôi thấy đèn báo lốp màu hổ phách có dấu chấm than. Đó là gì?**

**A** Loại xe tại Đài Loan

Cần chú ý đến Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS). Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.

➡ **Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)** ➡ Tr.656

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan, Malaysia

Cần chú ý đến Hệ thống cảnh báo xẹp lốp. Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.

➡ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*** ➡ Tr.659

---

**Q** **Nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả. Tại sao?**

**A**
- Thắt dây đai an toàn người lái.
- Kiểm tra xem hộp số có ở [P] hoặc [N] không. Nếu có, chọn số khác.

---

**Q** **Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?**

**A** Có thể cần thay má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

---



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Singapore

**Q** **Nên sử dụng xăng không chì với chỉ số Octan (RON) từ 95 trở lên.**
**Có thể sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan (RON) từ 92 trở xuống cho loại xe này không?**

**A** Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 92 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe tại Pakistan

**Q** **Có thể sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan (RON) từ 91 trở lên cho loại xe này không?**

**A** Xăng không chì EURO V/5 có chỉ số Octan 91 trở lên là loại xăng dành cho xe của bạn.
Dùng xăng không chì loại thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng loại thông thường trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.

# Lái xe an toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.


**Lái xe an toàn**
- Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng ..... 42
- Thông tin xử lý quan trọng ..... 44
- Tính năng an toàn của xe ..... 45
- Danh mục kiểm tra an toàn ..... 46

**Dây đai an toàn**
- Dây đai an toàn của xe ..... 47
- Thắt dây đai an toàn ..... 53
- Kiểm tra dây đai an toàn ..... 59
- Điểm neo ..... 60

**Túi khí**
- Thành phần hệ thống túi khí ..... 62
- Loại túi khí ..... 64
- Túi khí trước (SRS) ..... 64
- Túi khí đầu gối ..... 67
- Túi khí trung tâm* ..... 71
- Túi khí bên ..... 73
- Túi khí rèm bên ..... 76
- Đèn báo Hệ thống túi khí ..... 78
- Kiểm tra và thay thế túi khí ..... 79

**Hệ thống phanh sau va chạm**
- Về Hệ thống phanh sau va chạm ..... 80

**An toàn cho trẻ**
- Bảo vệ an toàn cho trẻ ..... 81
- An toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ ..... 84
- An toàn cho trẻ lớn ..... 130

**Khí xả nguy hiểm**
- Khí CO ..... 133

**Nhãn an toàn**
- Vị trí nhãn ..... 134


* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

## Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng

**■ Luôn thắt dây đai an toàn**

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

**■ Giữ cố định an toàn cho mọi trẻ em**

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế an toàn trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

**■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí**

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, nhưng cũng có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong cho người ngồi quá gần túi khí, hoặc không thắt dây đai an toàn đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

**■ Không lái xe khi đã uống bia rượu**

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kị. Chỉ cần uống một lượng nhỏ bia rượu cũng có thể làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi xung quanh và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó, khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không nên để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

**■ Tập trung lái xe để đảm bảo an toàn**

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến việc khác.

**■ Kiểm soát tốc độ**

Lái xe quá nhanh là nguyên nhân chính gây thương tích và tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi lái ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa cho phép là bao nhiêu.

**■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn**

Tình trạng xe bị xẹp lốp hoặc bị trục trặc kỹ thuật có thể rất nguy hiểm.
Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

**■ Không để trẻ em ngồi một mình trên xe**

Trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này cũng có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ trong xe có thể tăng lên rất cao, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều hoà không khí đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều hoà không khí có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

# Thông tin xử lý quan trọng

Xe của bạn có khoảng sáng gầm xe cao hơn xe khách, loại xe vốn được thiết kế để chạy trên đường dải nhựa. Khoảng sáng gầm xe cao có nhiều tiện dụng khi lái trên địa hình ngoài đường nhựa, cho phép bạn lái qua các đoạn đường mấp mô, có vật cản, và địa hình gồ ghề. Khoảng sáng gầm xe cao cũng giúp bạn có tầm nhìn rõ hơn nên bạn có thể lường trước sự cố sớm hơn.

Những tiện dụng này cũng có nhược điểm. Vì xe bạn cao hơn và có khoảng sáng gầm xe lớn hơn nên trọng tâm cũng cao hơn làm xe dễ bị lật hoặc lộn vòng nếu bạn rẽ đột ngột. Những xe có nhiều tiện ích có tỷ lệ bị lộn vòng cao hơn các loại xe khác. Khi xe bị lộn vòng, người không thắt dây đai an toàn có khả năng tử vong cao hơn so với người thắt. Hãy luôn lưu ý để đảm bảo bạn và các hành khách luôn thắt dây đai an toàn.

Thông tin xử lý quan trọng

Để biết thông tin về cách giảm thiểu nguy cơ xe bị lộn vòng, hãy đọc phần:

➡ **Biện pháp phòng ngừa khi lái xe** Tr. 617
➡ **Hướng dẫn lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa** Tr. 609

Không vận hành xe đúng cách có thể gây va chạm hoặc làm xe bị lộn vòng.

Ở nhiều quốc gia, luật pháp cấm lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa, ví dụ như lái xe trong rừng, mở đường mòn, v.v. Vui lòng kiểm tra luật và quy định tại địa phương trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa nào.

# Tính năng an toàn của xe

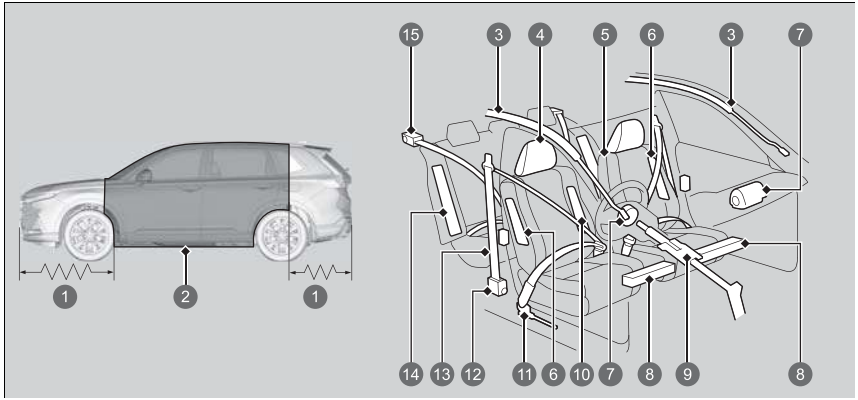


❶ Vùng hấp thụ xung lực
❷ Bộ khung an toàn
❸ Túi khí rèm bên
❹ Tựa đầu
❺ Ghế và lưng ghế
❻ Túi khí bên phía trước
❼ Túi khí trước
❽ Túi khí đầu gối
❾ Trụ lái có thể gập lại
❿ Túi khí trung tâm*
⓫ Bộ căng dây đai an toàn hông phía ngoài
⓬ Bộ căng dây đai an toàn ghế trước
⓭ Dây đai an toàn
⓮ Túi khí bên hàng ghế thứ hai*
⓯ Bộ căng dây đai an toàn ghế sau*

Danh mục kiểm tra an toàn sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

## Tính năng an toàn của xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ khung thép chắc chắn tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ xung lực phía trước và phía sau, vô lăng gật gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài* nếu xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Danh mục kiểm tra an toàn

Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.
  ➔ **Ghế ngồi** Tr. 283
- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.
  ➔ **Điều chỉnh tựa đầu ghế trước** Tr. 297
- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.
  ➔ **Thắt dây đai an toàn** Tr. 53
- Bảo vệ trẻ em bằng dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.
  ➔ **An toàn cho trẻ** Tr. 81

## Danh mục kiểm tra an toàn

Thông báo cửa và/hoặc cửa hậu mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái cho biết cửa và/hoặc cửa hậu không đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu cho đến khi thông báo biến mất.

## Dây đai an toàn của xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất, giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn sẵn có của xe. Dây đai giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn trong hầu hết các tình huống va chạm, bao gồm:
- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- lộn vòng

Dây đai an toàn của xe

**⚠CẢNH BÁO**

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

**CẢNH BÁO:** Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

**CẢNH BÁO:** Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Thắt lỏng dây đai an toàn sẽ làm giảm đáng kể khả năng bảo vệ cho người sử dụng.

**CẢNH BÁO:** Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

**CẢNH BÁO:** Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người, việc vòng dây đai an toàn ngang qua trẻ nhỏ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ rất nguy hiểm.

*Còn nữa*

### ■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả năm hoặc bảy vị trí ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai với bộ phận tự động khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn cử động thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi có va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước.

➲ **Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em bằng Dây đai an toàn Hông/Vai** Tr. 122

Dây đai an toàn của xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nới ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị chấn thương nặng.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

**■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách**

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thõng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn để tránh bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người để tránh bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp các phụ kiện giúp bạn thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

*Còn nữa*

## ■ Nhắc thắt dây đai an toàn

### ■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng. Nếu người lái hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng duy trì.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy nếu bạn lái xe mà không thắt dây đai an toàn.

### Nhắc thắt dây đai an toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, hãy kiểm tra xem:

- Có vật nặng nào trên ghế hành khách trước không.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn chưa.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể có sự cố với cảm biến nhận biết người ngồi. Hãy kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

❶ Thắt dây đai an toàn
❷ Không thắt dây đai an toàn

❶ Thắt dây đai an toàn
❷ Không thắt dây đai an toàn

## ■ Ghế sau

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau.

Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ thông báo cho bạn biết trạng thái sử dụng của dây đai an toàn ghế sau.

Thông báo hiển thị khi:
- Hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Có hành khách ngồi ghế sau thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi xe đang chạy.



*Còn nữa*

## ■ Bộ căng dây đai an toàn tự động

Các ghế trước và hai ghế ngoài cùng ở hàng thứ hai* được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để tăng cường an toàn.

Bộ căng dây sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn của ghế trước và dây an toàn của hai ghế ngoài cùng ở hàng ghế thứ hai* trong trường hợp va chạm trực diện từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng, đôi khi ngay cả khi va chạm không đủ mạnh để kích hoạt túi khí phía trước hoặc túi khí đầu gối phía trước.

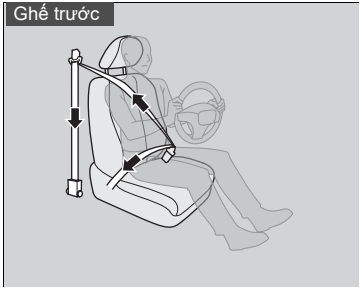

Bộ căng dây đai an toàn tự động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất.
Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy mang xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì hệ thống này có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Thắt dây đai an toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, trong khi ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế (xem hình minh họa để ngồi đúng tư thế):

➔ **Ghế ngồi** Tr. 283

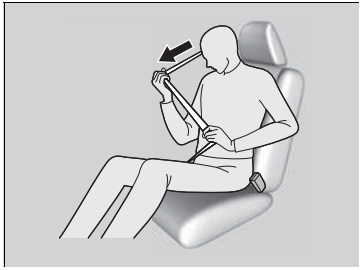

**1.** Kéo dây đai an toàn ra từ từ.

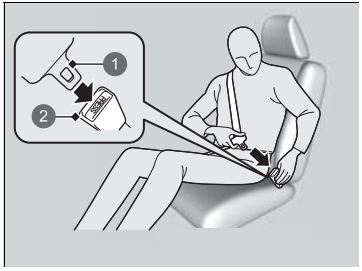


**2.** Gài đầu chốt vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

▶ Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

❶ Đầu chốt
❷ Khóa

**Thắt dây đai an toàn**

Không để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.
Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai.
Nếu bạn không thể nhả dây đai an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy mang xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

➔ **Dây đai an toàn của xe** Tr. 47
➔ **Kiểm tra dây đai an toàn** Tr. 59



*Còn nữa*

3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn (xem hình), sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị chấn thương bên trong.
4. Nếu cần thiết, kéo dây đai lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem dây đai có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Làm như vậy có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương chắc khỏe nhất của nửa phần trên cơ thể.

Thắt dây đai an toàn

**⚠CẢNH BÁO**

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.
Khi ra khỏi xe, đảm bảo thu gọn dây đai an toàn để dây đai không bị mắc vào cửa khi đóng.

Không được cho bất kỳ vật lạ nào vào trong khóa hoặc cơ cấu rút dây đai an toàn.

## ■ Điều chỉnh móc neo vai

Các ghế trước và hàng ghế thứ hai có điểm neo vai điều chỉnh được để phù hợp với người ngồi cao và thấp.

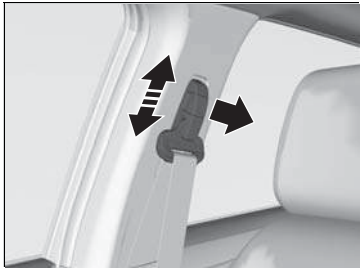

1. Di chuyển móc neo lên và xuống đồng thời kéo móc neo vai ra ngoài.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

**»Điều chỉnh móc neo vai**

Sau khi điều chỉnh, hãy cố định vị trí móc neo vai.

Có thể điều chỉnh độ cao móc neo vai theo bốn mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

*Còn nữa*

## ■ Dây đai an toàn có móc neo có thể tháo*

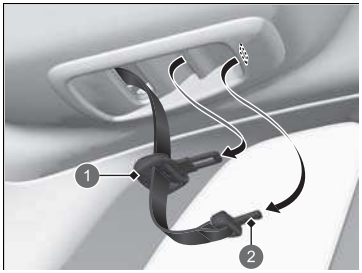


❶ Đầu chốt
❷ Đầu chốt nhỏ

**1.** Kéo đầu chốt nhỏ và đầu chốt của dây đai an toàn từ mỗi lỗ giữ trên trần.

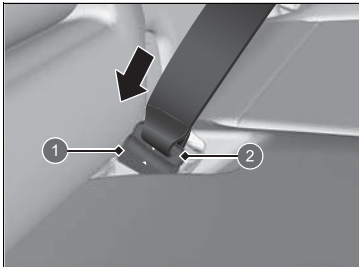


❶ Khóa móc neo
❷ Đầu chốt nhỏ

**2.** Căn thẳng các dấu hình tam giác trên đầu chốt nhỏ và khóa móc neo.
Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn.
Gắn dây đai vào khóa móc neo.

Dây đai an toàn có móc neo có thể tháo*

### ⚠CẢNH BÁO

Dùng dây đai an toàn mà không khóa móc neo có thể tháo sẽ làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Trước khi dùng dây đai an toàn, đảm bảo móc neo có thể tháo đã được khóa đúng cách.

Để mở khóa móc neo có thể tháo, hãy gài đầu chốt vào lỗ ở sườn của khóa móc neo.

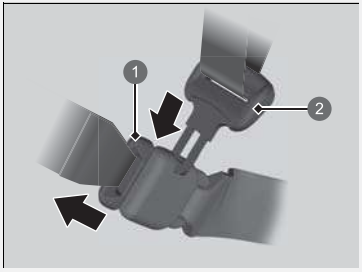


❶ Đầu chốt nhỏ
❷ Đầu chốt

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

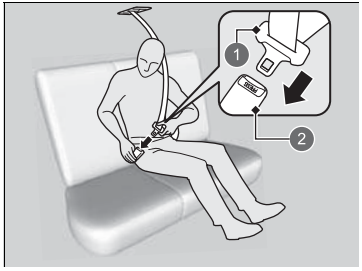


❶ Đầu chốt
❷ Khóa

**3.** Gài đầu chốt vào trong khóa. Thắt dây đai an toàn đúng cách giống như thắt dây đai an toàn hông/vai.

## Dây đai an toàn có móc neo có thể tháo*

Loại xe tại Đài Loan

Khi thắt dây đai an toàn ở ghế giữa, dây an toàn nên được luồn qua thanh ngang.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Lời khuyên cho phụ nữ mang thai

**Lời khuyên:**

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi thắt dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt. (Xem hình.)

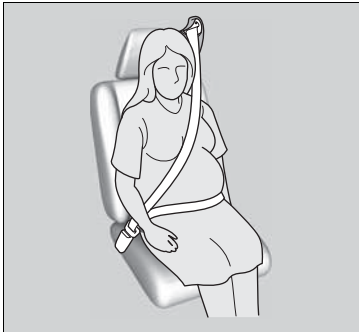

Lời khuyên cho phụ nữ mang thai

Mỗi lần đi kiểm tra sức khoẻ, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng khi bung túi khí trước, hãy làm theo các hướng dẫn sau:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

# Kiểm tra dây đai an toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị sờn, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
  ► Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng thuốc tẩy hoặc dung môi tẩy rửa. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi dây đai rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt.
Dây đai an toàn đã bị mòn khi xảy ra va chạm sẽ không còn đảm bảo hiệu quả bảo vệ trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

Kiểm tra dây đai an toàn

**⚠CẢNH BÁO**

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

**CẢNH BÁO:** Không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

**CẢNH BÁO:** Phải thay cả bộ dây đai an toàn đã bị mòn sau khi xảy ra va chạm nghiêm trọng, hoặc ngay cả khi không thấy rõ hư hỏng trên bộ dây đai.

**CẢNH BÁO:** Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc-quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu dây đai bị sờn, bị bẩn hoặc bị hỏng.

# Điểm neo



Ghế trước

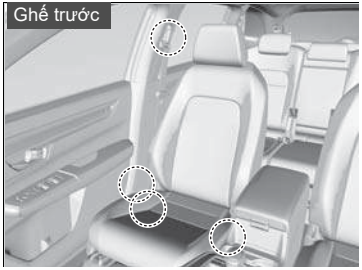

Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm neo như hình vẽ.
Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.

Ghế sau*

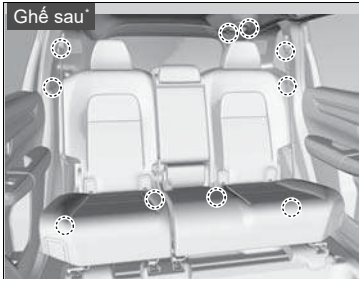

Loại xe năm chỗ ngồi

Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.

Hàng ghế thứ hai*

Loại xe bảy chỗ ngồi

Hàng ghế thứ hai có ba dây đai an toàn hông/vai.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

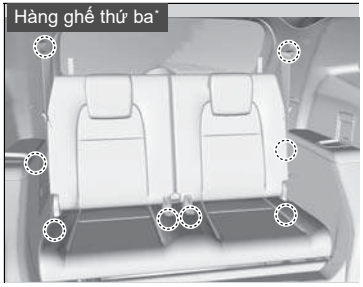


Loại xe bảy chỗ ngồi

Hàng ghế thứ ba có hai dây đai an toàn hông/vai.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Thành phần hệ thống túi khí

Túi khí phía trước, túi khí đầu gối người lái, túi khí đầu gối hành khách phía trước, túi khí bên phía trước, túi khí bên hàng ghế thứ hai*, túi khí trung tâm phía trước* và túi khí rèm bên được bung ra tùy theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) bao gồm túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng; túi khí phía hành khách trước được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

- Hai túi khí đầu gối. Túi khí đầu gối người lái được cất dưới trụ lái; túi khí đầu gối hành khách phía trước được cất dưới hộc đựng đồ.
  Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

- Bốn túi khí bên. Một túi khí cho người lái, một cho hành khách phía trước và hai cho vị trí ngồi ngoài cùng hàng ghế thứ hai*.
  Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế.
  Tất cả đều được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

- Hai túi khí rèm bên, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Một túi khí trung tâm. Túi khí được đặt ở giữa bên hông lưng ghế người lái.
  Túi khí được đánh dấu **CENTER AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến ghế ngồi và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác về xe. Khi xảy ra va chạm, bộ điều khiển này sẽ ghi lại những thông tin đó.

- Bộ căng dây đai an toàn cho ghế trước và hai ghế ngoài cùng hàng ghế thứ hai*.

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc hai bên.

- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo bạn nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Cảm biến áp suất có thể phát hiện va chạm bên hông từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Thông tin quan trọng về túi khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải bung với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí có thể gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

**Bạn cần phải làm gì:** Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn có thể kiểm soát hoàn toàn phương tiện. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm mạnh, ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí được bung ra.

**Không được để vật cứng hoặc sắc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước.** Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước bung ra.

**Không được gắn hoặc đặt vật gì lên nắp túi khí phía trước, túi khí đầu gối người lái và túi khí đầu gối hành khách phía trước.** Bất kỳ vật gì đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động của túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí bung ra.

Thông tin quan trọng về túi khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực bung của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

# Loại túi khí

Xe của bạn được trang bị năm loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước ghế người lái và ghế hành khách trước.
- **Túi khí đầu gối:** Túi khí dưới trụ lái và dưới hộc đựng đồ.
- **Túi khí trung tâm***: Túi khí ở giữa bên hông ghế người lái.
- **Túi khí bên:** Túi khí ở lưng ghế người lái, hành khách phía trước và hành khách ngoài cùng hàng ghế thứ hai*.
- **Túi khí rèm bên:** Các túi khí ở phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Loại túi khí

Túi khí có thể bung bất cứ khi nào chế độ nguồn ở BẬT.

Sau khi túi khí bung ra khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một lượng khói nhỏ. Đây thực chất là một loại bột vô hại tạo ra do quá trình đốt cháy vật liệu làm phồng túi khí. Những người có vấn đề về hô hấp có thể cảm thấy khó chịu một chút. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

# Túi khí trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ phần đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách trước.

**SRS** (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Các dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ chính.

## ■ Vị trí đựng

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và đặt trong bảng táp-lô là dành cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Hoạt động

Túi khí trước sẽ bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển, và bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ bung ra.

Va chạm từ phía trước có thể xảy ra vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

## ■ Cách hoạt động của túi khí trước

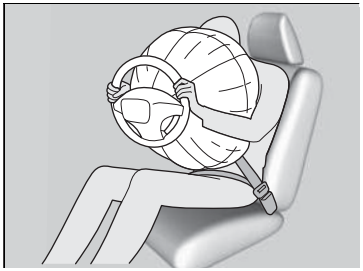

Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.
Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí bung ra và xẹp đi nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã bung cho đến lúc thấy túi khí nằm ngay trước mặt.

*Còn nữa*

**■ Túi khí trước không bung ra khi**

**Va chạm nhẹ từ phía trước:** Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

**Va chạm bên:** Túi khí trước có thể bảo vệ bạn khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách trước nhào về phía trước. Túi khí bên và túi khí rèm bên được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ chấn thương khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

**Va chạm phía sau:** Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để hỗ trợ trong trường hợp va chạm này.

**Xe bị lộn vòng:** Dây đai an toàn và các túi khí rèm bên mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước mang lại hiệu quả bảo vệ thấp nên không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

**■ Túi khí trước bung khi xảy ra va chạm làm xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng**

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe giảm tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào khung xe hoặc hệ thống treo của xe có thể làm một hoặc nhiều túi khí bung ra. Ví dụ khi gầm xe va vào lề đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định thấp khác có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm dưới gầm xe nên có thể không thấy rõ hư hỏng.

**■ Túi khí trước không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài**

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không bung bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

# Túi khí đầu gối

Túi khí SRS bảo vệ đầu gối sẽ bung ra trong trường hợp va chạm trực diện từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng để giúp giữ người lái và/hoặc hành khách phía trước ở đúng vị trí và giúp tối đa hóa lợi ích do các tính năng an toàn khác của xe mang lại.

**SRS** (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ không phải thay thế cho dây đai an toàn. Các dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ chính.

## ■ Vị trí đựng

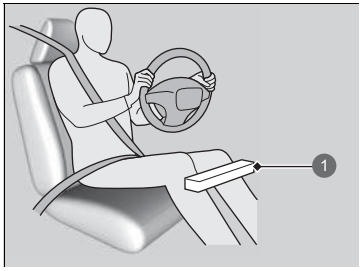


❶ Vị trí túi khí đầu gối người lái

Túi khí đầu gối cho người lái và túi khí đầu gối cho hành khách phía trước được đặt lần lượt dưới trụ lái và hộc đựng đồ.

Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

**»Túi khí đầu gối**

Không được gắn các phụ kiện lên hoặc gần túi khí đầu gối vì có thể cản trở hoạt động bình thường của túi khí, hoặc thậm chí gây thương tích cho người khác nếu túi khí bung ra.

Người lái và hành khách phía trước không nên để bất kỳ vật dụng nào dưới ghế hoặc phía sau chân. Những vật dụng này có thể cản trở việc bung túi khí đúng cách trong trường hợp va chạm trực diện từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng và có thể dẫn đến việc bảo vệ không đầy đủ.



*Còn nữa*

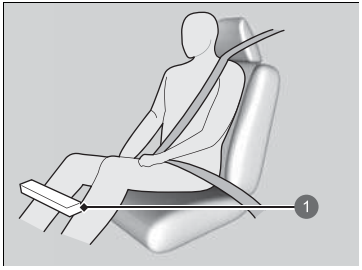


❶ Vị trí túi khí đầu gối hành khách

## ■ Hoạt động

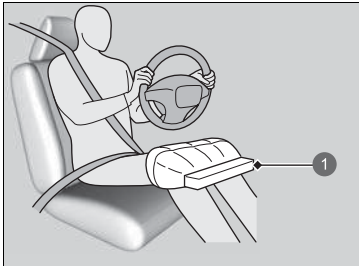


❶ Túi khí đầu gối người lái bung ra

Túi khí đầu gối người lái và hành khách phía trước bung ra cùng lúc với túi khí người lái và hành khách phía trước.

Ngay cả khi va chạm không đủ nghiêm trọng để kích hoạt túi khí phía trước, túi khí đầu gối vẫn có thể tự bung ra.

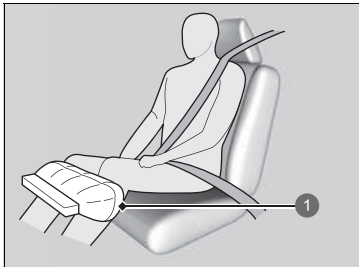


❶ Túi khí đầu gối hành khách bung ra



*Còn nữa*

**■ Khi túi khí đầu gối bung ra mà không có hoặc có rất ít hư hại rõ ràng**

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe giảm tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào khung xe hoặc hệ thống treo của xe có thể làm một hoặc nhiều túi khí bung ra.

Ví dụ như đâm vào lề đường, mép hố hoặc các vật thể cố định thấp khác gây ra hiện tượng giảm tốc đột ngột ở khung gầm xe. Vì va chạm dưới gầm xe nên có thể không thấy rõ hư hỏng.

**■ Khi túi khí đầu gối có thể không bung ra, ngay cả khi hư hại bên ngoài có vẻ nghiêm trọng**

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không bung bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

# Túi khí trung tâm*

Túi khí trung tâm được thiết kế để giúp bảo vệ đầu của người lái và hành khách phía trước trong trường hợp va chạm bên hông từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng.

## ■ Vị trí đặt túi khí

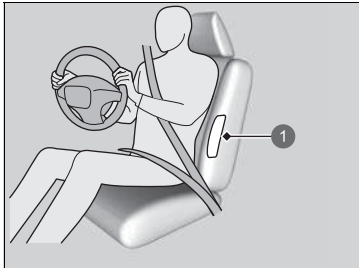


Túi khí trung tâm được đặt ở giữa bên hông lưng ghế người lái.

Túi khí được đánh dấu **CENTER AIRBAG**.

❶ Vị trí túi khí trung tâm

## ■ Hoạt động

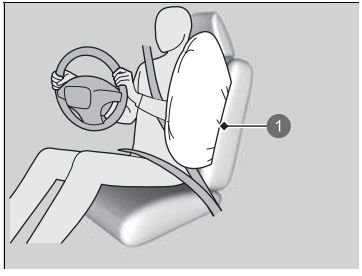


Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên hông ở mức độ vừa phải đến nghiêm trọng, bộ điều khiển sẽ ra tín hiệu kích hoạt túi khí trung tâm.

❶ Túi khí trung tâm

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

### Túi khí trung tâm*

Hãy đảm bảo bạn và bất kỳ hành khách nào ngồi ở ghế trước luôn ngồi thẳng lưng. Nghiêng người vào hướng bung của túi khí trung tâm có thể khiến túi khí không bung ra đúng cách và làm tăng nguy cơ bị thương nghiêm trọng của bạn.

Không gắn phụ kiện lên hoặc gần túi khí trung tâm. Việc này có thể cản trở hoạt động bình thường của túi khí, hoặc gây thương tích cho người khác nếu túi khí bung ra.

Không mở nắp hộp đựng đồ trung tâm khi đang lái xe.

Không che hoặc thay thế vỏ bọc lưng ghế lái mà không tham khảo ý kiến của đại lý.
Việc thay thế hoặc che phủ vỏ bọc lưng ghế lái không đúng cách có thể ngăn túi khí trung tâm bung ra đúng cách trong trường hợp va chạm bên hông.

*Còn nữa*

**■ Khi túi khí trung tâm bung ra với hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng**

Vì hệ thống túi khí nhận biết được khi xe tăng tốc đột ngột, một va chạm mạnh vào khung xe bên hông có thể khiến túi khí trung tâm bung ra. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhẹ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến va chạm bên đã phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để làm bung túi khí.

**■ Khi túi khí trung tâm có thể không bung ra, ngay cả khi hư hại nhìn thấy được có vẻ nghiêm trọng**

Có thể xảy ra trường hợp túi khí trung tâm không bung ra trong một vụ va chạm gây ra hư hại rõ ràng nghiêm trọng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp, túi khí trung tâm sẽ không cần thiết và cũng không cung cấp sự bảo vệ ngay cả khi bung ra.

# Túi khí bên

Túi khí bên giúp bảo vệ phần thân và xương chậu của người lái, hành khách phía trước hoặc người ngồi ở ghế ngoài cùng hàng thứ hai* trong một vụ va chạm bên hông ở mức độ vừa phải đến nghiêm trọng.

## ■ Vị trí đựng

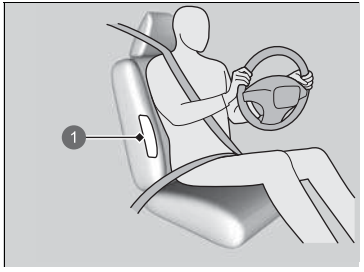


Túi khí bên được đặt ở mép ngoài của lưng ghế người lái, hành khách và hành khách ngoài cùng hàng thứ hai*.

Các túi khí được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

❶ Vị trí túi khí bên

Loại xe có túi khí bên hông hàng ghế thứ hai

❶ Vị trí túi khí bên

**Túi khí bên**

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gần túi khí bên. Việc này có thể cản trở túi khí hoạt động, hoặc làm ai đó bị thương khi túi khí bung.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Hoạt động

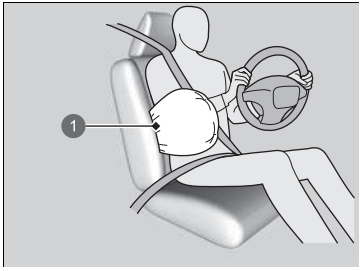


❶ Túi khí bên bung ra

Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để bung ra ngay lập tức.

Loại xe có túi khí bên hông hàng ghế thứ hai

❶ Túi khí bên bung ra

### Túi khí bên

Không được bọc hoặc thay thế vỏ bọc lưng ghế trước và hàng ghế thứ hai* mà không tham khảo ý kiến đại lý.
Việc thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ bọc lưng ghế trước và hàng ghế thứ hai* có thể ngăn túi khí bên bung ra đúng cách trong trường hợp va chạm bên hông.

Không để hành khách phía trước và phía sau dựa nghiêng sang một bên với phần đầu nghiêng về hướng bung ra của túi khí bên. Túi khí bên bung có thể bật ra lực rất mạnh và làm hành khách bị chấn thương nặng.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Việc bung túi khí bên được điều khiển bởi một cảm biến áp suất bên trong mỗi cửa trước. Hư hỏng hoặc thay đổi bên trong hoặc bên ngoài cửa có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc bung túi khí bên. Liên hệ với đại lý Honda ủy quyền trước khi thay đổi hoặc sửa chữa cửa trước.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ Khi túi khí bên bung và xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng**

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm túi khí bên bung ra. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhẹ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến va chạm bên đã phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để làm bung túi khí.

**■ Khi túi khí bên không bung ra, ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng**

Túi khí bên có thể không bung ra khi xảy ra va chạm gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

# Túi khí rèm bên

Túi khí rèm bên giúp bảo vệ đầu của người lái và hành khách ở vị trí ngồi ngoài cùng trong trường hợp va chạm bên hông từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng.



## ■ Vị trí đựng

Loại xe năm chỗ ngồi

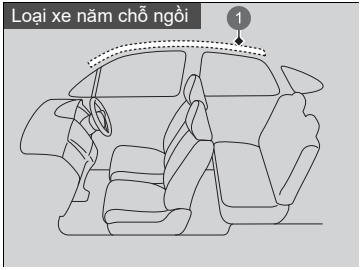


Túi khí rèm bên được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính bên ở hai bên của xe.

❶ Vị trí túi khí rèm bên

Loại xe bảy chỗ ngồi

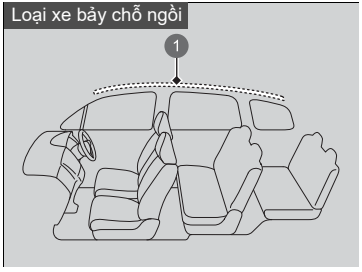


❶ Vị trí túi khí rèm bên

Túi khí rèm bên

Túi khí rèm bên có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa vào lưng ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc trụ đỡ nóc xe vì việc đó có thể làm cho túi khí rèm bên hoạt động không tốt.

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo để tránh bị thương nếu túi khí rèm bên bung ra.

## ■ Hoạt động

Loại xe năm chỗ ngồi

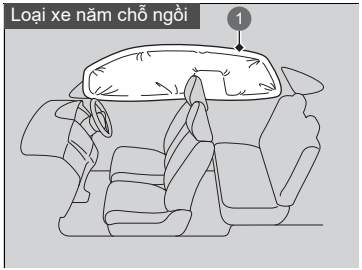


Túi khí rèm bên được thiết kế để bung ra khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

❶ Túi khí rèm bên bung ra

Loại xe bảy chỗ ngồi

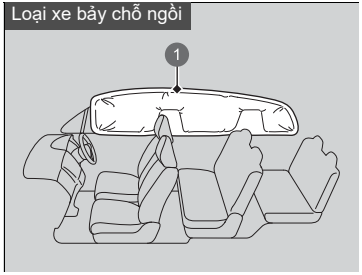


❶ Túi khí rèm bên bung ra

**■ Túi khí rèm bên bung khi có va chạm từ phía trước**

Một hoặc cả hai túi khí rèm bên có thể bung ra trong trường hợp va chạm góc xe phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

# Đèn báo Hệ thống túi khí

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



## ■ Đèn báo Hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS)

**■ Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT**

Đèn báo sáng trong vài giây sau đó tắt. Điều này cho biết hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

Đèn báo Hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS)

**⚠CẢNH BÁO**

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo bạn có thể xảy ra sự cố.

# Kiểm tra và thay thế túi khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn nên mang xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

**■ Sau khi túi khí bung**

Sau khi túi khí bung, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, phải thay bộ căng dây đai an toàn tự động sau khi bộ này được kích hoạt.

**■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh**

Ngay cả khi túi khí không bung ra, hãy nhờ đại lý kiểm tra những điều sau: bộ căng dây đai an toàn cho ghế trước và ghế ngoài cùng hàng ghế thứ hai* và từng dây an toàn đã được sử dụng trong vụ va chạm.

**Kiểm tra và thay thế túi khí**

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động, hoặc sau khi túi khí bung/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, hãy yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Về Hệ thống phanh sau va chạm

Khi hệ thống túi khí được kích hoạt sau khi phát hiện va chạm, hệ thống này đồng thời phanh và hạn chế lực đẩy để giảm thiểu thiệt hại do va chạm thứ cấp.



## ■ Điều kiện kích hoạt

Hệ thống phanh sau va chạm được kích hoạt khi hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn tự động được kích hoạt do va chạm trực diện hoặc va chạm bên hông.
Tuy nhiên, hệ thống sẽ không kích hoạt nếu các bộ phận của hệ thống bị hư hỏng.

## ■ Điều kiện để hủy

Sau khi Hệ thống phanh sau va chạm được kích hoạt, hệ thống sẽ bị hủy bỏ nếu một trong hai điều kiện sau được đáp ứng.

- Xe dừng lại.
- Bạn nhấn bàn đạp ga sau khi đã nhả ra.

Hệ thống phanh sau va chạm

Hệ thống này có thể không giảm thiểu được thiệt hại do va chạm thứ cấp trong mọi trường hợp. Hiệu quả của hệ thống phụ thuộc vào hoàn cảnh của va chạm.

Khi xảy ra va chạm, hãy quan sát xung quanh và điều khiển xe cẩn thận để đỗ xe ở nơi an toàn.

Khi hệ thống kích hoạt, động cơ có thể tự động dừng.
Khởi động lại động cơ bằng thao tác bình thường nếu động cơ dừng.

**Khởi động động cơ** Tr. 611

## Bảo vệ an toàn cho trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi bởi vì không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

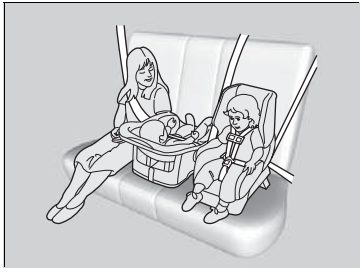

Trẻ em phải ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau vì những lý do sau:

- Túi khí trước bung có thể gây chấn thương hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

Tấm che nắng hành khách phía trước

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

**⚠CẢNH BÁO**

KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị CHẤN THƯƠNG NẶNG hoặc TỬ VONG.

Loại xe tại Đài Loan

Còn nữa

- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ trẻ khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ để tránh dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn để tránh bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, trẻ phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế an toàn trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

**⚠CẢNH BÁO**

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, trẻ cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế an toàn trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, cần sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở ghế hành khách bất kỳ. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em theo Quy định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại.

➔ **Chọn Hệ thống ghế an toàn trẻ em** Tr. 87

- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng vì nhiệt độ trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho xe di chuyển.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

**CẢNH BÁO:** Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để ngăn trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm cho trẻ hoặc làm cho người lái mất tập trung.

**Mở/Đóng cửa kính điện** Tr. 249

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách. Hãy đọc và tuân theo các hướng dẫn trên nhãn này.

**Nhãn an toàn** Tr. 134

# An toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ



## ■ Bảo vệ trẻ sơ sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

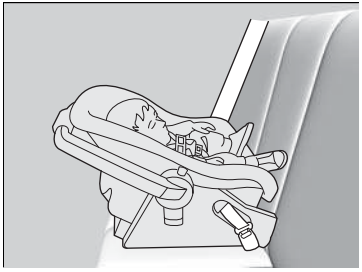

### ■ Lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế an toàn trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- ▶ Bạn nên lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- ▶ Đảm bảo hệ thống ghế an toàn trẻ em và ghế phía trước không sát nhau. Nếu không, bạn có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

Bảo vệ trẻ sơ sinh

**⚠CẢNH BÁO**

Đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Luôn đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Khi hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không thể ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

**Bảo vệ trẻ sơ sinh**

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Không lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí ghế quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em trước khi lắp đặt.

Túi khí trước phía hành khách bung ra có thể va vào hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị chấn thương nặng.



*Còn nữa*

## ■ Bảo vệ trẻ nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước.

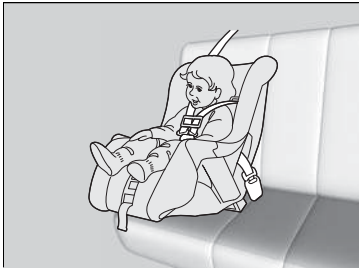

### ■ Lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

Bảo vệ trẻ nhỏ

**⚠CẢNH BÁO**

Đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước bung ra.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy dịch chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế an toàn trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em.

## ■ Chọn Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Một số hệ thống ghế an toàn trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một số hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế an toàn trẻ em hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em cũng như hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Đối với các ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt trên cùng để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế an toàn trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em khuyến nghị bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế an toàn trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

### ■ Lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế an toàn trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế an toàn trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế an toàn trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế an toàn trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế an toàn trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em theo Quy định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên vỏ hộp.

Chọn Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em tương thích với xe có móc neo phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế an toàn trẻ em tương thích với móc neo phía dưới đã được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

Chúng tôi khuyến nghị sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em ISOFIX chính hãng của Honda, hướng về phía sau hoặc phía trước, tương ứng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ. Hãy tham khảo đại lý.

*Còn nữa*

## ■ Tiêu chuẩn Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng các Quy định của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo hệ thống ghế an toàn trẻ em tương thích với xe của bạn, với trẻ và đáp ứng các Quy định của Liên Hợp Quốc.

Chọn Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 44 của Liên Hợp Quốc

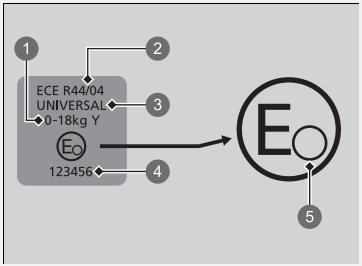


1. “Nhóm khối lượng”
2. Số quy định
3. Loại
4. Số phê duyệt
5. Mã quốc gia

## Chọn Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 129 của Liên Hợp Quốc

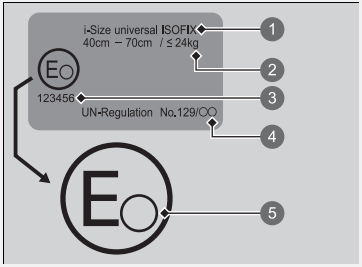


❶ Loại
❷ Chỉ định kích thước và cân nặng
❸ Số phê duyệt
❹ Số quy định
❺ Mã quốc gia

*Còn nữa*

Loại xe tại Châu Đại Dương

Loại xe năm chỗ ngồi



## ■ Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

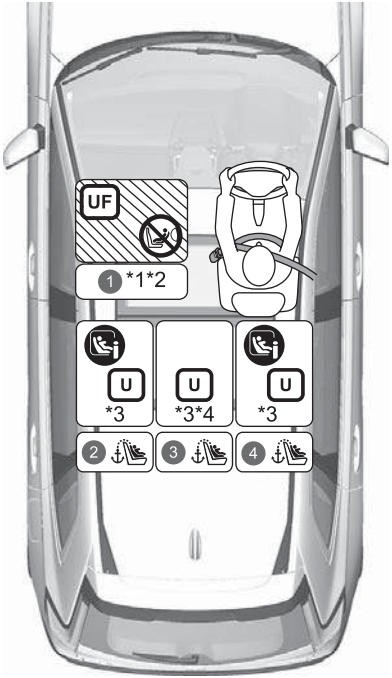


| | |
|---|---|
| U | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| UF | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX. |
| | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước. |
| | Không được sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau. |
| | Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng. |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size.



*Còn nữa*

## Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

| | Vị trí ghế và Số vị trí ghế | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhóm<br>Cân nặng<br>Chiều cao | | ❶ | ❷ | ❸ | ❹ |
| | | | Hành khách phía trước[*1] | Hàng ghế thứ 2[*3] | | |
| | | | | Trái | Trung tâm[*4] | Phải |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | Có | Có | Có |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | Có[*2] | Có | Có | Có |
| | Nhóm II | 15-25kg | | | | |
| | Nhóm III | 22-36kg | | | | |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không) | ≤ 150cm | | Không | Có | Không | Có |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng | Tham khảo danh sách CRS chính hãng | | Không | Không | Không | Không |
| Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2) | — | | Không | Không | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | R3 | Không | R3 |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | | | | |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3) | Nhóm I | 9-18kg | Không | F3 | Không | F3 |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3) | ≤ 150cm | | B3 | B3 | B3 | B3 |

### Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Khi mua hệ thống ghế an toàn trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

| Đồ gá (CRF) | Mô tả |
|---|---|
| ISO/L1 | Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nôi) |
| ISO/L2 | Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nôi) |
| ISO/R1 | Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau |
| ISO/R2X | Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp |
| ISO/R2 | Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp |
| ISO/R3 | Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ tiêu chuẩn |
| ISO/F2X | Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp |
| ISO/F2 | Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp |
| ISO/F3 | Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước loại cao |
| ISO/B2 | Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn |
| ISO/B3 | Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau. Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ có thể được lắp đặt ở vị trí ghế ngồi mà hệ thống i-Size không thể lắp đặt.



*Còn nữa*

Loại xe tại Châu Đại Dương

Loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

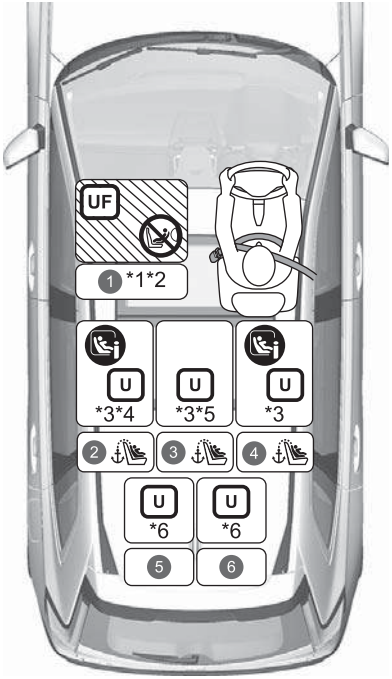


| | |
|---|---|
| U | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| UF | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX. |
| | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước. |
| | Không được sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau. |
| | Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng. |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn ISOFIX cho trẻ em vào ghế sau bên trái, dây an đai toàn ở giữa sẽ không thể sử dụng được.
*5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*6: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía trước và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu vẫn gây cản trở cho hàng ghế thứ hai, hãy gập tựa lưng ghế xuống.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ có thể được lắp đặt ở vị trí ghế ngồi mà hệ thống i-Size không thể lắp đặt. Tuy nhiên, không bao gồm hàng ghế thứ 3.



*Còn nữa*

## Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

| | Vị trí ghế và Số vị trí ghế | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhóm<br>Cân nặng<br>Chiều cao | | ❶ | ❷ | ❸ | ❹ | ❺ | ❻ |
| | | | Hành khách phía trước[*1] | Hàng ghế thứ 2[*3] | | | Hàng ghế thứ 3[*6] | |
| | | | | Trái[*4] | Trung tâm[*5] | Phải | Trái | Phải |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | Có | Có | Có | Có | Có |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | Có[*2] | Có | Có | Có | Có | Có |
| | Nhóm II | 15-25kg | | | | | | |
| | Nhóm III | 22-36kg | | | | | | |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không) | ≤ 150cm | | Không | Có | Không | Có | Không | Không |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng | Tham khảo danh sách CRS chính hãng | | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2) | — | | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | R3 | Không | R3 | Không | Không |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | | | | | | |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3) | Nhóm I | 9-18kg | Không | F3 | Không | F3 | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3) | ≤ 150cm | | B3 | B3 | Không | B3 | B3 | B3 |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau. Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn ISOFIX cho trẻ em vào ghế sau bên trái, dây an đai toàn ở giữa sẽ không thể sử dụng được.
*5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*6: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía trước và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu vẫn gây cản trở cho hàng ghế thứ hai, hãy gập tựa lưng ghế xuống.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ có thể được lắp đặt ở vị trí ghế ngồi mà hệ thống i-Size không thể lắp đặt. Tuy nhiên, không bao gồm hàng ghế thứ 3.



*Còn nữa*

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi, Trung Đông, châu Đại Dương và Đài Loan

Loại xe năm chỗ ngồi

## ■ Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

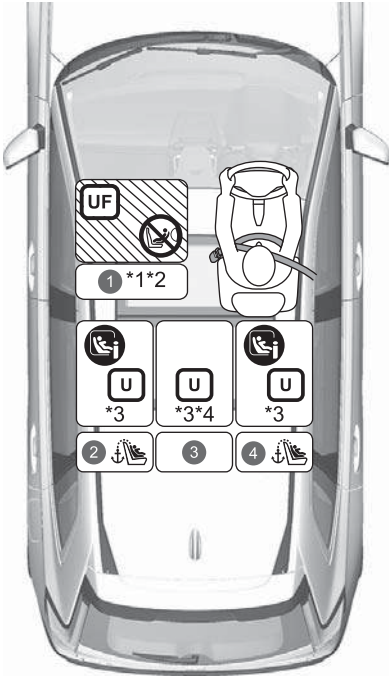


| | |
|---|---|
| U | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| UF | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX. |
| | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước. |
| | Không được sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau. |
| | Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng. |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sự cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size.



*Còn nữa*

## Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

| | Vị trí ghế và Số vị trí ghế | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhóm<br>Cân nặng<br>Chiều cao | | ❶ | ❷ | ❸ | ❹ |
| | | | Hành khách phía trước[*1] | Hàng ghế thứ 2[*3] | | |
| | | | | Trái | Trung tâm[*4] | Phải |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | Có | Có | Có |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | Có[*2] | Có | Có | Có |
| | Nhóm II | 15-25kg | | | | |
| | Nhóm III | 22-36kg | | | | |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không) | ≤ 150cm | | Không | Có | Không | Có |
| Vị trí ngồi phù hợp với CRS[*5] chính hãng được khuyến nghị | Tham khảo danh sách CRS chính hãng | | Không | Có | Không | Có |
| Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2) | — | | Không | Không | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | R3 | Không | R3 |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | | | | |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3) | Nhóm I | 9-18kg | Không | F3 | Không | F3 |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3) | ≤ 150cm | | B3 | B3 | B3 | B3 |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau. Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*5: Hệ thống ghế an toàn trẻ em (CRS) nêu trên được Honda khuyên dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyên dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.

  Ngoại trừ các loại xe tại Malaysia

  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.

Tất cả các loại xe

- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size.



*Còn nữa*

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi, Trung Đông, châu Đại Dương và Đài Loan

Loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

Loại vô lăng bên trái

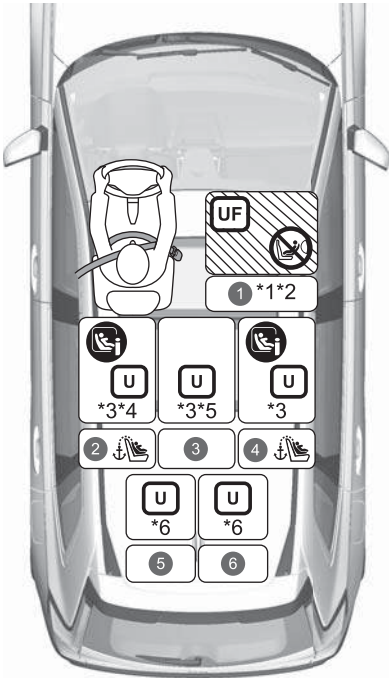


Loại vô lăng bên phải

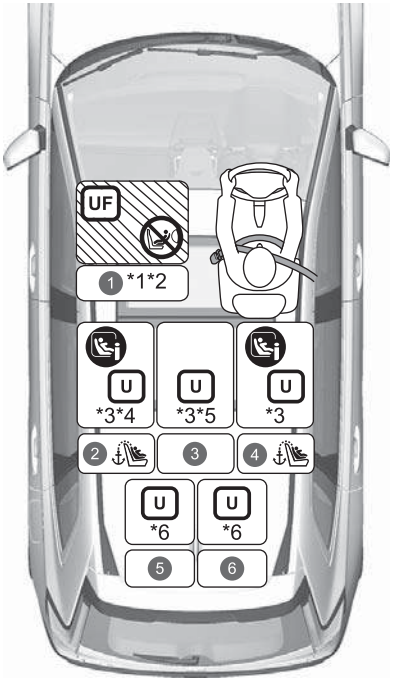


| | |
|---|---|
| U | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| UF | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX. |
| | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước. |
| | Không được sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau. |
| | Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng. |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn ISOFIX cho trẻ em vào ghế sau bên trái, dây an đai toàn ở giữa sẽ không thể sử dụng được.
*5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*6: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía trước và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu vẫn gây cản trở cho hàng ghế thứ hai, hãy gập tựa lưng ghế xuống.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sự cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size. Tuy nhiên, không bao gồm hàng ghế thứ 3.



*Còn nữa*

## Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

| | Vị trí ghế và Số vị trí ghế | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhóm<br>Cân nặng<br>Chiều cao | | ❶ | ❷ | ❸ | ❹ | ❺ | ❻ |
| | | | Hành khách phía trước[*1] | Hàng ghế thứ 2[*3] | | | Hàng ghế thứ 3[*6] | |
| | | | | Trái[*4] | Trung tâm[*5] | Phải | Trái | Phải |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | Có | Có | Có | Có | Có |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | Có[*2] | Có | Có | Có | Có | Có |
| | Nhóm II | 15-25kg | | | | | | |
| | Nhóm III | 22-36kg | | | | | | |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không) | ≤ 150cm | | Không | Có | Không | Có | Không | Không |
| Vị trí ngồi phù hợp với CRS[*7] chính hãng được khuyến nghị. | Tham khảo danh sách CRS chính hãng | | Không | Có | Không | Có | Không | Không |
| Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2) | — | | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | R3 | Không | R3 | Không | Không |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | | | | | | |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3) | Nhóm I | 9-18kg | Không | F3 | Không | F3 | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3) | ≤ 150cm | | B3 | B3 | Không | B3 | B3 | B3 |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau. Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn ISOFIX cho trẻ em vào ghế sau bên trái, dây an đai toàn ở giữa sẽ không thể sử dụng được.
*5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*6: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía trước và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu vẫn gây cản trở cho hàng ghế thứ hai, hãy gập tựa lưng ghế xuống.
*7: Hệ thống ghế an toàn trẻ em (CRS) nêu trên được Honda khuyên dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyên dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size. Tuy nhiên, không bao gồm hàng ghế thứ 3.

*Còn nữa*

Loại xe tại Châu Phi và Trung Đông

## ■ Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

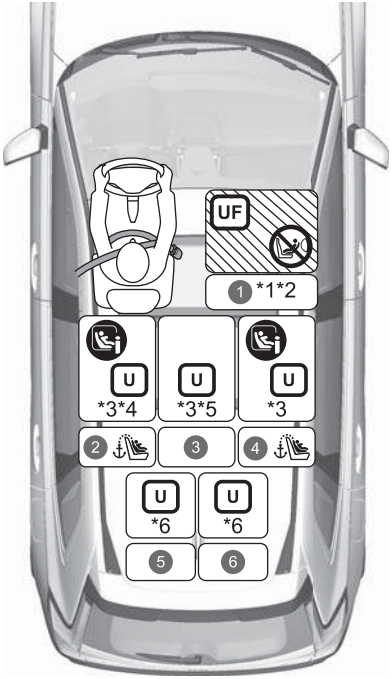


| | |
|---|---|
| U | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| UF | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX. |
| | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước. |
| | Không được sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau. |
| | Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng. |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn ISOFIX cho trẻ em vào ghế sau bên trái, dây an đai toàn ở giữa sẽ không thể sử dụng được.
*5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*6: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía trước và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu vẫn gây cản trở cho hàng ghế thứ hai, hãy gập tựa lưng ghế xuống.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size. Tuy nhiên, không bao gồm hàng ghế thứ 3.



*Còn nữa*

## Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

| | Vị trí ghế và Số vị trí ghế | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhóm Cân nặng Chiều cao | | ❶ | ❷ | ❸ | ❹ | ❺ | ❻ |
| | | | Hành khách phía trước[*1] | Hàng ghế thứ 2[*3] | | | Hàng ghế thứ 3[*6] | |
| | | | | Trái[*4] | Trung tâm[*5] | Phải | Trái | Phải |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | Có | Có | Có | Có | Có |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | Có[*2] | Có | Có | Có | Có | Có |
| | Nhóm II | 15-25kg | | | | | | |
| | Nhóm III | 22-36kg | | | | | | |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không) | ≤ 150cm | | Không | Có | Không | Có | Không | Không |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng | Tham khảo danh sách CRS chính hãng | | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2) | — | | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Không | R3 | Không | R3 | Không | Không |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | | | | | | |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3) | Nhóm I | 9-18kg | Không | F3 | Không | F3 | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3) | ≤ 150cm | | B3 | B3 | Không | B3 | B3 | B3 |

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau. Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
*2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
*3: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn ISOFIX cho trẻ em vào ghế sau bên trái, dây an đai toàn ở giữa sẽ không thể sử dụng được.
*5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*6: Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn cho trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía trước và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu vẫn gây cản trở cho hàng ghế thứ hai, hãy gập tựa lưng ghế xuống.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size. Tuy nhiên, không bao gồm hàng ghế thứ 3.



*Còn nữa*

Loại xe tại Đài Loan

## ■ Vị trí lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em

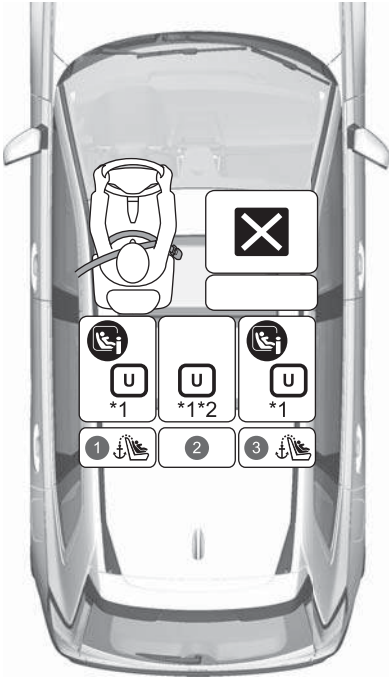


| | |
|---|---|
| U | Thích hợp cho loại hệ thống ghế an toàn trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe. |
| i | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX. |
| | Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng. |
| | Không được sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em. |

*1: Điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*2: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size.



*Còn nữa*

## Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

| | Nhóm<br>Cân nặng<br>Chiều cao | | ❶ | ❷ | ❸ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hàng ghế thứ 2[*1] | | |
| | | | Trái | Trung tâm[*2] | Phải |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0 | Đến 10kg | Có | Có | Có |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | Có | Có | Có |
| | Nhóm II | 15-25kg | | | |
| | Nhóm III | 22-36kg | | | |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không) | ≤ 150cm | | Có | Không | Có |
| Vị trí ngồi phù hợp với CRS[*3] chính hãng được khuyến nghị. | Tham khảo danh sách CRS chính hãng | | Có | Có | Có |
| Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2) | — | | Không | Không | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3) | Nhóm 0 | Đến 10kg | R3 | Không | R3 |
| | Nhóm 0+ | Đến 13kg | | | |
| | Nhóm I | 9-18kg | | | |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3) | Nhóm I | 9-18kg | F3 | Không | F3 |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3) | ≤ 150cm | | B3 | B3 | B3 |

*1: Điều chỉnh thanh trượt hàng ghế thứ 2 hết cỡ về phía sau.
*2: Nếu bạn lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em vào ghế giữa phía sau, có thể khiến dây đai an toàn bên trái không sử dụng được.
*3: Hệ thống ghế an toàn trẻ em (CRS) nêu trên được Honda khuyên dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyên dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

- Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
  Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
- Nếu bạn không thể cố định hệ thống ghế nâng an toàn trẻ em một cách chắc chắn, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với lưng ghế nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo dây an toàn vai.
- Có thể lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ ở vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size.



*Còn nữa*

## ■ Danh sách CRS chính hãng

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi, Trung Đông, châu Đại Dương và Đài Loan

**UN R129**

| Phạm vi chiều cao | Hệ thống ghế an toàn trẻ em | Loại |
|---|---|---|
| Dưới 100 cm | Honda Baby & Kids i-Size | i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau) |
| Trên 71 cm và 15 tháng đến 100 cm | Honda Baby & Kids i-Size | i-Size Universal ISOFIX |

Loại xe tại Đài Loan

**CNS11497**

| Nhóm khối lượng | Hệ thống ghế an toàn trẻ em | Loại |
|---|---|---|
| Nhóm 0 đến 10kg | - | - |
| Nhóm 0+ đến 13 kg | Joie Arc360 (C1416) | Semi-universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau) |
| Nhóm I 9kg đến 18kg | Joie Arc360 (C1416) | Semi-universal ISOFIX |
| Nhóm II, III 15 kg đến 36 kg | Honda KIDFIX*1 | Universal Semi-universal |

*1: Nâng điểm neo vai lên vị trí cao nhất khi hệ thống ghế an toàn trẻ em được đặt ở vị trí ghế ngoài cùng phía sau.

## ■ Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em có móc neo phía dưới

Có thể lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em tương thích với điểm neo thấp hơn ở một trong hai ghế ngoài cùng của hàng ghế thứ hai. Hệ thống ghế an toàn trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm (xem hình minh họa).

❶ Dấu

**1.** Tìm các điểm neo thấp hơn bên dưới tấm che.
**2.** Di chuyển ghế hết cỡ về phía sau.

Loại xe năm chỗ ngồi

**3.** Tháo các nắp đậy móc neo có đánh dấu* để lộ các móc neo thấp hơn.

Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em có móc neo phía dưới

### ⚠CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế an toàn trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó sẽ không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế an toàn trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế an toàn trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp vào các móc neo phía dưới như hình minh họa.

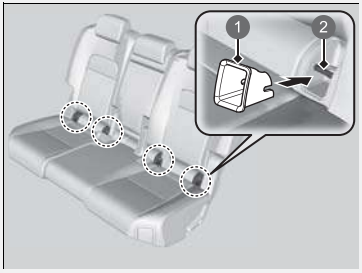


❶ Hộp dẫn hướng
❷ Móc neo phía dưới

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

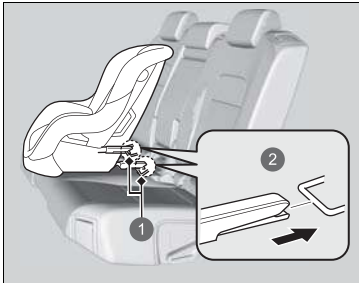


❶ Móc neo phía dưới
❷ Loại móc cứng

**4.** Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế an toàn trên xe, sau đó lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► Khi lắp hệ thống ghế an toàn trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai an toàn hoặc bất kỳ vật gì khác.

► Lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em sao cho khoảng cách giữa hệ thống ghế an toàn và lưng ghế càng nhỏ càng tốt.

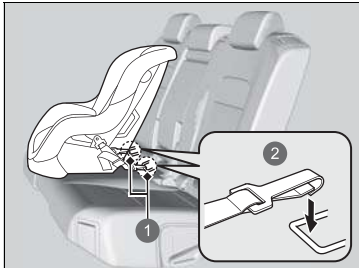


❶ Móc neo phía dưới
❷ Loại móc mềm



*Còn nữa*

Loại xe năm chỗ ngồi

❶ Biểu tượng điểm neo dây thắt trên cùng

Loại xe bảy chỗ ngồi

❶ Biểu tượng điểm neo dây thắt trên cùng

## Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em có móc neo phía dưới

**CẢNH BÁO:** Không được sử dụng móc không có Biểu tượng điểm neo dây thắt trên cùng để cố định hệ thống ghế an toàn trẻ em đã lắp đặt.

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, hãy đảm bảo hệ thống ghế an toàn trẻ em được cố định chắc chắn trên xe.
Hệ thống ghế an toàn trẻ em không được cố định đúng cách sẽ không bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ trong trường hợp va chạm và có thể gây thương tích cho trẻ em hoặc những người ngồi trong xe khác.

Loại mềm có thể không có sẵn tại quốc gia của bạn.

Loại xe năm chỗ ngồi
Loại dây thắt trên cùng thẳng

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

Loại xe năm chỗ ngồi
Loại dây thắt trên cùng khác

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

Hệ thống ghế an toàn trẻ em có dây cố định

**5.** Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.
▶ Thu gọn tấm che khoang hành lý*.
➡ **Tấm che khoang hành lý*** Tr. 315

**6.** Luồn dây cố định qua hai chân của tựa đầu.
Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

**7.** Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.

**8.** Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em.

**9.** Để kiểm tra hệ thống ghế an toàn trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.

**10.** Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

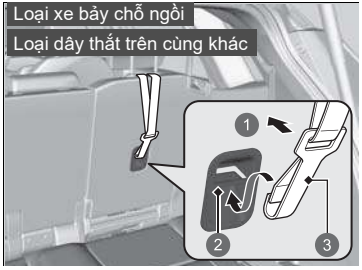


❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

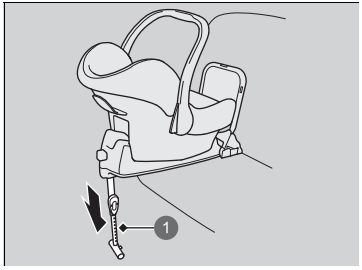


❶ Chân đỡ

Hệ thống ghế an toàn trẻ em có chân đỡ

**5.** Duỗi chân đỡ ra cho đến khi chạm sàn như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em.
- ▶ Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được. Nếu vậy, hãy di chuyển ghế về phía trước hoặc phía sau sao cho chân đỡ tựa vào một phần bằng phẳng.
- ▶ Hãy đảm bảo rằng chân đỡ không tựa vào thanh trượt hoặc tấm che.
- ▶ Đảm bảo hệ thống ghế an toàn trẻ em và ghế phía trước không sát nhau.

**6.** Để kiểm tra hệ thống ghế an toàn trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.



*Còn nữa*

## ■ Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em bằng Dây đai an toàn Hông/Vai

Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em trên hàng ghế thứ hai

**1.** Di chuyển hàng ghế thứ hai hết cỡ về phía sau.

Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em trên hàng ghế thứ ba*

**1.** Di chuyển hàng ghế thứ hai hết cỡ về phía trước.

Quy trình thông thường

**2.** Đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em lên ghế ngồi trên xe.

**3.** Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế an toàn trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.

▶ Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

**»Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em bằng Dây đai an toàn Hông/Vai**

Hệ thống ghế an toàn trẻ em không được cố định đúng cách sẽ không bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ trong trường hợp va chạm và có thể gây thương tích cho trẻ em hoặc những người ngồi trong xe khác.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

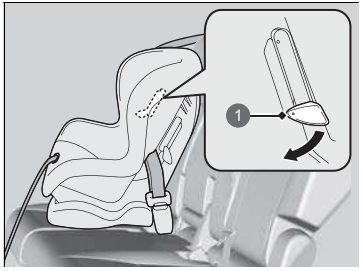


❶ Vấu

**4.** Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe ở cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

**5.** Giữ phần vai của dây đai gần đầu khóa và kéo lên để phần hông của dây đai hết chùng.

▶ Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế an toàn trẻ em và đẩy ghế vào trong ghế xe.

**6.** Đặt dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

▶ Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần vai phía trên của dây đai để dây đai hết chùng.

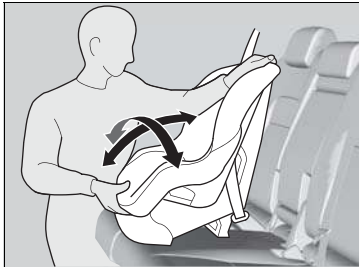

**7.** Để kiểm tra hệ thống ghế an toàn trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.

**8.** Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.



*Còn nữa*

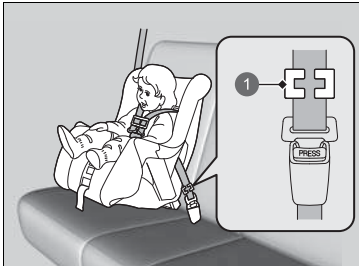


❶ Kẹp khóa

Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

Sau khi thực hiện các bước 1-3, kéo phần dây đai an toàn qua vai lên và đảm bảo không có độ chùng ở phần dây đai an toàn ngang hông.

**4.** Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.

**5.** Lắp kẹp khóa như hình minh họa. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.

**6.** Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 7 và 8.

## ■ Tăng thêm độ an toàn bằng dây thắt

Loại xe năm chỗ ngồi

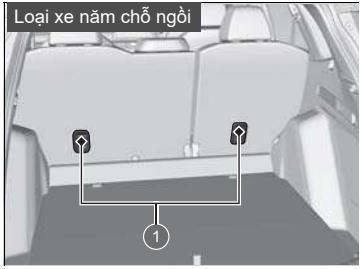


❶ Điểm neo dây thắt

Loại xe bảy chỗ ngồi

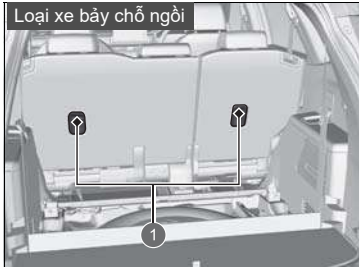


❶ Điểm neo dây thắt

Điểm neo dây thắt được bố trí phía sau mỗi vị trí ghế ngoài cùng của hàng ghế thứ hai và trên trần xe cho vị trí ghế giữa hàng ghế thứ hai*.

Nếu hệ thống ghế an toàn trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định ghế và sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

Tăng thêm độ an toàn bằng dây thắt

**CẢNH BÁO:** Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng móc neo làm dây đai an toàn cho người lớn, làm dây buộc hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía trước cho dù có dùng hay không dùng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

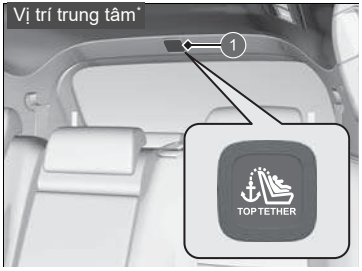


❶ Điểm neo dây thắt

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

■ **Sử dụng neo ngoài**

**1.** Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.
► Thu gọn tấm che khoang hành lý*.
➔ **Tấm che khoang hành lý*** Tr. 315

**2.** Luồn dây cố định qua hai chân của tựa đầu.
Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

**3.** Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

**4.** Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em.



*Còn nữa*

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Đầu móc dây cố định

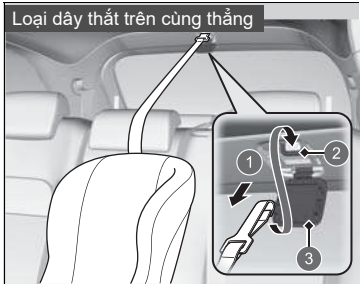


❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Nắp đậy móc neo

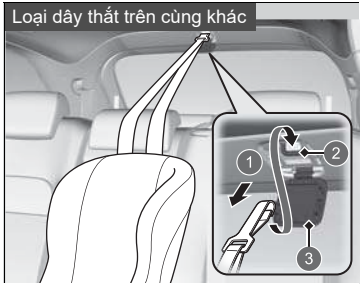


❶ Phía trước xe
❷ Móc neo
❸ Nắp đậy móc neo

■ **Sử dụng móc neo trung tâm***

**1.** Hạ tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.
**2.** Mở nắp đậy móc neo.
**3.** Luồn dây cố định qua phần tựa đầu. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
**4.** Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.
**5.** Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn trẻ em.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# An toàn cho trẻ lớn



## ■ Bảo vệ trẻ lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, cách sử dụng ghế lót đặc biệt cho trẻ khi cần và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

## ■ Kiểm tra độ phù hợp của dây đai an toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế an toàn trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:

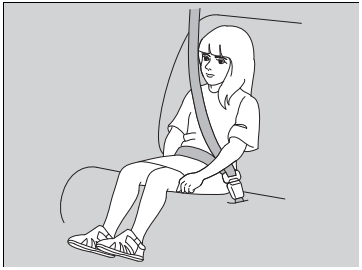

**■ Danh mục kiểm tra**

- Đầu gối của trẻ có gập thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có vắt ngang qua giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và có chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

An toàn cho trẻ lớn

**⚠CẢNH BÁO**

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm trẻ bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

## ■ Ghế lót đặc biệt

Nếu trẻ chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai đúng cách, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót đặc biệt không.

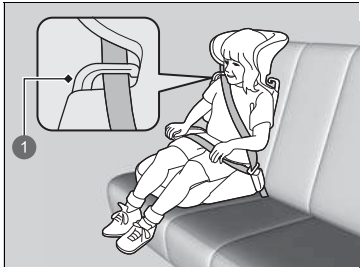


Phần tựa lưng được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp tựa lưng vào ghế lót đặc biệt và điều chỉnh cho vừa ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luồn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm và vắt ngang qua cổ của trẻ.

❶ Dẫn hướng

**»Ghế lót đặc biệt**

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn.
Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn loại ghế lót có thể thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.



*Còn nữa*

## ■ Bảo vệ an toàn cho trẻ lớn - Kiểm tra cuối

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để trẻ được bảo vệ hiệu quả. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Ngả ghế hành khách trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem dây đai an toàn đã được thắt đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

**■ Giám sát trẻ em**

Bạn nên để mắt đến trẻ khi có trẻ trên xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

## Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất khí không màu, không mùi và có độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không lọt vào trong xe.

**■ Kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:**
- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà cửa hậu đang mở, luồng khí có thể lùa khí thải vào trong xe và gây nguy hiểm. Nếu bạn buộc phải mở cửa hậu khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống điều hoà không khí như sau.

**1.** Chọn chế độ lấy gió ngoài.
**2.** Chọn chế độ .
**3.** Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
**4.** Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống điều hoà không khí giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đã đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

Khí CO

**⚠CẢNH BÁO**

Khí CO là khí độc.

Hít phải khí CO có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

Khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.
Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

## Vị trí nhãn

Các nhãn này nằm ở các vị trí như hình minh họa. Các nhãn cảnh báo bạn về những nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn.

Nếu có nhãn nào bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



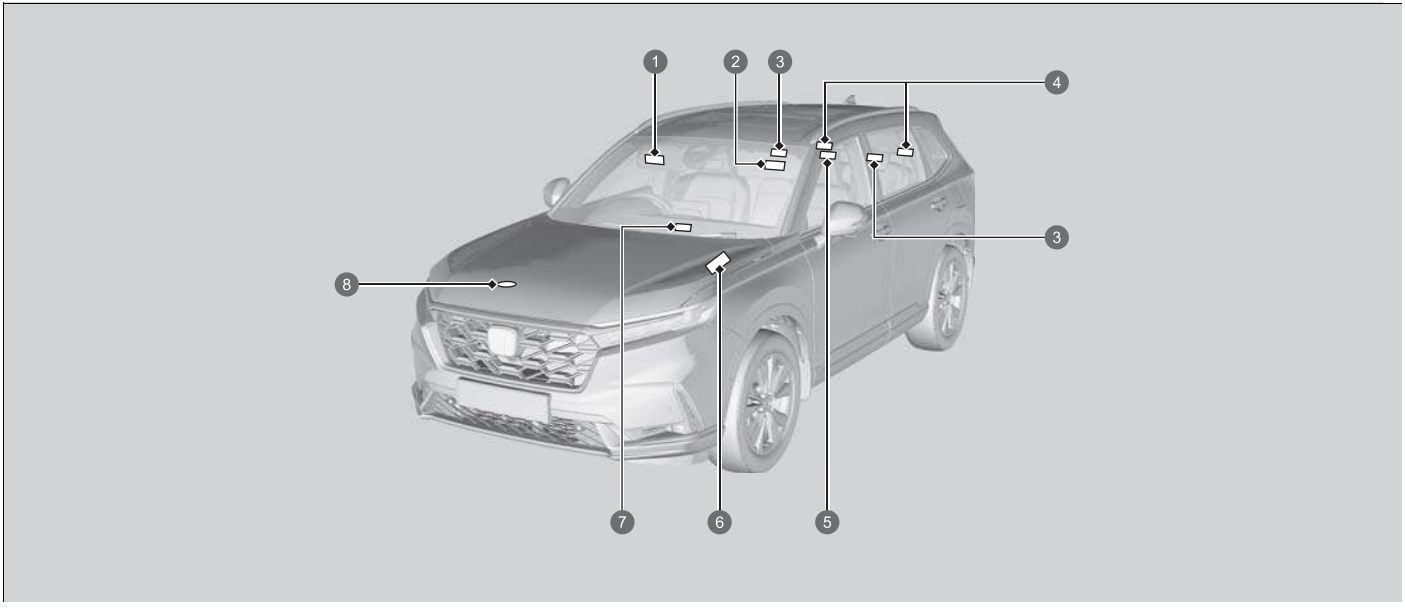


1. Bảo vệ an toàn cho hành khách trẻ em (Loại vô lăng bên trái) ➔ Tr. 81
2. Bảo vệ an toàn cho hành khách trẻ em (Loại vô lăng bên phải) ➔ Tr. 81
3. Tựa đầu ghế bên ngoài hàng ghế thứ hai* ➔ Tr. 299
4. Tựa đầu hàng ghế thứ ba* ➔ Tr. 299
5. Tựa đầu ghế giữa hàng ghế thứ hai ➔ Tr. 299
6. Ắc-quy*
7. Bộ sạc không dây* ➔ Tr. 319
8. Nắp két nước ➔ Tr. 838



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Bảng điều khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

**Đèn báo** ..... 136
**Đồng hồ đo và màn hình hiển thị**
Đồng hồ đo ..... 160
Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A) ..... 165
Vùng bên trái Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B) ....191
Vùng bên phải Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B) ....194
Màn hình hiển thị trên kính chắn gió* .212

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào tình trạng của xe. Các thông báo có thể hiển thị đồng thời trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy làm theo thông báo hướng dẫn, chẳng hạn như liên hệ với đại lý.



| | | |
|---|---|---|
| *1 | Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (Màu đỏ) | → Tr. 138 |
| *1 | Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (Màu hổ phách) | → Tr. 140 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống giữ phanh tự động | → Tr. 140 |
| *1 | Đèn báo giữ phanh tự động | → Tr. 140 |
| *1 | Đèn báo sự cố | → Tr. 141 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống nạp điện | → Tr. 141 |
| | Đèn báo vị trí số | → Tr. 141 |
| | Đèn báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp) / Đèn báo số* | → Tr. 141 |

| | | |
|---|---|---|
| | Đèn báo Hệ thống truyền động | → Tr. 141 |
| | Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn | → Tr. 142 |
| | Đèn báo nhiên liệu thấp (Màu hổ phách) | → Tr. 142 |
| *1 | Đèn báo nhiệt độ thấp* | → Tr. 143 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống chống bó cứng phanh (**ABS**) | → Tr. 143 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống bảo vệ phụ trợ | → Tr. 143 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) | → Tr. 143 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) | → Tr. 144 |
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT** | → Tr. 144 |

Loại xe tại Đài Loan

| | | |
|---|---|---|
| *1 | Đèn báo áp suất lốp thấp/ TPMS | → Tr. 145 |

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

| | | |
|---|---|---|
| *1 | Đèn báo Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/ Xẹp lốp* | → Tr. 146 |
| | Đèn xi nhan và đèn cảnh báo nguy hiểm | → Tr. 147 |
| | Đèn báo đèn bật | → Tr. 147 |
| | Đèn báo chiếu xa | → Tr. 147 |
| *1 | Đèn báo đèn pha thích ứng tự động | → Tr. 147 |
| | Đèn báo đèn sương mù trước* | → Tr. 147 |
| | Đèn báo đèn sương mù sau* | → Tr. 147 |

*1 : Khi đặt chế độ nguồn ở vị trí BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| | | |
|---|---|---|
| | Đèn báo Chế độ **ECON** | → Tr. 149 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ đỗ đèo (Màu trắng/Màu xanh lục) | → Tr. 149 |
| | Đèn báo thông báo hệ thống | → Tr. 150 |
| *1 | Đèn báo cảnh báo tốc độ* | → Tr. 150 |
| | Đèn báo cảm biến đỗ* | → Tr. 150 |
| | Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (Màu trắng/Màu xanh lục)* | → Tr. 153 |
| | Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh (Màu trắng/Màu xanh lục)* | → Tr. 153 |
| | Đèn báo Khoảng cách Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp* | → Tr. 154 |
| | Đèn báo Hệ thống chống nổ máy | → Tr. 148 |
| | Đèn báo cảnh báo Hệ thống an ninh | → Tr. 149 |

| | | |
|---|---|---|
| | Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (Màu xanh lục)* | → Tr. 151 |
| | Đèn báo **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* | → Tr. 151 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (Màu hổ phách)* | → Tr. 151 |
| | Đèn báo dừng Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* | → Tr. 152 |
| *1 | Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (Màu hổ phách) | → Tr. 153 |
| | Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (Màu trắng/Màu xanh lục) | → Tr. 153 |
| *1 | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu hổ phách) | → Tr. 154 |
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu trắng/Màu xanh lục) | → Tr. 154 |

| | | |
|---|---|---|
| *1 | Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách) | → Tr. 154 |
| | Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám) | → Tr. 154 |
| *1 | Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách) | → Tr. 155 |
| | Đèn báo TẮT Tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường | → Tr. 155 |
| | Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám) | → Tr. 155 |
| *1 | Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách) | → Tr. 156 |
| | Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám) | → Tr. 159 |

*1 : Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| (Màu đỏ) | Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (Màu đỏ) | • Sáng khi gài phanh đỗ và tắt khi nhả phanh đỗ. | • Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu gài phanh đỗ trong khi lái xe.<br>• Sáng trong khoảng 30 giây khi bạn gài phanh đỗ điện trong khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó tắt.<br>• Vẫn sáng trong khoảng 30 giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY trong khi gài phanh đỗ điện, sau đó tắt. |
| | | • Sáng khi dầu phanh ở mức thấp. | • **Sáng khi lái xe** - Đảm bảo nhả phanh đỗ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh.<br>➡ **Làm gì nếu đèn báo sáng khi đang lái xe** Tr. 915 |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| (Màu đỏ) | Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (Màu đỏ) | • Sáng nếu hệ thống phanh gặp sự cố. | • **Sáng cùng với Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách)** - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. Liên hệ với đại lý để sửa chữa. Khó nhấn, nhả bàn đạp phanh.<br>Nhấn bàn đạp sâu hơn bình thường.<br>➡ **Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo Hệ thống phanh (Màu hổ phách) sáng** Tr. 916<br>• **Sáng cùng với đèn báo ABS** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.<br>➡ **Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy** Tr. 915<br>• **Nhấp nháy và Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc** - Hệ thống phanh đỗ điện gặp sự cố. Có thể chưa gài phanh đỗ.<br>Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.<br>➡ **Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo Hệ thống phanh (Màu hổ phách) sáng** Tr. 916 |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| (Màu hổ phách) | Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (Màu hổ phách) | • Sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh gặp sự cố ngoại trừ hệ thống phanh thông thường. | • **Sáng khi lái xe** - Tránh lái xe với tốc độ cao và phanh đột ngột. Mang ngay xe đến đại lý. |
| | | • Sáng nếu hệ thống phanh đỗ điện và/hoặc hệ thống giữ phanh tự động gặp sự cố. | • **Sáng liên tục** - Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Đèn sẽ bật sáng nếu hệ thống phanh bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối rồi kết nối lại ắc-quy. | • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Đèn cũng sẽ bật sáng nếu có sự cố với cảm biến ra-đa.<br>• Đèn báo có thể bật tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép. | • Đảm bảo tổng tải trọng nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép.<br>➲ **Giới hạn tải trọng** Tr. 601<br>• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | Đèn báo Hệ thống giữ phanh tự động | • Sáng khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật. | ➲ **Giữ phanh tự động** Tr. 771 |
| | Đèn báo giữ phanh tự động | • Sáng khi kích hoạt chức năng giữ phanh tự động. | ➲ **Giữ phanh tự động** Tr. 771 |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo sự cố | • Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố.<br>• Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ. | ➔ **Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy** Tr. 914 |
| | Đèn báo<br>Hệ thống nạp điện | • Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố. | • Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý.<br>➔ **Kiểm tra ắc-quy** Tr. 855<br>➔ **Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng** Tr. 914 |
| | Đèn báo vị trí số | • Hiển thị vị trí số hiện tại. | ➔ **Sang số** Tr. 620, 622 |
| | Đén báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp)/ Đèn báo số* | • Sáng khi kích hoạt chế độ sang số tay 7 cấp. | ➔ **Chế độ sang số tay 7 cấp** Tr. 625 |
| | Đèn báo<br>Hệ thống truyền động | • Nhấp nháy nếu hệ thống truyền động có sự cố. | • Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra. |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn | • Sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi chế độ nguồn ở BẬT.<br>• Nếu hành khách trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng sau đó vài giây.<br>• Sáng một lát khi không thắt dây đai an toàn ghế sau khi chế độ nguồn ở BẬT.<br>• Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc bất kỳ hành khách nào không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng đều đặn. | • Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách thắt dây đai an toàn.<br>• **Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách đã thắt dây đai an toàn** - Có thể cảm biến có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.<br>➲ **Nhắc thắt dây đai an toàn** Tr. 50 |
| | Đèn báo nhiên liệu thấp (Màu hổ phách) | • Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 8,0 Lít). | • Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt. |
| | | • Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố. | • Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo nhiệt độ thấp* | • Sáng khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. | • Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ đã đạt đến nhiệt độ hoạt động bình thường, có thể các cảm biến nhiệt có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | Đèn báo Hệ thống chống bó cứng phanh (**ABS**) | • Sáng nếu hệ thống ABS có sự cố. | • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng phanh.<br>➡ **Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)** Tr. 774 |
| | Đèn báo Hệ thống bảo vệ phụ trợ | • Sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố:<br>- Hệ thống bảo vệ phụ trợ<br>- Hệ thống túi khí bên<br>- Hệ thống túi khí rèm bên<br>- Bộ căng dây đai an toàn | • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | Đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) | • Đèn sáng nếu hệ thống EPS hoặc Hệ thống theo dõi mức độ tập trung của người lái có sự cố. | • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.<br>• **Do not drive (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái** - Dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý.<br>➡ **Nếu đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng** Tr. 917 |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) | • Đèn nhấp nháy khi VSA hoặc hệ thống hỗ trợ ổn định rơ moóc* đang hoạt động. | — |
| | | • Đèn sáng nếu có sự cố với hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc, chức năng phanh hỗ trợ khởi động*, hệ thống hỗ trợ xử lý nhanh hoặc hệ thống hỗ trợ ổn định rơ moóc*. | • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)** Tr. 652<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc** Tr. 616<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp** Tr. 775<br>➡ **Chức năng phanh hỗ trợ khởi động** Tr. 634<br>➡ **Hỗ trợ xử lý nhanh** Tr. 654<br>➡ **Hỗ trợ ổn định rơ moóc*** Tr. 606<br>Các loại xe có hệ thống hỗ trợ ổn định rơ moóc<br>• Khi thông báo **Trailer stability assist system problem (Sự cố hệ thống hỗ trợ ổn định rơ moóc)** hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hệ thống VSA sẽ không kích hoạt. |
| | | • Sáng nếu hệ thống VSA bị tắt tạm thời sau khi tháo ắc-quy rồi lắp lại. | • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT** | • Sáng khi bạn tắt VSA. | ➡ **Bật và Tắt VSA** Tr. 653 |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Loại xe tại Đài Loan<br>Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS | • Có thể sáng một lúc khi chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.<br>• Sáng và sáng liên tục khi:<br>- Một hoặc nhiều lốp xe được xác định có áp suất thấp hơn mức bình thường.<br>- Hệ thống chưa được hiệu chỉnh. | • **Sáng khi lái xe** - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần.<br>• **Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị** - Cần hiệu chỉnh hệ thống.<br>➡ **Hiệu chỉnh TPMS** Tr. 657 |
| | | • Nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu TPMS có sự cố. | • **Nhấp nháy và tiếp tục sáng** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Sáng nếu TPMS bị tắt tạm thời sau khi tháo ắc-quy rồi nối lại. | • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan<br>Đèn báo Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/Xẹp lốp* | • Có thể sáng một lúc khi chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.<br>• Sáng và sáng liên tục khi:<br>- Một hoặc nhiều lốp xe được xác định có áp suất thấp hơn mức bình thường.<br>- Hệ thống chưa được hiệu chỉnh. | • **Sáng khi lái xe** - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần.<br>• **Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị** - Cần hiệu chỉnh hệ thống.<br>➡ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*** Tr. 659 |
| | | • Đèn nhấp nháy khoảng một phút, sau đó sáng liên tục nếu có sự cố với hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hoặc khi lốp dự phòng cỡ nhỏ* được lắp tạm thời. | • **Nhấp nháy và tiếp tục sáng** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe được trang bị lốp dự phòng cỡ nhỏ*, hãy sửa chữa hoặc thay lốp thông thường của xe và lắp lại vào xe sớm nhất có thể. |
| | | • Sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc-quy rồi nối lại. | • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| 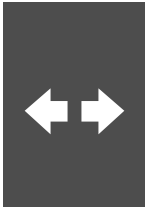 | Đèn xi nhan và đèn cảnh báo nguy hiểm | • Nhấp nháy khi bạn gạt cần xi nhan.<br>• Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm. | • **Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao. | **Tín hiệu dừng khẩn cấp** Tr. 776 |
| | Đèn báo đèn bật | • Sáng khi bật đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe. | **Đèn** Tr. 261 |
| 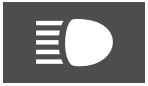 | Đèn báo chiếu xa | • Sáng khi bật các đèn chiếu xa. | — |
| | Đèn báo đèn pha thích ứng tự động | • Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của chiếu xa tự động. | **Đèn pha thích ứng tự động** Tr. 269 |
| | Đèn báo đèn sương mù trước* | • Sáng khi các đèn sương mù trước bật. | **Đèn sương mù*** Tr. 264 |
| | Đèn báo đèn sương mù sau* | • Sáng khi đèn sương mù sau bật. | **Đèn sương mù*** Tr. 264 |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| 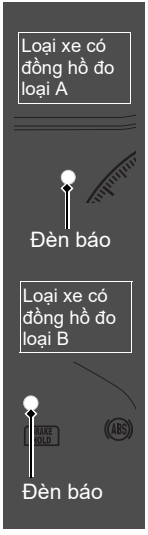 | Đèn báo<br>Hệ thống chống nổ máy | • Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa. | • **Nhấp nháy** - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT.<br>• **Nháy liên tục** - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.<br>• Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị nào khác vào hệ thống. Để tránh xảy ra sự cố điện. |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo cảnh báo Hệ thống an ninh | • Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập. | **Hệ thống cảnh báo an ninh** Tr. 248 |
| | Đèn báo Chế độ ECON | • Sáng khi chế độ ECON bật. | **Chế độ ECON** Tr. 627 |
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ đổ đèo (Màu trắng/Màu xanh lục) | • Sáng màu trắng khi Hệ thống hỗ trợ đổ đèo bật và sẵn sàng sử dụng.<br>• Sáng màu xanh lục khi Hệ thống hỗ trợ đổ đèo đang hoạt động. | **Hệ thống hỗ trợ đổ đèo** Tr. 635 |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| 120 km/h | Đèn báo cảnh báo tốc độ* | • Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. | • Đèn báo này sẽ nhấp nháy liên tục khi tốc độ xe của bạn vượt quá 120 km/h. |
| | Đèn báo thông báo hệ thống | • Sáng và tiếng bíp cũng vang lên khi phát hiện có sự cố. Đồng thời, thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. | • Tham khảo thông tin các Đèn báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng.<br>Loại xe có đồng hồ đo loại A<br>• Trong khi đèn báo sáng, ấn nút (màn hình chính) và chọn **Warnings (Cảnh báo)** để xem lại thông báo.<br>➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165<br>• Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc ấn nút (màn hình chính).<br>Loại xe có đồng hồ đo loại B<br>• Trong khi đèn báo sáng, cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem lại thông báo.<br>➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 194<br>• Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc cuộn vòng lựa chọn bên phải. |
| | Đèn báo cảm biến đỗ* | • Nhấp nháy nếu có vật cản quanh các cảm biến. | ➡ **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779 |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (Màu xanh lục)* | • Sáng khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động. Động cơ sẽ tự động tắt. | ➔ **Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*** Tr. 628 |
| | Đèn báo **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* | • Đèn sáng khi tắt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời bằng nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời. | ➔ **BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời** Tr. 630 |
| | Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (Màu hổ phách)* | • Nhấp nháy nếu Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời có sự cố. | • Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo dừng Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* | • Đèn báo sáng khi dừng tạm thời Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời trong các trường hợp sau: | — |
| | | - Không nhấn hết cỡ bàn đạp phanh | • Nhấn chắc bàn đạp phanh. |
| | | - Hộp số ở vị trí khác ngoài D | **Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*** Tr. 628 |
| | | - Hệ thống sạc được ưu tiên | |
| | | - Hệ thống điều hoà không khí được ưu tiên | |
| | | - FRONT BẬT (đèn báo sáng). | |
| | | - Nhiệt độ nước làm mát động cơ không nằm trong phạm vi hoạt động | |
| | | - Nhiệt độ ắc-quy quá thấp. | |
| | | - Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời không kích hoạt vì lý do nào đó. | |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (Màu hổ phách) | • Sáng nếu ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có sự cố. | • **Sáng khi lái xe** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Sáng nếu ACC bao gồm Dải tốc độ thấp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc-quy rồi lắp lại. | • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Đèn báo có thể bật tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép.<br>• ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bị hủy tự động. | • Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép.<br>➡ **Giới hạn tải trọng** Tr. 601<br>• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (Màu trắng/Màu xanh lục) | • Sáng màu trắng khi bạn ấn nút .<br>Loại xe tại Châu Đại Dương<br>Bạn có thể chuyển đổi giữa các đèn báo bằng cách ấn nút **LIM**.<br>• Sáng màu xanh lục khi hệ thống đang hoạt động. | ➡ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707 |
| | Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (Màu trắng/Màu xanh lục)* | | ➡ **Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh*** Tr. 637 |
| | Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh (Màu trắng/Màu xanh lục)* | | ➡ **Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh*** Tr. 644 |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo Khoảng cách Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp* | • Sáng khi đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp sáng. | ➡ **Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác** Tr. 724 |
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu hổ phách) | • Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố. | • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Đèn báo có thể bật tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép. | • Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép.<br>➡ **Giới hạn tải trọng** Tr. 601<br>• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu trắng/ Màu xanh lục) | • Sáng màu trắng khi bạn ấn nút LKAS.<br>• Sáng màu xanh lục khi LKAS đang hoạt động. | ➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729<br>Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường** Tr. 742 |
| | Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách) | • Sáng nếu CMBS có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do kính chắn gió gần camera bị bẩn. | • Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách) sáng cùng lúc.<br>➡ **Đèn báo** Tr. 156 |
| | Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám) | • Sáng khi CMBS tắt. | ➡ **Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207 |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách) | • Sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn. | • Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách) sáng cùng lúc.<br>➡ **Đèn báo** Tr. 156 |
| | Đèn báo TẮT tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường | • Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tự động tắt. | ➡ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697 |
| | Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám) | • Sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tắt. | ➡ **Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207 |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách) | • Đèn sáng nếu có sự cố với Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS, Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp* hoặc hệ thống thông tin điểm mù*. | • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Sáng nếu cảm biến đỗ có sự cố. | • Kiểm tra xem vùng xung quanh (các) cảm biến bị dính bùn, băng, tuyết v.v không. Nếu đèn vẫn sáng ngay cả khi bạn đã lau sạch khu vực đó, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra hệ thống. |
| | | • Đèn báo có thể bật tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép. | • Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép.<br>➡ **Giới hạn tải trọng** Tr. 601<br>• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| | | • Đèn sáng nếu Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS và Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp* bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy. | • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách) | • Sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và/hoặc CMBS tự động tắt. | • Đèn có thể sáng tạm thời nếu cảm biến ra-đa không phát hiện được vật thể nào khi đi qua không gian kín như đường hầm hoặc khi lái xe trên đường thoáng mà không có công trình nào gần đó.<br>• Khu vực xung quanh cảm biến ra-đa bị tắc nghẽn bởi bụi bẩn, bùn đất, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn và lau sạch các mảnh vụn bằng vải mềm. Đèn báo có thể mất một thời gian để tắt sau khi cảm biến ra-đa được làm sạch.<br>• Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo không tắt ngay cả sau khi bạn đã làm sạch cảm biến ra-đa.<br>➔ **Cảm biến ra-đa** Tr. 765 |
| | | | • **Sáng liên tục** - Nhiệt độ bên trong camera quá cao.<br>Sử dụng hệ thống điều hoà không khí để làm mát camera.<br>Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm xuống.<br>➔ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763 |

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách) | • Sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và/hoặc CMBS tự động tắt. | • **Sáng liên tục** - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bám bùn, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng vải mềm lau sạch bụi bẩn.<br>• Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn xuất hiện ngay cả khi đã lau sạch vùng xung quanh camera.<br>➡ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763<br>• Đèn báo có thể sáng khi môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối. |
| | | Loại xe có hệ thống thông tin điểm mù<br>• Sáng khi có bùn, tuyết hoặc băng tích tụ xung quanh cảm biến hệ thống thông tin điểm mù.<br>• Sáng khi nhiệt độ của cảm biến hệ thống thông tin điểm mù cao. | • **Sáng khi lái xe** - Có thể có thứ gì đó đang làm nhiễu cảm biến hệ thống thông tin điểm mù. Kiểm tra vùng xung quanh cảm biến hệ thống thông tin điểm mù và loại bỏ bất kỳ vật cản nào.<br>• Hệ thống sẽ trở lại bình thường khi nhiệt độ giảm.<br>➡ **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 665 |
| | | Loại xe có Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp<br>• Sáng khi có bùn, tuyết hoặc băng tích tụ xung quanh cảm biến siêu âm. | • Loại bỏ vật cản xung quanh cảm biến siêu âm.<br>➡ **Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*** Tr. 691 |

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Đèn báo | Tên | Sáng/Nhấp nháy | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| | Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám) | • Đèn sáng màu xanh lục khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS, Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp*, hệ thống thông tin điểm mù* và hệ thống cảm biến đỗ*/cảnh báo cảm biến đỗ* được kích hoạt.<br>• Sáng màu xanh lục và màu xám khi một hoặc nhiều hệ thống trên tắt.<br>• Sáng màu xám khi tất cả các hệ thống trên tắt. | ➔ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677<br>➔ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697<br>➔ **Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*** Tr. 691<br>➔ **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 665<br>➔ **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779 |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Đồng hồ đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan khác.
Các đồng hồ này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.



## ■ Đồng hồ đo tốc độ xe

Hiển thị tốc độ xe tính bằng km/h.

## ■ Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ tính bằng vòng/phút.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Có thể bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

Đồng hồ đo nhiên liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng sắp đến E. Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Sau khi nạp thêm ít nhiên liệu hoặc tùy thuộc vào tình trạng xe, lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ■ Đồng hồ đo nhiệt độ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ.

Đồng hồ đo nhiệt độ

CHÚ Ý

Lái xe khi vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao có thể làm cho động cơ bị hư hỏng nghiêm trọng. Hãy lái xe cẩn thận vào rìa đường và để nhiệt độ động cơ trở lại mức bình thường.

➲ **Quá Nhiệt** Tr. 911

## ■ Đồng hồ đo quãng đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi được.

## ■ Đèn viền đồng hồ

Đèn chuyển sang màu xanh lục để báo hiệu rằng xe đang được lái một cách tiết kiệm nhiên liệu.

*Còn nữa*

## ■ Nhiệt độ ngoài trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside Temperature low (Nhiệt độ ngoài trời thấp)** sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

### ■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống ±3°C nếu chỉ báo nhiệt độ không chính xác.

Nhiệt độ ngoài trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở cản trước.
Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe khác có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi chỉ báo nhiệt độ đã ổn định.

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*

Hiển thị một số biển báo giao thông được phát hiện trong khi lái xe.

Nếu cảnh báo giới hạn tốc độ hoạt động, biểu tượng biển báo sẽ nhấp nháy khi hệ thống phát hiện xe vượt quá biển báo giới hạn tốc độ.

➲ **Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756

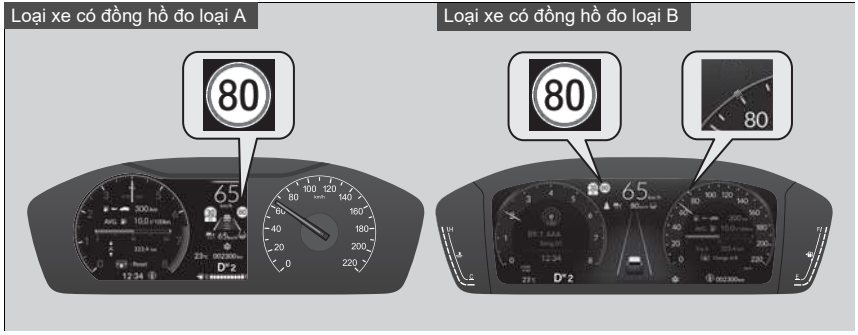




* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Chế độ hiện tại cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, LKAS và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*1

Hiển thị chế độ hiện tại cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, LKAS và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*1.

➔ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707

➔ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

➔ **Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường** Tr. 742

Loại xe có đồng hồ đo loại A

## ■ Đồng hồ

Hiển thị đồng hồ.

*1 : Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

### ▨Chế độ hiện tại cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, LKAS và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*1

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi bạn đặt tốc độ cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, vạch báo tốc độ cài đặt sẽ hiển thị trên đồng hồ đo tốc độ xe.

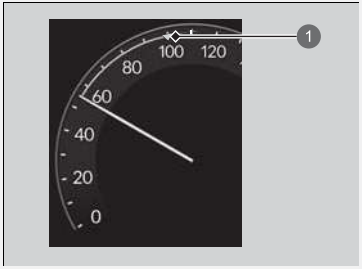


❶ Cài đặt tốc độ

### ▨Đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

➔ **Đồng hồ** Tr. 218

# Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiết kiệm nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.
Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine oil pressure low (Áp suất dầu động cơ thấp)** hoặc **Engine temperature too hot (Nhiệt độ động cơ quá nóng)**.

➔ **Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện** Tr. 913
➔ **Quá Nhiệt** Tr. 911

## ■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

Ấn nút [⌂] (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

### ⊠Chuyển đổi màn hình hiển thị

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.
➔ **Cài đặt hiển thị bảng điều khiển** Tr. 182



*Còn nữa*

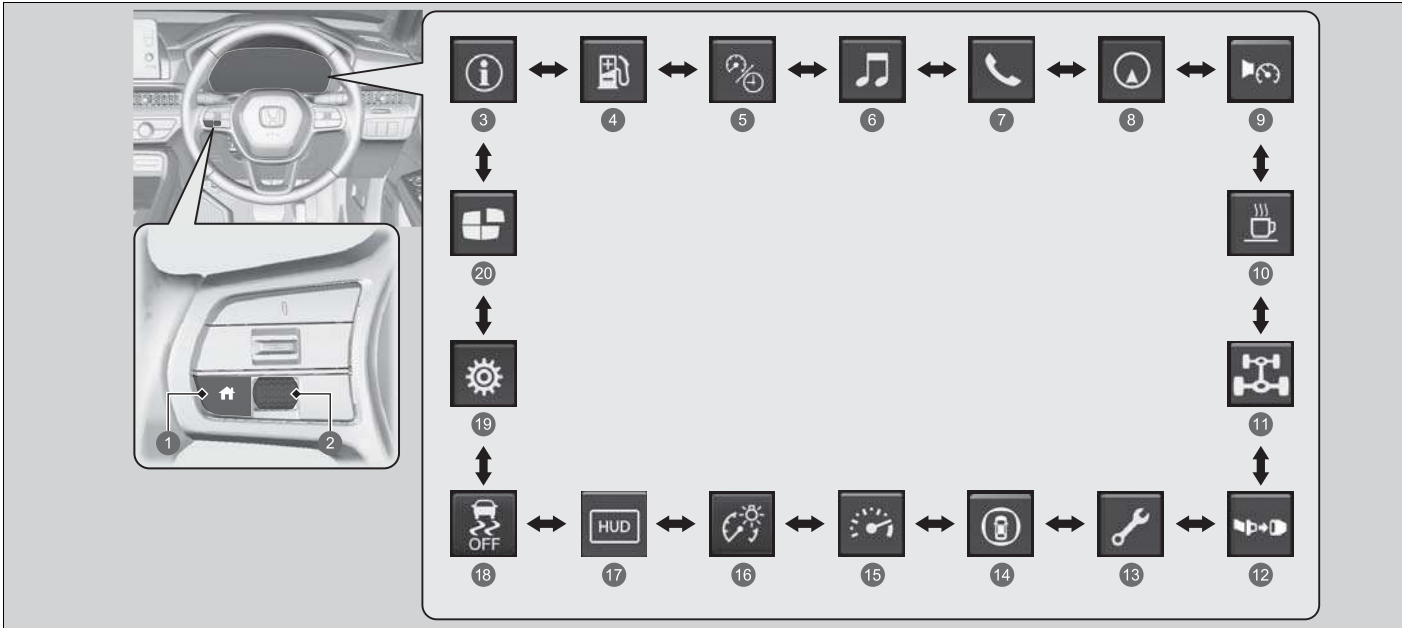


❶ Nút [⌂] (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ **Thông tin** ➡ Tr. 182
❹ **Quãng đường & nhiên liệu** ➡ Tr. 167
❺ **Tốc độ & thời gian** ➡ Tr. 169
❻ **Âm thanh** ➡ Tr. 170
❼ **Điện thoại** ➡ Tr. 171
❽ **Định vị*** ➡ Tr. 171
❾ **Cảnh báo tốc độ*** ➡ Tr. 172
❿ **Mức độ tập trung của người lái** ➡ Tr. 173
⓫ **Giám sát phân phối mô-men xoắn AWD*** ➡ Tr. 177
⓬ **Dây đai an toàn** ➡ Tr. 177
⓭ **Bảo dưỡng** ➡ Tr. 177
⓮ **Hỗ trợ an toàn** ➡ Tr. 178
⓯ **Không có thông tin** ➡ Tr. 180
⓰ **Độ sáng** ➡ Tr. 180
⓱ **Màn hình hiển thị trên kính chắn gió*** ➡ Tr. 213
⓲ **Chế độ VSA** ➡ Tr. 181
⓳ **Cài đặt xe*** ➡ Tr. 183
⓴ **Cài đặt hiển thị bảng điều khiển** ➡ Tr. 182

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

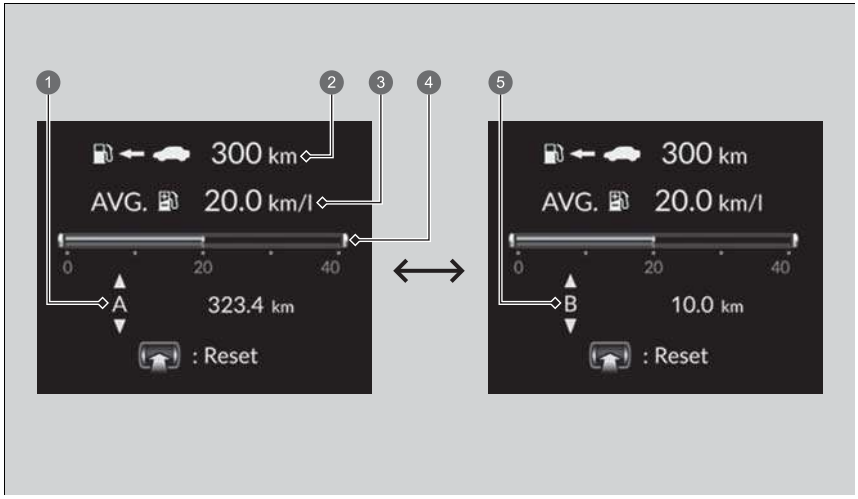


❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Quãng đường
❸ Tiết kiệm nhiên liệu trung bình
❹ Tiết kiệm nhiên liệu tức thời
❺ Đồng hồ đo hành trình B



*Còn nữa*

### ■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

**Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình**

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**.

▶ Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại về 0.0.

### ■ Tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l* hoặc l/100km. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

### ■ Tiết kiệm nhiên liệu tức thời

Hiển thị lượng tiết kiệm nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l* hoặc l/100 km.

### ■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

**Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình**

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi, Trung Đông và Châu Đại Dương

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiết kiệm nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

**Tiết kiệm nhiên liệu trung bình**

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiết kiệm nhiên liệu trung bình.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

**Quãng đường**

Phạm vi lái xe được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

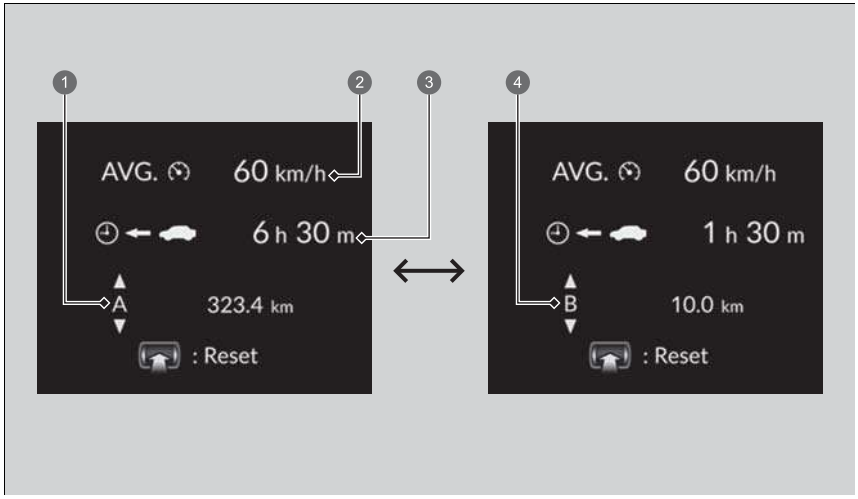


❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Tốc độ trung bình
❸ Thời gian xe chạy
❹ Đồng hồ đo hành trình B



*Còn nữa*

### ■ Đồng hồ đo hành trình

➔ **Đồng hồ đo hành trình** Tr. 168

### ■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

### ■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

## ■ Âm thanh

Hiển thị thông tin âm thanh đang phát.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Vận hành cơ bản** Tr. 336

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Vận hành cơ bản** Tr. 389

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Vận hành cơ bản** Tr. 486

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Điện thoại

Hiển thị thông tin điện thoại hiện tại.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➡ **Hệ thống điện thoại rảnh tay** Tr. 368

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 463

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 561

## ■ Định vị*

### ■ La bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

### ■ Dẫn đường chi tiết

Khi hướng dẫn lái xe được cung cấp bởi hệ thống định vị*, Google Maps*, Android Auto* hoặc Apple CarPlay, chỉ dẫn từng bước đến điểm đến của bạn sẽ xuất hiện.

Loại xe có hệ thống định vị

➡ **Tham khảo Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị**

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Android Auto™*** Tr. 439

➡ **Apple CarPlay** Tr. 433

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Android Auto™** Tr. 529

➡ **Apple CarPlay** Tr. 525

➡ **Tích hợp Google** Tr. 533

Định vị*

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Các tính năng định vị có thể không khả dụng cho tất cả các ứng dụng.

Loại xe có hệ thống định vị

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống định vị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái.

➡ **Tham khảo Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị**

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cảnh báo tốc độ*

Cài đặt bật cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

Cuộn vòng lựa chọn bên trái, cài đặt cảnh báo tốc độ sẽ thay đổi như sau:

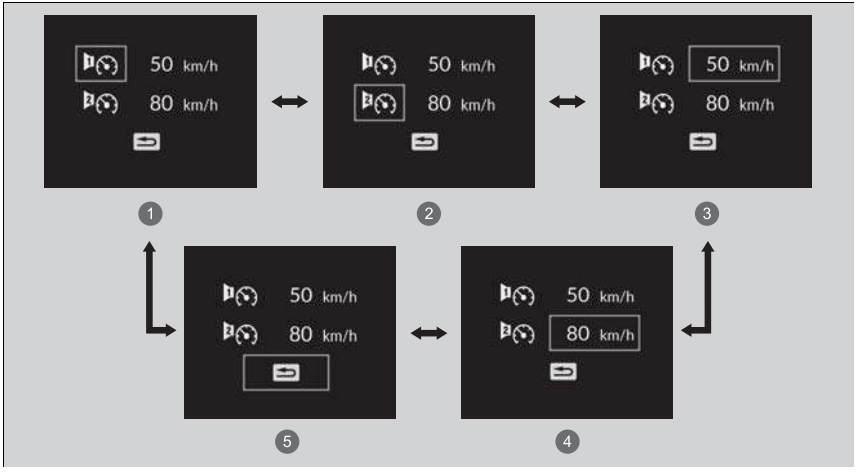


❶ Bật/Tắt*1 Cảnh báo tốc độ 1
❷ Bật/Tắt*1 Cảnh báo tốc độ 2
❸ Cài đặt tốc độ Cảnh báo tốc độ 1 (50 km/h*1)
❹ Cài đặt tốc độ Cảnh báo tốc độ 2 (80 km/h*1)
❺ Trở lại
*1: Cài đặt mặc định

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

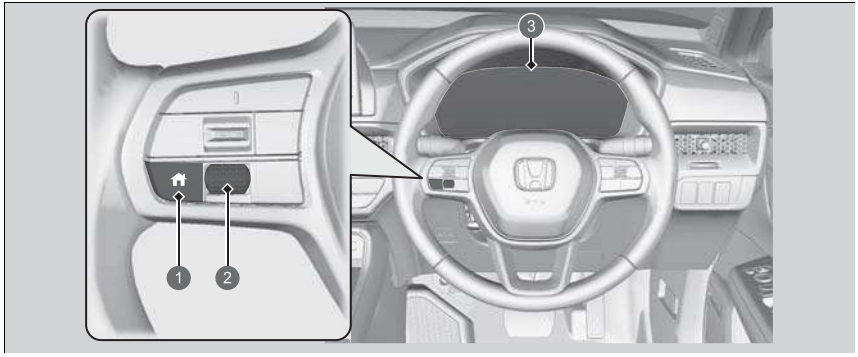


❶ Nút [⌂] (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Màn hình giao diện thông tin cho người lái

**Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái**

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái không phải lúc nào cũng phát hiện được người lái mệt mỏi hay mất tập trung.
Bất kể hệ thống phản hồi thế nào, nếu bạn cảm thấy mệt mỏi, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.



*Còn nữa*

Khi bạn chọn **Driver attention (Mức độ tập trung của người lái)** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thanh mức độ sẽ sáng màu trắng để biểu thị mức độ tập trung của người lái.

➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165

❶ Mức độ

Nếu hai thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low (Mức độ tập trung của người lái thấp)** sẽ xuất hiện.

Nếu một thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low. Take a rest (Mức độ tập trung của người lái thấp. Hãy nghỉ ngơi)** sẽ xuất hiện, tiếng bíp sẽ vang lên và vô lăng sẽ rung.
Nếu thông báo này xuất hiện, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương

Nếu người lái không nghỉ ngơi và chức năng theo dõi vẫn phát hiện người lái rất mệt, thông báo sẽ xuất hiện lại sau khoảng 15 phút, kèm theo tiếng bíp vang lên và vô lăng rung.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Hãy nhớ đặt lại hệ thống sau khi bạn nghỉ ngơi.

➔ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái được cài đặt lại khi:** Tr. 176

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Thông báo không xuất hiện khi thời gian xe chạy là 30 phút trở xuống.

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương

Thông báo sẽ biến mất khi ấn vòng lựa chọn bên trái hoặc khi hệ thống xác định rằng người lái đang lái xe bình thường.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Thông báo sẽ biến mất khi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Nếu một vạch sáng lên, khoảng cách mà CMBS cảnh báo có thể được đặt thành Xa, và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể được đặt thành Sớm.

➔ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677
➔ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697

Nếu hệ thống không được đặt lại, Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái sẽ tiếp tục chỉ sáng một vạch.



*Còn nữa*

■ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái được cài đặt lại khi:**
- Động cơ tắt.
- Người lái tháo dây đai an toàn và mở cửa khi xe đã dừng.

■ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:**
- Xe đi với tốc độ trên 40 km/h.
- Đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS) tắt.

■ **Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc các yếu tố khác mà Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái có thể không hoạt động trong các trường hợp sau:**
- Chức năng hỗ trợ lái của Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) đang hoạt động.
  ➔ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729
- Điều kiện đường sá kém, ví dụ mặt đường không trải nhựa hoặc mấp mô.
- Trời gió to.
- Người lái điều khiển xe ở trạng thái tự chủ như thường xuyên thay đổi làn đường hoặc tăng tốc.

■ **Tùy chỉnh**

Bạn có thể thay đổi các cài đặt Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. Chọn **Tactile and audible alert (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh)**, **Tactile alert only (Chỉ cảnh báo bằng rung vô lăng)** hoặc **OFF (TẮT)**.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Loại xe tại Châu Đại Dương

**Tactile and audible alert (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh)** sẽ được chọn mỗi khi bạn BẬT chế độ nguồn, ngay cả khi bạn đã thay đổi cài đặt Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái trong lần lái xe trước đó.

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:

Các thanh chia mức trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị màu xám trừ khi Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái đang hoạt động.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Giám sát phân phối mô-men xoắn AWD*

Các đèn báo trên màn hình hiển thị lượng mô-men xoắn được truyền đến bánh trước bên phải, bánh trước bên trái, bánh sau bên phải và bánh sau bên trái.

➔ **Hệ dẫn động bốn bánh (AWD) thời gian thực với hệ thống điều khiển thông minh*** Tr. 655

## ■ Dây đai an toàn

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

➔ **Nhắc thắt dây đai an toàn** Tr. 50

## ■ Bảo dưỡng

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

➔ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 815



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Hệ thống hỗ trợ an toàn

Biểu thị trạng thái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS, Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp*, hệ thống thông tin điểm mù* và hệ thống cảm biến đỗ*/cảnh báo cảm biến đỗ*, chẳng hạn như Bật, Tắt hoặc Lỗi bằng màu sắc và chữ cái.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

### Hệ thống hỗ trợ an toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

- **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677
- **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697
- **Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*** Tr. 691
- **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779
- **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 665

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

- **Đèn báo** Tr. 156
- **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám)** Tr. 159
- **Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 154
- **Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 154
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách)** Tr. 155
- **Đèn báo TẮT tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường** Tr. 155
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám)** Tr. 155

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

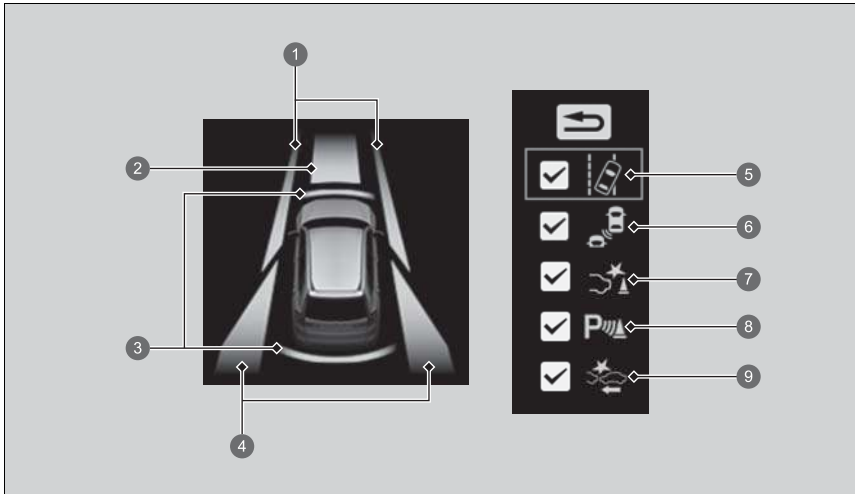


❶ Thông tin vùng cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❷ Thông tin vùng cho CMBS
❸ Thông tin vùng cho Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp* và Hệ thống cảm biến đỗ*/Cảnh báo cảm biến đỗ*
❹ Thông tin vùng cho Hệ thống thông tin điểm mù*
❺ Biểu tượng và Thông tin trạng thái Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❻ Biểu tượng và Thông tin trạng thái Hệ thống thông tin điểm mù*
❼ Biểu tượng và Thông tin trạng thái Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp*
❽ Biểu tượng và Thông tin trạng thái của Hệ thống cảm biến đỗ*/Cảnh báo cảm biến đỗ*
❾ Biểu tượng và Thông tin trạng thái CMBS

Hệ thống hỗ trợ an toàn

Loại xe có Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp

Ngay cả khi biểu tượng Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp có màu xanh lục, nếu **cài đặt cảm biến phía sau** bị tắt, hệ thống hỗ trợ phanh sẽ không hoạt động khi lùi xe.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ phía trước

Ngay cả khi biểu tượng Hệ thống cảm biến đỗ màu xanh lục, nếu **Cài đặt cảm biến phía sau** tắt, cảm biến đỗ phía sau sẽ không hoạt động khi lùi xe.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Không có nội dung

➔ **Đồng hồ đo tốc độ động cơ** Tr. 160

### Không có nội dung

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin, nếu chọn **No content (Không có nội dung)** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, màn hình sẽ chuyển sang chỉ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165

## ■ Độ sáng

Ấn vòng lựa chọn bên trái khi màn hình **Brightness (Độ sáng)** được hiển thị.

Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.
**Tăng độ sáng:** Cuộn vòng lựa chọn bên trái lên.
**Giảm độ sáng:** Cuộn vòng lựa chọn bên trái xuống.

Ấn vòng lựa chọn bên trái để thoát.

### Độ sáng

Độ sáng của đồng hồ đo được điều chỉnh tự động theo độ sáng ngoài trời.
- Độ sáng giảm khi ánh sáng xung quanh tối.
- Độ sáng tăng khi ánh sáng xung quanh sáng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt ngay cả khi ánh sáng xung quanh sáng, nhưng độ sáng của đồng hồ đo sẽ không thay đổi.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Chế độ VSA

Bạn có thể bật hoặc tắt VSA.

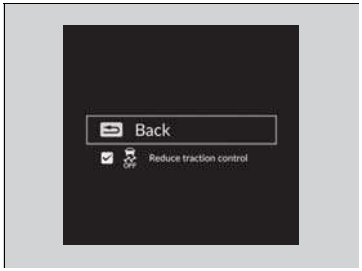


Cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến chọn **Reduce traction control (Giảm kiểm soát độ bám)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn.

➔ **Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)** Tr. 652



*Còn nữa*

## ■ Cài đặt hiển thị bảng điều khiển

Bạn có thể chọn các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.

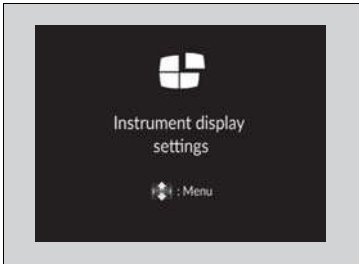


1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi chọn **Instrument display settings (Cài đặt hiển thị bảng điều khiển)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.

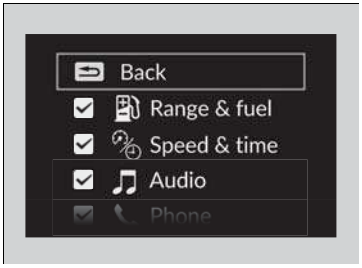


3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

## ■ Thông tin

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

**Cài đặt hiển thị bảng điều khiển**

Bạn không thể xóa các biểu tượng màu xám khỏi màn hình chính.

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, sang số [P].

**Thông tin**

Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

## ■ Cài đặt xe*

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chỉnh một số tính năng cụ thể.

### ■ Cách tùy chỉnh

Ấn nút [⌂] (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn màn hình [⚙] khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn, và vị trí số ở [P]. Sau đó, ấn vòng lựa chọn bên trái.

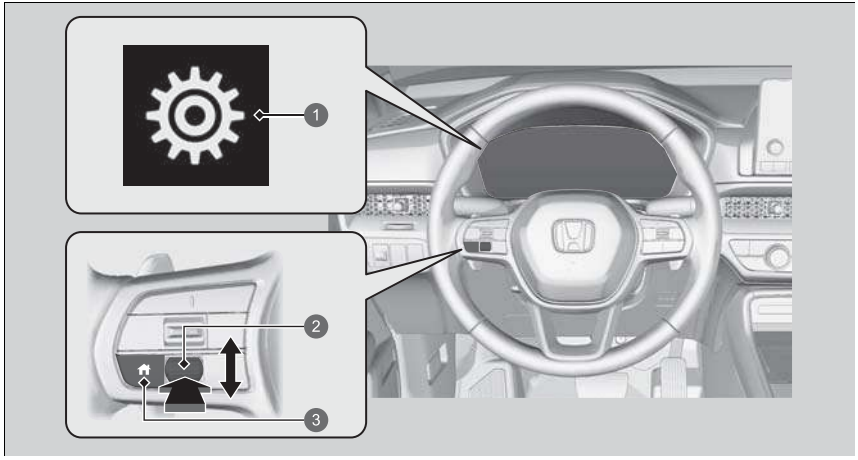


❶ Màn hình giao diện thông tin cho người lái
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Nút [⌂] (Màn hình chính)

**Cài đặt xe***

Để tùy chỉnh các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

➔ **Danh sách tùy chỉnh** Tr. 184
➔ **Ví dụ về các cài đặt tuỳ chỉnh** Tr. 188

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, sang số [P].



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

■ **Danh sách tùy chỉnh**

| Nhóm cài đặt | Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Deflation warning system (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp)** | — | Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp. | **Cancel/Initialise** (Hủy/Khởi tạo) |
| **Driver assist system setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)** | **Preceding vehicle proximity warning distance** | Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo. | **Far**/**Normal**[*1]/**Near** (Xa/Trung bình[*1]/Gần) |
| | **ACC vehicle ahead detected beep** | Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp. | **ON**/**OFF**[*1] (BẬT/TẮT[*1]) |
| | **Lead car departure notification system**[*] | Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành. | **Normal**[*1]/**Early**/**OFF** (Bình thường[*1]/Sớm/TẮT) |
| | **Road departure mitigation setting** | Thay đổi cài đặt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường. | **Early**/**Normal**[*1]/**Delayed**/**Warning only** (Sớm/Bình thường[*1]/Muộn/Chỉ cảnh báo) |
| | **Lane keep assist beep** | Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo. | **ON**/**OFF**[*1] (BẬT/TẮT[*1]) |
| | **Driver attention monitor** | Thay đổi cài đặt cho chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. | **Tactile and audible alert**[*1]/**Tactile alert**/**OFF** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh[*1]/Chỉ cảnh báo bằng rung vô lăng/TẮT) |
| | **Rear sensor setting**[*] | Bật/Tắt hệ thống cảm biến đỗ phía sau.<br>➡ **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779 | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Nhóm cài đặt | Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)** | **Language*** | Thay đổi ngôn ngữ hiển thị. | **Arabic**[*1]**/English** (Tiếng Ả Rập[*1]/Tiếng Anh) |
| | **Adjust outside temp. display** | Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ tăng giảm một vài độ. | **-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C** |
| | **"Trip A" reset timing** | Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A. | **When fully refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/ Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công[*1]) |
| | **"Trip B" reset timing** | Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B. | **When fully refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/ Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công[*1]) |
| | **Alarm volume control** | Thay đổi âm lượng của tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác. | **Max/Mid**[*1]**/Min** (Cao/Trung bình[*1]/Thấp) |
| | **Fuel efficiency backlight** | Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Rear seat reminder** | Bật và tắt tính năng Nhắc thắt dây đai an toàn ghế sau. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Fuel economy unit*** | Chọn đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu. | **km/l**[*1]**/l/100km** |
| | **Tachometer** | Bật/tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên bảng điều khiển. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Nhóm cài đặt | Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Keyless access setup (Cài đặt Hệ thống mở cửa không chìa khóa)** | **Keyless access beep volume** | Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước. | **High**[*1]/**Low** (Cao[*1]/Thấp) |
| | **Keyless access light flash** | Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa cửa. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Keyless access beep** | Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Remote start system ON/OFF** | Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)** | **Auto High-Beam** | Bật và tắt chiếu xa tự động. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Interior light dimmer duration** | Thay đổi thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa. | **60sec**/**30sec**[*1]/**15sec** (60 giây/30 giây[*1]/15 giây) |
| | **Headlight auto OFF timer** | Thay đổi thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái. | **60sec/30sec/15sec**[*1]/**0sec** 60 giây/30 giây/15 giây[*1]/0 giây |
| | **Headlight integration with wipers** | Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí **AUTO**. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

| Nhóm cài đặt | Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Door setup (Cài đặt cửa)** | **Auto door lock*** | Thay đổi cài đặt thời điểm cửa và cửa hậu tự động khóa. | **With vehicle speed**[*1]/**Shift from P**/**OFF** (Với tốc độ xe[*1]/Sang số từ P/TẮT) |
| | **Auto door unlock*** | Thay đổi cài đặt thời điểm cửa và cửa hậu tự động mở khóa. | **Shift to P**[*1]/**IGN OFF**/**OFF** (Sang số từ P[*1]/TẮT KHÓA ĐIỆN/TẮT) |
| | **Walk away lock** | Thay đổi cài đặt chức năng tự động khóa khi bạn rời khỏi xe trong khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. | **ON**/**OFF**[*1] (BẬT/TẮT[*1]) |
| | **Keyless lock notification** | KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Keyless remote power window control** | Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| | **Lock presetting** | Thay đổi cài đặt chức năng cài đặt trước khóa. | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Maintenance reset (Đặt lại thông tin bảo dưỡng)** | — | Cài đặt lại thông tin hệ thống giám sát dầu sau khi thực hiện sửa chữa bảo dưỡng. | **Cancel**/**Reset** (Hủy/Đặt lại) |
| **Default all (Mặc định tất cả)** | — | Hủy các thay đổi tùy chỉnh mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định. | **Cancel**/**OK** (Hủy/OK) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ Ví dụ về các cài đặt tuỳ chỉnh**

Các bước thay đổi cài đặt **"Trip A" reset timing (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A")** sang **When fully refueled (Khi nạp đầy nhiên liệu)** được minh họa như bên dưới. Cài đặt mặc định cho **"Trip A" Reset Timing (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A")** là **Manual Reset (Đặt lại thủ công)**.

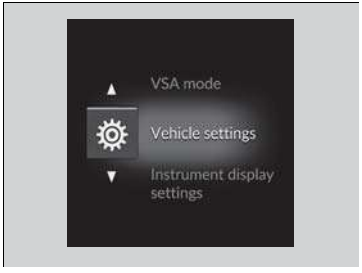


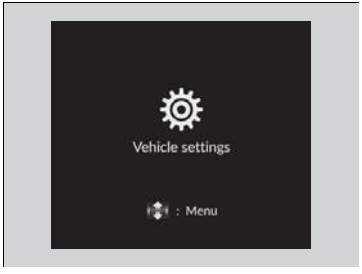


**1.** Ấn nút (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

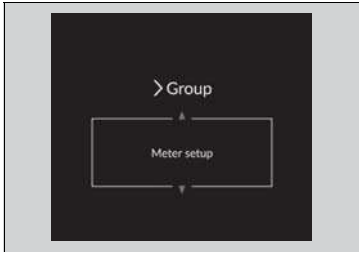


**2.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)** xuất hiện trên màn hình.
**3.** Ấn vòng lựa chọn bên trái.

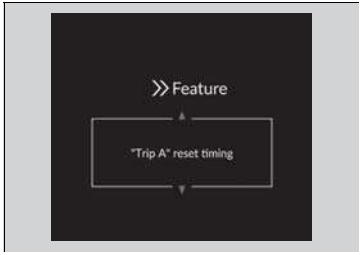


**4.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" reset timing (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A")** xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình chuyển sang màn hình thiết lập tùy chỉnh, nơi bạn có thể chọn **When fully refueled (Khi nạp đầy nhiên liệu)**, **When ignition is turned OFF (Khi TẮT khóa điện)**, **Manual reset (Đặt lại thủ công)** hoặc **Back (Trở lại)**.

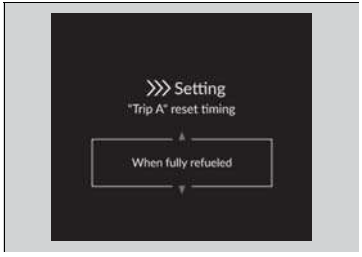


**5.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **When fully refueled (Khi nạp đầy nhiên liệu)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình trở lại màn hình danh mục tùy chỉnh.



*Còn nữa*

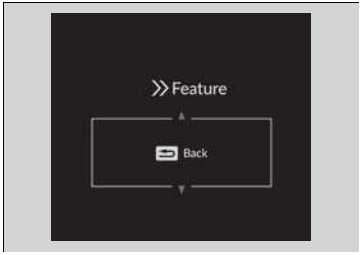


**6.** Ấn vòng lựa chọn bên trái sau khi **Back (Trở lại)** xuất hiện trên màn hình.
**7.** Lặp lại bước 6 cho đến khi trở về màn hình bình thường.

# Vùng bên trái Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)

Hiển thị chế độ hiện tại của thông tin âm thanh và điện thoại, v.v.

➔ **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 392

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 463

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 561

## ■ Đồng hồ

Hiển thị đồng hồ.

### Đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cài đặt đồng hồ** Tr. 402

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cài đặt đồng hồ** Tr. 499

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt đồng hồ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Màn hình tùy chỉnh** Tr. 192



*Còn nữa*

## ■ Màn hình tùy chỉnh

### ■ Sắp xếp nguồn âm thanh ở vùng bên trái màn hình

Bạn có thể lựa chọn nguồn âm thanh hiển thị trên màn nguồn âm thanh.

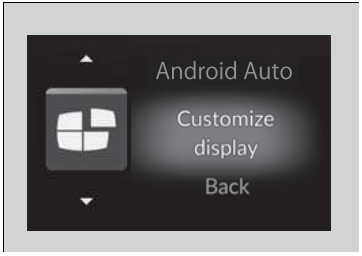


**1.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display (Màn hình tùy chỉnh)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

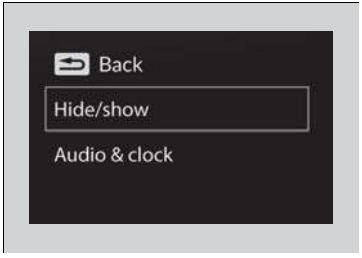


**2.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Hide/show (Ẩn/hiện)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

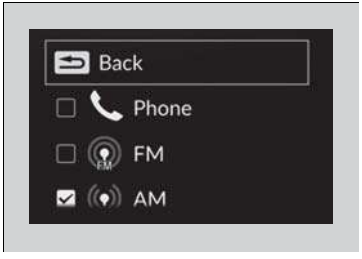


**3.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi các nguồn âm thanh, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các nguồn âm thanh.

Màn hình tùy chỉnh

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, sang số P.

## ■ Bật và tắt hiển thị vùng bên trái

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt thông tin âm thanh và đồng hồ ở vùng bên trái màn hình.

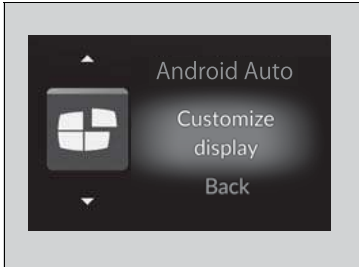


**1.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display (Màn hình tùy chỉnh)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

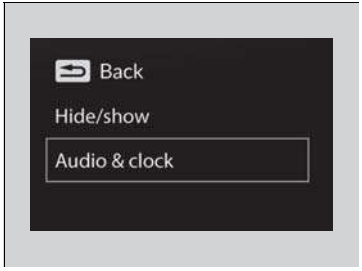


**2.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Audio & clock (Âm thanh và đồng hồ)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

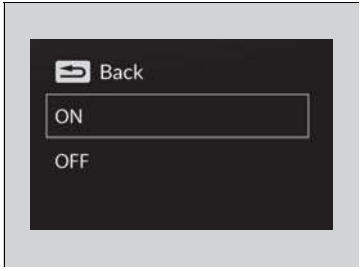


**3.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn cài đặt mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

# Vùng bên phải Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiết kiệm nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.
Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine oil pressure low (Áp suất dầu động cơ thấp)** hoặc **Engine temperature too hot (Nhiệt độ động cơ quá nóng)**.

➔ **Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện** Tr. 913
➔ **Quá Nhiệt** Tr. 911

## ■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

Cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem các loại nội dung khác nhau.

Chuyển đổi màn hình hiển thị

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.

➔ **Cài đặt hiển thị bảng điều khiển** Tr. 210

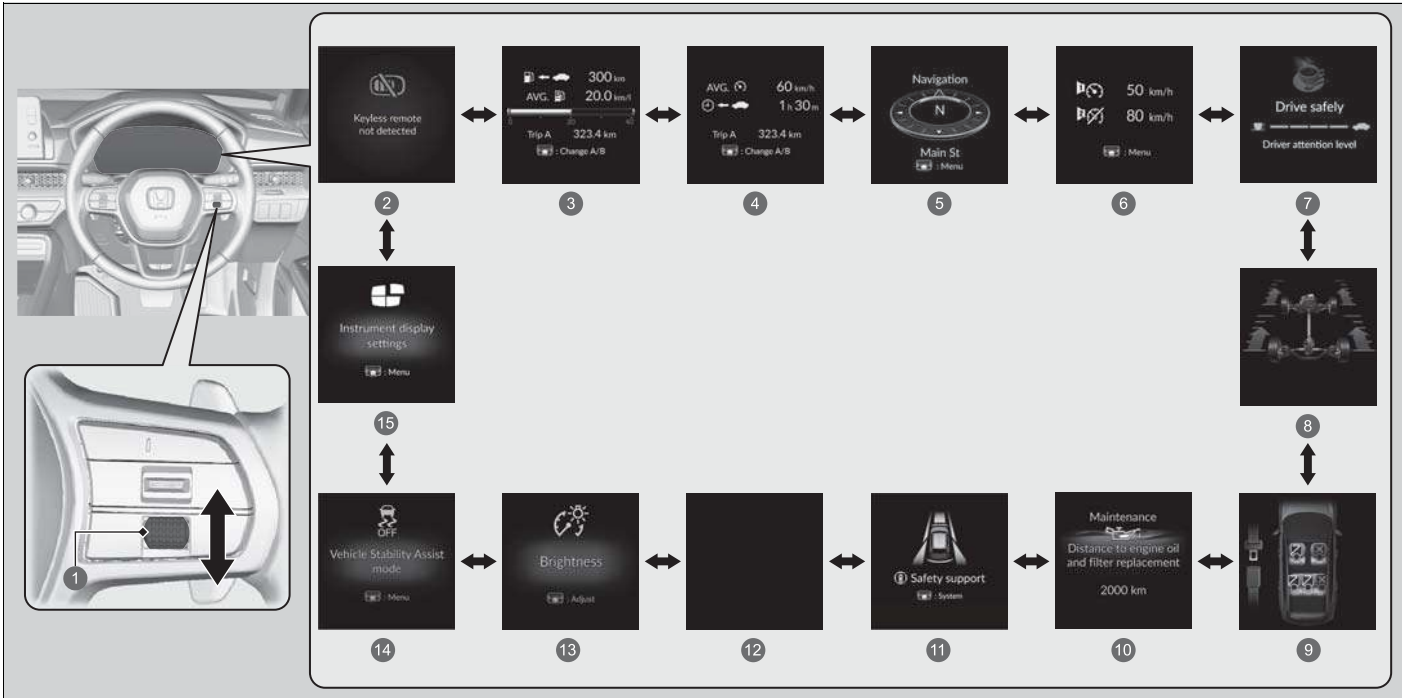


❶ Vòng lựa chọn bên phải
❷ Thông báo cảnh báo ➡ Tr. 211
❸ Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình ➡ Tr. 196
❹ Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình ➡ Tr. 198
❺ Định vị/La bàn ➡ Tr. 200
❻ Cảnh báo tốc độ* ➡ Tr. 201
❼ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái ➡ Tr. 202
❽ Giám sát phân phối mô-men xoắn AWD* ➡ Tr. 206
❾ Dây đai an toàn ➡ Tr. 206
❿ Bảo dưỡng ➡ Tr. 206
⓫ Hỗ trợ an toàn ➡ Tr. 207
⓬ Không có thông tin
⓭ Độ sáng ➡ Tr. 209
⓮ Chế độ hỗ trợ ổn định xe ➡ Tr. 209
⓯ Cài đặt hiển thị bảng điều khiển ➡ Tr. 210

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình

Ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

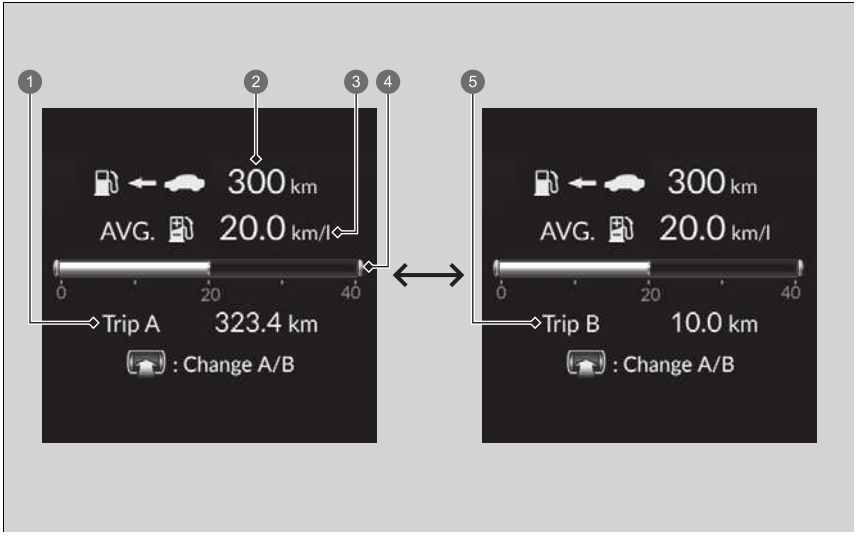


❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Quãng đường
❸ Tiết kiệm nhiên liệu trung bình
❹ Tiết kiệm nhiên liệu tức thời
❺ Đồng hồ đo hành trình B

### ■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

**Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình**

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, ấn và giữ vòng lựa chọn bên phải, sau đó chọn **Reset (Đặt lại)**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại về 0.0.

### ■ Tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l* hoặc l/100km. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được đặt lại.

### ■ Tiết kiệm nhiên liệu tức thời

Hiển thị lượng tiết kiệm nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l* hoặc l/100 km.

### ■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

**Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình**

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiết kiệm nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

**Tiết kiệm nhiên liệu trung bình**

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiết kiệm nhiên liệu trung bình.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

**Quãng đường**

Phạm vi lái xe được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình

Ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

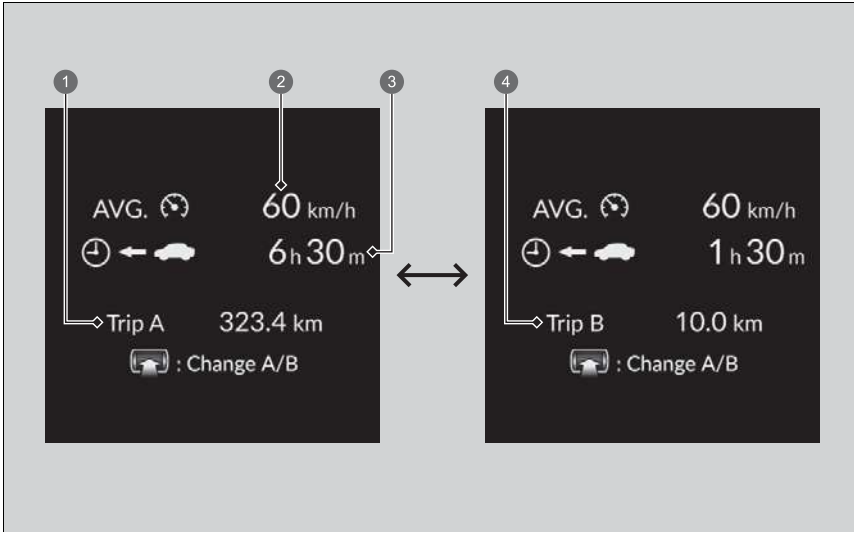


❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Tốc độ trung bình
❸ Thời gian xe chạy
❹ Đồng hồ đo hành trình B

### ■ Đồng hồ đo hành trình

**Đồng hồ đo hành trình** Tr. 197

### ■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

### ■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540



*Còn nữa*

## ■ Định vị

### ■ La bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

### ■ Dẫn đường chi tiết

Khi hướng dẫn lái xe được cung cấp bởi Google Maps*, Apple CarPlay hoặc Android Auto*, chỉ dẫn từng bước đến điểm đến của bạn sẽ xuất hiện.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Apple CarPlay** Tr. 433
➔ **Android Auto™*** Tr. 439

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Android Auto™** Tr. 529
➔ **Apple CarPlay** Tr. 525
➔ **Tích hợp Google** Tr. 533

Định vị

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Các tính năng định vị có thể không khả dụng cho tất cả các ứng dụng.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cảnh báo tốc độ*

Cài đặt bật cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

Ấn vòng lựa chọn bên phải để hiển thị màn hình cài đặt rồi cuộn vòng lựa chọn bên phải, cài đặt cảnh báo tốc độ thay đổi như sau:

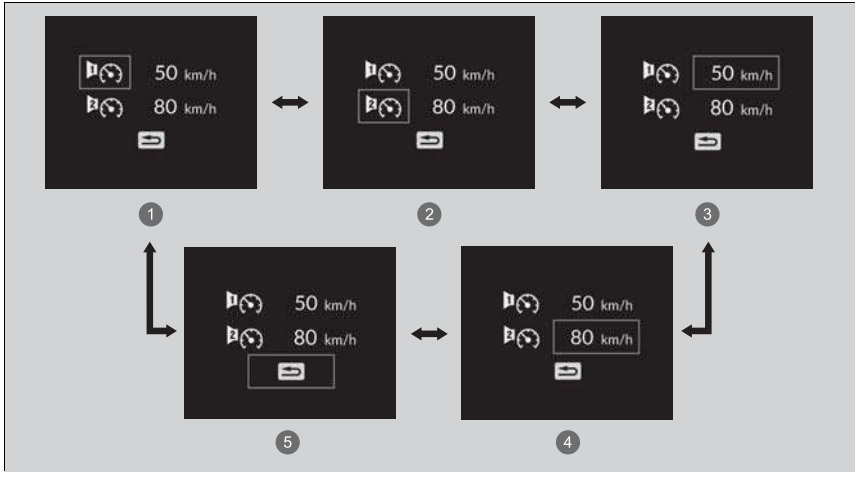


❶ Bật/Tắt*1 Cảnh báo tốc độ 1
❷ Bật/Tắt*1 Cảnh báo tốc độ 2
❸ Cài đặt tốc độ Cảnh báo tốc độ 1 (50 km/h*1)
❹ Cài đặt tốc độ Cảnh báo tốc độ 2 (80 km/h*1)
❺ Trở lại
*1: Cài đặt mặc định



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

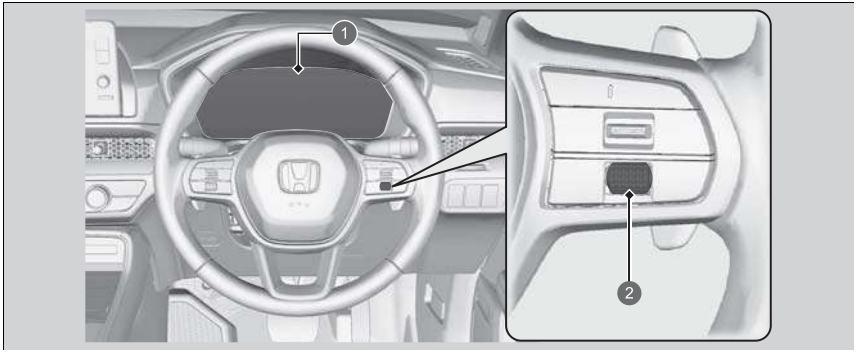


❶ Màn hình giao diện thông tin cho người lái
❷ Vòng lựa chọn bên phải

### Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái không phải lúc nào cũng phát hiện được người lái mệt mỏi hay mất tập trung.
Bất kể hệ thống phản hồi thế nào, nếu bạn cảm thấy mệt mỏi, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.

Khi bạn chọn Driver Attention Monitor (Theo dõi mức độ tập trung của người lái) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thanh mức độ sẽ sáng màu trắng để biểu thị mức độ tập trung của người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 194

❶ Mức độ

Nếu hai thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low (Mức độ tập trung của người lái thấp)** sẽ xuất hiện.



*Còn nữa*

Nếu một thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low. Take a rest (Mức độ tập trung của người lái thấp. Hãy nghỉ ngơi)** sẽ xuất hiện, tiếng bíp sẽ vang lên và vô lăng sẽ rung.
Nếu thông báo này xuất hiện, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương

Nếu người lái không nghỉ ngơi và chức năng theo dõi vẫn phát hiện người lái rất mệt, thông báo sẽ xuất hiện lại sau khoảng 15 phút, kèm theo tiếng bíp vang lên và vô lăng rung.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Hãy nhớ đặt lại hệ thống sau khi bạn nghỉ ngơi.

➡ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái được cài đặt lại khi:** Tr. 205

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Thông báo không xuất hiện khi thời gian xe chạy là 30 phút trở xuống.

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương

Thông báo sẽ biến mất khi cuộn vòng lựa chọn bên phải hoặc khi hệ thống đã xác định người lái đang lái xe bình thường.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Thông báo sẽ biến mất khi bạn cuộn vòng lựa chọn bên phải.

Nếu một vạch sáng lên, khoảng cách mà CMBS cảnh báo có thể được đặt thành Xa, và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể được đặt thành Sớm.

➡ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677
➡ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697

Nếu hệ thống không được đặt lại, Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái sẽ tiếp tục chỉ sáng một vạch.

■ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái được cài đặt lại khi:**
- Động cơ tắt.
- Người lái tháo dây đai an toàn và mở cửa khi xe đã dừng.

■ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:**
- Xe đi với tốc độ trên 40 km/h.
- Đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS) tắt.

■ **Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc các yếu tố khác mà Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái có thể không hoạt động trong các trường hợp sau:**
- Chức năng hỗ trợ lái của Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) đang hoạt động.
  ➲ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729
- Điều kiện đường sá kém, ví dụ mặt đường không trải nhựa hoặc mấp mô.
- Trời gió to.
- Người lái điều khiển xe ở trạng thái tự chủ như thường xuyên thay đổi làn đường hoặc tăng tốc.

■ **Tùy chọn**

Bạn có thể thay đổi các cài đặt Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. Chọn **Tactile and audible alert (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh)**, **Tactile alert only (Chỉ cảnh báo bằng rung vô lăng)** hoặc **OFF (TẮT)**.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➲ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➲ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Loại xe tại Châu Đại Dương

**Tactile and audible alert (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh)** sẽ được chọn mỗi khi bạn BẬT chế độ nguồn, ngay cả khi bạn đã thay đổi cài đặt Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái trong lần lái xe trước đó.

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:

Các thanh chia mức trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị màu xám trừ khi Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái đang hoạt động.

*Còn nữa*

## ■ Giám sát phân phối mô-men xoắn AWD*

Các đèn báo trên màn hình hiển thị lượng mô-men xoắn được truyền đến bánh trước bên phải, bánh trước bên trái, bánh sau bên phải và bánh sau bên trái.

➲ **Hệ dẫn động bốn bánh (AWD) thời gian thực với hệ thống điều khiển thông minh*** Tr. 655

## ■ Dây đai an toàn

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

➲ **Nhắc thắt dây đai an toàn** Tr. 50

## ■ Bảo dưỡng

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

➲ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 815

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Hệ thống hỗ trợ an toàn

Biểu thị trạng thái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS, Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp*, hệ thống thông tin điểm mù* và hệ thống cảm biến đỗ*/cảnh báo cảm biến đỗ*, chẳng hạn như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc và chữ cái.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

Hệ thống hỗ trợ an toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

- **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677
- **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697
- **Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*** Tr. 691
- **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779
- **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 665

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

- **Đèn báo** Tr. 156
- **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám)** Tr. 159
- **Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 154
- **Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 154
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách)** Tr. 155
- **Đèn báo TẮT tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường** Tr. 155
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám)** Tr. 155



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

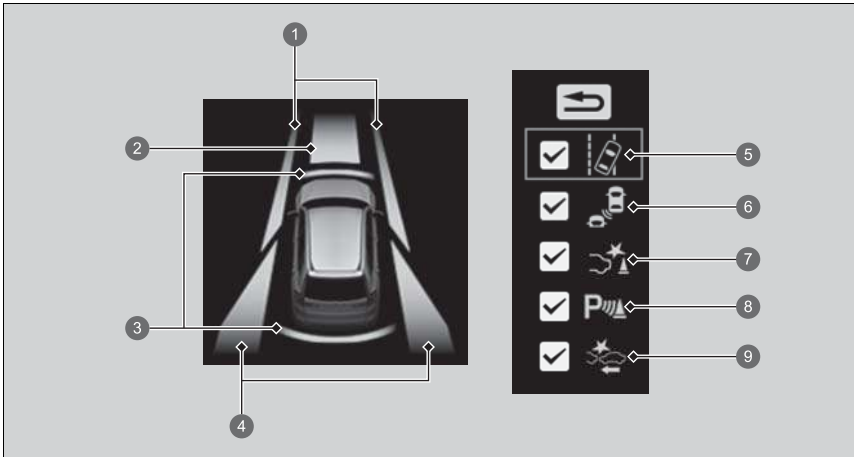


❶ Thông tin vùng cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❷ Thông tin vùng cho CMBS
❸ Thông tin vùng cho Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp* và Hệ thống cảm biến đỗ*/Cảnh báo cảm biến đỗ*
❹ Thông tin vùng cho Hệ thống thông tin điểm mù*
❺ Biểu tượng và Thông tin trạng thái hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❻ Biểu tượng và Thông tin trạng thái hệ thống thông tin điểm mù*
❼ Biểu tượng và thông tin trạng thái Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp*
❽ Biểu tượng và thông tin trạng thái của Hệ thống cảm biến đỗ*/Cảnh báo cảm biến đỗ*
❾ Biểu tượng và Thông tin trạng thái CMBS

## Hệ thống hỗ trợ an toàn

Loại xe có Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp

Ngay cả khi biểu tượng Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp có màu xanh lục, nếu **Cài đặt cảm biến phía sau** bị tắt, hệ thống hỗ trợ phanh sẽ không hoạt động khi lùi xe.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ phía trước

Ngay cả khi biểu tượng Hệ thống cảm biến đỗ màu xanh lục, nếu **Cài đặt cảm biến phía sau** tắt, cảm biến đỗ phía sau sẽ không hoạt động khi lùi xe.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Độ sáng

Ấn vòng lựa chọn bên phải khi màn hình **Brightness (Độ sáng)** được hiển thị.

Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên phải để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.
**Tăng độ sáng:** Cuộn vòng lựa chọn bên phải lên.
**Giảm độ sáng:** Cuộn vòng lựa chọn bên phải xuống.

Ấn vòng lựa chọn bên phải để thoát.

## ■ Chế độ hỗ trợ ổn định xe

Bạn có thể bật hoặc tắt VSA.

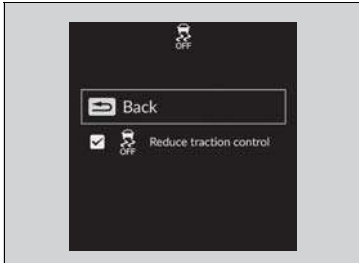


Cuộn vòng lựa chọn bên phải để cuộn đến chọn **Reduce traction control (Giảm kiểm soát độ bám),** sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải để chọn hoặc bỏ chọn.

➡ **Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)** Tr. 652

Độ sáng

Độ sáng của đồng hồ đo được điều chỉnh tự động theo độ sáng ngoài trời.
- Độ sáng giảm khi ánh sáng xung quanh tối.
- Độ sáng tăng khi ánh sáng xung quanh sáng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt ngay cả khi ánh sáng xung quanh sáng, nhưng độ sáng của đồng hồ đo sẽ không thay đổi.



*Còn nữa*

## ■ Cài đặt hiển thị bảng điều khiển

### ■ Sắp xếp nội dung ở vùng bên phải

Bạn có thể lựa chọn nội dung hiển thị ở vùng bên phải màn hình.

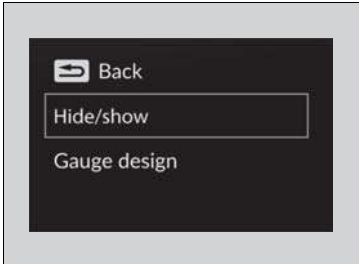


1. Ấn vòng lựa chọn bên phải khi chọn **Instrument display settings (Cài đặt hiển thị bảng điều khiển)** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Hide/show (Ẩn/hiện)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

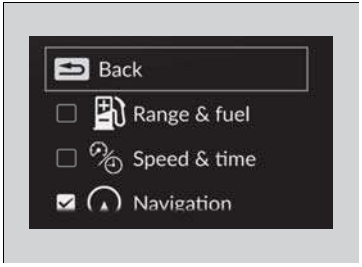


3. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để thay đổi nội dung, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải để chọn hoặc bỏ chọn.

**Sắp xếp nội dung ở vùng bên phải**

Bạn không thể xóa các nội dung màu xám ở vùng bên phải.

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, sang số P.

### ■ Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo.

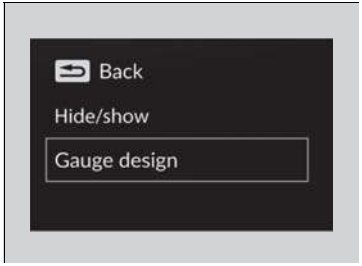


1. Ấn vòng lựa chọn bên phải khi chọn **Instrument display settings (Cài đặt hiển thị bảng điều khiển)** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Gauge design (Kiểu hiển thị đồng hồ đo)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

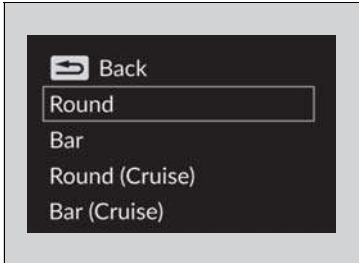


3. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn cài đặt mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo

Khi sử dụng thiết kế đồng hồ **Tròn (Chế độ hành trình)** hoặc dạng **Thanh (Chế độ hành trình)**, màn hình hiển thị đơn giản hơn sẽ được sử dụng khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp đang hoạt động.

## ■ Cảnh báo

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

Cảnh báo

Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem các cảnh báo khác.

# Màn hình hiển thị trên kính chắn gió*

Hiển thị chế độ hiện tại của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp và LKAS; la bàn hoặc chỉ dẫn từng bước và tốc độ xe. Bạn có thể chọn mục muốn hiển thị bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái. Các đồng hồ này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.

Màn hình cũng hiển thị các thông báo sau:

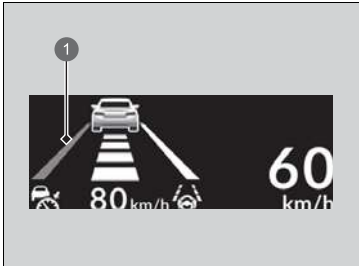


1 Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

- **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường:** Khi xe của bạn quá gần vạch kẻ làn đường, cảnh báo giảm thiểu chệch làn đường sẽ xuất hiện.
  - **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697
  - **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729

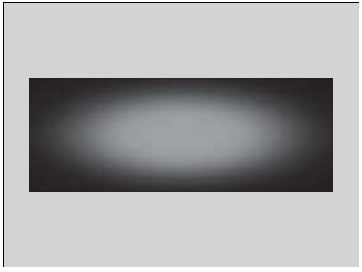

- **Đèn cảnh báo trên kính chắn gió:** Đèn sẽ nhấp nháy khi thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
  - **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677
  - **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cài đặt màn hình hiển thị trên kính chắn gió

Hiển thị màn hình để thay đổi cài đặt màn hình hiển thị trên kính chắn gió trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn để chọn **Head-Up Display settings (Cài đặt màn hình hiển thị trên kính chắn gió)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 194

### ■ Để thay đổi nội dung màn hình hiển thị trên kính chắn gió

1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn để chọn **nội dung HUD**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn để chọn mục mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
   - **Đồng hồ đo tốc độ xe**
     ➡ **Đồng hồ đo tốc độ** Tr. 216
   - **Định vị**
     ➡ **Định vị** Tr. 216
   - **Hỗ trợ người lái**
     ➡ **Chế độ hiện tại cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp và LKAS** Tr. 216
   - **OFF (TẮT)**

Cài đặt màn hình hiển thị trên kính chắn gió

**Nội dung HUD**

➡ **Để thay đổi nội dung màn hình hiển thị trên kính chắn gió** Tr. 213

**Độ sáng HUD**

➡ **Điều chỉnh độ sáng màn hình hiển thị trên kính chắn gió** Tr. 215

**Chiều cao HUD**

➡ **Điều chỉnh chiều cao màn hình hiển thị trên kính chắn gió** Tr. 215



*Còn nữa*

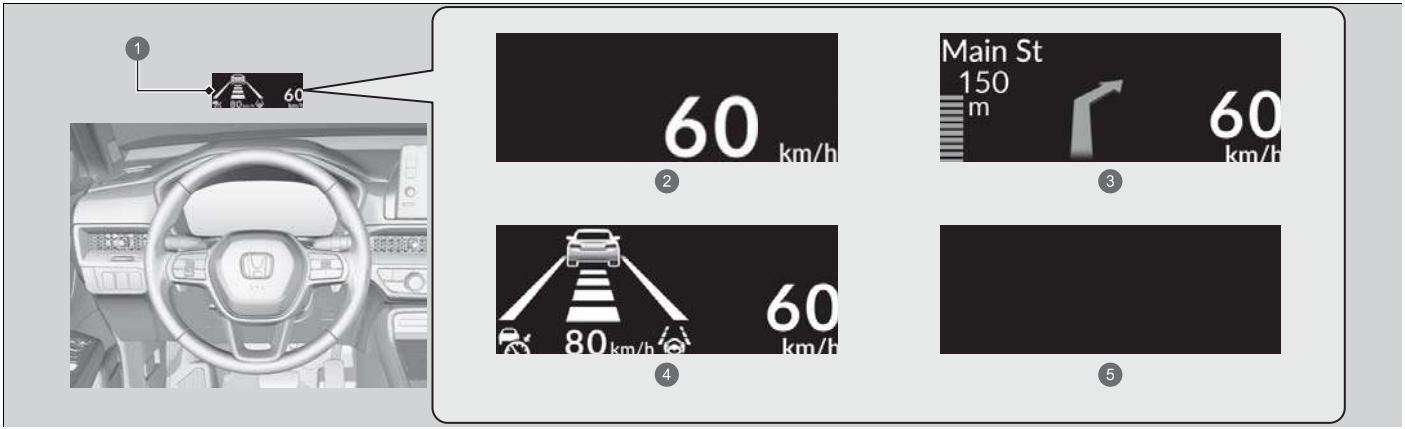


❶ Màn hình hiển thị trên kính chắn gió
❷ **Đồng hồ đo tốc độ xe**
❸ **Định vị**
❹ **Hỗ trợ người lái**
❺ **TẮT**

■ **Điều chỉnh độ sáng màn hình hiển thị trên kính chắn gió**
Cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn để chọn **độ sáng HUD**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

**Tăng độ sáng**: Cuộn vòng lựa chọn bên trái lên.
**Giảm độ sáng**: Cuộn vòng lựa chọn bên trái xuống.

Ấn vòng lựa chọn bên trái để thoát.

■ **Điều chỉnh chiều cao màn hình hiển thị trên kính chắn gió**
Cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn để chọn **chiều cao HUD**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

**Nâng màn hình hiển thị trên kính chắn gió lên:** Cuộn vòng lựa chọn bên trái lên.
**Hạ màn hình hiển thị trên kính chắn gió xuống:** Cuộn vòng lựa chọn bên trái xuống.

Ấn vòng lựa chọn bên trái để thoát.

Điều chỉnh chiều cao màn hình hiển thị trên kính chắn gió

Khi bạn mở khóa và mở cửa người lái bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa, màn hình hiển thị trên kính chắn gió sẽ tự động điều chỉnh đến một trong hai vị trí đã cài đặt trước.



*Còn nữa*

## ■ Đồng hồ đo tốc độ

Hiển thị tốc độ lái xe của bạn tính bằng km/h.

## ■ Chế độ hiện tại cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp và LKAS

Hiển thị chế độ hiện tại cho ACC có bao gồm Dải tốc độ thấp và LKAS.

➔ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707
➔ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729

## ■ Định vị

### ■ La bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

### ■ Chỉ dẫn từng bước

Khi xe được trang bị hệ thống định vị*, Google Maps*, Android Auto hoặc Apple CarPlay, chỉ dẫn từng bước đến điểm đến của bạn sẽ hiển thị.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tham khảo Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị**
➔ **Android Auto™*** Tr. 439
➔ **Apple CarPlay** Tr. 433

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Android Auto™** Tr. 529
➔ **Apple CarPlay** Tr. 525
➔ **Tích hợp Google** Tr. 533

Định vị

Bạn có thể chọn hiển thị chỉ dẫn từng bước trong quá trình hướng dẫn lộ trình hay không.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Các tính năng định vị có thể không khả dụng cho tất cả các ứng dụng.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Điều khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết khi điều khiển xe.

**Đồng hồ**..... 218
**Khóa và mở khóa cửa**
Chìa khóa ..... 219
Tín hiệu Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu ..... 222
Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài.... 223
Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong .... 232
Khóa an toàn trẻ em ..... 234
Khóa/Mở khóa cửa tự động* ..... 235
**Cửa hậu**..... 236
**Hệ thống an ninh**
Hệ thống chống nổ máy ..... 247
Hệ thống cảnh báo an ninh ..... 248
**Cửa kính**..... 249
**Cửa sổ trời toàn cảnh***..... 253
**Vận hành các công tắc quanh vô lăng**
Nút ENGINE START/STOP..... 257
Xi nhan ..... 260
Đèn..... 261
Điều chỉnh đèn chiếu sáng*..... 267
Đèn pha thích ứng tự động ..... 269
Cần gạt nước và Rửa kính..... 272
Nút sấy kính sau..... 275
Hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe* ..... 276
Điều chỉnh vô lăng..... 278
**Gương**
Gương chiếu hậu ..... 279
Gương cửa điện..... 281
**Ghế ngồi** ..... 283
**Các hạng mục tiện ích bên trong khác** .303
**Hệ thống điều hòa không khí**..... 325


* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Điều chỉnh đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi chế độ nguồn BẬT.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

## ■ Điều chỉnh thời gian

1. Ấn nút **MENU**.
2. Chọn **Clock Settings**.
3. Chọn **Automatic Time**, sau đó chọn **OFF**.
4. Chọn **Set Time**.
5. Chọn **12H(12-H)/24H(24-H)** để thay đổi đồng hồ 12 hoặc 24 giờ.
6. Chọn ▲ hoặc ▼.
7. Chọn **Set** để cài đặt thời gian.

❶ Nút **MENU**

Điều chỉnh đồng hồ

Loại xe có Màn hình giải trí

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chỉnh màn hình đồng hồ.

Loại xe không tích hợp Google

➔ **Cài đặt đồng hồ** Tr. 402

Loại xe tích hợp Google

➔ **Cài đặt đồng hồ** Tr. 499

Điều chỉnh thời gian

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn có thể chọn và nhập bằng núm **LIST/SELECT** (Danh sách/Bộ chọn) thay vì chạm vào bảng điều khiển cảm ứng.

## Chìa khóa

Xe này có những chìa khóa sau:

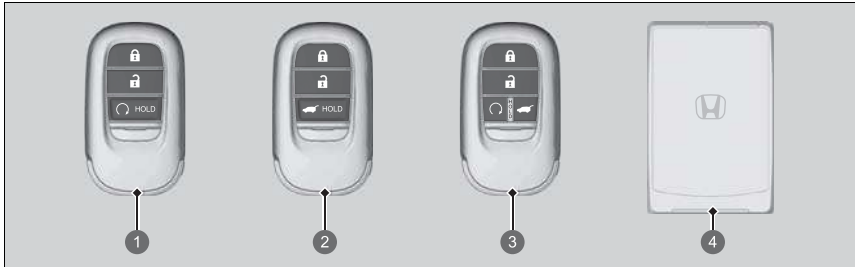


❶ Chìa khóa điều khiển từ xa*1
❷ Chìa khóa điều khiển từ xa*2
❸ Chìa khóa điều khiển từ xa*3
❹ Khóa thẻ từ*

Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, để khóa và mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu.

*1 : Loại xe có khởi động động cơ từ xa
*2 : Loại xe có cửa hậu điện
*3 : Loại xe có khởi động động cơ từ xa và cửa hậu điện

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### Chìa khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nổ máy. Hệ thống chống nổ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

➡ **Hệ thống chống nổ máy** Tr. 247

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đè vật nặng lên.
- Để thiết bị cách xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận của chìa khóa trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ phát tín hiệu từ xa có thể không hoạt động.
Nếu chìa khóa không hoạt động đúng cách, hãy mang đến đại lý để kiểm tra.

**Loại xe có khởi động động cơ từ xa**

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chức năng khởi động động cơ từ xa.

➡ **Khởi động động cơ từ xa*** Tr. 613

## ■ Chìa khóa tích hợp

Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* yếu và không thể mở khóa cửa điện.

Để tháo chìa khóa tích hợp, ấn nút nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

1 Nút nhả
2 Chìa khóa tích hợp

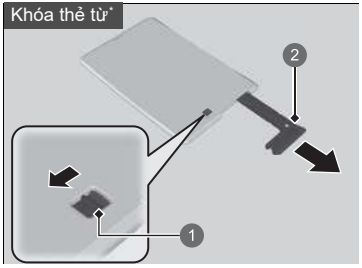


Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong khóa thẻ từ cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

1 Núm nhả
2 Chìa khóa tích hợp





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Thẻ mã số chìa khóa

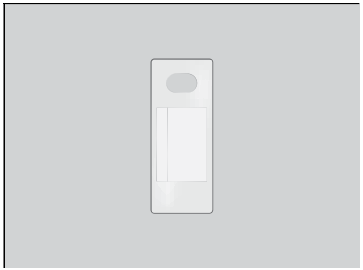

Chứa mã số mà bạn sẽ cần khi mua chìa khóa thay thế.

**»Thẻ mã số chìa khóa**

Để thẻ mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe.
Nếu muốn mua thêm chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

# Tín hiệu Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu

Xe truyền sóng radio để xác định vị trí của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* để khởi động động cơ và khóa cũng như mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu.

Trong các trường hợp sau đây, việc khởi động động cơ, khóa/mở khóa các cửa/cửa hậu/cửa nạp nhiên liệu có thể bị ngăn cản hoặc hoạt động có thể không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát tín hiệu sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.
- Khóa thẻ từ* có nắp che hoặc trong hộp có thể chặn sóng radio.

## Tín hiệu Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.
Tuổi thọ của pin được khoảng 2*1 hoặc 1,5*2 năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng.
Pin sẽ tiêu hao mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nhận được sóng radio mạnh.
Tránh đặt cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

### Chìa khóa điều khiển từ xa

Hãy tắt chức năng thu sóng radio để giảm tiêu hao pin. Khi giữ cùng lúc các nút khóa và mở khóa trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và chức năng thu sóng radio sẽ tắt.
Nếu ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa, chức năng thu sóng radio sẽ hoạt động trở lại.

*1 : Chìa khóa điều khiển từ xa
*2 : Khóa thẻ từ



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài

## ■ Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa

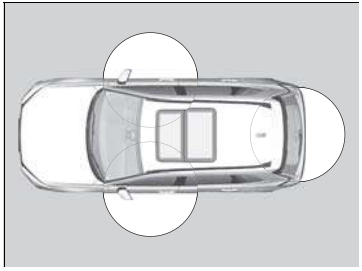

Khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu.

Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu trong phạm vi bán kính khoảng 80 cm tính từ tay nắm cửa bên ngoài hoặc tay nắm bên ngoài của cửa hậu.

### Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa xe và cửa hậu.
Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây.
Các cửa và cửa hậu khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.

➡ **Đèn trong xe** Tr. 303

### Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa

Nếu bạn không mở cửa xe hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống mở cửa không chìa khóa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống mở cửa không chìa khóa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Khóa cửa và cửa hậu

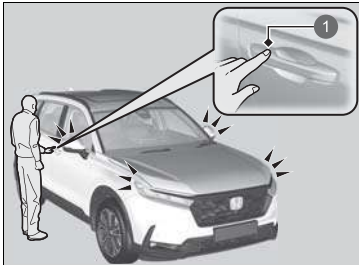


❶ Cảm biến khóa cửa

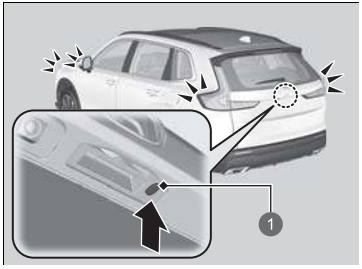


❶ Nút khóa

Chạm vào cảm biến khóa cửa ở cửa trước hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa hậu.

- ▶ Tất cả các cửa và cửa hậu khóa và hệ thống an ninh được thiết lập.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần và tiếng bíp vang lên một lần.

### Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu khi ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc nước rửa xe, bạn có thể khóa hoặc mở khóa cửa xe khi có chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm tay nắm cửa trước hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi khóa hoặc mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, chờ 2 giây, sau đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu muốn mở khóa ngay sau khi khóa cửa, hãy đợi ít nhất 2 giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không cửa sẽ không mở khóa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo cửa ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Ngay cả trong phạm vi bán kính 80 cm, bạn có thể không khóa/mở khóa được các cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nếu thiết bị nằm ở phía trên hoặc phía dưới tay nắm bên ngoài.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* có thể không hoạt động nếu thiết bị ở quá gần cửa, kính cửa và cửa hậu.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Mở khóa cửa và cửa hậu

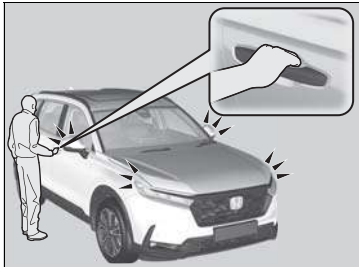

Nắm tay nắm cửa trước:

- ▶ Tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

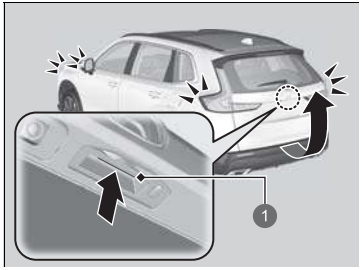


Ấn vào tay nắm bên ngoài:

- ▶ Cửa hậu và tất cả các cửa mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

➡ **Mở/Đóng cửa hậu** Tr. 237

❶ Tay nắm bên ngoài

Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa

Có thể tùy chỉnh cài đặt nháy đèn và tiếng bíp.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Loại xe có cửa hậu điện

Bạn cũng có thể mở khóa và mở cửa bằng cửa hậu điện.

➡ **Sử dụng tay nắm bên ngoài cửa hậu** Tr. 243



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

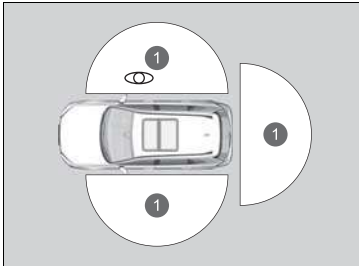


❶ Phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động là khoảng 1,5 m.

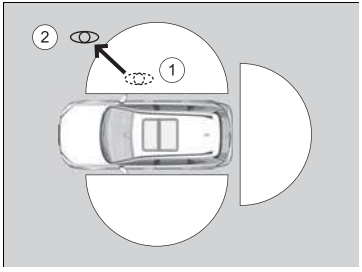


### ■ Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Khi bạn rời khỏi xe với tất cả các cửa và cửa hậu đã đóng trong khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu sẽ tự động khóa.

Chức năng tự động khóa sẽ kích hoạt khi tất cả các cửa và cửa hậu đã đóng hoặc tất cả các cửa đã đóng và cửa hậu bắt đầu vận hành đóng bằng điện* và chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nằm trong phạm vi bán kính khoảng 1,5 m tính từ tay nắm cửa bên ngoài hoặc tay nắm bên ngoài của cửa hậu.

Ra khỏi xe, đồng thời mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đóng (các) cửa và cửa hậu.

**1.** Cách xe khoảng 1,5 m.
   ▶ Tiếng bíp vang lên; chức năng khóa cửa tự động sẽ được kích hoạt.

**2.** Mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.
   ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu sau đó sẽ khóa.

**Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)**

Chức năng khóa cửa tự động được cài đặt TẮT như cài đặt mặc định gốc. Có thể BẬT chức năng tự động khóa bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin. Nếu bạn cài đặt chức năng tự động khóa thành BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin, chỉ bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa đã được dùng để mở khóa cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt tự động khóa.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi hoạt động khóa/mở khóa cửa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ tiếp tục nhấp nháy cho tới khi các cửa và cửa hậu khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

Nếu mở một cửa hoặc cửa hậu sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa tự động vang lên, chức năng khóa tự động sẽ bị hủy.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Để tạm thời hủy chức năng:

**1.** Đặt chế độ nguồn ở TẮT.

**2.** Mở cửa người lái.

**3.** Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa → Mở khóa → Khóa → Mở khóa.
▶ Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa tự động bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động.
- Mở một cửa bất kỳ.

**Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)**

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.

▶Tiếng bíp không vang lên.

- Mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra ngoài phạm vi hoạt động trước khi đóng tất cả các cửa và cửa hậu.

▶Tiếng bíp vang lên.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở bất kỳ điều kiện nào dưới đây.

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.
- Cửa, cửa hậu hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không nằm trong phạm vi bán kính khoảng 1,5 m tính từ xe khi bạn rời khỏi xe và đóng các cửa và cửa hậu.

**Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động**

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động vang lên khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* đặt bên trong cửa hậu.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, hãy kiểm tra để đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*. Sau đó, mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên một lần.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cài đặt trước tính năng khóa

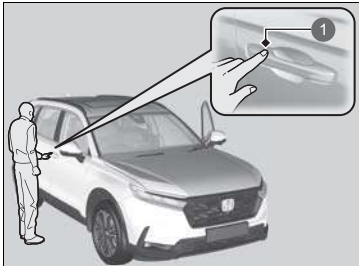


❶ Cảm biến khóa cửa

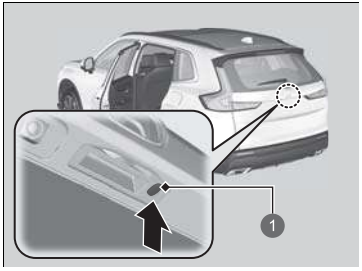


❶ Nút khóa

Xe sẽ tự động khóa sau khi bạn khóa các cửa trước, sau đó đóng các cửa và cửa hậu. Kích hoạt cài đặt trước tính năng khóa sau khi đóng cửa người lái.

**1.** Chạm vào cảm biến khóa cửa trên cửa người lái, ấn nút khóa trên cửa hậu hoặc ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa.
▶ Âm thanh cảnh báo vang lên và chức năng cài đặt trước tính năng khóa hoạt động.

**2.** Đóng tất cả các cửa và cửa hậu.
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi xe khóa.

Đảm bảo khóa các cửa và cửa hậu trước khi ra khỏi xe.

Cài đặt trước tính năng khóa

### ⚠CẢNH BÁO

Việc mở hoặc đóng cửa hậu điện* lên tay hoặc ngón có thể gây chấn thương nghiêm trọng. Hãy đảm bảo tất cả tay và ngón tay, đặc biệt là của trẻ em, tránh xa cửa hậu điện*.

Cài đặt trước tính năng khóa sẽ được đặt lại nếu cửa hoặc cửa hậu được mở trước khi xe khóa hoàn toàn.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

Bạn có thể bật và tắt chức năng này.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu
➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google
➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

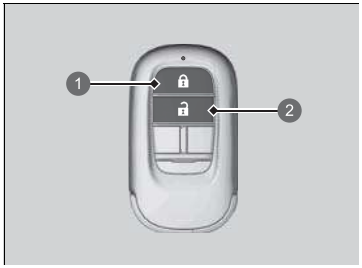


❶ Nút khóa
❷ Nút mở khóa

### ■ Khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút khóa.

**Một lần:**

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu khóa và hệ thống an ninh được thiết lập.

**Hai lần (trong vòng năm giây sau khi bấm lần thứ nhất):**

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

### ■ Mở khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút mở khóa.

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần, tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.

**Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa**

Nếu bạn không mở cửa xe hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

Nếu khoảng cách hoạt động của bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hay bị thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu.
Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể đã hết pin.

➲ **Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa** Tr. 859



*Còn nữa*

## ■ Mở khóa cửa bằng chìa khóa

Nếu chức năng mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không hoạt động, hãy sử dụng chìa khóa tích hợp. Ổ khóa ở phía sau tay nắm cửa.

Chìa khóa điều khiển từ xa

Khóa thẻ từ*

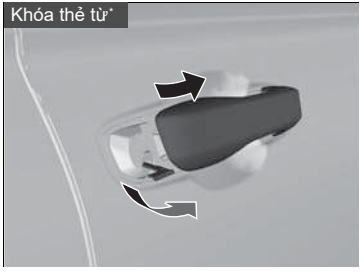

Kéo và giữ tay nắm bên ngoài.
Cắm chìa khóa tích hợp vào ổ khóa phía dưới tay nắm cửa rồi xoay.

### Mở khóa cửa bằng chìa khóa

Khi bạn mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ mở khóa cùng một lúc.

Ngoại trừ các loại xe năm chỗ ngồi tại Châu Mỹ La-tinh với AWD

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi và loại xe tại Trung Đông

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ vang lên.

Nếu chức năng khóa của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không hoạt động, hãy tham khảo phần sau.

➔ **Khóa cửa không sử dụng chìa khóa**
Tr. 231





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Khóa cửa không sử dụng chìa khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó mà bạn không khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa.

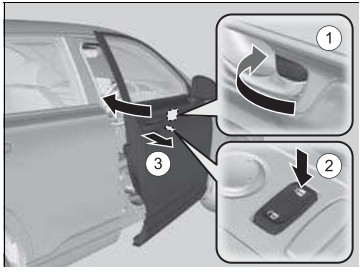


### ■ Khóa cửa người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ① hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ②, sau đó kéo và giữ tay nắm cửa bên ngoài ③. Đóng cửa, sau đó thả tay nắm.

### ■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tai khóa về phía trước và đóng cửa.

### ■ Hệ thống chống khóa cửa

Các cửa và cửa hậu không thể khóa khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.

**Khóa cửa không sử dụng chìa khóa**

Khi bạn khóa cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong

## ■ Sử dụng tai khóa

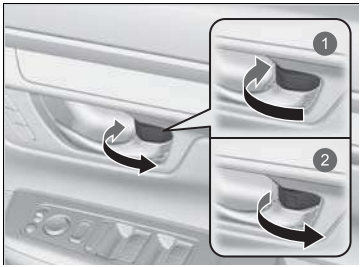


❶ Để khóa
❷ Để mở khóa

**■ Khóa cửa**
Đẩy tai khóa về phía trước.

**■ Mở khóa cửa**
Kéo tai khóa về phía sau.

Sử dụng tai khóa

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

## ■ Mở khóa bằng tay nắm bên trong cửa trước

Kéo tay nắm bên trong cửa người lái hoặc cửa hành khách*.

► Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Mở khóa và mở cửa người lái bằng tay nắm bên trong sẽ mở khóa tất cả các cửa khác.

## ■ Sử dụng công tắc khóa cửa chính

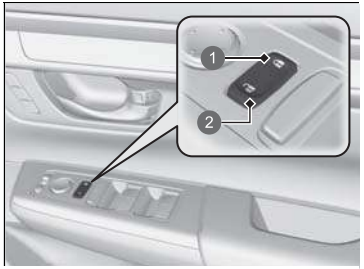


Ấn công tắc khóa cửa chính như hình minh họa để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

❶ Để khóa
❷ Để mở khóa

### Mở khóa bằng tay nắm bên trong cửa trước

Tay nắm bên trong cửa người lái hoặc cửa hành khách* có chức năng giúp người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa người lái hoặc cửa hành khách* khi xe đang chạy.

Trẻ em luôn phải ngồi ở hàng ghế thứ hai hoặc hàng ghế thứ ba* nơi có trang bị khóa cửa an toàn cho trẻ em.

➔ **Khóa an toàn trẻ em** Tr. 234

### Sử dụng công tắc khóa cửa chính

Khi bạn khóa/mở khóa một trong hai cửa trước bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Khóa an toàn trẻ em

Khóa an toàn trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tai khóa ở đâu.

## ■ Cài đặt khóa an toàn trẻ em

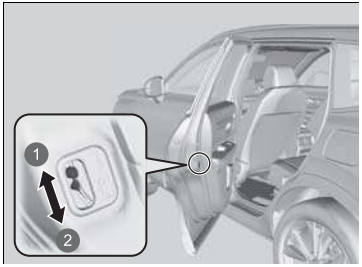


Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

**■ Khi mở cửa**

Mở cửa bằng tay nắm cửa bên ngoài.

❶ Mở khóa
❷ Khóa

Khóa an toàn trẻ em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa an toàn trẻ em bật, gạt tai khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm cửa bên ngoài.

# Khóa/Mở khóa cửa tự động*

Xe của bạn tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa khi đáp ứng một điều kiện nhất định.

## ■ Khóa cửa tự động

**■ Chế độ khóa khi lái xe**

Tất cả các cửa sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

## ■ Mở khóa cửa tự động

**■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe**

Tất cả các cửa mở khóa khi hộp số ở số P và nhấn bàn đạp phanh.

**Khóa/Mở khóa cửa tự động***

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động khác trên màn hình giao diện cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Lưu ý khi Mở/Đóng cửa hậu

Luôn đảm bảo không có ai và vật gì ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

Loại xe không có cửa hậu điện

- Mở hoàn toàn cửa hậu.
  ▶ Nếu cửa hậu không mở hết, cửa sẽ tự đóng lại bởi sức nặng của cửa.
- Cẩn thận khi trời có gió vì gió có thể làm cửa hậu sập xuống.

Tất cả các loại xe

Luôn đóng cửa hậu trong khi lái xe để:

▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.

▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào xe.

➔ **Khí CO** Tr. 133

Lưu ý khi Mở/Đóng cửa hậu

**⚠CẢNH BÁO**

Không để ai ở gần cửa hậu khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị chấn thương nặng.

Hãy đảm bảo không có ai ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

Cẩn thận không va đầu vào cửa hậu hoặc không để tay vào giữa cửa hậu và khoang hành lý khi đóng cửa hậu.

Khi bạn cất hoặc lấy hành lý từ khoang hành lý hoặc bằng cách dùng động tác đá tới lui dưới phần giữa cản sau để mở cửa rảnh tay*, trong khi động cơ đang chạy không tải, không được đứng trước ống xả để tránh bị bỏng.

Không để bất kỳ hành khách nào ngồi trong khoang hành lý để tránh bị thương khi xe phanh gấp, tăng ga đột ngột, hoặc khi xảy ra va chạm.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Mở/Đóng cửa hậu

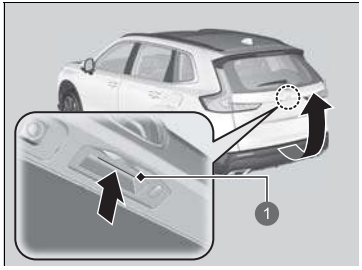


❶ Tay nắm bên ngoài

Khi mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu sẽ mở khóa.
Ấn tay nắm bên ngoài và nâng cửa hậu lên để mở.

Nếu bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn không cần phải mở khóa cửa hậu trước khi mở cửa hậu.

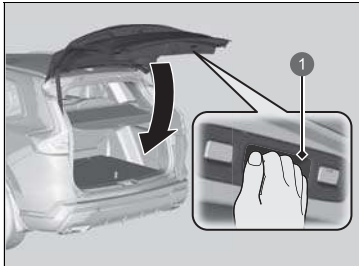


❶ Tay nắm bên trong

Để đóng cửa hậu, nắm tay nắm bên trong, kéo cửa hậu xuống và ấn cửa sập xuống từ bên ngoài.

### Lưu ý khi Mở/Đóng cửa hậu

Đảm bảo hành lý và các vật dụng khác không chạm vào thanh chống cửa hậu.

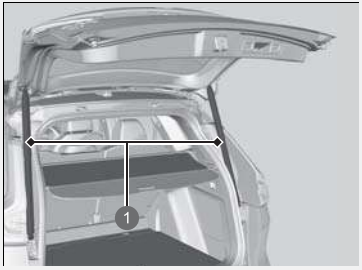


❶ Thanh chống cửa hậu

### Mở/Đóng cửa hậu

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn vẫn có thể mở khóa cửa hậu khi có người khác mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* đứng trong phạm vi hoạt động.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Mở/Đóng cửa hậu điện*

Cửa hậu điện có thể được vận hành bằng cách nhấn nút cửa hậu điện trên thiết bị điều khiển từ xa, nhấn nút cửa hậu điện trên bảng điều khiển phía người lái, nhấn tay nắm bên ngoài hoặc nút bên trong trên cửa hậu hoặc bằng cách đưa chân lên và xuống dưới vị trí giữa của cản sau để mở cửa rảnh tay*.

Có thể mở/đóng cửa hậu điện khi hộp số ở số P.



Mở/Đóng cửa hậu điện*

**⚠CẢNH BÁO**

Việc mở hoặc đóng cửa hậu điện khi bất kỳ bộ phận nào của hành khách nằm trong đường chuyển động của cửa hậu có thể gây chấn thương nghiêm trọng.

Hãy đảm bảo không có ai hoặc vật gì ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Không đẩy hoặc kéo cửa hậu điện khi cửa đang mở hoặc đóng tự động.
Cố mở hoặc đóng cửa hậu điện trong khi cửa đang hoạt động có thể làm hỏng khung cửa hậu.

Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh xe khi đóng mở cửa hậu điện. Nếu có ai đứng gần cửa hậu có thể bị chấn thương nặng nếu va đầu vào cửa hậu. Đặc biệt lưu ý khi có trẻ chơi ở xung quanh xe.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Sử dụng chức năng mở cửa rảnh tay*

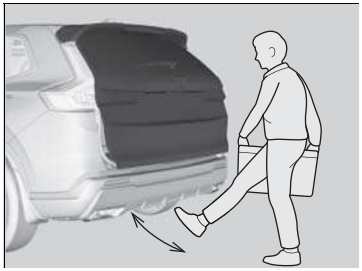

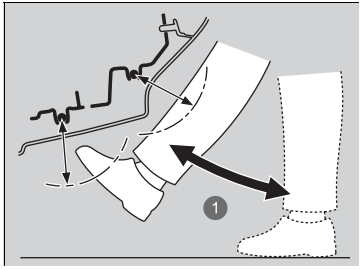


❶ Khoảng 1 giây

Thực hiện động tác đá chân ra trước rồi ra sau trong khoảng 1 giây dưới vị trí giữa của cản sau để mở hoặc đóng cửa hậu điện khi bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên, cửa hậu bắt đầu di chuyển.

Sử dụng chức năng mở cửa rảnh tay*

Khi trời mưa to hoặc vì những lý do khác khiến xe bị ướt, cảm biến có thể không phát hiện chính xác thao tác hươ chân của bạn.

Khi làm việc gần hoặc xung quanh phía sau xe, bạn có thể vô tình làm mở hoặc đóng cửa hậu.
Để ngăn điều này xảy ra, hãy chọn Tính năng tùy chỉnh trên màn hình âm thanh/thông tin và sau đó chọn TẮT cho tính năng đó.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Nếu bạn để chân phía dưới tấm cản quá lâu hoặc hươ chân qua lại, cửa hậu điện sẽ không mở hoặc đóng.

Chức năng này sẽ không hoạt động nếu bạn không có chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* trên người. Hãy đảm bảo rằng bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* trên người.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Đóng cửa hậu điện khi ra khỏi xe

Khi bạn ra khỏi xe trong khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, cửa hậu điện sẽ tự động đóng.

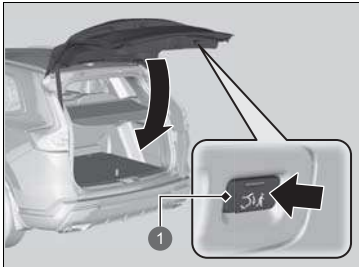


1. Nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe

**1.** Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và nhấn nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe.
▶ Đèn báo trên nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe sẽ chuyển sang màu xanh lục khi chức năng tự động đóng cửa hậu khi xa khỏi xe hoạt động.

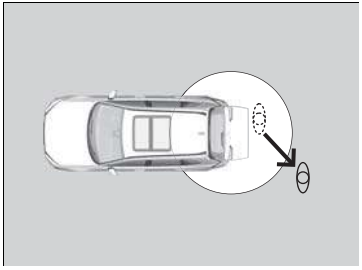

Cách xe ít nhất 1,0 m

**2.** Ra khỏi xe và đứng cách xe ít nhất 1,0 m trong vòng 30 giây sau khi ấn nút đóng cửa hậu điện khi ra khỏi xe.
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên, sau đó cửa hậu điện bắt đầu đóng lại.

**Đóng cửa hậu điện khi ra khỏi xe**

Khi đặt chức năng khóa tự động ở BẬT, xe sẽ tự động khóa khi tất cả các cửa và cửa hậu đóng.

➡ **Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** Tr. 226

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

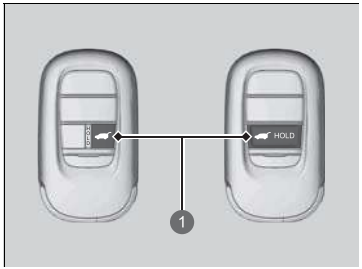


❶ Nút cửa hậu điện

Ấn nút cửa hậu điện trong hơn một giây để mở/đóng cửa hậu điện khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút trong hơn một giây và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

### ■ Tùy chỉnh khi mở cửa hậu

**Anytime (Bất cứ lúc nào):** Cửa hậu điện sẽ mở khóa và mở cùng lúc. Đây là cài đặt mặc định.

**When Unlocked/Khi mở khóa:** Cửa hậu sẽ mở khi tất cả các cửa được mở khóa.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Mở/Đóng cửa hậu điện*

Cửa hậu điện có thể không mở hoặc đóng trong các điều kiện sau:

- Bạn khởi động động cơ khi cửa hậu đang mở hoặc đóng tự động.
- Xe đang đỗ trên dốc cao.
- Xe bị chao đảo khi có gió mạnh.
- Cửa hậu hoặc nóc xe bị băng tuyết bao phủ.

Nếu bạn thay ắc-quy hoặc cầu chì cửa hậu điện trong khi cửa hậu đang mở, cửa hậu điện có thể không hoạt động. Cửa hậu điện chỉ hoạt động trở lại khi bạn đóng cửa hậu bằng tay.

Việc lắp đặt các bộ phận phụ tùng tương đương không phải Phụ kiện chính hãng Honda trên cửa hậu điện có thể khiến cửa hậu điện không thể mở hoặc đóng hoàn toàn.

Đảm bảo cửa hậu điện mở hoàn toàn trước khi bạn đưa hành lý vào và lấy hành lý ra.

Tiếng bíp sẽ vang lên nếu bạn bắt đầu lái xe trong khi cửa hậu điện vẫn mở hoặc đang đóng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Sử dụng nút cửa hậu điện

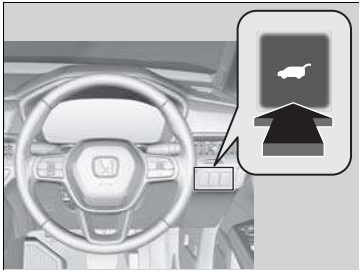

Để mở hoặc đóng cửa hậu điện, ấn nút cửa hậu điện trong khoảng một giây.

▶ Một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy và tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút trong khoảng một giây và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

### Mở/Đóng cửa hậu điện*

Không chạm vào các cảm biến ở hai bên cửa hậu. Cửa hậu điện sẽ không đóng nếu bạn chạm vào bất kỳ cảm biến nào khi bạn đang cố đóng cửa hậu.

Cẩn thận không để vật sắc nhọn làm xước các cảm biến. Nếu bị xước, các cảm biến có thể bị hỏng và tính năng đóng cửa hậu điện sẽ gặp sự cố.

Nếu cửa hậu điện va vào vật cản trong khi đang mở hoặc đóng, tính năng tự động đảo chiều sẽ làm đảo chiều cửa hậu. Tiếng bíp vang lên ba lần.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ không hoạt động khi cửa hậu đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Sử dụng tay nắm bên ngoài cửa hậu

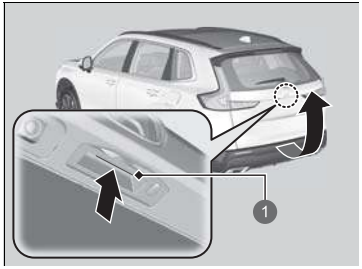


❶ Tay nắm bên ngoài

Nếu bạn ấn vào tay nắm bên ngoài cửa hậu không quá một giây, cửa hậu sẽ tự động mở.

▶ Tiếng bíp vang lên.

▶ Nếu bạn muốn mở cửa hậu bằng tay, hãy ấn vào tay nắm bên ngoài trong hơn một giây.

➔ **Mở/Đóng cửa hậu** Tr. 237

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần mở khóa cửa hậu trước khi mở.

Nếu bạn ấn vào tay nắm bên ngoài thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.
Ấn vào tay nắm bên ngoài và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

Sử dụng tay nắm bên ngoài cửa hậu

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn vẫn có thể mở khóa cửa hậu khi có người khác mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* đứng trong phạm vi hoạt động.

Bạn có thể thay đổi cài đặt bật và tắt cửa hậu điện.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Sử dụng nút bên trong cửa hậu

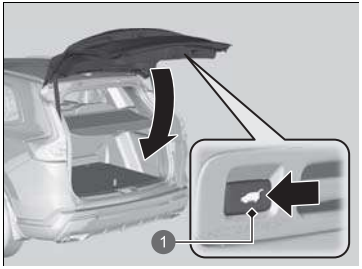


❶ Nút bên trong cửa hậu

Ấn nút bên trong cửa hậu để đóng cửa hậu điện.

► Tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút bên trong cửa hậu điện thêm một lần nữa và nhả ra, cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

## ■ Lập trình vị trí cửa hậu

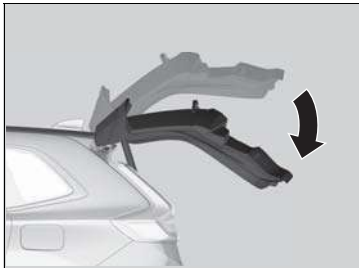

Có thể lập trình được phạm vi mở cửa hậu điện tự động.

Để lập trình:

**1.** Mở cửa hậu đến vị trí mong muốn.

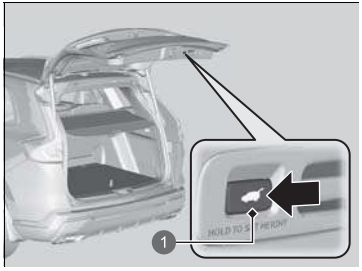


**2.** Ấn và giữ nút bên trong cửa hậu.
Bạn sẽ nghe thấy hai tiếng bíp ngắn sau một tiếng bíp dài.

❶ Nút bên trong cửa hậu

**Lập trình vị trí cửa hậu**

Nếu cửa hậu chỉ mở một chút, thì không thể lập trình được vị trí, ngay cả khi bạn ấn nút bên trong cửa hậu.

Nếu bạn muốn lập trình lại cửa hậu điện để mở hoàn toàn, hãy nâng cửa hậu lên vị trí cao nhất bằng tay và làm theo hướng dẫn ở bước 2.



*Còn nữa*

## ■ Đóng cửa tự động

Nếu bạn đóng cửa hậu điện bằng tay, cửa sẽ tự động chốt.

### Đóng cửa tự động

Tính năng tự động đóng sẽ không kích hoạt nếu bạn nhấn tay nắm bên ngoài của cửa hậu trong khi cửa hậu điện đang đóng.

CHÚ Ý

Không tác động lực lên cửa hậu khi cửa hậu điện đang chốt.

Khi đóng cửa hậu bằng tay, hãy buông tay ra và để cửa tự động chốt. Để tay gần cửa hậu khi cửa bắt đầu tự chốt rất nguy hiểm.

## ■ Phát hiện sập cửa hậu điện

Cửa hậu điện tự động hạ xuống là trường hợp cửa hậu điện đã được mở hoàn toàn có thể sập xuống do chính sức nặng của cửa (ví dụ, do có tuyết bám trên cửa hậu). Tiếng bíp vang lên khi cửa hậu điện hạ xuống.

### Phát hiện sập cửa hậu điện

Nếu bạn cố dùng tay để đóng cửa hậu điện ngay sau khi cửa vừa mở hoàn toàn, chức năng phát hiện sập cửa hậu điện có thể hoạt động.

Khi chức năng phát hiện sập cửa hậu điện hoạt động, hãy chờ đến khi cửa hậu điện đóng hoàn toàn. Đứng xa cửa hậu điện khi cửa đang hoạt động.

Nếu chức năng phát hiện sập cửa hậu điện hoạt động liên tục, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

## Hệ thống chống nổ máy

Hệ thống này giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng radio mạnh gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

Hệ thống chống nổ máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể làm mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển.
Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi rời khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.
Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Nếu hệ thống liên tục không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

# Hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi cố mở cửa hậu, nắp ca-pô hoặc các cửa. Báo động sẽ không kích hoạt nếu cửa hậu hoặc cửa xe được mở bằng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa.

### ■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động

Còi vang lên từng hồi và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

### ■ Tắt hệ thống cảnh báo an ninh

Sử dụng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, hệ thống mở cửa không chìa khóa hoặc chuyển chế độ nguồn sang BẬT để mở khóa xe. Hệ thống cùng với còi và các đèn đang nhấp nháy sẽ tắt.

### ■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tự động thiết lập trong những trường hợp sau:

- Chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả cửa xe và cửa hậu được khóa từ bên ngoài bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa.

### ■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

### ■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh bị hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa, hoặc khi chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tắt cùng lúc.

**Hệ thống cảnh báo an ninh**

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.
Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi tắt.
Hệ thống sẽ tiến hành đủ 10 chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ vang lên và đèn báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy.
Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tai khóa.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy nhả nắp ca-pô.

Nếu ắc-quy hết điện sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể vang lên khi nạp lại hoặc thay ắc-quy.
Nếu điều này xảy ra, hãy tắt báo động của hệ thống an ninh bằng cách mở khóa một cửa bằng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa.

Ngoại trừ các loại xe năm chỗ ngồi tại Châu Mỹ La-tinh với AWD

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi và loại xe tại Trung Đông

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ vang lên.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Mở/Đóng cửa kính điện

Có thể mở và đóng các cửa kính điện bằng các công tắc trên các cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái.

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

Mở/Đóng cửa kính điện

**⚠CẢNH BÁO**

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính có thể gây chấn thương nặng.

Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính khi đóng cửa.

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Ngoại trừ các loại xe tại Úc, Fiji và New Zealand

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Loại xe có chức năng mở/đóng tự động tất cả cửa kính

Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

Loại xe có chức năng tự động mở/đóng trên cửa kính người lái.

Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Loại xe tại Úc, Fiji và New Zealand

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 45 giây sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.



*Còn nữa*

## ■ Mở/Đóng cửa kính bằng chức năng Mở/Đóng tự động

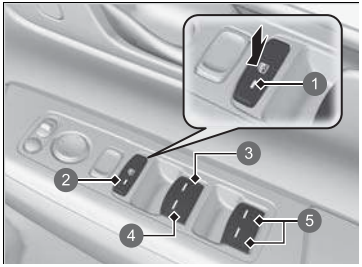


❶ Đèn báo
❷ Nút khóa cửa kính điện
❸ Công tắc cửa kính người lái
❹ Công tắc cửa kính hành khách trước*
❺ Công tắc cửa kính hành khách phía sau*

### ■ Vận hành bằng tay

**Để mở:** Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.
**Để đóng:** Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

### ■ Mở/Đóng tự động

**Để mở:** Ấn dứt khoát công tắc xuống.
**Để đóng:** Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Ấn hoặc kéo nhanh công tắc để dừng cửa kính bất cứ lúc nào.

Mở/Đóng cửa kính điện

**Chức năng tự động đảo chiều**
Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính người lái sẽ ngừng hoạt động khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Mở/Đóng cửa kính không có chức năng Mở/Đóng tự động*

❶ Đóng
❷ Mở

**Để mở:** Ấn công tắc xuống.
**Để đóng:** Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

## Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

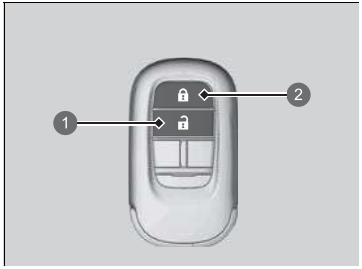


❶ Nút mở khóa
❷ Nút khóa

**Để mở:** Ấn nút mở khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

**Để đóng*:** Ấn nút khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh

Nếu bạn mở/đóng* các cửa kính bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, cửa sổ trời toàn cảnh sẽ tự động mở/đóng* theo cửa kính.

Bạn có thể thay đổi cài đặt mở cửa kính của chìa khóa điều khiển từ xa.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Mở cửa kính bằng chìa khóa*

Chìa khóa điều khiển từ xa

❶ Mở

Kéo và giữ tay nắm bên ngoài. Cắm hoàn toàn chìa khóa vào ổ khóa phía dưới tay nắm.

Mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây, xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay theo hướng mở khóa và giữ tại đó.

Nhả chìa khóa để dừng cửa kính ở vị trí mong muốn. Nếu muốn điều chỉnh thêm, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

Khóa thẻ từ*

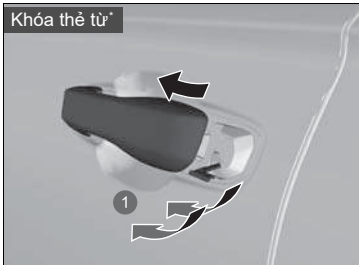


❶ Mở

Mở cửa kính bằng chìa khóa*

Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh

Nếu bạn mở các cửa kính bằng chìa khóa, cửa sổ trời toàn cảnh sẽ tự động mở theo.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Mở/Đóng cửa sổ trời toàn cảnh

Bạn có thể vận hành cửa sổ trời toàn cảnh khi chế độ nguồn đang BẬT. Sử dụng công tắc ở phía trước trần xe để mở và đóng cửa sổ trời toàn cảnh.

Mở/Đóng cửa sổ trời toàn cảnh

**⚠CẢNH BÁO**

Việc mở hoặc đóng cửa sổ trời toàn cảnh hoặc tấm che nắng có thể gây thương tích nghiêm trọng cho tay hoặc ngón tay của ai đó.

Hãy đảm bảo tất cả tay và ngón tay đều không chạm vào cửa sổ trời toàn cảnh và tấm che nắng trước khi mở hoặc đóng.

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Việc mở cửa sổ trời toàn cảnh khi nhiệt độ dưới mức đóng băng hoặc khi cửa sổ bị phủ bởi tuyết hoặc băng có thể làm hỏng tấm cửa sổ trời toàn cảnh hoặc mô-tơ.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## Mở/Đóng cửa sổ trời toàn cảnh

Ngoại trừ các loại xe tại Úc, Fiji và New Zealand

Cửa sổ trời toàn cảnh có thể hoạt động trong tối đa 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn về TẮT MÁY.

Loại xe có chức năng mở/đóng tự động tất cả cửa kính

Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

Loại xe có chức năng tự động mở/đóng trên cửa kính người lái.

Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Loại xe tại Úc, Fiji và New Zealand

Cửa sổ trời toàn cảnh có thể hoạt động trong tối đa 45 giây sau khi bạn đặt chế độ nguồn về TẮT MÁY. Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Khi phát hiện có lực cản, chức năng đảo chiều tự động sẽ khiến cửa sổ trời toàn cảnh đổi hướng, sau đó dừng lại. Chức năng đảo chiều tự động sẽ ngừng cảm biến khi cửa sổ trời toàn cảnh gần đóng hoàn toàn để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

Bạn có thể sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc chìa khóa* để vận hành cửa sổ trời toàn cảnh.

➔ **Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*** Tr. 251
➔ **Mở cửa kính bằng chìa khóa*** Tr. 252

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Sử dụng công tắc cửa sổ trời toàn cảnh

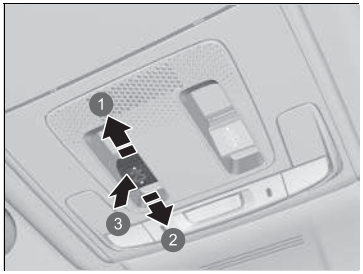


❶ Mở
❷ Đóng
❸ Lật

### ■ Mở/Đóng tự động

**Để mở:** Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.
**Để đóng:** Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Cửa sổ trời toàn cảnh tự động mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa sổ trời toàn cảnh giữa chừng, hãy kéo hoặc đẩy công tắc trong thời gian ngắn.

### ■ Vận hành bằng tay

**Để mở:** Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.
**Để đóng:** Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.

### ■ Nâng cửa sổ toàn cảnh lên

**Để lật:** Nhấn vào giữa công tắc cửa sổ trời toàn cảnh.
**Để đóng:** Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Sử dụng công tắc cửa sổ trời toàn cảnh

❶ Vị trí tiện nghi
❷ Vị trí mở hoàn toàn

Cửa sổ trời toàn cảnh không thể mở hoàn toàn chỉ trong một thao tác. Cửa sổ trời toàn cảnh có một "vị trí tiện nghi" hoặc vị trí giảm tiếng ồn gió, tại đó cửa sẽ dừng lại lần đầu.
Để mở hoàn toàn, hãy kéo công tắc về phía sau một lần nữa sau khi cửa đã dừng ở vị trí này.

Bất cứ khi nào cửa sổ trời toàn cảnh đang mở, tấm che nắng sẽ di chuyển theo. Tuy nhiên, khi cửa sổ trời toàn cảnh đang đóng, tấm che nắng sẽ không di chuyển.

Khi bạn nghiêng để mở cửa sổ trời toàn cảnh, tấm che nắng sẽ mở nhẹ ra để lấy không khí trong lành. Khi bạn đóng cửa sổ trời toàn cảnh từ vị trí này, tấm che nắng sẽ trở về vị trí đóng.



*Còn nữa*

## ■ Sử dụng công tắc tấm che nắng

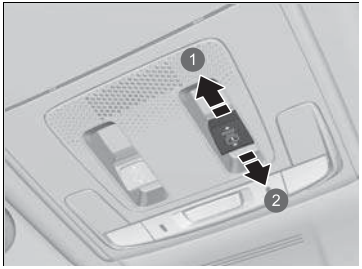


❶ Mở
❷ Đóng

### ■ Mở/đóng tự động

**Để mở:** Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.
**Để đóng:** Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Tấm che nắng tự động mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng tấm che nắng giữa chừng, hãy kéo hoặc đẩy công tắc trong thời gian ngắn.

### ■ Vận hành bằng tay

**Để mở:** Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.
**Để đóng:** Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.

Sử dụng công tắc tấm che nắng

Tấm che nắng có thể được mở hoặc đóng để điều chỉnh lượng ánh sáng chiếu vào khoang hành khách.

Khi bạn sử dụng công tắc tấm che nắng để mở tấm che nắng, cửa sổ trời toàn cảnh sẽ không di chuyển.

Tấm che nắng không thể đóng hoàn toàn nếu cửa sổ trời toàn cảnh đang mở. Khi bạn đóng tấm che nắng trong khi cửa sổ trời toàn cảnh đang mở, tấm che nắng sẽ dừng nhẹ lại phía trước kính cửa sổ trời toàn cảnh. Khi bạn đẩy công tắc về phía trước một lần nữa, tấm che nắng và cửa sổ trời toàn cảnh sẽ đóng cùng nhau.

# Nút ENGINE START/STOP

## Thay đổi chế độ nguồn

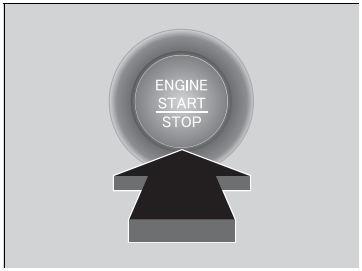


Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp phanh, chế độ nguồn sẽ thay đổi theo thứ tự này: TẮT MÁY→PHỤ KIỆN→BẬT→ TẮT MÁY.

**TẮT MÁY:**
Nguồn điện TẮT.
**PHỤ KIỆN:**
Có thể sử dụng hệ thống âm thanh và một số thiết bị.
**BẬT:**
Có thể sử dụng tất cả các thiết bị.

Nút ENGINE START/STOP

Nếu để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong hộp đựng hoặc ở một nơi mà tín hiệu có thể bị ngắt quãng, chế độ nguồn có thể không thay đổi.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, chế độ nguồn sẽ thay đổi sang PHỤ KIỆN nếu ấn nút **ENGINE START/ STOP** trong khi hộp số ở vị trí khác ngoài P.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Tắt nguồn tự động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để hộp số ở số P và chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc-quy.

Khi xe ở chế độ này: Vô lăng không khóa. Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa. Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

## ■ Nhắc chế độ nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

## ■ Nhắc Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ*

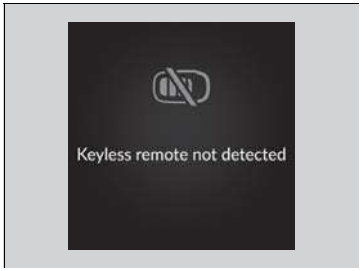


Khi đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT và rút chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở một nơi khác.

### ■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

### ■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên trong và bên ngoài xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo cũng sẽ sáng trên bảng điều khiển.

### Nhắc Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ*

Khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đã đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe sau khi động cơ đã khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt bộ phát tiếng bíp cảnh báo.

Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* lên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ. Nếu không sẽ làm cho bộ phát tiếng còi báo cảnh báo vang lên. Trong một số điều kiện khác có thể khiến xe không xác định được chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, còi báo cảnh báo cũng có thể kêu ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* vẫn nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Xi nhan

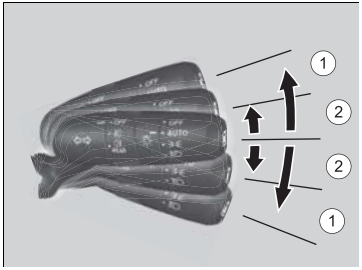


Có thể sử dụng xi nhan khi chế độ nguồn ở BẬT.

**■ ①: Xi nhan**

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

**■ ②: Gạt xi nhan một lần**

Khi bạn đẩy nhẹ cần xi nhan lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

► Nếu bạn đẩy nhẹ cần xi nhan theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

**Xi nhan**

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

**Đèn xi nhan và đèn cảnh báo nguy hiểm**
Tr. 147

# Đèn

## ■ Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí

Các đèn sẽ tự động bật tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh. Cũng có thể bật hoặc tắt đèn bằng tay.

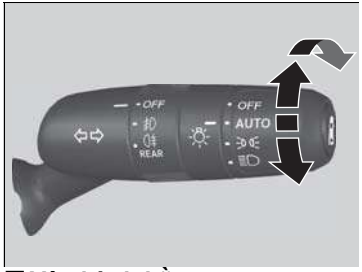


Các đèn ngoài xe sẽ tự động bật khi công tắc đèn được đặt ở **AUTO (TỰ ĐỘNG)** trong khi chế độ nguồn ở BẬT.

### ■ Vận hành bằng tay

**Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí:**

Xoay công tắc đèn sang [≡D].

**Đèn vị trí:**

Xoay công tắc đèn sang [≡D(].

**Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí tắt:**

Xoay công tắc đèn sang **OFF (TẮT)** và thả tay trong khi cần số ở [P] và gài phanh đỗ.

▶ Đèn sẽ tự động sáng lại khi:

- Xoay công tắc đèn sang **OFF (TẮT)** một lần nữa và thả tay.
- Đưa hộp số ra khỏi số [P] và nhả phanh đỗ.

**Đèn**

Khi bật các đèn, các đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.

➡ **Đèn báo đèn bật** Tr. 147

Đèn chiếu sáng chỉ thích hợp dùng cho các loại xe có vô lăng bên trái hoặc vô lăng bên phải. Khi lái xe trên đường có các quy định giao thông khác nhau, phải điều chỉnh chế độ chiếu xa.

➡ **Điều chỉnh phân bố đèn chiếu sáng*** Tr. 673

**Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí**

Khi đèn vị trí bật, đèn hậu, đèn đánh dấu bên hông phía sau và đèn biển số phía sau cũng sẽ sáng.

Khi xoay công tắc đèn sang [≡D(] hoặc [≡D] và chuyển chế độ nguồn sang TẮT, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

Khi xoay công tắc đèn sang **AUTO (TỰ ĐỘNG)** và độ sáng của môi trường xung quanh yếu, các đèn chiếu sáng và đèn vị trí sẽ sáng nếu bạn mở khóa cửa. Đèn sẽ tắt khi khóa cửa.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Chiếu xa

Khi đèn chiếu sáng bật, đẩy cần gạt về phía trước. Kéo cần gạt về phía sau để trở về chiếu gần.

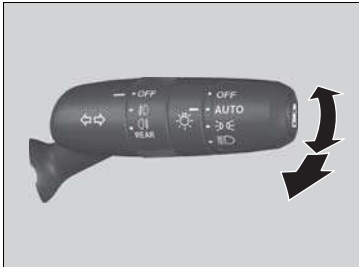


### ■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần gạt về phía sau để bật chiếu xa.

► Thả cần gạt để trở về chiếu gần.



Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.
Không được phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng; nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động này có thể không hoạt động đúng cách.

Loại xe không có cần gạt nước gián đoạn tự động

Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Không để đèn sáng khi động cơ đã tắt để tránh làm hao điện ắc-quy.

## ■ Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở chế độ **AUTO (TỰ ĐỘNG)**. Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng gạt.

## ■ Tính năng tắt đèn tự động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt sau 15 giây sau khi đặt nguồn ở chế độ TẮT MÁY, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đóng cửa người lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY khi các đèn chiếu sáng bật nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (sau 3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO (TỰ ĐỘNG)**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa nhưng không mở cửa trong vòng 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc đèn đang bật.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Tính năng này được kích hoạt khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO (TỰ ĐỘNG)**. Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

### Tính năng tắt đèn tự động

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

## ■ Đèn sương mù*

Có thể sử dụng đèn sương mù khi chế độ nguồn ở BẬT.

### ■ Đèn sương mù trước*

Có thể sử dụng khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.

### ■ Đèn sương mù sau*

Có thể sử dụng khi đèn vị trí*, đèn chiếu sáng hoặc đèn sương mù trước* đang bật.

### ■ Công tắc đèn sương mù trước và sau*

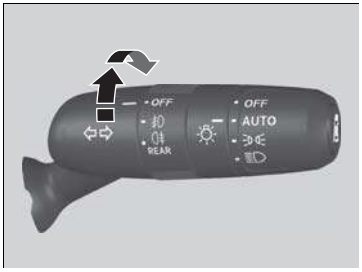


**Bật đèn sương mù trước:**
Xoay công tắc lên trên từ vị trí **OFF (TẮT)** tới vị trí . Đèn báo sẽ sáng.

**Bật đèn sương mù trước và sau:**
Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí .
Các đèn báo và sẽ sáng.

**Để bật đèn sương mù sau:**
Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí , sau đó xoay công tắc xuống một nấc từ vị trí .
Đèn báo sẽ sáng.
Để tắt đèn sương mù sau, xoay công tắc đèn chiếu sáng đến vị trí **OFF (TẮT)**.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Công tắc đèn sương mù trước*

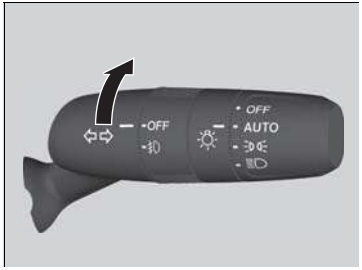


**Bật đèn sương mù trước:**
Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

## ■ Công tắc đèn sương mù sau*

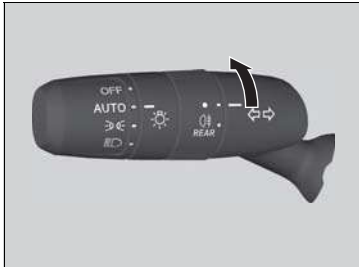


**Để bật đèn sương mù sau:**
Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Đèn ban ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn chiếu sáng là **AUTO (TỰ ĐỘNG)** hoặc .
- Môi trường xung quanh sáng.

Khi xe đã dừng, nếu bạn xoay công tắc đèn sang **OFF (TẮT)** và thả ra, đèn ban ngày sẽ tắt. Khi đưa hộp số ra khỏi số P và nhả phanh đỗ, các đèn sẽ sáng trở lại. Nếu không, khi xoay công tắc đèn sang **OFF (TẮT)** một lần nữa, đèn sẽ lại sáng.



Đèn ban ngày

Đèn ban ngày và đèn vị trí có chung nguồn sáng.

Đèn ban ngày sáng hơn đèn vị trí.

# Điều chỉnh đèn chiếu sáng*

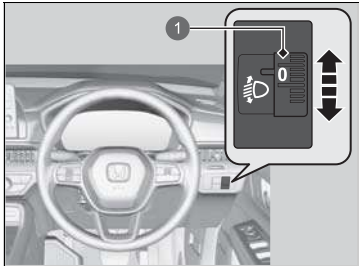


❶ Núm điều chỉnh

Bạn có thể điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.

Xoay núm điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng nhỏ.

Điều chỉnh đèn chiếu sáng*

Loại xe không có núm điều chỉnh

Xe của bạn được trang bị hệ thống tự động điều chỉnh đèn chiếu sáng, hệ thống này tự động điều chỉnh góc chiếu dọc của đèn chiếu gần. Nếu bạn nhận thấy góc đối đỉnh của đèn chiếu sáng có sự thay đổi rõ rệt, có thể hệ thống có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### ■ Để chọn vị trí núm điều chỉnh

Hãy tham khảo bảng dưới đây để chọn vị trí núm phù hợp với điều kiện chở người và chở hàng của xe bạn.

| Điều kiện | Vị trí vạch |
|---|---|
| Một người lái | 0 |
| Một người lái và một hành khách trước | |
| Năm người ở hàng ghế trước và hàng ghế thứ hai*1 | 1 |
| Bốn người ở hàng ghế trước và hàng ghế thứ hai*2 | |
| Bảy người ở hàng ghế trước, hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba*2 | |
| Năm người ngồi ở hàng ghế trước và hàng ghế thứ hai, cùng hành lý trong khoang hành lý, trong giới hạn tải trọng trục tối đa cho phép và trọng tải tối đa cho phép*1 | 2 |
| Năm người ngồi ở hàng ghế trước, hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba cùng hành lý trong khoang hành lý, trong giới hạn tải trọng trục tối đa cho phép và trọng tải tối đa cho phép*2 | |
| Một người lái cùng hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn tải trọng trục tối đa cho phép và tải trọng xe tối đa cho phép | 3 |

*1 : Loại xe năm chỗ ngồi
*2 : Loại xe bảy chỗ ngồi

# Đèn pha thích ứng tự động

Camera cảm biến phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe, chẳng hạn như đèn của xe chạy trước hoặc xe chạy ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

## ■ Cách sử dụng đèn pha thích ứng tự động

### ■ Kích hoạt hệ thống

Đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.

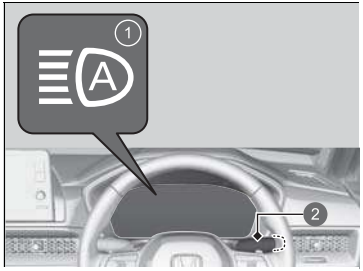


- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

❶ Đèn báo đèn pha thích ứng tự động
❷ Công tắc đèn

Nếu đèn báo đèn pha thích ứng tự động vẫn không sáng ngay cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện một trong hai quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến [AUTO] sau đó xoay công tắc đến **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.

*Còn nữa*

Đèn pha thích ứng tự động

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống. Hệ thống này chỉ để hỗ trợ người lái. Bạn cần phải luôn quan sát xung quanh và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra nguồn sáng sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Tham khảo phần sau để biết thêm thông tin về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

➡ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

Để hệ thống đèn pha thích ứng tự động hoạt động đúng cách:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió bắn vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

### ■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi đèn báo đèn pha thích ứng tự động bật sáng, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

| Chiếu xa | | Chiếu gần |
|---|---|---|
| Đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu xa.<br>• Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên.<br>• Xe phía trước hoặc xe ngược chiều không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.<br>• Có ít đèn đường ở phía trước. | ⇔ | Đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu gần.<br>• Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống.<br>• Xe phía trước hoặc xe ngược chiều bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.<br>• Có nhiều đèn đường ở phía trước. |

**Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại**

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống đèn pha thích ứng tự động không thể chuyển đèn chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe ngược chiều quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường ghồ ghề hoặc có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe ngược chiều thường khuất sau các lùm cây bên đường hoặc dải phân cách.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera phát hiện có sương mù dày đặc.

**■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại**

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Lưu ý, khi bạn dùng tay chuyển chế độ, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ tắt và đèn pha thích ứng tự động sẽ ngừng hoạt động.

**Sử dụng cần điều khiển:**

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn pha rồi thả ra.

▶ Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn sang ≡D sau đó đến **AUTO (TỰ ĐỘNG)** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.

**Sử dụng công tắc đèn:**

Xoay công tắc đèn sang ≡D.

▶ Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, xoay công tắc đèn sang **AUTO (TỰ ĐỘNG)** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng.

Đèn pha thích ứng tự động

**Cách tắt Hệ thống đèn pha thích ứng tự động**

Bạn có thể bật và tắt hệ thống đèn pha thích ứng tự động.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Cần gạt nước và Rửa kính

## ■ Cần gạt nước kính chắn gió/Rửa kính

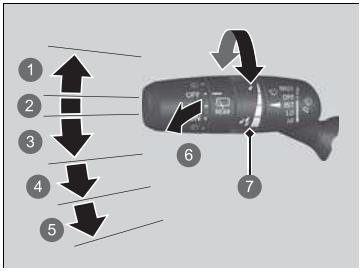


❶ **MIST**
❷ **OFF**
❸ **INT**[*1]**/AUTO**[*2]
❹ **LO**: Gạt chậm
❺ **HI**: Gạt nhanh
❻ **Rửa kính**
❼ Vòng điều chỉnh thời gian gián đoạn[*]
:Tốc độ thấp, gạt chậm
:Tốc độ cao, gạt nhanh

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính khi chế độ nguồn ở BẬT.

### ■ MIST

Các cần gạt nước gạt ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

### ■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT[*1]/ AUTO[*2], LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

### ■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động cần gạt nước.

### ■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn.
Khi bạn thả cần gạt nước trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

*1 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay
*2 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Cần gạt nước và Rửa kính

CHÚ Ý

Khi nâng cần gạt nước phía trước, di chuyển cần đến vị trí bảo dưỡng trước khi nâng cần lên.
**Nâng cần gạt nước phía trước** Tr. 845

CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô.
Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưỡi cao su sẽ bị hỏng.

CHÚ Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra. Bơm có thể bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu xe tăng tốc khi các cần gạt nước đang gạt ngắt quãng, cần sẽ gạt nhanh hơn.
Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước khi cài đặt ở chế độ nhanh nhất ( ) và ở chế độ **LO** sẽ như nhau.

CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.
Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng cần gạt. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật cần gạt nước.

## ■ Chế độ gạt tự động ngắt quãng*

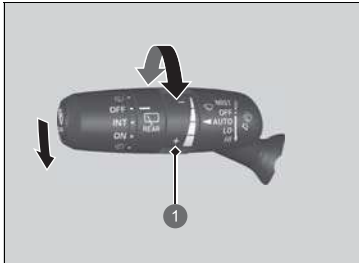


❶ Vòng điều chỉnh
−: Độ nhạy thấp
+: Độ nhạy cao

Khi bạn gạt cần điều khiển đến **AUTO (TỰ ĐỘNG)**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần rồi chuyển sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quãng, gạt chậm hoặc gạt nhanh và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến lượng mưa phát hiện.

### ■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO (TỰ ĐỘNG)**, bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lượng mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) để cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

### Cần gạt nước và Rửa kính

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF (TẮT)** và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó lấy vật cản ra.

### Chế độ gạt tự động ngắt quãng*

Cảm biến nước mưa được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.

CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO (TỰ ĐỘNG)** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cần gạt nước/Rửa kính sau

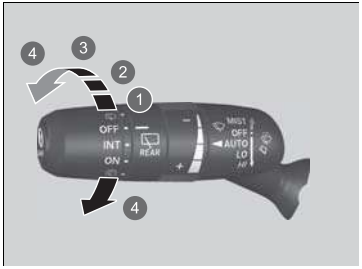


❶ **OFF**
❷ **INT**: Ngắt quãng
❸ **ON**: Gạt liên tục
❹ Rửa kính

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính sau khi chế độ nguồn BẬT.

**■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, ON)**
Thay đổi cài đặt công tắc gạt nước theo lượng mưa.

**■ Rửa kính ( )**
Phun nước rửa kính lên kính sau khi bạn xoay công tắc đến vị trí này.
Giữ công tắc ở vị trí này để kích hoạt cần gạt nước sau và để phun nước rửa kính. Sau khi nhả công tắc, nước sẽ dừng phun và cần gạt nước sau sẽ trở lại vị trí cài đặt đã chọn sau vài lần gạt.

**■ Vận hành khi lùi xe**
Khi bạn chuyển hộp số sang R với cần gạt nước kính chắn gió đang hoạt động, cần gạt nước sau sẽ tự động hoạt động như sau ngay cả khi công tắc tắt.

| Hoạt động của cần gạt nước trước | Hoạt động của cần gạt nước sau |
|---|---|
| Ngắt quãng | Ngắt quãng |
| Gạt chậm<br>Gạt nhanh | Liên tục |

# Nút sấy kính sau

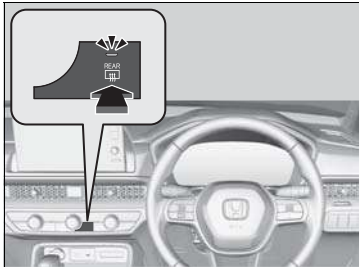

Ấn nút sấy kính sau để làm tan sương cửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

Sấy kính sau sẽ tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, tính năng này sẽ không tự động tắt.

**Nút sấy kính sau**

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu khi động cơ đang hoạt động không tải. Điều này có thể làm ắc-quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

# Hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe*

Bạn có thể lưu hai vị trí ghế người lái (ngoại trừ hỗ trợ thắt lưng chỉnh điện) bằng hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe.
Khi bạn mở khóa và mở cửa người lái bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa, ghế sẽ tự động điều chỉnh đến một trong hai vị trí đã cài đặt trước.

- **NGƯỜI LÁI 1** Bộ phát tín hiệu được liên kết với nút bộ nhớ 1.
- **NGƯỜI LÁI 2** Bộ phát tín hiệu được liên kết với nút bộ nhớ 2.

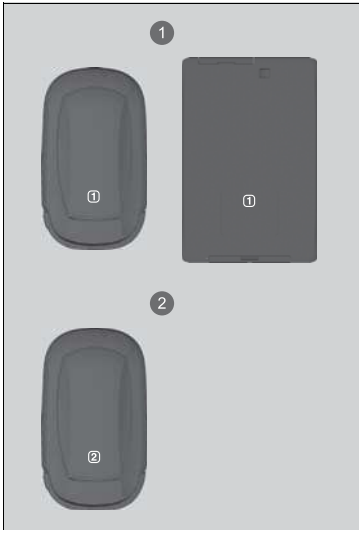


❶ **NGƯỜI LÁI 1**
❷ **NGƯỜI LÁI 2**

Ghế người lái sẽ lùi về phía sau tùy theo vị trí ghế đã cài đặt khi bạn

- Dừng xe.
- Đưa hộp số vào số P.
- Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Mở cửa người lái.

Khi chế độ nguồn được chuyển sang vị trí PHỤ KIỆN, ghế người lái sẽ tiến về phía trước đến vị trí cài đặt trước **NGƯỜI LÁI 1** hoặc **2**.

## Hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe*

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin, bạn có thể tắt chức năng tự động điều chỉnh ghế.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Tính năng ra/vào xe dễ dàng của ghế người lái có thể được BẬT/TẮT.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

**Vận hành hệ thống**

Hệ thống sẽ không vận hành nếu:

- Hộp số đang ở vị trí khác ngoài P.
- Một trong hai nút ghi nhớ được nhấn trong khi ghế đang di chuyển.
- Vị trí ghế được điều chỉnh trong khi đang vận hành.
- Một trong hai vị trí đã lưu được đặt lùi hoàn toàn về phía sau.

Hệ thống có thể không nhận ra chìa khóa nếu:

- Chìa khóa ở gần điện thoại di động hoặc thiết bị không dây khác.
- Cả hai chìa khóa đều ở trong xe cùng lúc.
- Hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe bị tắt trong mục tính năng tùy chỉnh.
- Mở cửa người lái mà không nắm hoàn toàn tay nắm cửa.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Lưu trữ vị trí trong bộ nhớ

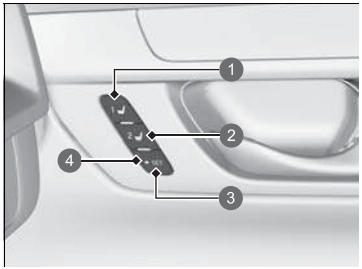


❶ Nút ghi nhớ 1
❷ Nút ghi nhớ 2
❸ Nút **SET**
❹ Đèn báo

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT. Điều chỉnh ghế người lái đến vị trí mong muốn.
**2.** Ấn nút **SET**.
▶ Đèn cảnh báo nút **SET** sẽ sáng.
**3.** Ấn nút ghi nhớ [1] hoặc [2] trong vòng năm giây sau khi ấn nút **SET**.
▶ Bạn sẽ nghe tiếng bíp và đèn báo nút **SET** tắt.

**»Lưu trữ vị trí trong bộ nhớ**

Khi bạn ấn nút **SET** thao tác lưu sẽ bị hủy khi:
- Bạn không ấn nút ghi nhớ trong vòng năm giây.
- Bạn điều chỉnh lại vị trí ghế trước khi có tiếng bíp kép.
- Bạn cài đặt chế độ nguồn ở bất kỳ vị trí nào ngoại trừ BẬT.

## ■ Khôi phục vị trí đã lưu

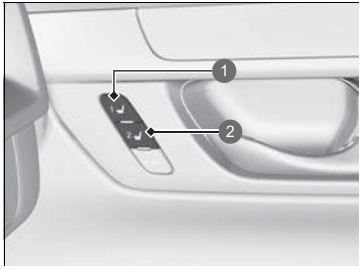


❶ Nút ghi nhớ 1
❷ Nút ghi nhớ 2

**1.** Đưa hộp số vào số [P].
**2.** Kéo phanh đỗ.
**3.** Ấn nút ghi nhớ ([1] hoặc [2]).

Ghế sẽ tự động di chuyển đến vị trí đã được lưu lại.

**»Khôi phục vị trí đã lưu**

Ghế sẽ ngừng di chuyển nếu bạn:
- Ấn nút **SET**, hoặc nút ghi nhớ ([1] hoặc [2]).
- Điều chỉnh vị trí ghế ngồi.
- Đưa hộp số về vị trí khác với [P].

# Điều chỉnh vô lăng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.

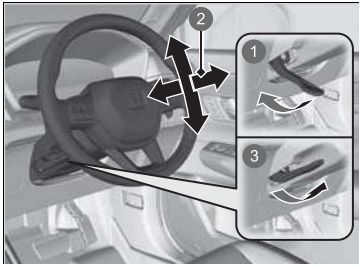


❶ Nhả
❷ Điều chỉnh
❸ Khóa

**1.** Khi xe dừng, đẩy cần điều chỉnh vô lăng xuống.
► Cần điều chỉnh vô lăng nằm dưới trụ lái.
**2.** Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
► Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bảng điều khiển.
**3.** Kéo cần điều chỉnh vô lăng lên để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
► Sau khi điều chỉnh, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí, hãy thử di chuyển vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

Điều chỉnh vô lăng

**⚠CẢNH BÁO**

Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị thương nặng khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe dừng.

# Gương chiếu hậu

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

## ■ Gương chiếu hậu ở các vị trí ban ngày và ban đêm*

Lật vấu để thay đổi vị trí.
Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe lúc trời tối.

❶ Vấu
❷ Vị trí ban đêm
❸ Vị trí ban ngày

**Gương**

Giữ sạch mặt trong, mặt ngoài của gương và điều chỉnh gương để nhìn rõ nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.
➔ **Ghế trước** Tr. 283



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Gương chiếu hậu làm mờ tự động*

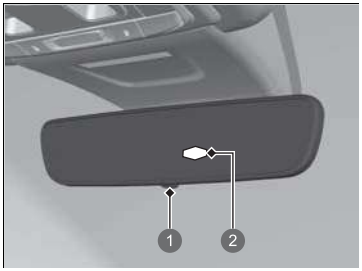


❶ Nút tự động
❷ Cảm biến

Khi lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn. Ấn nút TỰ ĐỘNG để bật và tắt chức năng này. Khi hoạt động, đèn báo TỰ ĐỘNG sẽ sáng.

**Gương chiếu hậu làm mờ tự động***

Chức năng làm mờ tự động bị hủy khi hộp số ở R.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Gương cửa điện

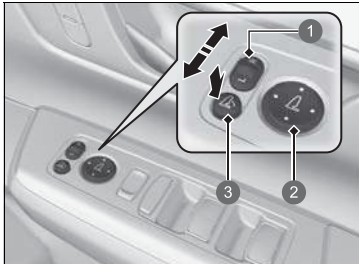


❶ Công tắc chọn
❷ Công tắc điều chỉnh
❸ Nút cụp gương

Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

**■ Điều chỉnh vị trí gương**

**Công tắc chọn L/R:** Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc đến vị trí giữa.

**Công tắc điều chỉnh vị trí gương:** Ấn công tắc sang trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

**■ Cụp gương cửa**

Ấn nút cụp gương để cụp và mở các gương cửa.

## ■ Tự nghiêng gương khi lùi xe*

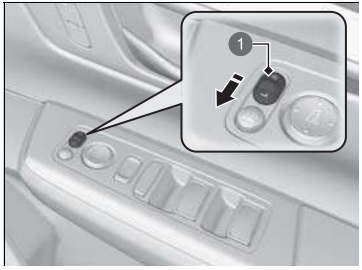


❶ Công tắc chọn

Nếu được kích hoạt, gương cửa phía hành khách sẽ tự động nghiêng xuống khi bạn đưa hộp số vào số R: Điều này giúp cải thiện tầm nhìn ở cự ly gần phía hành khách khi lùi xe. Gương sẽ tự động trở lại vị trí ban đầu khi bạn đưa hộp số ra khỏi số R.

Để kích hoạt tính năng này, đặt chế độ nguồn ở BẬT và trượt công tắc chọn sang phía hành khách.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Chức năng tự động cụp gương cửa*

### ■ Cụp các gương cửa

Nhấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc trên cửa hậu hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa trên một trong hai cửa trước.

▶ Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

### ■ Mở các gương cửa

Nhấn nút mở khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc nắm lấy tay nắm cửa ở một trong hai cửa trước.

▶ Các gương bắt đầu tự động mở ra.

Chức năng tự động cụp gương cửa*

Bạn không thể sử dụng chức năng mở gương cửa tự động nếu đã cụp bằng nút cụp.

Bạn có thể bật và tắt chức năng cụp gương cửa tự động.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng tai khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Ghế trước

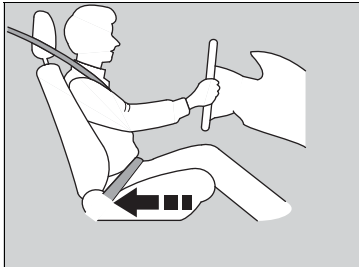

Ngồi lùi về sau để tạo khoảng cách phù hợp.

Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe thoải mái. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế để có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

Ghế ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

Ghế trước

**⚠CẢNH BÁO**

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên và xuống, vào trong và ra ngoài. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.



*Còn nữa*

## ■ Điều chỉnh vị trí ghế ngồi

### ■ Điều chỉnh (các) ghế điện trước*

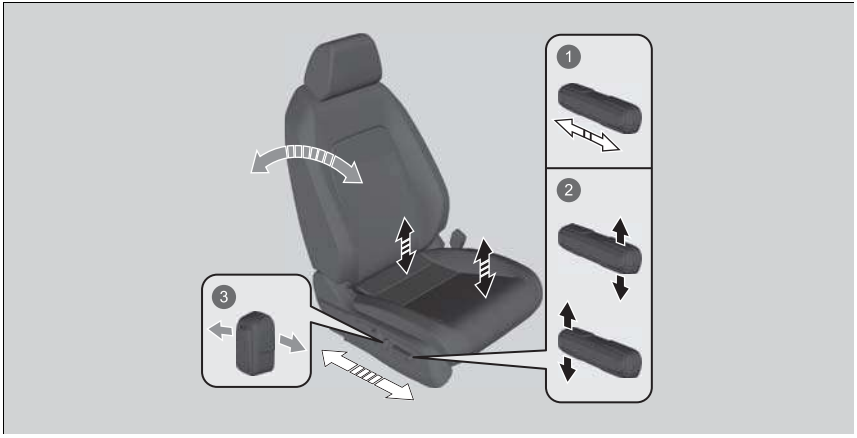


❶ **Điều chỉnh độ xa**
Trượt cần để dịch chuyển ghế.

❷ **Điều chỉnh độ cao (Chỉ phía người lái)**
Kéo cần lên hoặc đẩy cần xuống để nâng hoặc hạ ghế.

❸ **Điều chỉnh góc lưng ghế**
Đẩy cần về phía trước hoặc kéo cần về phía sau để thay đổi góc.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

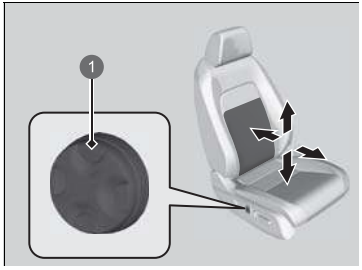


❶ Công tắc điều chỉnh hỗ trợ thắt lưng

■ **Công tắc điều chỉnh hỗ trợ thắt lưng*** **(Chỉ ghế người lái)**

**Ấn vào phía trên:** Để nâng phần hỗ trợ thắt lưng lên.

**Ấn vào phía dưới:** Để hạ phần hỗ trợ thắt lưng xuống.

**Ấn vào phía trước:** Để tăng toàn bộ phần hỗ trợ thắt lưng.

**Ấn vào phía sau:** Để giảm toàn bộ phần hỗ trợ thắt lưng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Điều chỉnh (các) ghế trước bằng tay*

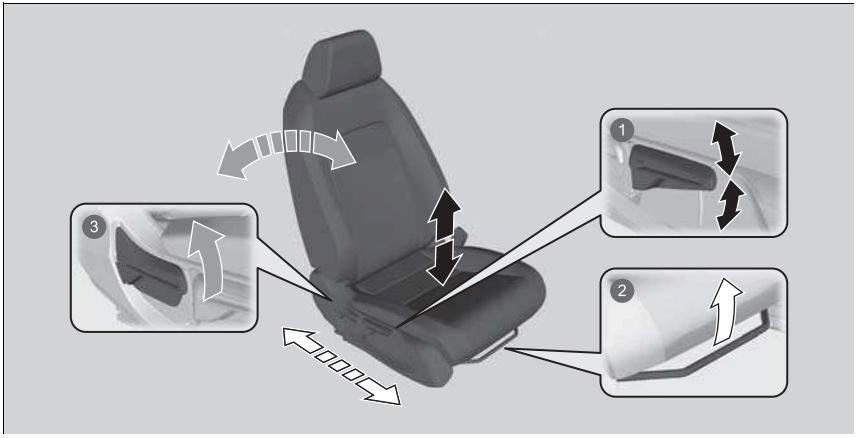


❶ **Điều chỉnh độ cao (Chỉ phía người lái)**
Kéo cần lên hoặc đẩy cần xuống để nâng hoặc hạ ghế.

❷ **Điều chỉnh độ xa**
Kéo cần lên để di chuyển ghế rồi thả cần ra.

❸ **Điều chỉnh góc lưng ghế**
Kéo cần lên để thay đổi góc.

**Điều chỉnh (các) ghế trước bằng tay***

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Điều chỉnh lưng ghế

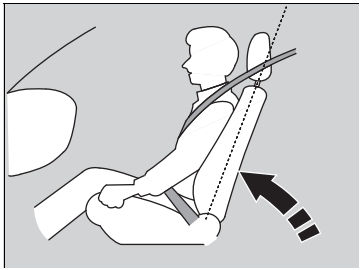

Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, thẳng đứng để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, thẳng đứng.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây an toàn không thắt qua ngực của người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây an toàn, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai an toàn khi xảy ra va chạm và dẫn đến chấn thương nặng. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

Điều chỉnh lưng ghế

**⚠CẢNH BÁO**

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế thẳng đứng và ngồi sát vào lưng ghế.

Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

Làm vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai an toàn hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp nhằm đảm bảo lái xe an toàn.

# Hàng ghế thứ hai

## ■ Điều chỉnh vị trí ghế ngồi

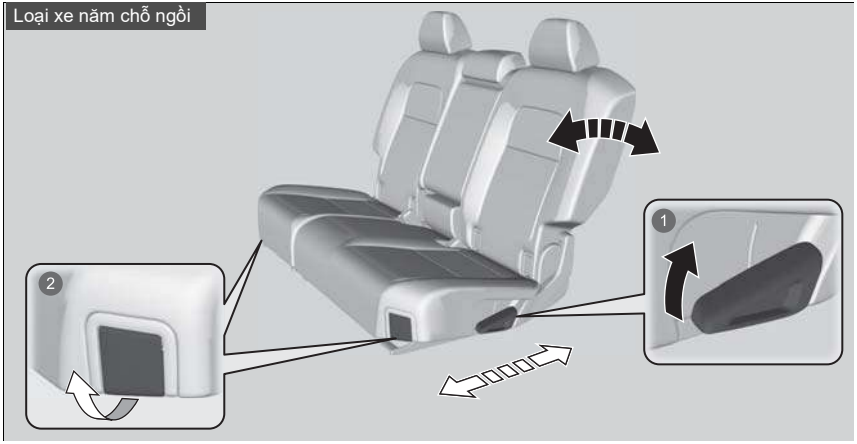


❶ **Điều chỉnh góc lưng ghế**
Kéo cần lên để thay đổi góc.

❷ **Điều chỉnh độ xa**
Kéo cần gạt lên để di chuyển ghế, sau đó thả cần gạt ra.

Hàng ghế thứ hai

**⚠CẢNH BÁO**

Ghế hoặc tựa lưng ghế không được cố định chắc chắn có thể bị xê dịch hoặc sập xuống đột ngột nếu có sự tăng tốc hoặc dừng đột ngột hoặc trong một vụ va chạm.

Ghế hoặc tựa lưng ghế bị xê dịch hoặc sập xuống đột ngột có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn đảm bảo tất cả các ghế và tựa lưng ghế được khóa chắc chắn vào vị trí trước khi lái xe.

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.

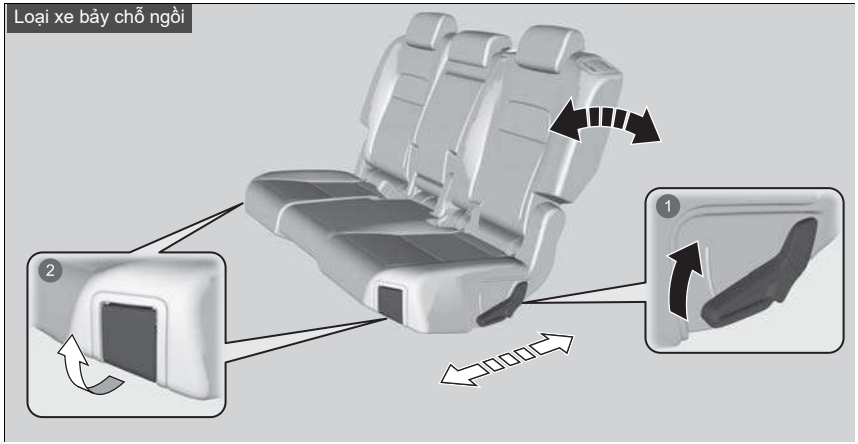


❶ **Điều chỉnh góc lưng ghế**
Kéo cần lên để thay đổi góc.

❷ **Điều chỉnh độ xa**
Kéo cần gạt lên để di chuyển ghế, sau đó thả cần gạt ra.



*Còn nữa*

Loại xe năm chỗ ngồi

## ■ Gập hàng ghế thứ hai xuống

Hàng ghế thứ hai có thể được gập xuống riêng biệt để tăng thêm không gian chứa đồ.

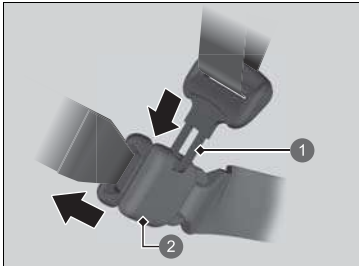


❶ Đầu chốt
❷ Khóa móc neo

**1.** Trước tiên, cất dây đai an toàn ghế giữa. Gài đầu chốt vào khe ở phía khóa móc neo.
**2.** Rút dây đai an toàn vào trong giá giữ trên trần xe.
➡ **Dây đai an toàn có móc neo có thể tháo*** Tr. 56
**3.** Hạ tựa đầu hàng ghế thứ hai xuống vị trí thấp nhất. Đặt tựa tay trở lại vào tựa lưng ghế.

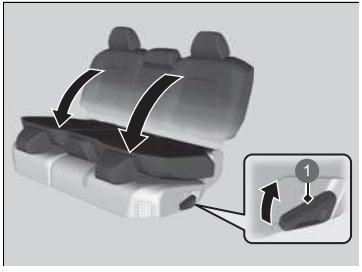


❶ Lẫy nhả

**4.** Kéo cần nhả và gập ghế xuống.

Để dựng thẳng lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy dứt khoát lưng ghế về phía sau. Ngoài ra, cần đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau được đặt ở phía trước lưng ghế.
Hãy đảm bảo tựa lưng ghế, tựa đầu và đệm ghế được khóa chắc chắn vào đúng vị trí trước khi lái xe.

Gập hàng ghế thứ hai xuống

**⚠CẢNH BÁO**

Đảm bảo chốt chặt lưng ghế trước khi lái xe.

Bạn có thể gập tựa lưng ghế xuống để chứa những vật dụng cồng kềnh hơn ở khoang hành lý.

Hãy lấy hết đồ vật ra khỏi đệm ghế và sàn xe hàng ghế thứ hai trước khi gập hàng ghế thứ hai xuống.

Các ghế phía trước phải được kéo đủ về phía trước để không cản trở hàng ghế thứ hai khi gập xuống.

**Hãy đảm bảo mọi vật trong khoang hành lý hoặc các vật kéo dài tới hàng ghế thứ hai đều được cố định đúng cách để tránh bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.**

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Gập hàng ghế thứ hai xuống

Hàng ghế thứ hai có thể được gập xuống riêng biệt để tăng thêm không gian chứa đồ.

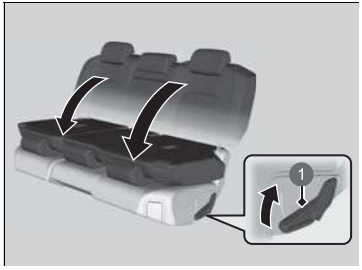


❶ Lẫy nhả

**1.** Hạ tựa đầu hàng ghế thứ hai xuống vị trí thấp nhất. Đặt tựa tay trở lại vào tựa lưng ghế.
**2.** Kéo cần nhả và gập ghế xuống.

Để dựng thẳng lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy dứt khoát lưng ghế về phía sau. Ngoài ra, cần đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau được đặt ở phía trước lưng ghế.
Hãy đảm bảo tựa lưng ghế, tựa đầu và đệm ghế được khóa chắc chắn vào đúng vị trí trước khi lái xe.

Gập hàng ghế thứ hai xuống

**⚠CẢNH BÁO**

Đảm bảo chốt chặt lưng ghế trước khi lái xe.

Hãy lấy hết đồ vật ra khỏi đệm ghế và sàn xe hàng ghế thứ hai trước khi gập hàng ghế thứ hai xuống.

Các ghế phía trước phải được kéo đủ về phía trước để không cản trở hàng ghế thứ hai khi gập xuống.

Để khóa thẳng lưng ghế, đẩy lưng ghế về phía sau cho đến khi lưng ghế khóa lại.



*Còn nữa*

Loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Lối vào hàng ghế thứ ba

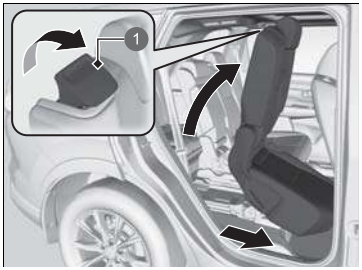


❶ Cần

**1.** Hạ tựa đầu hàng ghế thứ hai xuống vị trí thấp nhất.
**2.** Kéo cần gạt lối vào về phía trước sẽ trượt hàng ghế thứ hai về phía trước.
▶ Toàn bộ ghế sẽ nghiêng về phía trước.

Hãy đảm bảo hàng ghế thứ hai được khóa chặt trở lại vào vị trí trước khi lái xe. Ngoài ra, hãy đảm bảo tất cả dây đai an toàn vai phía sau được đặt ở phía trước tựa lưng ghế và dây đai an toàn giữa được chỉnh lại đúng vị trí trên ghế.

### Lối vào hàng ghế thứ ba

Khi vào hàng ghế thứ ba, hãy cẩn thận để không vấp phải hàng ghế thứ hai hoặc dây đai an toàn.

Không để hàng ghế thứ hai ở trạng thái nghiêng lên.

Các ghế phía trước phải được kéo đủ về phía trước để không cản trở hàng ghế thứ hai khi ghế nghiêng lên.

Hãy lấy hết đồ vật ra khỏi đệm ghế và sàn xe hàng ghế thứ hai trước khi nghiêng hàng ghế thứ hai lên.

Hãy cẩn thận vì hàng ghế thứ hai có thể rơi xuống chân bạn.

# Hàng ghế thứ ba*

## ■ Điều chỉnh vị trí tựa lưng ghế

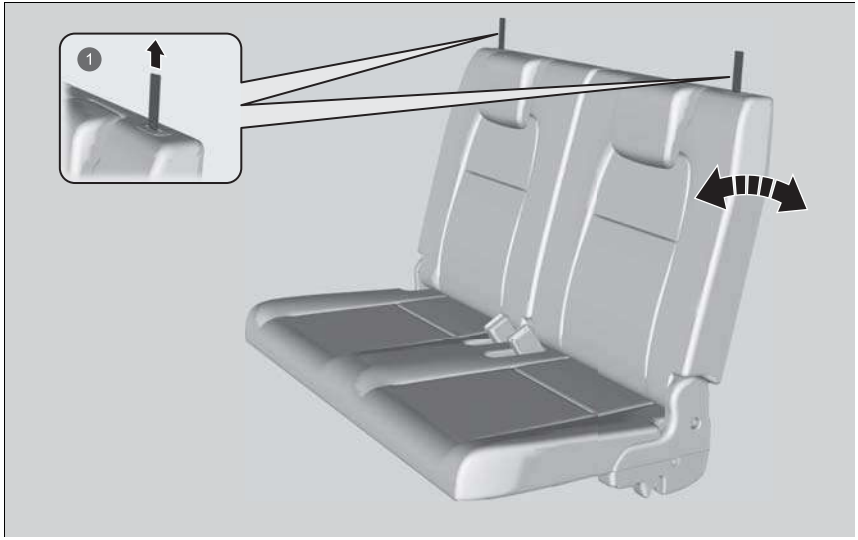


**❶ Điều chỉnh góc lưng ghế**
Kéo dây đai lên để thay đổi góc.

**»Hàng ghế thứ ba***

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Gập hàng ghế thứ ba xuống

Hàng ghế thứ ba có thể được gập xuống riêng biệt để tăng thêm không gian chứa đồ.

### ■ Để gập ghế xuống

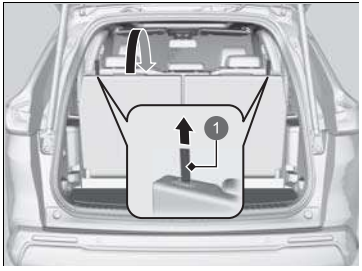

1. Hạ tựa đầu hàng ghế thứ ba xuống vị trí thấp nhất.
2. Kéo hết dây đai trên tựa lưng ghế.
3. Đẩy tựa lưng ghế về phía trước trong khi kéo dây đai.
   ▶ Nếu bạn muốn sử dụng khoang hành lý phẳng, hãy đặt nắp sàn ở vị trí nâng lên.
   ➡ **Khoang lưu trữ hành lý*** Tr. 313

❶ Dây đai

### ■ Để đưa ghế trở lại vị trí ban đầu

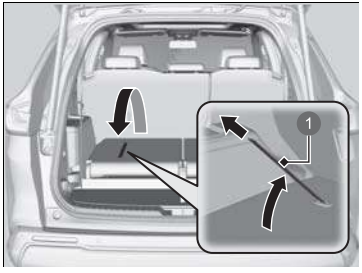

1. Kéo tựa lưng ghế lên trong khi vẫn kéo dây đai.
2. Kéo tựa đầu lên vị trí ban đầu.

❶ Dây đai

Gập hàng ghế thứ ba xuống

**Hãy đảm bảo mọi vật trong khoang hành lý hoặc các vật kéo dài tới hàng ghế thứ ba đều được cố định đúng cách để tránh bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.**

Hãy lấy hết đồ vật ra khỏi đệm ghế và sàn xe hàng ghế thứ ba trước khi gập hàng ghế thứ ba xuống.

Các ghế hàng ghế thứ hai phải được kéo đủ về phía trước để không cản trở hàng ghế thứ ba khi gập xuống.

Để khóa thẳng lưng ghế, đẩy lưng ghế về phía sau cho đến khi lưng ghế khóa lại.

Hãy đảm bảo tựa lưng ghế được khóa chặt trở lại vào vị trí trước khi lái xe. Ngoài ra, hãy đảm bảo cả hai dây đai an toàn vai phía sau đều được đặt phía trước tựa lưng ghế.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Nhắc ghế sau

Tính năng này sẽ cảnh báo bạn về khả năng có hành khách hoặc đồ vật ở hàng ghế thứ hai hoặc hàng ghế thứ ba* trước khi bạn rời khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Loại xe năm chỗ ngồi

Loại xe bảy chỗ ngồi

Một thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và âm báo sẽ vang lên khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Nhắc ghế sau

Khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY, nhắc ghế sau sẽ bật trong một khoảng thời gian ngắn, sau đó sẽ tắt.

Tính năng nhắc ghế sau sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi đóng/mở các cửa sau.

Hệ thống không phát hiện hành khách ở hàng ghế thứ hai hoặc hàng ghế thứ ba*. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện khi cửa sau mở và đóng, cho biết có thể có vật gì đó ở hàng ghế thứ hai hoặc hàng ghế thứ ba*.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Duy trì vị trí ngồi thích hợp

Sau khi tất cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai an toàn, cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, nếu một hành khách ngả dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngả người về phía trước hoặc sang bên cạnh, hoặc để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí thì có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang bung ra.

Duy trì vị trí ngồi thích hợp

**⚠CẢNH BÁO**

Ngồi không đúng tư thế có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

# Tựa đầu

Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ghế ngồi.

## ■ Điều chỉnh tựa đầu ghế trước

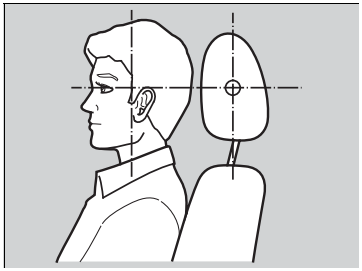

Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.

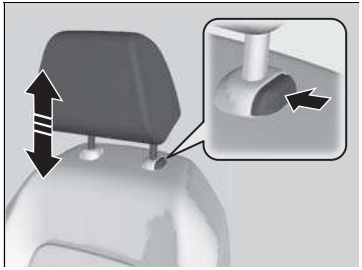

**Để nâng tựa đầu:**
Kéo tựa đầu lên.
**Để hạ tựa đầu:**
Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

≫Tựa đầu

**⚠CẢNH BÁO**

Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động tốt:
- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

Tựa đầu ghế trước không thể tháo rời.



*Còn nữa*

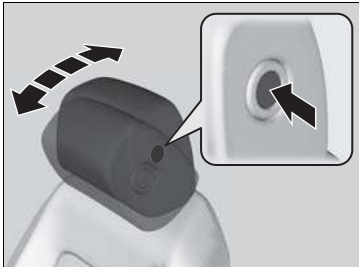

Các loại xe tại Úc, Fiji, New Zealand và Đài Loan

Độ nghiêng của tựa đầu ghế trước có thể được điều chỉnh theo vị trí đầu của bạn và hành khách phía trước.
**Để nghiêng về phía trước:** Đẩy tựa đầu về phía trước.
**Để trở về vị trí ban đầu:** Nhấn nút nhả.

Loại xe năm chỗ ngồi

## ■ Thay đổi vị trí tựa đầu hàng ghế thứ hai

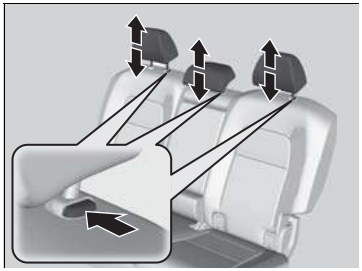

Hành khách ngồi ở hàng ghế sau cần điều chỉnh độ cao tựa đầu đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

**Để nâng tựa đầu:**

Kéo tựa đầu lên.

**Để hạ tựa đầu:**

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

Loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Thay đổi vị trí tựa đầu của hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba

Hàng ghế thứ hai

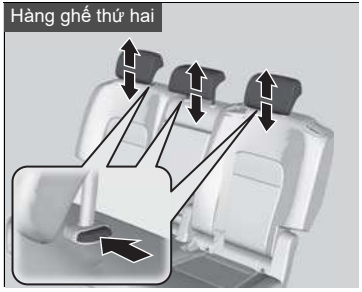

Hành khách ngồi ở hàng ghế thứ hai và thứ ba nên điều chỉnh độ cao của tựa đầu đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu di chuyển.

**Để nâng tựa đầu:**

Kéo tựa đầu lên.

**Để hạ tựa đầu:**

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

### Thay đổi vị trí tựa đầu hàng ghế thứ hai

Khi sử dụng tựa đầu ở vị trí ghế giữa phía sau, hãy kéo tựa đầu lên vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.

### Thay đổi vị trí tựa đầu của hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba

Khi sử dụng tựa đầu ở hàng ghế thứ hai và thứ ba, hãy kéo tựa đầu lên vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.

*Còn nữa*

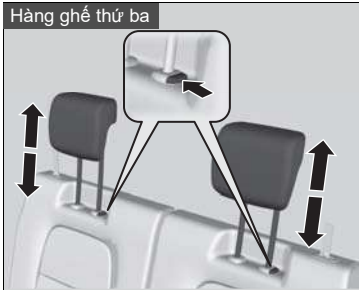


## ■ Tháo và Lắp lại tựa đầu hàng ghế thứ hai và thứ ba*

Có thể tháo tựa đầu ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

**Để tháo tựa đầu:**
Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhả, kéo tựa đầu lên rồi kéo tựa đầu ra.

**Để lắp lại tựa đầu:**
Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem tựa đầu đã được khóa vào đúng vị trí chưa.

Tháo và Lắp lại tựa đầu hàng ghế thứ hai và thứ ba*

**⚠CẢNH BÁO**

Việc không lắp lại hoặc lắp lại không đúng cách tựa đầu có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng trong trường hợp va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Tựa tay

## ■ Sử dụng tựa tay ghế trước

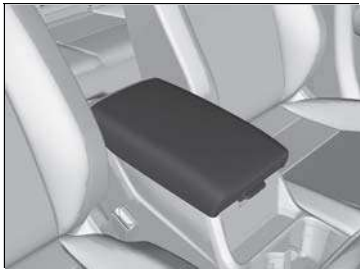

Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

## ■ Sử dụng tựa tay hàng ghế thứ hai

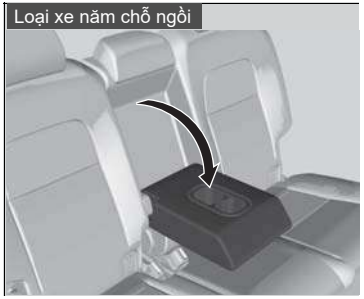


Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.



*Còn nữa*

Loại xe bảy chỗ ngồi

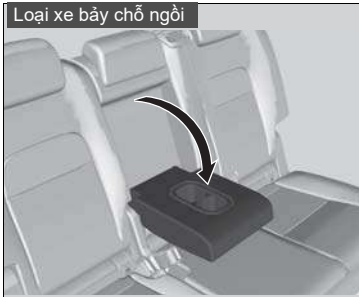

# Đèn trong xe

## ■ Công tắc đèn trong xe

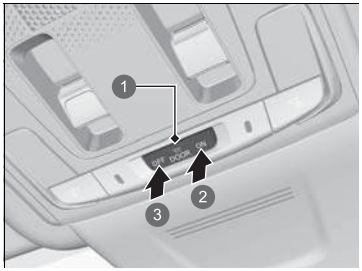


❶ Vị trí kích hoạt cửa
❷ **ON (BẬT)**
❸ **OFF (TẮT)**

**■ ON (BẬT)**

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

**■ Kích hoạt cửa**

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi có một cửa mở.
- Khi mở khóa cửa người lái.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

**■ OFF (TẮT)**

Các đèn trong xe vẫn tắt dù cửa mở hay đóng.

Công tắc đèn trong xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.
Các đèn tắt sau khoảng 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khóa cửa người lái nhưng không mở cửa.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

- Khi bạn khóa cửa người lái.
- Khi đóng cửa người lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Để tránh làm hao điện ắc-quy, không để đèn trong xe bật trong một khoảng thời gian dài sau khi đã tắt động cơ.

Nếu bất kỳ cửa nào mở khi xe đang ở chế độ TẮT MÁY, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Công tắc đèn đọc sách

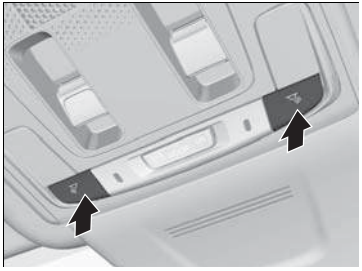

### ■ Ghế trước

Ấn nút để bật và tắt đèn đọc sách.

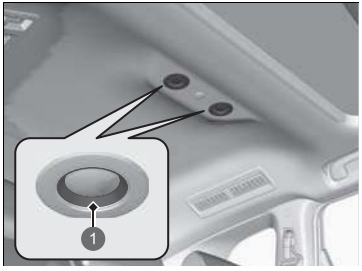


### ■ Hàng ghế thứ hai

Chạm vào đèn đọc sách để bật và tắt đèn đọc sách.

❶ Chạm

Công tắc đèn đọc sách

Khi công tắc đèn trong xe phía trước ở vị trí kích hoạt cửa và bất kỳ cửa nào đang mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn các công tắc hoặc chạm vào đèn đọc sách phía sau.

## ■ (Các) Đèn khoang hành lý

Loại xe năm chỗ ngồi

Loại xe bảy chỗ ngồi

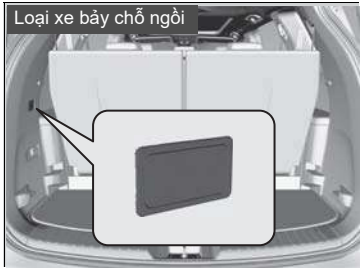

Đèn khoang hành lý sáng khi bạn mở cửa hậu.

# Ngăn để đồ

## ■ Hộc đựng đồ

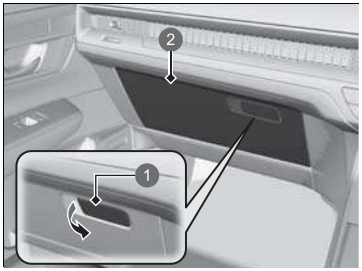


Kéo tay cầm để mở hộc đựng đồ.

❶ Tay nắm
❷ Hộc đựng đồ

Hộc đựng đồ

**⚠CẢNH BÁO**

Để hộc đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt đai dây an toàn.

Luôn đóng hộc đựng đồ khi lái xe.

## ■ Hộp đựng đồ trung tâm

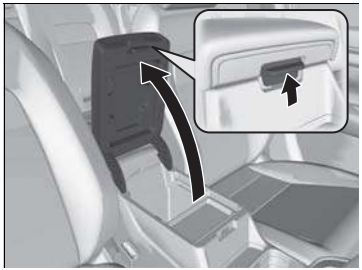

Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

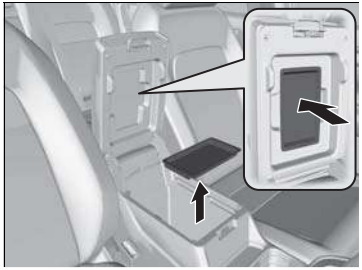

**■ Khay có thể tháo rời**

Khay có thể tháo rời và cất giữ ở mặt dưới của tựa tay.



*Còn nữa*

## ■ Hộc giữ cốc

### ■ Hộc giữ cốc ghế trước

Nằm ở hộp đựng đồ trung tâm ở giữa các ghế trước.

Loại xe năm chỗ ngồi

### ■ Hộc giữ cốc hàng ghế thứ hai

Gập tựa tay xuống để sử dụng hộc giữ cốc hàng ghế thứ hai.

Loại xe bảy chỗ ngồi

Hộc giữ cốc

CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng hộc giữ cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.

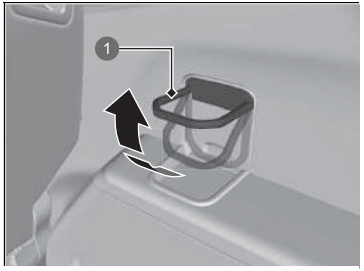


❶ Hộc giữ cốc

Loại xe bảy chỗ ngồi

**■ Hộc giữ cốc hàng ghế thứ ba**

Kéo hộc giữ cốc lên để sử dụng. Bạn có thể điều chỉnh góc của hộc giữ cốc tùy thuộc vào kích thước đồ uống.

**■ Hộc giữ cốc ở cánh cửa**

Nằm ở cả cánh cửa trước và sau.



*Còn nữa*

## ■ Móc treo áo

Có móc treo áo trên tay nắm trần xe phía người lái.

### Móc treo áo

Móc treo áo không dùng để treo các đồ vật to hoặc nặng.

## ■ Móc neo giữ đồ*

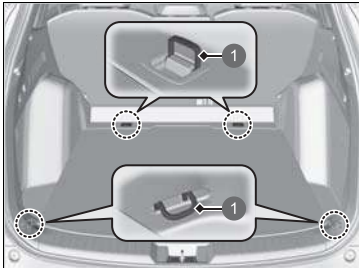


Có thể sử dụng móc neo giữ đồ trên sàn khoang hành lý để móc lưới giữ đồ.

❶ Móc neo

### Móc neo giữ đồ*

Không để ai lấy đồ trong khoang hành lý khi đang lái xe để tránh bị thương khi bạn phanh gấp.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Móc treo đồ*

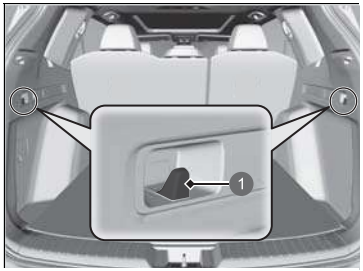


❶ Móc

Các móc treo đồ ở hai bên khoang để hành lý có thể được sử dụng để treo các vật nhẹ.

Móc treo đồ*

CHÚ Ý

Không được treo vật nặng hoặc vật có trọng lượng hơn 3 kg lên các móc treo đồ bên hông. Việc treo vật nặng hoặc vật lớn có thể làm hỏng các móc treo.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Ngăn đựng kính râm

Để mở ngăn đựng kính râm, hãy ấn và nhả phần khe lõm. Để đóng lại, hãy ấn lại cho đến khi chốt lại.

Bạn có thể để kính mắt và các đồ vật nhỏ khác trong hộp này.

### ■ Gương quan sát trong xe*

Ngăn đựng kính râm có kèm gương. Mở hoàn toàn ngăn đựng kính râm, sau đó đẩy về phía sau đến nấc đầu tiên.

Bạn có thể dùng gương để quan sát hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba*.

**Ngăn đựng kính râm**

Khi đang lái xe, hãy đóng hộp đựng kính này trừ lúc lấy các vật đang để trong đó.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Khoang lưu trữ hành lý*

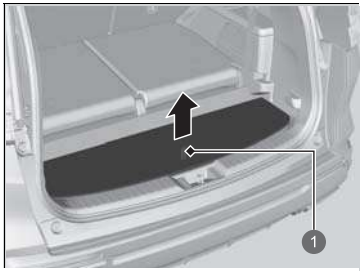


❶ Dây đai

### ■ Cất giữ đồ vật trên nắp (vị trí nâng lên)

Bằng cách đẩy hàng ghế thứ ba về phía trước và đặt nắp sàn ở vị trí nâng lên, bạn có thể cất giữ các vật dụng cồng kềnh hơn trong khoang hành lý.

**1.** Gập hàng ghế thứ ba xuống.

➡ **Gập hàng ghế thứ ba xuống** Tr. 294

**2.** Kéo dây đai để mở nắp khoang hành lý dưới sàn xe (phía trên).

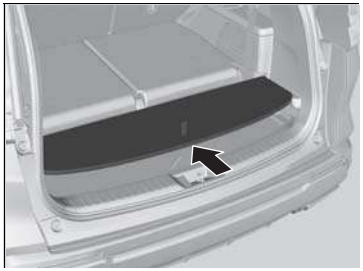

**3.** Kéo nắp sàn về phía bạn cho đến khi tách khỏi các thanh đỡ.

**4.** Đặt nắp sàn ở vị trí nâng, sau đó trượt đến hết cỡ.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Hộp đựng đồ dưới sàn xe*

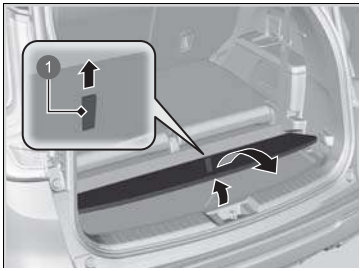


**1.** Kéo dây đai để tháo nắp khoang hành lý dưới sàn xe (phía trên).

❶ Dây đai

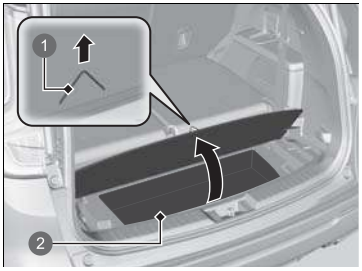


**2.** Kéo dây đai để mở nắp khoang hành lý dưới sàn (phía dưới).

❶ Dây đai
❷ Hộp đựng đồ dưới sàn xe

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Tấm che khoang hành lý*

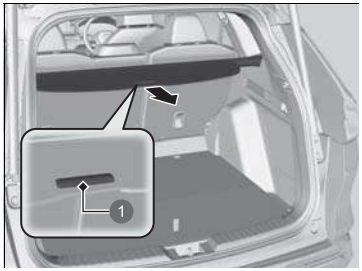


❶ Tay nắm

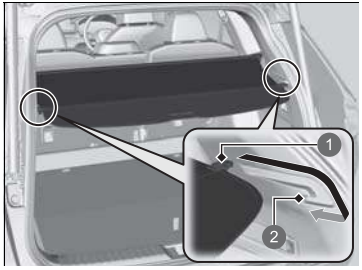


❶ Thanh lắp đặt
❷ Móc

Tấm che khoang hành lý có thể được sử dụng để che giấu các vật dụng trong khoang hành lý và bảo vệ các vật dụng khỏi ánh nắng trực tiếp.

**■ Để mở rộng:**
Nhấc nhẹ tay cầm ở mép giữa của tấm che lên để tháo móc ở mỗi đầu, sau đó kéo tấm che về phía sau và kẹp các thanh lắp đặt vào các móc ở cả hai bên của cửa hậu.

**■ Để thu gọn:**
Trượt các thanh ra khỏi móc, sau đó từ từ cuộn lại cho đến khi được thu gọn hoàn toàn.

Tấm che khoang hành lý*

Không để ai lấy đồ trong khoang hành lý khi đang lái xe để tránh bị thương khi bạn phanh gấp.

Không xếp đồ vật cao hơn mép trên của ghế trong khoang hành lý. Đồ có thể che khuất tầm nhìn của bạn và bị văng ra khắp xe khi phanh gấp.

Để tránh làm hỏng tấm che khoang hành lý:
- Không đặt đồ vật lên tấm che khoang hành lý.
- Không đặt vật nặng lên tấm che khoang hành lý.

Hãy chắc chắn rằng mỗi thanh lắp đặt được đặt đúng vào rãnh giữ tương ứng khi bạn thu gọn tấm che khoang hành lý phía sau. Nếu không được đặt đúng vào rãnh, các thanh có thể bị rung lắc khi tiếp xúc với các bề mặt xung quanh.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

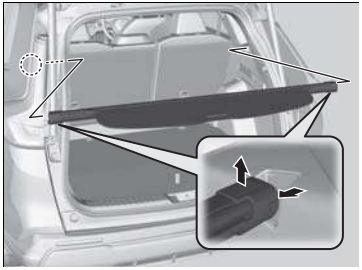

**■ Để tháo:**

Đẩy một trong hai đầu của vỏ vào bên trong, sau đó nhấc ra khỏi vị trí.

# Các hạng mục tiện ích bên trong khác

## ■ Ổ cắm điện phụ kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

### ■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.

Loại xe năm chỗ ngồi

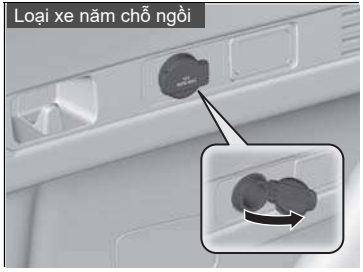

### ■ Khoang hành lý

Mở nắp để sử dụng.

»Ổ cắm điện phụ kiện

CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này, để tránh làm ổ cắm bị quá nhiệt.

Ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện cho các phụ kiện dùng điện một chiều 12 V với công suất định mức từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

Để tránh làm ắc-quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang hoạt động.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật gì lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.



*Còn nữa*

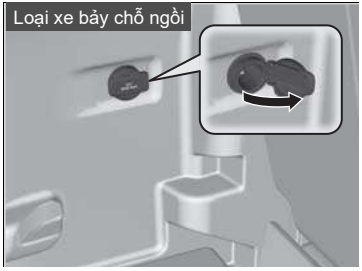
Loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Bộ sạc không dây*

Để sử dụng bộ sạc không dây, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.
Sạc thiết bị tương thích với sạc không dây Qi ở khu vực có biểu tượng :

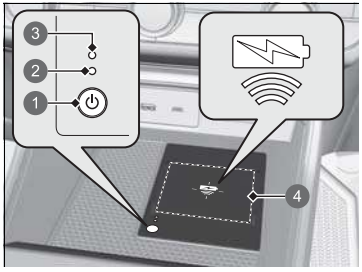


❶ Nút ⏻ (Nguồn)
❷ Đèn báo màu xanh lục
❸ Đèn báo màu hổ phách
❹ Khu vực sạc

**1.** Để bật và tắt hệ thống, ấn và giữ nút ⏻ (nguồn).
► Khi hệ thống bật, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
**2.** Đặt thiết bị bạn muốn sạc vào khu vực sạc.
► Hệ thống sẽ tự động sạc thiết bị và đèn báo màu hổ phách sẽ sáng.
► Đảm bảo thiết bị tương thích với hệ thống và được đặt vào giữa khu vực sạc.
**3.** Khi sạc xong, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
► Tùy thuộc vào từng thiết bị, đèn báo màu hổ phách vẫn sẽ sáng.

≫Bộ sạc không dây*

### ⚠THẬN TRỌNG

Nếu có vật gì bằng kim loại giữa thiết bị và bàn sạc, vật đó sẽ nóng lên và có thể làm bạn bị bỏng, vì vậy hãy:
- Loại bỏ bất cứ vật gì ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Đảm bảo bề mặt không có bụi và các mảnh vụn khác trước khi sạc.
- Không làm đổ chất lỏng (như nước, đồ uống, v.v.) lên sạc và thiết bị.
- Không sử dụng dầu, mỡ, cồn, xăng hoặc chất pha loãng để vệ sinh bàn sạc.
- Không phủ khăn, quần áo hoặc bất cứ vật gì khác lên hệ thống khi đang sạc, v.v.
- Tránh xịt hóa chất lên bề mặt bàn sạc.

Để sử dụng an toàn:
- Loại bỏ các vật kim loại ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Không mở hộp sạc.
- Không sử dụng sạc bị hỏng. Hãy liên hệ với đại lý.

Loại xe có Màn hình giải trí

hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi thiết bị đang được sạc bằng bộ sạc không dây.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### ■ Khi sạc không hoạt động

Thực hiện một trong các giải pháp trong bảng sau.

| Đèn báo | | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|---|---|
| Màu xanh lục và Màu hổ phách | Nháy đồng thời | Có (các) vật cản giữa khu vực sạc và thiết bị. | Loại bỏ (các) vật cản. |
| | | Thiết bị không nằm trong khu vực sạc. | Nhấc thiết bị lên và đặt lại vào giữa khu vực sạc có biểu tượng . |
| | | Nhiệt độ đế của bộ sạc không dây tăng. | Tạm thời ngừng sạc thiết bị.<br>Chờ nhiệt độ giảm và thử sạc lại thiết bị. |
| Màu hổ phách | Nhấp nháy | Bộ sạc không dây bị hỏng. | Liên hệ với đại lý để sửa chữa. |

Bộ sạc không dây*

Nếu sạc làm nhiễu liên lạc vô tuyến, hãy thử khắc phục hiện tượng nhiễu:

- Ấn và giữ công tắc trên sạc trong vài giây để tắt sạc.

Hệ thống này tiêu tốn rất nhiều điện năng. Không sử dụng hệ thống trong thời gian dài khi động cơ không hoạt động. Điều này có thể làm ắc-quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

Khi sử dụng bộ sạc không dây, hãy kiểm tra hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị tương thích mà bạn muốn sạc.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Bộ sạc không dây*

Bộ sạc không dây có thể hỗ trợ tối đa 15 W, nhưng tốc độ sạc thay đổi tùy theo thiết bị và các điều kiện khác.

**CHÚ Ý**

Không đặt bất kỳ phương tiện ghi từ tính hoặc máy móc chính xác nào trong khu vực sạc khi đang sạc. Dữ liệu trên thẻ của bạn như thẻ tín dụng có thể bị mất do hiệu ứng từ. Ngoài ra, máy đo độ chính xác như đồng hồ có thể bị ảnh hưởng.

Biểu tượng "Qi" và là nhãn hiệu đã được Hiệp hội Năng lượng Không dây (WPC) đăng ký quyền sở hữu.

Trong các trường hợp sau, sạc có thể bị ngừng hoặc không hoạt động:
- Thiết bị đã được sạc đầy.
- Nhiệt độ của thiết bị quá cao trong khi sạc.
- Bạn đang ở nơi phát ra sóng hoặc nhiễu điện từ lớn như đài truyền hình, nhà máy điện hoặc trạm xăng.
- Thiết bị có vỏ, nắp hoặc phụ kiện không tương thích với sạc không dây.

Thiết bị có thể không sạc được nếu kích thước hoặc hình dạng của thiết bị không phù hợp với khu vực sạc.

Không phải tất cả các thiết bị đều tương thích với hệ thống.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## Bộ sạc không dây*

Trong quá trình sạc, khu vực sạc và thiết bị nóng lên là điều bình thường.

Quá trình sạc có thể bị gián đoạn một lúc khi:
- Tất cả các cửa và cửa hậu đóng
  - để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mở cửa không chìa khóa.
- Thay đổi vị trí của thiết bị.

Không sạc nhiều thiết bị cùng một lúc ở khu vực sạc.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

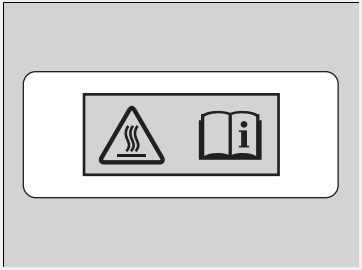

Rủi ro cháy:
Bất kỳ vật kim loại nào được đặt giữa bàn sạc và thiết bị đều có thể bị nóng lên.

Nếu thiết bị quá nóng và chức năng bảo vệ pin của thiết bị được kích hoạt, thiết bị có thể sạc cực chậm hoặc không sạc nữa.
Nhiệt độ ở thời điểm chức năng bảo vệ pin được kích hoạt phụ thuộc vào từng thiết bị.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Bộ sưởi ghế trước*

Có thể sử dụng bộ sưởi ghế khi chế độ nguồn ở BẬT.

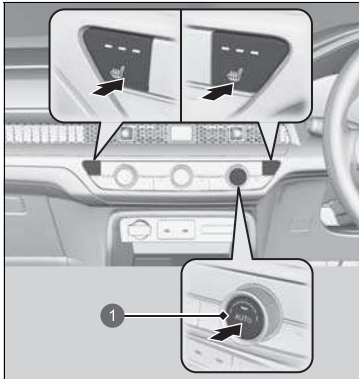


❶ Nút **AUTO (TỰ ĐỘNG)**

Ấn nút bộ sưởi ghế:
Một lần - Chế độ HI (ba đèn báo sáng)
Hai lần - Chế độ MID (hai đèn báo sáng)
Ba lần - Chế độ LO (một đèn báo sáng)
Bốn lần - Chế độ OFF (không đèn báo nào sáng)

Khi chế độ nguồn được bật lên sau khi tắt, cài đặt trước đó vẫn được duy trì.

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Ấn nút **AUTO (TỰ ĐỘNG)**:
Cả nhiệt độ của máy điều hòa và ghế ngồi sẽ tự động thay đổi sang mức cài đặt phù hợp nhất với môi trường xung quanh.

► Khi ấn bất kỳ nút bộ sưởi ghế nào, cài đặt sẽ chuyển sang chế độ bằng tay.

≫Bộ sưởi ghế trước*

### ⚠CẢNH BÁO

Khi sử dụng bộ sưởi ghế, nhiệt có thể gây ra cháy.

Những người có khả năng cảm nhận nhiệt độ kém (ví dụ người bị tiểu đường, tổn thương dây thần kinh chi dưới hoặc bị liệt) hoặc người có da nhạy cảm không nên sử dụng bộ sưởi ghế.

Không sử dụng bộ sưởi ghế, ngay cả ở chế độ LO, khi động cơ tắt để tránh làm yếu ắc-quy, làm động cơ khó khởi động.

Sau một khoảng thời gian nhất định, cường độ sưởi ghế trước sẽ tự động giảm đi một mức cho đến khi tắt hẳn. Thời gian thay đổi tùy thuộc vào môi trường bên trong xe.

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Theo thời gian, nhiệt độ cài đặt sẽ giảm và cuối cùng, bộ sưởi ghế sẽ tắt.

Bộ sưởi ghế có thể bật nếu cảm biến phát hiện có trọng lượng trên ghế hành khách do hành lý, v.v.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## Tấm che nắng

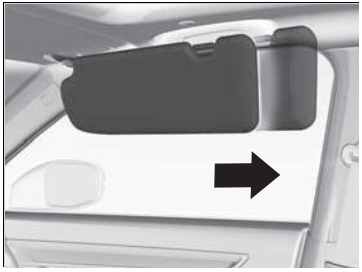

Có thể mở rộng tấm che nắng theo chiều ngang.

## Gạt tàn*

Gạt tàn được đặt trong hộc giữ cốc phía trước có thể tháo rời. Kéo nắp lên để mở.

❶ Gạt tàn

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bộ sưởi ghế trước*

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Để bộ sưởi ghế không tự động kích hoạt, bạn có thể tắt hệ thống điều hòa không khí tự động cho ghế trước.

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Gạt tàn*

Để tránh nguy cơ cháy nổ và hư hỏng xe, chỉ sử dụng gạt tàn để vứt thuốc lá và xì gà.

## Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động

Hệ thống điều hòa không khí tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng hoặc lạnh một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

### Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động

Nếu ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.
Đèn báo nút tự động sẽ tắt, nhưng các chức năng không liên quan đến nút đã ấn sẽ được điều khiển tự động.

Để ngăn không khí lạnh bên ngoài tràn vào bên trong xe, quạt sẽ không khởi động ngay lập tức khi bạn ấn nút **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ mát trở lại.

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, ấn nút **MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)**.

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **Hi** sẽ hiển thị.

Để biết hướng dẫn về cách sử dụng đúng cách hệ thống sưởi ghế trước*, vui lòng tham khảo trang tiếp theo.

**Bộ sưởi ghế trước*** Tr. 323



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Sử dụng hệ thống khi động cơ đang hoạt động.

**1.** Ấn nút **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.

**2.** Điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe bằng núm điều chỉnh nhiệt độ ở phía người lái hoặc phía hành khách.

**3.** Ấn nút [ON/OFF] (bật/tắt) để hủy.

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

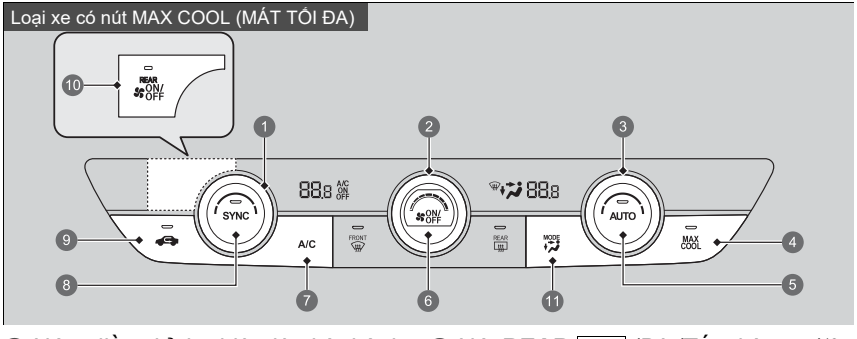


❶ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách*1

❷ Núm điều khiển quạt

❸ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái*1

❹ Nút **MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)***1

❺ Nút **AUTO (TỰ ĐỘNG)***1

❻ Nút **ON/OFF (BẬT/TẮT)**

❼ Nút **A/C** (Điều hòa không khí)*1

❽ Nút **SYNC***1

❾ Nút lấy gió trong*1

❿ Nút **REAR** [ON/OFF] (Bật/Tắt phía sau)*2

⓫ Nút **MODE (CHẾ ĐỘ)***1

- [ ] Luồng khí thoát ra từ bảng táp-lô và phía sau các lỗ thông hơi của bảng điều khiển trung tâm
- [ ] Luồng khí thoát ra từ bảng táp-lô, sàn xe và phía sau các lỗ thông hơi của bảng điều khiển trung tâm.
- [ ] Luồng khí từ khe thông gió sàn
- [ ] Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

*1: Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

*2: Loại vô lăng bên trái

**Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động**

Ấn nút [ON/OFF] để bật và tắt hệ thống điều hòa không khí. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại lựa chọn gần nhất.

Khi ở chế độ ECON, hiệu suất làm mát của hệ thống điều hòa không khí sẽ bị giảm.

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

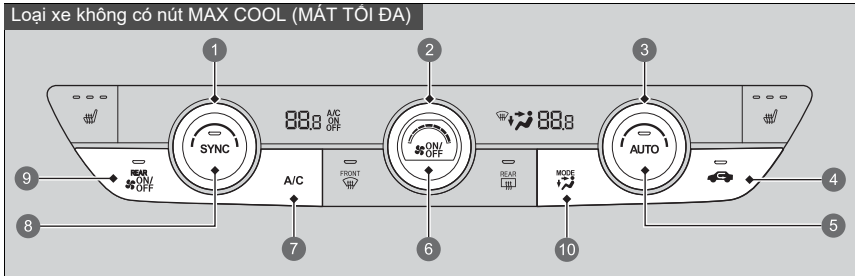


❶ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách*1
❷ Núm điều khiển quạt
❸ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái*1
❹ Nút lấy gió trong*1
❺ Nút **AUTO (TỰ ĐỘNG)***1
❻ Nút **ON/OFF (BẬT/TẮT)**
❼ Nút **A/C** (Điều hòa không khí)*1
❽ Nút **SYNC***1
❾ Nút **REAR** (Bật/Tắt phía sau)*1
❿ Nút **MODE (CHẾ ĐỘ)***1

- Luồng khí thoát ra từ bảng táp-lô và phía sau các lỗ thông hơi của bảng điều khiển trung tâm.
- Luồng khí thoát ra từ bảng táp-lô, sàn xe và phía sau các lỗ thông hơi của bảng điều khiển trung tâm.
- Luồng khí từ khe thông gió sàn
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

*1: Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

**■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài**

Ấn nút (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

*Còn nữa*

Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động

Loại xe có Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời

Ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, điều hòa không khí sẽ tắt và chỉ có quạt gió vẫn hoạt động. Nếu bạn không muốn tắt điều hòa không khí, ấn nút **OFF (TẮT)** chức năng tự động dừng động cơ tạm thời để hủy.

## ■ Làm tan sương Kính chắn gió và Cửa kính

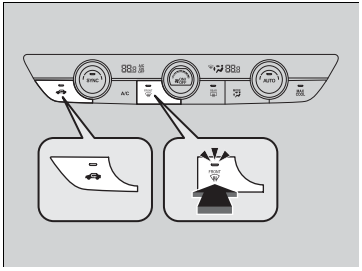

Loại xe tại Châu Phi, Trung Đông, Úc, Fiji và New Zealand

Ấn nút FRONT (sấy kính chắn gió) sẽ bật hệ thống điều hòa không khí và tự động chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi, Trung Đông, Úc, Fiji và New Zealand.

Ấn nút FRONT (sấy kính chắn gió) để bật hệ thống điều hoà không khí.
Ấn nút (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Tất cả các loại xe

Ấn lại nút FRONT để tắt. Hệ thống sẽ khôi phục lại các cài đặt trước đó.

### ■ Để làm tan sương các cửa kính nhanh

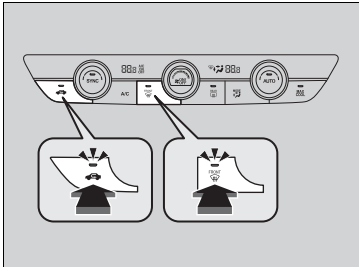

**1.** Ấn nút FRONT (đèn báo bật).
**2.** Ấn nút (đèn báo bật).

Làm tan sương Kính chắn gió và Cửa kính

**Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái xe.**

Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp nhất. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Loại xe có Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời

Nếu bạn ấn nút FRONT khi ở Chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

Để làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm, dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

## ■ Chế độ đồng bộ hóa

Bạn có thể cài đặt đồng thời nhiệt độ phía người lái và phía hành khách ở chế độ đồng bộ hóa.

**1.** Ấn nút **SYNC**.
► Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ hóa.
**2.** Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái.

Ấn nút **SYNC** hoặc điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách để trở lại chế độ điều hòa hai vùng.

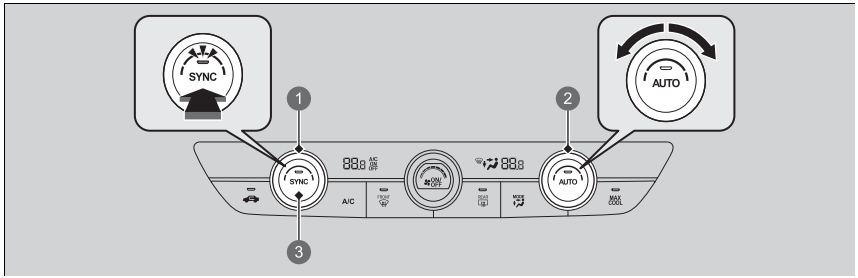


❶ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách
❷ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái
❸ Nút **SYNC**

**»Chế độ đồng bộ hóa**

Khi hệ thống ở chế độ kép, nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách có thể được cài đặt riêng biệt.

Khi ấn nút FRONT, hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đồng bộ hóa.

# Cảm biến điều hòa không khí tự động

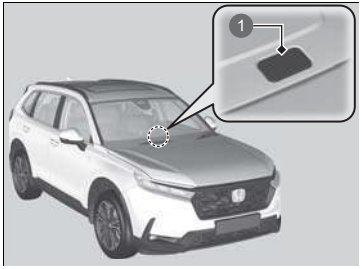


Hệ thống điều hòa không khí tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm đổ chất lỏng vào cảm biến này.

1 Cảm biến

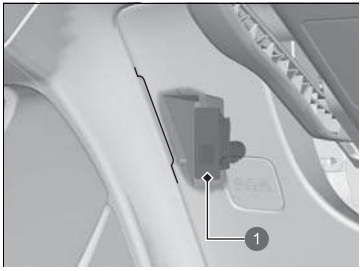


1 Cảm biến

# Hệ thống làm mát sau*

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

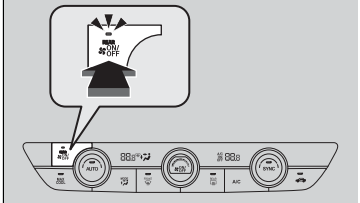

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

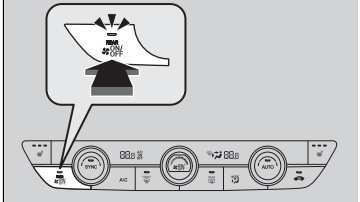

Sử dụng hệ thống khi động cơ đang hoạt động.

**1.** Ấn nút **REAR** ON/OFF (Bật/Tắt phía sau).

**»Hệ thống làm mát sau***

Không thể sử dụng hệ thống làm mát phía sau khi nút **REAR** ON/OFF (Bật/Tắt phía sau) trên bảng điều khiển phía trước đang tắt.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

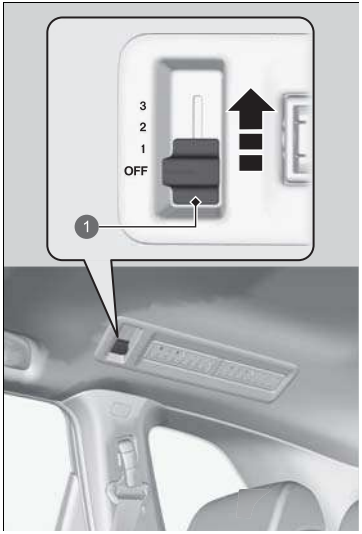


❶ Cần điều khiển quạt

**2.** Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cần điều khiển quạt.

**3.** Trượt cần điều khiển quạt đến nút **OFF (TẮT)** hoặc ấn nút **REAR** ON/OFF (Bật/Tắt phía sau) trên bảng điều khiển phía trước để hủy.

# Tính năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

**Hệ thống âm thanh** ..... 334
**Hệ thống màn hình âm thanh màu** . 336
**Màn hình giải trí** ..... 388
**Màn hình giải trí có tích hợp Google**...484
**Thông báo lỗi âm thanh*** ..... 578
**Thông tin chung về Hệ thống âm thanh** .580

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Về Hệ thống âm thanh của xe

Hệ thống âm thanh có chức năng đài FM/AM và dịch vụ Phát thanh kỹ thuật số (DAB)*. Hệ thống cũng có thể phát từ ổ USB flash*, iPod*, iPhone*, thiết bị *Bluetooth*® và điện thoại thông minh*.

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các núm trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

❶ Ổ USB flash
❷ iPod
❸ Điều khiển từ xa

Về Hệ thống âm thanh của xe

Loại xe tại Đài Loan

Việc sử dụng tính năng này bị hạn chế khi đang lái xe. Khi sử dụng tính năng phát lại video, hãy đảm bảo xe của bạn đã dừng hẳn và đã gài phanh đỗ. Theo "Hướng dẫn vận hành liên quan đến khuyến nghị hiển thị cảnh báo cho thiết bị 3C" của Cục Y tế Quốc gia thuộc Bộ Y tế và Phúc lợi, ánh sáng xanh phát ra từ màn hình của thiết bị 3C có thể gây khô mắt, đục thủy tinh thể, bệnh võng mạc, bệnh thần kinh thị giác hoặc các dạng tổn thương mắt khác. Bộ Y tế và Phúc lợi khuyến nghị các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng thiết bị 3C:
1) Nghỉ 10 phút sau mỗi 30 phút sử dụng;
2) Trẻ em dưới 2 tuổi không nên nhìn vào màn hình và trẻ từ 2 tuổi trở lên không nên nhìn vào màn hình quá 1 giờ mỗi ngày.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có Màn hình giải trí

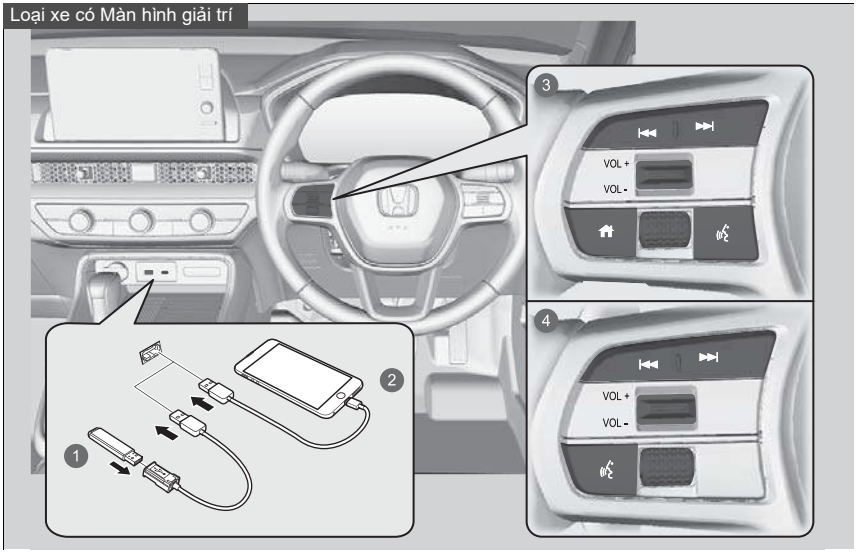


❶ Ổ USB flash
❷ iPod
❸ Điều khiển từ xa*1
❹ Điều khiển từ xa*2

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

# Vận hành cơ bản

## ■ Chức năng Hệ thống âm thanh

Để sử dụng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

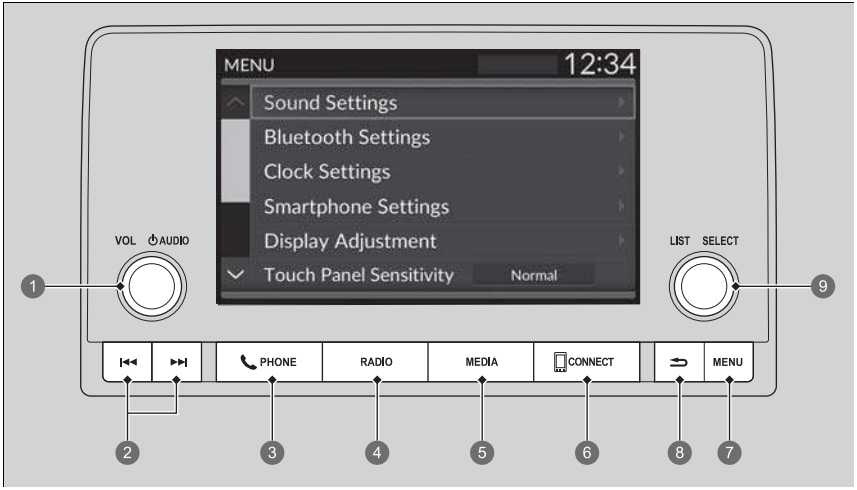


❶ Núm **VOL/⏻ AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
❷ Nút |◀◀ / ▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❸ Nút **PHONE (ĐIỆN THOẠI)**
❹ Nút **RADIO**
❺ Nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN)**
❻ Nút **CONNECT (KẾT NỐI)**
❼ Nút **MENU (DANH MỤC)**
❽ Nút ⮌ (Trở lại)
❾ Núm chọn

### Hệ thống màn hình âm thanh màu

Các chỉ báo này được sử dụng để chỉ ra cách vận hành núm chọn.

Xoay để chọn.

Ấn để vào.

Mục danh mục

- **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 218
- **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 340
- **Cài đặt màn hình hiển thị** Tr. 341
- **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 362

Ấn các nút trên vô lăng để thay đổi bất kỳ cài đặt âm thanh nào.

- **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 339

**Thao tác trên màn hình cảm ứng**

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục sẽ chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

- **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 362

Sử dụng núm chọn hoặc nút **MENU (DANH MỤC)** để sử dụng một số chức năng âm thanh.

Ấn để chuyển đổi giữa màn hình thường và màn hình mở rộng để sử dụng một số chức năng.

**Núm VOL/ AUDIO (Âm lượng/Nguồn):** Ấn để bật và tắt hệ thống âm thanh. Xoay để điều chỉnh âm lượng.
**Nút /(Tìm kiếm/Chuyển bài):** Ấn hoặc để chuyển kênh, bài hát hoặc tệp.
**Nút PHONE (ĐIỆN THOẠI):** Ấn để vào màn hình **Phone**.
**Nút RADIO:** Ấn để chọn một dải tần số.
**Nút MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN):** Ấn để lựa chọn iPod, ổ USB flash, hoặc âm thanh *Bluetooth*® (nếu đã kết nối).
**Nút CONNECT (KẾT NỐI):** Ấn để hiển thị màn hình Apple CarPlay hoặc Android Auto.
**Nút MENU (DANH MỤC):** Ấn để hiển thị màn hình danh mục.
**Nút (Trở lại):** Ấn để trở lại màn hình trước đó.
**Núm chọn:** Xoay sang trái hoặc phải để cuộn qua các lựa chọn. Ấn để cài đặt lựa chọn của bạn.



*Còn nữa*

## ■ Cổng USB

Trên bảng điều khiển trước

### ■ Cổng sạc/kết nối USB ( )

Sử dụng cổng USB (2,5 A) để sạc điện cho các thiết bị, phát các tệp âm thanh và kết nối điện thoại tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

▶ Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu nối Lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay. Đối với Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2.0.

Ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm

### ■ Cổng sạc USB ( )

Cổng USB (3,0 A) chỉ dùng để sạc thiết bị.

▶ Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi đã nối máy phát nhạc với các cổng đó.

Cổng USB

- Không để iPod hoặc ổ USB flash trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm ổ USB flash vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc ổ USB flash bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các tệp.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5 A/ 3,0 A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5 A/ 3,0 A nếu thiết bị không yêu cầu.
Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe đài phát thanh.

## ■ Điều khiển âm thanh từ xa

Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

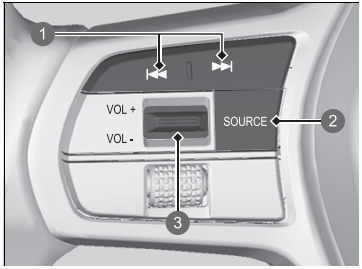


**Nút SOURCE (NGUỒN)**
Chuyển tuần tự qua các chế độ âm thanh.

**Công tắc VOL ⊕/VOL⊖ (Âm lượng)**
**Gạt lên:** Để tăng âm lượng.
**Gạt xuống:** Để giảm âm lượng.

❶ Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❷ Nút **SOURCE (NGUỒN)**
❸ Công tắc **VOL⊕/VOL⊖** (Âm lượng)

**Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)**

- Khi nghe đài radio
  **Ấn |▶▶|:** Để chọn đài phát thanh cài đặt sẵn tiếp theo.
  **Ấn |◀◀|:** Để chọn lại đài phát thanh cài đặt sẵn trước đó.
  **Ấn và giữ |▶▶|:** Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  **Ấn và giữ |◀◀|:** Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc qua kết nối có dây, ổ USB flash, Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết nối điện thoại thông minh
  **Ấn |▶▶|:** Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  **Ấn |◀◀|:** Để trở lại phần đầu của bài hát đang phát hoặc bài hát trước đó.
- Khi nghe nhạc qua ổ USB flash hoặc Âm thanh *Bluetooth*®
  **Ấn và giữ |▶▶|:** Để chuyển sang thư mục/nhóm tiếp theo.
  **Ấn và giữ |◀◀|:** Để trở lại thư mục/nhóm trước đó.

Điều khiển âm thanh từ xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

# Điều chỉnh âm thanh

**1.** Chọn nguồn âm thanh.
**2.** Ấn nút **MENU**.
**3.** Chọn **Sound Settings**.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:
- **Bass/Treble:** Bổng, Trung, Trầm
- **Balance/Fader:** Cân bằng, Giảm âm
- **Speed Volume Compensation:** Cài đặt mức tăng âm lượng.

**Điều chỉnh âm thanh**

Chế độ bù âm lượng theo tốc độ (SVC) điều chỉnh mức âm lượng dựa trên tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

# Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng của màn hình riêng cho các chế độ Day (Ban ngày) và Night (Ban đêm).

## ■ Thay đổi độ sáng màn hình

**1.** Ấn nút **MENU**.
**2.** Chọn **Display Adjustment**.
**3.** Chọn **Day** hoặc **Night**.
**4.** Chọn cài đặt mong muốn.

Thay đổi độ sáng màn hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast (Độ tương phản)** và **Black Level (Độ tối)** theo cách này.

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt bằng cách trượt hoặc chạm vào thanh biểu thị độ sáng.

# Bật đài AM/FM

1. Núm **VOL/⏻ AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
2. Nút Tìm kiếm
3. Nút **RADIO**
4. Biểu tượng Cài đặt sẵn
5. Nút **MENU (DANH MỤC)**
6. Nút ⮌ (Trở lại)
7. Núm chọn

## ■ Biểu tượng cài đặt sẵn

Dò tần số đài cho bộ nhớ cài đặt sẵn.
Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
Chọn [>] để hiển thị 5 kênh cài đặt sẵn.

## ■ Danh sách kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.

**1.** Ấn trong khi nghe đài radio.
**2.** Chọn kênh.

**■ Cập nhật bằng tay**
Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
**1.** Ấn trong khi nghe đài radio.
**2.** Chọn **Refresh**.

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây.
**1.** Chọn **Scan**.

Để tắt quét, chọn **Stop** hoặc ấn nút [↩] .

## ■ Tìm kiếm

Ấn [|◀◀] hoặc [▶▶|] để tăng hoặc giảm dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

**Bật đài AM/FM**

Không có đài AM âm thanh nổi.

Bạn có thể lưu 12 đài AM và 12 đài FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Ấn nút chọn nguồn âm thanh trên vô lăng.
➔ **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 339

# Phát lại nhạc qua kết nối có dây

Sử dụng đầu nối USB của bạn, kết nối thiết bị với cổng sạc/kết nối USB, sau đó ấn nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN)**.

**Cổng USB** Tr. 338

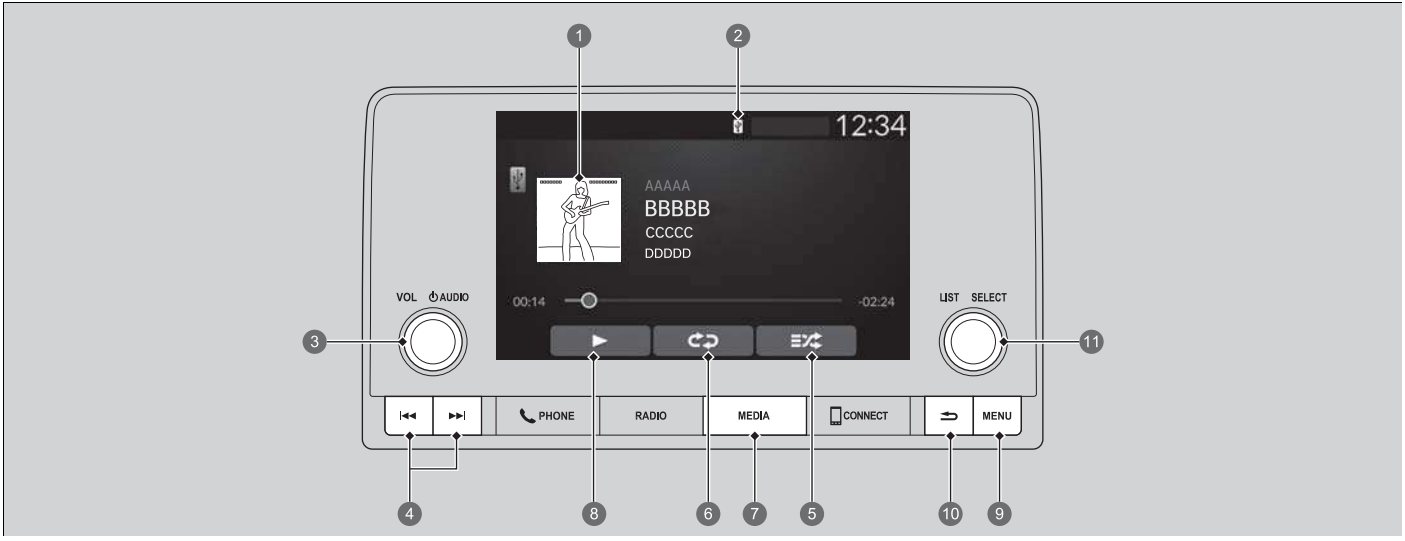


1. Bìa Album
2. Đèn báo USB
3. Núm **VOL**/⏻ **AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
4. Nút Bài hát
5. Biểu tượng Trộn bài
6. Biểu tượng Lặp lại
7. Nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN)**
8. Biểu tượng Phát/Tạm dừng
9. Nút **MENU (DANH MỤC)**
10. Nút ⮌ (Trở lại)
11. Núm chọn

## ■ Cách chọn bài từ danh sách bài hát của iPod

**1.** Ấn ♨ để hiện thị danh sách bài hát của iPod.
**2.** Chọn danh mục.
**3.** Chọn một mục.
▶ Chọn liên tục một mục cho đến khi mục bạn muốn nghe được hiển thị.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và trộn bài khi đang phát bài hát.

**■ Trộn bài/Lặp lại**
Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.
**Biểu tượng trộn bài**
Chọn để phát tất cả các bài hát có sẵn trong danh sách đang phát theo thứ tự ngẫu nhiên.
**Biểu tượng lặp lại**
Chọn để lặp lại bài đang phát.

## ■ Cách chuyển bài

Ấn |◀◀ hoặc ▶▶| để chuyển bài. Ấn và giữ để tua nhanh bài hát.

Phát lại nhạc qua kết nối có dây

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Cách chọn chế độ phát

Mục danh mục chế độ phát
**Trộn bài**
**Shuffle off:** Tắt chế độ trộn bài.
**Shuffle All Songs:** Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**
**Repeat off:** Tắt chế độ lặp.
**Repeat all:** Lặp lại tất cả các bài.
**Repeat Song:** Lặp lại bài đang phát.

# Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các tệp âm thanh trong ổ USB flash ở định dạng MP3, WMA, AAC, FLAC, hoặc WAV. Kết nối ổ USB flash với cổng sạc/kết nối USB, sau đó ấn nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN).**

**Cổng USB** Tr. 338

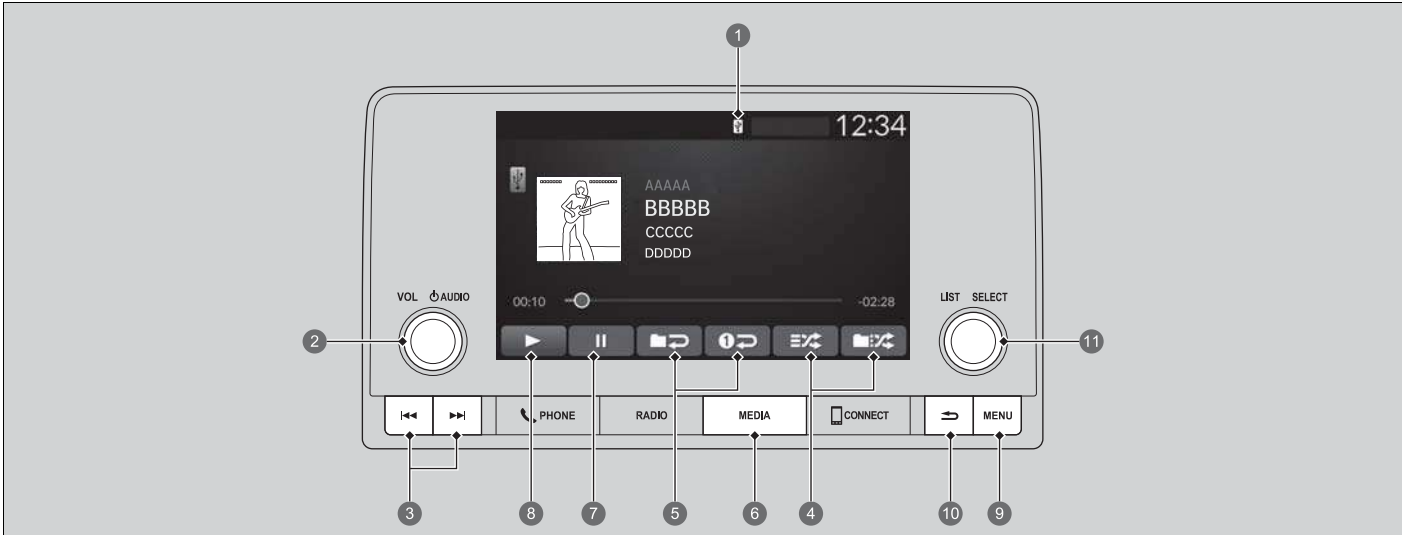


1. Đèn báo USB
2. Núm **VOL/⏻ AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
3. Nút Bài hát
4. Biểu tượng Ngẫu nhiên
5. Biểu tượng Lặp lại
6. Nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN)**
7. Biểu tượng Tạm dừng
8. Biểu tượng Phát
9. Nút **MENU (DANH MỤC)**
10. Nút ⮌ (Trở lại)
11. Núm chọn

## ■ Cách chọn tệp trong thư mục

**1.** Ấn ♨ để hiện thị danh sách thư mục.
**2.** Chọn một thư mục.
**3.** Chọn một tệp.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một tệp.

**■ Ngẫu nhiên/Lặp lại**
Chọn biểu tượng phát ngẫu nhiên hoặc lặp lại.
**Biểu tượng ngẫu nhiên**
Chọn để phát tất cả các bài hát có sẵn trong danh sách đang phát theo thứ tự ngẫu nhiên.
**Biểu tượng lặp lại**
Chọn để lặp lại bài đang phát.

## ■ Cách chuyển tệp

Ấn |◀◀| hoặc |▶▶| để chuyển bài. Ấn và giữ để tua nhanh bài hát.

### Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash

Sử dụng loại ổ USB flash khuyên dùng.
➔ **Thông tin chung về Hệ thống âm thanh** Tr. 580

Không thể phát các tệp định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM). Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File (Tệp không phát được)**, sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.

Nếu xảy ra sự cố, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.
➔ **iPod/Ổ USB flash** Tr. 578

### Cách chọn chế độ phát

Mục danh mục chế độ phát
**Ngẫu nhiên**
**Random All Tracks:** Phát tất cả các tệp theo thứ tự ngẫu nhiên.
**Random in Folder:** Phát tất cả các tệp trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**
**Repeat track:** Lặp lại tệp đang phát.
**Repeat folder:** Lặp lại tất cả các tệp trong thư mục đang phát.

# Phát nhạc trên *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 373

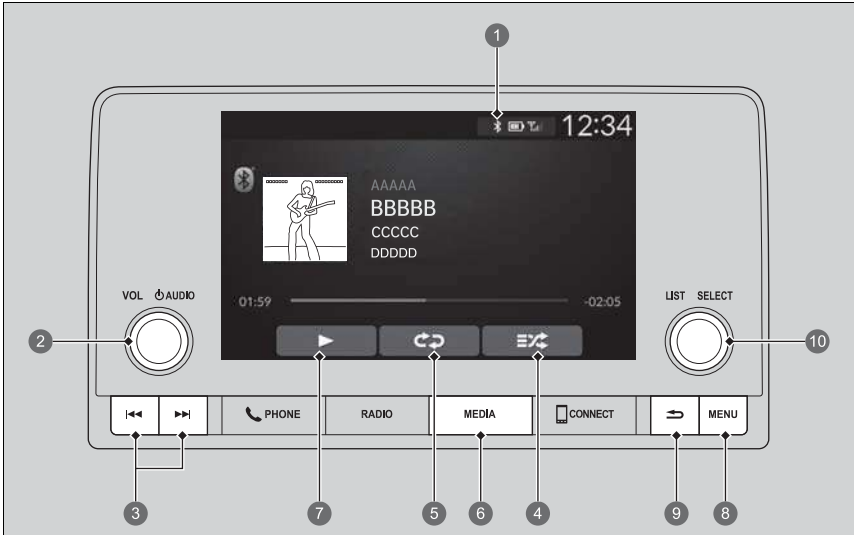


1. Đèn báo *Bluetooth*®
2. Núm **VOL/⏻ AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
3. Nút Bài hát
4. Biểu tượng Trộn bài
5. Biểu tượng Lặp lại
6. Nút **MENU (ĐA PHƯƠNG TIỆN)**
7. Biểu tượng Phát/Tạm dừng
8. Nút **MENU (DANH MỤC)**
9. Nút ⮌ (Trở lại)
10. Núm chọn

## Phát nhạc trên *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích với hệ thống.
Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Ở một số quốc gia, việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT. Khi ghép đôi nhiều điện thoại cùng lúc, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại được ưu tiên. Bạn có thể cài đặt ưu tiên điện thoại trong mục **Bluetooth Settings (Cài đặt Bluetooth)**.

**Danh mục HFT** Tr. 371

Để thay đổi điện thoại đã tìm kiếm bằng tay, chọn **Go to Device List (Đến danh sách thiết bị)**.

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto thì Âm thanh *Bluetooth*® sẽ không phát được từ điện thoại đó. Tuy nhiên, điện thoại thứ hai đã từng ghép đôi có thể phát nhạc trên Âm thanh *Bluetooth*® bằng cách chọn **Audio (Âm thanh)** từ danh sách thiết bị *Bluetooth*®.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 373

## ■ Phát các tệp âm thanh trên *Bluetooth*®

**1.** Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với HFT.
**2.** Ấn nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN)** cho đến khi Nguồn âm thanh *Bluetooth*® được chọn.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có thể một điện thoại tương thích HFT khác, nhưng không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*® Audio đã được kết nối.

### Phát các tệp âm thanh trên *Bluetooth*®

Để phát các tệp âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Do vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Chức năng tạm dừng có thể không có trên một số điện thoại.

Nếu bất kỳ thiết bị âm thanh nào được kết nối với cổng USB, bạn cần ấn nút **MEDIA (ĐA PHƯƠNG TIỆN)** liên tục để chọn hệ thống Âm thanh *Bluetooth*®.

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Kiểm tra cài đặt âm lượng của điện thoại nếu âm lượng quá to hoặc nhỏ.



*Còn nữa*

## ■ Cách chọn bài từ danh sách tìm kiếm nhạc

**1.** Ấn ♨ để hiển thị danh sách tìm kiếm nhạc.
**2.** Chọn một danh mục.
**3.** Chọn một mục.
▶ Chọn liên tục một mục cho đến khi mục bạn muốn nghe được hiển thị.

**Cách chọn bài từ danh sách tìm kiếm nhạc**

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® được kết nối, một số hoặc toàn bộ danh mục có thể không hiển thị.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và trộn bài khi đang phát bài hát.

**■ Trộn bài/Lặp lại**

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

**Biểu tượng trộn bài**

Chọn để phát tất cả các bài hát có sẵn trong danh sách đang phát theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Biểu tượng lặp lại**

Chọn để lặp lại bài đang phát.

## ■ Cách thay đổi tệp

Ấn |◀◀| hoặc |▶▶| để chuyển bài.

Cách chọn chế độ phát

Mục danh mục chế độ phát

**Trộn bài**

**Shuffle off:** Tắt chế độ trộn bài.

**Shuffle Albums:** Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Shuffle All Songs:** Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**

**Repeat off:** Tắt chế độ lặp.

**Repeat all:** Lặp lại tất cả các bài.

**Repeat Song:** Lặp lại bài đang phát.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả chức năng có thể không hiển thị.

# Siri Eyes Free

Bạn có thể nói chuyện với Siri bằng cách ấn nút (Nói) trên vô lăng khi điện thoại iPhone được ghép đôi với Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT).

**Cài đặt điện thoại** Tr. 373

## ■ Sử dụng Siri Eyes Free

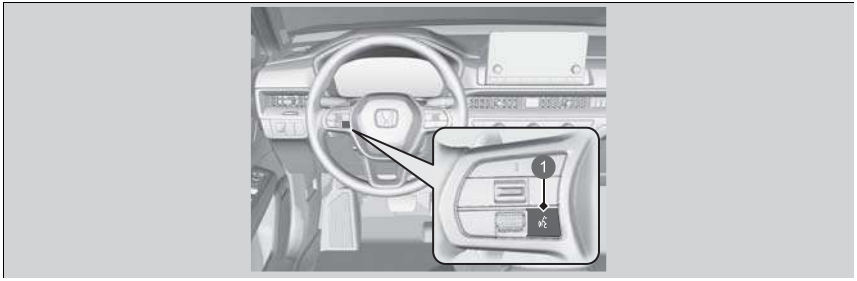


❶ Nút (Nói)

Ấn đến khi màn hình hiển thị thay đổi như trong hình.
Ấn và giữ để tắt chế độ Siri Eyes Free.
Khi ở chế độ Siri Eyes Free: Màn hình hiển thị không thay đổi.
Không có phản hồi hoặc lệnh xuất hiện.

Xuất hiện khi Siri kích hoạt ở chế độ Siri Eyes Free.

**Siri Eyes Free**

Kiểm tra trên trang web của Tập đoàn Apple để biết thêm chi tiết về các tính năng có sẵn của ứng dụng Siri.

Bạn không nên sử dụng ứng dụng Siri trừ chế độ Siri Eyes Free khi lái xe.

**Sử dụng Siri Eyes Free**

Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

# Nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh

Bạn có thể sử dụng Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh bằng nút (Nói) trên vô lăng khi điện thoại Android được ghép đôi với Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT).

**Cài đặt điện thoại** Tr. 373

## Sử dụng Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh

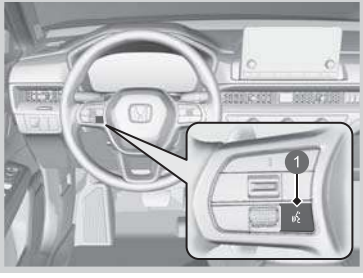


❶ Nút (Nói)

Ấn để kích hoạt Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh.
Ấn và giữ để ngắt kích hoạt Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh.
Khi ở Chế độ nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh: Màn hình hiển thị không thay đổi.
Không có phản hồi hoặc lệnh xuất hiện.

Xuất hiện khi kích hoạt Nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh.

**Sử dụng Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh**

Tùy thuộc vào điện thoại Android của bạn, bạn có thể cần thao tác trên điện thoại.

Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

# Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối iPhone tương thích với Apple CarPlay vào hệ thống qua cổng USB phía trước, bạn có thể sử dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/ thông tin.

**Cổng USB** Tr. 338

## ■ Danh mục ứng dụng Apple CarPlay

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Apple CarPlay. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng iPhone của bạn.

Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Apple CarPlay để quay lại màn hình chính.

Apple CarPlay

Chúng tôi khuyến nghị bạn cập nhật iOS lên phiên bản mới nhất khi sử dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT). Bạn chỉ có thể thực hiện cuộc gọi hoặc nghe nhạc thông qua Apple CarPlay. Nếu muốn thực hiện cuộc gọi bằng Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT), hãy TẮT Apple CarPlay. Các điện thoại khác đã từng được ghép đôi có thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® .

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Apple CarPlay, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web của Apple.

Sau khi cài đặt Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

Apple CarPlay

**Điều kiện và Giới hạn vận hành Apple CarPlay**
Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Apple CarPlay.

Có thể cần sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba tương thích với Apple CarPlay. Tham khảo trang web của Apple để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

Để điều chỉnh âm lượng nhạc chuông, âm lượng dẫn đường của định vị hoặc Siri hoặc âm lượng âm thanh, hãy xoay núm **VOL/⏻ AUDIO** (Âm lượng/Nguồn) trong khi đang phát âm thanh bạn muốn điều chỉnh.



*Còn nữa*

## ■ Kết nối Apple CarPlay bằng cáp USB.

**1.** Kết nối iPhone với cổng sạc/kết nối USB.

➡ **Cổng USB** Tr. 338

▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.

**2.** Chọn **Yes**.

▶ Nếu bạn không muốn kết nối Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục **Smartphone Settings (Cài đặt Điện thoại thông minh)**.

Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.
Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại iPhone của bạn.

Hãy thực hiện quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị đang kết nối với ứng dụng Apple CarPlay:
Ấn nút **MENU** →
Chọn Smartphone Settings → Apple CarPlay → Select device

**Sử dụng thông tin người dùng và xe**
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính sách bảo mật của Apple.

## ■ Vận hành Apple CarPlay bằng ứng dụng Siri

Ấn nút [🎤] (nói) để kích hoạt Siri.
Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.

**»Vận hành Apple CarPlay bằng ứng dụng Siri**

Dưới dây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho ứng dụng Siri.

- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho ba ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web *www.apple.com/ios/siri*.

Để điều chỉnh âm lượng dẫn đường của Siri, hãy xoay núm **VOL/⏻ AUDIO (Âm lượng/Nguồn)** trong khi Siri hoạt động.

# Android Auto™

Khi bạn kết nối điện thoại Android™ với hệ thống âm thanh qua cổng USB, Android Auto sẽ tự động khởi chạy và bạn có thể sử dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.

**Cổng USB** Tr. 338

**CHÚ Ý:**

Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hoặc khu vực của bạn. Để biết chi tiết về Android Auto, hãy tham khảo trang web hỗ trợ của Google.

Android Auto™

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.
Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® . Tuy nhiên, các điện thoại khác đã từng được ghép đôi vẫn có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với Android Auto.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 373

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

## ■ Danh mục Android Auto

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Android Auto. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng điện thoại thông minh của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Android Auto để quay lại màn hình chính.

### Android Auto™

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web Android Auto.

Màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Android Auto bạn đang sử dụng.

**Điều kiện và giới hạn vận hành Android Auto**
Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Có thể phải sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba tương thích với Android Auto. Tham khảo trang web Android Auto để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

Để điều chỉnh âm lượng nhạc chuông, âm lượng dẫn đường của định vị hoặc nhận dạng giọng nói hoặc âm lượng âm thanh, hãy xoay núm **VOL**/ **AUDIO (Âm lượng/Nguồn)** trong khi đang phát âm thanh bạn muốn điều chỉnh.

*Còn nữa*

## ■ Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

Để kích hoạt Android Auto sau khi kết nối điện thoại Android với cổng sạc/kết nối USB, hãy chọn **Yes (Có)** trên màn hình.

**Cổng USB** Tr. 338

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục **Smartphone Settings (Cài đặt Điện thoại thông minh)**.

### Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với Android Auto để tự động ghép đôi. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị kết nối với Android Auto sau khi đã hoàn tất thiết lập ban đầu:
Ấn nút **MENU** →
Chọn Smartphone Settings → Android Auto → Select device

**Sử dụng thông tin người dùng và xe**
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua Android Auto được quản lý bởi Chính sách bảo mật của Google.

## ■ Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Ấn nút (nói) để vận hành Android Auto bằng giọng nói.
Nhấn lại để tắt nhận dạng giọng nói.

**»Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói**

Dưới đây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Android Auto.

Để điều chỉnh âm lượng dẫn đường của nhận dạng giọng nói, hãy xoay núm **VOL/ AUDIO (Âm lượng/Nguồn)** trong khi đang phát hướng dẫn dẫn đường.

# Tính năng tùy chỉnh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chỉnh một số tính năng cụ thể.

## ■ Cách tùy chỉnh các cài đặt chung

Khi xe dừng hẳn với chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút **MENU (DANH MỤC)**. Để tùy chỉnh cài đặt điện thoại, ấn nút **PHONE (ĐIỆN THOẠI)** sau đó chọn **Settings (Cài đặt)**.

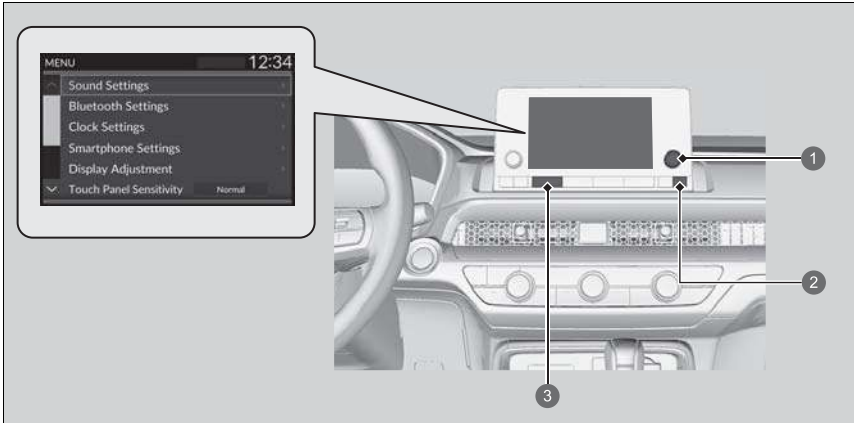


❶ Núm chọn
❷ Nút **MENU (DANH MỤC)**
❸ Nút **PHONE (ĐIỆN THOẠI)**

**Tính năng tùy chỉnh**

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:
- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số [P].

Để tùy chỉnh chi tiết các tính năng, hãy tham khảo nội dung sau.

**Danh sách tùy chỉnh** Tr. 363

■ **Danh sách tùy chỉnh**

Ấn nút **MENU (DANH MỤC)**.

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Sound Settings (Cài đặt âm thanh)** | **Bass / Treble**<br>**Balance / Fader**<br>**Speed Volume Compensation** | Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh.<br>➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 340 | — |
| **Bluetooth Settings (Cài đặt Bluetooth)** | **Connect New Device** | Ghép đôi điện thoại mới với HFT.<br>➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 373 | — |
| | **Change Device** | Kết nối điện thoại đã ghép đôi.<br>➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 373 | — |
| | **Priority Device** | Cài đặt làm thiết bị ưu tiên. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Disconnect All Devices** (**Disconnect All Device**) | Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT. | — |
| | **Delete Device** | Xóa điện thoại đã ghép đôi. | — |
| **Clock Settings (Cài đặt đồng hồ)** | **Automatic Time** | Chọn **ON (BẬT)** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF (TẮT)** để hủy chức năng này. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Daylight Saving Time** | Cài đặt đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Set Time** | Điều chỉnh thời gian.<br>➡ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 218 | — |
| | **Time Zone** | Thay đổi múi giờ bằng tay. | |
| **Smartphone Settings (Cài đặt điện thoại thông minh)** | **Apple CarPlay** | Cài đặt kết nối Apple CarPlay. | — |
| | **Android Auto** | Cài đặt kết nối Android Auto. | |

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Display Adjustment (Điều chỉnh màn hình)** | **Brightness** | Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. | — |
| | **Contrast** | Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin. | |
| | **Black Level** | Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/ thông tin. | |
| | **Day** | Chuyển đổi giữa chế độ ban ngày, chế độ ban đêm và chế độ tắt màn hình. | |
| | **Night** | | |
| | **Display OFF** | | |
| **Touch Panel Sensitivity (Độ nhạy của màn hình cảm ứng)** | | Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển cảm ứng. | **Normal**/**High** (Bình thường/Cao) |
| **Rear Camera Settings (Cài đặt Camera sau)** | **Fixed Guideline** | Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 789 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Dynamic Guideline** | Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 789 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Language (Ngôn ngữ)** | Thay đổi ngôn ngữ hiển thị. | **English** (United States)*1 (Tiếng Anh (Hoa Kỳ)*1), hoặc Arabic*1 (Tiếng Ả Rập*1) Một số ngôn ngữ có thể không có ở tất cả các khu vực. Kiểm tra màn hình âm thanh/thông tin để biết các tùy chọn có sẵn. |
| **Licence (Giấy phép)** | Hiển thị thông tin pháp lý. | — |
| **Factory Data Reset (Khôi phục cài đặt gốc)** | Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc. ➡ **Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định** Tr. 367 | — |

*1: Cài đặt mặc định thay đổi tùy từng loại xe.

Ấn nút **PHONE (ĐIỆN THOẠI)** và chọn **Settings (Cài đặt)**.

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Bluetooth Settings (Cài đặt Bluetooth)** | **Connect New Device** | Ghép đôi điện thoại mới với HFT.<br>➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 373 | — |
| | **Change Device** | Kết nối điện thoại đã ghép đôi.<br>➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 373 | — |
| | **Priority Device** | Cài đặt làm thiết bị ưu tiên. | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Disconnect All Devices (Ngắt kết nối tất cả thiết bị)** | Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT. | — |
| | **Delete Device** | Xóa điện thoại đã ghép đôi. | — |
| **Ringtone (Nhạc chuông)** | | Chọn nhạc chuông. | **Phone/Vehicle** (Điện thoại/Thiết bị) |
| **Auto Phone Call Transfer (Chuyển cuộc gọi tự động)** | | Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe. | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |
| **System Clear (Đặt lại Hệ thống)** | | Đặt lại tất cả các mục tùy chỉnh trong nhóm Cài đặt điện thoại làm mặc định. | — |

# Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định

Cài đặt lại tất cả danh mục và cài đặt tùy chỉnh làm mặc định gốc.

**1.** Ấn nút **MENU**.

**2.** Chọn **Factory Data Reset**.

► Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.

**3.** Chọn **Yes**.

**4.** Chọn **Yes** lần nữa để cài đặt lại.

► Hệ thống sẽ khởi động lại.

**Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định**

Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, hãy cài đặt lại tất cả cài đặt về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset (Khôi phục cài đặt gốc)**, các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

# Hệ thống điện thoại rảnh tay

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

## Sử dụng HFT

### ■ Nút HFT

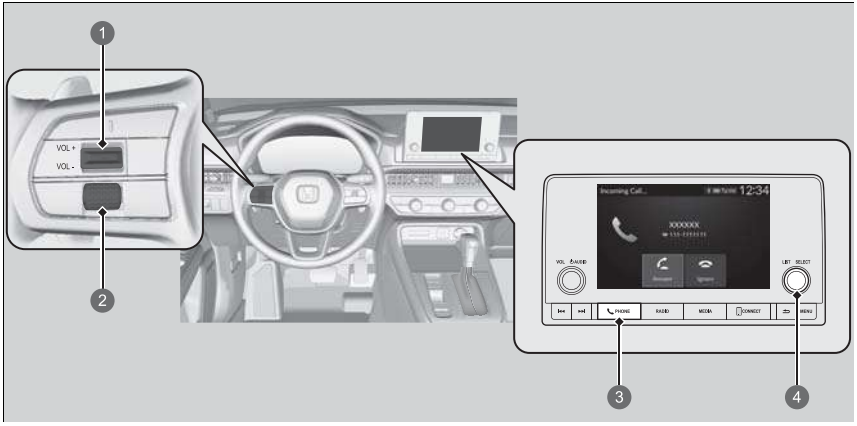


❶ Công tắc **VOL+/VOL− (Âm Lượng)**
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Nút **PHONE (ĐIỆN THOẠI)**
❹ Núm chọn

**Hệ thống điện thoại rảnh tay**

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói
- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.

Có thể lưu tới 20 liên hệ yêu thích. Nếu trong hệ thống vẫn chưa có số điện thoại nào, một thông báo bật lên sẽ xuất hiện trên màn hình.
➡ **Liên hệ yêu thích** Tr. 381

Có thể lưu được 20 cuộc gọi vào lịch sử cuộc gọi. Nếu không thấy có cuộc gọi nào trong lịch sử cuộc gọi, Lịch sử cuộc gọi đã bị vô hiệu hoá.

**Vòng lựa chọn bên trái:** Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

**Nhận cuộc gọi** Tr. 386

**Nút PHONE (ĐIỆN THOẠI):** Ấn để vào màn hình **Phone (Điện thoại)**.

**Núm chọn:** Xoay để chọn một mục trên màn hình rồi ấn .

Hệ thống điện thoại rảnh tay

Công nghệ *Bluetooth*® Không dây
Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.



*Còn nữa*

## ■ Màn hình trạng thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

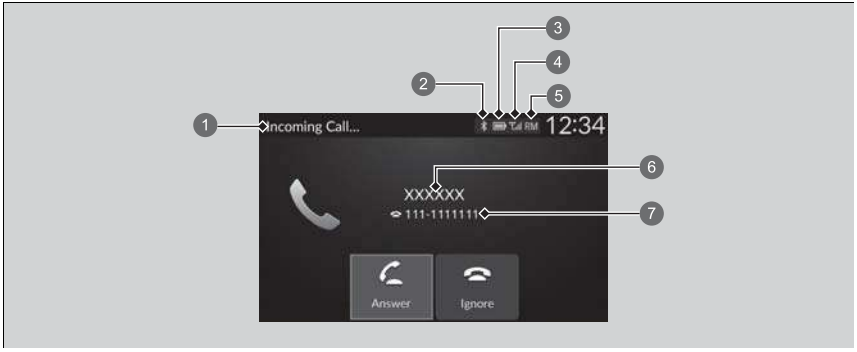


❶ Chế độ HFT
❷ Đèn báo *Bluetooth*®
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
❸ Mức pin
❹ Cường độ tín hiệu
❺ Trạng thái chuyển vùng
❻ Tên người gọi
❼ Số người gọi

## ■ Hạn chế khi vận hành bằng tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Màn hình trạng thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/ thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

# Danh mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng HFT.

**Danh mục HFT**

Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống sau khi đỗ xe.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe. Thông báo xuất hiện trên màn hình khi xe đang chạy và hoạt động bị hủy.

**Nút PHONE (ĐIỆN THOẠI)**

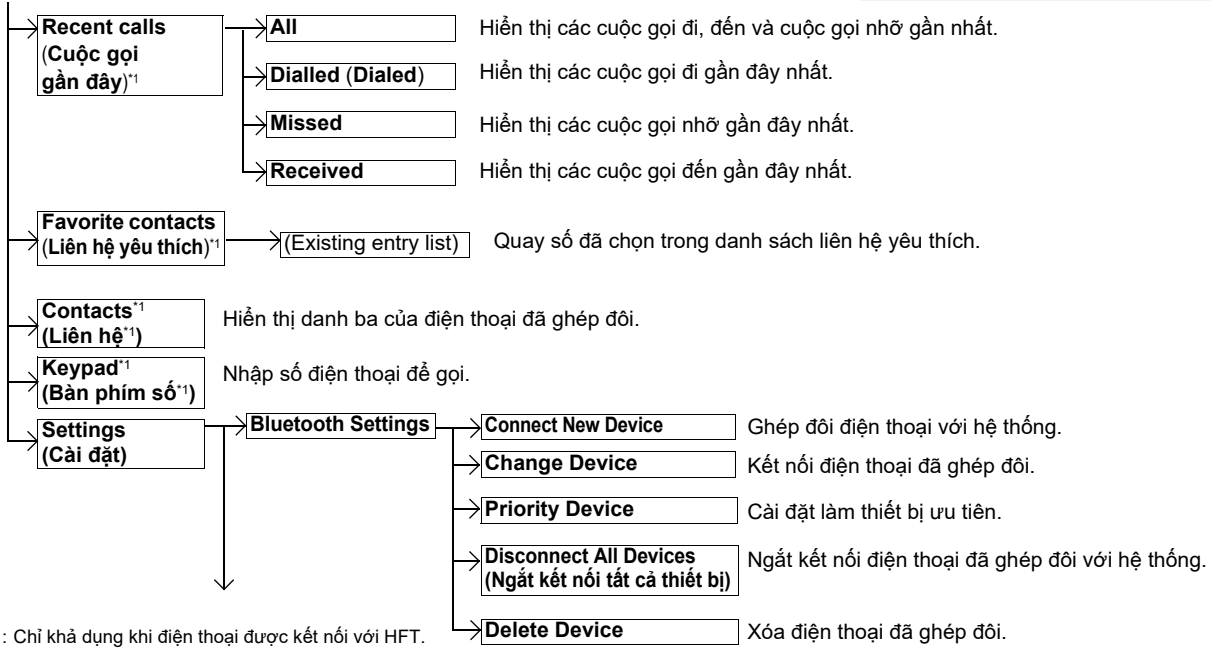


*1 : Chỉ khả dụng khi điện thoại được kết nối với HFT.

*Còn nữa*

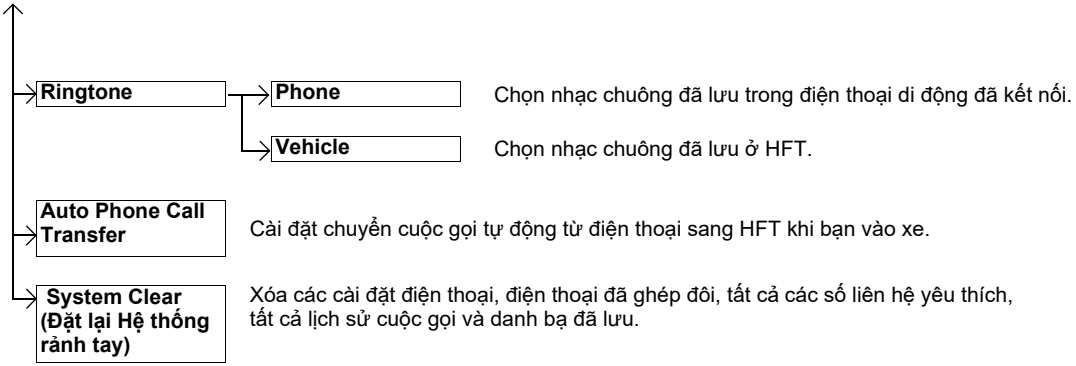
Ringtone
Phone
Chọn nhạc chuông đã lưu trong điện thoại di động đã kết nối.
Vehicle
Chọn nhạc chuông đã lưu ở HFT.
Auto Phone Call Transfer
Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.
System Clear (Đặt lại Hệ thống rảnh tay)
Xóa các cài đặt điện thoại, điện thoại đã ghép đôi, tất cả các số liên hệ yêu thích, tất cả lịch sử cuộc gọi và danh bạ đã lưu.

## ■ Cài đặt điện thoại

### ■ Để ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

**1.** Ấn nút **PHONE**.

**2.** Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.

**3.** Chọn **Yes**.

▶ Hệ thống âm thanh sẽ vào chế độ chờ ghép đôi.

**4.** Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.

▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search from car (Tìm kiếm từ xe)** và thực hiện theo lời nhắc.

Khi điện thoại xuất hiện trên danh sách, bấm chọn.

**5.** Hệ thống gửi cho bạn mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.

▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.

Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.

**6.** Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.

*Còn nữa*

Cài đặt điện thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích *Bluetooth* với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Mẹo khi ghép đôi điện thoại:

- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với HFT.
- Nếu điện thoại không sẵn sàng ghép đôi hoặc hệ thống không tìm thấy điện thoại trong vòng 3 phút, hệ thống sẽ ngừng và trở về màn hình **Bluetooth Settings (Cài đặt Bluetooth)**.

Sau khi ghép đôi điện thoại thành công, bạn có thể thấy một hoặc hai biểu tượng sau xuất hiện ở góc bên phải màn hình.
Những biểu tượng này có ý nghĩa như sau:
: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.
: Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

Khi ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh:
Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin, chọn **Search from phone (Tìm kiếm từ điện thoại)** và dùng điện thoại của bạn tìm kiếm các thiết bị *Bluetooth*®. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại của bạn.

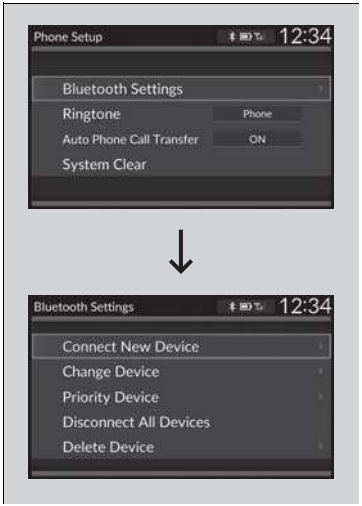


**■ Để ghép đôi điện thoại di động (khi đã có một điện thoại được ghép đôi với hệ thống)**

**1.** Ấn nút **PHONE**.
▶ Nếu lời nhắc xuất hiện yêu cầu kết nối với điện thoại, chọn **No** và tiếp tục với bước 2.

**2.** Chọn **Settings**.

**3.** Chọn **Bluetooth Settings**.

**4.** Chọn **Connect New Device**.
▶ Hệ thống âm thanh sẽ vào chế độ chờ ghép đôi.

**5.** Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.

**6.** Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.

▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search from car (Tìm kiếm từ xe)** và thực hiện theo lời nhắc.
Khi điện thoại xuất hiện trên danh sách, bấm chọn.

**7.** Hệ thống gửi cho bạn mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.

▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.

**8.** Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.

▶ Bạn có thể ưu tiên thiết bị *Bluetooth*® cùng lúc. Chọn **Yes** nếu bạn muốn ưu tiên thiết bị.



*Còn nữa*

**■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi**

**1.** Ấn nút **PHONE**.

**2.** Chọn **Settings**.

**3.** Chọn **Bluetooth Settings**.

**4.** Chọn **Change Device**.

▶ Màn hình chuyển sang danh sách thiết bị.

**5.** Chọn tên thiết bị mong muốn.

**6.** Chọn **Both**, **Audio**, hoặc **Phone**.

▶ Khi thiết bị khác được kết nối với Android Auto và bạn chọn **Both** hoặc **Phone**, thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Chọn **Continue**.

▶ HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.

**■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi**

**1.** Ấn nút **PHONE**.

**2.** Chọn **Settings**.

**3.** Chọn **Bluetooth Settings**.

**4.** Chọn **Delete Device**.
▶ Màn hình chuyển sang danh sách thiết bị.

**5.** Chọn điện thoại bạn muốn xóa.

**6.** Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.
▶ Khi thiết bị khác được kết nối với Android Auto, thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Chọn **Yes**.



*Còn nữa*

## ■ Tự động chuyển cuộc gọi

Nếu ghép đôi điện thoại với hệ thống thành công khi bạn đang nghe điện thoại, cuộc gọi đó sẽ tự động chuyển sang HFT.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.

## ■ Nhạc chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Ringtone**.
4. Chọn **Phone** hoặc **Vehicle**.

Nhạc chuông

**Phone:** Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.
**Vehicle:** Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.

## ■ Để xóa Hệ thống

Các dữ liệu cài đặt điện thoại, điện thoại đã ghép đôi, tất cả các số liên hệ yêu thích, tất cả lịch sử cuộc gọi và danh bạ đã lưu đều bị xóa.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System Clear (Đặt lại Hệ thống rảnh tay).**
4. Chọn **Yes**.
5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.
6. Thông báo xuất hiện trên màn hình. Chọn **OK**.

*Còn nữa*

## ■ Tự động lưu Danh bạ điện thoại và Lịch sử cuộc gọi

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi sẽ tự động lưu vào HFT.

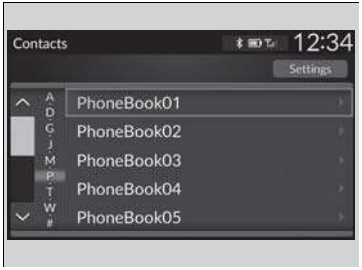


### Tự động lưu Danh bạ điện thoại và Lịch sử cuộc gọi

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, màn hình sẽ xuất hiện 5 nhóm biểu tượng. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

| | | | |
|---|---|---|---|
| ★ | Yêu thích | | Fax |
| | Nhà riêng | | Xe hơi |
| | Di động | | Tin nhắn thoại |
| | Công việc | | Khác |
| | Máy nhắn tin | | |

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào HFT.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc sau mỗi cuộc gọi.

## ■ Liên hệ yêu thích

Màn hình cuộc gọi gần đây

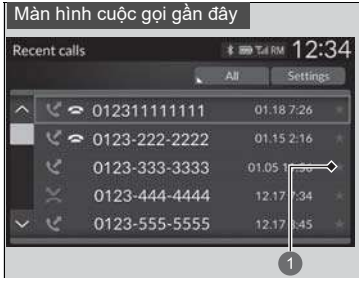


❶ Biểu tượng ngôi sao

Màn hình liên hệ

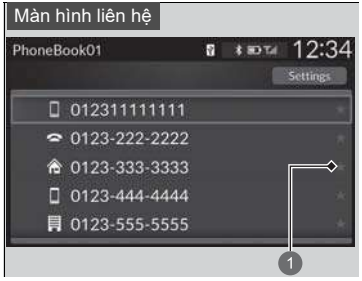


❶ Biểu tượng ngôi sao

### ■ Để thêm các liên hệ yêu thích

**1.** Ấn nút **PHONE**.

**2.** Chọn **Recent calls** (**Recent Calls**), **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Trên màn hình Cuộc gọi gần đây hoặc màn hình Liên hệ

**3.** Chọn biểu tượng ngôi sao.



*Còn nữa*

Màn hình bàn phím

❶ **Liên hệ yêu thích (Thêm vào yêu thích)**

Trên màn hình bàn phím

**3.** Chọn **Favorite contacts (Thêm vào yêu thích)**.

▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu liên hệ yêu thích được lưu thành công.

▶ Để xóa liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.

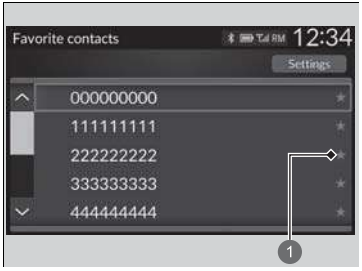


❶ Biểu tượng ngôi sao

■ **Để xóa liên hệ yêu thích**

**1.** Ấn nút **PHONE**.

**2.** Chọn **Favorite contacts (Liên hệ yêu thích)**.

**3.** Chọn biểu tượng ngôi sao.

**4.** Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

## ■ Tạo cuộc gọi

Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ **Recent calls (Cuộc gọi gần đây)**, **Favourite contacts (Liên hệ yêu thích)**, và **Contacts (Danh bạ)** đã lưu.

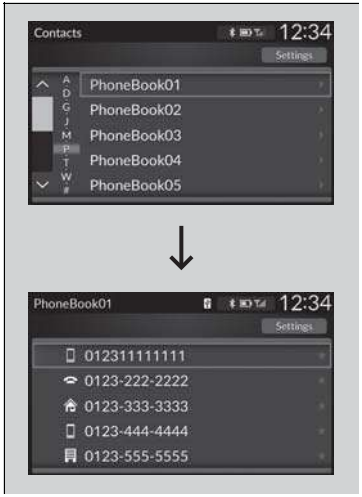


### ■ Để tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại sẽ tự động lưu vào HFT.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Contacts**.
3. Danh bạ điện thoại được lưu theo thứ tự trong bảng chữ cái.
   Chọn một tên.
4. Chọn một số điện thoại.
   ▶ Quay số tự động bắt đầu.

Tạo cuộc gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

*Còn nữa*

### ■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

**1.** Ấn nút **PHONE**.
**2.** Chọn **Keypad**.
**3.** Chọn một số điện thoại.
**4.** Chọn **Call**.
▶ Quay số tự động bắt đầu.

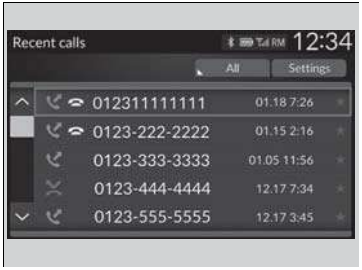


### ■ Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu theo **All (Tất cả cuộc gọi)**, **Dialled (Cuộc gọi đã gọi)**, **Missed (Cuộc gọi nhỡ)**, hoặc **Received (Cuộc gọi đã nhận)**.

**1.** Ấn nút **PHONE**.
**2.** Chọn **Recent calls (Cuộc gọi gần đây)**.
▶ Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled (Dialed)**, **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
**3.** Chọn một số điện thoại.
▶ Quay số tự động bắt đầu.

**Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi**

Lịch sử cuộc gọi chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT và hiển thị 20 cuộc gọi đi, gọi đến, hoặc gọi nhỡ gần đây nhất.

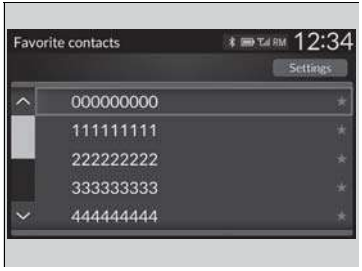


■ **Để tạo cuộc gọi từ liên hệ yêu thích**

**1.** Ấn nút **PHONE**.

**2.** Chọn **Favorite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).

**3.** Chọn một số điện thoại.
▶ Quay số tự động bắt đầu.



*Còn nữa*

## ■ Nhận cuộc gọi

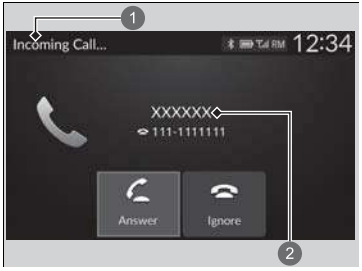


❶ Chế độ HFT
❷ Tên người gọi

Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra và màn hình **Incoming Call... (Cuộc gọi đến...)** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn **Answer (Trả lời cuộc gọi)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

▶ Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn **Ignore (Từ chối cuộc gọi)** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nhận cuộc gọi

Chờ cuộc gọi
Chọn **Answer (Trả lời cuộc gọi)** bằng vòng lựa chọn bên trái để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn **Swap calls (Chuyển đổi cuộc gọi)** bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.
Chọn **Ignore (Từ chối cuộc gọi)** bằng vòng lựa chọn bên trái để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn **Hang up (Cúp máy)** bằng vòng lựa chọn bên trái nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

## ■ Tùy chọn khi đang gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi:
**Swap Calls:** Giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đến.
**Mute:** Tắt tiếng của bạn.
**Use Handheld:** Chuyển cuộc gọi từ HFT sang điện thoại của bạn.
**Bàn phím:** Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.

❶ Biểu tượng tắt tiếng

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.
▶ Biểu tượng tắt tiếng xuất hiện khi chọn **Mute (Tắt tiếng)**. Chọn **Mute** thêm lần nữa để bật tiếng.

Tùy chọn khi đang gọi

**Keypad (Bàn phím)**: Có ở một số điện thoại.

## Khởi động

Màn hình giải trí sẽ tự động khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sẽ được hiển thị.

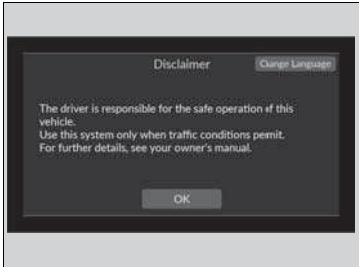


Chọn **OK**.

▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, chọn **OK** và màn hình ghép đôi *Bluetooth*® sẽ xuất hiện.

■ **Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)**

**1.** Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.

**2.** Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.

▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ Màn hình giải trí, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.

▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

# Vận hành cơ bản

## ■ Chức năng Hệ thống âm thanh

Để sử dụng chức năng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

❶ **All Apps (Tất cả ứng dụng)**
❷ Biểu tượng Trạng thái
❸ Biểu tượng Truy cập ứng dụng nhanh
❹ Mũi tên
❺ Nút HOME (Màn hình chính)
❻ Nút BACK (Trở lại)
❼ Núm **VOL**/ ⏻ **AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
❽ Nút ⏮/⏭ (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❾ Biểu tượng Công tắc chuyển chế độ
❿ Biểu tượng ☀ ☽ **Display Mode (Chế độ hiển thị)**

*Còn nữa*

Chức năng Hệ thống âm thanh

Màn hình này biểu thị cho loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các chức năng này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

**Tất cả ứng dụng**: Hiển thị tất cả các ứng dụng.
**Biểu tượng Trạng thái**: Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.
**Biểu tượng Truy cập ứng dụng nhanh**: Hiển thị các biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh.
**Mũi tên**: Hiển thị các trang tiếp theo trên màn hình âm thanh/thông tin.
**Nút HOME (Màn hình chính)**: Ấn để chuyển sang màn hình chính.
**Nút BACK (Trở lại)**: Ấn để trở lại màn hình trước đó.
**Núm VOL/ AUDIO (Âm lượng/Nguồn)**: Bật và tắt hệ thống âm thanh và điều chỉnh âm lượng.
**Nút** |◄◄/►►| (Tìm kiếm/Chuyển bài): Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc tệp.
**Biểu tượng Công tắc chuyển chế độ**: Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.
**Biểu tượng chế độ hiển thị** : Thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin.
Chọn một lần và chọn hoặc để điều chỉnh.

## ■ Cổng USB

Trên bảng điều khiển trước

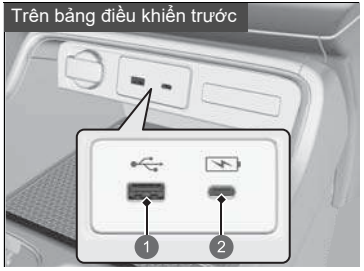


❶ Phát các tệp âm thanh và kết nối các điện thoại tương thích*
❷ Chỉ để sạc thiết bị

### ■ Cổng sạc/kết nối USB ( )*

Sử dụng cổng USB (2,5 A) để sạc điện cho các thiết bị, phát các tệp âm thanh và kết nối điện thoại tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

▶ Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu nối Lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay. Đối với Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2.0.

Ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm

### ■ Cổng sạc USB ( )

Các cổng USB (3,0 A) này chỉ dùng để sạc thiết bị.

▶ Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi đã nối máy phát nhạc với các cổng đó.

Cổng USB

- Không để iPod hoặc ổ USB flash trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm ổ USB flash vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các tệp.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.
- Một số thiết bị có thể không hoạt động ngay cả khi đã được kết nối với cổng USB.

Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5 A/ 3,0 A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5 A/ 3,0 A nếu thiết bị không yêu cầu.
Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe đài phát thanh.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Điều khiển âm thanh từ xa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

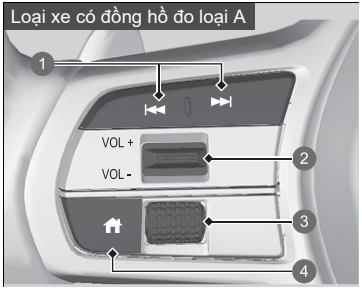


Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

❶ Nút |◄◄/►►| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❷ Công tắc **VOL** +/**VOL** − (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái
❹ Nút ⌂ (Màn hình chính)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

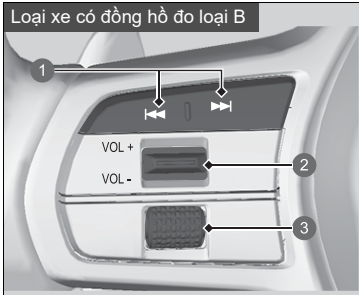


❶ Nút |◄◄ / ►►| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❷ Công tắc **VOL** +/**VOL** − (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái

Điều khiển âm thanh từ xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Ấn nút ⌂ (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

**Công tắc VOL ⊕/VOL ⊖ (Âm lượng)**
**Gạt lên:** Để tăng âm lượng.
**Gạt xuống:** Để giảm âm lượng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

**Vòng lựa chọn bên trái**

- Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn (âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

**Cuộn lên hoặc cuộn xuống:**
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

**Vòng lựa chọn bên trái**
**Cuộn lên hoặc cuộn xuống:**
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.



*Còn nữa*

**Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)**

- Khi nghe đài radio
  **Ấn ▶▶|:** Để chọn đài phát thanh cài đặt sẵn tiếp theo.
  **Ấn |◀◀:** Để chọn lại đài phát thanh cài đặt sẵn trước đó.
  **Ấn và giữ ▶▶|:** Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  **Ấn và giữ |◀◀:** Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc qua kết nối có dây, ổ USB flash, Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết nối điện thoại thông minh
  ▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.
  **Ấn ▶▶|:** Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  **Ấn |◀◀:** Để trở lại bài hát trước đó.
- Khi nghe trên ổ USB flash
  **Ấn và giữ ▶▶|:** Để chuyển sang thư mục tiếp theo.
  **Ấn và giữ |◀◀:** Để trở lại thư mục trước đó.

# Màn hình Âm thanh/Thông tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và đồng hồ. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.

Màn hình Âm thanh/Thông tin

**Thao tác trên màn hình cảm ứng**

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục sẽ chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443



*Còn nữa*

## ■ Chức năng truy cập ứng dụng nhanh

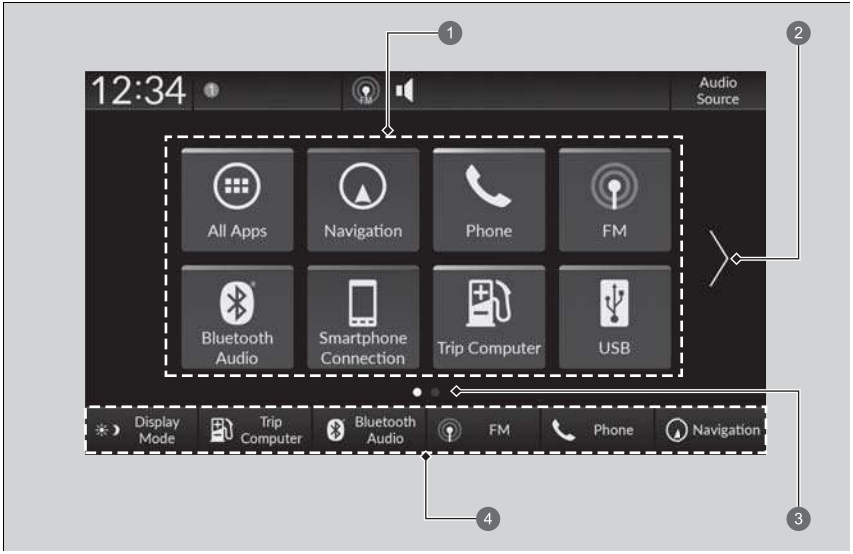


❶ Biểu tượng Truy cập ứng dụng nhanh
❷ Mũi tên
❸ Đèn báo trang
❹ Công tắc Chuyển chế độ

**■ Để chuyển sang màn hình tiếp theo**

Chọn [<] hoặc [>], hoặc vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

**Chức năng truy cập ứng dụng nhanh**

Màn hình chính có thể thêm tối đa 6 trang.

Ấn nút [HOME] để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

### ■ Để thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.

1. Ấn nút HOME .
2. Chọn **All Apps**.
3. Chọn một ứng dụng và tích hoặc bỏ tích ứng dụng đó.



*Còn nữa*

## ■ Để di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí biểu tượng trên màn hình chính.

1. Ấn nút HOME .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
   ► Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mong muốn.
4. Chọn **Done**.
   ► Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

**Để di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính**

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

## ■ Để xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể xóa các biểu tượng trên màn hình chính.

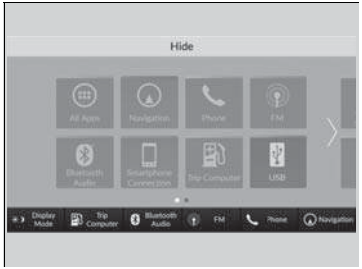


1. Ấn nút HOME .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
   ▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Kéo và thả biểu tượng muốn xóa vào vùng tiêu đề.
   ▶ Biểu tượng sẽ bị xóa khỏi màn hình chính.
4. Chọn **Done**.
   ▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

**»Để xóa các biểu tượng trên màn hình chính**

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

Còn nữa

## ■ Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Bạn có thể lưu tối đa năm biểu tượng ở phía dưới cùng của màn hình chính.

❶ Công tắc chuyển chế độ

**1.** Ấn nút HOME.

**2.** Chọn và giữ biểu tượng.

▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.

**3.** Kéo và thả biểu tượng muốn lưu xuống phía dưới màn hình chính.

▶ Biểu tượng được lưu ở khu vực công tắc chuyển chế độ.

**4.** Chọn **Done**.

▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

**Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính**

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

## ■ Vùng trạng thái

Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề. Bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.

❶ Biểu tượng trạng thái hệ thống

**1.** Chọn biểu tượng trạng thái hệ thống.
▶ Vùng trạng thái xuất hiện.
**2.** Chọn một mục để xem chi tiết.
**3.** Ấn nút BACK hoặc chọn biểu tượng trạng thái hệ thống để đóng vùng trạng thái.

## ■ Chọn nguồn âm thanh

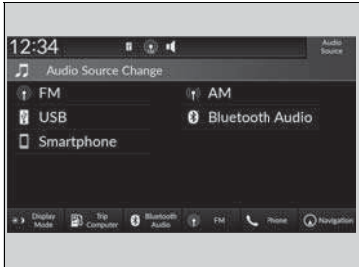


Chọn **Audio Source** trên vùng tiêu đề, sau đó chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn âm thanh để chuyển nguồn âm thanh.

# Cài đặt đồng hồ

## ■ Điều chỉnh đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.

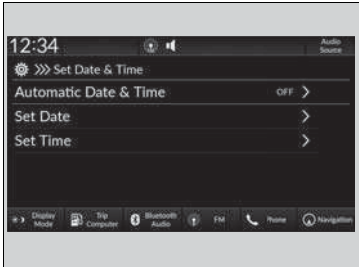


**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **System**.
**4.** Chọn **Date & Time**.
**5.** Chọn **Set Date &Time**.
**6.** Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.

Để điều chỉnh ngày:
**7.** Chọn **Set Date**.
**8.** Chọn ▲/▼.
**9.** Chọn **Save** để cài đặt ngày.

Để điều chỉnh thời gian.
**7.** Chọn **Set Time**.
**8.** Chọn ▲/▼.
**9.** Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

### Điều chỉnh đồng hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock (Đồng hồ)** sẽ hiển thị trên màn hình chính, hoặc **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.

1. Chạm vào biểu tượng đồng hồ trên màn hình. Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Date &Time**.
4. Chọn **Set Date &Time**.
5. Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn ▲/▼.
8. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chỉnh màn hình hiển thị đồng hồ.
➡ **Hệ thống** Tr. 444

## ■ Cài đặt hình nền đồng hồ

### ■ Nhập hình nền đồng hồ*

**1.** Cắm USB vào cổng USB.
**Cổng USB** Tr. 391
**2.** Ấn nút HOME.
**3.** Chọn **Clock**.
▶ Nếu **Clock (Đồng hồ)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
**4.** Chọn **Settings**.
**5.** Chọn **Clock Faces**.
**6.** Chọn **Add More**.
▶ Hình ảnh được lưu trong USB sẽ hiển thị trong danh sách.
**7.** Chọn hình ảnh muốn lưu.
▶ Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
**8.** Chọn **OK**.
▶ Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
**9.** Chọn **Transfer**.
▶ Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

Cài đặt hình nền đồng hồ

- Khi lưu tệp hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của ổ USB flash.
  Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên tệp phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu tệp hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Dung lượng mỗi tệp phải dưới 10 MB.
- Nếu trong ổ USB flash không có hình ảnh nào, thông báo sẽ xuất hiện.
- Có thể lưu được 11 hình ảnh.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 1.280 x 720 pixels, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

■ **Chọn hình nền đồng hồ**

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Clock**.
▶ Nếu **Clock (Đồng hồ)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
**3.** Chọn **Settings**.
**4.** Chọn **Clock Faces**.
**5.** Chọn hình ảnh muốn cài đặt.
▶ Bản xem trước được hiển thị trên màn hình.
**6.** Chọn **Save**.
▶ Màn hình đồng hồ hiển thị hình nền đã cài đặt.

■ **Xóa hình nền đồng hồ***

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Clock**.
▶ Nếu **Clock (Đồng hồ)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
**3.** Chọn **Settings**.
**4.** Chọn **Clock Faces**.
**5.** Chọn **Delete Photos**.
**6.** Chọn hình ảnh muốn xóa.
▶ Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
**7.** Chọn **OK**.
▶ Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
**8.** Chọn **Delete**.
▶ Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Điều chỉnh âm thanh

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn biểu tượng nguồn âm thanh.
**3.** Chọn **Sound**.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:
- **Bass/Treble:** Bổng, Trung, Trầm
- **Audio Zones & Balance/Fader**[*1] **(Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm**[*1]**):** Chỉ dành cho người lái, Chỉ phía trước, Chỉ phía sau, Toàn bộ xe, Cân bằng, Giảm âm
- **Bose Centerpoint**[*1]**:** BẬT và TẮT Bose Centerpoint.
- **Bose Dynamic Speed Compensation**[*1] **(Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose**[*1]**):** Cài đặt mức tăng âm lượng.
- **Balance/Fader**[*2]**:** Cân bằng, Giảm âm
- **Speed Volume Compensation**[*2] **(Bù âm lượng theo tốc độ**[*2]**):** Cài đặt mức tăng âm lượng.

*1 : Loại xe có BOSE AMP
*2 : Loại xe có AMP thông thường

## Điều chỉnh âm thanh

Tính năng **Bose Dynamic Speed Compensation**[*1] **(Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose**[*1]**)/Speed Volume Compensation**[*2] **(Bù âm lượng theo tốc độ**[*2]**)** (SVC) điều chỉnh mức âm lượng dựa trên tốc độ của xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn cũng có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.
1. Ấn nút HOME .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

**Audio Zones & Balance/Fader**[*1]
Bạn có thể thay đổi nguồn phát âm thanh bằng cách chọn một trong số các loa dưới đây:
- **Full Vehicle:** Tất cả các loa phát ra âm thanh.
- **Driver Only:** Chỉ loa phía người lái phát ra âm thanh.
- **Front Only:** Chỉ loa phía trước phát ra âm thanh.
- **Rear Only:** Chỉ loa phía sau phát ra âm thanh.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass/Treble**, **Audio Zones & Balance/Fader**[*1], **Bose Dynamic Speed Compensation**[*1], **Balance/Fader**[*2], và **Speed Volume Compensation**[*2], chọn **Default** trên mỗi màn hình cài đặt.

# Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng màn hình.

## ■ Chuyển chế độ hiển thị bằng tay

Chọn **Display Mode**.

▶ Thanh chia độ sáng hiển thị trong vài giây.

▶ Chọn hoặc để điều chỉnh độ sáng.

▶ Chọn **Display OFF** để tắt màn hình. Để bật màn hình, ấn nút HOME hoặc BACK.

Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình bằng cách trượt hoặc chạm vào thanh chia độ sáng.

Bạn cũng có thể thay đổi độ sáng màn hình theo các bước sau.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Display**.
4. Chọn cài đặt mong muốn.

Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Default**.

# Cập nhật hệ thống

Phần mềm hệ thống âm thanh có thể được cập nhật bằng kết nối Wi-Fi, hoặc bằng thiết bị USB, hoặc bằng bộ điều khiển viễn thông (TCU)* thông qua dịch vụ dựa trên đăng ký.

## ■ Cách cập nhật

Khi có bản cập nhật hệ thống âm thanh, thông báo sẽ hiển thị trên vùng trạng thái. Thực hiện các bước sau để cập nhật hệ thống.

**1.** Ấn nút HOME .

**2.** Chọn **System Updates**.

▶ Nếu **System Updates (Cập nhật hệ thống)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.

▶ Hệ thống sẽ kiểm tra các bản cập nhật.

▶ Nếu biểu tượng cập nhật xuất hiện trên màn hình chính, hãy chọn biểu tượng trạng thái.

**Vùng trạng thái** Tr. 401

**3.** Chọn **Download**.

▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cần yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.

**4.** Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.

▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

Cách cập nhật

Bạn có thể cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, nhưng không thể sử dụng cổng cố định có yêu cầu đăng nhập hoặc đồng ý với điều khoản sử dụng trên trình duyệt.

Quá trình tải xuống sẽ bị dừng nếu:
- Kết nối Wi-Fi bị ngắt.
- Động cơ dừng do ắc-quy yếu điện.

Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục chạy sau khi kết nối Wi-Fi.

Để bảo vệ ắc-quy, không chọn **Install While Vehicle Off (Cài đặt trong khi tắt máy)** khi ắc-quy yếu điện. Nếu bạn muốn cài đặt dữ liệu cập nhật, hãy nạp điện ắc-quy hoặc chọn **Install Now (Cài đặt ngay)**.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cài đặt cập nhật hệ thống

Bạn có thể thay đổi hoặc xác nhận cài đặt cập nhật hệ thống.

**1.** Ấn nút HOME .

**2.** Chọn **System Updates**.

**3.** Chọn **Settings**.

**4.** Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi hoặc xác nhận.

Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Automatic Download (Tải xuống tự động)**
- **Version Status (Trạng thái phiên bản)**
- **Connection Setup (Cài đặt kết nối)**
- **Update History (Cập nhật lịch sử)**

## ■ Cách cập nhật bằng mạng không dây

**■ Thiết lập chế độ kết nối không dây**

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates (Cập nhật hệ thống)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
**3.** Chọn **Settings**.
**4.** Chọn **Connection Setup**.
**5.** Chọn **OK**.
**6.** Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
▶ Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options (Tùy chọn)** rồi chọn **Add Network (Thêm mạng)**.
**7.** Nhập mật khẩu.
▶ Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates (Sử dụng mạng này để tự động tải xuống các bản cập nhật hệ thống)**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
**8.** Chọn **Connect**.

**■ Cách cập nhật**

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates (Cập nhật hệ thống)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
**3.** Chọn **via Wireless**.
**4.** Chọn **Download**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cần yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.
**5.** Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

*Còn nữa*

## ■ Cách cập nhật bằng thiết bị USB*

### ■ Tải xuống các tệp cập nhật từ máy chủ

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates (Cập nhật hệ thống)** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
**3.** Chọn **Other Methods**.
**4.** Chọn **Via USB**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
**5.** Cắm USB vào cổng USB.
▶ Dữ liệu được sao chép vào USB.
➔ **Cổng USB** Tr. 391
**6.** Rút USB ra khỏi cổng USB.
**7.** Cắm USB vào máy tính, sau đó tải xuống các tệp cập nhật.
▶ Nhấp vào liên kết để tải xuống các tệp cập nhật phần mềm. Tham khảo *https://usb.honda.com* để xem thêm về các hướng dẫn.

### ■ Cập nhật hệ thống âm thanh

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **System Updates**.
**3.** Chọn **Other Methods**.
**4.** Chọn **Via USB**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
**5.** Cắm USB chứa các tệp cập nhật vào cổng USB.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
➔ **Cổng USB** Tr. 391
**6.** Chọn **Install Now**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

Cách cập nhật bằng thiết bị USB*

Nên sử dụng USB có dung lượng trống tối thiểu 8 GB trở lên.

Đảm bảo xóa tất cả các thư mục hoặc các tệp cập nhật trước đó ra khỏi USB trước khi bắt đầu quá trình cập nhật bằng USB.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hoạt động của Hệ thống điều khiển bằng giọng nói*

Xe của bạn có hệ thống điều khiển bằng giọng nói cho phép vận hành rảnh tay. Để sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói, dùng nút (Nói) trên vô lăng và micro gần đèn đọc sách trên trần xe.

## ■ Nhận dạng giọng nói

Để tối ưu nhận dạng giọng nói khi sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói:

- Đảm bảo màn hình hiển thị chính xác khẩu lệnh mà bạn đang sử dụng. Hệ thống chỉ nhận ra một số lệnh nhất định.
  Khẩu lệnh có sẵn:
  ➡ **Màn hình cổng thoại** Tr. 412
- Đóng các cửa kính và cửa sổ trời toàn cảnh.
- Điều chỉnh bảng táp-lô và lỗ thông gió bên để không khí không lọt vào micro trên trần xe.
- Nói rõ ràng bằng giọng nói tự nhiên mà không ngắt quãng giữa các từ.
- Giảm mọi tiếng ồn xung quanh nếu có thể. Hệ thống có thể hiểu sai lệnh của bạn nếu có nhiều người nói cùng một lúc.

**»Hoạt động của Hệ thống điều khiển bằng giọng nói***

Khi ấn nút , một lời nhắc hữu ích sẽ hỏi bạn muốn làm gì. Ấn và nhả nút một lần nữa để bỏ qua lời nhắc này và đưa ra lệnh.

**»Nhận dạng giọng nói**

Chỉ có thể sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói từ ghế người lái vì bộ micro sẽ loại bỏ tiếng ồn từ phía hành khách trước.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Màn hình cổng thoại

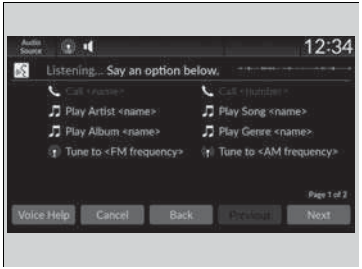


Khi ấn nút (nói), các khẩu lệnh khả dụng sẽ xuất hiện trên màn hình.
Để có danh sách đầy đủ các lệnh, hãy nói "*Help (Trợ giúp)*" sau tiếng bíp.

Tùy thuộc vào chế độ đã chọn, các lệnh hiển thị sẽ khác nhau trên màn hình cổng thoại. Các lệnh được nhận dạng giống nhau bất kể bạn chọn màn hình nào.
Chế độ bình thường: Một danh sách ví dụ về các lệnh được hiển thị để nhanh chóng hoàn thành chức năng mà bạn mong muốn.
Chế độ hỗ trợ: Một danh sách các lệnh cơ bản được hiển thị để hướng dẫn bạn từng bước thông qua danh mục thoại.

Bạn có thể thay đổi chế độ trên màn hình **General Settings**.

**Điều khiển bằng giọng nói*** Tr. 451

Hệ thống chỉ nhận dạng các lệnh ở các trang sau ở một số màn hình nhất định. Lệnh thoại dạng tự do không được nhận dạng.

## ■ Lệnh chung

Khi màn hình cổng thoại hiển thị, màn hình sẽ chuyển sang màn hình trên cùng của từng chức năng bằng cách sử dụng các lệnh chung.

- *Music Search (Tìm kiếm nhạc)*
- *AM*
- *FM*
- *Phone (Điện thoại)*
- *Định vị**

## ■ Lệnh qua điện thoại

Khi hệ thống nhận dạng lệnh qua điện thoại, màn hình sẽ chuyển sang màn hình nhận dạng giọng nói dành riêng cho điện thoại. Các lệnh này chỉ có thể được sử dụng khi kết nối với điện thoại.

### ■ Lệnh qua điện thoại

- *Cuộc gọi <tên>*
- *Cuộc gọi <số>*

Hệ thống chỉ nhận dạng tên liên lạc được lưu trong danh bạ điện thoại của bạn. Nếu tên đầy đủ được đăng ký trong trường tên, hệ thống sẽ nhận dạng tên và họ dưới dạng một tên liên hệ.

Lệnh điện thoại không khả dụng nếu sử dụng Apple CarPlay.

## ■ Lệnh bằng âm thanh

Khi hệ thống nhận dạng lệnh bằng âm thanh, màn hình sẽ chuyển sang màn hình dành riêng cho nhận dạng giọng nói bằng âm thanh.

### ■ Lệnh FM

- *Dò đến <Tần số FM>*

### ■ Lệnh AM

- *Dò đến <Tần số AM>*





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Lệnh qua iPod**
- *Danh sách Album <tên>*
- *Danh sách Nhạc sỹ <tên>*
- *Danh sách Thể loại nhạc <tên>*
- *Danh sách Phát <tên>*
- *Phát <nhạc sỹ> <album>*
- *Phát*
- *Phát Album <tên>*
- *Phát Nhạc sỹ <tên>*
- *Phát Thể loại nhạc <tên>*
- *Phát Nhạc <text:media_combo>*
- *Phát Danh sách phát <tên>*
- *Phát Bài <tên>*

■ **Lệnh qua USB**
- *Danh sách Album <tên>*
- *Danh sách Nhạc sỹ <tên>*
- *Danh sách Phát <tên>*
- *Phát <nhạc sỹ> <album>*
- *Phát*
- *Phát Album <tên>*
- *Phát Nhạc sỹ <tên>*
- *Phát Nhạc <text:media_combo>*
- *Phát Danh sách phát <tên>*
- *Phát Bài <tên>*

## ■ Lệnh định vị*

Màn hình sẽ chuyển sang màn hình định vị khi nhận được lệnh định vị bằng giọng nói.

➲ **Tham khảo Tài liệu hướng dẫn hệ thống định vị**

## ■ Lệnh tiêu chuẩn

- *Trợ giúp bằng giọng nói*
- *Hủy*
- *Quay lại*

Trợ giúp bằng giọng nói cung cấp hướng dẫn cho màn hình hiện tại.

## ■ Lệnh liệt kê

- *Trước đó*
- *Tiếp theo*
- *Có*
- *Không*



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Bật đài FM/AM

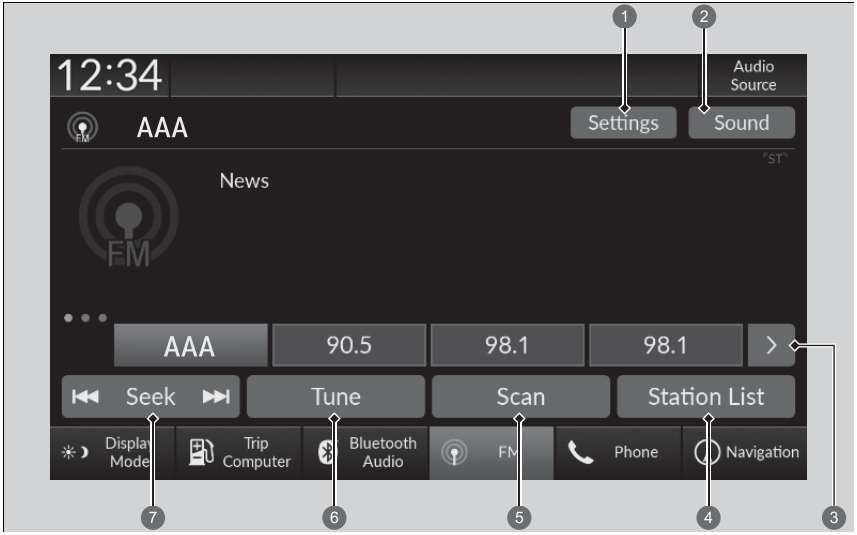


❶ **Biểu tượng Cài đặt***
❷ **Biểu tượng Âm thanh**
❸ **Biểu tượng Cài đặt sẵn**
❹ **Biểu tượng Danh sách kênh**
❺ **Biểu tượng Quét**
❻ **Biểu tượng Dò kênh**
❼ **Biểu tượng Tìm kiếm**





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Bộ nhớ cài đặt sẵn

Dò tần số đài cho bộ nhớ cài đặt sẵn.
Để lưu kênh:
**1.** Dò đến kênh đã chọn.
**2.** Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
► Việc chọn **Press & Hold (Ấn và giữ)** có thể thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

## ■ Danh sách kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.
**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
**2.** Chọn kênh.

### ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
**2.** Chọn **Refresh**.

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây.
Chọn **Scan** để bắt đầu quét, và chọn **Stop** hoặc ấn nút BACK để tắt.

## ■ Tìm kiếm

Chọn |◄◄ hoặc ►►| để dò lên hoặc dò xuống các dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

### Bộ nhớ cài đặt sẵn

Đèn báo **ST** sáng trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn **Audio Source** trên màn hình.
**Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 392

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.



*Còn nữa*

## ■ Âm thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

**Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

## ■ Màn hình điều chỉnh tần số radio thủ công

Chọn để sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số radio.

1. Chọn **Tune**.
2. Nhập tần số radio mong muốn bằng bàn phím trên màn hình.
3. Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

1 Bàn phím trên màn hình

Màn hình điều chỉnh tần số radio thủ công

**Biểu tượng ◀/▶:**
Chọn ◀ hoặc ▶ để dò tần số radio.

## ■ Hệ thống dữ liệu vô tuyến (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

### ■ Để tìm kênh RDS từ Danh sách kênh

**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
**2.** Chọn kênh.

### ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
**2.** Chọn **Refresh**.

### ■ Bản tin giao thông (TA)

Chức năng chờ TA cho phép hệ thống chờ các bản tin giao thông ở bất kỳ chế độ nào khi chức năng đang bật. Kênh được chỉnh gần đây nhất phải là kênh chương trình giao thông có RDS.

**Để bật chức năng:** Chọn **TA**. Khi bản tin giao thông bắt đầu phát, màn hình thông tin sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin. Hệ thống sẽ trở lại chế độ được chọn gần đây nhất sau khi kết thúc bản tin giao thông.

▶ Nếu bạn muốn trở lại chế độ đã chọn gần đây nhất trong khi đang có bản tin giao thông, chọn **Stop**.

**Để tắt chức năng:** Chọn **TA** thêm một lần nữa.

**»Hệ thống dữ liệu vô tuyến (RDS)***

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS sẽ tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

**»Bản tin giao thông (TA)**

Đèn báo **TA** sáng trên vùng tiêu đề trong khi chức năng chờ TA đang bật.

Nếu bạn chọn **Scan** trong khi chức năng chờ TA đang bật, hệ thống sẽ chỉ tìm kiếm kênh TP.

Chọn **TA** trong khi bản tin giao thông đang phát sẽ không làm tắt chức năng chờ TA.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cài đặt*

Thay đổi các cài đặt RDS.

**1.** Chọn **Settings**.

**2.** Chọn một tùy chọn.

- **TA-Information:** Bật và tắt thông tin giao thông. (**BẬT**/**TẮT***1)
- **AF:** Bật và tắt để thay đổi tự động tần số của chương trình tương tự khi bạn đi vào vùng khác. (**BẬT**/**TẮT***1)
- **REG:** Bật và tắt để giữ kênh tương tự trong vùng ngay cả khi tín hiệu yếu. (**BẬT***1/**TẮT**)
- **NEWS:** Bật và tắt để dò tự động chương trình thời sự. (**BẬT**/**TẮT***1)



*1 : Cài đặt mặc định



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Bật DAB (Phát thanh kỹ thuật số)*

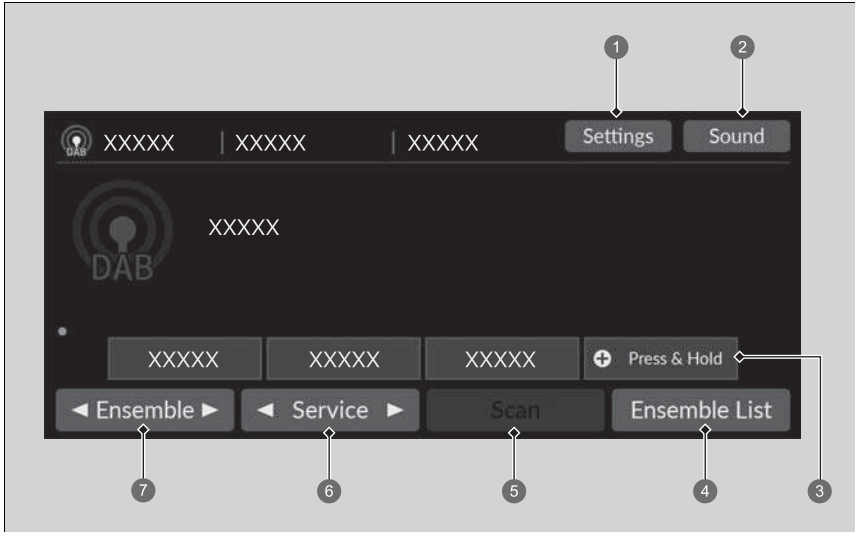


❶ **Biểu tượng Cài đặt**
❷ **Biểu tượng Âm thanh**
❸ **Biểu tượng Cài đặt sẵn**
❹ **Biểu tượng Danh sách Chương trình phát sóng**
❺ **Biểu tượng Quét**
❻ **Biểu tượng Kênh**
❼ **Biểu tượng Chương trình phát sóng**



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Bộ nhớ cài đặt sẵn

Dò tần số cài đặt sẵn.
Để lưu kênh:
**1.** Dò đến kênh đã chọn.
**2.** Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
▶ Việc chọn **Press & Hold (Ấn và giữ)** có thể thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

## ■ Danh sách chương trình phát sóng

Danh sách chương trình phát sóng trên kênh đã chọn.
**1.** Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
**2.** Chọn chương trình phát sóng.

### ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách chương trình phát sóng có sẵn vào bất cứ lúc nào.
**1.** Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
**2.** Chọn **Refresh**.

## ■ Chương trình phát sóng

Dò chương trình phát sóng.
**1.** Chọn ◀ hoặc ▶ để điều chỉnh dàn nhạc.
**2.** Chọn và giữ ◀ hoặc ▶ để tìm kiếm kênh đã chọn cho đến khi tìm thấy chương trình phát sóng.

## ■ Kênh

Dò kênh.
Để dò, chọn ◀ hoặc ▶.

**Bộ nhớ cài đặt sẵn**

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn **Audio Source** trên màn hình.
**Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 339

Bạn có thể lưu 12 kênh DAB vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh hoặc chương trình phát sóng trên kênh đã chọn trong 10 giây.
Chọn **Scan** để bắt đầu quét, và chọn **Stop** hoặc ấn nút BACK để tắt.

## ■ Âm thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.
➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 340

## ■ Cài đặt

Thay đổi các cài đặt DAB.
**1.** Chọn **Settings**.
**2.** Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi.

# Phát lại nhạc qua kết nối có dây*

Sử dụng đầu nối USB của bạn, kết nối thiết bị với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

➔ **Cổng USB** Tr. 391

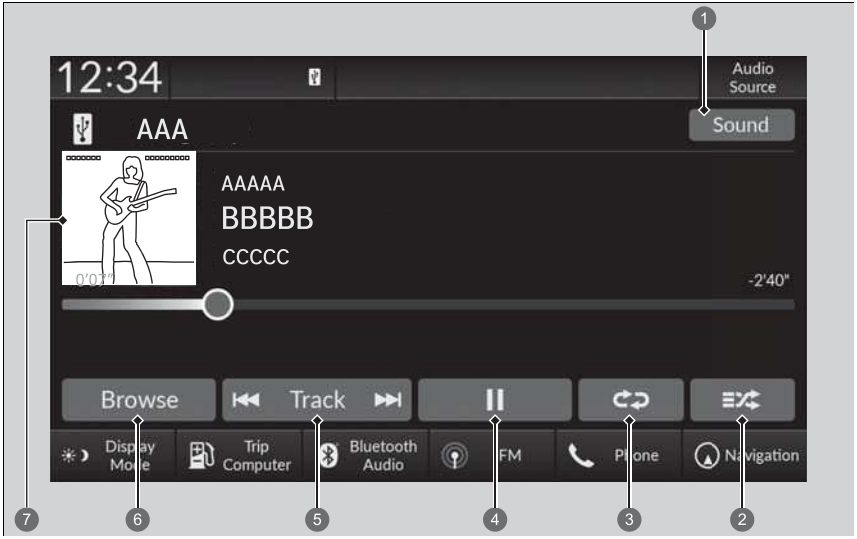


❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Trộn bài**
❸ **Biểu tượng Lặp lại**
❹ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❺ **Biểu tượng Bài hát**
❻ **Biểu tượng Browse**
❼ **Bìa Album**

**Phát lại nhạc qua kết nối có dây***

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu điện thoại thông minh được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto, nguồn USB sẽ không có sẵn và các tệp âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên Apple CarPlay hoặc Android Auto.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cách chọn bài từ Danh sách tìm kiếm nhạc

Bạn có thể chọn để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

**1.** Chọn **Browse**.

**2.** Chọn danh mục tìm kiếm.

**3.** Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát bài hát.

### ■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

**Trộn bài**

(tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

(trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp.

(lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

(lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài.



*Còn nữa*

## ■ Cách chuyển bài

Bạn có thể chọn |◀◀ hoặc ▶▶| để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

## ■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

# Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash*

Hệ thống âm thanh đọc và phát các tệp âm thanh và video* trên ổ USB flash. Kết nối ổ USB flash của bạn với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

**Cổng USB** Tr. 391

❶ **Biểu tượng Cài đặt** (Phát video)*
❷ **Biểu tượng Âm thanh**
❸ **Biểu tượng Ngẫu nhiên**
❹ **Biểu tượng Lặp lại**
❺ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❻ **Biểu tượng Dừng** (Phát video)*
❼ **Biểu tượng Bài hát/Video***
❽ **Biểu tượng Browse**
❾ **Bìa Album** (Phát nhạc)/ **Trình phát thu nhỏ** (Phát video)*

## Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash*

Chỉ có thể phát các tệp âm thanh hoặc video lưu trong ổ USB flash ở các định dạng sau.
Khi phát tệp âm thanh: MP3, WMA, AAC*1, FLAC, PCM/WAVE
Khi phát tệp video*: MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

*1: Chỉ các tệp có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cách chọn tệp từ Danh sách tìm kiếm nhạc

Bạn có thể chọn để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

**1.** Chọn **Browse**.

**2.** Chọn **Current Playlist**, **Music**, hoặc **Video**.

**3.** Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy tệp hoặc video mình muốn.

### Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash*

Sử dụng ổ USB flash khuyên dùng.

➡ **Thông tin chung về Hệ thống âm thanh**
Tr. 580

Không thể phát các tệp định dạng WMA và AAC được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM).

Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File (Tệp không phát được)**, sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một tệp.

**■ Ngẫu nhiên/Lặp lại**

Liên tục chọn biểu tượng ngẫu nhiên hoặc lặp lại đến khi hiển thị chế độ phát mong muốn.

**Ngẫu nhiên**

(tắt ngẫu nhiên): Tắt chế độ ngẫu nhiên.

(ngẫu nhiên tất cả các tệp): Phát tất cả các tệp theo thứ tự ngẫu nhiên.

(ngẫu nhiên trong thư mục): Phát tất cả các tệp trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp.

(lặp lại tệp): Lặp lại tệp đang phát.

(lặp lại thư mục): Lặp lại tất cả các tệp trong thư mục đang phát.

**■ Khi phát video***

/ : Chọn để thu nhỏ màn hình video. Chọn để phóng to màn hình video.

## ■ Cách thay đổi tệp

Biểu tượng **Bài hát/Video***

Bạn có thể chọn để chuyển tệp. Chọn và giữ để tua nhanh một tệp.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

**Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

## ■ Cài đặt*

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

**1.** Chọn **Settings**.

**2.** Chọn một tùy chọn.

- **Image Settings:** Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Default (Mặc định).** (**Brightness (Độ sáng)**/**Contrast (Độ tương phản)**/**Black Level (Độ tối)**/**Colour (Màu sắc)** (**Color (Màu sắc)**)/**Tint (Tông màu)**).
- **Aspect Ratio:** Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. (**Original (Nguyên bản)**/**Normal**[*1] **(Bình thường**[*1]**)**/**Full (Toàn màn hình)**/**Zoom (Phóng to)**
- **Overlay Clock Location:** Thay đổi bố cục hiển thị đồng hồ. (**Upper right (Phía trên bên phải)**[*1]/**Upper left (Phía trên bên trái)**/**Lower right (Phía dưới bên phải)**/**Lower left (Phía dưới bên trái)**/**OFF (TẮT)**)



*1: Cài đặt mặc định



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Phát nhạc trên *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 470

❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Trộn bài**
❸ **Biểu tượng Lặp lại**
❹ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❺ **Biểu tượng Bài hát**
❻ **Biểu tượng Browse**
❼ **Bìa Album**

## Phát nhạc trên *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth* đều tương thích với hệ thống.
Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT.
Khi ghép đôi nhiều điện thoại cùng lúc, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại được ưu tiên. Bạn có thể cài đặt ưu tiên điện thoại trong danh sách thiết bị *Bluetooth*®.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 470

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện đang được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto*, Âm thanh *Bluetooth*® từ điện thoại đó sẽ không khả dụng. Tuy nhiên, nếu điện thoại khác được kết nối với hệ thống, có thể chọn chế độ âm thanh để phát Âm thanh *Bluetooth*®.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 470



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

**1.** Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

**2.** Chọn chế độ Âm thanh *Bluetooth*®

Nếu không nhận diện được điện thoại, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi hiển thị tùy chọn chế độ phát mong muốn.

**Trộn bài**

(tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

(trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp.

(lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

(lặp lại nhóm): Lặp lại nhóm đang phát.

(lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài.

### Phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

Để phát các tệp âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Do vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Device (Thay đổi thiết bị)**.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

## ■ Tìm kiếm nhạc

**1.** Chọn **Browse**.
**2.** Chọn danh mục tìm kiếm.
**3.** Chọn một mục.
▶ Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

## ■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➲ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

Tìm kiếm nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả danh sách có thể không được hiển thị.

# Kết nối Wi-Fi

Xe này được trang bị kết nối Wi-Fi. Bạn có thể kết nối với điểm phát sóng Wi-Fi hoặc thiết bị liên lạc bên ngoài.

## ■ Kết nối xe với điểm truy cập Wi-Fi

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Wi-Fi**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
   ▶ Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options** rồi chọn **Add Network**.
7. Nhập mật khẩu.
   ▶ Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates (Sử dụng mạng này để tự động tải xuống các bản cập nhật hệ thống)**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
   **Cập nhật hệ thống** Tr. 407
8. Chọn **Connect**.

### ■ Tắt kết nối Wi-Fi

1. Chọn **Change Mode**.
2. Chọn **OFF**.

**Kết nối Wi-Fi**

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.

**Kết nối xe với điểm truy cập Wi-Fi**

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt khi xe đang chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí khi bạn chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng trên vùng trạng thái hệ thống để biết Wi-Fi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

**Vùng trạng thái** Tr. 401

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

# Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối một iPhone tương thích với Apple CarPlay vào hệ thống qua cổng sạc/kết nối USB hoặc không dây, bạn có thể sử dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/thông tin.

➡ **Cổng USB** Tr. 391

❶ **Apple CarPlay**

Apple CarPlay

Chúng tôi khuyến nghị bạn cập nhật iOS lên phiên bản mới nhất khi sử dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT). Bạn chỉ có thể thực hiện cuộc gọi hoặc nghe nhạc thông qua Apple CarPlay. Nếu muốn thực hiện cuộc gọi bằng Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT), hãy TẮT Apple CarPlay. Các điện thoại khác đã từng được ghép đôi có thể phát nhạc trên *Bluetooth*®.

Apple CarPlay và Android Auto* không thể chạy cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Apple CarPlay, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web của Apple.

Sau khi cài đặt Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Danh mục Apple CarPlay

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Apple CarPlay. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng iPhone của bạn.

Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Apple CarPlay để quay lại màn hình chính.

Apple CarPlay

**Điều kiện và Giới hạn vận hành ứng dụng Apple CarPlay**

Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Apple CarPlay.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Apple CarPlay. Tham khảo trang web của Apple để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

## ■ Kết nối Apple CarPlay bằng cáp USB*

**1.** Kết nối iPhone với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
➡ **Cổng USB** Tr. 391
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
**2.** Chọn **Yes**.
▶ Nếu bạn không muốn kết nối Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection (Kết nối điện thoại thông minh)**.

## ■ Kết nối Apple CarPlay không dây

### ■ Kết nối Apple CarPlay không dây trên màn hình chính.

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **Smartphone Connection**.
**3.** Chọn **+ Connect New Device**.
**4.** Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470
**5.** Chọn **Yes**.
▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.
Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại iPhone của bạn.

Hãy thực hiện quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị đang kết nối với ứng dụng Apple CarPlay:
Chọn General Settings → Smartphone Connection → Apple CarPlay → Select device

**Sử dụng thông tin người dùng và xe**
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính sách bảo mật của Apple.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### ■ Kết nối không dây Apple CarPlay bằng danh sách thiết bị Apple CarPlay

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Smartphone Connection**.
**4.** Chọn **Apple CarPlay**.
**5.** Chọn **+ Connect New Device**.
**6.** Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470
**7.** Chọn **Yes**.
▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

### ■ Kết nối không dây Apple CarPlay trên danh sách thiết bị *Bluetooth*®

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Connections**.
**4.** Chọn **Bluetooth**.
**5.** Chọn **+ Connect New Device**.
**6.** Ghép đôi iPhone với Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470
**7.** Tích chọn **Apple CarPlay**.
▶ Nếu chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.
**8.** Chọn **Connect**.
**9.** Chọn **Yes**.
▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây Apple CarPlay bằng vô lăng**

**1.** Ấn và giữ nút (nói) trên vô lăng.

**2.** Ghép đôi iPhone với Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

**3.** Tích chọn **Apple CarPlay**.

▶ Nếu chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.

**4.** Chọn **Connect**.

**5.** Chọn **Yes**.

▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây Apple CarPlay khi khởi động (khi không có điện thoại nào ghép đôi với hệ thống)**

**1.** Đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

**2.** Chọn **OK**.

▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, màn hình ghép đôi *Bluetooth*® sẽ hiển thị.

▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

**3.** Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

**4.** Tích chọn **Apple CarPlay**.

▶ Nếu chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.

**5.** Chọn **Connect**.

**6.** Chọn **Yes**.

▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.



*Còn nữa*

## ■ Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt ứng dụng Siri.
Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.
Ấn và nhả để kích hoạt quay số khẩu lệnh*/hệ thống nhận dạng bằng giọng nói tiêu chuẩn*.

### Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Dưới dây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho ứng dụng Siri:

- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho ba ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web *www.apple.com/ios/siri*.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Android Auto™*

Khi bạn kết nối điện thoại Android™ với hệ thống âm thanh qua cổng sạc/kết nối USB, Android Auto sẽ tự động khởi chạy và bạn có thể sử dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.

➡ **Cổng USB** Tr. 391

**CHÚ Ý:**

Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hoặc khu vực của bạn. Để biết chi tiết về Android Auto, hãy tham khảo trang web hỗ trợ của Google.

❶ **Android Auto**

**Android Auto™***

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.
Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*®. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã từng được ghép đôi vẫn có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với Android Auto.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Để sử dụng từng tính năng của Android Auto: hãy nói từ kích hoạt khi màn hình Android Auto đang hiển thị, hoặc ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt Trợ lý Google.

➡ **Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói** Tr. 442



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Danh mục Android Auto

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Android Auto. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng điện thoại thông minh của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Android Auto để quay lại màn hình chính.

### Android Auto™*

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web Android Auto.

**Điều kiện và giới hạn vận hành Android Auto**
Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Android Auto. Tham khảo trang web Android Auto để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Kích hoạt Android Auto

Để kích hoạt Android Auto sau khi kết nối điện thoại Android với cổng sạc/kết nối USB, hãy chọn **Yes** trên màn hình.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection (Kết nối điện thoại thông minh)**.

### Android Auto™*

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với Android Auto để tự động ghép đôi. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị kết nối với Android Auto sau khi đã hoàn tất thiết lập ban đầu:
Chọn General Settings → Smartphone Connection → Android Auto → Select device

**Sử dụng thông tin người dùng và xe**
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua Android Auto được quản lý bởi Chính sách bảo mật của Google.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Ấn và giữ nút (nói) để vận hành Android Auto bằng giọng nói.
Ấn và nhả để kích hoạt quay số khẩu lệnh*/hệ thống nhận dạng bằng giọng nói tiêu chuẩn*.

### Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Dưới dây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Android Auto.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Tính năng tùy chỉnh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chỉnh một số tính năng cụ thể.

## ■ Cách tùy chỉnh các cài đặt chung

Với chế độ nguồn BẬT, chọn **General Settings (Cài đặt chung)**, sau đó chọn một mục cài đặt.

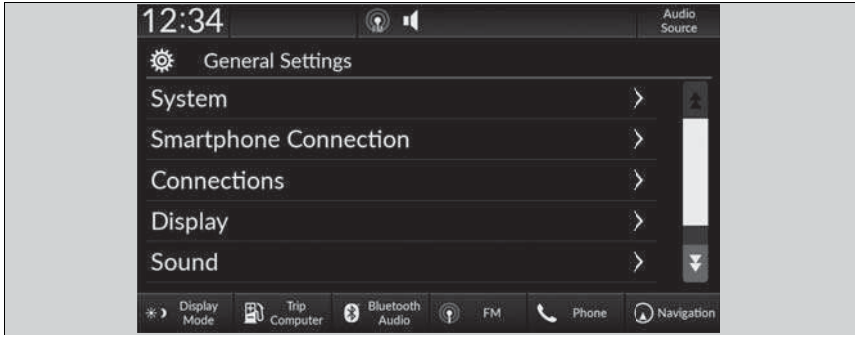


- **System (Hệ thống)** Tr. 444
- **Smartphone Connection (Kết nối điện thoại thông minh)** Tr. 446
- **Connections (Kết nối)** Tr. 447
- **Display (Màn hình hiển thị)** Tr. 448
- **Sound (Âm thanh)** Tr. 449
- **Camera** Tr. 450
- **Voice Control (Điều khiển bằng giọng nói)*** Tr. 451

Tính năng tùy chỉnh

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:
- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

■ **Hệ thống**

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Date & Time (Ngày và giờ)** | **Set Date & Time** | **Automatic Date & Time** | Chọn **ON** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF** để hủy chức năng này. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | | **Set Date** | Điều chỉnh ngày.<br>➡ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 402 | **Day**/**Month**/**Year** (Ngày/Tháng/Năm) |
| | | **Set Time** | Điều chỉnh thời gian.<br>➡ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 402 | **Hour**/**Minute** (Giờ/Phút)<br>**AM**/**PM** (Sáng/Chiều/Tối) |
| | **Time Zone*** | **Automatic Time Zone*** | Cài đặt hệ thống âm thanh để tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe qua các múi giờ khác nhau. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | | (Chọn múi giờ) | Thay đổi múi giờ bằng tay. | — |
| | **Auto Daylight Saving Time*** | | Cài đặt đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Date Format** | | Chọn kiểu hiển thị ngày. | **MM**/**DD**/**YYYY** (Tháng/Ngày/Năm)/<br>**DD**/**MM**/**YYYY** (Ngày/Tháng/Năm)/<br>**YYYY**/**MM**/**DD** (Năm/Tháng/Ngày) |
| | **Time Format** | | Chọn kiểu hiển thị giờ. | **12-H**/**24-H** (**12H**/**24H**) |



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Language (Ngôn ngữ)** | | Thay đổi riêng ngôn ngữ màn hình giao diện thông tin cho người lái và ngôn ngữ màn hình âm thanh/thông tin. | **English** (United Kingdom)*1 (Tiếng Anh (Vương quốc Anh)*1), **English** (United States)*1 (Tiếng Anh (Hoa Kỳ)*1), hoặc Arabic*1 (Tiếng Ả Rập*1) Một số ngôn ngữ có thể không có ở tất cả các khu vực. Kiểm tra màn hình âm thanh/thông tin để biết các tùy chọn có sẵn. |
| **Touch Panel Sensitivity (Độ nhạy của màn hình cảm ứng)** | | Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển cảm ứng. | **High**/**Normal** (Cao/Bình thường) |
| **System Volumes (Âm lượng hệ thống)** | **System Sounds** | Cài đặt mức âm lượng hệ thống. | — |
| | **Text-to-Speech** | Cài đặt mức âm lượng chuyển văn bản thành giọng nói. | — |
| | **Navigation Guidance** | Cài đặt mức âm lượng dẫn đường của hệ thống định vị. | — |
| | **Phone Calls** | Cài đặt mức âm lượng cuộc gọi. | — |
| | **Default** | Đặt lại tất cả cài đặt **System Volumes (Âm lượng hệ thống)** về giá trị mặc định. | |
| **Refuel Recommend*** **(Đề xuất nạp nhiên liệu*)** | | Bật và tắt chức năng nhắc nạp nhiên liệu. ➡ **Đề xuất nạp nhiên liệu*** Tr. 483 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định thay đổi tùy từng loại xe.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **About (Về)** | **Status** | Hiển thị các mục cài đặt Android. | — |
| | **Legal Information** | | |
| | **Model Number** | | |
| | **Android Version** | | |
| | **Kernel Version** | | |
| | **Build Number** | | |
| **Factory Data Reset (Khôi phục cài đặt mặc định)** | | Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc.<br>➔ **Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định** Tr. 462 | **Continue/Cancel** (Tiếp tục/Hủy) |
| **Detail Information (Thông tin chi tiết)** | **App Manager** | Hiển thị thông tin bộ nhớ hệ thống Android và thông tin ứng dụng. | — |

**■ Kết nối điện thoại thông minh**

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Apple CarPlay** | **+ Connect New Device** | Ghép đôi điện thoại mới với Apple CarPlay.<br>➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470 | — |
| | (Các thiết bị đã lưu) | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470 | — |
| **Android Auto** | (Các thiết bị đã lưu) | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470 | — |

■ **Kết nối**

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Wi-Fi** | **Change Mode** | | Thay đổi chế độ Wi-Fi. | **Network**/**Smartphone**[*1]/**OFF** (Mạng/Điện thoại thông minh[*1]/TẮT) |
| | (Mạng có sẵn/Các thiết bị đã kết nối) | | Hiển thị (các) mạng khả dụng hoặc (các) thiết bị đang kết nối. | — |
| | **Options** | **Add Network** | Thêm mạng mới để kết nối Wi-Fi. | — |
| | | **Saved Networks** | Lưu mạng đã kết nối. | — |
| **Bluetooth** | **Options** | **Bluetooth** | Bật và tắt *Bluetooth*® | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | | **Priority Device** | Hiển thị thiết bị ưu tiên. | — |
| | **+ Connect New Device** | | Ghép đôi điện thoại mới với HFT.<br>➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470 | — |
| | (Các thiết bị đã lưu) | | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470 | — |

*1: Chỉ xuất hiện khi Apple CarPlay được kết nối không dây.

## ■ Màn hình hiển thị

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Brightness** | Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. | — |
| **Contrast** | Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin. | — |
| **Black Level** | Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin. | — |
| **Default** | Cài đặt lại tất cả các cài đặt tùy chỉnh cho độ sáng, độ tương phản và độ tối. | — |

## ■ Âm Thanh

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Bass/Treble** | **Treble** | Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh.<br>➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405 | — |
| | **Midrange** | | |
| | **Bass** | | |
| **Audio Zones & Balance / Fader**[*1] | | | |
| **Bose Centerpoint**[*1] | | | |
| **Bose Dynamic Speed Compensation**[*1] | | | |
| **Balance / Fader**[*2] | | | |
| **Speed Volume Compensation**[*2] | | | |

*1: Loại xe có BOSE AMP
*2: Loại xe có AMP thông thường

■ **Camera**

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Rear Camera*<br>(Camera sau*)** | **Fixed Guideline** | Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 789 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Dynamic Guideline** | Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 789 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| **LaneWatch*<br>(Quan sát làn đường*)** | **Show with indicator<br>(Hiển thị bằng<br>xi nhan)** | Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan sát làn đường khi bạn gạt cần xi nhan để báo rẽ trái*1/phải*2.<br>➔ **Quan sát làn đường*** Tr. 669 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Display Time after<br>Indicator Off<br>(Hiển thị thời gian<br>sau khi đèn báo tắt)** | Thay đổi khoảng thời gian màn hình Quan sát làn đường sáng sau khi cần xi nhan trở về vị trí giữa.<br>➔ **Quan sát làn đường*** Tr. 669 | **0 giây**/**2 giây** |
| | **Show Reference<br>Line** | Chọn bật hoặc tắt các vạch khoảng cách màn hình Quan sát làn đường.<br>➔ **Quan sát làn đường*** Tr. 669 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |

*1: Loại vô lăng bên phải
*2: Loại vô lăng bên trái



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Multi View Camera*** **(Camera đa hướng*)** | **Guidelines** | **Fixed Guideline** | Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng.<br>➡ **Camera đa hướng*** Tr. 791 | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |
| | | **Dynamic Guideline** | Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng.<br>➡ **Camera đa hướng*** Tr. 791 | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |
| | **Customise** | **Show after shifting from Reverse** | Chọn xem có hiển thị hình ảnh từ camera phía trước sau khi sang số từ số R sang D hay không. | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |
| | | **Auto display when obstacle is detected*1** | Hiển thị hình ảnh từ camera phía trước khi cảm biến đỗ phát hiện vật cản. | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |
| **Cross Traffic Monitor*** | | | Hiển thị mũi tên trên hình ảnh camera sau để biểu thị các xe đang đến từ các phía.<br>➡ **Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường*** Tr. 785 | **ON/OFF** (BẬT/TẮT) |

*1: Tính năng tùy chỉnh này có hiệu quả đối với các xe được trang bị Camera đa hướng, cảm biến góc phía trước và cảm biến trung tâm phía trước.

**■ Điều khiển bằng giọng nói***

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Voice Control Mode** | Chọn một chế độ của màn hình cổng thoại.<br>➡ **Hoạt động của Hệ thống điều khiển bằng giọng nói*** Tr. 411 | **Assist**/**Normal** (Hỗ trợ/Bình thường) |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe

Với chế độ nguồn ở BẬT, chọn **Vehicle Settings (Cài đặt xe)**, sau đó chọn một mục cài đặt.

- **Deflation warning system (TPMS Calibration)* (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp (Hiệu chỉnh TPMS)*)** ➡ Tr. 453
- **Driver assist system setup (Thiết lập hệ thống hỗ trợ người lái)** ➡ Tr. 453
- **Meter setup (Thiết lập đồng hồ đo)** ➡ Tr. 455
- **Driving position setup* (Thiết lập vị trí lái xe*)** ➡ Tr. 457
- **Keyless access setup (Cài đặt Hệ thống mở cửa không chìa khóa)** ➡ Tr. 458
- **Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)** ➡ Tr. 459
- **Door/window setup (Cài đặt cửa/cửa kính)** ➡ Tr. 460
- **Power tailgate setup* (Cài đặt cửa hậu điện*)** ➡ Tr. 461
- **Maintenance info. (Thông tin bảo dưỡng.)** ➡ Tr. 461

### Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe

Nếu **Vehicle Settings** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**. Bạn có thể thay đổi các biểu tượng trên màn hình chính.

➡ **Chức năng truy cập ứng dụng nhanh** Tr. 396





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Deflation warning system (TPMS Calibration)* (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp (Hiệu chỉnh TPMS*)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Deflation warning system (TPMS Calibration) (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp (Hiệu chỉnh TPMS))** | Hủy/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.<br>➡ **Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)** Tr. 656<br>➡ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*** Tr. 659 | **Calibrate/Cancel** (Hiệu chỉnh/Hủy) |

■ **Driver assist system setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Preceding vehicle proximity warning distance (Forward Collision Warning Distance) (Khoảng cách cảnh báo va chạm phía trước)** | Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo.<br>➡ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677 | **Far/Normal*1/Near** (Xa/Trung bình*1/Gần) **(Long/Normal*1/Short** (Dài/Trung bình*1/Ngắn)**)** |
| **Head-up warning* (Cảnh báo trên kính chắn gió*)** | Bật/Tắt đèn cảnh báo cho cảnh báo nhấp nháy trên màn hình hiển thị trên kính chắn gió. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **ACC vehicle ahead detected beep (Âm báo phát hiện xe phía trước ACC)** | Bật/Tắt thông báo âm thanh khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm vi Kiểm soát hành trình thích ứng bao gồm Dải tốc độ thấp.<br>➡ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707 | **ON/OFF*1** (BẬT/TẮT*1) |
| **Lead car departure notification system (Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành)*** | Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.<br>➡ **Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*** Tr. 751 | **Normal*1/Early/OFF** (Bình thường*1/ Sớm/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Road departure mitigation setting (Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường)** | Chọn chế độ hoạt động của hệ thống Giảm thiểu chệch làn đường.<br>➡ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697 | Loại xe tại Châu Đại Dương<br>**Early/Normal/Delayed**[*1] (Sớm/Bình thường/Muộn[*1])<br>Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương<br>**Early/Normal**[*1]**/Delayed/Warning only** (Sớm/Bình thường[*1]/Muộn/Chỉ cảnh báo)<br>**(Narrow/Normal**[*1]**/Wide/Warning Only** (Hẹp/Trung bình[*1]/Rộng/Chỉ cảnh báo)**)** |
| **Lane keep assist beep (Tiếng bíp hỗ trợ giữ làn đường)** | Bật và tắt tiếng bíp cảnh báo tạm dừng LKAS và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường[*].<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường** Tr. 742 | **ON/OFF**[*1] (BẬT/TẮT[*1]) |
| **Blind spot information (Thông tin điểm mù)**[*] | Chọn Bật/Tắt cảnh báo bằng âm thanh hệ thống thông tin điểm mù.<br>➡ **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 665 | **Audible and visual alert**[*1]**/Visual alert only** (Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh[*1]/Chỉ cảnh báo bằng hình ảnh)<br>**(Audible And Visual Alert**[*1]**/Visual Alert** (Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh[*1]/Cảnh báo bằng hình ảnh)**)** |
| **Traffic sign recognition system display**[*] **(Màn hình Hệ thống nhận diện biển báo giao thông**[*]**)** | Hiển thị hệ thống nhận diện biển báo giao thông trên bảng điều khiển.<br>➡ **Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756 | **Display**[*1]**/None** (Hiển thị[*1]/Không) |
| **Traffic sign recognition system over speed warning**[*] **(Hệ thống nhận diện biển báo giao thông cảnh báo vượt tốc độ**[*]**)** | Bật cảnh báo vượt quá tốc độ khi vượt quá giới hạn tốc độ.<br>➡ **Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756 | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Driver attention monitor (Hệ thống theo dõi mức độ tập trung của người lái)** | Thay đổi cài đặt cho chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái.<br>➡ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái** Tr. 173, 202 | **OFF/Tactile alert only/Tactile and audible alert**[*1] (TẮT/Chỉ cảnh báo bằng rung vô lăng/Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh[*1])<br>**(OFF/Tactile Alert/Tactile And Audible Alert**[*1] (TẮT/Cảnh báo bằng rung vô lăng/Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh[*1])**)** |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Rear sensor setting** (**Cài đặt cảm biến sau**)* | Bật/Tắt cảm biến đỗ phía sau. Lựa chọn này cũng sẽ ảnh hưởng đến Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp phía sau nếu được trang bị.<br>➡ **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779<br>➡ **Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*** Tr. 691 | **ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

■ **Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Adjust outside temp. display** (**Điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời** ) | Chọn để điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng lên hoặc giảm xuống.<br>➡ **Nhiệt độ ngoài trời** Tr. 162 | **-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C** |
| **Trip A reset timing.** (**Thời điểm đặt lại "Hành trình A"**) | Chọn thời điểm đặt lại Hành trình A.<br>➡ **Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình** Tr. 167, 196<br>➡ **Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình** Tr. 169, 198 | **When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi tắt khóa điện/Đặt lại thủ công[*1])<br>**(When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công[*1])**)** |
| **Thời điểm đặt lại Hành trình B** (**Thời điểm đặt lại "Hành trình B"**) | Chọn thời điểm đặt lại Hành trình B.<br>➡ **Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình** Tr. 167, 196<br>➡ **Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình** Tr. 169, 198 | **When fully refueled/When ignition is turned OFF /Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi tắt khóa điện/Đặt lại thủ công[*1])<br>**(When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công[*1])**)** |

*1: Cài đặt mặc định
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Alarm volume control (Điều chỉnh âm lượng cảnh báo)** | Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở. | **Max/Mid*1/Min** (Tối đa/Trung bình*1/Tối thiểu) **(High/Mid*1/Low** (Cao/Trung bình*1/Thấp)**)** |
| **Fuel efficiency backlight (Đèn nền hiệu quả sử dụng nhiên liệu)** | Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Turn by turn display (Hiển thị hướng dẫn từng bước tự động)** | BẬT/TẮT cảnh báo bật lên trong hướng dẫn chỉ đường từng bước trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình hiển thị trên kính chắn gió*.<br>➡ **Dẫn đường chi tiết** Tr. 171, 200 | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Fuel economy unit (Đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu)*** | Chọn đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu. | Ngoại trừ loại xe tại Việt Nam<br>**km/l*1/l/100 km**<br>Loại xe tại Việt Nam<br>**km/l/l/100 km*1** |
| **Tachometer* (Đồng hồ đo tốc độ động cơ*)** | Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Rear seat reminder (Nhắc ghế sau)** | Bật và tắt tính năng Nhắc ghế sau. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Driving position setup (Thiết lập vị trí lái xe)***

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Memory position link (Liên kết vị trí ghi nhớ)** | Bật/tắt hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Seat Position Movement At Entry/Exit (Di chuyển vị trí ghế khi vào/ra xe)** | Di chuyển ghế về phía sau khi bạn vào/ra khỏi xe. Thay đổi cài đặt cho tính năng này. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Keyless access setup (Cài đặt Hệ thống mở cửa không chìa khóa)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Keyless access beep volume** (**Âm lượng của tiếng bíp phát ra từ hệ thống mở cửa không chìa khóa**) | Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa. | **Max**[*1]**/Min** (Tối đa[*1]/Tối thiểu) **(High**[*1]**/Low** (Cao[*1]/Thấp)**)** |
| **Keyless access light flash** (**Đèn nháy hệ thống mở khóa không chìa khóa**) | Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa cửa. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Keyless access beep** (**Tiếng bíp phát ra từ hệ thống mở cửa không chìa khóa**) | Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Remote start system ON/OFF (BẬT/TẮT hệ thống khởi động từ xa)**[*] | Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Auto High Beam (Đèn pha thích ứng tự động)** | Bật/tắt chức năng chiếu xa tự động. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Interior light dimmer duration** (**Thời gian mờ của đèn trong xe**) | Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.<br>➡ **Đèn trong xe** Tr. 303 | **60sec/30sec**[*1]**/15sec** (60 giây/30 giây[*1]/15 giây) |
| **Headlight auto OFF timer** (**Hẹn giờ tự động TẮT đèn chiếu sáng**) | Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.<br>➡ **Tính năng tắt đèn tự động** Tr. 263 | **60sec/30sec/15sec**[*1]**/0sec** (60 giây/30 giây/15 giây[*1]/0 giây) |
| **Headlight integration with wipers** (**Tự động bật đèn chiếu sáng khi bật cần gạt nước**) | Chọn Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng và vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở **AUTO**.<br>➡ **Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước** Tr. 263 | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

■ **Door/window setup (Cài đặt cửa/cửa kính)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Auto door lock (Khóa cửa tự động)*** | Thay đổi cài đặt cho tính năng khóa cửa tự động. | **OFF/With vehicle speed*1/Shift from P (TẮT/Theo tốc độ xe*1/ Sang số từ số P)** |
| **Auto door unlock (Mở khóa cửa tự động)*** | Thay đổi cài đặt mở khóa tự động các cửa. | **OFF/Shift to P*1/When ignition is turned OFF** (TẮT/Sang số P*1/Khi Tắt khóa điện) **(OFF/Shift To P*1/IGN OFF** (TẮT/Sang số P*1/Khóa điện TẮT)**)** |
| **Walk away lock (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** | Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe. | **ON/OFF*1** (BẬT/TẮT*1) |
| **Lock presetting (Cài đặt trước tính năng khóa)** | Bật/tắt chức năng cài đặt sẵn khóa. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Keyless lock notification (Phản hồi xác nhận chìa khóa điều khiển từ xa)** | Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng bằng chìa khóa điều khiển từ xa. ➡ **Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa** Tr. 229 | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Auto folding door mirror (Tự động cụp gương cửa)*** | Thay đổi cách cụp gương cửa. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Remote Window Control* (Điều khiển cửa kính từ xa*)** | Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Power tailgate setup* (Cài đặt cửa hậu điện*)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Keyless open mode (Chế độ mở cửa không chìa khóa)** | Thay đổi cài đặt chế độ mở cửa từ xa khi cửa hậu điện mở. | **Anytime*1/When unlocked** (Bất cứ khi nào*1/Khi mở khóa) |
| **Power open by outer handle (Mở cửa điện bằng tay nắm bên ngoài)** | Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng tay nắm bên ngoài cửa hậu. | **ON** (BẬT) **(Bằng điện/Bằng tay)*1/OFF** (TẮT) **(Chỉ bằng tay)** |
| **Hands free access* (Mở cửa rảnh tay*)** | Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng cách huơ chân dưới tấm cản sau. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

■ **Maintenance info. (Thông tin bảo dưỡng)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Maintenance info.** (**Thông tin bảo dưỡng**) | Đặt lại thông tin bảo dưỡng.<br>➲ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 815 | **Reset (Đặt lại)** |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định

Cài đặt lại tất cả danh mục và cài đặt tùy chọn làm mặc định gốc.

## ■ Mặc định các cài đặt chung

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **System**.
**4.** Chọn **Factory Data Reset**.
► Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
**5.** Chọn **Continue**.
**6.** Select **Continue** thêm một lần nữa để đặt lại các cài đặt.
► Hệ thống sẽ khởi động lại.

## ■ Mặc định các cài đặt xe

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Vehicle Settings**.
**3.** Chọn **Default**.
**4.** Chọn **Yes**.

### Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định

Khi bạn chuyển giao xe cho bên thứ ba, hãy đặt lại tất cả các thiết lập về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset (Khôi phục cài đặt gốc)**, các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

# Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

## ■ Nút HFT

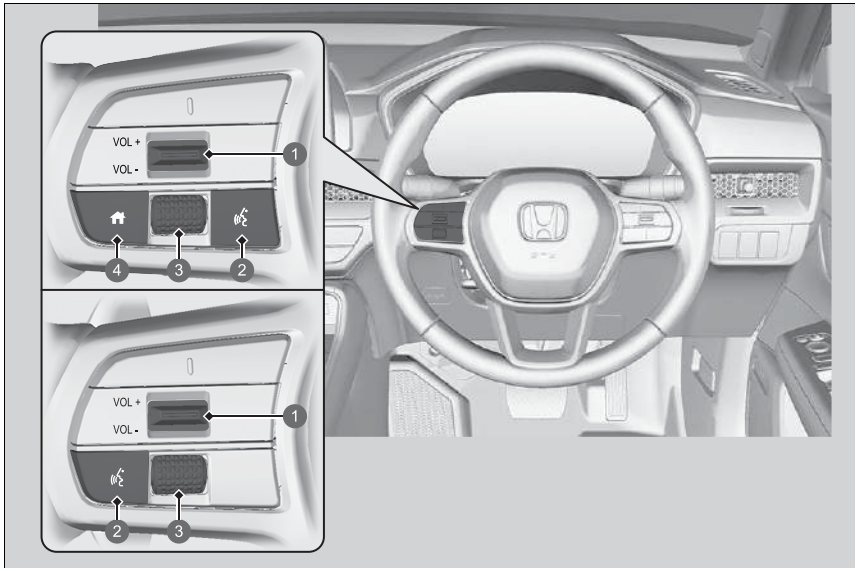


❶ Công tắc **VOL** ＋/**VOL** － (Âm lượng)
❷ Nút (Nói)
❸ Vòng lựa chọn bên trái
❹ Nút (Màn hình chính)*1

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

### Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt **Bluetooth** phải ở **ON (BẬT)**.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút khi bạn muốn gọi điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu*, danh bạ* hoặc số điện thoại*. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Để thay đổi âm lượng, chọn **VOL** (Âm lượng) của hệ thống âm thanh hoặc các nút điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

Nếu trong hệ thống chưa có mục Liên hệ yêu thích, thông báo bật lên sẽ xuất hiện trên màn hình.

➡ **Liên hệ yêu thích** Tr. 475



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

**Nút (Nói):** Ấn để gọi điện bằng khẩu lệnh đã lưu* hoặc truy cập Cổng thoại*.
**Nút (Màn hình chính)*1:** Ấn để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.
**Vòng lựa chọn bên trái:** Ấn nút (Màn hình chính)*1. Cuộn màn hình lên hoặc xuống để chọn (điện thoại) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

**Nhận cuộc gọi** Tr. 481

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Công nghệ *Bluetooth*® không dây
Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.



*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Màn hình trạng thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

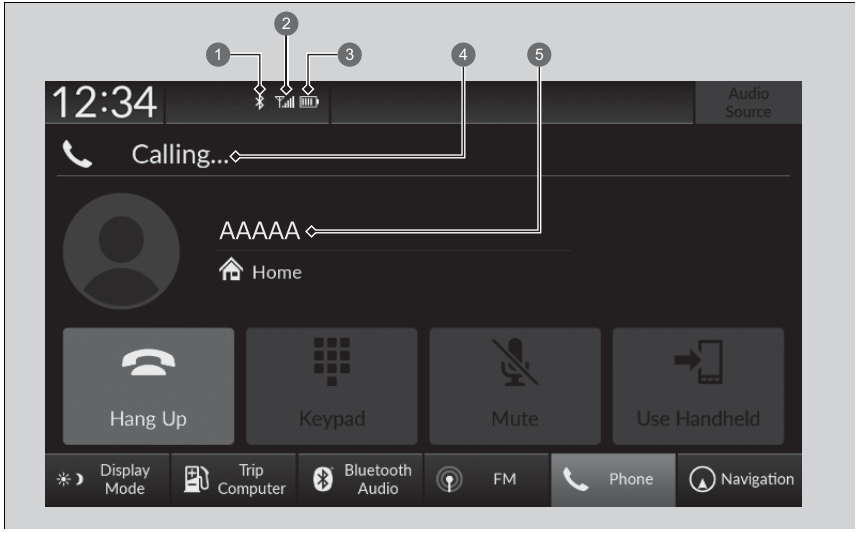


❶ Đèn báo *Bluetooth*®
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
❷ Cường độ tín hiệu
❸ Mức pin
❹ Chế độ HFT
❺ Tên người gọi (Nếu đã lưu)/Số điện thoại của người gọi (Nếu chưa lưu)

Màn hình trạng thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.



*Còn nữa*

## ■ Hạn chế khi vận hành bằng tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Chỉ có thể gọi các số Liên hệ yêu thích đã lưu trước đó bằng khẩu lệnh*, danh bạ điện thoại*, hoặc số điện thoại* khi xe đang chạy.

➔ **Liên hệ yêu thích** Tr. 475





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Danh mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng hệ thống. Chọn **Phone (Điện thoại)** để hiển thị màn hình điện thoại.

❶ **Settings (Cài đặt)**
❷ **Recent calls (Cuộc gọi gần đây)**
❸ **Favourite contacts (Liên hệ yêu thích)**
❹ **Contacts (Danh bạ)**
❺ **Keypad (Bàn phím)**

Danh mục HFT

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.



*Còn nữa*

**Settings (Cài đặt):** Thay đổi các cài đặt điện thoại.

➔ **Màn hình cài đặt điện thoại** Tr. 469

**Recent calls (Cuộc gọi gần đây):** Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây** Tr. 479

**Favourite contacts (Liên hệ yêu thích):** Quay số đã chọn trong mục Liên hệ yêu thích.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích** Tr. 479

**Contacts (Danh bạ):** Hiển thị danh ba của điện thoại đã ghép đôi.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu** Tr. 480

**Keypad (Bàn phím):** Nhập số điện thoại để gọi.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại** Tr. 480

## ■ Màn hình cài đặt điện thoại

Để hiển thị màn hình cài đặt điện thoại, chọn **Settings (Cài đặt)** trên màn hình điện thoại.

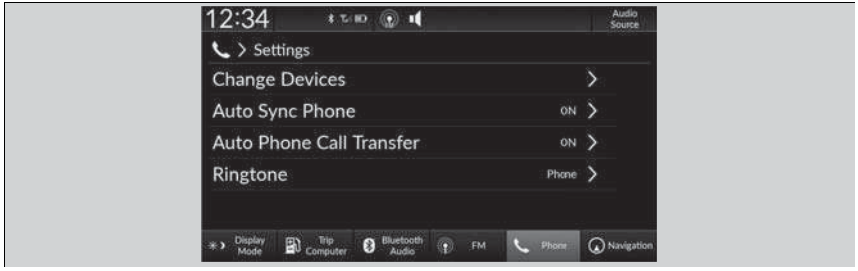


**Change Devices (Thay đổi thiết bị):** Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 470

**Auto Sync Phone (Tự động đồng bộ điện thoại):** Tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

➔ **Tự động lưu danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây** Tr. 473

**Auto Phone Call Transfer (Chuyển cuộc gọi tự động):** Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.

➔ **Tự động chuyển đổi** Tr. 474

**Ringtone (Nhạc chuông):** Chọn nhạc chuông.

➔ **Nhạc chuông** Tr. 474



*Còn nữa*

## ■ Cài đặt điện thoại

### ■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*® .

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Connections**.
**4.** Chọn **Bluetooth**.
**5.** Chọn **Options**.
**6.** Chọn **Bluetooth**, sau đó chọn **ON**.

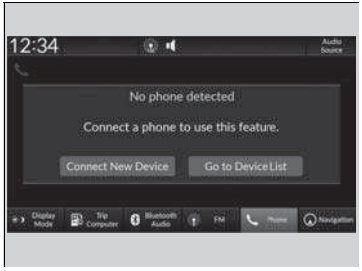


■ **Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Connect New Device**.
3. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
   ▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search for Devices (Tìm kiếm thiết bị)**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.
5. Hệ thống gửi cho bạn mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
   ▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
   Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
6. Chọn các chức năng mong muốn rồi chọn **Connect**.
7. Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
8. Chọn **OK**.

Cài đặt điện thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích *Bluetooth* với hệ thống trước khi bạn có thể thực hiện và nhận cuộc gọi rảnh tay.

Mẹo khi ghép đôi điện thoại:
- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

Sau khi ghép đôi điện thoại, bạn có thể thấy các biểu tượng sau xuất hiện trên màn hình.

: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

: Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

: Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

Nếu đang có kết nối hoạt động với Apple CarPlay hoặc Android Auto*, việc ghép đôi thêm các thiết bị *Bluetooth*® tương thích sẽ không khả dụng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### ■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại để kết nối.
   - ► HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.
   - ► Bạn có thể cài đặt ưu tiên cho điện thoại được kết nối. Tích vào điện thoại bạn muốn ưu tiên.
5. Chọn (âm thanh), (điện thoại), hoặc (Apple CarPlay).
   - ► có thể chọn đồng thời , tuy nhiên, khi đã chọn , thì không thể chọn và .
6. Chọn **Apply**.

### ■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
5. Chọn **Delete**.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.

**»Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi**

Nếu không tìm thấy hoặc không ghép đôi được với điện thoại nào khi tìm kiếm điện thoại khác, HFT sẽ thông báo cho bạn rằng điện thoại ban đầu đã được kết nối trở lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn **+ Connect New Device (Kết nối thiết bị mới)** từ màn hình **Bluetooth**.

## ■ Tự động lưu danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây sẽ tự động lưu vào hệ thống.

**1.** Chọn **Phone**.
**2.** Chọn **Settings**.
**3.** Chọn **Auto Sync Phone**.
**4.** Chọn **ON** hoặc **OFF**.
▶ Cài đặt mặc định ở **ON**.

**»Tự động lưu danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây**

Trên một số điện thoại, cần cài đặt tính năng này để lưu danh bạ điện thoại.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

Yêu thích

Nhà riêng

Di Động

Công việc

Máy nhắn tin

Fax

Xe hơi

Tin nhắn thoại

Khác

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.
Cuộc gọi gần đây được cập nhật sau mỗi lần kết nối.



*Còn nữa*

## ■ Tự động chuyển đổi

Nếu bạn vào xe khi đang nói chuyện điện thoại, cuộc gọi đó có thể tự động chuyển sang HFT.

**1.** Chọn **Phone**.
**2.** Chọn **Settings**.
**3.** Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
**4.** Chọn **ON** hoặc **OFF**.
► Cài đặt mặc định ở **ON**.

## ■ Nhạc chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

**1.** Chọn **Phone**.
**2.** Chọn **Settings**.
**3.** Chọn **Ringtone**.
**4.** Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.
► Cài đặt mặc định ở **Phone**.

⌧Nhạc chuông

**Vehicle**: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.
**Phone**: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

## ■ Liên hệ yêu thích

Màn hình cuộc gọi gần đây

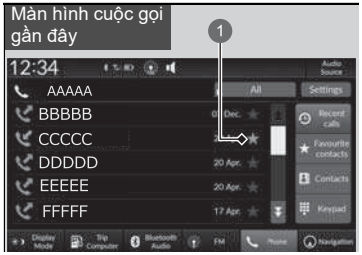


❶ Biểu tượng ngôi sao

Màn hình liên hệ

❶ Biểu tượng ngôi sao

### ■ Để thêm Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls (Cuộc gọi gần đây)**, **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Trên màn hình Cuộc gọi gần đây hoặc màn hình Liên hệ

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

Trên màn hình Bàn phím

3. Chọn **Add to Favourite Contacts** (**Thêm vào liên hệ yêu thích**).
   - ▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu Liên hệ yêu thích được lưu thành công.
   - ▶ Để xóa Liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.



*Còn nữa*

Màn hình bàn phím

❶ **Add to Favourite Contacts** (**Thêm vào Liên hệ yêu thích**)

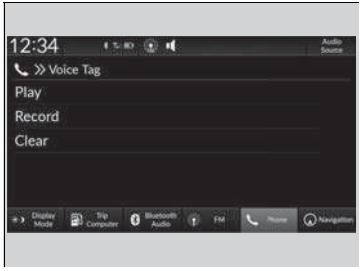


Loại xe không có hệ thống điều khiển bằng giọng nói

**■ Để thêm khẩu lệnh vào mục Liên hệ yêu thích đã lưu**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Record**.
6. Chọn **Record**, hoặc sử dụng nút và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

Loại xe không có hệ thống điều khiển bằng giọng nói

**■ Để xóa khẩu lệnh**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Clear**.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

≫Liên hệ yêu thích

Loại xe không có hệ thống điều khiển bằng giọng nói

Tránh lặp lại khẩu lệnh.
Tránh dùng "*home*" làm khẩu lệnh.
Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn. Ví dụ, dùng "*John Smith*" thay vì dùng "*John*".



*Còn nữa*

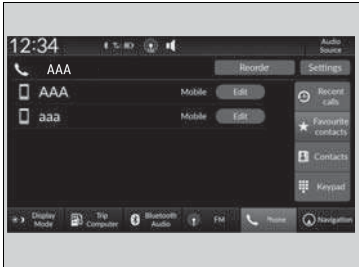


**■ Chỉnh sửa Liên hệ yêu thích**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn cài đặt mong muốn.
5. Chọn **Done**.

**■ Xóa Liên hệ yêu thích**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn xóa.
4. Chọn **Remove**.
5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

## ■ Tạo cuộc gọi

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng cách nhập bất kỳ số điện thoại nào hoặc bằng cách sử dụng số **Recent calls** (**Cuộc gọi gần đây**), **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**), và **Contacts (Danh bạ)** đã nhập.

### ■ Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây được lưu theo **All (Tất cả cuộc gọi)**, **Dialled (Cuộc gọi đi)**, **Missed (Cuộc gọi nhỡ)**, hoặc **Received (Cuộc gọi đến)**.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls (Cuộc gọi gần đây)**.
   ▶ Bạn có thể sắp xếp theo **All (Tất cả cuộc gọi)**, **Dialled (Cuộc gọi đi)**, **Missed (Cuộc gọi nhỡ)**, hoặc **Received (Cuộc gọi đến)**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
3. Chọn một số điện thoại.
   ▶ Quay số tự động bắt đầu.

### ■ Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).
   ▶ Bạn có thể thay đổi thứ tự các số Liên hệ yêu thích bằng cách chọn **Reorder**.
3. Chọn một số điện thoại.
   ▶ Quay số tự động bắt đầu.

**Tạo cuộc gọi**

Loại xe không có hệ thống điều khiển bằng giọng nói

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ hầu hết các màn hình.
Ấn nút và nói khẩu lệnh.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.

**Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây**

Các cuộc gọi gần đây chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

**All:** Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.
**Dialled (Cuộc gọi đi):** Hiển thị các cuộc gọi đi gần đây nhất.
**Missed:** Hiển thị các cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.
**Received:** Hiển thị các cuộc gọi đến gần đây nhất.

**Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích**

Loại xe không có hệ thống điều khiển bằng giọng nói

Khi đã lưu một khẩu lệnh, ấn nút để gọi điện bằng khẩu lệnh.
➡ **Liên hệ yêu thích** Tr. 475

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ bất kỳ màn hình nào.
Ấn nút và thực hiện theo hướng dẫn.



*Còn nữa*

**■ Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu**

**1.** Chọn **Phone**.
**2.** Chọn **Contacts**.
**3.** Chọn một tên.
► Bạn có thể sắp xếp theo **First Name (Tên)** hoặc **Surname** (**Last Name (Họ)**). Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
**4.** Chọn một số điện thoại.
► Quay số tự động bắt đầu.

**■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại**

**1.** Chọn **Phone**.
**2.** Chọn **Keypad**.
**3.** Chọn một số điện thoại.
► Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
**4.** Chọn **Call**.
► Quay số tự động bắt đầu.

## Nhận cuộc gọi

Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra (nếu hoạt động) và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...(Cuộc gọi đến...)** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn (trả lời), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

▶ Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn (bỏ qua) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nhận cuộc gọi

Chờ cuộc gọi
Chọn (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.

Chọn (bỏ qua) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng và trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



*Còn nữa*

## ■ Tùy chọn khi đang gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi:
**Keypad (Bàn phím):** Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.
**Mute (Tắt tiếng):** Tắt tiếng của bạn.
**Use Handheld (Sử dụng thiết bị cầm tay):** Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.

► Khi chọn **Mute (Tắt tiếng)**, biểu tượng tắt tiếng sẽ xuất hiện đồng thời màn hình nguồn khác không phải màn hình điện thoại cũng sẽ xuất hiện. Chọn **Mute (Tắt tiếng)** thêm lần nữa để bật tiếng.

Tùy chọn khi đang gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

# Đề xuất nạp nhiên liệu*

Chiếc xe này được trang bị tính năng tự động tính toán thời điểm nạp nhiên liệu. Tính năng này sẽ thông báo cho bạn khi cần nạp nhiên liệu cũng như giúp bạn tìm kiếm các trạm xăng gần nhất.

1. Đến thời điểm xe cần nạp nhiên liệu, thông báo sẽ hiển thị và biểu tượng thông báo sẽ hiển thị trong vùng tiêu đề.
2. Chọn ô chứa biểu tượng.
3. Chọn **Find Petrol Station Now (Find Gas Station Now) (Tìm trạm xăng ngay)**.
4. Chọn một trạm xăng từ màn hình tìm kiếm của hệ thống định vị.
   ▶ Để biết cách sử dụng hệ thống định vị, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị.

❶ Biểu tượng thông báo

## Đề xuất nạp nhiên liệu*

Bạn có thể bật và tắt chức năng Đề xuất nạp nhiên liệu.

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

Khi bạn tắt tính năng này, thông báo nhắc nạp nhiên liệu sẽ không hiển thị.

Tính năng này chỉ hoạt động khi mức nhiên liệu trong bình chứa là dưới 30%.

Nếu bạn chọn **Find Petrol Station Now (Find Gas Station Now) (Tìm trạm xăng ngay)** hoặc nếu đổ hơn 5 lít xăng vào bình xăng, thông báo nạp nhiên liệu sẽ biến mất.Tìm trạm xăng ngay Nếu bạn không muốn thông báo xuất hiện, hãy chọn TẮT trong mục cài đặt Refuel Recommend (Đề xuất nạp nhiên liệu).

Khi bạn lái xe trên đường gồ ghề, lên dốc hoặc xuống dốc trong một khoảng thời gian dài, thông báo có thể biến mất hoặc không hiển thị.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Khởi động

Màn hình giải trí sẽ tự động khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sẽ được hiển thị. Khi thêm người dùng mới, cần nhập thông tin người dùng lúc khởi động.

Chọn **OK** trên màn hình tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

- ▶ Nếu không chọn **OK**, hệ thống sẽ tự động tắt màn hình sau một khoảng thời gian nhất định.
- ▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, chọn **OK** và màn hình ghép đôi *Bluetooth*® sẽ xuất hiện.
- ▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

## ■ Đăng ký thông tin người dùng mới.

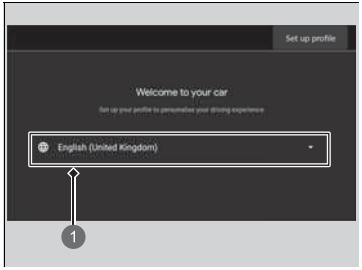


❶ Danh sách ngôn ngữ

1. Đọc màn hình miễn trừ trách nhiệm và chọn **OK.**
2. Chọn **Set up profile**.
   ▶ Nếu muốn thay đổi ngôn ngữ, chọn danh sách ngôn ngữ.
3. **Name your profile** và chọn **Next**.
4. Bạn có thể xem các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận Dịch vụ Google.
5. Trên màn hình Cài đặt quyền toàn hệ thống, chọn dữ liệu bạn cấp quyền truy cập cho hệ thống và chọn **Accept**.
6. Chọn **Done for now**.
   ▶ Chọn **Profile lock (Khóa hồ sơ)** để thiết lập cài đặt bảo mật cho hồ sơ của bạn.
   ▶ Chọn **Set up Google Assistant and apps (Thiết lập Trợ lý Google và ứng dụng)** để tùy chỉnh các cài đặt liên quan đến Google.
   Cần có kết nối mạng để thay đổi các cài đặt.
   ➔ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 524

Đăng ký thông tin người dùng mới.

Tham khảo trang web của Google để biết thêm thông tin về việc thiết lập hồ sơ.

Thông tin bổ sung về các Ứng dụng và Dịch vụ của Google có tại trang web của Honda.

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

# Vận hành cơ bản

## ■ Chức năng hệ thống âm thanh

Để sử dụng chức năng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

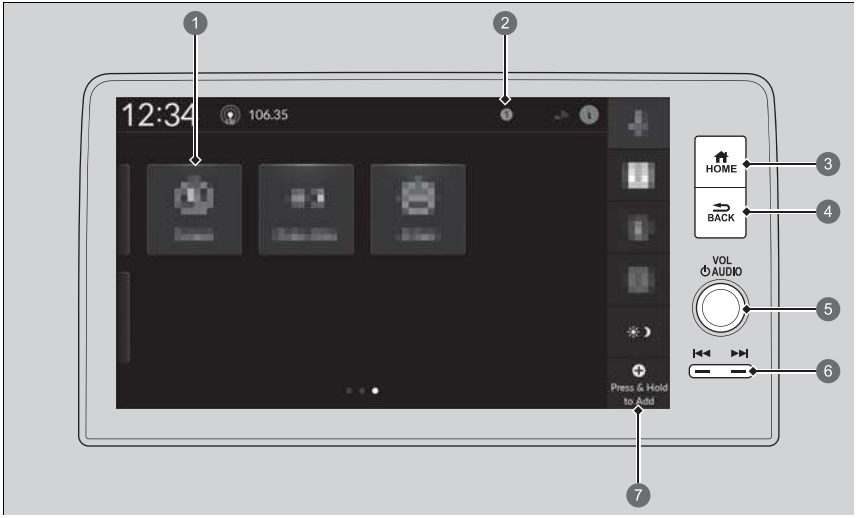

❶ Biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh
Hiển thị các biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh.
▶ Chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)** để xem các ứng dụng được cài đặt trên hệ thống này.
➔ **Màn hình âm thanh/thông tin** Tr. 492
❷ Biểu tượng trạng thái
Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v.
❸ **Nút HOME (Màn hình chính)**
❹ **Nút BACK (Trở lại)**
❺ **Núm VOL/⏻ AUDIO (Âm lượng/Nguồn)**
Ấn để bật và tắt hệ thống âm thanh.
Xoay để tăng hoặc giảm âm lượng.
❻ **Nút ⏮/⏭ (Tìm kiếm/Chuyển bài)**
Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc tệp.
❼ Biểu tượng Công tắc chuyển chế độ
Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.

## ■ Khởi động lại hệ thống âm thanh

Bạn có thể khởi động lại hệ thống âm thanh.
**1.** Nhấn và giữ nút HOME cho đến khi màn hình hộp thoại khởi động lại xuất hiện.
**2.** Chọn **Reboot**.
▶ Nếu chọn **Safe Mode (Chế độ an toàn)**, hệ thống âm thanh sẽ khởi động lại trong khi các ứng dụng của bên thứ ba đều tắt.
Sau khi tắt chế độ nguồn một lần, các ứng dụng của bên thứ ba sẽ hoạt động trở lại.

*Còn nữa*

## ■ Cổng USB

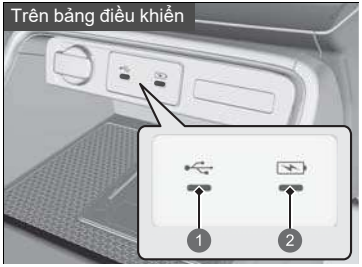


❶ Phát các tệp âm thanh và kết nối điện thoại tương thích
❷ Chỉ để sạc thiết bị

### ■ Cổng sạc/kết nối USB ( )

Cổng USB dùng để sạc thiết bị, phát tệp âm thanh và kết nối điện thoại tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

▶ Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu nối Lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay. Đối với Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2.0.

### ■ Cổng sạc USB trên bảng điều khiển phía trước ( )

Cổng USB chỉ dùng để sạc thiết bị.

▶ Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã kết nối máy phát nhạc với các cổng đó.

### ■ Cổng sạc USB ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm ( )

Cổng USB (3,0 A) chỉ dùng để sạc thiết bị.

▶ Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 3,0 A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 3,0 A nếu thiết bị không yêu cầu.

▶ Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã kết nối máy phát nhạc với các cổng đó.

**Cổng USB**

- Không để iPod hoặc USB trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các tệp.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.
- Một số thiết bị có thể không hoạt động ngay cả khi đã được kết nối với cổng USB.

Thông tin bổ sung về sạc USB:

- Các cổng USB trên bảng điều khiển phía trước hỗ trợ USB Power Delivery.
- Đầu ra tiêu chuẩn USB
  Khi sử dụng 1 cổng: 5 V/3 A (15 W), 9 V/3 A (27 W), 15 V/3 A (45 W), 20 V/3 A (60 W)
  Khi sử dụng cả hai cổng: 5 V/3 A (15 W), 9 V/3 A (27 W), 20 V/2,25 A (45 W), tổng cộng tối đa 60 W.
  Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.
- Cổng USB cũng hỗ trợ PPS (Nguồn điện lập trình được). PPS 5,0 V-21 V (Tối đa 60 W).
- Việc sạc có thể không bắt đầu hoặc có thể hoạt động chậm tùy thuộc vào thiết bị và cáp được kết nối. Chỉ sử dụng một cổng trong khi không kết nối bất cứ thứ gì (bao gồm cả cáp) với cổng còn lại có thể giải quyết vấn đề.

## Điều khiển âm thanh từ xa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

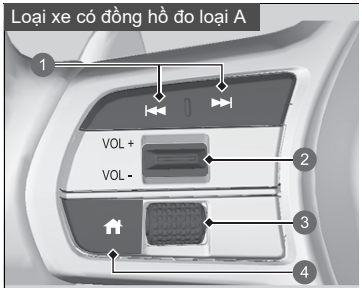


Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

❶ Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❷ Công tắc **VOL** +/**VOL** − (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái
❹ Nút ⌂ (Màn hình chính)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

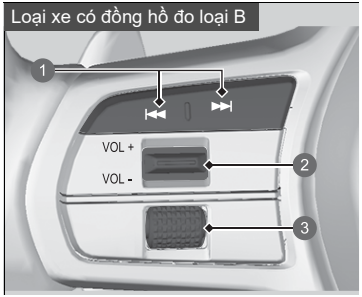


❶ Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❷ Công tắc **VOL** +/**VOL** − (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái

Điều khiển âm thanh từ xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Ấn nút ⌂ (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.



*Còn nữa*

**Công tắc VOL ⊕/VOL ⊖ (Âm lượng)**
**Gạt lên:** Để tăng âm lượng.
**Gạt xuống:** Để giảm âm lượng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

**Vòng lựa chọn bên trái**

- Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn **Audio** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

**Cuộn lên hoặc cuộn xuống:**
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

**Vòng lựa chọn bên trái**

**Cuộn lên hoặc cuộn xuống:**

Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

**Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)**

- Khi nghe đài radio
  **Ấn |▶▶|:** Để chọn đài phát thanh cài đặt sẵn tiếp theo.
  **Ấn |◀◀|:** Để chọn lại đài phát thanh cài đặt sẵn trước đó.
  **Ấn và giữ |▶▶|:** Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  **Ấn và giữ |◀◀|:** Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc qua kết nối có dây, ổ USB flash, Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết nối điện thoại thông minh
  ▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.
  **Ấn |▶▶|:** Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  **Ấn |◀◀|:** Để trở lại bài hát trước đó.
- Khi nghe trên ổ USB flash
  **Ấn và giữ |▶▶|:** Để chuyển sang thư mục tiếp theo.
  **Ấn và giữ |◀◀|:** Để trở lại thư mục trước đó.

# Màn hình âm thanh/thông tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.

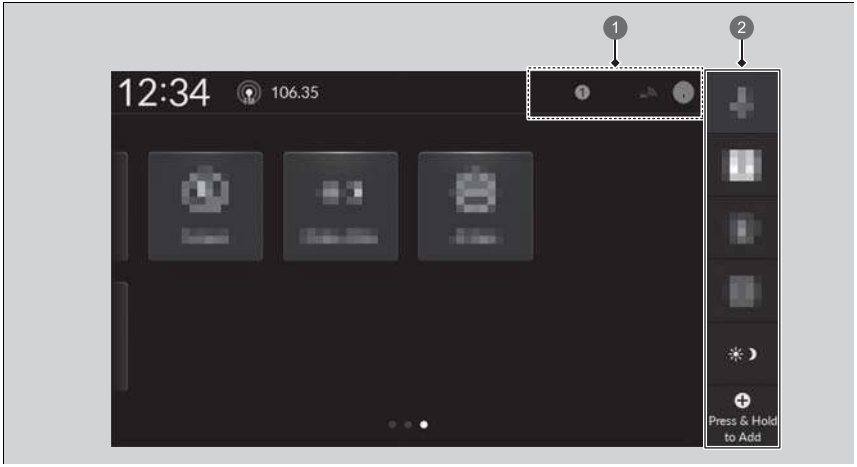


❶ Thanh trạng thái
❷ Thanh công tắc chuyển chế độ

Màn hình âm thanh/thông tin

**Thao tác trên màn hình cảm ứng**

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe hoặc sử dụng khẩu lệnh.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

**Thanh công tắc chuyển chế độ**

Bạn có thể chọn bất kỳ ứng dụng nào từ thanh Công tắc chuyển chế độ. Có thể chỉnh sửa các biểu tượng truy cập nhanh để mở các ứng dụng khác, tuy nhiên, bạn không thể chỉnh sửa **Google Assistant (Trợ lý Google)**.

## ■ Để chuyển sang màn hình tiếp theo

Vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

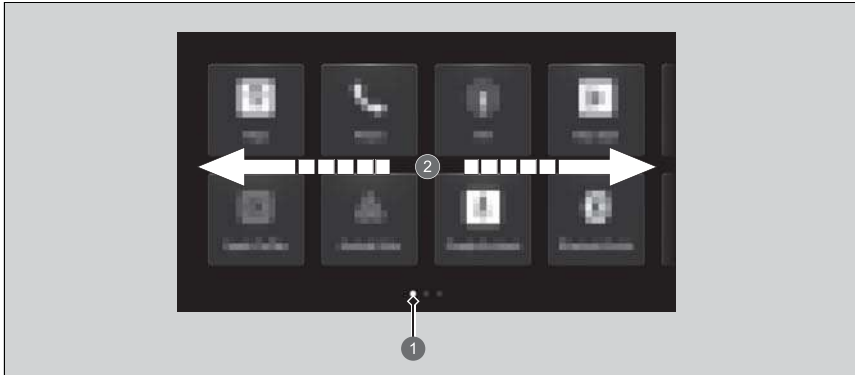


❶ Vị trí trang hiện tại
❷ Vuốt

**Để chuyển sang màn hình tiếp theo**

Có thể thêm sáu trang vào màn hình chính.

Ấn nút HOME để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.



*Còn nữa*

### ■ Để thêm/xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm hoặc xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.

**1.** Ấn nút HOME .

**2.** Chọn **All Apps**.

**3.** Chọn một ứng dụng và tích hoặc bỏ tích ứng dụng đó.

**Để thêm/xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính**

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

## ■ Để di chuyển/xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí biểu tượng trên màn hình chính.

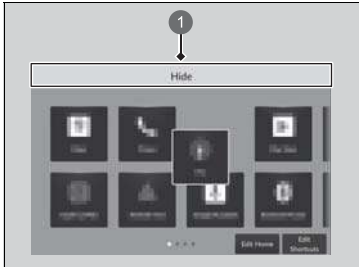


❶ Ẩn

**1.** Ấn nút HOME .

**2.** Chọn và giữ biểu tượng.

▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.

**3.** Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mong muốn.

▶ Kéo và thả biểu tượng vào **Hide (Ẩn)** để xóa khỏi màn hình chính.

**4.** Ấn nút HOME hoặc BACK .

▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

**»Để di chuyển/xóa các biểu tượng trên màn hình chính**

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.



*Còn nữa*

## ■ Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Có thể lưu năm biểu tượng trên thanh công tắc chuyển chế độ.

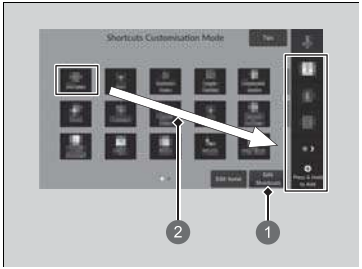


❶ **Chỉnh sửa truy cập nhanh**
❷ Kéo và thả

1. Ấn nút HOME .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
   ► Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Chọn **Edit Shortcuts**.
4. Kéo và thả biểu tượng muốn lưu sang bên phải màn hình chính.
   ► Đó là biểu tượng truy cập nhanh.
5. Ấn nút HOME hoặc BACK .
   ► Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

### Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

Bạn cũng có thể lưu các biểu tượng trên thanh công tắc chuyển chế độ theo quy trình sau.

1. Chọn và giữ biểu tượng.
2. Chọn **Edit Shortcuts**.
3. Chọn một biểu tượng.
4. Chọn vị trí truy cập nhanh.
5. Ấn nút HOME hoặc BACK .

## ■ Thanh trạng thái

Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.
Bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.

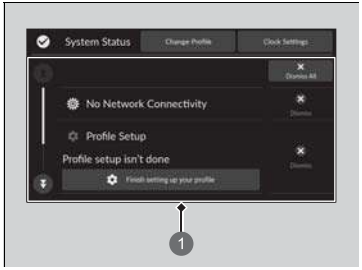


**1.** Chọn Thanh trạng thái.
▶ Vùng trạng thái xuất hiện.
**2.** Chọn một mục để xem chi tiết.
**3.** Ấn nút HOME hoặc BACK .

❶ Vùng trạng thái



*Còn nữa*

## ■ Chọn nguồn âm thanh

Bạn có thể chọn nguồn âm thanh trên màn hình âm thanh/thông tin.

1. Chọn biểu tượng ứng dụng của màn hình âm thanh/thông tin.
2. Chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn để chuyển nguồn âm thanh.

❶ Biểu tượng ứng dụng

# Cài đặt đồng hồ

## ■ Điều chỉnh đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **System**.
**4.** Chọn **Date & Time**.
**5.** Chọn **Set Date &Time**.
**6.** Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.

Để điều chỉnh ngày:
**7.** Chọn **Set Date**.
**8.** Chọn ▲/▼.
**9.** Ấn nút BACK để cài đặt ngày.

Để điều chỉnh thời gian.
**7.** Chọn **Set Time**.
**8.** Chọn ▲/▼.
**9.** Ấn nút BACK để cài đặt thời gian.

Điều chỉnh đồng hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock (Đồng hồ)** sẽ hiển thị trên màn hình chính, hoặc **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.

1. Chạm vào biểu tượng đồng hồ trên màn hình. Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.
2. Chọn **Menu**.
3. Chọn **Date & Time**.
4. Chọn **Set Date &Time**.
5. Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn ▲/▼.
8. Ấn nút BACK để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chỉnh màn hình hiển thị đồng hồ.
➔ **Hệ thống** Tr. 541



*Còn nữa*

## ■ Cài đặt hình nền

Bạn có thể thay đổi, lưu và xóa hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

### ■ Lưu hình nền

**1.** Cắm USB vào cổng USB.
➡ **Cổng USB** Tr. 488
**2.** Chọn **Clock**.
**3.** Chọn **Menu**.
**4.** Chọn **Clock Faces**.
**5.** Chọn **Add More**.
**6.** Lưu hình ảnh mong muốn.
▶ Có thể lưu nhiều hình ảnh cùng một lúc.
**7.** Chọn **Select Files**.
**8.** Chọn **Add Files**.
▶ Màn hình quay trở về màn hình **Clock Faces (Mặt đồng hồ)**.

### ■ Chọn hình nền

**1.** Chọn **Clock**.
**2.** Chọn **Menu**.
**3.** Chọn **Clock Faces**.
**4.** Chọn hình nền mong muốn.
**5.** Chọn **Save**.
▶ Màn hình quay trở về màn hình **Clock Faces (Mặt đồng hồ)**.

Cài đặt hình nền

Hình nền mà bạn cài đặt trên **Clock Faces (Mặt đồng hồ)** sẽ không hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

- Khi lưu tệp hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của USB. Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên tệp phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu tệp hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Có thể lưu được 21 hình ảnh.
- Dung lượng mỗi tệp phải dưới 10 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.

■ **Xóa hình nền**

**1.** Chọn **Clock**.
**2.** Chọn **Menu**.
**3.** Chọn **Clock Faces**.
**4.** Chọn **Delete Files**.
**5.** Chọn **Select Files to Delete**.
► Nếu muốn xóa toàn bộ hình nền, chọn **Delete All Files (Xóa tất cả các tệp)**.
**6.** Chọn hình nền mong muốn.
**7.** Chọn **Select Files**.
**8.** Chọn **Delete Files**.
► Màn hình quay trở về màn hình **Clock Faces (Mặt đồng hồ)**.

Xóa hình nền

Bạn không thể xóa các hình nền đã được lưu từ đầu.

Sẽ mất một lúc để có thể xem trước các tệp có kích thước lớn.

# Điều chỉnh âm thanh

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn biểu tượng nguồn âm thanh.
**3.** Chọn **Sound**.
**4.** Chọn cài đặt mong muốn.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:

- **Speed Volume Compensation*2 (Bù âm lượng theo tốc độ*2)**: Cài đặt mức tăng âm lượng.
- **Bass/Mid/Treble (Trầm/Trung/Bổng)**: Trầm, Trung, Bổng
- **Balance/Fader*2 (Cân bằng/Giảm âm*2)**: Cân bằng, Giảm âm
- **Audio Zones & Balance/Fader*1 (Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm*1)**: Chỉ dành cho người lái, Chỉ phía trước, Chỉ phía sau, Toàn bộ xe, Cân bằng, Giảm âm
- **Bose Centerpoint Surround*1 (Âm thanh vòm Bose Centerpoint*1)**: BẬT và TẮT Bose Centerpoint.
- **Bose Dynamic Speed Compensation*1 (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose*1)**: Cài đặt mức tăng âm lượng.

*1 : Loại xe có BOSE AMP
*2 : Loại xe có AMP Thông thường

Điều chỉnh âm thanh

Chức năng **Speed Volume Compensation*2 (Bù âm lượng theo tốc độ*2)** và **Bose Dynamic Speed Compensation*1 (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose*1)** điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn cũng có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.
1. Ấn nút HOME .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass/Mid/Treble (Trầm/Trung/Bổng)**, **Balance/Fader*2 (Cân bằng/Giảm âm*2)**, **Audio Zones & Balance/Fader*1 (Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm*1)**, **Bose Dynamic Speed Compensation*1 (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose*1)**, và **Speed Volume Compensation*2 (Bù âm lượng theo tốc độ*2)** chọn **Reset to Default (Đặt lại về mặc định)** ở mỗi mục cài đặt.

# Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.

## ■ Thay đổi độ sáng màn hình

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Display**.
**4.** Chọn cài đặt mong muốn.

Thay đổi độ sáng màn hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast (Độ tương phản)** và **Black Level (Độ tối)** theo cách này.

Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Reset to Default (Đặt lại về mặc định)**.

# Cập nhật hệ thống

Khi có bản cập nhật hệ thống, một thông báo nhắc cập nhật hệ thống sẽ hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.
Cập nhật hệ thống bằng bộ điều khiển viễn thông (TCU) hoặc kết nối Wi-Fi.

Cập nhật hệ thống

Nếu có phần mềm mới, hãy cập nhật sớm nhất có thể.

Nếu cập nhật hệ thống không thành công, vui lòng liên hệ với đại lý.

Các bản cập nhật hệ thống làm thay đổi thông số kỹ thuật có thể dẫn đến một số khác biệt với thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng này. Để có thông tin mới nhất, vui lòng tham khảo trang web của Honda.

Một số tính năng có thể không khả dụng trong quá trình cập nhật hệ thống.

## ■ Cách cập nhật hệ thống

**1.** Chọn **System Updates**.
**2.** Chọn **Agree to Update while power mode is OFF** để cho phép cập nhật.
▶ Màn hình quá trình cài đặt sẽ hiển thị.
▶ Khi chế độ nguồn được đặt ở TẮT, một thông báo bắt đầu cập nhập xuất hiện trong vài giây.
**3.** Sau đó, khi chế độ nguồn được chuyển sang BẬT, màn hình kết quả cập nhật hệ thống sẽ hiển thị.
▶ Có thể xem kết quả cập nhật hệ thống từ **Settings (Cài đặt)** → **Update History (Lịch sử cập nhật)** trong Cập nhật hệ thống.

Cách cập nhật hệ thống

Đảm bảo dừng xe ở nơi an toàn trước khi bắt đầu cập nhật hệ thống.

Nếu bạn đã ấn **Agree to Update while power mode is OFF (Đồng ý cập nhật khi chế độ nguồn đang TẮT)** trên màn hình thỏa thuận khi một bản cập nhật đang được cung cấp, hoặc **Automatic Update (Tự động cập nhật)** đặt thành **ON (BẬT)**, và thông báo cập nhật đã bắt đầu không được hiển thị ngay cả khi chế độ nguồn được đặt thành TẮT, điều này có thể là do một hoặc nhiều điều kiện được liệt kê bên dưới. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với đại lý.
- Vị trí số không ở [P].
- Xe đang gửi một hoặc nhiều thông báo khẩn cấp.
- Ắc-quy hết điện.

Nếu hệ thống được cập nhật qua Wi-Fi, bạn sẽ không thể sử dụng tính năng này trong một số trường hợp cần xác thực Wi-Fi.
Ví dụ:
- Kết nối yêu cầu đăng nhập.
- Phải đồng ý với các điều khoản sử dụng.

Nếu mất kết nối mạng, quá trình tải xuống sẽ dừng lại.
Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục khi có kết nối mạng mới.



*Còn nữa*

## ■ Cài đặt cập nhật hệ thống

Bạn có thể thay đổi hoặc xác nhận cài đặt cập nhật hệ thống.

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **System Updates**.
**3.** Chọn **Settings**.
**4.** Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi hoặc xác nhận.

Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Automatic Update (Cập nhật tự động)**
- **Automatic Download (Tải xuống tự động)**
- **Control Unit Versions (Phiên bản bộ điều khiển)**
- **Connection Setup (Cài đặt kết nối)**
  ➡ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 524
- **Update History (Lịch sử cập nhật)**

Cài đặt cập nhật hệ thống

Để thực hiện cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, hãy thay đổi cài đặt để kết nối với Wi-Fi.

➡ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 524

# Bật đài AM/FM

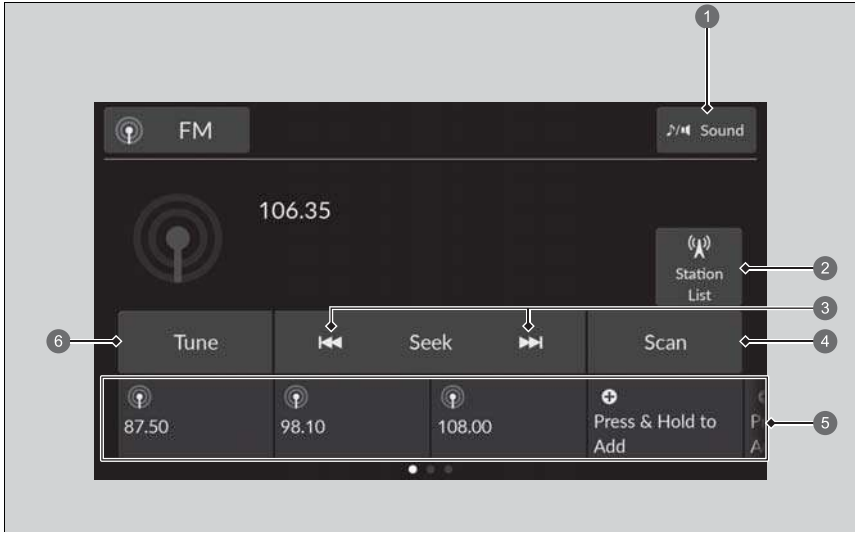


❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Danh sách kênh**
❸ **Biểu tượng Tìm kiếm**
❹ **Biểu tượng Quét**
❺ **Biểu tượng Kênh yêu thích**
❻ **Biểu tượng Dò kênh**



*Còn nữa*

## ■ Kênh yêu thích

Để thêm kênh:
**1.** Dò đến kênh đã chọn.
**2.** Chọn và giữ **Press & Hold to Add**.

### ■ Chỉnh sửa một kênh yêu thích

Chọn và giữ biểu tượng kênh ưa thích mong muốn.
Có thể thực hiện các mục sau đây:

- **Xóa yêu thích**: Xóa biểu tượng kênh yêu thích ra khỏi danh sách kênh yêu thích.
- **Thay thế bằng** (số): Thay thế biểu tượng kênh yêu thích đã lưu.
- **Thêm vào Màn hình chính**: Thêm biểu tượng truy cập nhanh của kênh yêu thích đã lưu vào màn hình chính.

## ■ Danh sách kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.
**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
**2.** Chọn kênh.

### ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
**2.** Chọn **Refresh**.

Kênh yêu thích

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn biểu tượng nguồn âm thanh trên màn hình.
**Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 489

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây. Để tắt quét, chọn **Stop** hoặc ấn nút [BACK] .

## ■ Tìm kiếm

Chọn [|◀◀] hoặc [▶▶|] để dò lên hoặc dò xuống các dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

## ■ Màn hình điều chỉnh tần số radio thủ công

Chọn để sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số radio.

**1.** Chọn **Tune**.

**2.** Nhập tần số radio mong muốn bằng bàn phím trên màn hình.

**3.** Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

## ■ Âm thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

**1.** Chọn **Sound**.

➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 502



*Còn nữa*

## ■ Hệ thống dữ liệu radio (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

**■ Để tìm kênh RDS từ Danh sách kênh**

**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
**2.** Chọn kênh.

**■ Cập nhật bằng tay**

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
**1.** Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
**2.** Chọn **Refresh**.

**■ Bản tin giao thông (TA)**

Chức năng chờ TA cho phép hệ thống chờ các bản tin giao thông ở bất kỳ chế độ nào khi chức năng đang bật. Kênh được chỉnh gần đây nhất phải là kênh chương trình giao thông có RDS.

**Để bật chức năng:** Chọn **TA**. Khi bản tin giao thông bắt đầu phát, màn hình thông tin sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin. Hệ thống sẽ trở lại chế độ được chọn gần đây nhất sau khi kết thúc bản tin giao thông.

▶ Nếu bạn muốn trở lại chế độ đã chọn gần đây nhất trong khi đang có bản tin giao thông, chọn **Stop (Dừng)**.

**Để tắt chức năng:** Chọn **TA** thêm một lần nữa.

**Hệ thống dữ liệu radio (RDS)***

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS sẽ tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

**Bản tin giao thông (TA)**

Đèn báo **TA** sáng trên vùng tiêu đề trong khi chức năng chờ TA đang bật.

Nếu bạn chọn **Scan** trong khi chức năng chờ TA đang bật, hệ thống sẽ chỉ tìm kiếm kênh TP.

Chọn **TA** trong khi bản tin giao thông đang phát sẽ không làm tắt chức năng chờ TA.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Danh mục

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh và thay đổi các cài đặt RDS*.

**1.** Chọn **Menu**.

**2.** Chọn một tùy chọn.

- **Sound Settings:** Điều chỉnh các cài đặt âm thanh
  ➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 502
- **TA-Information*:** Bật và tắt thông tin giao thông. (**BẬT**/**TẮT***1)
- **AF*:** Bật và tắt để thay đổi tự động tần số của chương trình tương tự khi bạn đi vào vùng khác. (**BẬT**/**TẮT***1)
- **REG*:** Bật và tắt để giữ kênh tương tự trong vùng ngay cả khi tín hiệu yếu. (**BẬT***1/**TẮT**)
- **NEWS*:** Bật và tắt để dò tự động chương trình thời sự. (**BẬT**/**TẮT***1)



*1 : Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Phát DAB (Phát thanh kỹ thuật số)*1

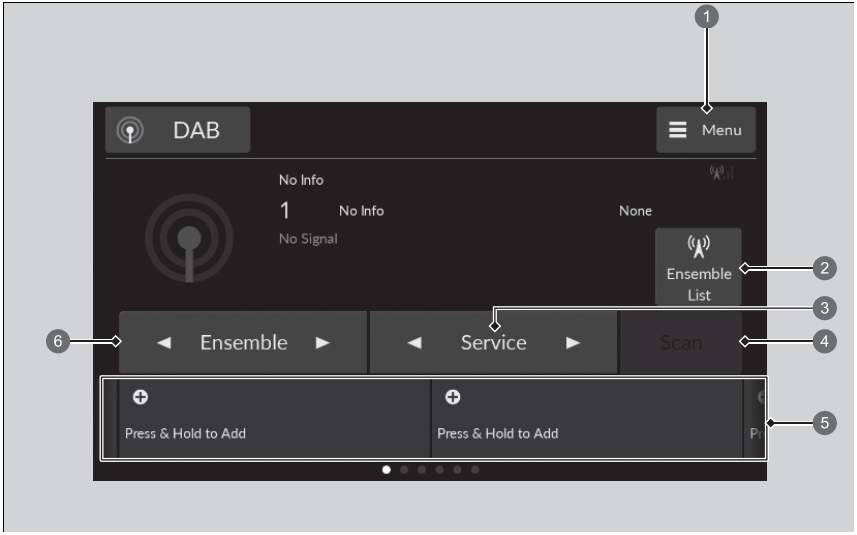


❶ **Biểu tượng Danh mục**
❷ **Biểu tượng Danh sách Chương trình phát sóng**
❸ **Biểu tượng Dịch vụ**
❹ **Biểu tượng Quét**
❺ **Biểu tượng Kênh yêu thích**
❻ **Biểu tượng Chương trình phát sóng**

*1 : Tính năng này không khả dụng ở một số quốc gia hoặc khu vực.

## ■ Bộ nhớ cài đặt sẵn

Để lưu kênh:

**1.** Dò đến kênh đã chọn.

**2.** Chọn và giữ **Press & Hold to Add**.

## ■ Danh sách chương trình phát sóng

Liệt kê dịch vụ có thể bắt sóng được trên các nhóm kênh đã chọn.

**1.** Chọn **Ensemble List**.

**2.** Chọn chương trình phát sóng.

### ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách chương trình phát sóng có sẵn vào bất cứ lúc nào.

**1.** Chọn **Ensemble List**.

**2.** Chọn **Refresh**.

Bộ nhớ cài đặt sẵn

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn biểu tượng nguồn âm thanh trên màn hình.

➔ **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 489

Bạn có thể lưu 12 nhóm kênh vào bộ nhớ đặt trước.



*Còn nữa*

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh hoặc chương trình phát sóng trên kênh đã chọn trong 10 giây. Để tắt quét, chọn **Stop (Dừng)** hoặc ấn nút BACK .

**■ Thay đổi chế độ quét**

**1.** Chọn **Menu**.
**2.** Chọn **Scan Mode**.
**3.** Chọn **Ensemble** hoặc **All**.

## ■ Dữ liệu hiển thị trên radio

Hiển thị thông tin dữ liệu hiển thị trên radio của đài DAB đã chọn.

## ■ Cài đặt

Thay đổi các cài đặt DAB.

**1.** Chọn **Menu**.
**2.** Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi.

# Phát lại nhạc qua kết nối có dây

Sử dụng đầu nối USB của bạn, kết nối thiết bị với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

**Cổng USB** Tr. 488

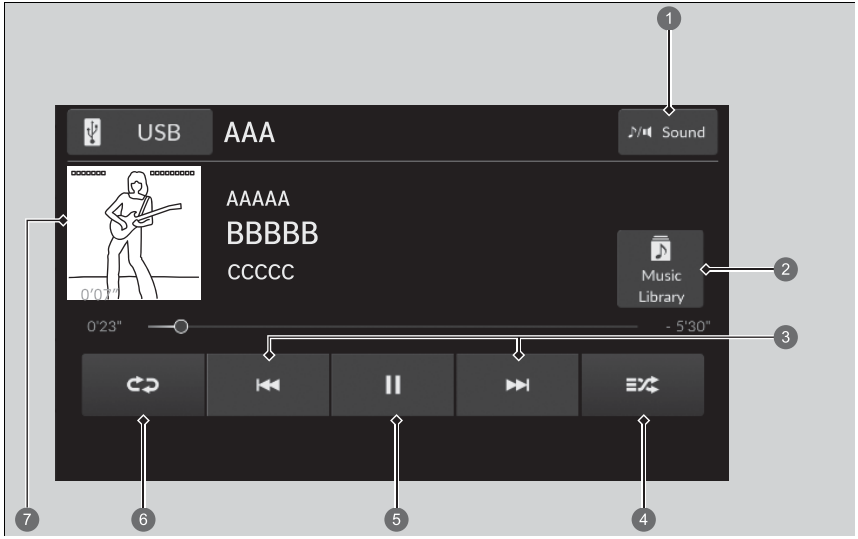


❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Thư viện nhạc**
❸ **Biểu tượng Chuyển bài**
❹ **Biểu tượng Trộn bài**
❺ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❻ **Biểu tượng Lặp lại**
❼ **Bìa Album**



*Còn nữa*

## ■ Cách chọn bài từ danh sách tìm kiếm nhạc

**1.** Chọn **Music Library**.
**2.** Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Nhạc sỹ, Album, v.v.).
**3.** Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát một tệp.

### ■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

**Trộn bài**

**Tắt trộn bài:** Tắt chế độ trộn bài.
**Trộn tất cả bài hát:** Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**

**Tắt lặp lại:** Tắt chế độ lặp lại.
**Lặp lại bài hát:** Lặp lại bài đang phát.
**Lặp lại tất cả:** Lặp lại tất cả các bài.

Phát lại nhạc qua kết nối có dây

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu một điện thoại iPhone được kết nối qua Apple CarPlay, nguồn USB sẽ không có sẵn và các tệp âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên Apple CarPlay.

## ■ Cách chuyển bài hát

Bạn có thể chọn |◀◀ hoặc ▶▶| để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

## ■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➲ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 502

# Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các tệp âm thanh trên ổ USB flash ở dạng MP3, WMA, AAC*1, FLAC, WAV, opus, MP4*, AVI*, MKV*, 3GPP*, WebM*, hoặc MPEG2-TS*. Kết nối ổ USB flash của bạn với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

**Cổng USB** Tr. 488

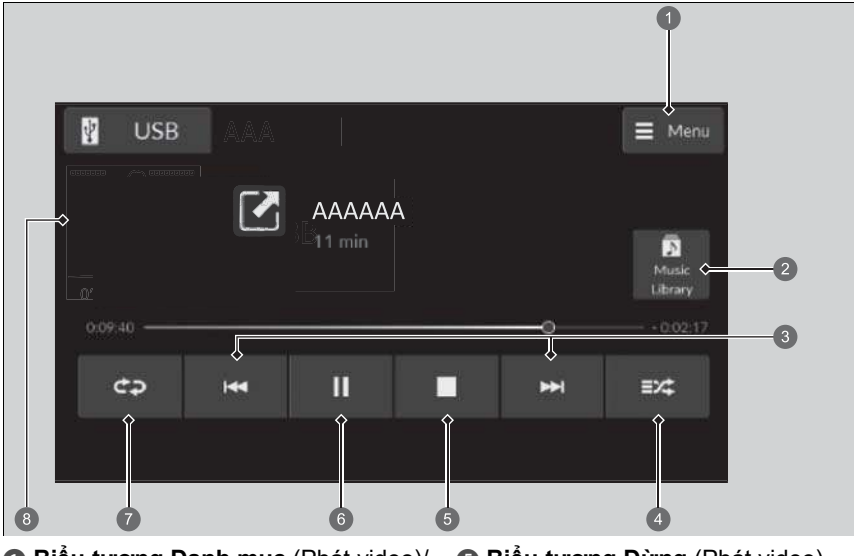


❶ **Biểu tượng Danh mục** (Phát video)/ **Biểu tượng Âm thanh** (Phát nhạc)
❷ **Biểu tượng Thư viện nhạc**
❸ **Biểu tượng Bài hát/Video**
❹ **Biểu tượng Ngẫu nhiên**
❺ **Biểu tượng Dừng** (Phát video)
❻ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❼ **Biểu tượng Lặp lại**
❽ **Bìa Album** (Phát nhạc)/ **Máy phát nhạc mini** (Phát video)

*1 : Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cách chọn tệp từ Danh sách tìm kiếm nhạc

**1.** Chọn **Music Library**.
**2.** Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Nhạc sỹ, Album, Video, v.v.).
**3.** Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát hoặc video mình muốn.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ ngẫu nhiên và lặp lại khi đang phát một tệp.

**■ Ngẫu nhiên/Lặp lại**
Liên tục chọn biểu tượng ngẫu nhiên hoặc lặp lại đến khi hiển thị chế độ phát mong muốn.

**Ngẫu nhiên**
**Tắt ngẫu nhiên:** Tắt chế độ ngẫu nhiên.
**Ngẫu nhiên tất cả bài hát:** Phát tất cả các tệp theo thứ tự ngẫu nhiên.
**Ngẫu nhiên trong thư mục:** Phát tất cả các tệp trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**
**Tắt lặp lại:** Tắt chế độ lặp lại.
**Lặp lại bài hát:** Lặp lại tệp đang phát.
**Lặp lại trong thư mục:** Lặp lại tất cả các tệp trong thư mục đang phát.

Phát lại đa phương tiện qua ổ USB flash

Sử dụng loại USB khuyên dùng.
**Thông tin chung về Hệ thống âm thanh**
Tr. 580

Không thể phát các tệp định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **The selected file cannot be played on this system (Không thể phát tệp đã chọn trên hệ thống này)**, sau đó chuyển sang tệp tiếp theo.



*Còn nữa*

## ■ Cách chuyển tệp

Bạn có thể chọn |◀◀| hoặc |▶▶| để chuyển tệp. Chọn và giữ để tua nhanh một tệp.

## ■ Âm thanh (Phát tệp nhạc)

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 502

## ■ Danh mục (Phát tệp video)

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

**1.** Chọn **Menu**.

**2.** Chọn một tùy chọn.

- **Sound Settings**: Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.
  ➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 502
- **Image Settings**: Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.
  ➔ **Cài đặt màn hình hiển thị** Tr. 503
- **Aspect Ratio**: Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. **(Original/Normal*1/Full/Zoom (Nguyên bản/Bình thường*1/Toàn màn hình/Phóng to))**
- **Overlay Clock Location**: Thay đổi bố cục hiển thị đồng hồ. **(OFF*1/Upper right/Upper left/Lower right/Lower left (TẮT*1/Phía trên bên phải/Phía trên bên trái/Phía dưới bên phải/Phía dưới bên trái))**



*1 : Cài đặt mặc định

# Phát nhạc trên Âm thanh *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 566

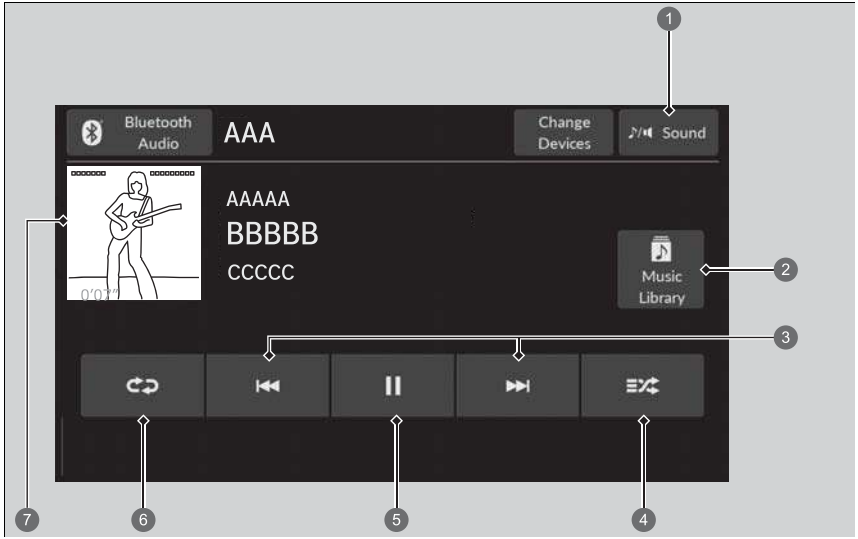


❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Thư viện nhạc**
❸ **Biểu tượng Chuyển bài**
❹ **Biểu tượng Trộn bài**
❺ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❻ **Biểu tượng Lặp lại**
❼ **Bìa Album**

## Phát nhạc trên Âm thanh *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích.
Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT.
Khi ghép đôi nhiều điện thoại cùng lúc, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại được ưu tiên. Bạn có thể cài đặt ưu tiên điện thoại trong danh sách thiết bị *Bluetooth*®.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 566

Điện thoại được kết nối với Âm thanh *Bluetooth*® có thể khác nhau.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ chậm hơn.

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không phát được Âm thanh *Bluetooth*® từ điện thoại đó.

**Cài đặt điện thoại** Tr. 566



*Còn nữa*

## ■ Để phát các tệp Âm thanh *Bluetooth*®

**1.** Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566

**2.** Chọn chế độ Âm thanh *Bluetooth*®.

Nếu không nhận diện được điện thoại, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

### Để phát các tệp Âm thanh *Bluetooth*®

Để phát các tệp âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Devices (Thay đổi thiết bị)**.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566

## ■ Tìm kiếm nhạc

**1.** Chọn **Music Library**.
**2.** Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Album).
**3.** Chọn một mục.
▶ Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

### Tìm kiếm nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả danh sách có thể không được hiển thị.

## ■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát một tệp.

### ■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

Các mục trong danh mục chế độ phát

**Trộn bài**

**Tắt trộn bài:** Tắt chế độ trộn bài.

**Trộn tất cả bài hát:** Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Lặp lại**

**Tắt lặp lại:** Tắt chế độ lặp.

**Lặp lại bài hát:** Lặp lại bài đang phát.

**Lặp lại nhóm:** Lặp lại nhóm đang phát.

**Lặp lại tất cả:** Lặp lại tất cả các bài.

Cách chọn chế độ phát

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả chức năng có thể không hiển thị.

# Kết nối Wi-Fi

Xe này được trang bị kết nối Wi-Fi. Bạn có thể kết nối với điểm phát sóng Wi-Fi hoặc thiết bị liên lạc bên ngoài.

## ■ Kết nối xe với điểm phát sóng Wi-Fi

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Connections**.
**4.** Chọn **Wi-Fi**.
▶ Để thay đổi cài đặt Wi-Fi, chọn **Options**.
**5.** Chọn điểm truy cập mong muốn để kết nối với hệ thống.
**6.** Chọn **Connect**.
▶ Khi kết nối thành công, dòng trạng thái **Connected (Đã kết nối)** bên cạnh tên mạng sẽ hiển thị trong danh sách.
**7.** Ấn nút HOME để quay lại màn hình chính.

### Kết nối Wi-Fi

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.

### Kết nối xe với điểm phát sóng Wi-Fi

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt khi xe đang chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí khi bạn chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng trên danh sách mạng Wi-Fi để biết Wi-Fi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

Chọn **Access Point (Điểm truy cập)** để cài đặt kết nối Mạng không dây từ điện thoại đến xe.
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

# Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối một iPhone tương thích với Apple CarPlay với hệ thống qua cổng sạc/kết nối USB ở bảng điều khiển phía trước hoặc không dây và biểu tượng Apple CarPlay được chọn, bạn có thể sử dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Cổng USB** Tr. 488

## Apple CarPlay

Chúng tôi khuyến nghị bạn cập nhật iOS lên phiên bản mới nhất khi sử dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT). Bạn chỉ có thể thực hiện cuộc gọi hoặc nghe nhạc thông qua Apple CarPlay. Các điện thoại khác đã từng được ghép đôi có thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*®.

Khi sử dụng Điện thoại rảnh tay, bạn chỉ có thể điều khiển bằng ứng dụng Siri.

➔ **Vận hành Apple CarPlay bằng Siri** Tr. 528

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Apple CarPlay, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web của Apple.

Sau khi cài đặt Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.



*Còn nữa*

## ■ Danh mục Apple CarPlay

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Apple CarPlay. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng iPhone của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Apple CarPlay để quay lại màn hình chính.

Apple CarPlay

**Điều kiện và Giới hạn vận hành Apple CarPlay**
Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Apple CarPlay.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Apple CarPlay. Tham khảo trang web của Apple để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

## ■ Kết nối Apple CarPlay bằng cáp USB.

**1.** Kết nối iPhone với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
➡ **Cổng USB** Tr. 488
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
**2.** Chọn **Yes**.
▶ Chọn **No** nếu bạn không cho phép.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Connection (Kết nối)**.

## ■ Kết nối Apple CarPlay bằng mạng không dây

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Apple CarPlay**.
**3.** Chọn **Connect New Phone (Kết nối điện thoại mới)** hoặc **Check Device List (Kiểm tra danh sách thiết bị)**.
**4.** Ghép đôi iPhone với hệ thống *Bluetooth*® của xe.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566
**5.** Chọn **Yes**.

### Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.
Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại iPhone của bạn.

Bạn cũng có thể sử dụng cách bên dưới để cài đặt ứng dụng Apple CarPlay.
Ấn nút HOME → **General Settings** → **Connections** → **Manage Device Connections** → Select Device

**Sử dụng thông tin người dùng và xe**
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính sách bảo mật của Apple.

Nếu có sự cố với kết nối iPhone của bạn, một mã lỗi sẽ hiển thị.
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540



*Còn nữa*

## ■ Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Ấn và giữ nút (Nói) để kích hoạt Siri.
Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận diện giọng nói tiêu chuẩn.

### Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Dưới dây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho Siri:
- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho ba ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web *www.apple.com/ios/siri*.

# Android Auto™

Khi bạn kết nối một điện thoại Android™ với hệ thống âm thanh qua cổng sạc/kết nối USB ở bảng điều khiển phía trước hoặc không dây và biểu tượng Android Auto được chọn, bạn có thể sử dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng Android Auto.

➡ **Cổng USB** Tr. 488

**CHÚ Ý:**
Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hoặc khu vực của bạn. Để biết chi tiết về Android Auto, hãy tham khảo trang web hỗ trợ của Google.

Android Auto™

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.
Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Để truy cập trực tiếp chức năng điện thoại Android Auto, ấn **Phone** trên màn hình chính.

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Để sử dụng từng tính năng của Android Auto: hãy nói từ kích hoạt trong khi màn hình Android Auto đang hiển thị, hoặc ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt Trợ lý Google.

➡ **Vận hành Android Auto với Trợ lý Google** Tr. 532



*Còn nữa*

## ■ Danh mục Android Auto

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Android Auto. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng điện thoại thông minh của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Android Auto để quay lại màn hình chính.

Android Auto™

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web Android Auto.

Màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Android Auto bạn đang sử dụng.

**Điều kiện và giới hạn vận hành Android Auto**
Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Android Auto. Tham khảo trang web Android Auto để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

## ■ Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

**1.** Kết nối điện thoại Android với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
➔ **Cổng USB** Tr. 488
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
**2.** Chọn **Yes**.
▶ Chọn **No** nếu bạn không cho phép.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Connection (Kết nối)**.

## ■ Kết nối Android Auto bằng mạng không dây

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Android Auto**.
**3.** Chọn **Connect Phone (Kết nối điện thoại)** hoặc **Search for Device (Tìm kiếm thiết bị)**.
**4.** Ghép đôi điện thoại với hệ thống *Bluetooth*® của xe.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566
**5.** Chọn **Yes**.

Android Auto™

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với Android Auto để tự động ghép đôi. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng cách dưới đây để thay đổi các cài đặt của Android Auto sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu:
Ấn nút HOME → **General Settings** → **Connections** → **Manage Device Connections** → Select Device

**Sử dụng thông tin người dùng và xe**
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua Android Auto được quản lý bởi Chính sách bảo mật của Google.

Nếu có sự cố với kết nối điện thoại thông minh của bạn, một mã lỗi sẽ hiển thị.
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540



*Còn nữa*

## ■ Vận hành Android Auto với Trợ lý Google

Ấn và giữ nút (Nói) để vận hành Android Auto bằng giọng nói.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận diện giọng nói tiêu chuẩn.

### Vận hành Android Auto với Trợ lý Google

Dưới dây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Android Auto.

# Tích hợp Google

Bạn có thể sử dụng các tính năng có sẵn tích hợp Google trên màn hình âm thanh.

## ■ Trợ lý Google

Bạn có thể vận hành các tính năng với sự trợ giúp rảnh tay của Google Assistant (Trợ lý Google).

Kích hoạt Google Assistant (Trợ lý Google) bằng:
- Nói "*Hey Google.*"
  ▶ Từ đánh thức khác nhau tùy theo vùng và ngôn ngữ. Tham khảo trang web của Google để biết thêm thông tin.
- Ấn nút (Nói) trên vô lăng.
- Chọn biểu tượng Google Assistant (Trợ lý Google) trên màn hình âm thanh/ thông tin.

**Tích hợp Google**

- Google, Google Play, và Google Maps là thương hiệu của Google LLC.
- Để biết thêm chi tiết về các tính năng của Google Apps và Dịch vụ, hãy truy cập trang web của Google.

Thông tin bổ sung về Google Apps và Dịch vụ có tại trang web của Honda.

**Trợ lý Google**

Dưới đây là ví dụ về các câu lệnh có thể sử dụng khi Google Assistant (Trợ lý Google) được kích hoạt:
- Phát nhạc.
- Phát đài radio.

Bạn có thể tùy chỉnh ngôn ngữ và các cài đặt khác liên quan đến **Google Assistant (Trợ lý Google)**.
➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt chung** Tr. 540



*Còn nữa*

## ■ Google Maps

Google Maps giúp bạn tới điểm đến nhanh hơn với thông tin giao thông theo thời gian thực, tự động định tuyến lại và điều khiển bằng giọng nói.

## ■ Google Play

Tải ứng dụng yêu thích của bạn trên Google Play.

Google Maps

Đảm bảo dừng xe ở nơi an toàn trước khi sử dụng tính năng này.

Khi Tài khoản Google của bạn được liên kết với một tài khoản người dùng hợp lệ, các điểm đến được lưu trên các thiết bị khác (nhà, nơi làm việc, mục ưa thích, các tìm kiếm trước đó, v.v.) có thể được hiển thị. Khi thiết bị và xe cùng đăng nhập vào một Tài khoản Google, việc thay đổi thông tin trên thiết bị cũng sẽ thay đổi thông tin đó trên Google Maps.

Google Play

Xe phải dừng lại để tải ứng dụng.
Đảm bảo dừng xe ở nơi an toàn trước khi sử dụng tính năng này.

# Thông tin người dùng

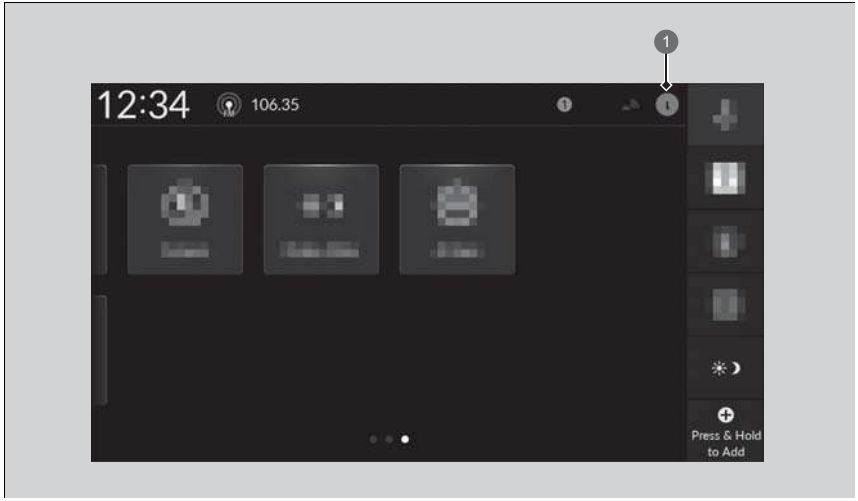


❶ Thông tin người dùng

Thông tin người dùng

Không thể sử dụng tính năng này khi đang lái xe.

Bạn có thể tùy chỉnh cài đặt riêng cho từng người dùng.

**Cài đặt hồ sơ** Tr. 539

Bạn có thể tùy chỉnh cài đặt bảo mật cho từng người dùng. Nếu quên cài đặt bảo mật, bạn sẽ phải xóa người dùng đó và tạo người dùng mới. Nếu quên cài đặt bảo mật cho người dùng Chủ sở hữu, hãy liên hệ với đại lý.

Một số tính năng không khả dụng cho người dùng mới tạo hoặc người dùng Khách.



*Còn nữa*

Bạn có thể thêm và thay đổi người dùng, cũng như tùy chỉnh các cài đặt người dùng.
Bằng cách đăng ký một người dùng, bạn có thể cá nhân hóa các cài đặt của xe.
Bạn có thể chọn người dùng khi màn hình âm thanh/thông tin đang tải, ngay cả khi các cửa đang mở hoặc không khóa.

Bằng cách liên kết hồ sơ của bạn với Tài khoản Google, bạn có thể tận hưởng trải nghiệm Google tích hợp được cá nhân hóa hơn. Để được hỗ trợ thêm về việc liên kết tài khoản, hãy truy cập trang web của Google.

## ■ Đăng ký người dùng

**1.** Chọn thông tin người dùng
- ▶ Bạn cũng có thể thêm người dùng bằng cách chọn **Profile Settings (Cài đặt hồ sơ)**.
  ➡ **Cài đặt hồ sơ** Tr. 539
- ▶ Bạn có thể thêm người dùng ngay cả khi các cửa đang mở hoặc không khóa.

**2.** Chọn **Change Profile**.

**3.** Chọn **+ Add User**.

**4.** Nhập thông tin người dùng.
➡ **Khởi động** Tr. 484

## ■ Đổi người dùng

**1.** Chọn thông tin người dùng
- ▶ Bạn cũng có thể thay đổi người dùng bằng cách chọn **Profile Settings (Cài đặt hồ sơ)**.
  ➡ **Cài đặt hồ sơ** Tr. 539
- ▶ Bạn có thể đổi người dùng ngay cả khi các cửa đang mở hoặc không khóa.

**2.** Chọn **Change Profile**.

**3.** Chọn người dùng mà bạn muốn sử dụng.

**»Đăng ký người dùng**

Chỉ có thể thay đổi hồ sơ khi đỗ xe.

Bạn có thể thêm tối đa 4 người dùng ngoài người dùng Chủ sở hữu và người dùng Khách.

Khi thêm người dùng, màn hình âm thanh/thông tin được tải dưới người dùng đó.

**»Đổi người dùng**

Chỉ có thể thay đổi hồ sơ khi đỗ xe.

Người dùng có cài đặt bảo mật tùy chỉnh có thể hạn chế thao tác trên màn hình bằng cách chọn phím tắt **Screen Lock (Khóa màn hình)**.



*Còn nữa*

## ■ Xóa người dùng

**1.** Chọn **Profile Settings**.
**2.** Chọn **Manage Profile**.
**3.** Chọn **Profiles & accounts**.
**4.** Chọn **Delete your profile**.

Xóa người dùng

Khi xóa hồ sơ người dùng đang được sử dụng, màn hình âm thanh/thông tin được tải dưới người dùng Khách.

Khi đang sử dụng người dùng Chủ sở hữu, bạn có thể xóa người dùng khác thông qua Cài đặt chung → Cài đặt nâng cao.

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 540

Tùy thuộc vào phiên bản OS, các bước xóa người dùng có thể khác với hướng dẫn trên trang này. Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình.

# Cài đặt hồ sơ

Bạn có thể thêm và thay đổi người dùng, cũng như tùy chỉnh các cài đặt người dùng.

## ■ Cách tùy chỉnh cài đặt hồ sơ

Ấn nút HOME, chọn **Profile Settings (Cài đặt hồ sơ)**, và chọn mục cài đặt mà bạn muốn.

### ■ Thay đổi hồ sơ

Bạn có thể thay đổi và thêm người dùng.

**Thông tin người dùng** Tr. 535

### ■ Quản lý hồ sơ

Sử dụng **Manage Profile (Quản lý hồ sơ)** để thay đổi cài đặt hồ sơ. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

**Cài đặt hồ sơ**

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.
- Đặt phanh đỗ.

# Tính năng tùy chỉnh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

## ■ Cách tùy chỉnh các cài đặt chung

Với chế độ nguồn BẬT, chọn **General Settings (Cài đặt chung)**, sau đó chọn một mục cài đặt.

▨Tính năng tùy chỉnh

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.

■ **Hệ thống**

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Date & Time (Ngày và giờ)** | **Set Date & Time** | **Automatic Date & Time** | Chọn **ON** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF** để hủy chức năng này. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | **Set Date** | Điều chỉnh ngày. ➡ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 499 | — |
| | | **Set Time** | Điều chỉnh đồng hồ. ➡ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 499 | — |
| | **Time Zone*** | **Automatic Time Zone** | Cài đặt hệ thống định vị để tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe ở các múi giờ khác nhau. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | (Chọn múi giờ) | Thay đổi múi giờ thủ công. | — |
| | **Auto Daylight Saving Time*** | | Cài đặt đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Date & Time (Ngày và giờ)** | **Date Format** | Cài đặt định dạng ngày. | **Day-of-week, MM DD,YYYY/ YYYY.MM.DD Day-of-week/ YYYY.MM.DD (Day-of-week)/ Day-of-week DD.MM.YYYY/ DD.MM.YYYY** (Thứ, Tháng, Ngày, Năm/ Năm.Tháng.Ngày.Thứ/ Năm.Tháng.Ngày (Thứ)/ Thứ Ngày.Tháng.Năm/ Ngày.Tháng.Năm) |
| | **Time Format** | Chọn kiểu hiển thị đồng hồ **12-H** hoặc **24-H**. | **12-H**/**24-H** (12H/24H) |
| **Language (Ngôn ngữ)** | | Thay đổi ngôn ngữ hiển thị. | **English**[*1] (Tiếng Anh[*1]), **Chinese**[*1] (Tiếng Trung[*1]), **Arabic**[*1] (Tiếng Ả Rập[*1]), hoặc **Bahasa Indonesia** (Tiếng Indonesia) Một số ngôn ngữ có thể không có ở tất cả các khu vực. Kiểm tra màn hình âm thanh/thông tin để biết các tùy chọn có sẵn. |
| **Touch Panel Sensitivity (Độ nhạy của bảng điều khiển cảm ứng)** | | Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển cảm ứng. | **Low**/**High** (Thấp/Cao) |

*1: Cài đặt mặc định thay đổi tùy từng loại xe.

| | Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **About (Về)** | **IP address** | Hiển thị các mục cài đặt Android. | — |
| | **Wi-Fi MAC address** | | |
| | **Bluetooth MAC address** | | |
| | **Serial Number** | | |
| | **Up Time** | | |
| | **Model Number** | | |
| | **Android Version** | | |
| | **Kernel Version** | | |
| | **Build Number** | | |
| | **Software Version** | | |
| **Factory Data Reset (Khôi phục cài đặt gốc)** | | Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc.<br>➡ **Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định** Tr. 560 | **Cancel/Continue** (Hủy/Tiếp tục) |

■ **Kết nối**

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Manage Device Connections (Quản lý kết nối thiết bị)** | **Options (Tùy chọn)** | **Bluetooth** | Bật và tắt *Bluetooth®* | **On**/**Off** (Bật/Tắt) |
| | | **Priority Device Information** | Hiển thị thiết bị ưu tiên. | — |
| | | **Change Name** | Thay đổi tên xe để cài đặt kết nối *Bluetooth®*. | — |
| | | **Smartphone Projection Screen Size** | Thay đổi kích thước màn hình chiếu điện thoại thông minh. | **Normal**/**Wide** (Bình thường/Rộng) |
| | | **Smartphone Projection Error Code** | Hiển thị (các) mã lỗi của tính năng chiếu hình từ điện thoại. | — |
| | **+ Connect New Device** | | Ghép đôi điện thoại mới với HFT.<br>➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566 | — |
| | (Các thiết bị đã lưu) | | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566 | — |

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Wi-Fi** | **Options (Tùy chọn)** | **Wi-Fi** | Cho phép xe kết nối Wi-Fi. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | **Add Network** | Cho phép bạn kết nối với một mạng mới bên ngoài. | — |
| | | **Saved Networks** | Xóa mạng đã lưu hoặc thay đổi cài đặt quyền cập nhật cho mạng đã chọn. | — |
| **Access Point (Điểm truy cập)** | **Options (Tùy chọn)** | **Access Point** | Cho phép kết nối mạng không dây từ điện thoại tới xe. Bật tính năng này để vận hành ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto bằng mạng không dây. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | **Edit Access Point Settings** | Cho phép bạn xác nhận các cài đặt điểm phát sóng và chỉnh sửa thông tin kết nối điểm phát sóng. | — |
| **Data Connection Options (Tùy chọn kết nối dữ liệu)** | **Set up Wi-Fi** | | Thiết lập điểm phát sóng cá nhân (chia sẻ kết nối điện thoại).<br>➲ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 524 | — |

■ **Bảo mật**

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Data Sharing with Honda** | | **Vô hiệu hóa** và **Kích hoạt** chia sẻ dữ liệu | **Disable/Enable** (Vô hiệu hóa/ Kích hoạt) |
| **Micro** | | Bật và tắt micro. Có thể sử dụng e-call ở bất kỳ cài đặt nào. | |
| **Location** | | Thiết lập quyền chia sẻ dữ liệu cho từng chức năng. | |
| **Infotainment system data** | | | |
| **App permissions** | | | |
| **System-wide Permission Settings** | | | |
| **Data sharing with Google**[*1] | | | |
| **Ads**[*1] | | | |
| **Google legal**[*1] **(Pháp lý Google**[*1]**)** | **Google Terms of Service**[*1] **(Điều khoản dịch vụ của Google**[*1]**)** | Hiển thị Google URL. | — |
| | **Google Privacy Policy**[*1] **(Chính sách bảo mật của Google**[*1]**)** | | |

*1: Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin. Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ **Màn hình**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Brightness (Độ sáng)** | Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. | — |
| **Contrast (Độ tương phản)** | Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/ thông tin. | — |
| **Black Level (Độ tối)** | Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin. | — |
| **Display OFF (TẮT màn hình)** | Tắt sáng màn hình âm thanh/thông tin. | — |

■ **Âm thanh**

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **Bass/Mid/Treble (Trầm/Trung/ Bổng)** | **Treble** | Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh.<br>➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 502 | — |
| | **Midrange** | | |
| | **Bass** | | |
| **Audio Zones & Balance/Fader*** **(Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm*)** | | | |
| **Bose Centerpoint Surround*** **(Âm thanh vòm Bose Centerpoint*)** | | | |
| **Bose Dynamic Speed Compensation*** **(Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose*)** | | | |
| **Balance/Fader* (Cân bằng/Giảm âm*)** | | | |
| **Speed Volume Compensation*** **(Bù âm lượng theo tốc độ*)** | | | |

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



*Còn nữa*

## ■ Âm lượng âm thanh

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **System Sounds (Âm thanh hệ thống)** | Điều chỉnh cài đặt âm lượng âm thanh. | — |
| **Voice Recognition (Nhận dạng giọng nói)** | | |
| **Navigation Guidance (Dẫn hướng định vị)** | | |
| **Phone Calls (Cuộc gọi điện thoại)** | | |

■ **Camera**

| Tính năng tùy chỉnh | | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|---|
| **Rear Wide Camera*** **(Camera góc rộng phía sau*)** | **Guidelines** | **Fixed Guideline** | Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 789 | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | **Dynamic Guideline** | Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 789 | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| **Multi View Camera*** **(Camera đa hướng*)** | **Guidelines** | **Fixed Guideline** | Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera đa hướng*** Tr. 791 | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | **Dynamic Guideline** | Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng.<br>➔ **Camera đa hướng*** Tr. 791 | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | **Customise** | **Show after shifting from Reverse** | Chọn xem có hiển thị hình ảnh từ camera phía trước sau khi sang số từ số R sang D hay không. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | | **Auto display when obstacle is detected** | Hiển thị hình ảnh từ camera phía trước khi cảm biến đỗ phát hiện vật cản. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|---|
| **LaneWatch* (Quan sát làn đường*)** | **Show with indicator** | Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan sát làn đường khi bạn gạt cần xi nhan để báo rẽ trái*1/phải*2 . | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| | **Hiển thị thời gian sau khi đèn báo tắt** | Thay đổi khoảng thời gian màn hình Quan sát làn đường sáng sau khi cần xi nhan trở về vị trí giữa. | **0 second/2 seconds** (0 giây/2 giây) |
| | **Hiển thị đường tham chiếu** | Chọn bật hoặc tắt các đường tham chiếu màn hình Quan sát làn đường. | **OFF**/**ON** (TẮT/BẬT) |
| **Cross Traffic Monitor* (Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường*)** | | Hiển thị mũi tên trên hình ảnh camera sau để biểu thị các xe đang đến từ các phía.<br>**Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường*** Tr. 785 | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |

*1: Loại vô lăng bên phải
*2: Loại vô lăng bên trái



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Điều khiển bằng giọng nói**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Default Assist App (Ứng dụng hỗ trợ mặc định)** | Chọn ứng dụng trợ lý. | **None**/**Google Assistant** (Không/Trợ lý Google) |
| **Listen for "Hey Siri"**[*1] **(Lắng nghe "Hey Siri"**[*1]**)** | Kích hoạt Siri khi nói *"Hey Siri"*. | **ON**/**OFF** (BẬT/TẮT) |
| **Google Assistant (Trợ lý Google)** | Thiết lập chức năng **Trợ lý Google**. | — |

*1: Kích hoạt khi kết nối điện thoại iPhone.

■ **Security**
Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt bảo mật. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ **Google**
Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt Google. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ **Cài đặt nâng cao**
Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt hệ thống nâng cao. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

## ■ Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe

Với chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút HOME, sau đó chọn **Vehicle Settings (Cài đặt xe)** và chọn một mục cài đặt.

■ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp***

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Deflation Warning System (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp)** | Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp. ➡ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*** Tr. 659 | **Khởi tạo** |

■ **Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Preceding vehicle proximity warning distance (Khoảng cách cảnh báo khi xe phía trước ở gần)** | Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo. ➡ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677 | **Far/Normal*1/Near** (Xa/Trung bình*1/Gần) |
| **Head-up warning* (Cảnh báo trên kính chắn gió*)** | Bật/Tắt đèn cảnh báo cho cảnh báo nhấp nháy trên màn hình hiển thị trên kính chắn gió. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **ACC vehicle ahead detected beep (Âm báo phát hiện xe phía trước ACC)** | Bật/Tắt thông báo bằng âm thanh khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm vi kiểm soát hành trình thích ứng. ➡ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707 | **ON/OFF***1 (BẬT/TẮT*1) |
| **Lead Car Departure Notification System* (Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*)** | Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành. ➡ **Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*** Tr. 751 | **Normal*1/Early/OFF** (Bình thường*1/Sớm/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Road departure mitigation setting (Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường)** | Chọn chế độ hoạt động của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.<br>➡ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 697 | Loại xe tại Châu Đại Dương<br>**Early/Normal/Delayed**[*1] (Sớm/Bình thường/Muộn[*1])<br>Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương<br>**Warning only/Early/Normal**[*1]**/Delayed** (Chỉ cảnh báo/Sớm/Bình thường[*1]/Muộn) |
| **Lane keep assist beep (Tiếng bíp cảnh báo hỗ trợ giữ làn đường)** | Bật và tắt tiếng bíp cảnh báo tạm dừng LKAS và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*.<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729<br>➡ **Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường** Tr. 742 | **ON/OFF**[*1] (BẬT/TẮT[*1]) |
| **Blind spot information* (Thông tin điểm mù*)** | Chọn Bật/Tắt cảnh báo bằng âm thanh hệ thống thông tin điểm mù.<br>➡ **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 665 | **Audible And Visual Alert**[*1]**/Visual Alert Only** (Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh[*1]/Chỉ cảnh báo bằng hình ảnh) |
| **Traffic sign recognition system display* (Hiển thị hệ thống nhận diện biển báo giao thông*)** | Hiển thị hệ thống nhận diện biển báo giao thông trên bảng điều khiển.<br>➡ **Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756 | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Traffic sign recognition system over speed warning* (Cảnh báo hệ thống nhận dạng biển báo giao thông vượt quá tốc độ*)** | Bật cảnh báo vượt quá tốc độ khi vượt quá giới hạn tốc độ.<br>➡ **Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756 | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Driver attention monitor (Theo dõi mức độ tập trung của người lái)** | Thay đổi cài đặt cho chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái.<br>➡ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái** Tr. 173, 202 | **OFF/Tactile alert only/Tactile and audible alert**[*1] (TẮT/Chỉ cảnh báo bằng rung vô lăng/Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh[*1]) |
| **Rear Sensor Setting* (Cài đặt cảm biến sau*)** | Bật hoặc tắt cảm biến đỗ phía sau.<br>➡ **Hệ thống cảm biến đỗ** Tr. 779 | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Cài đặt đồng hồ đo (Đồng hồ đo/Cài đặt màn hình hiển thị trên kính chắn gió)**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Adjust outside temp. display (Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời)** | Điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng lên hoặc giảm xuống.<br>➡ **Nhiệt độ ngoài trời** Tr. 162 | **-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C** |
| **"Trip A" reset timing (Thời điểm đặt lại "Hành trình A")** | Chọn thời điểm đặt lại Hành trình A.<br>➡ **Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình** Tr. 167, 196<br>➡ **Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình** Tr. 169, 198 | **When Fully Refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset**[*1] (Khi được nạp đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công[*1]) |
| **"Trip B" reset timing (Thời điểm đặt lại "Hành trình B")** | Chọn thời điểm đặt lại Hành trình B.<br>➡ **Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình** Tr. 167, 196<br>➡ **Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình** Tr. 169, 198 | **When Fully Refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset**[*1] (Khi được nạp đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công[*1]) |
| **Alarm volume control (Điều khiển âm lượng cảnh báo)** | Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở. | **Max/Mid**[*1]**/Min** (Tối đa)/(Trung bình)[*1]/(Tối thiểu) |
| **Fuel efficiency backlight (Đèn nền tiết kiệm nhiên liệu)** | Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Turn by turn display (Màn hình hướng dẫn từng bước)** | Bật/tắt thông tin bật lên trong hướng dẫn chỉ đường từng bước trên giao diện thông tin người lái. ➡ **Dẫn đường chi tiết** Tr. 171 | **ON***1**/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Rear seat reminder (Nhắc ghế sau)** | Bật và tắt tính năng Nhắc ghế sau. | **ON***1**/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Fuel Economy Unit*** **(Đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu*****)** | Chọn đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu. | **km/l***1**/ l/100km** |
| **Tachometer*** **(Đồng hồ đo tốc độ động cơ*****)** | Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. | **ON***1**/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

**■ Cài đặt Hệ thống mở cửa không chìa khóa**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Keyless access beep volume (Âm lượng tiếng bíp phát ra từ hệ thống mở cửa không chìa khóa)** | Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa. | **High***1**/Low** (Cao*1/Thấp) |
| **Keyless access light flash (Đèn hệ thống mở cửa không chìa khóa nhấp nháy)** | Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa cửa. | **ON***1**/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Keyless access beep (Tiếng bíp phát ra từ hệ thống mở cửa không chìa khóa)** | Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa. | **ON***1**/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Remote start system ON/OFF*** **(Hệ thống khởi động từ xa BẬT/TẮT*****)** | Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa. | **ON***1**/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Thiết lập vị trí lái xe***

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Memory position link (Liên kết vị trí ghi nhớ)** | Bật/tắt hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Seat Position Movement At Entry/Exit (Di chuyển vị trí ghế khi vào/ra xe)** | Di chuyển ghế về phía sau khi bạn vào/ra khỏi xe. Thay đổi cài đặt cho tính năng này. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

■ **Cài đặt chiếu sáng**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Auto High-Beam (Đèn pha thích ứng tự động)** | Bật và tắt chiếu xa tự động. | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |
| **Interior light dimmer duration (Thời gian sáng của các đèn trong xe)** | Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa. ➔ **Đèn trong xe** Tr. 303 | **60sec/30sec**[*1]**/15sec** (60 giây/30 giây[*1]/15 giây) |
| **Headlight auto OFF timer (Thời gian TẮT tự động đèn chiếu xa)** | Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái. ➔ **Tính năng tắt đèn tự động** Tr. 263 | **60sec/30sec/15sec**[*1]**/0sec** (60 giây/30 giây/15 giây[*1]/ 0 giây) |
| **Headlight integration with wipers (Đèn chiếu sáng tích hợp cần gạt nước)** | Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng khi vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở **AUTO**. ➔ **Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước** Tr. 263 | **ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Cài đặt cửa**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Auto door lock*** **(Khóa cửa tự động*)** | Thay đổi cài đặt cho tính năng khóa cửa tự động. | **With vehicle speed*1/Shift from P/OFF** (Với tốc độ xe*1/ Sang số từ P/TẮT) |
| **Auto door unlock*** **(Mở khóa cửa tự động*)** | Thay đổi cài đặt mở khóa tự động các cửa. | **All doors with Shift to P*1/ All Doors When Ignition Switched OFF/OFF** (Tất cả các cửa khi sang số P*1/Tất cả các cửa khi khóa điện chuyển sang TẮT/TẮT) |
| **Walk away lock (Khóa cửa khi ra khỏi xe)** | Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe. | **ON/OFF*1** (BẬT/TẮT*1) |
| **Keyless lock notification (Thông báo khóa không cần chìa khóa)** | Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng bằng chìa khóa điều khiển từ xa. ➡ **Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa** Tr. 229 | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Auto Folding Door Mirror*** **(Tự động cụp gương cửa*)** | Thay đổi hoạt động tự động cụp gương cửa. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Lock Presetting (Cài đặt trước tính năng khóa)** | Thay đổi cài đặt chức năng cài đặt trước khóa. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Keyless Remote Power Window Control* (Điều khiển cửa kính điện bằng chìa khóa điều khiển từ xa*)** | Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Cài đặt cửa hậu điện***

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Keyless Open Mode (Chế độ mở không chìa khóa)** | Thay đổi cài đặt chế độ mở cửa từ xa khi cửa hậu điện mở. | **Anytime*1/When Unlocked** (Bất cứ khi nào*1/Khi mở khóa) |
| **Power Open By Outer Handle (Mở điện bằng tay nắm bên ngoài)** | Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng tay nắm bên ngoài cửa hậu. | **ON** (BẬT) **(Bằng điện/Bằng tay)***1/ **OFF** (TẮT) **(Chỉ thủ công)** |
| **Hands Free Access* (Mở cửa rảnh tay*)** | Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng cách huơ chân dưới tấm cản sau. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

■ **Thiết lập hệ thống điều hòa không khí***

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Driver seat automatic climate control (Điều hòa không khí tự động cho ghế người lái)** | Điều hòa không khí tự động cho Ghế người lái với điều hòa không khí tự động. Thay đổi cài đặt điều khiển liên động. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |
| **Passenger seat automatic climate control (Điều hòa không khí tự động cho ghế hành khách)** | Điều hòa không khí tự động cho Ghế hành khách với điều hòa không khí tự động. Thay đổi cài đặt điều khiển liên động. | **ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT) |

*1: Cài đặt mặc định

■ **Thông tin bảo dưỡng**

| Tính năng tùy chỉnh | Mô tả | Cài đặt có thể lựa chọn |
|---|---|---|
| **Maintenance Info. (Thông tin bảo dưỡng.)** | Đặt lại thông tin bảo dưỡng. ➡ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 815 | **Reset** (Đặt lại) |

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định

Đặt lại tất cả các danh mục và cài đặt tùy chỉnh về các thiết lập mặc định của nhà sản xuất.

## ■ Mặc định các cài đặt xe

Chỉ người dùng Chủ sở hữu mới có thể thực hiện lệnh này.
Nếu hồ sơ hiện tại không phải là người dùng Chủ sở hữu, hãy đổi người dùng.

**Đổi người dùng** Tr. 537

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **System**.
**4.** Chọn **Factory Data Reset**.
▶ Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
**5.** Chọn **Continue**.
**6.** Chọn **Reset** để đặt lại các cài đặt.
▶ Hệ thống sẽ khởi động lại.

## ■ Mặc định các cài đặt xe

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Vehicle Settings**.
**3.** Chọn **Default All**.
**4.** Chọn **Yes**.

Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định

Khi bạn chuyển giao xe cho bên thứ ba, hãy đặt lại tất cả các thiết lập về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset (Khôi phục cài đặt gốc)**, các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

# Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

## ■ Nút HFT

❶ Công tắc **VOL**+**/VOL**− (Âm lượng)
❷ Vòng lựa chọn bên trái

**Vòng lựa chọn bên trái:** Cuộn lên hoặc xuống để chọn **Phone** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt **Bluetooth** phải ở **ON (BẬT)**. Nếu đang có kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, HFT/HFL sẽ không khả dụng.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói
- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Để thay đổi mức âm lượng, mức âm lượng có thể thay đổi theo âm lượng của hệ thống âm thanh.

Công nghệ *Bluetooth*® không dây
Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.



*Còn nữa*

## ■ Màn hình trạng thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

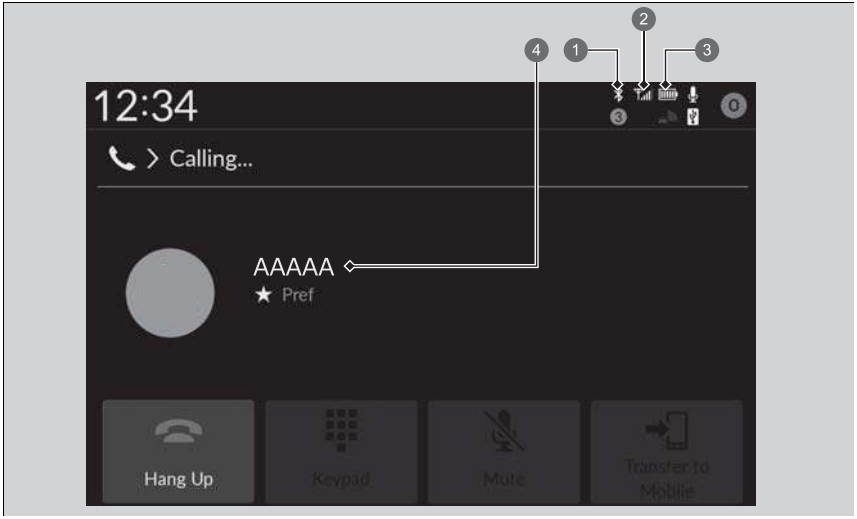


❶ Đèn báo *Bluetooth*
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
❷ Cường độ tín hiệu
❸ Trạng thái mức pin
❹ Tên người gọi (Nếu đã lưu)/Số điện thoại của người gọi (Nếu chưa lưu)

## ■ Hạn chế khi vận hành bằng tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Màn hình trạng thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/ thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

## Danh mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng hệ thống. Chọn **Phone (Điện thoại)** để hiển thị màn hình điện thoại.

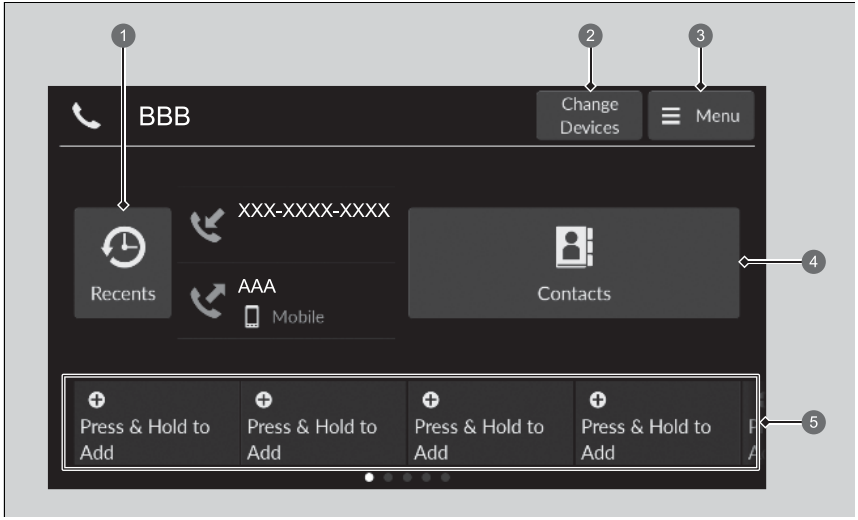


❶ **Recents (Cuộc gọi gần đây)**
❷ **Change Devices (Thay đổi thiết bị)**
❸ **Menu (Danh mục)**
❹ **Contacts (Danh bạ)**
❺ **Press & Hold to Add (Ấn và giữ để thêm)** (Danh sách mục hiện có)

Danh mục HFT

Để sử dụng HFT, bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống khi đang đỗ xe.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

*Còn nữa*

**Recents (Cuộc gọi gần đây):** Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.

➡ **Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi** Tr. 575

**Change Devices (Thay đổi thiết bị)**: Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 566

**Menu (Danh mục)**: Thay đổi các cài đặt điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 565

**Contacts (Danh bạ)**: Hiển thị danh ba của điện thoại đã ghép đôi.

➡ **Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu** Tr. 574

**Press & Hold to Add (Ấn và giữ để thêm)** (Danh sách mục hiện có): Quay số số đã chọn trong mục liên hệ yêu thích.

➡ **Liên hệ yêu thích** Tr. 571

## ■ Màn hình danh mục điện thoại

Để hiển thị màn hình danh mục điện thoại, chọn **Menu (Danh mục)** trên màn hình điện thoại.

**Keypad (Bàn phím)**: Nhập số điện thoại để gọi.

➡ **Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại** Tr. 574

**Latest Call History (Lịch sử cuộc gọi gần nhất)**: Cài đặt hiển thị hay không hiển thị truy cập nhanh lịch sử cuộc gọi trên màn hình điện thoại.

**Auto Sync Phone (Tự động đồng bộ điện thoại)**: Tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

➡ **Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi** Tr. 569

**Auto Phone Call Transfer (Chuyển cuộc gọi tự động)**: Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.

➡ **Tự động chuyển cuộc gọi** Tr. 570

**Ringtone**: Chọn nhạc chuông.

➡ **Nhạc chuông** Tr. 570



*Còn nữa*

## ■ Cài đặt điện thoại

### ■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*®.

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Connections**.
**4.** Chọn **Manage Device Connections**.
**5.** Chọn **Options**.
**6.** Đặt **Bluetooth** sang **ON**.

■ **Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)**

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Phone**.
**3.** Chọn **Connect New Device**.
**4.** Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó chọn **Search for Devices**.
▶ HFT tự động tìm kiếm thiết bị *Bluetooth*®.
**5.** Chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách.
▶ Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện, hãy dùng điện thoại của bạn để tìm kiếm các thiết bị *Bluetooth*®.
Tìm kiếm Tên xe từ điện thoại của bạn.
▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
**6.** Chọn **Yes**.

Cài đặt điện thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích Bluetooth với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Lưu ý khi ghép đôi điện thoại:
- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

Sau khi ghép đôi điện thoại thành công, bạn có thể thấy một hoặc nhiều biểu tượng sau xuất hiện ở góc bên phải màn hình.
Những biểu tượng này có ý nghĩa như sau:

: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth*® và HFT.

: Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

: Điện thoại tương thích với Android Auto.



*Còn nữa*

### ■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

**1.** Đến màn hình điện thoại.
➔ **Danh mục HFT** Tr. 563
**2.** Chọn **Change Devices**.
**3.** Chọn **Go to Device List**.
**4.** Chọn điện thoại để kết nối.
▶ HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.
**5.** Chọn hoặc , .
**6.** Chọn **Yes**.

### ■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi

**1.** Đến màn hình điện thoại.
➔ **Danh mục HFT** Tr. 563
**2.** Chọn **Change Devices**.
**3.** Chọn **Go to Device List**.
**4.** Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
**5.** Chọn **Delete Device**.
**6.** Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.

**Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi**

Nếu không tìm thấy hoặc không có điện thoại nào được ghép đôi khi cố chuyển sang điện thoại khác, điện thoại ban đầu sẽ được kết nối lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn **+ Connect New Device (Kết nối thiết bị mới)** từ màn hình **Bluetooth**.

Bạn cũng có thể đổi kết nối bằng biểu tượng , biểu tượng icon, hoặc biểu tượng trong danh sách thiết bị.

Khi chọn hoặc , thì không thể chọn .

## ■ Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi

**■ Khi Tự động đồng bộ điện thoại được đặt thành BẬT:**
Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi sẽ tự động lưu vào hệ thống.

**■ Thay đổi cài đặt Tự động đồng bộ điện thoại**

**1.** Đến màn hình danh mục điện thoại.
➢ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 565
**2.** Chọn **Auto Sync Phone**.
**3.** Chọn **ON** hoặc **OFF**.

Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi

Ở một số điện thoại, bạn sẽ được yêu cầu cho phép lưu danh bạ điện thoại di động của mình.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

Di động

Công việc

Nhà riêng

Khác

Yêu thích

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.
Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối.



*Còn nữa*

## ■ Tự động chuyển cuộc gọi

Nếu bạn vào xe khi đang nói chuyện điện thoại, cuộc gọi đó có thể tự động chuyển sang HFT.

**1.** Đến màn hình danh mục điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 565

**2.** Chọn **Auto Phone Call Transfer**.

**3.** Chọn **ON** hoặc **OFF**.

## ■ Nhạc chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

**1.** Đến màn hình danh mục điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 565

**2.** Chọn **Ringtone**.

**3.** Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.

Nhạc chuông

**Vehicle**: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.
**Phone**: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

## ■ Liên hệ yêu thích

### ■ Để thêm liên hệ yêu thích

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **Phone**.
**3.** Chọn và giữ **Press & Hold to Add**.
**4.** Chọn **From Recents**, **From Contacts**, hoặc **Using Enter Number**.

Từ cuộc gọi gần đây, Từ danh bạ

**5.** Chọn số điện thoại

Sử dụng chức năng nhập số

**5.** Nhập số và chọn **Enter**.



*Còn nữa*

**■ Để chỉnh sửa liên hệ yêu thích**

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **Phone**.
**3.** Chọn và giữ một liên hệ yêu thích.
**4.** Chọn **Edit Favourites**.
**5.** Chọn cài đặt mong muốn.
**6.** Chọn **Enter** hoặc chọn loại.

**■ Thêm liên hệ yêu thích vào màn hình chính**

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **Phone**.
**3.** Chọn và giữ một liên hệ yêu thích.
**4.** Chọn **Add to Home**.

**■ Để xóa liên hệ yêu thích**

**1.** Ấn nút HOME .
**2.** Chọn **Phone**.
**3.** Chọn và giữ một liên hệ yêu thích.
**4.** Chọn **Remove Favourite**.

## Tạo cuộc gọi

Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ danh bạ, lịch sử cuộc gọi hoặc liên hệ yêu thích đã lưu.

❶ Danh mục

Tạo cuộc gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng Hệ thống điện thoại rảnh tay và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.



*Còn nữa*

**■ Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu**

**1.** Đến màn hình điện thoại.
➡ **Danh mục HFT** Tr. 563
**2.** Chọn **Contacts**.
**3.** Chọn một tên.
▶ Bạn có thể sắp xếp theo **First Name (Tên)** hoặc **Surname (Họ)**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
**4.** Chọn một số điện thoại.
▶ Quay số tự động bắt đầu.

**■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại**

**1.** Đến màn hình danh mục điện thoại.
➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 565
**2.** Chọn **Keypad**.
**3.** Chọn một số điện thoại.
▶ Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
**4.** Chọn **Call**.
▶ Quay số tự động bắt đầu.

### ■ Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu theo **All (Tất cả cuộc gọi)**, **Dialled (Cuộc gọi đã gọi)**, **Missed (Cuộc gọi nhỡ)**, hoặc **Received (Cuộc gọi đã nhận)**.

**1.** Đến màn hình điện thoại.

➔ **Danh mục HFT** Tr. 563

**2.** Chọn **Recents**.

▶ Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled**, **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.

**3.** Chọn một số điện thoại.

▶ Quay số tự động bắt đầu.

### ■ Để tạo cuộc gọi bằng số liên hệ yêu thích

**1.** Đến màn hình điện thoại.

➔ **Danh mục HFT** Tr. 563

**2.** Chọn liên hệ yêu thích mà bạn muốn gọi.

▶ Quay số tự động bắt đầu.

**»Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi**

Lịch sử cuộc gọi chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.



*Còn nữa*

## ■ Nhận cuộc gọi

Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra (nếu được hoạt động) và màn hình **Incoming Call...(Cuộc gọi đến...)** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn (trả lời), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

▶ Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn (bỏ qua) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nhận cuộc gọi

Cuộc gọi chờ
Chọn (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.
Chọn (bỏ qua) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng và trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

## ■ Tùy chọn khi đang gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi:
**Mute (Tắt tiếng)**: Tắt tiếng của bạn.
**Transfer to Mobile (Chuyển sang thiết bị di động)**: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.
**Keypad (Bàn phím)**: Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.

▶ Biểu tượng tắt tiếng xuất hiện khi chọn **Mute (Tắt tiếng)**. Chọn **Mute** thêm lần nữa để bật tiếng.

Tùy chọn khi đang gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

# Thông báo lỗi âm thanh*

Dưới đây là các ví dụ về thông báo lỗi. Nếu thông báo lỗi mà bạn thấy không được liệt kê bên dưới, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để xóa thông báo đó.

## iPod/Ổ USB flash

Nếu xảy ra lỗi khi đang bật iPod hoặc USB, một số thông báo lỗi sau có thể xuất hiện trên màn hình. Nếu bạn không thể xóa thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

| Thông báo lỗi | Giải pháp |
|---|---|
| **Faulty USB Device**<br>**Please check owner's manual**<br>**(Bad USB Device**<br>**Please check owners manual)**[*1] | Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị. Sau đó, tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại thiết bị đã gây ra lỗi. |
| **Connect Retry**[*1, *2] | Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Kết nối lại iPod. |
| **Unplayable File**[*1], [*2]<br>**The selected file cannot be played on this system**[*3] | Xuất hiện khi các tệp trong ổ USB flash được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này xuất hiện trong khoảng vài giây, sau đó sẽ phát tệp tiếp theo. |
| **No Data**[*1, *2, *3] | iPod<br>Xuất hiện khi iPod trống.<br>Ổ USB flash<br>Xuất hiện khi ổ USB flash trống hoặc không có tệp MP3, WMA, AAC, FLAC, PCM/WAVE, MP4*, AVI*, MKV*, hoặc tệp ASF/WMV* trong ổ USB flash.<br>iPod và ổ USB flash<br>Kiểm tra xem thiết bị có lưu các tệp tương thích không. |

*1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu
*2: Loại xe có Màn hình giải trí
*3: Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

| Thông báo lỗi | Giải pháp |
|---|---|
| **Unsupported**[*1, *2] | Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị. |
| **Error**[*3] | Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị.<br>Xuất hiện khi thiết bị có lưu các định dạng không được hỗ trợ. Kiểm tra xem thiết bị có lưu các tệp tương thích không. |
| **No response from device (Device No Response)**[*1, *2] | Xuất hiện khi hệ thống không liên lạc với thiết bị đã kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện sau khi kết nối với một thiết bị, hãy liên hệ với nơi bạn mua thiết bị. |
| **USB hub not supported**[*1, *2]<br>**USB Hub Unsupported**[*3] | Xuất hiện khi chỉ có một HUB được kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện, hãy kết nối ổ USB flash với HUB. |
| **A charging error has occurred with the connected USB device. When safe please check the compatibility of the device and USB cable and try again.**[*1, *2] | Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị. Sau đó, tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại thiết bị đã gây ra lỗi. |

*1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu
*2: Loại xe có Màn hình giải trí
*3: Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

# iPod, iPhone, và ổ USB flash tương thích

## ■ Mẫu iPod và iPhone tương thích

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

| Loại xe |
|---|
| Dành cho iPod nano (thế hệ thứ 7) phát hành năm 2012 |
| Dành cho iPod touch (từ thế hệ thứ 5 đến thế hệ thứ 7) phát hành trong giai đoạn từ 2012 đến 2019 |
| Dành cho iPhone 5/iPhone 5s/iPhone 5c/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6S/iPhone 6S Plus/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max/iPhone SE (từ thế hệ thứ 1 đến thế hệ thứ 3)/iPhone 12/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/iPhone 12 mini/iPhone 13/iPhone 13 Pro/iPhone 13 Pro Max/iPhone 13 mini/iPhone 14/iPhone 14 Plus/iPhone 14 Pro/iPhone 14 Pro Max |

Loại xe có Màn hình giải trí

| Loại xe |
|---|
| Dành cho iPod touch (từ thế hệ thứ 5 đến thế hệ thứ 6) phát hành trong giai đoạn từ 2012 đến 2015 |
| Dành cho iPhone 5s/iPhone 5c/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6S/iPhone 6S Plus/iPhone SE/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max/iPhone SE (thế hệ thứ 2)/iPhone 12/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/iPhone 12 mini |

Mẫu iPod và iPhone tương thích

Hệ thống này có thể không tương thích với tất cả phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

Đầu nối Lightning hoạt động với iPhone 5, iPhone 5s, iPhone 5c, iPhone 6, iPhone 6 Plus, iPhone 6S, iPhone 6S Plus, iPhone SE, iPhone 7, iPhone 7 Plus, iPhone 8, iPhone 8 Plus, iPhone X, iPhone XS, iPhone XS Max, iPhone XR, iPhone 11, iPhone 11 Pro, iPhone 11 Pro Max, iPhone SE (từ thế hệ thứ 1 đến thế hệ thứ 3), iPhone 12, iPhone 12 Pro, iPhone 12 Pro Max, iPhone 12 mini, iPhone 13, iPhone 13 Pro, iPhone 13 Pro Max, iPhone 13 mini, iPhone 14, iPhone 14 Plus, iPhone 14 Pro, iPhone 14 Pro Max, iPod nano (thế hệ thứ 7), iPod touch (thế hệ thứ 5, 6, 7).

USB hoạt động với iPhone 5, iPhone 5s, iPhone 5c, iPhone 6, iPhone 6 Plus, iPhone 6S, iPhone 6S Plus, iPhone SE, iPhone 7, iPhone 7 Plus, iPhone 8, iPhone 8 Plus, iPhone X, iPhone XS, iPhone XS Max, iPhone XR, iPhone 11, iPhone 11 Pro, iPhone 11 Pro Max, iPhone SE (từ thế hệ thứ 1 đến thế hệ thứ 3), iPhone 12, iPhone 12 Pro, iPhone 12 Pro Max, iPhone 12 mini, iPhone 13, iPhone 13 Pro, iPhone 13 Pro Max, iPhone 13 mini, iPhone 14, iPhone 14 Plus, iPhone 14 Pro, iPhone 14 Pro Max, iPod nano (thế hệ thứ 7), iPod touch (thế hệ thứ 5, 6, 7).

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

| Loại xe |
| --- |
| Dành cho iPod touch (thế hệ thứ 6)/iPod touch (thế hệ thứ 7) |
| Dành cho iPhone 5s/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6s/iPhone 6s Plus/iPhone SE/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/ iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max/ iPhone SE (thế hệ thứ 2)/iPhone 12 mini/iPhone 12/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/iPhone 13/iPhone 13 Pro/iPhone 13 Pro Max/iPhone 13 mini/iPhone SE (thế hệ thứ 3) |



*Còn nữa*

## ■ Ổ USB flash*

- Sử dụng USB khuyên dùng có dung lượng từ 256 MB trở lên hoặc định dạng cao hơn FAT16 hoặc FAT32.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số ổ USB flash (ví dụ: USB có khóa bảo mật) có thể không hoạt động.
- Một số tệp phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Mỗi hệ thống âm thanh tương thích với các định dạng sau. Một số định dạng có thể không được hỗ trợ.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

MP3, WMA, AAC, FLAC, WAV

Loại xe có Màn hình giải trí

MP3, WMA, AAC, FLAC, WAV, PCM/WAVE, MP4*, AVI*, MKV*, ASF/WMV*

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

MP3, WMA, AAC, FLAC, WAV, Opus, MP4, AVI, MKV, 3GPP, WebM, MPEG2-TS

### Ổ USB flash*

Các tệp trong ổ USB flash được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự được hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị của bạn.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có Màn hình giải trí

## ■ Các thiết bị khuyên dùng*

### ■ Tệp MP4

| Thiết bị | Ổ USB flash | |
|---|---|---|
| **Profile (phiên bản MP4)** | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | Profile đơn/Mức 5 (MPEG4) |
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản MP4)** | .mp4/.m4v | |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3 | |
| **Codec video tương thích** | MPEG4-AVC (H.264) | MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2) |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit** | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | 8 Mbps (MPEG4) |
| **Dung lượng ảnh tối đa** | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | 720 × 576 pixels (MPEG4) |

### ■ Tệp AVI

| Thiết bị | Ổ USB flash | | |
|---|---|---|---|
| **Profile (phiên bản AVI)** | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | Profile đơn/Mức 5 (MPEG4) | Profile cao cấp/Mức 2, Profile chính/Mức trung bình, Profile đơn/Mức trung bình (VC-1) |
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản AVI)** | .avi | | |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3, WMA | | |
| **Codec video tương thích** | MPEG4-AVC (H.264) | MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2) | VC-1 |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit** | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | 8 Mbps (MPEG4) | 20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1) |
| **Dung lượng ảnh tối đa** | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | 720 × 576 pixels (MPEG4) | 1.280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1) |

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



*Còn nữa*

■ **Tệp MKV**

| **Thiết bị** | Ổ USB flash | | |
|---|---|---|---|
| **Profile (phiên bản MKV)** | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | Profile đơn/Mức 5 (MPEG4) | Profile cao cấp/Mức 2, Profile chính/Mức trung bình, Profile đơn/Mức trung bình (VC-1) |
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản MKV)** | .mkv | | |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3 | | |
| **Codec video tương thích** | MPEG4-AVC (H.264) | MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2) | VC-1 |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit** | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | 8 Mbps (MPEG4) | 20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1) |
| **Dung lượng ảnh tối đa** | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | 720 × 576 pixels (MPEG4) | 1.280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1) |

■ **Tệp ASF/WMV**

| **Thiết bị** | Ổ USB flash | |
|---|---|---|
| **Profile (phiên bản ASF/WMV)** | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | Profile cao cấp/Mức 2, Profile chính/Mức trung bình, Profile đơn/Mức trung bình (VC-1) |
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản ASF/WMV)** | .asf/.wmv | |
| **Codec âm thanh tương thích** | WMA | |
| **Codec video tương thích** | MPEG4-AVC (H.264) | VC-1 |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit** | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | 20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1) |
| **Dung lượng ảnh tối đa** | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | 1.280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1) |

Loại xe có Màn hình giải trí

## ■ Các thiết bị khuyên dùng

### ■ Tệp MP4

| Thiết bị | Ổ USB flash | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản MP4)** | .mp4/.m4v | | | | |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3 | | | | |
| **Codec video tương thích**[*1] | MPEG4-AVC (H.264) | H.263 | H.265 HEVC | MEPG-4 SP | MPEG-2 |
| **Profile (phiên bản MP4)**[*1] | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | — | — | — | — |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit**[*1] | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | — | — | — | — |
| **Dung lượng ảnh tối đa**[*1] | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | — | — | — | — |

### ■ Tệp AVI

| Thiết bị | Ổ USB flash |
|---|---|
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản AVI)** | .avi |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3, WMA |
| **Codec video tương thích**[*1] | MPEG4-AVC (H.264) |
| **Profile (phiên bản AVI)**[*1] | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit**[*1] | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) |
| **Dung lượng ảnh tối đa**[*1] | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) |

*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

■ **Tệp MKV**

| **Thiết bị** | Ổ USB flash | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản MKV)** | .mkv | | | | | |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3 | | | | | |
| **Codec video tương thích**[*1] | MPEG4-AVC (H.264) | H.263 | H.265 HEVC | MPEG-2 | VP8 | VP9 |
| **Profile (phiên bản MKV)**[*1] | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | — | — | — | — | — |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit**[*1] | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | — | — | — | — | — |
| **Dung lượng ảnh tối đa**[*1] | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | — | — | — | — | — |



*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

■ **Tệp 3GPP**

| **Thiết bị** | Ổ USB flash | | |
|---|---|---|---|
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản 3GPP)** | .3gp | | |
| **Codec âm thanh tương thích** | MPEG-4, AAC LC (Độ phức tạp thấp) | | |
| **Codec video tương thích**[*1] | H.263 | H.264 | MPEG-4 SP |
| **Profile (phiên bản 3GPP)**[*1] | — | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) | — |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit**[*1] | — | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) | — |
| **Dung lượng ảnh tối đa**[*1] | — | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) | — |

■ **Tệp WebM**

| **Thiết bị** | Ổ USB flash | |
|---|---|---|
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản WebM)** | .webm | |
| **Codec âm thanh tương thích** | Opus | |
| **Codec video tương thích**[*1] | VP8 | VP9 |
| **Profile (phiên bản WebM)**[*1] | — | — |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit**[*1] | — | — |
| **Dung lượng ảnh tối đa**[*1] | — | — |

*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

■ **Tệp MPEG2-TS**

| **Thiết bị** | Ổ USB flash | |
|---|---|---|
| **Phần mở rộng tệp (phiên bản MPEG2-TS)** | .ts | |
| **Codec âm thanh tương thích** | AAC, MP3 | |
| **Codec video tương thích**[*1] | MPEG-2 | H.264 AVC |
| **Profile (phiên bản MPEG2-TS)**[*1] | — | Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC) |
| **Tốc độ truyền dữ liệu bit**[*1] | — | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC) |
| **Dung lượng ảnh tối đa**[*1] | — | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC) |



*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

# Giấy phép mã nguồn mở

Để xem thông tin giấy phép mã nguồn mở, thực hiện theo các bước sau.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

**1.** Ấn nút **MENU**.
**2.** Chọn **Licence** (**Giấy phép**).

Loại xe có Màn hình giải trí

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **System**.
**4.** Chọn **About**.
**5.** Chọn **Legal Information**.
**6.** Chọn **Licence** (**Giấy Phép**).

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

**1.** Ấn nút HOME.
**2.** Chọn **General Settings**.
**3.** Chọn **Advanced Settings**.
**4.** Chọn **System**.
**5.** Chọn **Legal Information**.
**6.** Chọn **Third-party licenses**.

# Thông tin giấy phép

## ■ Dolby AUDIO

Được sản xuất theo giấy phép của Dolby Laboratories. Dolby, Dolby Audio, Pro Logic và biểu tượng chữ D kép là các nhãn hiệu của Dolby Laboratories.

## ■ Bluetooth

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của ALPS ALPINE CO., LTD. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của Panasonic Automotive Systems Co., Ltd. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của MITSUBISHI ELECTRIC đều được cấp phép.
Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

*https://www.bluetooth.com/develop-with-bluetooth/marketing-branding/*

## ■ Windows Media

Sản phẩm này được bảo hộ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Microsoft. Không được phép sử dụng hoặc phân phối sản phẩm này ra bên ngoài nếu không có giấy phép từ Microsoft.

## ■ Apple

"Made for iPod" (Dành cho iPod), và "Made for iPhone" (Dành cho iPhone), nghĩa là phụ kiện điện tử đó được thiết kế để kết nối riêng với iPod hoặc iPhone và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về việc hoạt động của thiết bị này hay việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và quy định. Xin lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với iPod hoặc iPhone, có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của mạng không dây.

Apple, Logo Apple, iPhone, iPod touch, iPod nano là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Apple CarPlay, iPod, iPhone, iTunes, Siri và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc. App Store là một nhãn hiệu dịch vụ của Apple Inc.

Made for
iPhone | iPod



*Còn nữa*

## ■ MPEG

Mpeg4 Visual
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ MPEG-4 VISUAL CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN MPEG-4 VISUALA ("VIDEO MPEG-4") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO MPEG-4 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐÃ ĐƯỢC MPEG LA CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO MPEG-4. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG BAO GỒM THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG VÀ CẤP PHÉP CHO MỤC ĐÍCH QUẢNG CÁO, NỘI BỘ VÀ THƯƠNG MẠI TỪ MPEG LA, LLC.
XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM*.

VC-1
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ VC-1 CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN VC-1 ("VIDEO VC-1") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO VC-1 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO VC-1. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.
CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM*.

AVC/H.264
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN AVC ("VIDEO AVC") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.
CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM*.

# Thông tin pháp lý về Apple CarPlay/Android Auto*

## ■ GIẤY PHÉP TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THOẢ THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY, ĐƯỢC BAO GỒM NHƯ MỘT PHẦN CỦA CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH iOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY QUY ĐỊNH APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HAY BỊ NGƯNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT CỦA APPLE ĐỂ BIẾT CHI TIẾT VỀ VIỆC APPLE SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI CARPLAY.

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO TUÂN THEO THOẢ THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VÀ PHẢI ĐƯỢC CHẤP THUẬN KHI TẢI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VỀ ĐIỆN THOẠI ANDROID CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO QUY ĐỊNH GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HAY BỊ NGƯNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT CỦA GOOGLE ĐỂ BIẾT CHI TIẾT VỀ VIỆC GOOGLE SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ANDROID AUTO.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH; GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

BẠN XÁC NHẬN VÀ ĐỒNG Ý RÕ RÀNG RẰNG VIỆC SỬ DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC ANDROID AUTO (“CÁC ỨNG DỤNG”) LÀ HOÀN TOÀN DO RỦI RO CỦA BẠN VÀ TOÀN BỘ RỦI RO VỀ CHẤT LƯỢNG, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ NỖ LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỀU DO BẠN CHỊU TRONG PHẠM VI TỐI ĐA CHO PHÉP THEO LUẬT HIỆN HÀNH, VÀ RẰNG CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP “NGUYÊN TRẠNG” VÀ “SẴN CÓ”, VỚI TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ KHÔNG CÓ BẢO HÀNH DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO, VÀ HONDA TỪ CHỐI TẤT CẢ CÁC BẢO HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG, CHO DÙ LÀ RÕ RÀNG, NGẦM ĐỊNH HAY THEO LUẬT ĐỊNH, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO HÀNH NGẦM ĐỊNH VÀ/HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI, CHẤT LƯỢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, SỰ PHÙ HỢP CHO MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, SỰ YÊN TĨNH KHI SỬ DỤNG VÀ KHÔNG VI PHẠM QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC THÔNG TIN TRUYỀN MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYÊN ĐƯỢC HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN UỶ QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA. VÍ DỤ, VÀ KHÔNG GIỚI HẠN, HONDA TỪ CHỐI MỌI BẢO HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH CHÍNH XÁC CỦA DỮ LIỆU DO CÁC ỨNG DỤNG CUNG CẤP, CHẲNG HẠN NHƯ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA CHỈ DẪN, THỜI GIAN DI CHUYỂN ƯỚC TÍNH, GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG SÁ, TIN TỨC, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG HOẶC NỘI DUNG KHÁC DO APPLE, GOOGLE, CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA HỌ HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP BÊN THỨ BA CUNG CẤP; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO CHỐNG LẠI VIỆC MẤT DỮ LIỆU ỨNG DỤNG, DỮ LIỆU CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ LÚC NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG CÁC ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA CHÚNG SẼ LUÔN CÓ SẴN HOẶC RẰNG BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM HOẶC ĐỊA ĐIỂM CỤ THỂ NÀO. VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ NGƯNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V. CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN CŨNG HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ GIỚI HẠN CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

TRONG PHẠM VI LUẬT CHO PHÉP, HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC CÁC THIỆT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ NÀO BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, NHỮNG THIỆT HẠI GÂY THUA LỖ, LÀM HỎNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG TRUYỀN HOẶC NHẬN ĐƯỢC DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÁC GIAO DỊCH KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH NÀO KHÁC, PHÁT SINH THÊM HAY LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG HOẶC VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ, KHÔNG PHẢI DO VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG TỔN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ KHU VỰC, QUỐC GIA CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ HOẶC HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIỆT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY CÓ THỂ SẼ KHÔNG ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NÊU TRÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH CƠ BẢN.

# Lái xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.


**Trước khi lái xe** ..... 598
**Kéo rơ moóc** ..... 602
**Hướng dẫn lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa** ..... 609
**Khi lái xe**
- Khởi động động cơ ..... 611
- Biện pháp phòng ngừa khi lái xe ..... 617
- Hộp số vô cấp ..... 619
- Sang số ..... 620, 622
- Chế độ ECON ..... 627
- Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* 628
- Hệ thống hỗ trợ đổ đèo ..... 635
- Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh* 637
- Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh* ..... 644
- Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) ..... 652
- Hỗ trợ xử lý nhanh ..... 654
- Hệ dẫn động bốn bánh (AWD) thời gian thực với Hệ thống điều khiển thông minh* ..... 655

Loại xe tại Đài Loan
- Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS) ..... 656

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan
- Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* ..... 659
- Hệ thống thông tin điểm mù* ..... 665
- Quan sát làn đường* ..... 669
- Điều chỉnh phân bố đèn chiếu sáng* ..... 673

**Honda SENSING** ..... 674
- Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) ..... 677
- Điều khiển phanh ở tốc độ thấp* ..... 691
- Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ..... 697
- Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp ..... 707
- Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ..... 729
- Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường ..... 742
- Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* 751
- Hệ thống nhận diện biển báo giao thông* 756
- Camera cảm biến phía trước ..... 763
- Cảm biến ra-đa ..... 765
- Cảm biến siêu âm* ..... 766

**Phanh** ..... 767
**Đỗ xe** ..... 777
**Camera lùi đa hướng*** ..... 789
**Camera đa hướng*** ..... 791
**Nạp nhiên liệu** ..... 805
**Tiết kiệm nhiên liệu và khí thải $CO_2$** ..... 809
**Xe có động cơ tăng áp** ..... 810


* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Chuẩn bị lái xe

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

## ■ Kiểm tra bên ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
  - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
  - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái xe hoặc ảnh hưởng đến những người tham gia giao thông khác. Nếu tuyết đã đóng cứng, gạt bỏ khi đã tan bớt.
  - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
  - ▶ Nếu nắp ca-pô mở ra khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
  - ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
    ➡ **Kiểm tra và bảo dưỡng** Tr. 849
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
  - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

Kiểm tra bên ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa, vì việc này có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa.
Sẽ không thể cắm chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong lỗ khóa.

Nhiệt từ động cơ và khí xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám dưới nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe trong một thời gian dài, hãy kiểm tra và loại bỏ bất kỳ rác vụn nào có thể đã tích tụ, chẳng hạn như cỏ khô và lá rụng hoặc những vật liệu mà động vật nhỏ mang vào để làm tổ. Đồng thời kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó thực hiện bảo dưỡng xe.

## ■ Kiểm tra bên trong

- Để hoặc cố định chắc chắn tất cả các đồ vật trên xe.
  ▶ Chở quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
  ➔ **Giới hạn tải trọng** Tr. 601
- Không để các đồ vật cao hơn lưng ghế.
  ▶ Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước trong trường hợp phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
  ▶ Đồ vật hoặc thảm lót sàn không được cố định chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có vật nuôi trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
  ▶ Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
  ▶ Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
  ➔ **Ghế ngồi** Tr. 283
  ➔ **Điều chỉnh tựa đầu ghế trước** Tr. 297
- Điều chỉnh gương và vô lăng đúng cách.
  ▶ Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
  ➔ **Gương** Tr. 279
  ➔ **Điều chỉnh vô lăng** Tr. 278

Kiểm tra bên trong

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở các vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo theo rơ moóc*, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng bằng tay

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.
➔ **Điều chỉnh đèn chiếu sáng*** Tr. 267

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động

Xe được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc thẳng đứng của đèn chiếu gần.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

- Đảm bảo các đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lăn dưới các ghế.
  ▶ Chúng có thể gây cản trở khả năng vận hành bàn đạp của người lái, hoặc việc vận hành các ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
  ➔ **Thắt dây đai an toàn** Tr. 53
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
  ▶ Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
  ➔ **Đèn báo** Tr. 136

# Giới hạn tải trọng

Khi bạn chất hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá trọng tải tối đa cho phép.

➔ **Thông số kỹ thuật** Tr. 940

Tải lên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng trục tối đa cho phép.

➔ **Thông số kỹ thuật** Tr. 940

Giới hạn tải trọng

**⚠CẢNH BÁO**

Tải quá nặng hoặc xếp tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc xử lý và độ cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị thương hoặc tử vong.

Tuân theo tất cả các giới hạn tải trọng và các hướng dẫn xếp tải trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ moóc và không thể kéo rơ moóc một cách an toàn, cũng như không thể lắp móc kéo vào xe. Không lắp móc kéo hoặc kéo xe bằng xe của bạn.

Loại xe tại Châu Đại Dương

## Chuẩn bị kéo

### ■ Giới hạn tải trọng kéo

Xe của bạn có thể kéo rơ moóc nếu bạn tuân thủ cẩn thận giới hạn tải trọng, sử dụng thiết bị phù hợp và tuân thủ hướng dẫn kéo. Kiểm tra giới hạn tải trọng trước khi lái xe.

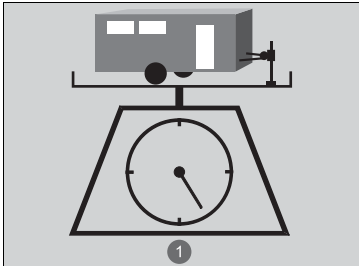


❶ Tổng tải trọng

**■ Tổng trọng lượng rơ moóc**

Không được vượt quá trọng lượng kéo tối đa của rơ moóc và thanh kéo (có/không có phanh), hành lý và mọi thứ trên hoặc trong rơ moóc. Việc kéo tải trọng vượt quá trọng lượng kéo tối đa có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng vận hành và hiệu suất của xe và có thể làm hỏng động cơ và hệ thống truyền động.

Giới hạn tải trọng kéo

**⚠CẢNH BÁO**

Vượt quá giới hạn tải trọng hoặc xếp tải lên xe và rơ moóc không đúng cách có thể gây ra tai nạn khiến bạn bị thương nặng hoặc tử vong.

Hãy kiểm tra kỹ tải trọng của xe và rơ moóc trước khi bắt đầu lái.

Kiểm tra xem tất cả tải trọng có nằm trong giới hạn cho phép của cân công cộng hay không.
Nếu không có cân công cộng, hãy cộng trọng lượng ước tính của hành lý bạn chở với trọng lượng rơ moóc (do nhà sản xuất công bố) và tải trọng mũi rơ moóc.

Thời gian chạy rà.
Tránh kéo rơ moóc trong 1.000 km đầu tiên của xe.

Khi sử dụng thiết bị kéo có thể tháo rời, hãy luôn tháo thiết bị kéo khi không sử dụng và chỉ lắp đặt khi kéo để không che phủ hoặc che khuất bất cứ thứ gì ở phía sau xe, chẳng hạn như đèn chiếu sáng bên ngoài hoặc biển số xe.

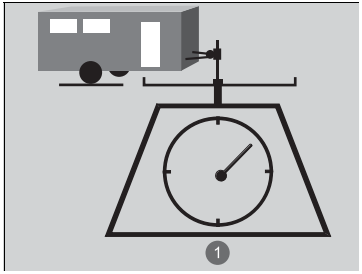


❶ Tải trọng mũi rơ moóc

## ■ Tải trọng mũi rơ moóc

Tải trọng mũi rơ moóc không bao giờ được vượt quá 100 kg. Đây là lượng trọng tải mà rơ moóc tác dụng lên thanh kéo khi được chất đầy tải. Theo nguyên tắc chung, đối với rơ moóc có trọng lượng dưới 1.000 kg, tải trọng mũi rơ moóc nên chiếm 10% tổng trọng lượng của toàn bộ rơ moóc.

- Tải trọng mũi rơ moóc quá lớn sẽ làm giảm độ bám đường của lốp trước và khả năng kiểm soát lái. Tải trọng mũi rơ moóc quá nhỏ có thể khiến rơ moóc mất ổn định và bị lắc lư.
- Để đạt được tải trọng mũi rơ moóc phù hợp, hãy bắt đầu bằng cách chất 60% tải trọng về phía trước rơ moóc và 40% về phía sau. Điều chỉnh tải trọng nếu cần thiết.

Giới hạn tải trọng kéo

Không bao giờ được vượt quá trọng lượng kéo tối đa và giới hạn tải trọng quy định.

➔ **Thông số kỹ thuật** Tr. 940

Nếu bạn kéo rơ moóc điều kiện đường núi, hãy nhớ giảm 10% tổng trọng lượng của xe khỏi trọng lượng kéo tối đa cho mỗi 1.000 mét độ cao.



*Còn nữa*

## ■ Thiết bị và phụ kiện kéo xe

Thiết bị kéo sẽ khác nhau tùy theo kích thước rơ moóc của bạn, lượng tải bạn kéo và nơi bạn kéo.

### ■ Thanh kéo

Thanh kéo phải là loại được phê duyệt và được bắt chặt vào gầm xe.

### ■ Xích an toàn

Luôn sử dụng xích an toàn khi kéo rơ moóc. Để lại độ chùng để rơ moóc có thể dễ dàng vào cua, nhưng không để xích bị kéo lê trên mặt đất.

### ■ Phanh rơ moóc

Nếu bạn đang cân nhắc mua một rơ moóc có trang bị phanh, hãy đảm bảo rằng hệ thống phanh đó được kích hoạt bằng điện. Không cố gắng tác động vào hệ thống thủy lực của xe. Cho dù có vẻ thành công đến đâu, bất kỳ nỗ lực nào nhằm gắn hệ thống phanh của rơ moóc vào hệ thống thủy lực của xe bạn đều sẽ làm giảm hiệu quả phanh và tạo ra nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn.

### ■ Thiết bị kéo bổ sung

Có thể có các quy định pháp luật yêu cầu sử dụng gương chiếu hậu ngoài đặc biệt khi kéo rơ moóc. Ngay cả khi địa phương của bạn không yêu cầu gương chiếu hậu, bạn vẫn nên lắp gương chiếu hậu đặc biệt nếu tầm nhìn bị hạn chế.

Thiết bị và phụ kiện kéo xe

Đảm bảo tất cả các thiết bị được lắp đặt và bảo trì đúng cách và đáp ứng các quy định của quốc gia nơi bạn đang lái xe.

Hãy tham khảo ý kiến của đại lý bán hoặc cho thuê rơ moóc nếu có bất kỳ vật dụng nào khác được khuyến nghị hoặc yêu cầu cho tình huống kéo xe của bạn.

Hãy tham khảo ý kiến của nhà sản xuất rơ moóc để lắp đặt và thiết lập thiết bị đúng cách.
Việc lắp đặt và thiết lập không đúng cách có thể ảnh hưởng đến các bộ phận điện, khả năng xử lý, độ ổn định và hiệu suất phanh của xe.

Hệ thống đèn và dây điện của rơ moóc có thể khác nhau tùy theo loại và thương hiệu. Nếu cần đấu nối, chỉ nên được lắp đặt bởi kỹ thuật viên có trình độ.

## ■ Đèn rơ moóc

Đèn và thiết bị rơ moóc phải tuân thủ quy định của quốc gia nơi bạn đang lái xe. Hãy kiểm tra với đại lý bán hoặc cho thuê rơ moóc tại địa phương của bạn để biết các yêu cầu trong khu vực nơi bạn dự định kéo rơ moóc.

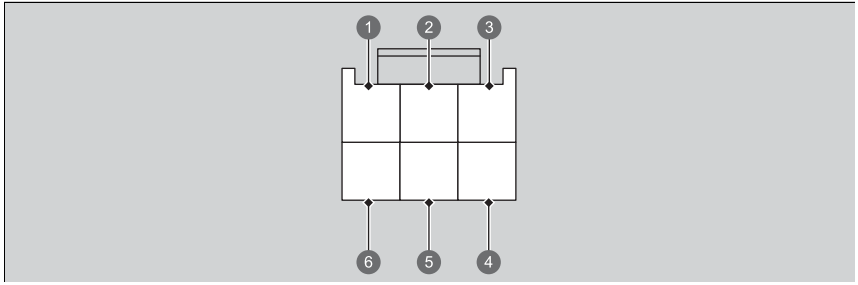


❶ Xi nhan trái (Màu xanh dương nhạt)
❷ To (Màu đen)
❸ Xi nhan phải (Màu xanh lục)
❹ Rơ moóc +B (Màu tím nhạt/đỏ)
❺ Đèn phanh (Màu xanh lục)
❻ Nhỏ (Màu xám)

Chúng tôi khuyên bạn nên để đại lý lắp đặt bộ dây điện và bộ chuyển đổi Honda. Bộ dây điện và bộ chuyển đổi Honda được thiết kế dành cho xe của bạn.

Hệ thống đèn và dây điện của rơ moóc có thể khác nhau tùy theo loại và thương hiệu. Nếu cần đầu nối, chỉ nên được lắp đặt bởi kỹ thuật viên có trình độ.

**Đèn rơ moóc**

Đầu nối đèn rơ moóc nằm phía sau tấm ốp bên trái trong khoang hành lý.
Ngay cả khi bạn dự định sử dụng bộ dây đèn và bộ chuyển đổi cho rơ moóc không phải của Honda, hãy hỏi đại lý để lấy đầu nối và các chốt phù hợp.

# Hỗ trợ ổn định rơ moóc*

Giúp ổn định xe và rơ moóc khi rơ moóc bị lắc lư mạnh.

**■ Cách hoạt động của hệ thống hỗ trợ ổn định rơ moóc**

Khi xe và rơ moóc trở nên mất ổn định trong khi lái, hệ thống hỗ trợ ổn định rơ moóc sẽ xác định nguyên nhân. Nếu dao động của rơ moóc được phát hiện là nguyên nhân và hiện tượng lắc lư tăng lên, hệ thống sẽ tác động phanh hoặc kiểm soát công suất động cơ để giảm tốc độ xe.

Cả đèn phanh của xe và rơ moóc đều tự động sáng nếu bạn phanh để giảm tốc độ xe.

**Hỗ trợ ổn định rơ moóc***

Hỗ trợ ổn định rơ moóc không phải là chức năng ngăn chặn việc xe và rơ moóc bị lắc lư. Tránh chạy tốc độ cao, đánh lái đột ngột, chất tải rơ moóc không đúng cách và phanh gấp để hạn chế rơ moóc bị lắc lư. Khi rơ moóc bị lắc lư quá mạnh, hệ thống sẽ trở nên không hiệu quả và bạn có thể mất kiểm soát xe, khiến rơ moóc bị lật hoặc hư hỏng.

➡ **Lái xe an toàn với rơ moóc*** Tr. 607

Hiện tượng rơ moóc bị lắc lư do:

- Gió thổi ngang
- Tải trọng dồn xuống thanh kéo không đúng
- Tốc độ quá cao

Đèn báo hệ thống VSA nhấp nháy trong quá trình hỗ trợ ổn định rơ moóc.

➡ **Vận hành VSA** Tr. 652



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Lái xe an toàn với rơ moóc*

## ■ Những điều cần biết trước khi kéo rơ moóc

- Hãy bảo dưỡng rơ moóc đúng cách và giữ rơ moóc trong tình trạng tốt.
- Hãy đảm bảo rằng tất cả các trọng lượng và tải trọng trong xe và rơ moóc đều nằm trong giới hạn.
  ➡ **Giới hạn tải trọng kéo** Tr. 602
- Cố định chắc chắn thanh kéo, xích an toàn và các bộ phận cần thiết khác vào rơ moóc.
- Cất giữ an toàn tất cả các vật dụng bên trong và trên rơ moóc để không bị xê dịch khi xe đang di chuyển.
- Kiểm tra xem đèn và phanh trên rơ moóc có hoạt động đúng cách không.
- Kiểm tra áp suất lốp rơ moóc, bao gồm cả lốp dự phòng.
- Kiểm tra các quy định liên quan đến tốc độ tối đa hoặc các hạn chế khi lái xe kéo rơ moóc. Nếu bạn lái xe qua nhiều quốc gia, hãy kiểm tra yêu cầu của từng quốc gia trước khi khởi hành, vì các quy định có thể khác nhau.
- Tắt hệ thống cảm biến đỗ xe phía sau. Hệ thống có thể cảnh báo nếu phát hiện vật được kéo như một vật cản.
  ➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540
- Tắt Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp phía sau thông qua cài đặt cảm biến phía sau. Hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện vật được kéo như một vật cản.
  ➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

### Lái xe an toàn với rơ moóc*

Tốc độ vận hành khi kéo rơ moóc không được vượt quá 100 km/h.

Đỗ xe
Ngoài các biện pháp phòng ngừa thông thường, hãy đặt chèn bánh ở mỗi lốp của rơ moóc.

Khi kéo rơ moóc, chúng tôi khuyến nghị bạn mang theo bánh xe và lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn cho cả xe của bạn và rơ moóc.

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Nếu bạn sử dụng lốp dự phòng cỡ nhỏ đi kèm theo xe, điều đó có thể ảnh hưởng xấu đến độ ổn định khi lái xe.

Hãy nhớ tháo rơ moóc ra trước khi thay lốp bị xẹp. Hãy hỏi đại lý bán hoặc cho thuê rơ moóc về vị trí và cách cất giữ lốp dự phòng của rơ moóc.

Chúng tôi khuyến nghị bạn lái xe lên dốc có độ dốc dưới 12%. Hãy tuân theo các khuyến nghị của hiệp hội rơ moóc về những tuyến đường phù hợp.

Gió tạo ra bởi các phương tiện lớn chạy ngang qua có thể làm rơ moóc của bạn bị lắc lư, hãy giữ tốc độ ổn định và đánh lái thẳng phía trước.

Luôn lái chậm và nhờ ai đó hướng dẫn khi lùi xe.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Tốc độ kéo và vị trí số

- Hãy lái chậm hơn bình thường.
- Tuân thủ các giới hạn tốc độ được quy định dành cho xe có rơ moóc.
- Sử dụng vị trí D khi kéo rơ moóc trên đường bằng phẳng.

## ■ Rẽ và phanh

- Rẽ chậm hơn và với góc cua rộng hơn bình thường.
- Dành nhiều thời gian và khoảng cách hơn để phanh.
- Không phanh gấp hoặc rẽ đột ngột.

## ■ Lái xe trên địa hình đồi núi

- Nếu thông báo **Engine temperature near limit. Avoid strong acceleration and high speed. (Nhiệt độ động cơ gần đến giới hạn. Tránh tăng tốc mạnh và lái ở tốc độ cao.)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy tắt hệ thống điều hoà không khí và giảm tốc độ.
- Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool. (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không lái xe. Để động cơ nguội.)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy tấp xe vào lề đường một cách an toàn để làm mát động cơ.

Tốc độ kéo và vị trí số

Khi kéo rơ moóc có thành cố định (ví dụ: xe cắm trại), tốc độ không được vượt quá 88 km/h. Ở tốc độ cao hơn, rơ moóc có thể bị lắc lư hoặc ảnh hưởng đến khả năng điều khiển xe.

## Thông tin chung

Xe của bạn được thiết kế chủ yếu để đi trên đường được trải nhựa, tuy nhiên khoảng sáng gầm xe cao hơn cho phép bạn thỉnh thoảng di chuyển trên đường không trải nhựa. Xe không được thiết kế để đi trên đường chưa được mở, hoặc các hoạt động trên địa hình ngoài đường nhựa

Nếu bạn quyết định lái xe trên đường không trải nhựa, bạn sẽ cần có một số kỹ năng lái xe và kỹ năng xử lý khác so với khi đi trên đường nhựa. Chú ý đến các lưu ý và các mẹo trong phần này, làm quen với xe của bạn trước khi lái xe ra khỏi đường nhựa.

## Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng

Để tránh xe bị mất lái hoặc lộn vòng, đảm bảo làm theo các biện pháp phòng ngừa và khuyến cáo sau:

- Đảm bảo hành lý được cất giữ đúng cách và không chở hành lý vượt quá tải trọng.
  ➔ **Giới hạn tải trọng** Tr. 601
- Khi lái xe, đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.
- Bạn phải liên tục đánh giá tình hình và lái xe trong giới hạn cho phép.



**⚠CẢNH BÁO**

Vận hành xe không đúng cách trên hoặc ngoài đường trải nhựa có thể gây va chạm hoặc lật xe khiến bạn và hành khách có thể bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

- Làm theo tất cả các hướng dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.

Không vận hành xe đúng cách có thể gây va chạm hoặc lật xe.

➔ **Thông tin xử lý quan trọng** Tr. 44
➔ **Biện pháp phòng ngừa khi lái xe** Tr. 617

# Tránh xảy ra sự cố

- **Kiểm tra xe** trước khi bạn rời khỏi lề đường và đảm bảo đã hoàn thành tất cả các bảo dưỡng định kỳ. Đặc biệt chú ý đến tình trạng lốp và kiểm tra áp suất lốp.
- **Nhớ** tuyến đường bạn chọn có giới hạn (quá dốc hoặc gập ghềnh), bạn có giới hạn (kỹ năng lái xe và sự thoải mái) và phương tiện của bạn có giới hạn (độ bám đường, độ ổn định và công suất). Không nhận ra được các giới hạn này sẽ khiến bạn và hành khách gặp tình huống nguy hiểm.
- **Tăng tốc và phanh** nên được thực hiện chậm rãi và dần dần. Cố khởi động hoặc dừng xe quá nhanh có thể gây mất độ bám đường và mất kiểm soát xe.
- **Tránh vật cản và mảnh vỡ** trên đường giúp giảm thiểu nguy cơ lật xe hoặc làm hư hỏng hệ thống treo và các bộ phận khác.
- **Lái xe trên dốc** làm tăng nguy cơ lật xe, đặc biệt là khi bạn cố lái xe qua dốc quá cao. Lái thẳng khi lên hoặc xuống dốc thường là an toàn nhất. Nếu bạn không thể nhìn rõ các điều kiện bất lợi hoặc vật cản trên dốc, hãy xuống xe đi bộ để kiểm tra đường trước khi lái. Nếu thấy nghi ngờ về độ an toàn khi đi qua đoạn đường đó, thì không nên cố đi qua. Hãy tìm một con đường khác. Nếu bạn bị kẹt khi đang lên dốc, không nên cố quay xe. Hãy từ từ lùi xe theo đúng hành trình bạn đã leo dốc trước đó.
- **Băng qua suối** - Tránh lái xe qua chỗ nước sâu. Nếu bạn phải lái xe đi qua khu vực có nước (suối nhỏ hoặc vũng nước lớn), hãy đánh giá kỹ khả năng đi qua khu vực đó trước khi lái. Đảm bảo khu vực này nước nông, không chảy xiết, và nền đất phía dưới chắc chắn. Nếu không chắc chắn về độ sâu hoặc nền đất phía dưới, hãy quay lại và tìm đường khác. Lái xe qua khu vực nước sâu có thể gây hư hỏng cho xe của bạn. Nước có thể lọt vào hộp số và vi sai, làm loãng dầu bôi trơn và gây hư hỏng. Nước cũng có thể làm trôi dầu bôi quanh các vòng bi bánh xe.
- **Nếu bị kẹt**, hãy cẩn thận đi theo hướng mà bạn nghĩ sẽ giúp bạn thoát khỏi chỗ mắc kẹt. Không cố ga khi lốp bị trượt vì sẽ làm tình hình tồi tệ hơn và có thể làm hỏng hộp số. Nếu bạn không thể thoát ra khỏi chỗ kẹt, thì cần phải kéo xe. Xe của bạn có các móc kéo ở phía trước và phía sau để sử dụng trong những trường hợp này.

## Khởi động động cơ

❶ Công tắc phanh đỗ điện

**1.** Đảm bảo đã gài phanh đỗ.
▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) sẽ sáng trong 30 giây khi kéo công tắc phanh đỗ điện.

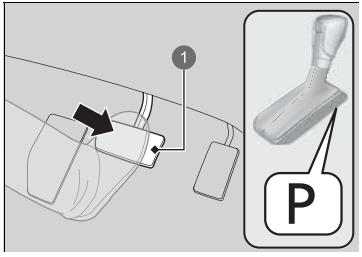


❶ Bàn đạp phanh

**2.** Đảm bảo hộp số ở số [P], sau đó nhấn bàn đạp phanh.
▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở số [N], nhưng khởi động xe ở số [P] vẫn an toàn hơn.

**»Khởi động động cơ**

Để chắc chân trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều hoà không khí và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc-quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn ngửi thấy mùi khí xả bên trong xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố.



*Còn nữa*

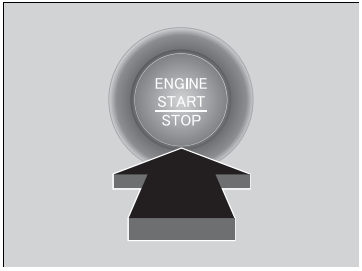


**3.** Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

Khởi động động cơ

Để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* yếu.

➡ **Nếu pin Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu** Tr. 902

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* tiếp xúc với sóng radio mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.
Nếu động cơ không khởi động, chờ thêm ít nhất 30 giây, sau đó khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

➡ **Hệ thống chống nổ máy** Tr. 247



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Khởi động động cơ từ xa*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

### ■ Để khởi động động cơ

❶ Đèn LED: Nhấp nháy khi ấn nút bất kỳ.

Ấn nút [🔒], sau đó ấn và giữ nút [⟳].
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.

Nếu động cơ khởi động thành công, một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy sáu lần.

»Khởi động động cơ từ xa*

**⚠CẢNH BÁO**

Khí xả từ động cơ có chứa khí CO độc hại.

Hít phải khí CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương.
Trước khi sử dụng khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hoặc vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp.
Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ bên ngoài.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Nếu động cơ không khởi động, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

▶ Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu muốn chạy không tải thêm 10 phút nữa ở lần lăn bánh đầu tiên, ấn nút [🔒], sau đó ấn và giữ nút [↻].

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy sáu lần nếu yêu cầu chạy không tải thêm 10 phút được gửi đi thành công.

**Khởi động động cơ từ xa***

Không thể khởi động động cơ từ xa nếu:

- Bạn đã tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.
  - **Cài đặt xe*** Tr. 183
  - **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540
- Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.
- Hộp số đang ở vị trí khác ngoài [P].
- Nắp ca-pô mở hoặc một cửa bất kỳ hoặc cửa hậu không khóa.
- Bạn đã sử dụng thiết bị điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.
- Một chìa khóa điều khiển từ xa đã được đăng ký khác ở trong xe.
- Có ăng-ten nào đó bị lỗi.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Bộ điều khiển viễn thông* gặp trục trặc.
- Không thiết lập cảnh báo hệ thống an ninh.
- Mức nạp điện ắc-quy quá thấp.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Để dừng động cơ

Ấn và giữ nút [ ] trong một giây.

Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.

Khi thiết bị điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống mở cửa không chìa khóa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy. Động cơ sẽ không dừng lại.

▶ Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

### Khởi động động cơ từ xa*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không khởi động xe trong vòng 10 phút sau khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không thiết lập cảnh báo hệ thống an ninh.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô mở, hoặc một cửa bất kỳ hoặc cửa hậu không khóa.
- Bạn ấn nút nhả cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Ắc-quy yếu.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

Trong khi động cơ đang hoạt động, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Khi trời lạnh:

- Bộ sấy sẽ điều chỉnh nhiệt độ ấm vừa phải.
- Bộ sấy kính sau và bộ sưởi ghế * đang được kích hoạt.

**Nút sấy kính sau** Tr. 275
**Bộ sưởi ghế trước*** Tr. 323



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Bắt đầu lái xe

Khi khởi động động cơ bằng nút trên chìa khóa điều khiển từ xa

**1.** Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi động cơ được khởi động trong trường hợp bất kỳ

**2.** Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, sang số [D]. Chọn [R] khi lùi xe.

**3.** Khi gài phanh đỗ, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.

▶ Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

➔ **Phanh đỗ** Tr. 767

### ■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ giữ phanh trong thời gian ngắn để giúp ngăn xe trôi trên dốc khi bạn chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Đưa hộp số vào số [D], [S], hoặc [L]* khi đối mặt với dốc lên, hoặc [R] khi đối mặt với dốc xuống, sau đó nhả bàn đạp phanh.

## ■ Dừng động cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

**1.** Đưa hộp số vào số [P].

**2.** Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

### Bắt đầu lái xe

Khi khởi động động cơ bằng nút trên chìa khóa điều khiển từ xa

Động cơ dừng khi đưa hộp số ra khỏi số [P] trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái.

Ấn công tắc phanh đỗ điện trong khi nhấn bàn đạp phanh để nhả phanh đỗ.
Khi xuống dốc, nếu nhả phanh bằng công tắc phanh đỗ điện thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

### Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc quá cao hoặc dựng đứng, và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Biện pháp phòng ngừa khi lái xe

## ■ Hướng dẫn lái xe cho xe tiện ích của bạn

Những xe có nhiều tiện ích có tỷ lệ bị lộn vòng cao hơn các loại xe khác. Để tránh bị lộn vòng hoặc mất kiểm soát:

- Vào cua ở tốc độ thấp hơn xe khách.
- Tránh cua gấp và chuyển hướng đột ngột bất cứ khi nào có thể.
- Không sửa đổi xe bằng bất kỳ cách nào để tránh làm tăng trọng tâm.
- Không mang hành lý nặng trên nóc xe.

## ■ Khi có sương mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch kẻ ở giữa đường, chú ý quan sát lan can và đèn hậu của xe phía trước xe bạn.

## ■ Khi có gió mạnh

Nếu gió thổi mạnh khi đang lái xe, hãy giữ chặt vô lăng. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông, hoặc lái xe qua khu vực trống như mỏ đá hoặc khi có xe tải lớn đi qua.

## ■ Khi trời mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và thận trọng hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường bị hằn lún nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước. Bởi vì việc này có thể làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các thiết bị điện.

Biện pháp phòng ngừa khi lái xe

**THẬN TRỌNG:** Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe qua chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ và các thiết bị điện và làm xe bị xuống cấp.

CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Ban có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành. Vô lăng sẽ trở lên càng khó vận hành hơn. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ tiếp tục hoạt động.
Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIỆN trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn N khi đang lái xe để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

Trong 1.000 km đầu tiên, tránh tăng tốc đột ngột hoặc tăng ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền lực.



*Còn nữa*

## ■ Các biện pháp phòng ngừa khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

### Biện pháp phòng ngừa khi lái xe

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to, để chạy roda đúng cách.

### Hướng dẫn lái xe cho xe tiện ích của bạn

Không vận hành xe đúng cách có thể gây ra va chạm hoặc làm xe bị lộn vòng.

➡ **Thông tin xử lý quan trọng** Tr. 44

### Khi trời mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, một lớp nước sẽ hình thành giữa lốp xe và mặt đường. Nếu điều này xảy ra, bạn sẽ không thể điều khiển xe như xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

Loại xe có lẫy sang số

Từ từ giảm tốc khi bạn lùi số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

# Hộp số vô cấp

## ■ Xe chuyển động từ từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao, xe sẽ tự chuyển động từ từ.
Nhấn chắc bàn đạp phanh khi dừng xe hoặc đảm bảo chế độ giữ phanh được kích hoạt.

## ■ Đạp hết ga

Nhấn đột ngột bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái xe trên đường trơn trượt và khúc cua.

Loại xe không có lẫy sang số

# Sang số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

## ■ Vị trí số

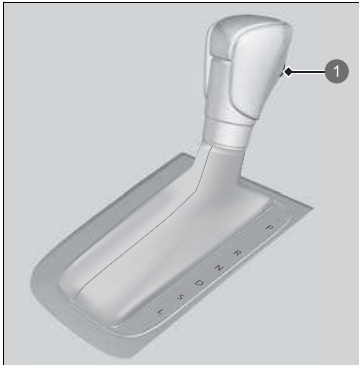


1 Nút nhả

**P Số đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

**R Số lùi**
Dùng khi lùi xe.

**N Số không**
Hộp số không bị khóa.

**D Số lái**
Dùng khi lái thông thường.

**S Số lái (S)**
Dùng để:
- Tăng tốc tốt hơn.
- Tăng phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.

**L Số thấp**
Dùng để:
- Để tăng cường phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.

Vị trí số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi vị trí số ở P.

Xe có thể di chuyển rất nhẹ ngay cả ở số N khi động cơ nguội.
Nhấn chắc bàn đạp phanh và khi cần, hãy kéo phanh đỗ.

## ■ Vận hành sang số

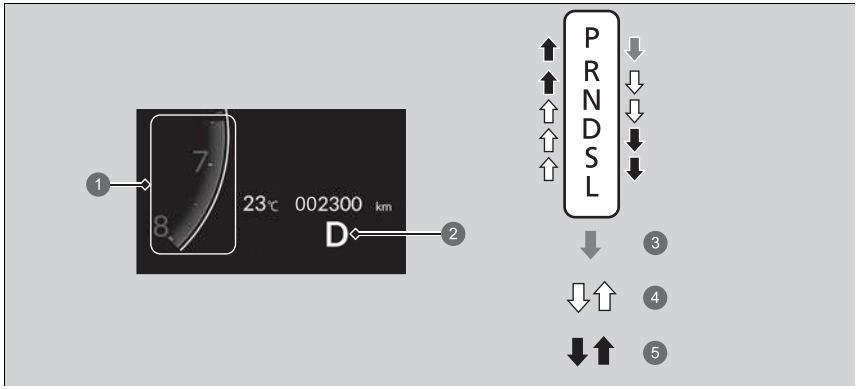


❶ Vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
❷ Đèn báo vị trí số (Đèn báo hệ thống truyền động)
❸ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❹ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❺ Ấn nút nhả cần số và sang số.

### Vận hành sang số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển vị trí số từ [D] sang [R] và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh.
Vận hành số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số và kiểm tra vị trí cần trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống truyền động nhấp nháy khi lái xe, ở bất kì vị trí số nào, hộp số đang gặp vấn đề. Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số.
Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi vị trí sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (−30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.

Loại xe có lẫy sang số

# Sang số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

## ■ Vị trí số

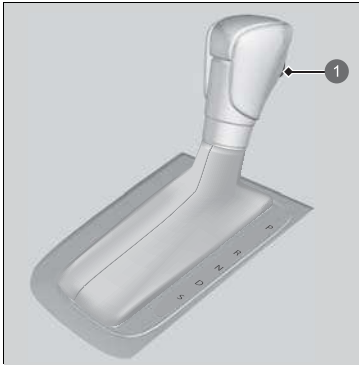


1 Nút nhả

**P Số đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

**R Số lùi**
Dùng khi lùi xe.

**N Số không**
Hộp số không bị khóa.

**D Số lái**
Dùng để:
- Lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.

**S Số lái (S)**
Dùng để:
- Tăng tốc hiệu quả hơn
- Tăng khả năng phanh động cơ
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc
- Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp

Vị trí số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi vị trí số ở P.

Xe có thể di chuyển rất nhẹ ngay cả ở số N khi động cơ nguội.
Nhấn chắc bàn đạp phanh, và khi cần, hãy kéo phanh đỗ.

## ■ Vận hành sang số

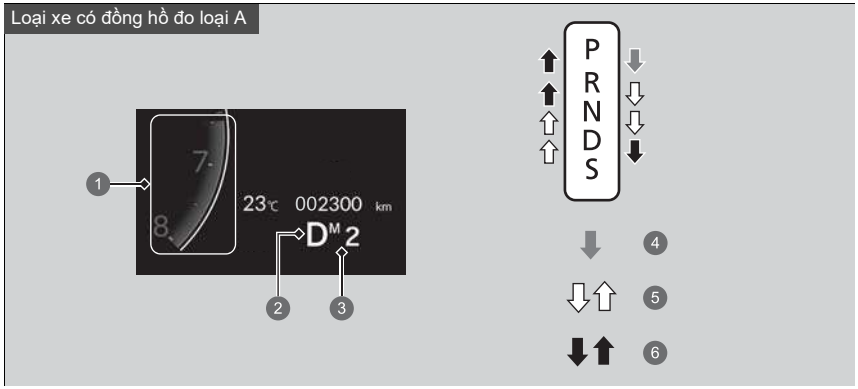


❶ Vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
❷ Đèn báo vị trí số (Đèn báo hệ thống truyền động)
❸ Đèn báo **M** (Chế độ sang số tay 7 cấp)/Đèn báo số
❹ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❺ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❻ Ấn nút nhả cần số và sang số.

Vận hành sang số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển vị trí số từ [D] sang [R] và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh.
Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống truyền động nhấp nháy khi lái xe, khi vị trí số ở bất kì đâu, hộp số đang gặp sự cố.
Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số.
Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi vị trí sang số ở trong điều kiện nhiệt độ cực thấp (−30°C), có thể sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.



*Còn nữa*

Loại xe có đồng hồ đo loại B

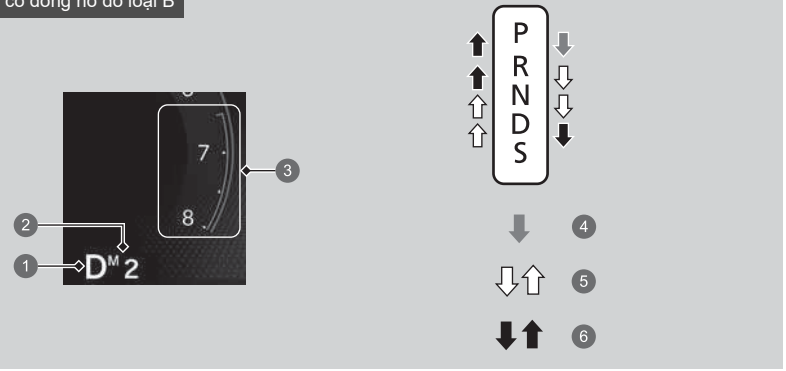


❶ Đèn báo vị trí số (Đèn báo hệ thống truyền động)
❷ Đèn báo **M** (Chế độ sang số tay 7 cấp)/Đèn báo số
❸ Vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
❹ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❺ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❻ Ấn nút nhả cần số và sang số.

## ■ Chế độ sang số tay 7 cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

**■ Khi vị trí số ở [D]:**

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp và số sẽ hiển thị trên đèn báo số.
Chế độ sang số tay 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.
Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số [+] trong vài giây.
Chế độ sang số tay 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

**■ Khi vị trí số ở [S]:**

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp. Đèn báo **M** và số tốc độ được hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, số sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe giảm và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể kéo cần số khi ở số 1.

Khi hủy chế độ chuyển số tay 7 cấp, hãy thay đổi vị trí số từ [S] sang [D] hoặc kéo [+] lẫy sang số trong vài giây. Khi chế độ sang số tay 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

Chế độ sang số tay 7 cấp

Ở chế độ sang số tay 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số trong các điều kiện sau:
Tăng số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.
Giảm số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.
Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trơn trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số tay 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường [D] .



*Còn nữa*

## ■ Vận hành chế độ sang số tay 7 cấp

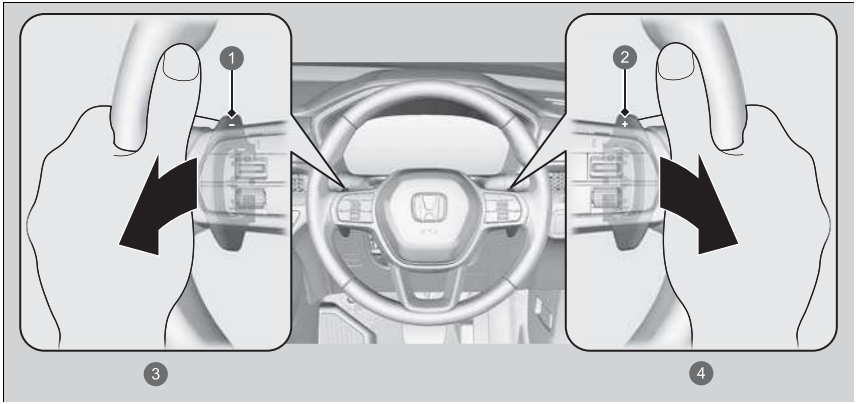


❶ Lẫy sang số − (Giảm số)
❷ Lẫy sang số + (Tăng số)
❸ Giảm số khi kéo lẫy sang số − (Về số thấp hơn)
❹ Tăng số khi kéo lẫy sang số + (Lên số cao hơn)

### Vận hành chế độ sang số tay 7 cấp

Mỗi lần vận hành lẫy sang số sẽ làm chuyển một số.
Để chuyển số liên tục, nhả lẫy sang số trước khi kéo lại để sang số tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.
Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

# Chế độ ECON

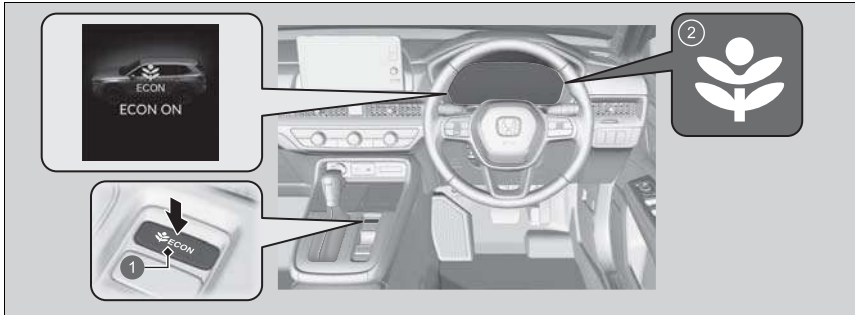


❶ Nút **ECON**
❷ Đèn báo chế độ ECON

Nút **ECON** dùng để bật và tắt chế độ **ECON**.
Chế độ **ECON** giúp bạn cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ, hộp số và hệ thống điều hoà không khí.

## Chế độ ECON

Trong khi ở chế độ **ECON**, hệ thống điều hoà không khí có sự dao động nhiệt độ lớn hơn.

Do vận hành phanh khẩn cấp hoặc điều kiện lái xe, bạn sẽ không thể thay đổi được chế độ.

# Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*

Để giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa, động cơ sẽ tự động dừng khi xe chuẩn bị dừng, tùy thuộc vào điều kiện môi trường và điều kiện vận hành của xe. Đèn báo (màu xanh lục) sẽ sáng vào thời điểm này.

❶ Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (Màu xanh lục)

Điều kiện xe và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời rất đa dạng.

➡ **Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:** Tr. 631, 632

Sau đó, động cơ sẽ khởi động lại khi xe chuẩn bị di chuyển và đèn báo (màu xanh lục) sẽ tắt.

➡ **Động cơ tự động khởi động lại khi:** Tr. 633

Nếu cửa người lái được mở trong khi đèn báo (màu xanh lục) bật sáng, tiếng còi báo sẽ vang lên để thông báo cho bạn biết chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

Thông báo liên quan đến Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

**Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời***

Ắc-quy 12 vôn lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời. Không sử dụng đúng loại ắc-quy 12 vôn theo quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc-quy 12 vôn và làm Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời không kích hoạt. Nếu bạn cần thay ắc-quy 12 vôn, đảm bảo chọn đúng loại quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Thời gian vận hành của Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời:

- Tăng lên khi ở chế độ **ECON**, so với khi chế độ **ECON** tắt và đang sử dụng hệ thống điều hoà không khí.

➡ **Chế độ ECON** Tr. 627



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

❶ Đèn báo dừng Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

Đèn báo dừng Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sáng lên và thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi không thể kích hoạt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

➔ **Đèn báo** Tr. 136
➔ **BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời** Tr. 630



*Còn nữa*

## ■ BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

❶ Đèn báo **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời
❷ Nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

Ấn nút này để tắt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời. Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ ngừng hoạt động.

▶ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thờingừng hoạt động, đèn báo sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

### BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

Nếu bạn tắt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời khi hệ thống đang hoạt động, động cơ sẽ khởi động lại.

➡ **Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:** Tr. 631

Nếu bạn nhấn và giữ nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời, bạn có thể chọn hiển thị thông báo trạng thái hoặc không.

## ■ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:

Xe dừng với hộp số ở số D và nhấn bàn đạp phanh.
Khi bạn nhanh đưa hộp số vào số P bằng cách nhấn bàn đạp phanh, Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ tiếp tục hoạt động ngay cả khi đã nhả bàn đạp phanh.

▶ Nếu bạn nhấn bàn đạp phanh, động cơ có thể tự động khởi động lại.

### ■ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời không kích hoạt khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ chưa đủ ấm hoặc nhiệt độ nước làm mát cao.
- Nhiệt độ dầu hộp số thấp hoặc cao.
- Xe lại chuẩn bị dừng trước khi tốc độ xe đạt 5 km/h sau khi động cơ khởi động.
- Dừng xe trên dốc cao.
- Không ở số D.
- Khởi động động cơ khi nắp ca-pô mở.
  ▶ Tắt động cơ. Đóng nắp ca-pô trước khi khởi động lại động cơ để kích hoạt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.
- Mức nạp điện ắc-quy thấp.
- Nhiệt độ bên trong ắc-quy là từ 5°C trở xuống.
- Hệ thống điều hoà không khí đang hoạt động và nhiệt độ ngoài trời dưới -20°C hoặc trên 40°C.
- Hệ thống điều hoà không khí đang hoạt động và nhiệt độ được đặt ở **Hi** hoặc **Lo.**
- FRONT BẬT (đèn báo sáng).

**Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:**

Không mở nắp ca-pô khi Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời đang kích hoạt. Nếu nắp ca-pô mở, động cơ sẽ không tự động khởi động lại. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng nút **ENGINE START/STOP**.

➔ **Khởi động động cơ** Tr. 611

Ấn nút **ENGINE START/STOP** sẽ làm cho động cơ không tự động khởi động lại được nữa. Hãy thực hiện quy trình tiêu chuẩn để khởi động động cơ.

➔ **Khởi động động cơ** Tr. 611

Khi hệ thống ACC bao gồm Dải tốc độ thấp đang hoạt động, xe sẽ dừng mà không cần nhấn bàn đạp phanh và Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời có thể được kích hoạt. Trong những trường hợp như vậy, động cơ có thể khởi động lại nếu bạn thay đổi vị trí số khác ngoài D.



*Còn nữa*

**■ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời có thể không kích hoạt khi:**

- Dừng xe bằng cách phanh đột ngột.
- Xoay vô lăng.
- Tăng ga và giảm ga liên tục khi xe chạy ở tốc độ thấp.
- Tốc độ quạt cao.
- Hệ thống điều hoà không khí đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Hệ thống điều hoà không khí đang hoạt động và độ ẩm bên trong xe cao.
- Độ cao lớn.

## ■ Động cơ tự động khởi động lại khi:

- Nhả bàn đạp phanh (không kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
- Nhấn bàn đạp ga (kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
  ➡ **Giữ phanh tự động** Tr. 771
- Khi đưa hộp số vào số [P] từ [D] hoặc [N] khi xe đang trên dốc.

### ■ Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh*1 khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.
- Xoay vô lăng.
- Đưa hộp số vào số [R], [S], hoặc [L]*, hoặc khi được cài đặt từ [N] sang [D].
  ▶ Nếu bạn đưa hộp số vào số [P] sau khi kích hoạt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời, Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ tiếp tục hoạt động. Trong trường hợp này, động cơ sẽ khởi động lại khi bạn nhấn bàn đạp phanh.
- Áp lực lên bàn đạp phanh giảm và xe bắt đầu di chuyển khi đang dừng trên đường dốc.
- Bàn đạp phanh được nhả ra một chút khi dừng lại.
- Mức sạc của ắc-quy trở nên thấp.
- Nhấn bàn đạp ga.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- [FRONT] BẬT (đèn báo sáng).
- Hệ thống điều hoà không khí đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Hệ thống điều hoà không khí đang được sử dụng để hút ẩm bên trong xe.
- Xe phía trước xe bạn khởi động lại khi xe bạn dừng tự động bằng hệ thống ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

Động cơ tự động khởi động lại khi:

Nếu bạn sử dụng thiết bị điện tử trong khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động, thiết bị này có thể tạm thời bị tắt khi động cơ khởi động lại.

Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh*1 khi:

*1: Với hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, bạn có thể nhả bàn đạp phanh trong khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

Nếu hệ thống giữ phanh tự động tắt hoặc nếu hệ thống có sự cố, động cơ sẽ tự động khởi động lại khi bạn nhả bàn đạp phanh.
➡ **Giữ phanh tự động** Tr. 771



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Chức năng phanh hỗ trợ khởi động

Phanh vẫn bám một lúc sau khi đã nhả bàn đạp phanh để khởi động lại động cơ.
Điều này sẽ giữ cho xe của bạn không di chuyển bất ngờ khi đang dừng trên dốc.

# Hệ thống hỗ trợ đổ đèo

Khi lái xe xuống dốc mà phanh động cơ không đủ để giảm tốc xe, hệ thống này sẽ giúp duy trì tốc độ xe ổn định mà không cần nhấn bàn đạp phanh.

## ■ Điều kiện hoạt động của Hệ thống hỗ trợ đổ đèo

Hệ thống hoạt động trong các điều kiện sau.

- Lái xe với tốc độ khoảng 3-20 km/h.
- Lái xe xuống dốc.
- Không nhấn bàn đạp ga và bàn đạp phanh.

## ■ Màn hình giao diện thông tin cho người lái

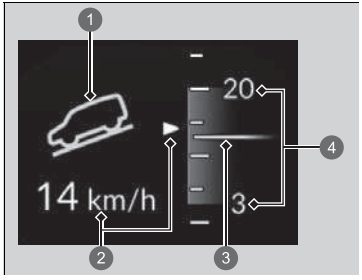


❶ Trạng thái hoạt động của hệ thống
- Màu xanh lục: Hoạt động
- Màu trắng: Chế độ chờ

❷ Hiển thị tốc độ xe
- Màu trắng: Thiết lập tốc độ
- Màu xám: Tốc độ xe đang chạy
  ▶ Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá tốc độ hoạt động.

❸ Tốc độ xe đang chạy

❹ Phạm vi hoạt động của tốc độ đã thiết lập

Hệ thống hỗ trợ đổ đèo

**⚠CẢNH BÁO**

Hệ thống hỗ trợ đổ đèo không thể duy trì tốc độ xe ổn định trong mọi tình huống.

Khi lái xe xuống dốc cao hoặc trên mặt đường trơn trượt, xe có thể không duy trì được tốc độ và có thể xảy ra va chạm dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong.

Vì Hệ thống hỗ trợ đổ đèo không được thiết kế để tăng giới hạn hiệu suất của xe nên người lái xe phải luôn chú ý đến tình trạng mặt đường và lái xe an toàn.

Đèn phanh tự động sáng khi hệ thống đang hoạt động.

Hệ thống có thể không hoạt động khi lái xe xuống dốc thấp. Hãy kiểm tra đèn báo Hệ thống hỗ trợ đổ đèo để xem hệ thống có hoạt động không.

Hệ thống có thể hoạt động ngay cả khi không lái xe xuống dốc, như khi xe bị nghiêng khi đi trên các bề mặt không bằng phẳng.



*Còn nữa*

## ■ Cách vận hành Hệ thống hỗ trợ đổ đèo

❶ Đèn báo Hệ thống hỗ trợ đổ đèo
❷ Nút (Hỗ trợ đổ đèo)

### ■ Để bật hệ thống

Khi tốc độ xe dưới khoảng 20 km/h, ấn nút để bật hệ thống.

▶ Hệ thống chuyển sang chế độ chờ và đèn báo Hệ thống hỗ trợ đổ đèo (màu trắng) sáng.

Khi đáp ứng tất cả các điều kiện, hệ thống sẽ hoạt động và xe bắt đầu duy trì tốc độ xe khi xuống dốc.

▶ Đèn báo Hệ thống hỗ trợ đổ đèo (màu xanh lục) sáng khi hệ thống hoạt động.

### ■ Để điều chỉnh tốc độ cài đặt

Nhấn bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh để điều chỉnh tốc độ xe trong phạm vi hoạt động. Tốc độ xe tại thời điểm bạn nhả bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh sẽ là tốc độ được thiết lập.

### ■ Để tắt hệ thống

Ấn nút để tắt hệ thống.

**Cách vận hành Hệ thống hỗ trợ đổ đèo**

Sử dụng hệ thống liên tục trong thời gian dài có thể làm phanh bị nóng lên và làm cho hệ thống tạm thời chuyển sang chế độ chờ.

Hệ thống hỗ trợ đổ đèo sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống này vào lần lái xe gần đây nhất.

Bàn đạp có thể rung hoặc bạn có thể nghe thấy tiếng hệ thống đang chạy khi hoạt động.

**Để tắt hệ thống**

Khi tốc độ xe từ 60 km/h trở lên, hệ thống sẽ tự động tắt.

# Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh*

Hệ thống này giúp bạn không vượt quá tốc độ tối đa đã thiết lập ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga.
Có thể cài đặt tốc độ giới hạn của xe từ khoảng 30 km/h đến khoảng 250 km/h.

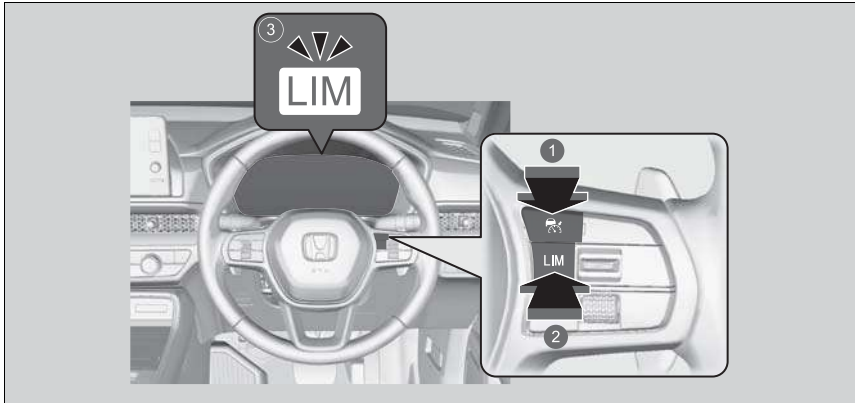


❶ Ấn nút trên vô lăng.
❷ Nếu có đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh.
❸ **Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.**
Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẵn sàng để sử dụng.

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh*

## ⚠CẢNH BÁO

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều Chỉnh có những hạn chế
Bạn luôn có trách nhiệm điều chỉnh tốc độ xe để tuân thủ giới hạn tốc độ thực tế và vận hành xe an toàn.

## ⚠CẢNH BÁO

Không nhấn bàn đạp ga quá mức cần thiết. Duy trì vị trí bàn đạp ga phù hợp tùy thuộc vào tốc độ xe.

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh có thể không duy trì được giới hạn tốc độ đã cài đặt khi lái xe xuống dốc, đặc biệt là khi bạn mang hành lý nặng hoặc kéo theo rơ moóc. Nếu điều này xảy ra, hãy giảm tốc độ bằng cách nhấn bàn đạp phanh.

Khi không sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh:

Ấn nút để tắt hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh.

Bạn không thể sử dụng Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh và các hệ thống bên dưới cùng một lúc.
-Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp
-Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cài đặt tốc độ giới hạn

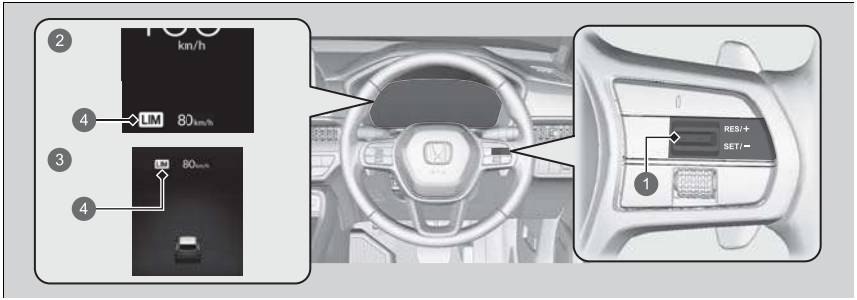


❶ Công tắc **RES/+**/**SET/−**
Lên hoặc xuống
❷ Bật khi hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được thiết lập cho các loại xe có đồng hồ đo loại A
❸ Bật khi hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được thiết lập cho các loại xe có đồng hồ đo loại B
❹ Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (màu xanh lục)

- Gạt công tắc **RES/+**/**SET/−** lên hoặc xuống khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Thời điểm bạn nhả nút **RES/−** hoặc **SET/+**, giới hạn tốc độ được cố định và giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được thiết lập. Tốc độ giới hạn được hiển thị.
- Bạn có thể thiết lập giới hạn tốc độ đã thiết lập trước đó bằng cách gạt công tắc **RES/+**/**SET/−** lên.

### Cài đặt tốc độ giới hạn

Nếu bạn cài đặt tốc độ giới hạn khi lái xe dưới 30 km/h, tốc độ giới hạn sẽ được cài đặt đến 30km/h.

Giới hạn tốc độ hiển thị sẽ nhấp nháy liên tục nếu xe của bạn vượt quá giới hạn tốc độ 1 km/h trở lên khi xuống dốc cao.
Vài giây sau khi giới hạn tốc độ bắt đầu nhấp nháy, tiếng bíp sẽ vang lên trong khoảng bốn giây.
Tuy nhiên, khi bất kỳ điều kiện nào sau đây được đáp ứng, tiếng bíp sẽ ngừng.

- Nhấn bàn đạp phanh.
- Nhả bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được đặt ở tốc độ hiện tại nếu tốc độ cao hơn giới hạn tốc độ đã đặt trước đó khi bạn gạt công tắc **RES/+**/**SET/−** lên.

## ■ Điều chỉnh giới hạn tốc độ

Tăng hoặc giảm giới hạn tốc độ bằng cách sử dụng công tắc **RES/+/SET/−** trên vô lăng.

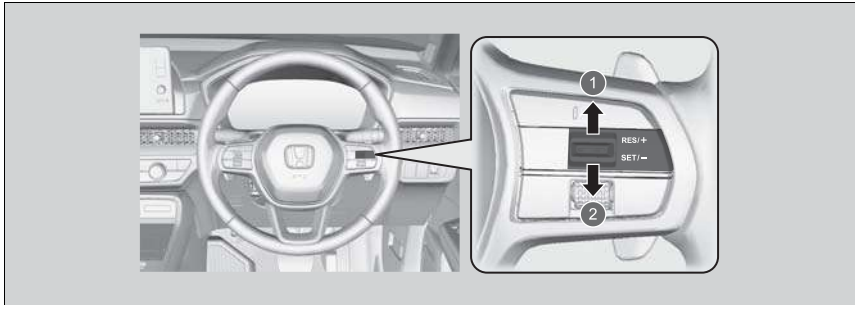


❶ Để tăng tốc độ
❷ Để giảm tốc độ

- Mỗi lần gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống, giới hạn tốc độ sẽ tăng hoặc giảm 1 km/h tương ứng.
- Nếu bạn giữ công tắc **RES/+/SET/−** giới hạn tốc độ tăng hoặc giảm theo mức tăng 10 km/h sau mỗi 0,5 giây cho đến khi đạt đến giới hạn hệ thống.
- Xe có thể tăng tốc hoặc giảm tốc cho đến khi đạt được tốc độ đã thiết lập.



*Còn nữa*

## ■ Vượt quá giới hạn tốc độ tạm thời

Xe có thể vượt quá tốc độ giới hạn nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

▶ Tốc độ giới hạn được hiển thị nhấp nháy.

▶ Tiếng bíp vang lên khi xe chạy vượt quá tốc độ giới hạn.

Vượt quá giới hạn tốc độ tạm thời

Tiếng bíp vang lên khi tốc độ xe cao hơn tốc độ giới hạn đã thiết lập khi nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ hoạt động trở lại khi tốc độ xe thấp hơn tốc độ giới hạn đã thiết lập.

## ■ Để hủy

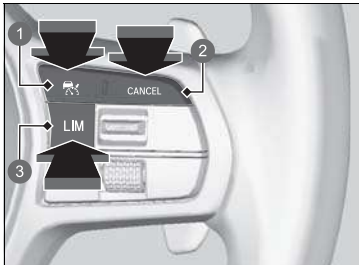


❶ Nút
❷ Nút **CANCEL**
❸ Nút **LIM**

Để hủy hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, hãy làm một trong các cách sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút .
- Ấn nút **LIM**.

**»Để hủy**

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ chuyển thành Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp hoặc hệ thống giới hạn tốc độ thông minh nếu ấn nút **LIM**.

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó:
Ấn nút **CANCEL** để hiển thị tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám) và gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên để khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó.
Nếu bạn đang lái xe ở tốc độ nhanh hơn tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám), hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được đặt ở tốc độ hiện tại bằng cách gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên.
Nếu bạn gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên khi không hiển thị tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám), tốc độ sẽ được cài đặt theo tốc độ hiện tại của xe bạn.



*Còn nữa*

Để hủy

Loại xe có đồng hồ đo loại A

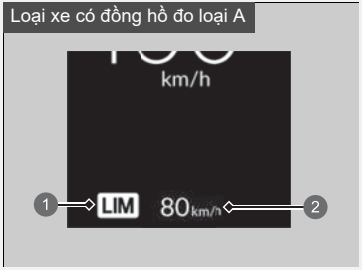


❶ Đèn báo hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (Màu trắng)

❷ Tốc độ đã thiết lập trước đó (Màu xám)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

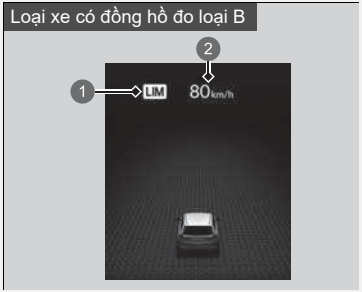


❶ Đèn báo hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (Màu trắng)

❷ Tốc độ đã thiết lập trước đó (Màu xám)

**Để hủy**

Nếu hệ thống có sự cố khi hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh đang hoạt động, tiếng bíp sẽ vang lên và đèn báo **TẮT** sẽ sáng. Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ tắt.

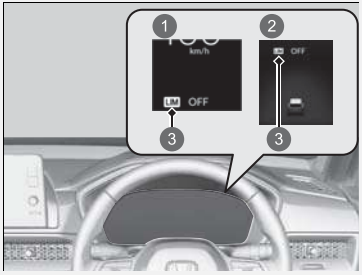


❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Đèn báo hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (Màu trắng)

# Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh*

Tự động cài đặt tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện để đảm bảo xe không vượt quá tốc độ giới hạn ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga. Nếu bạn nhấn hết cỡ bàn đạp ga, xe có thể chạy vượt quá tốc độ giới hạn.

**Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh*

**⚠CẢNH BÁO**

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh có những hạn chế. Hệ thống có thể tự cài đặt tốc độ cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ giới hạn thực tế, hoặc không hoạt động, đặc biệt khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông không hoạt động hiệu quả hoặc khi trên đường không có biển báo giới hạn tốc độ. Bạn phải luôn chủ động điều chỉnh tốc độ theo giới hạn tốc độ thực tế và vận hành xe an toàn.

Phụ thuộc vào mức độ nhấn bàn đạp ga, xe sẽ tăng tốc cho đến khi đạt tốc độ mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

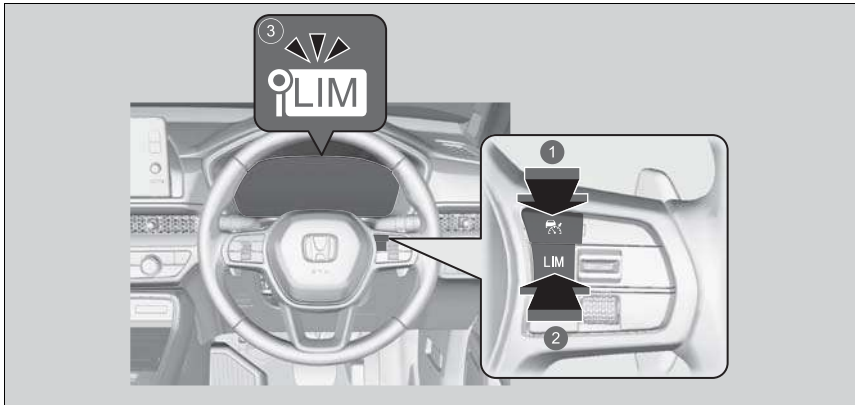


❶ Ấn nút trên vô lăng.
❷ Nếu có đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang giới hạn tốc độ thông minh.
❸ **Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.**
Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh sẵn sàng để sử dụng.

## Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh*

Hệ thống được thiết kế để phát hiện các biển báo tuân thủ tiêu chuẩn Công ước Vienna. Không phải tất cả các biển báo đều có thể được phát hiện, nhưng không nên bỏ qua bất kỳ biển báo nào được đặt bên lề đường. Hệ thống không thể nhận diện tất cả các biển báo giao thông ở các quốc gia mà bạn lái xe cũng như trong mọi tình huống.

**Hệ thống nhận diện biển báo giao thông***
Tr. 756

Nếu cài đặt sai tốc độ giới hạn cho hệ thống giới hạn tốc độ thông minh, hãy thử một trong các cách sau:
Để hủy:
- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút .
- Ấn nút **LIM**.

Để vượt quá tốc độ giới hạn tạm thời
- Nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh có thể không duy trì được giới hạn tốc độ đã cài đặt khi lái xe xuống dốc, đặc biệt là khi bạn mang hành lý nặng hoặc kéo theo rơ moóc. Nếu điều này xảy ra, hãy giảm tốc độ bằng cách nhấn bàn đạp phanh.

Khi không sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh, ấn nút để tắt hệ thống.

Bạn không thể sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh và Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp hoặc hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh cùng một lúc.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cài đặt giới hạn tốc độ

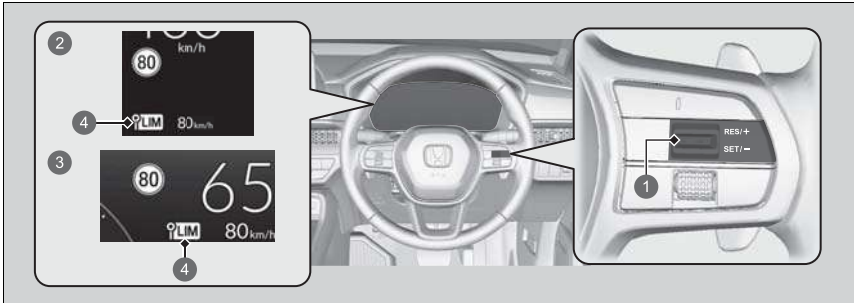


❶ Công tắc **RES/+/SET/−**
Lên hoặc xuống

❷ Sáng khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh được đặt ở giới hạn tốc độ mà hệ thống nhận dạng biển báo giao thông phát hiện đối với các loại xe có đồng hồ đo loại A.

❸ Sáng khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh được đặt ở giới hạn tốc độ mà hệ thống nhận dạng biển báo giao thông phát hiện đối với các loại xe có đồng hồ đo loại B.

❹ Đèn báo Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh (màu xanh lục)

- Tại thời điểm bạn nhả công tắc **RES/−** hoặc **SET/+**, giới hạn tốc độ thông minh được cài đặt đến giới hạn tốc độ mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện. Tốc độ giới hạn được hiển thị.

### Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh*

Không sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh ở các khu vực có đơn vị hiển thị khác với đơn vị hiển thị của hệ thống giới hạn tốc độ thông minh.

### Cài đặt giới hạn tốc độ

Nếu bạn cài đặt giới hạn tốc độ thông minh khi tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện là dưới 30 km/h, chức năng giới hạn tốc độ và chức năng cảnh báo có thể tạm dừng.

Nếu tốc độ xe bạn cao hơn tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện, xe của bạn sẽ giảm tốc từ từ đến tốc độ giới hạn hoặc thấp hơn. Nếu cần, hãy giảm tốc độ bằng cách nhấn bàn đạp phanh.
Ngoài ra, giới hạn tốc độ được hiển thị sẽ nhấp nháy liên tục khi xe của bạn vượt quá giới hạn tốc độ từ 1 km/h trở lên.
Vài giây sau khi giới hạn tốc độ bắt đầu nhấp nháy, tiếng bíp sẽ vang lên trong khoảng bốn giây.
Tuy nhiên, khi bất kỳ điều kiện nào sau đây được đáp ứng, tiếng bíp sẽ ngừng.

- Nhấn bàn đạp phanh.
- Nhả bàn đạp ga.
- Tốc độ xe nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn tốc độ hiển thị.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

### ■ Khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện biển báo giới hạn tốc độ mới

Giới hạn tốc độ thông minh sẽ được cài đặt đến tốc độ giới hạn mới mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

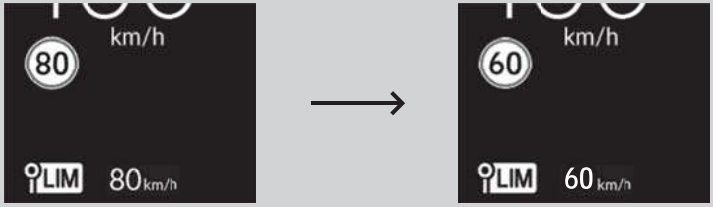


Loại xe có đồng hồ đo loại B

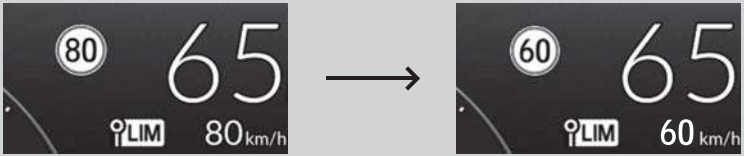


Cài đặt giới hạn tốc độ

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh cũng có thể chuyển sang tạm dừng khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông chỉ phát hiện thêm các biển báo giới hạn tốc độ.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

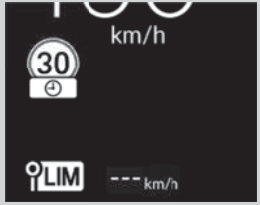


Loại xe có đồng hồ đo loại B

*Còn nữa*

■ **Chức năng giới hạn tốc độ và chức năng cảnh báo có thể tạm dừng nếu không có biển báo giới hạn tốc độ trên màn hình của hệ thống nhận diện biển báo giao thông khi:**

- Kết thúc giới hạn tốc độ hoặc phát hiện giới hạn tốc độ khác.
- Xe của bạn đi vào/ra khỏi đường cao tốc hoặc đường quốc lộ.
- Bạn bật xi nhan để chuyển hướng ở giao lộ.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Loại xe có đồng hồ đo loại B

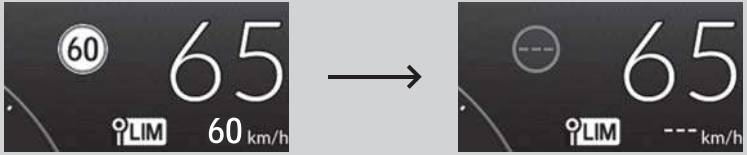

**■ Khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện biển báo giới hạn tốc độ trong khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh tạm dừng**

Chức năng giới hạn tốc độ và chức năng cảnh báo sẽ tự động hoạt động trở lại.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

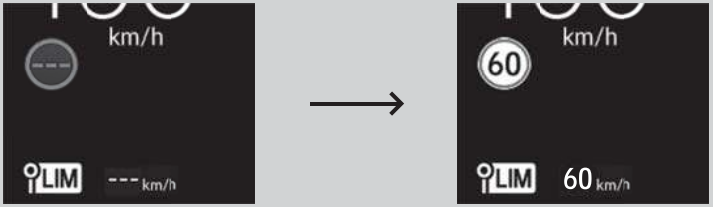


Loại xe có đồng hồ đo loại B

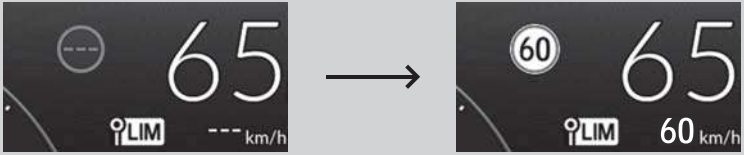




*Còn nữa*

### ■ Khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông không phát hiện biển báo giới hạn tốc độ nào trong khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh hoạt động

Trong khi lái, khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông không phát hiện biển báo giới hạn tốc độ nào, hệ thống nhận diện biển báo giao thông có thể không hiển thị giới hạn tốc độ, nhưng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh vẫn tiếp tục hoạt động.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

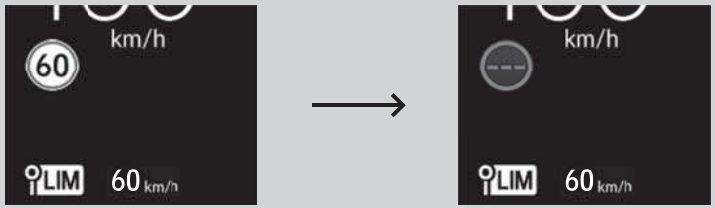


Loại xe có đồng hồ đo loại B

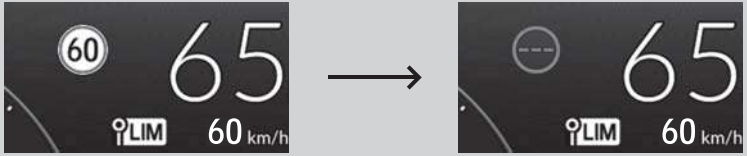

## ■ Vượt quá giới hạn tốc độ tạm thời

Xe có thể vượt quá tốc độ giới hạn nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

▶ Tốc độ giới hạn được hiển thị nhấp nháy.
Tiếng bíp vang lên khi xe chạy vượt quá tốc độ giới hạn.

## ■ Hủy

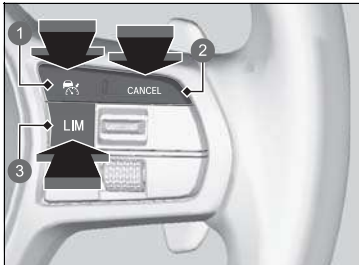


❶ Nút
❷ Nút **CANCEL**
❸ Nút **LIM**

Để hủy hệ thống giới hạn tốc độ thông minh, hãy làm một trong các cách sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút .
- Ấn nút **LIM**.

**Vượt quá giới hạn tốc độ tạm thời**

Tiếng bíp vang lên khi tốc độ xe cao hơn tốc độ giới hạn đã thiết lập khi nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh sẽ hoạt động trở lại khi tốc độ xe thấp hơn tốc độ giới hạn đã thiết lập.

**Hủy**

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh sẽ chuyển sang Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp hoặc hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh nếu ấn nút **LIM**.

❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Đèn báo hệ thống giới hạn tốc độ thông minh (Màu trắng)

Nếu hệ thống giới hạn tốc độ thông minh hoặc hệ thống nhận diện biển báo giao thông có sự cố khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh đang hoạt động, tiếng bíp sẽ vang lên và đèn báo **TẮT** sẽ sáng. Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh sẽ tắt.

**Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*** Tr. 756



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ duy trì lực bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này làm được như vậy nhờ điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

## ■ Vận hành VSA

❶ Đèn báo hệ thống VSA

Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống phanh thủy lực. Và nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng liên tục trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

VSA không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều khiển ổn định điện tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.

Các đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (Màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy 12 vôn.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.
Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Bật và Tắt VSA

Bạn có thể tắt một phần các tính năng VSA bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➲ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165, 194
➲ **Chế độ hỗ trợ ổn định xe** Tr. 209

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

VSA sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

**»Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)**

Trong một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt VSA tạm thời.

Khi hệ thống VSA tắt, chức năng kiểm soát độ bám đường sẽ kém hiệu quả hơn. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống, ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Khi hệ thống VSA tắt, chức năng hỗ trợ ổn định rơ moóc cũng tắt.

➲ **Hỗ trợ ổn định rơ moóc*** Tr. 606



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hỗ trợ xử lý nhanh

Khi cần, hãy phanh nhẹ từng bánh trước và sau khi xoay vô lăng, giúp hỗ trợ sự ổn định và hiệu suất của xe khi vào cua.

Hỗ trợ xử lý nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi điều kiện lái. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng liên tục trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Điều này là bình thường.

# Hệ dẫn động bốn bánh (AWD) thời gian thực với Hệ thống điều khiển thông minh*

Xe của bạn được trang bị hệ thống AWD. Khi hệ thống phát hiện mất độ bám bánh trước, hệ thống sẽ tự động truyền một phần lực kéo đến bánh sau. Điều này cho phép bạn tận dụng toàn bộ độ bám hiện có và có thể tăng khả năng di chuyển.

Bạn vẫn cần phải hết sức cẩn thận khi tăng tốc, đánh lái và phanh như khi lái xe hai bánh.

Nếu bạn quay quá nhiều cả bốn bánh và làm quá nhiệt hệ thống AWD, chỉ có bánh trước nhận được lực kéo. Hãy dừng xe cho đến khi hệ thống nguội lại.

Hệ dẫn động bốn bánh (AWD) thời gian thực với Hệ thống điều khiển thông minh*

CHÚ Ý

Không nên liên tục quay bánh trước của xe. Việc quay bánh trước liên tục có thể gây hư hỏng hộp số hoặc vi sai sau.

Hệ thống AWD có thể không hoạt động bình thường nếu loại và kích thước lốp không đồng nhất. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

**Thay lốp và bánh xe** Tr. 851



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Đài Loan

# Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống TPMS của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hoặc nhiều lốp bị non hơi.

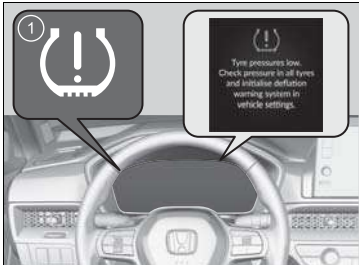


Điều này sẽ làm đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

❶ Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS

## Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng.

Nên kiểm tra và bơm lốp khi:
- Thời tiết ấm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ấm hơn.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

TPMS không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.
➔ **Kiểm tra và bảo dưỡng** Tr. 849

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:
- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng nhanh.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Áp suất lốp giảm nhanh.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS có thể sáng trong những điều kiện sau:
- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với điều kiện lúc hiệu chỉnh.

## ■ Hiệu chỉnh TPMS

Bạn phải hiệu chỉnh TPMS mỗi khi bạn:
- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh TPMS:
- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.
  ➡ **Kiểm tra lốp** Tr. 849

Đảm bảo:
- Xe dừng hẳn.
- Xe ở số P.
- Chế độ nguồn ở BẬT.

**»Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)**

Các đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (Màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.
Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

**»Hiệu chỉnh TPMS**

Quy trình hiệu chỉnh mất khoảng 30 phút lái xe liên tục với tốc độ từ 40-100 km/h.
Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu đặt chế độ nguồn ở BẬT và xe không chạy trong vòng 45 giây, bạn có thể nhận thấy đèn báo áp suất lốp thấp sẽ sáng trong giây lát. Điều này là bình thường và cho biết quy trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn thành.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS vẫn sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp có cùng nhãn hiệu, chủng loại và kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.



*Còn nữa*

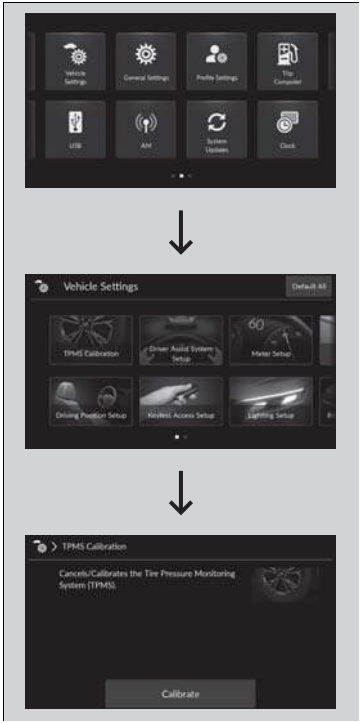


Khi hiệu chỉnh hệ thống TPMS, hãy thực hiện như sau.

**Vận hành cơ bản** Tr. 486

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
**2.** Ấn nút HOME.
**3.** Chọn **Vehicle Settings**.
**4.** Chọn **TPMS Calibration**.
**5.** Chọn **Calibrate**.

- Nếu thông báo **Calibration Failed To Start. (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh)** xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

# Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hoặc nhiều lốp bị non hơi.

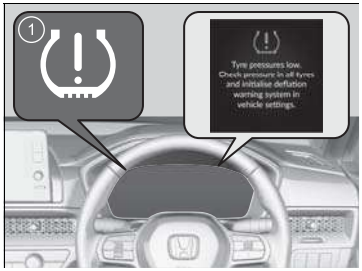


❶ Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp

Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

## Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Nên kiểm tra và bơm lốp khi:
- Thời tiết ấm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ấm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.
Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.
➔ **Kiểm tra và bảo dưỡng** Tr. 849

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:
- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng nhanh.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp*.
- Áp suất lốp giảm nhanh.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ sáng trong những điều kiện sau:
- Sử dụng lốp dự phòng cỡ nhỏ*.
- Có tải trọng nặng hơn và không đều lên các lốp, chẳng hạn như khi kéo rơ moóc*, so với điều kiện tại thời điểm hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp*.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Hiệu chỉnh Hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.
  ➔ **Kiểm tra lốp** Tr. 849

Đảm bảo:

- Xe dừng hẳn.
- Xe ở số P.
- Chế độ nguồn ở BẬT.

### Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Các đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (Màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy 12 vôn.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.

### Hiệu chỉnh Hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Không thể hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp nếu xe được lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ*.
Quy trình hiệu chỉnh mất khoảng 30 phút lái xe liên tục với tốc độ từ 40-100 km/h.
Trong thời gian này, nếu chế độ nguồn được bật và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn có thể nhận thấy đèn báo áp suất lốp thấp sẽ sáng trong giây lát. Điều này là bình thường và cho biết quy trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp*, hãy tháo ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp vẫn sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp có cùng nhãn hiệu, chủng loại và kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

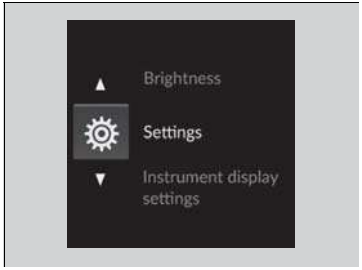


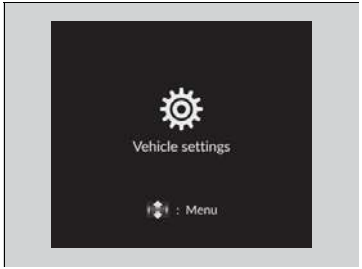


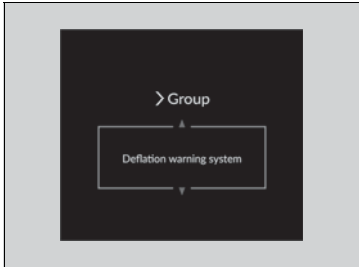


Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hãy thực hiện như sau.

**Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165

**1.** Ấn nút (màn hình chính), để chọn **Cài đặt**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
▶ **Cài đặt xe** sẽ xuất hiện trên màn hình.

**2.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái.
▶ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp** sẽ xuất hiện trên màn hình.



*Còn nữa*

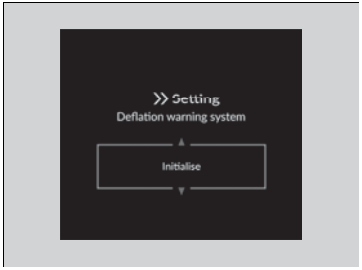


**3.** Ấn vòng lựa chọn bên trái.
▶ Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chỉnh, bạn có thể chọn **Cancel (Hủy)** hoặc **Initialise (Khởi tạo)**.

**4.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **Initialise (Khởi tạo)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
▶ Màn hình **Completed (Hoàn thành)** xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở về màn hình danh mục tùy chỉnh.

- Nếu thông báo **Failed (Thất bại)** xuất hiện, lặp lại bước 4.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

Khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hãy thực hiện như sau.

➡ **Vận hành cơ bản** Tr. 389

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
**2.** Ấn nút HOME .
**3.** Chọn **Vehicle Settings**.
**4.** Chọn **Hiệu chỉnh TPMS***1**/Hệ thống cảnh báo xẹp lốp***2**.
**5.** Chọn **Calibrate** hoặc **Cancel**.

- Nếu thông báo **Calibration Failed To Start. (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh)** xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines



*Còn nữa*

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp sẵn Google

Khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hãy thực hiện như sau.

**Vận hành cơ bản** Tr. 486

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút HOME.
3. Chọn **Vehicle Settings**.
4. Chọn **Hiệu chỉnh TPMS**[*1]**/Hệ thống cảnh báo xẹp lốp**[*2].
5. Chọn **Calibrate**.

- Nếu thông báo **Calibration Failed to Start. (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh)** xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

# Hệ thống thông tin điểm mù*

Khi hệ thống phát hiện các phương tiện đang đến gần từ phía sau ở các làn đường bên cạnh, đèn báo tương ứng sẽ sáng nhằm hỗ trợ khi bạn chuyển làn đường.

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống hoạt động khi xe bạn đang chạy về phía trước với tốc độ từ 20 km/h trở lên.

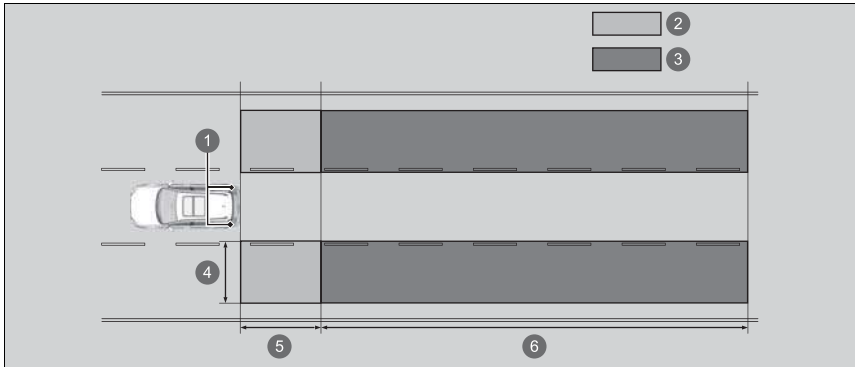


❶ Cảm biến ra-đa: bên dưới các góc của cản sau.
❷ Vùng cảnh báo 1
❸ Vùng cảnh báo 2
Phạm vi vùng cảnh báo
❹ Xấp xỉ 0,5 ~ 3 mét tính từ sườn xe.
❺ Xấp xỉ 3 mét tính từ cản sau.
❻ Xấp xỉ 3 ~ 25 mét tính từ phía sau cản sau. (Xe đang đến gần chạy càng nhanh, thì khoảng cách phát hiện càng xa.)

Vùng cảnh báo được cài đặt ban đầu là vùng cảnh báo 1. Theo thời gian, sau khi xe được lái trên đường thẳng có các phương tiện giao thông và vật thể bên đường, hệ thống sẽ đi vào và mở rộng vùng cảnh báo (vùng cảnh báo 1 và 2).

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Hệ thống thông tin điểm mù*

**Nhắc nhở quan trọng về an toàn**

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ, Hệ thống thông tin điểm mù cũng có những hạn chế. Luôn nhìn vào gương ở hai bên xe và đằng sau bạn để quan sát các xe khác trước khi chuyển làn đường. Việc quá phụ thuộc vào Hệ thống thông tin điểm mù có thể dẫn đến va chạm.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

- Cản sau hoặc khu vực xung quanh cảm biến ra-đa bị tác động mạnh.
- Đèn báo không sáng ngay cả khi xe ở vùng cảnh báo cần được phát hiện.
- Cản sau hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống cần được sửa chữa.

Nếu cần sửa chữa cản sau hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống, hệ thống sẽ chỉ trở lại vùng cảnh báo 1 cho đến khi có thể đi vào và mở rộng sang vùng cảnh báo 1 và 2.

Để Hệ thống thông tin điểm mù hoạt động đúng cách:

- Luôn giữ cản sau và khu vực xung quanh cảm biến ra-đa sạch sẽ.
- Không che khu vực góc cản sau bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.

## ■ Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác

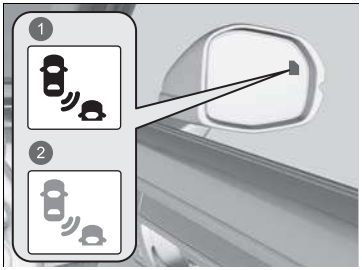


❶ Sáng
❷ Nhấp nháy

Đèn báo cảnh báo Hệ thống thông tin điểm mù: Nằm trên gương cửa ngoài xe ở cả hai bên.

**Sáng khi:**

- Có một xe đang đi đến từ phía sau để vượt xe bạn với tốc độ chênh lệch so với xe của bạn không quá 50 km/h.
- Bạn vượt một xe khác với tốc độ chênh lệch so với xe đó không quá 20 km/h.

**Nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi:**

Bạn sử dụng cần gạt xi nhan để báo hiệu rẽ theo hướng xe được phát hiện trong khi đèn báo cảnh báo Hệ thống thông tin điểm mù sáng.

▶ Tiếng bíp vang lên ba lần.

### Hệ thống thông tin điểm mù*

Hệ thống chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Ngay cả khi có một vật thể nằm trong vùng cảnh báo, các tình huống sau vẫn có thể xảy ra.

- Đèn cảnh báo Hệ thống thông tin điểm mù không sáng và thông báo **Blind spot information not available (Thông tin điểm mù không khả dụng)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Đèn cảnh báo Hệ thống thông tin điểm mù có thể sáng ngay cả khi có thông báo hiển thị.

Các đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (Màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy 12 vôn.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Tắt hệ thống khi kéo rơ moóc.
Hệ thống có thể không hoạt động bình thường vì những lý do sau:

- Khối lượng tăng thêm làm nghiêng xe và thay đổi phạm vi phủ sóng ra-đa.
- Bản thân rơ moóc có thể bị các cảm biến ra-đa phát hiện, khiến đèn báo cảnh báo Hệ thống thông tin điểm mù sáng.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Bật và tắt hệ thống thông tin điểm mù

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165, 194
➔ **Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207

Hệ thống thông tin điểm mù sẽ duy trì ở cài đặt bật hoặc tắt đã chọn trước đó mỗi khi bạn khởi động động cơ.

**»Hệ thống thông tin điểm mù***

Bạn có thể thay đổi cài đặt Hệ thống thông tin điểm mù.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống thông tin điểm mù

Đèn cảnh báo Hệ thống thông tin điểm mù có thể không sáng trong các điều kiện sau:

- Tốc độ giữa xe bạn và xe ở làn đường bên cạnh có sự chênh lệch lớn.
- Có một xe khác đang đỗ ở làn đường bên cạnh.
- Có một vật thể mà cảm biến ra-đa không phát hiện được sẽ đi đến hoặc vượt xe bạn.
- Phương tiện chạy ở làn đường bên cạnh là xe máy hoặc các phương tiện nhỏ khác.

Hệ thống thông tin điểm mù có thể không hoạt động bình thường trong các điều kiện sau:

- Rẽ ở giao lộ.
- Phát hiện vật thể (lan can, cột điện, cây cối, v.v.).
- Vật thể không phản xạ sóng radio tốt hoặc xe máy nằm trong vùng cảnh báo.
- Lái xe trên đường quanh co.
- Có xe khác đang di chuyển từ làn xa sang làn bên cạnh.
- Hệ thống thu nhiễu tín hiệu từ các cảm biến ra-đa của xe khác hoặc thu sóng radio mạnh từ một địa điểm gần đó.
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh các cảm biến ra-đa bị bụi bẩn, bùn, tuyết, băng, v.v che phủ.
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh các cảm biến ra-đa bị hư hỏng hoặc biến dạng.
- Khi thời tiết xấu (mưa lớn, tuyết và sương mù).
- Vào cua gấp hoặc lái xe trên đường mấp mô làm xe bị nghiêng nhẹ.
- Có một vật thể như giá để xe đạp được lắp vào phía sau xe.

# Quan sát làn đường*

Quan sát làn đường là hệ thống hỗ trợ giúp bạn kiểm tra khu vực sau phía hành khách được hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi gạt cần xi nhan sang phía hành khách.

Ngoài cách kiểm tra trực quan và sử dụng gương cửa phía hành khách, camera trong gương cửa phía hành khách theo dõi khu vực này và giúp bạn kiểm tra xem có xe nào không. Bạn cũng có thể bật hệ thống để thuận tiện trong khi lái xe.

❶ Camera

Loại vô lăng bên phải

Hệ thống sẽ hoạt động khi bạn thực hiện một trong các thao tác sau:
- Ấn nút Quan sát làn đường.
- Gạt cần xi nhan sang phía hành khách.

Hệ thống sẽ tắt khi bạn ấn nút Quan sát làn đường một lần nữa.

❶ Nút Quan sát làn đường

Quan sát làn đường*

## ⚠CẢNH BÁO

Nếu trước khi chuyển làn đường mà bạn không quan sát kỹ thì rất dễ xảy ra va chạm, gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không nên phụ thuộc vào Hệ thống quan sát làn đường khi lái xe.

Luôn nhìn vào gương ở hai bên xe và đằng sau bạn để quan sát các xe khác trước khi chuyển làn đường.

**Nhắc nhở quan trọng về an toàn**

Như các hệ thống hỗ trợ khác, Quan sát làn đường cũng có những hạn chế. Quá phụ thuộc vào Hệ thống quan sát làn đường có thể dẫn đến va chạm.

Chức năng quan sát làn đường có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết, ánh sáng (gồm đèn chiếu sáng và mặt trời lặn xuống thấp), bóng tối xung quanh, tình trạng camera, và tình trạng tải của xe.

Quan sát làn đường có thể không hiển thị đúng lưu lượng giao thông ở hai bên và phía sau xe trong các trường hợp sau:
- Hệ thống treo của xe bị thay đổi, làm thay đổi độ cao của xe.
- Lốp xe quá căng hoặc quá non.
- Các lốp xe hoặc các bánh xe khác nhau về kích thước và cấu tạo.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

❶ Nút Quan sát làn đường

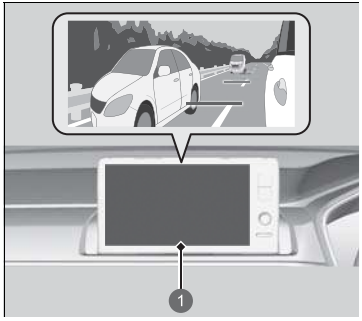


❶ Màn hình âm thanh/Thông tin

Tầm nhìn phía hành khách hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.

**■ Tùy chỉnh cài đặt Quan sát làn đường**

Bạn có thể tùy chỉnh các mục sau bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin.

- **Show with turn signal**[*1]**/Show with indicator**[*2]: Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan sát làn đường khi vận hành cần xi nhan.
- **Display Time after Turn Signal Off**[*1]**/Display Time after Indicator Off**[*2]: Thay đổi thời gian sáng màn hình Quan sát làn đường sau khi bạn kéo cần xi nhan về phía sau.
- **Show Reference Line**: Chọn hiển thị hoặc không hiển thị vạch khoảng cách trên màn hình Quan sát làn đường.
- **Display**: Điều chỉnh cài đặt hiển thị.

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443

**Quan sát làn đường***

Tầm quan sát của camera Quan sát làn đường rất hạn chế. Thấu kính của camera làm cho vật thể trông hơi khác một chút so với thực tế.

Màn hình Quan sát làn đường không sáng khi cần số ở R.

Để hệ thống Quan sát làn đường hoạt động tốt:

- Đặt camera trong gương cửa phía hành khách. Luôn giữ camera sạch sẽ. Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.
- Không che phủ thấu kính camera bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.
- Không chạm vào thấu kính camera.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Vạch tham chiếu

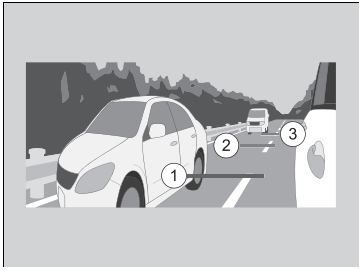


Ba vạch kẻ xuất hiện trên màn hình có thể đưa ra nhận định về khoảng cách tương ứng từ xe của bạn đến xe khác hoặc đến vật thể. Nếu vật thể ở gần vạch ① (màu đỏ), tức là vật thể đó ở gần xe của bạn, còn nếu vật thể ở gần vạch ③ thì có nghĩa cách xa xe bạn.

Vạch tham chiếu

Khu vực xung quanh vạch ① (màu đỏ) rất gần xe của bạn. Luôn quan sát làn đường để đảm bảo an toàn trước khi chuyển làn.

Khoảng cách giữa xe của bạn và các vạch ①, ② và ③ trên màn hình phụ thuộc vào điều kiện đường sá và tải trọng của xe. Ví dụ, các vạch tham chiếu trên màn hình có thể hiện ra gần hơn khoảng cách thực tế khi phía sau xe của bạn đang tải nặng.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Gương cửa phía hành khách, hoặc khu vực xung quanh bị tác động mạnh dẫn đến thay đổi góc camera.
- Màn hình Quan sát làn đường không hoạt động.

# Điều chỉnh phân bố đèn chiếu sáng*

Lái loại xe có vô lăng bên phải ở bên phải đường, hoặc lái loại xe có vô lăng bên trái ở bên trái đường sẽ khiến đèn chiếu sáng làm chói mắt các xe đang đến gần. Bạn cần thay đổi phân bố ánh sáng của đèn chiếu sáng bằng cách sử dụng băng dính bề mặt.

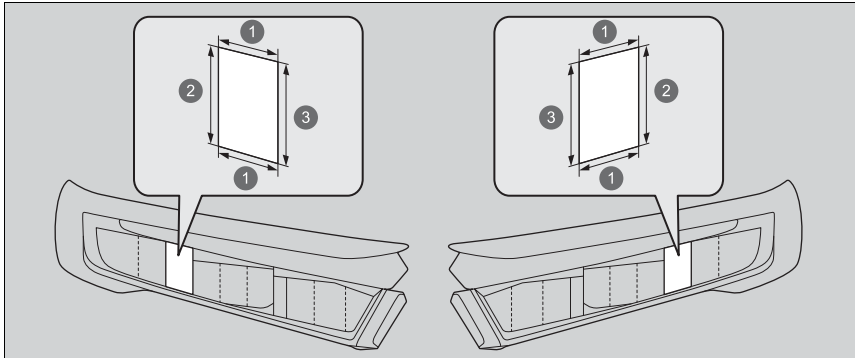


❶ 45 mm
❷ 49 mm
❸ 48 mm

**1.** Chuẩn bị hai miếng băng dính che chắn như hình minh họa.
▶ Sử dụng băng dính bề mặt có thể cản được sáng, như loại keo dán nhựa không thấm nước.
**2.** Dán băng dính vào thấu kính như hình vẽ.

**Điều chỉnh phân bố đèn chiếu sáng***

Cẩn thận không dán băng dính sai vị trí. Ánh sáng đèn chiếu sáng phân bố không đúng cách có thể không phù hợp với yêu cầu về pháp lý của quốc gia mà bạn đang lái xe. Liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh, và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau.

**■ Các chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt**

- Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) ➡ Tr. 677
- Điều khiển phanh ở tốc độ thấp* ➡ Tr. 691
- Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ➡ Tr. 697
- Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* ➡ Tr. 751
- Hệ thống nhận diện biển báo giao thông* ➡ Tr. 756
- Đèn pha thích ứng tự động ➡ Tr. 269
- Hệ thống thông tin điểm mù* ➡ Tr. 665
- Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường* ➡ Tr. 785
- Hệ thống cảm biến đỗ ➡ Tr. 779
- Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái ➡ Tr. 173, 202

**■ Các chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt**

- Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp ➡ Tr. 707
- Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ➡ Tr. 729
- Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh* ➡ Tr. 644

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

- Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường ➡ Tr. 742





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Vận hành các công tắc cho Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp/Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)/Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường*

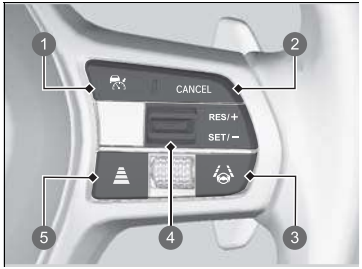


❶ Nút
Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

❷ Nút **CANCEL**
Ấn để hủy ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

❸ Nút LKAS
Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*.
Hoặc ấn để hủy các hệ thống này.

❹ Công tắc **RES/+/SET/−**
Gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên để cài đặt hoặc tiếp tục ACC bao gồm Dải tốc độ thấp hoặc tăng tốc độ xe.
Gạt công tắc **RES/+/SET/−** xuống để cài đặt ACC bao gồm Dải tốc độ thấp hoặc giảm tốc độ xe.

❺ Nút khoảng cách
Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Nội dung hiển thị trên đồng hồ đo

Bạn có thể xem trạng thái hiện tại của Hệ thống kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) và Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Loại xe có đồng hồ đo loại B

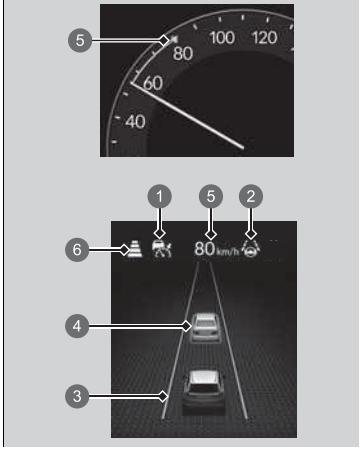


❶ Biểu thị ACC bao gồm Dải tốc độ thấp đã sẵn sàng hoạt động.
- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

❷ Biểu thị LKAS hoặc Hỗ trợ lái xe khi tắc đường* đã sẵn sàng hoạt động.
- Màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
- Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

❸ Biểu thị Hệ thống LKAS hoặc Hỗ trợ lái xe khi tắc đường* được kích hoạt và có phát hiện các vạch làn đường giao thông hay không.
- Vạch màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
- Vạch màu trắng: Phát hiện vạch làn đường.
- Vạch màu hổ phách: Phát hiện chệch làn đường.

❹ Biểu thị có phát hiện xe phía trước hay không.

Loại xe có đồng hồ đo loại B
- Xe mục tiêu trong tầm kiểm soát: Màu trắng và điểm vạch màu xanh lục
- Xe nằm ngoài phạm vi phát hiện của hệ thống: Màu xám

❺ Biểu thị tốc độ xe đã thiết lập ở ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

❻ Biểu thị khoảng cách xe đã thiết lập ở ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

Nội dung hiển thị trên đồng hồ đo

Loại xe có màn hình hiển thị trên kính chắn gió

Bạn có thể để màn hình hiển thị trên kính chắn gió hiển thị thông tin trạng thái hiện tại của từng chức năng.

**Màn hình hiển thị trên kính chắn gió***
Tr. 212





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xác định xe của bạn có khả năng va chạm với xe (bao gồm cả xe máy) phía trước từ phía sau, xe ngược chiều từ phía trước, xe đang tiến đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc người đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển).

CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

**Nhắc nhở quan trọng về an toàn**

CMBS có chức năng làm giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS có thể không hoạt động hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

➔ **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 683

Để biết hướng dẫn sử dụng cảm biến ra-đa đúng cách, vui lòng tham khảo trang sau.

➔ **Cảm biến ra-đa** Tr. 765

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

➔ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763



*Còn nữa*

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

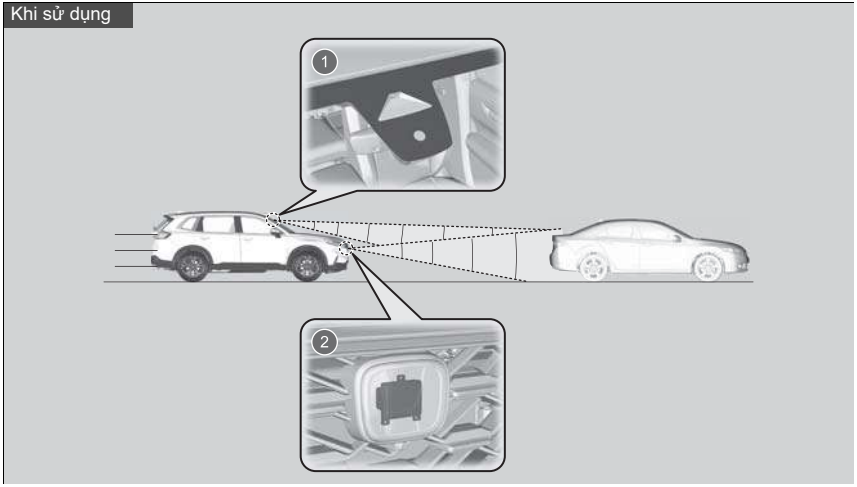


❶ Camera cảm biến phía trước được đặt phía sau gương chiếu hậu.
❷ Cảm biến ra-đa nằm phía sau biểu tượng Honda trên lưới tản nhiệt phía trước.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng 5 km/h trở lên và sẽ tìm kiếm xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

**Cách hoạt động của hệ thống**

Camera trong CMBS cũng được thiết kế để phát hiện người đi bộ.
Tuy nhiên, chức năng phát hiện người đi bộ này có thể không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe trong các điều kiện nhất định.
Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

**Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 683

CMBS hoạt động khi:

- Phát hiện ra chênh lệch giữa tốc độ xe của bạn và xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ, hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước cách khoảng 5 km/h trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 30 km/h trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với một xe đang đến gần (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển được phát hiện khi bạn rẽ phải*1/rẽ trái*2 tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:

- Phát hiện có xe đang tới hoặc đang dừng (bao gồm cả xe máy) ở phía trước bạn.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.
- Xe phía trước đang đi đến từ bên cạnh.

CMBS sẽ bị hủy khi xe của bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn khả năng xảy ra va chạm.
CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh va chạm.

*1 : Loại vô lăng bên phải
*2 : Loại vô lăng bên trái

*Còn nữa*

## ■ Khi hệ thống kích hoạt

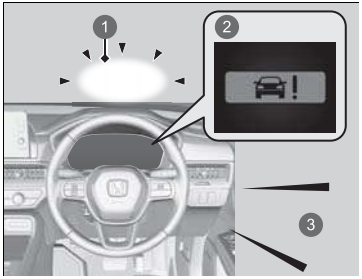


Hệ thống đưa ra cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng cảnh báo nếu tránh được va chạm.

▶ Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (dùng phanh, chuyển làn, v.v.)

❶ Đèn cảnh báo trên kính chắn gió*
❷ Cảnh báo bằng hình ảnh
❸ Cảnh báo bằng âm thanh

Bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Long (Dài)**[*1]/**Far (Xa)**[*2], **Normal (Trung bình)** hoặc **Short (Ngắn)**[*1]/**Near (Gần)**[*2]) giữa các xe mà hệ thống sẽ phát ra cảnh báo va chạm sớm nhất.

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Khi ở khoảng cách **Long (Dài)**[*1]/**Far (Xa)**[*2], cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn so với xe phía trước trong cài đặt **Normal (Trung bình)** và **Short (Ngắn)**[*1]/**Near (Gần)**[*2], ở khoảng cách ngắn hơn so với **Normal (Trung bình)**.

*1 : Các loại xe tại Campuchia, Lào, Philippines và Đài Loan
*2 : Ngoại trừ các loại xe tại Campuchia, Lào, Philippines và Đài Loan

### Khi hệ thống kích hoạt

**Các loại xe có màn hình hiển thị trên kính chắn gió**

Cảnh báo trên kính chắn gió sử dụng thấu kính nằm ở phía trước bảng táp-lô.
Không che thấu kính hoặc làm đổ bất kỳ chất lỏng nào lên thấu kính.

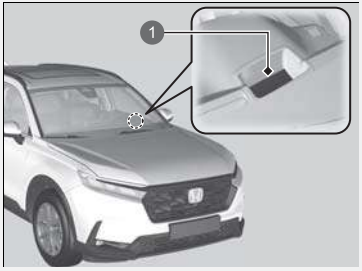


❶ Thấu kính





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Giai đoạn cảnh báo va chạm

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

| Khoảng cách giữa các xe | | CMBS | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Cảm biến phát hiện xe | CẢNH BÁO bằng âm thanh vàhình ảnh | Phanh |
| Giai đoạn một | 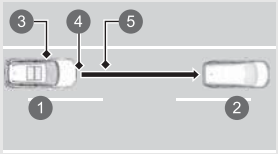 | Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước xe bạn. | Đèn báo nhấp nháy.<br>Nếu khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước càng gần hơn, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên cùng với đèn báo nhấp nháy.<br>▶ Có thể thay đổi khoảng cách cảnh báo va chạm.<br>➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183<br>➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540 | — |
| Giai đoạn hai | 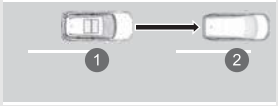 | Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm. | Cảnh báo bằng cả hình ảnh và âm thanh. | Nhấn nhẹ |
| Giai đoạn ba | 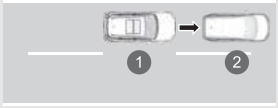 | CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm. | | Nhấn mạnh |

❶ Xe của bạn
❷ Xe phía trước
❸ **Long**[*1]**/Far**[*2] **(Dài**[*1]**/Xa**[*2]**)**
❹ **Bình thường**
❺ **Short**[*1]**/Near**[*2] **(Ngắn**[*1]**/Gần**[*2]**)**

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào, Philippines và Đài Loan
*2 : Ngoại trừ các loại xe tại Campuchia, Lào, Philippines và Đài Loan

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Bật và Tắt CMBS

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➲ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165, 194

➲ **Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

### Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Bạn không thể tắt CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách) sẽ sáng liên tục trong các điều kiện nhất định.

➲ **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 683

Khi CMBS được kích hoạt, hệ thống vẫn sẽ hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, hệ thống sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phát hiện thấy bất kỳ hoạt động bất thường nào của hệ thống (ví dụ: thông báo cảnh báo xuất hiện quá thường xuyên).

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Điều kiện và hạn chế của CMBS

Trong những tình huống sau, cảm biến radar hoặc camera có thể không phát hiện chính xác được các phương tiện, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc tình trạng đường sá, có khả năng khiến CMBS hoạt động không đúng cách.

➔ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

➔ **Cảm biến ra-đa** Tr. 765

### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Sự thay đổi đột ngột giữa sáng và tối, chẳng hạn như lối vào hoặc lối ra của đường hầm.
- Có rất ít khác biệt giữa vật thể và nền không gian.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên các phương tiện (bao gồm cả xe máy), người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc đường.
- Lái xe trong bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Các vật thể hoặc cấu trúc đường sá bị hiểu nhầm là phương tiện và người đi bộ.
- Phản chiếu bên trong kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc các phương tiện khác [bao gồm cả xe máy] có thể không được phát hiện).
- Khi ở gần các thiết bị phát sóng radio như các cảm biến ra-đa ô tô khác.

### ■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường đầy tuyết hoặc ướt (vạch phân cách làn đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, nước bắn trên đường, độ tương phản cao).
- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Lái xe qua khu vực có các vật thể phản xạ mạnh sóng radio lên phương tiện (bao gồm cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

*Còn nữa*

**■ Điều kiện xe**

- Ống kính đèn chiếu sáng bị bẩn hoặc đèn chiếu sáng không được điều chỉnh đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Khi lắp đặt xích bọc lốp*.
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng hoặc do thay đổi hệ thống treo.
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Khi cảm biến ra-đa phía sau biểu tượng Honda trên lưới tản nhiệt phía trước bị bẩn.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tầm nhìn của camera bị che khuất bởi những giọt nước bắn ra từ bộ rửa kính hoặc từ các lưỡi gạt nước.
- Xe vận hành không ổn định do đường trơn trượt. v.v.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Xe đang kéo rơ moóc.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ Ví dụ về những hạn chế trong việc phát hiện chính xác cảm biến ra-đa hoặc camera do tình trạng của xe phía trước, xe ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển**

- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe (bao gồm cả xe máy) phía trước, xe đang đến gần từ bên cạnh, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước quá ngắn.
- Xe (bao gồm cả xe máy) phía trước, xe đang đến gần từ bên cạnh, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển đột ngột cắt ngang trước mặt bạn hoặc vượt lên trước mặt bạn.
- Xe đạp dừng lại.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước (kể cả xe máy) chạy ngang hoặc chéo.
- Khi xe (bao gồm cả xe máy) phía trước, xe đang đến gần từ bên cạnh, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển hòa vào cảnh nền, khiến hệ thống không thể nhận diện được.
- Khi có nhóm người đi bộ di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi có nhóm người đi xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước xe bạn hoặc xe đang đến gần sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi một phần của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị đồ vật mang theo che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hoặc ngồi xổm, khi giơ hai tay hoặc khi chạy.
- Khi người đi bộ thấp hơn 1 mét hoặc cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.
- Xe đang đi đến từ bên cạnh theo hướng chéo.
- Xe có hình dạng đặc biệt (như xe bồn hoặc xe tải không chở hàng) đang đi đến từ bên cạnh.
- Xe đang đi đến từ bên cạnh đang đi trên một khúc cua hoặc đường đồi.

**»Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)**

Đảm bảo tất cả lốp xe đều cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu quy định và mòn đều.
Nếu bạn sử dụng các lốp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động không tốt.



*Còn nữa*

### ■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống

- Khi xe phía trước bạn là xe máy nhỏ, xe máy có thùng xe bên, xe lăn, xe ba bánh hoặc các loại xe có hình dạng đặc biệt khác.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe (bao gồm cả xe máy) phía trước, xe ngược chiều, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển là rất lớn.
- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh là rất lớn.
- Khi xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng để tránh va chạm.
- Khi bạn đến gần xe (bao gồm cả xe máy) phía trước, xe ngược chiều, xe đang di chuyển từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển trong khi tăng tốc nhanh hoặc điều khiển vô lăng (trừ khi rẽ phải[*1]/trái[*2] tại đoạn đường giao nhau, v.v.)[*3]
- Khi xe đạp đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi ra-đa và camera không thể xác định chính xác hình dạng của phương tiện (bao gồm cả xe máy) phía trước, phương tiện đi ngược chiều, phương tiện đang tiến đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước xe bạn rất cao.
- Khi rẽ trái hoặc phải và đèn xi nhan không được bật theo cùng hướng bạn đang rẽ.

*1: Loại vô lăng bên phải

*2: Loại vô lăng bên trái

*3: Khi có khả năng xảy ra va chạm trực diện với xe ngược chiều khi rẽ phải[*1]/trái[*2], CMBS được kích hoạt. Tuy nhiên, hệ thống có thể không hoạt động nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

**■ Tự động tắt**

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách) sẽ sáng và sáng liên tục khi:

- Lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa, đường núi, hoặc đường quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Mặt trước của camera hoặc cảm biến ra-đa phía sau biểu tượng Honda bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (kích cỡ lốp không đúng, lốp bị xẹp, v.v.).

Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.



*Còn nữa*

## ■ Trường hợp ít xảy ra va chạm

Ngay cả khi khả năng va chạm rất thấp, CMBS vẫn có thể kích hoạt trong các điều kiện sau.

Đồng thời, hệ thống có thể hoạt động nếu phát hiện có khả năng xảy ra va chạm với người đi bộ, xe đạp đang di chuyển, hoặc xe khác.

- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Xe của bạn tiến gần xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.

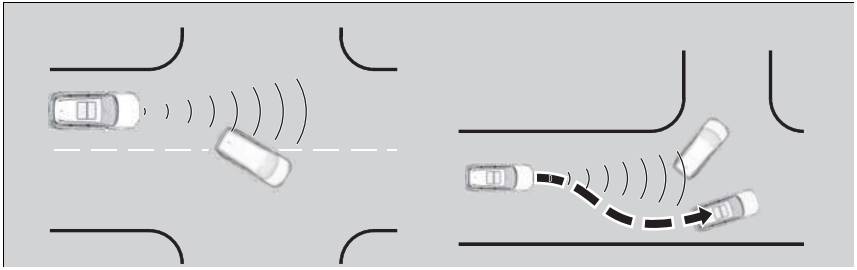

- Khi xe bạn tiến gần xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt lên phía trước xe bạn.
- Khi lái xe qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp ở tốc độ cao.
- Khi bạn lái xe qua đường có gờ giảm tốc, đường ray xe lửa hoặc tấm thép xây dựng.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.

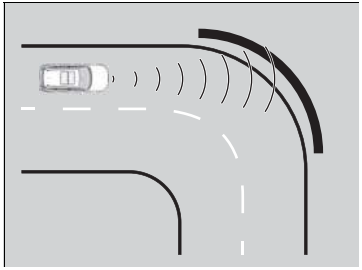

- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang đến gần ở ngay phía trước mặt bạn.

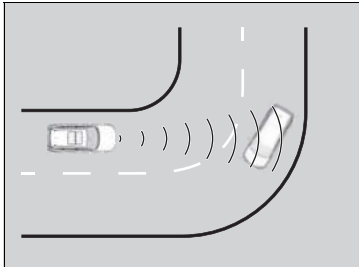

- Khi xe bạn đến gần xe đang đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

*Còn nữa*

- Xe đang đi đến từ bên cạnh khi xe đó đang lái qua một khúc cua.
- Bạn vượt qua một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Bạn vượt phía trước một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp rẽ trái hoặc rẽ phải khi đến gần xe bạn từ bên cạnh.
- Bạn cố vượt trước một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang cố vượt lên trước xe bạn khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đi vào phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải, một người đi bộ băng qua phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Bạn đi ngang qua một chiếc xe đang đỗ trên đường.

# Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*

Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp có ba chức năng: Phanh tốc độ thấp, Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau.
Sử dụng các cảm biến siêu âm đặt trên cản trước và sau, xe sẽ phát hiện nguy cơ va chạm với tường hoặc vật cản khác khi nhấn ga quá mạnh và hệ thống hỗ trợ tránh va chạm và giảm thiệt hại do va chạm bằng cách giới hạn công suất đầu ra hệ thống.

Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*

## ⚠CẢNH BÁO

Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp không thể tránh được mọi va chạm và có thể không làm giảm thiệt hại trong từng tình huống khi nhấn nhầm chân ga hoặc nhấn ga quá mạnh.
Quá phụ thuộc vào hệ thống có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong. Luôn kiểm tra xung quanh, vị trí số và cách sử dụng bàn đạp của bạn. Trách nhiệm của người lái là lái xe an toàn.

Nếu Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp kích hoạt trong tình huống mà bạn không muốn sử dụng phanh tự động (ví dụ như khi xe đang ở giữa hai rào chắn đường sắt), chỉ cần nhấn bàn đạp phanh để tắt hệ thống và sau đó tiếp tục lái xe như ý muốn.

Nếu hệ thống được kích hoạt bởi lề đường/lề đường đỗ xe hoặc độ chênh lệch trên đường và bạn không thể đỗ xe hoặc vượt qua, hãy tắt hệ thống.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

### ■ Chức năng điều khiển phanh ở tốc độ thấp

Chức năng điều khiển phanh ở tốc độ thấp phát cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi phát hiện xe đang di chuyển trong khoảng từ 2 đến 10 km/h và có khả năng xảy ra va chạm với tường hoặc vật cản khác, cũng như hỗ trợ phanh.

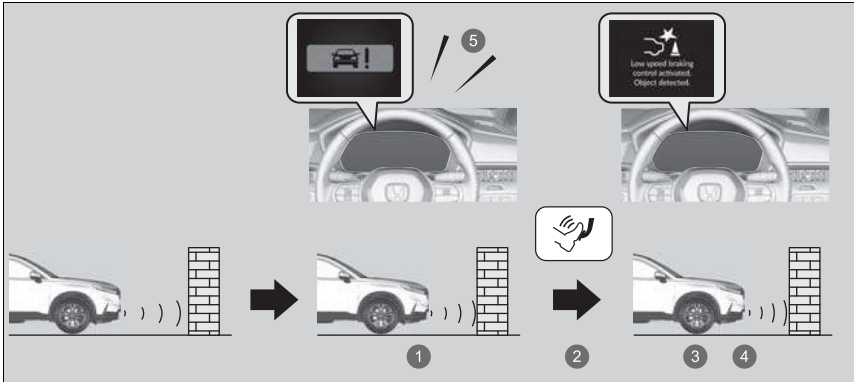


❶ Xe gài phanh
❷ Người lái nhấn bàn đạp phanh
❸ Dừng
❹ Nhả phanh sau khi giữ nguyên vị trí
❺ Cảnh báo bằng âm thanh

Nếu chỉ tắt cảm biến đỗ xe phía sau, chức năng Điều khiển phanh ở tốc độ thấp sẽ không hoạt động khi lùi.

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Điều khiển phanh ở tốc độ thấp*

Để xem hướng dẫn về cách xử lý đúng các cảm biến siêu âm, hãy tham khảo trang sau.

➡ **Cảm biến siêu âm*** Tr. 766

Xe sẽ nhả phanh và bắt đầu di chuyển vài giây sau khi hệ thống được kích hoạt. Để giữ cho xe dừng lại, hãy nhấn bàn đạp phanh hoặc vào số [P].

Để tránh hệ thống kích hoạt khi không cần thiết, hãy luôn tắt hệ thống trong quá trình bảo dưỡng xe, khi xếp hàng lên tàu, xe tải, v.v., hoặc khi sử dụng băng thử khung gầm hoặc con lăn tự do để kiểm tra.

Nếu bạn đặt bất kỳ phụ kiện nào (chẳng hạn như móc kéo hoặc giá để xe đạp) lên hoặc xung quanh cảm biến phía sau, Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp có thể được kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

### ■ Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau

Khi xe dừng hoặc di chuyển ở tốc độ dưới 10 km/h và phát hiện vật cản như tường gần phía trước hoặc phía sau xe, nếu chân ga bị nhấn quá mức cần thiết, hệ thống sẽ thông báo cho bạn bằng cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh. Đồng thời, hệ thống sẽ ngăn chặn chuyển động tiến hoặc lùi đột ngột bằng cách giới hạn công suất của động cơ, sau đó Chức năng điều khiển phanh ở tốc độ thấp sẽ hoạt động khi bạn đến gần vật cản.

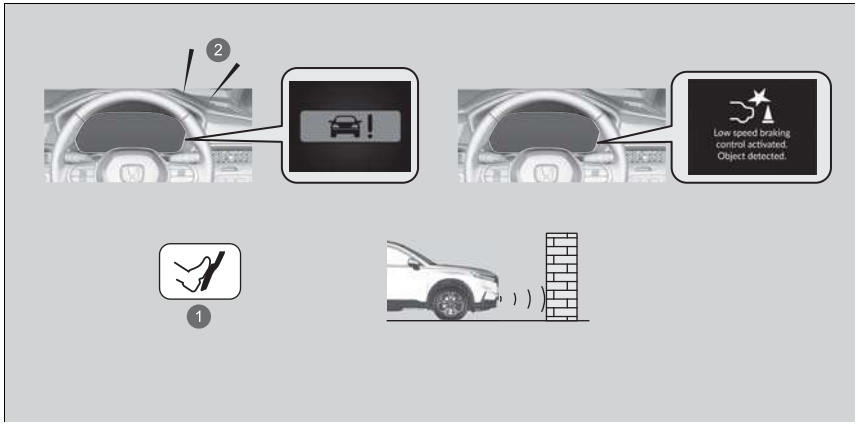


❶ Vô tình nhấn chân ga/Giới hạn công suất của động cơ
❷ Cảnh báo bằng âm thanh

*Còn nữa*

Hệ thống kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Hệ thống kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau sẽ không kích hoạt trong các tình huống sau.
Khi xe tiến về phía trước:
• Khi lên dốc hoặc vị trí số đang ở số [P], [R], hoặc [N].
Khi lùi xe:
• Khi xe lên dốc hoặc vị trí số đang ở số khác ngoài [R].

Nếu chỉ tắt cảm biến đỗ xe phía sau, Hệ thống kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Hệ thống kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau sẽ không hoạt động khi lùi.

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

## ■ Bật và Tắt hệ thống

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

**Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165, 194
**Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207

Hệ thống sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống này ở lần lái xe gần đây nhất.

### Bật và Tắt hệ thống

Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp có thể tạm thời tắt sau khi nối lại ắc-quy.
Hệ thống sẽ tự động BẬT sau khi xe chạy với tốc độ trên 20 km/h trong một khoảng thời gian.
Nếu hệ thống không bật, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

## ■ Điều kiện để hủy

**Điều kiện cho Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau**

- Khi không nhấn chân ga.
- Khi nhấn chân ga trong khoảng bốn giây.
- Khi nhấn bàn đạp phanh.

**Điều kiện để hủy chức năng Điều khiển phanh ở tốc độ thấp:**

- Hệ thống đã hoạt động được một khoảng thoài gian nhất định.

## ■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp

Hệ thống có thể không hoạt động chính xác trong các điều kiện sau:

### ■ Ví dụ về vật cản mà các cảm biến siêu âm không thể phát hiện

- Vật cản không phản xạ tốt sóng âm, ví dụ như người, tuyết, vải, bọt biển, v.v.
- Vật cản mỏng như hàng rào, xe đạp, biển báo, v.v.
- Vật cản ngắn hoặc nhỏ.
- Vật cản ngay trước cản xe.
- Vật cản không vuông góc với mặt đất.
- Các vật thể di chuyển hoặc vật cản đột ngột đi vào đường.

Điều kiện để hủy

Sau khi Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp và Hệ thống kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm đã được kích hoạt một lần, các hệ thống này sẽ không kích hoạt lại cho cùng một vật cản.
Hệ thống có thể được kích hoạt lại sau khi lái xe trong một khoảng thời gian sau lần kích hoạt gần nhất.

Hệ thống điều khiển phanh ở tốc độ thấp được kích hoạt riêng biệt khi tiến và lùi. (Ví dụ: nếu hệ thống kích hoạt khi xe tiến về phía trước, hệ thống có thể được kích hoạt lại ngay lập tức nếu lùi xe.)
Tuy nhiên, nếu chức năng Phanh ở tốc độ thấp đã được kích hoạt, để kích hoạt lại Hệ thống kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm và Kiểm soát bướm ga giảm thiểu va chạm phía sau, cần phải lái xe một quãng đường nhất định để thiết lập lại hệ thống.



*Còn nữa*

**■ Ví dụ về các tình huống mà các cảm biến siêu âm không thể phát hiện vật cản**

- Các cảm biến siêu âm bị bẩn (bị bao phủ bởi tuyết, nước, bùn, v.v.).
- Xe quá nóng hoặc quá lạnh.
- Xoay mạnh vô lăng khi tiếp cận với vật cản ở một góc nghiêng.

**■ Ví dụ về các trường hợp khác mà hệ thống có thể không hoạt động tốt**

- Xe bị nghiêng do chở hành lý nặng hoặc hệ thống treo bị thay đổi.
- Điều kiện thời tiết xấu như mưa lớn, sương mù, tuyết, bão cát, v.v.
- Nhiệt độ/độ ẩm xung quanh quá cao hoặc quá thấp.
- Khi xe đi xuống dốc rất cao.
- Khi lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa như trên đất, cỏ hoặc đá.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).

**■ Các tình huống mà hệ thống có thể kích hoạt ngay cả khi không có nguy cơ xảy ra va chạm**

- Khi đi qua các cổng ngắn hoặc hẹp.
- Khi lái xe trên bề mặt không bằng phẳng, bãi cỏ hoặc những nơi có bậc.
- Khi cột bị nghiêng hoặc bức tường nhô ra từ một vị trí trên cao.
- Khi có vật cản cạnh đường.
- Khi lái xe về phía cờ, rèm cửa, cành cây, thanh chắn đường sắt, v.v.
- Khi lái xe trên đường ngập nước.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Hệ thống sẽ cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe của bạn có khả năng vượt qua vạch kẻ đường đã được phát hiện, hoặc đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện một phương tiện đang chạy tới.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, và/hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường.

»Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

**Nhắc nhở quan trọng về an toàn**

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường cũng có hạn chế. Quá phụ thuộc vào Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ cảnh báo bạn khi hệ thống phát hiện bạn đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào lề đường bằng cỏ hoặc sỏi), một phương tiện đang chạy tới hoặc đi chệch sang làn đường khác mà không bật đèn xi nhan.
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc việc lấn làn.
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể không phát hiện bạn đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (được bao quanh bởi lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc một phương tiện đang chạy tới.
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể không hỗ trợ bạn tùy thuộc vào thời tiết, tốc độ hoặc điều kiện đường sá.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường, làn đường hoặc lòng đường; độ chính xác sẽ thay đổi dựa trên điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch phân cách làn đường. Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

*Còn nữa*

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

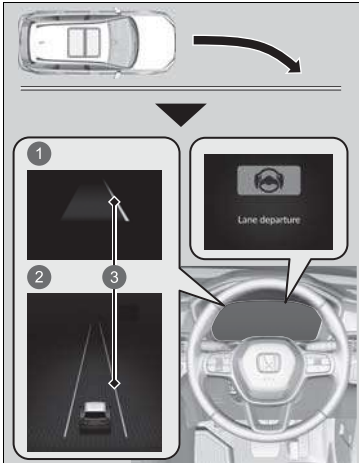


❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Vạch màu hổ phách

Camera phía trước phía sau gương chiếu hậu sẽ theo dõi vạch kẻ đường bên trái và bên phải màu trắng hoặc vàng, mép ngoài của mặt đường (được bao quanh bởi lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện một phương tiện đang chạy tới.
Nếu xe của bạn tiến đến bất kỳ vạch kẻ đường nào được phát hiện, mép ngoài của mặt đường (được bao quanh bởi lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện phương tiện đang chạy tới khi chưa bật đèn xi nhan, hệ thống sẽ được kích hoạt.

▶ Nếu hệ thống không thể phát hiện vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng), sẽ không có hỗ trợ nào được cung cấp để tránh va chạm với phương tiện đang chạy tới. Ngoài cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống còn hỗ trợ đánh lái và cảnh báo bạn bằng cách rung vô lăng nhanh để giúp bạn giữ nguyên làn đường đã phát hiện.

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure (Chệch làn đường)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống sẽ hủy các thao tác hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh vượt qua vạch kẻ đường đã phát hiện hoặc tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc phương tiện đang chạy tới.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

➡ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

➡ **Điều kiện và Hạn chế của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 703

Đôi khi bạn có thể không nhận thấy được các chức năng của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

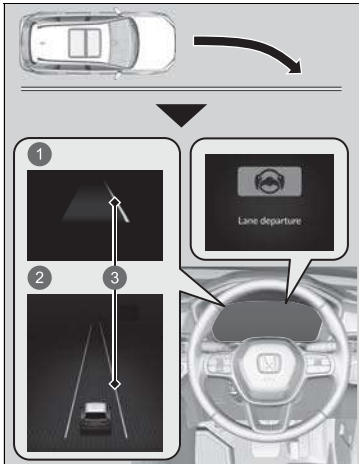


❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Vạch màu hổ phách

Camera trước nằm phía sau gương chiếu hậu sẽ theo dõi vạch kẻ đường bên trái và bên phải (màu trắng hoặc vàng). Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường được phát hiện mà không bật xi nhan thì ngoài cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và cảnh báo bạn bằng rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure (Chệch Làn Đường)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện.

## Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.
Nếu LKAS hoặc Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường bị tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định rằng xe của bạn có khả năng vượt qua vạch kẻ đường đã được phát hiện, mép ngoài của vỉa hè (vào lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc phương tiện đang chạy tới.

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.
Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định rằng xe bạn có thể chèn qua vạch phân cách làn đường được phát hiện.

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Tất cả các loại xe

❶ Đèn báo TẮT tự động tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết. Sau đó, đèn báo TẮT tự động tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sáng, tính năng hỗ trợ lái của Giảm thiểu chệch làn đường tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau một vài phút, đèn báo TẮT tự động tính năng hỗ trợ lái của hệ thống Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ tắt và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường được khôi phục hoàn toàn.

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Vạch phân cách làn đường màu trắng (màu vàng).
  Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

▶ Khi xe ngược chiều đang đến gần đang chạy
  Xe chạy với tốc độ khoảng từ 30 đến 180 km/h.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

- Ngoài lề đường là vệ cỏ hoặc sỏi.
  Xe chạy với tốc độ khoảng từ 30 đến 180 km/h.

Tất cả các loại xe

- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Hệ thống xác định được người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách) sẽ sáng liên tục.

➡ **Đèn báo** Tr. 136

Chức năng Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở mép trong khúc cua hoặc ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.



*Còn nữa*

## ■ Bật và Tắt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165, 194
➔ **Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207

Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương

Mỗi lần bạn khởi động động cơ, Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ bật hoặc tắt theo lựa chọn ở lần lái xe gần đây nhất.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống trong lần lái xe trước đó.

Bật và Tắt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương

Khi bạn chọn **Warning Only**[*1]/**Warning only**[*2] **(Chỉ cảnh báo)**, hệ thống không vận hành vô lăng.

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (Màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào, Philippines và Đài Loan trang bị Màn hình giải trí
*2 : Ngoại trừ các loại xe tại Campuchia, Lào, Philippines và Đài Loan trang bị Màn hình giải trí





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Điều kiện và Hạn chế của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Hệ thống có thể không phát hiện đúng vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng), mép ngoài của mặt đường (vào lề đường bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc phương tiện đang chạy tới trong một số điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

Hệ thống có thể không phát hiện đúng các vạch phân cách làn đường và vị trí của xe bạn trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

### ■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường, mặt đường hoặc xe đang đến gần).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

- Mép ngoài của đường được bao quanh bởi các vật thể, vật liệu, v.v. ngoài cỏ hoặc sỏi.

*Còn nữa*

**■ Điều kiện đường sá**

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ hỏng.
- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch phân cách làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường sá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.

**■ Điều kiện xe**

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Xe đang kéo rơ moóc.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

**■ Ví dụ về những hạn chế trong việc phát hiện do tình trạng của các phương tiện đang chạy tới**

- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Xe đang đến gần đột ngột xuất hiện phía trước xe bạn.
- Khi xe đang đến gần lẫn vào nền không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.
- Đèn chiếu sáng của xe đang đến gần sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe đang đến gần quá gần.
- Một phần của xe đang đến gần bị xe phía trước xe bạn che khuất.
- Phía trước có nhiều làn đường hoặc nhiều ngã rẽ.
- Xe ở làn bên cạnh đang đỗ hoặc di chuyển với tốc độ rất chậm.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

**■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống**

- Khi xe đang đến gần có hình dạng đặc biệt.
- Khi camera không thể xác định chính xác hình dạng của phương tiện đang chạy tới.

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

**■ Trường hợp ít xảy ra va chạm**

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể hoạt động trong các điều kiện dưới đây.

- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang đến gần ở ngay phía trước mặt bạn.

# Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.

Khi sử dụng

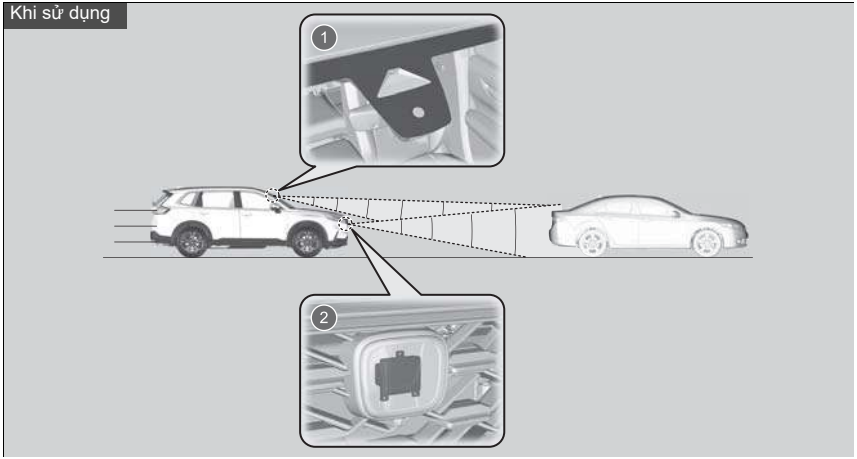


❶ Camera cảm biến phía trước được đặt phía sau gương chiếu hậu.
❷ Cảm biến ra-đa nằm phía sau biểu tượng Honda trên lưới tản nhiệt phía trước.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp

## ⚠CẢNH BÁO

Sử dụng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện đường sá và thời tiết tốt.

## ⚠CẢNH BÁO

ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có khả năng phanh hạn chế và không thể làm cho xe bạn dừng lại đúng lúc để tránh xảy ra va chạm với một xe đột ngột dừng ngay trước xe bạn.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

## ⚠CẢNH BÁO

Khi xe đã dừng và bạn ra khỏi xe trong khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp vẫn đang hoạt động có thể làm xe di chuyển mà không kiểm soát được.

Xe di chuyển không có kiểm soát có thể dẫn đến va chạm, gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi xe dừng bằng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

Còn nữa

- Tốc độ xe cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp: **Phát hiện xe phía trước trong phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp** – ACC bao gồm Dải tốc độ thấp hoạt động ở tốc độ lên tới 180 km/h.
  **Không phát hiện xe nào trong phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp** – ACC bao gồm Dải tốc độ thấp hoạt động ở tốc độ từ 30 km/h trở lên.
- Vị trí số cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp: Ở số D hoặc S.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp

**Nhắc nhở quan trọng**
Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn
với các xe khác.

Để biết hướng dẫn sử dụng cảm biến ra-đa đúng cách, vui lòng tham khảo trang sau.
**Cảm biến ra-đa** Tr. 765

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
**Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

## ■ Cách kích hoạt hệ thống

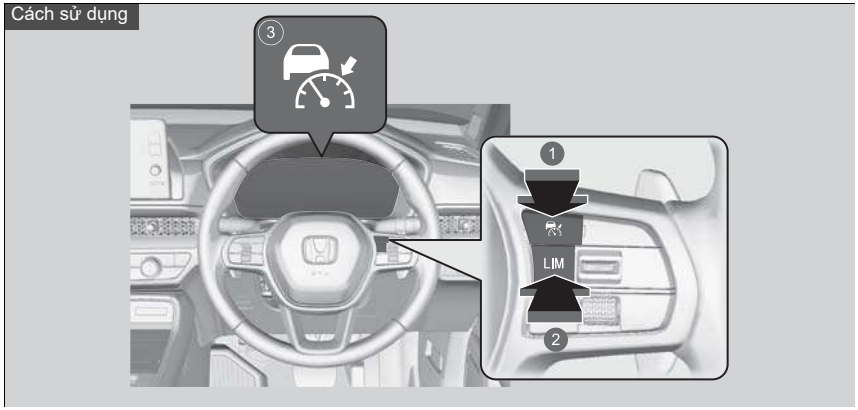


❶ Nút
Ấn nút trên vô lăng.

❷ Nút **LIM***
Nếu có đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

❸ Đèn (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.
ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẵn sàng sử dụng.

**»Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp**

Cảm biến ra-đa dành cho ACC bao gồm Dải tốc độ thấp được chia sẻ với Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS).

➡ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 677

ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

➡ **Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 719

Khi không sử dụng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp: Ấn nút để tắt chế độ chạy ổn định thích ứng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Thiết lập tốc độ xe

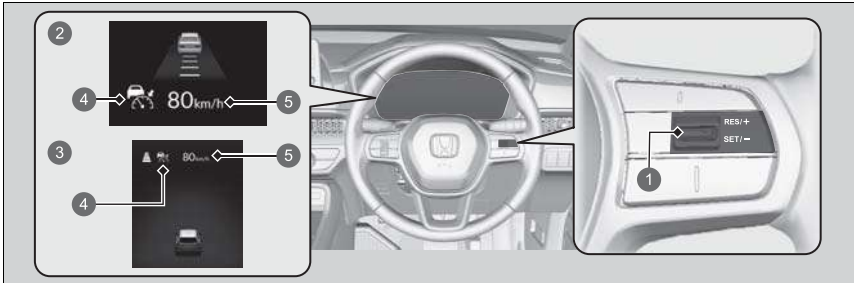


❶ Công tắc **RES/+/SET/−**
Lên hoặc xuống
❷ Bật khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động đối với loại xe có đồng hồ đo loại A
❸ Bật khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động đối với loại xe có đồng hồ đo loại B
❹ (màu xanh lục)
❺ Thiết lập tốc độ xe (màu trắng)

**Khi lái xe ở tốc độ từ 30 km/h trở lên:** Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn nhả công tắc, tốc độ đã thiết lập được cố định, và ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động.

Khi sử dụng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, Hỗ trợ lái thẳng (một tính năng của Hệ thống trợ lực lái điện) sẽ được kích hoạt.
Bằng cách kích hoạt hệ thống lái để tự động cân bằng lực lái tự nhiên, Hỗ trợ lái thẳng giúp bạn lái xe theo một đường thẳng dễ dàng hơn.

### Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp

Không sử dụng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp trong những điều kiện sau:
- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và di chuyển liên tục, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường hoặc ở khu vực đỗ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Trên đường có thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến ACC bao gồm Dải tốc độ thấp không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.
Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**Khi lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h:** Nếu xe đang chạy và không nhấn bàn đạp phanh thì việc bạn ấn công tắc sẽ thiết lập tốc độ là khoảng 30 km/h cho dù tốc độ hiện tại là bao nhiêu.
Nếu xe đang đứng yên, bạn có thể thiết lập tốc độ xe ngay cả khi nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

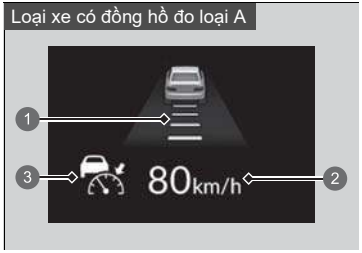


Khi Hệ thống ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

❶ Khoảng cách xe được thiết lập
❷ Tốc độ xe được thiết lập
❸ (màu xanh lục)



*Còn nữa*

Loại xe có đồng hồ đo loại B

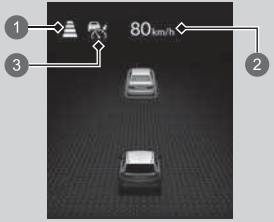


❶ Khoảng cách xe được thiết lập
❷ Tốc độ xe được thiết lập
❸ (màu xanh lục)

## ■ Khi hoạt động

### ■ Có xe phía trước

ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ giám sát nếu xe phía trước xe bạn đi vào phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp. Trong trường hợp này, hệ thống ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

➡ **Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác** Tr. 724

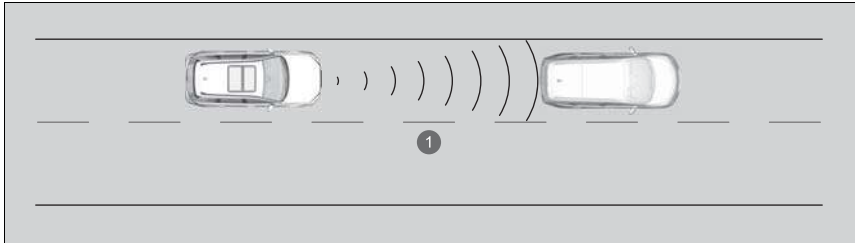


❶ Phạm vi của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp: 120 m

Khi hoạt động

Nếu xe phía trước bạn đột ngột giảm tốc độ hoặc nếu có xe khác cắt ngang trước mặt bạn, tiếng bíp sẽ vang lên, một thông báo sẽ xuất hiện trên giao diện thông tin của người lái và đèn cảnh báo trên kính chắn gió* sẽ nhấp nháy.

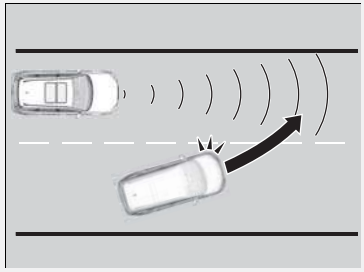

Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.

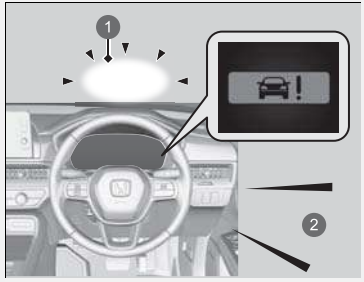


❶ Đèn cảnh báo trên kính chắn gió*
❷ Cảnh báo bằng âm thanh



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Loại xe có đồng hồ đo loại A

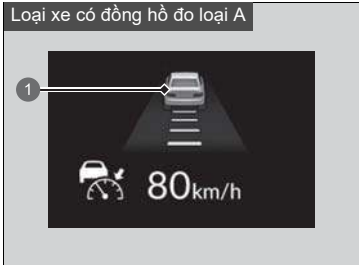


❶ Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo

Loại xe có đồng hồ đo loại B

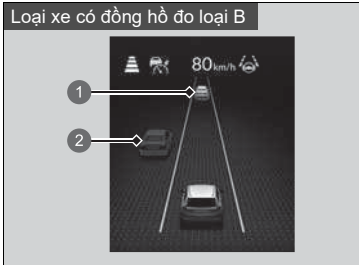


Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo

❶ Xe mục tiêu trong tầm kiểm soát: Màu trắng và điểm vạch màu xanh lục

❷ Xe mục tiêu ngoài tầm kiểm soát: Màu xám

Khi một phương tiện có tốc độ chậm hơn tốc độ bạn đã cài đặt tiến đến hoặc cắt ngang trước mặt bạn và bị ra-đa và camera phát hiện, xe của bạn sẽ bắt đầu chậm lại.

Khi hoạt động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước gần, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước xe bạn chạy với tốc độ gần bằng xe bạn hoặc nhanh hơn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy nhanh hơn xe bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

Chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.

➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

**Hạn chế**

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC bao gồm Dải tốc độ thấp. Bên cạnh đó, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

➡ **Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 719





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

### ■ Không có xe phía trước

Loại xe có đồng hồ đo loại A

❶ Biểu tượng xe có đường viền xuất hiện trên đồng hồ đo.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.
Nếu trước đó phát hiện có xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã thiết lập, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

Khi lái xe xuống dốc cao, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập.
Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Còn nữa

### ■ Khi nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có cảnh báo bằng âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn kể cả khi xe đang ở trong phạm vi của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

ACC bao gồm Dải tốc độ thấp tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy hệ thống. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động với tốc độ thích hợp để duy trì khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước trong khi xe phía trước đang ở trong phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

Khi hoạt động

- ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc các xe xung quanh xe bạn tùy thuộc vào điều kiện đường sá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc điều kiện xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc vị trí xe trong làn đường).

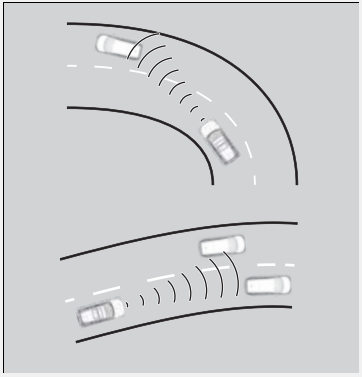

- Khi xe phía trước xe bạn di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

### ■ Giảm tốc độ và dừng xe khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Xe bạn cũng tự động dừng. Thông báo **Stopped** (Dừng xe) xuất hiện trên đồng hồ đo.
Khi xe phía trước bạn khởi động lại, nếu bạn gạt công tắc **RES/+** /**SET/−** lên hoặc xuống, hoặc nhấn bàn đạp ga, Hệ thống ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ hoạt động trở lại trong phạm vi tốc độ đã thiết lập trước đó.

❶ (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

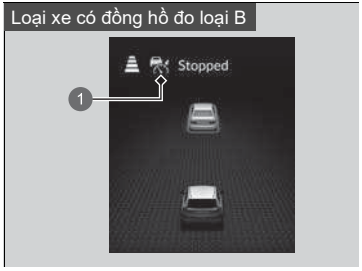


❶ (màu xanh lục)



*Còn nữa*

Loại xe có đồng hồ đo loại A

❶ (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

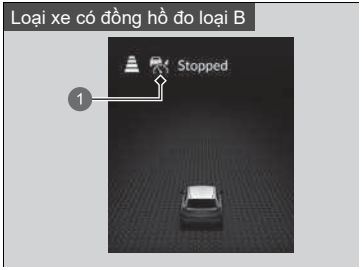


❶ (màu xanh lục)

Nếu không có xe nào phía trước xe bạn trước khi bạn tiếp tục lái xe, nhấn bàn đạp ga và ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ hoạt động trở lại trong phạm vi tốc độ đã thiết lập trước đó.

## ■ Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp

Hệ thống có thể tự động tắt trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

➔ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763
➔ **Cảm biến ra-đa** Tr. 765

### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Khi ở gần các thiết bị phát sóng radio như các cảm biến ra-đa ô tô khác.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Phản chiếu bên trong kính chắn gió.

### ■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường đầy tuyết hoặc ướt (vạch phân cách làn đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, nước bắn trên đường, độ tương phản cao).

### ■ Điều kiện xe

- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Khu vực xung quanh lưới tản nhiệt phía trước bị cản trở bởi bụi bẩn, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, miếng dán, tấm phim, v.v.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Đã gài phanh đỗ.
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng hoặc do thay đổi hệ thống treo.
- Khi lắp xích bọc lốp*.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Xe đang kéo rơ moóc.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp

Nếu bạn cần sửa chữa hoặc tháo cảm biến ra-đa, hoặc lưới tản nhiệt phía trước bị va đập mạnh, hãy tắt hệ thống bằng cách nhấn nút và mang xe đến đại lý.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phát hiện thấy bất kỳ hoạt động bất thường nào của hệ thống (ví dụ: thông báo cảnh báo xuất hiện quá thường xuyên).

*Còn nữa*

**■ Giới hạn phát hiện**

- Một xe bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Một phương tiện cắt ngang trước mặt bạn với tốc độ chậm và phanh gấp.
- Bạn tăng tốc nhanh và tiếp cận xe phía trước với tốc độ cao.
- Phương tiện phía trước bạn là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc các loại xe nhỏ khác.
- Có động vật phía trước xe của bạn.
- Bạn lái xe trên đường cong, quanh co hoặc nhấp nhô khiến cảm biến khó phát hiện chính xác phương tiện phía trước.

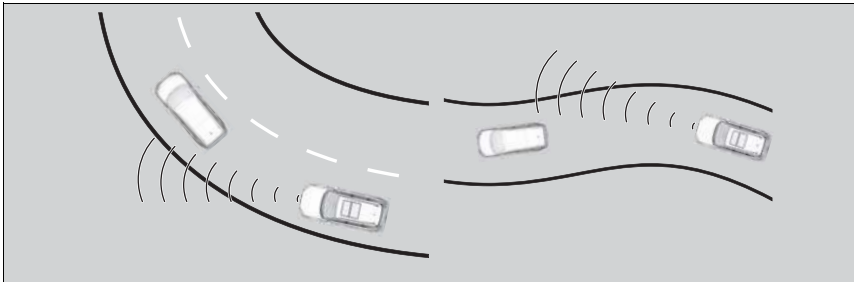

- Xe phía trước xe bạn dừng và độ chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước quá lớn.
- Xe ngược chiều bất ngờ xuất hiện trước mặt bạn.
- Xe của bạn đột ngột vượt qua trước đầu một xe ngược chiều.

- Đang lái xe qua một cây cầu kim loại hẹp.

- Chiếc xe phía trước bạn phanh gấp.
- Chiếc xe phía trước bạn có hình dạng đặc biệt.

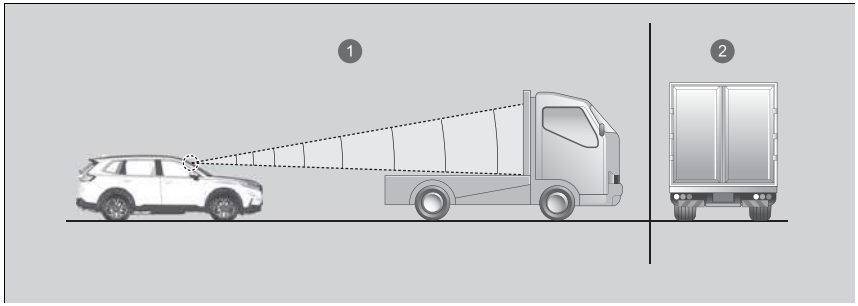


❶ Cảm biến phát hiện phần trên của một chiếc xe tải chở hàng rỗng.
❷ Xe tải thùng, xe bồn, v.v.

- Xe của bạn hoặc xe phía trước bạn đang lái xe trên mép của làn đường.



*Còn nữa*

- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước xe bạn rất cao.

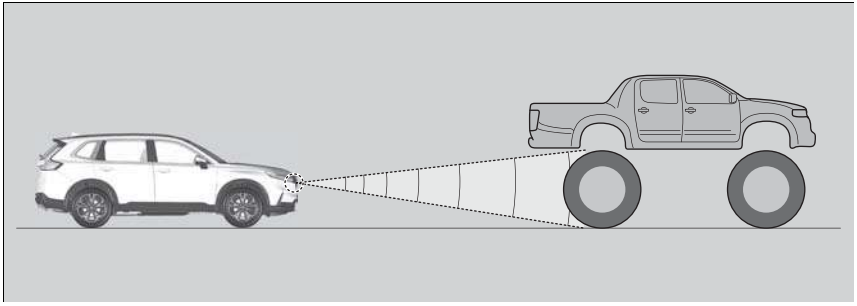

- Khi ra-đa và camera không thể xác định chính xác hình dạng của xe phía trước bạn.
- Khi xe phía trước xe bạn lẫn vào nền không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.

## ■ Điều chỉnh tốc độ xe

Gạt công tắc **RES/+/SET/−** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.

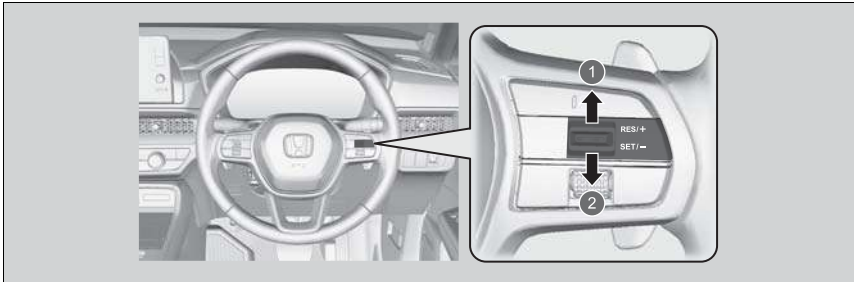


❶ Để tăng tốc độ
❷ Để giảm tốc độ

- Mỗi lần gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Mỗi lần gạt và giữ công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

Điều chỉnh tốc độ xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc của xe bạn, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp không thể tăng tốc độ của xe bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã thiết lập giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó gạt và nhả công tắc **RES/+/SET/−**, tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.



*Còn nữa*

## ■ Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác

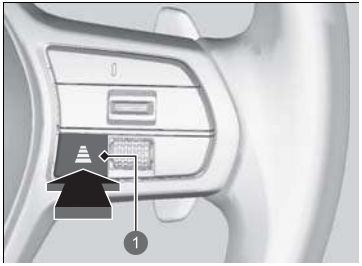


❶ Nút khoảng cách

Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.
Mỗi khi ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển giữa rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách phù hợp nhất với xe khác tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo các quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Tốc độ xe bạn càng cao thì khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa hoặc rất xa càng trở nên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

| Khoảng cách xe | | Khi tốc độ đã thiết lập là: | |
|---|---|---|---|
| | | 80 km/h | 104 km/h |
| Ngắn | *1 *2 | 22 mét<br>1 giây | 29 mét<br>1 giây |
| Trung bình | *1 *2 | 34 mét<br>1,5 giây | 43 mét<br>1,5 giây |
| Xa | *1 *2 | 47 mét<br>2,1 giây | 61 mét<br>2,1 giây |
| Rất xa | *1 *2 | 64 mét<br>2,9 giây | 83 mét<br>2,9 giây |

Khi xe bạn tự động dừng do phát hiện xe phía trước dừng, khoảng cách giữa hai xe sẽ thay đổi dựa vào cài đặt khoảng cách ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

### Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác

Trong mọi trường hợp, người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu hoặc thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao thông Đường bộ ở địa phương và người lái phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật.



*Còn nữa*

## ■ Hủy

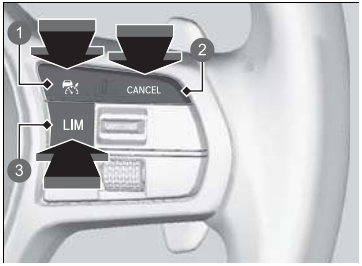


❶ Nút
❷ Nút **CANCEL**
❸ Nút **LIM***

Để hủy ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
  ▶ Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).
- Ấn nút .
  ▶ đèn báo (màu xanh lục) tắt.
- ấn nút **LIM***.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe đang chạy về phía trước.
  ▶ Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).

### Hủy

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó: Sau khi bạn đã hủy ACC bao gồm Dải tốc độ thấp, bạn có thể kích hoạt ACC bao gồm Dải tốc độ thấp với tốc độ đã thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên ngay cả khi xe đã dừng.

Khi bạn tắt ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ đã thiết lập trước đó sẽ hiển thị màu xám trên đồng hồ đo.

Khi ấn công tắc **RES/+/SET/−** lên, ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ hoạt động theo tốc độ được hiển thị.

Nếu đèn báo (màu trắng) xuất hiện và bạn gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên, nhưng tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị thì tốc độ xe đang chạy sẽ được thiết lập.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

### ■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bị hủy tự động. ACC bao gồm Dải tốc độ thấp sẽ tự động bị hủy ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Khi cảm biến ra-đa phía sau biểu tượng Honda trên lưới tản nhiệt phía trước bị bẩn.
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện ra tình trạng lốp xe bất thường hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái xe trên đường đồi núi hoặc lái xe trên đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Bẻ lái đột ngột.
- Khi hệ thống ABS, VSA, CMBS, Điều khiển phanh ở tốc độ thấp* hoặc Hệ thống phanh sau va chạm được kích hoạt.
- Khi đèn báo hệ thống ABS hoặc VSA sáng.
- Khi xe đang dừng trên dốc cao.
- Khi kéo phanh đỗ bằng tay.
- Khi phát hiện xe khác nằm trong phạm vi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera, bao gồm cả và kính chắn gió, bị bẩn.
- Nhấn phanh liên tục để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào của người lái trong một khoảng thời gian nhất định trong khi LKAS cũng được kích hoạt.
- Khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép.
- Khi đi qua khu vực tối ví dụ như đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng.

**Hủy**

Loại xe có đồng hồ đo loại A

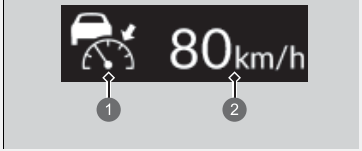


❶ (màu trắng)
❷ Tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

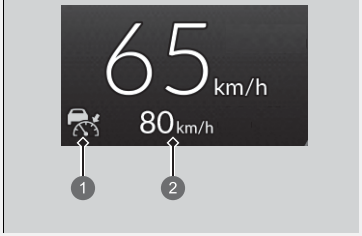


❶ (màu trắng)
❷ Tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám)

Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bao gồm Dải tốc độ thấp bằng cách ấn nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó cài đặt tốc độ mà bạn mong muốn.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

ACC bao gồm Dải tốc độ thấp có thể bị hủy tự động do các nguyên nhân dưới đây. Trong những trường hợp này, phanh đỗ sẽ tự động gài.

- Người lái không thắt dây đai an toàn khi xe đứng yên.
- Xe dừng hơn 10 phút.
- Động cơ tắt.

# Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Hỗ trợ đánh lái nhằm duy trì xe ở giữa làn đường, và nếu phát hiện xe nằm ngoài làn đường, hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng hình ảnh, âm thanh và rung vô lăng.

### ■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác dụng mô-men xoắn lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men xoắn sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch phân cách làn đường.

### ■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và bằng hình ảnh

Vô lăng rung liên tục, cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường được phát hiện.

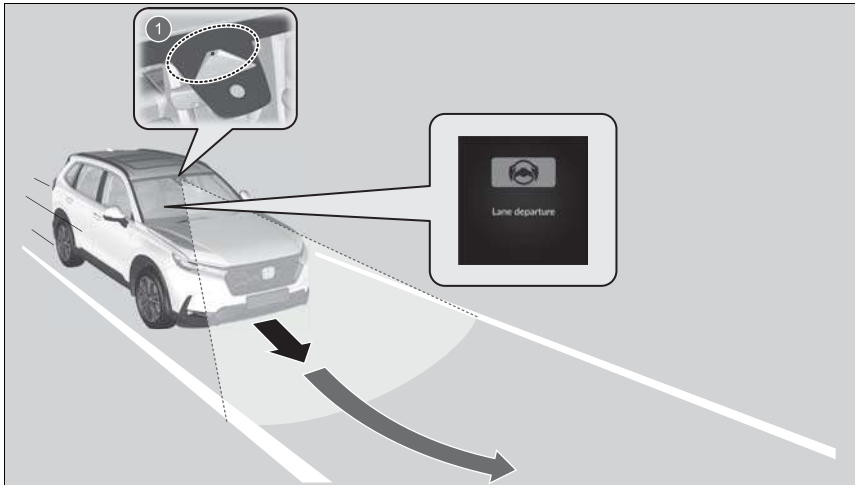


❶ Camera cảm biến phía trước: Giám sát vạch phân cách làn đường

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

**Nhắc nhở quan trọng về an toàn**

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Đây không phải là hệ thống lái xe tự động và không thể thay thế người lái điều khiển xe. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển. Các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. LKAS không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi dựa trên điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch phân cách làn đường. Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

➡ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

➡ **Điều kiện và hạn chế của LKAS** Tr. 738



*Còn nữa*

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.
Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và mô-men xoắn sẽ được tác động vào hệ thống lái.

## ■ Chức năng hỗ trợ giữ làn đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi đến gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống trợ lực điện sẽ tăng lên.

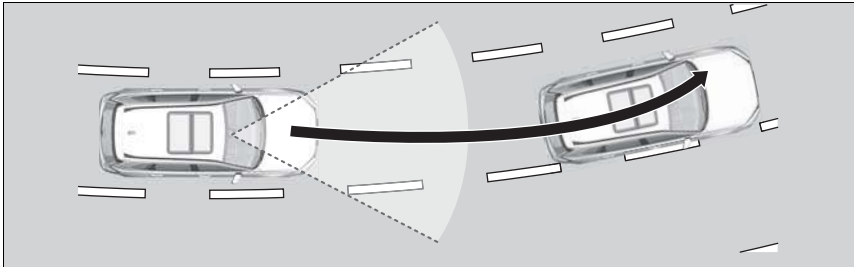

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

LKAS có thể không thể hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hoặc trên đường có khúc cua gấp.

## ■ Chức năng giảm thiểu chệch làn đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.

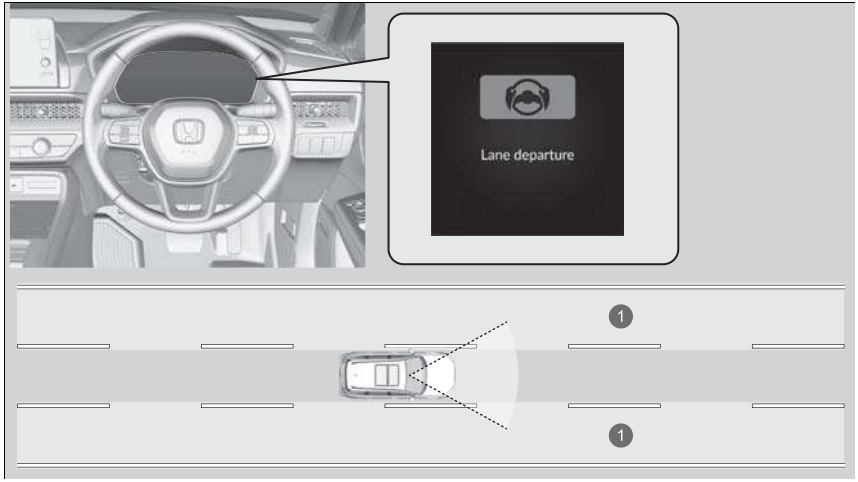


❶ Khu vực cảnh báo



*Còn nữa*

## ■ Có thể sử dụng hệ thống khi

Có thể sử dụng hệ thống khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Làn đường đang lái có các vạch phân cách làn đường dễ phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Lái xe trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

### Có thể sử dụng hệ thống khi

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc bên phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.
- Không dán nhãn dán lên khu vực quanh camera.

## ■ Cách kích hoạt hệ thống

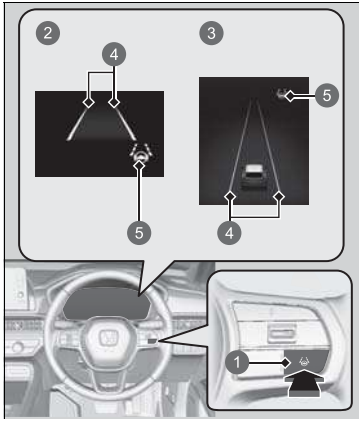


❶ Nút LKAS
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❹ Vạch màu trắng
❺ Đèn báo LKAS (màu trắng)

**1.** Ấn nút LKAS.
▶ Đèn báo LKAS (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.
Hệ thống ở chế độ chờ.
▶ Nếu phát hiện vạch phân cách làn đường, vạch màu trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

**»Có thể sử dụng hệ thống khi**

Nếu ấn nút LKAS khi có thể sử dụng hệ thống, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.



*Còn nữa*

Loại xe có đồng hồ đo loại A

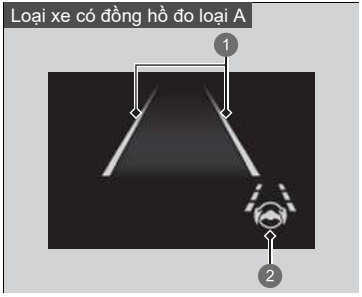


❶ Vạch màu xanh lục
❷ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

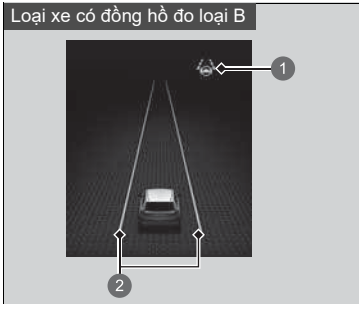


❶ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)
❷ Vạch màu xanh lục

**2.** Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.
▶ Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải.

## Hủy

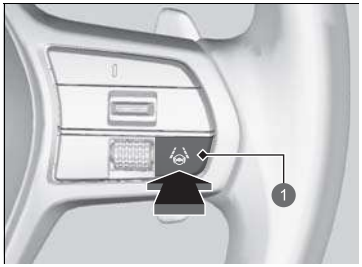


Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống ở lần lái xe gần đây nhất.

1 Nút LKAS



*Còn nữa*

## ■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Khi LKAS tạm dừng trong những trường hợp sau, các vạch màu xanh lục trên đồng hồ đo chuyển thành các vạch màu trắng hoặc biến mất và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).

Loại xe có đồng hồ đo loại A

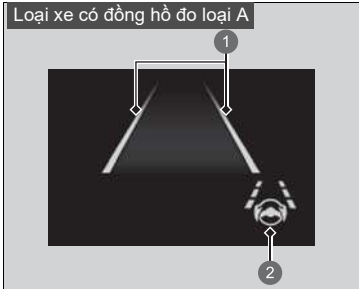


❶ Vạch màu trắng
❷ Đèn báo LKAS (màu trắng)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

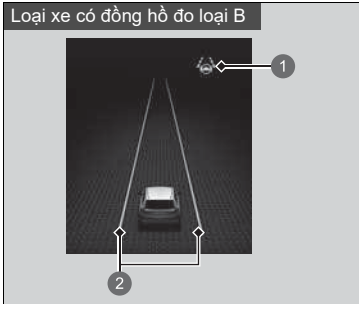


❶ Đèn báo LKAS (màu trắng)
❷ Vạch màu trắng

Ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h trở xuống.
  ▶ Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h trở lên để LKAS hoạt động trở lại.

Tất cả các loại xe

- Lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.
- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe qua khúc cua gấp.
- Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.
- Sử dụng hệ thống ABS hoặc VSA.
- Đột ngột nhấn bàn đạp phanh.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.
➡ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ LKAS có thể tự động hủy khi:**

Trong những trường hợp sau, vạch phân cách làn đường có thể biến mất trên đồng hồ đo, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động hủy:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera, bao gồm cả và kính chắn gió, bị bẩn.



*Còn nữa*

## ■ Điều kiện và hạn chế của LKAS

Hệ thống có thể không phát hiện được vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng) và hệ thống LKAS có thể không hoạt động dúng cách trong một số điều kiện nhất định, bao gồm:

**■ Điều kiện môi trường**

- Có rất ít khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường hoặc mặt đường).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

**■ Điều kiện đường sá**

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ hỏng.

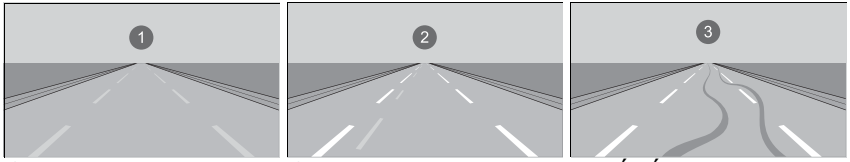


❶ Vạch phân cách làn đường mờ
❷ Vạch phân cách làn đường trùng lặp
❸ Vết lốp xe

- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.

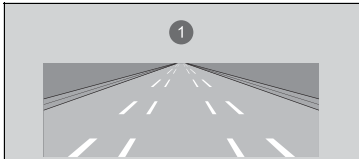


❶ Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch phân cách làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.

*Còn nữa*

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường sá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.

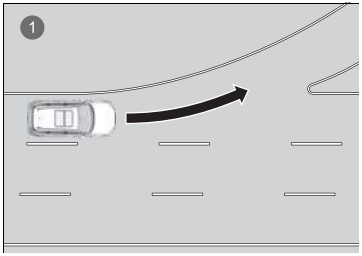


1 Không có vạch phân cách làn đường ở ngã tư

■ **Điều kiện xe**

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp*.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Xe đang kéo rơ moóc.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Châu Đại Dương và Singapore

# Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sử dụng camera gắn ở phần trên của kính chắn gió để phát hiện và theo dõi các vạch làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) bên trái và bên phải. Dựa trên dữ liệu đầu vào từ camera, hệ thống có thể áp dụng mô-men xoắn lên hệ thống lái để giữ cho xe của bạn ở giữa làn đường đã phát hiện.

## ■ Cách hoạt động của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Khi bạn gặp tắc đường và Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) đang hoạt động, Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường, khi phát hiện các làn đường giao thông, sẽ tác dụng mô-men xoắn lên hệ thống lái để giúp giữ xe của bạn ở giữa làn đường.

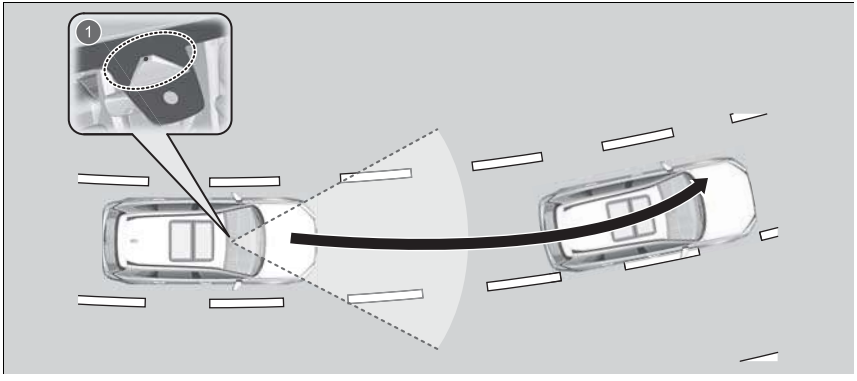


❶ Camera cảm biến phía trước
Phát hiện các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng (hoặc màu vàng)

Khi bạn bật xi nhan để báo hiệu chuyển làn đường, Hỗ trợ lái xe khi tắc đường tạm thời bị tắt. Hệ thống sẽ hoạt động lại khi xe chạy ở giữa làn đường và hệ thống phát hiện ra các vạch phân cách làn đường.

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

**Nhắc nhở quan trọng về an toàn**
Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Đây không phải là hệ thống lái xe tự động và không thể thay thế người lái điều khiển xe. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
➡ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi dựa trên điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch phân cách làn đường.
Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:
➡ **Điều kiện và hạn chế của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường** Tr. 747

Khi người lái điều khiển hoàn toàn hệ thống lái, chức năng hỗ trợ lái tạm thời bị hủy.
Có thể không nhận thấy mô-men xoắn tác động vào hệ thống lái khi người lái điều khiển hoàn toàn vô lăng hoặc khi mặt đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng.

## ■ Chức năng giảm thiểu chệch làn đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ cảnh báo bạn bằng âm thanh cũng như màn hình cảnh báo.

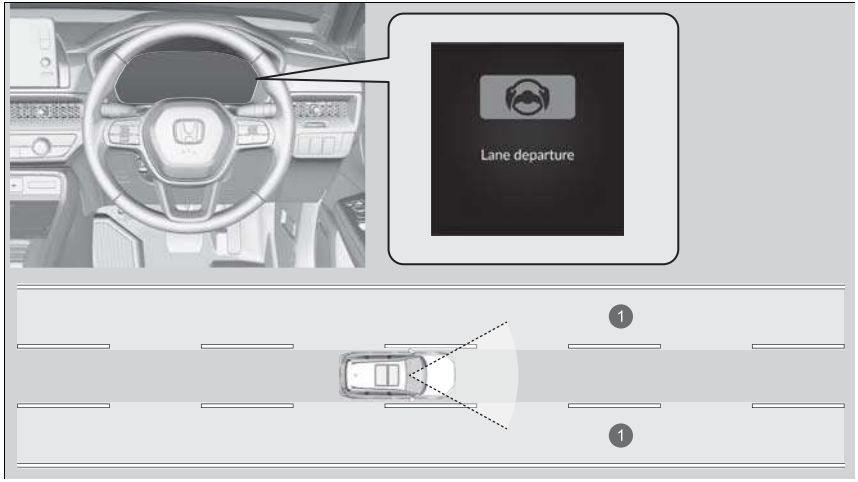


❶ Khu vực cảnh báo



*Còn nữa*

## ■ Hoạt động của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- LKAS được kích hoạt.
- Làn đường đang lái có các vạch phân cách làn đường dễ phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 0 đến 72 km/h.
- Lái xe trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Người lái đang nắm chặt vô lăng.
- Vị trí số ở D, S hoặc L*.

Không sử dụng Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường trong các trường hợp sau:

- Bạn đang lái trên đường có khúc cua gấp.
  ▶ Hệ thống có thể không cho phép bạn điều khiển theo cách phù hợp nhất với điều kiện đường sá.
- Lái xe vào trạm thu phí, nút giao thông, trạm dừng chân hoặc bãi đỗ xe.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Mặt đường trơn trượt; ví dụ, có băng hoặc tuyết bao phủ.
  ▶ Lốp xe có thể bị trượt khiến bạn mất kiểm soát xe.

Hoạt động của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Tham khảo trang sau để xử lý Hệ Thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) đúng cách:

➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 729

Tham khảo trang sau về các nút trên vô lăng và màn hình hiển thị:

➡ **Vận hành các công tắc cho Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp/Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)/Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường*** Tr. 675
➡ **Nội dung hiển thị trên đồng hồ đo** Tr. 676





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Cách hoạt động của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Loại xe có đồng hồ đo loại A

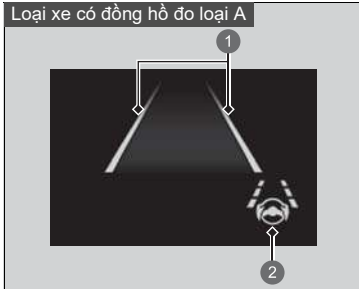


❶ Vạch màu xanh lục
❷ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

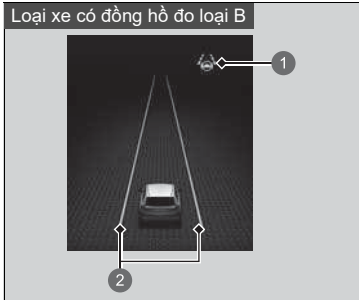


❶ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)
❷ Vạch màu xanh lục

Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

▶ Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải.

### Cách hoạt động của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Nếu xe bạn rẽ quá xa sang phải hoặc sang trái vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) trong khi Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường đang hoạt động, hãy tắt Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Trong một số trường hợp, hệ thống không thể phát hiện chính xác các vạch phân cách làn đường, do đó sẽ không thực hiện chức năng hỗ trợ lái.

➡ **Điều kiện và hạn chế của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường** Tr. 747

Nếu người lái bỏ tay khỏi vô lăng hoặc không kiểm soát được tay lái, cảnh báo dưới đây sẽ xuất hiện.

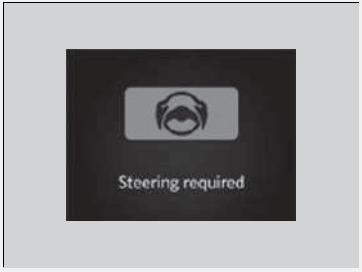


Nếu người lái không nắm chặt vô lăng sau khi cảnh báo trên xuất hiện liên tục, tiếng còi báo cảnh báo sẽ vang lên và Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ bị hủy.



*Còn nữa*

## ■ Hủy Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Ấn nút LKAS để hủy Hỗ trợ lái xe khi tắc đường.

**■ Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ tự động tạm dừng khi:**

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng đột ngột.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe qua khúc cua gấp.
- Đột ngột nhấn bàn đạp phanh.

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

**■ Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ tự động hủy khi:**

- Nhiệt độ của camera quá cao.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera, bao gồm cả và kính chắn gió, bị bẩn.

Sau khi hệ thống bị hủy, các vạch phân cách làn đường sẽ biến mất trên màn hình và tiếng bíp có thể vang lên.

Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường sẽ tự động tạm dừng khi:

Bạn có thể thay đổi cài đặt bật và tắt tiếng bíp tạm ngừng của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường bằng cách chọn **Lane keep assist beep (Tiếng bíp hỗ trợ giữ làn đường)** trên màn hình âm thanh/thông tin.

**Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

## ■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường

Hệ thống có thể không phát hiện được vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng) và chức năng Hỗ trợ lái xe khi tắc đường có thể không hoạt động đúng cách trong một số điều kiện nhất định, bao gồm:

### ■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường hoặc mặt đường).
- Khi không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường, như khi khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần hoặc tại điểm giao nhau.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.



*Còn nữa*

**■ Điều kiện đường sá**

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ hỏng.

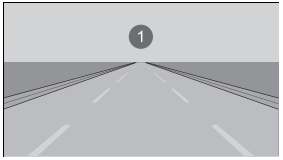


❶ Vạch phân cách làn đường mờ

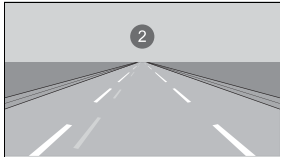


❷ Vạch phân cách làn đường trùng lặp

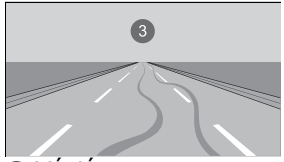


❸ Vết lốp xe

- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.

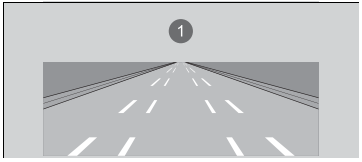


❶ Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch phân cách làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường sá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Đi qua điểm giao.

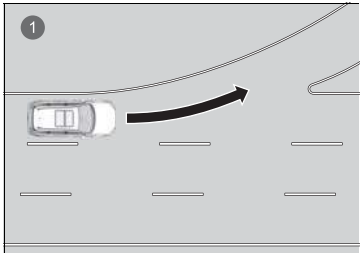


❶ Không có vạch phân cách làn đường ở điểm giao



*Còn nữa*

**■ Điều kiện xe**

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp.

Loại xe tại Châu Đại Dương

- Xe đang kéo rơ moóc.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

Đưa ra cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

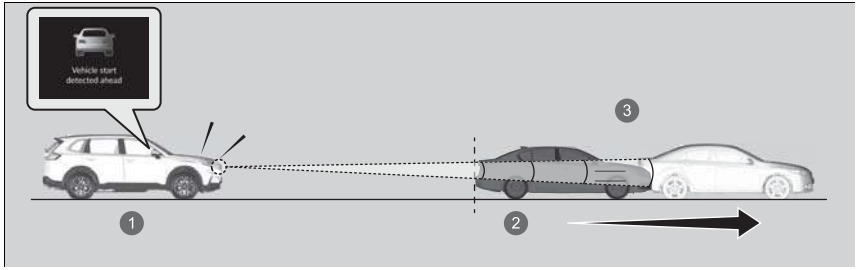


❶ Khi xe đã dừng
❷ Xe phía trước dừng
❸ Xe phía trước bắt đầu di chuyển

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe dừng phía trước di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

### ■ Vị trí số ở số [D] hoặc [S]

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động hoặc xe dừng bởi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

## ⚠CẢNH BÁO

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Phải quan sát kỹ xung quanh để đảm bảo an toàn trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe.

Để biết hướng dẫn sử dụng cảm biến ra-đa đúng cách, vui lòng tham khảo trang sau.
➔ **Cảm biến ra-đa** Tr. 765

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera ở phía sau gương chiếu hậu.
➔ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

### ■ Khi vị trí số ở số N

Hệ thống sẽ hoạt động khi xe đã dừng, nhấn bàn đạp phanh, phanh đỗ đang hoạt động hoặc chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ thời gian hoạt động của hệ thống, **Normal (Trung bình)** và **Early (Sớm)**.

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Ở chế độ Normal, hệ thống hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng khoảng 3 m.
Ở chế độ Early, hệ thống hoạt động ngay khi phát hiện chuyển động.

**Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành***

Bạn có thể tắt Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.

➔ **Cài đặt xe*** Tr. 183
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành sẽ không hoạt động trong khi Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (màu hổ phách) sáng.

➔ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp** Tr. 707



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Khi hệ thống hoạt động

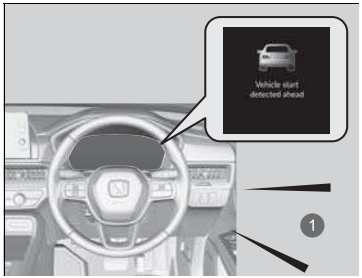


Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

❶ Cảnh báo bằng âm thanh



*Còn nữa*

## ■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành

Trong các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

**■ Ví dụ về các trường hợp cảm biến ra-đa không thể phát hiện chính xác xe khác do tình trạng của xe**

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng hoặc do thay đổi hệ thống treo.
- Lưới tản nhiệt phía trước bị bẩn.
- Khi xe chỉ dừng lại trong thời gian ngắn.

**■ Ví dụ về các trường hợp cảm biến ra-đa không thể phát hiện chính xác xe khác do điều kiện môi trường**

- Điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bị khuấy động hoặc bắn lên bởi xe phía trước.

**■ Ví dụ về các trường hợp cảm biến ra-đa không thể phát hiện chính xác xe phía trước do điều kiện đường sá**

- Đường quanh co, uốn lượn hoặc dốc.
- Có các vật thể xung quanh xe của bạn phản xạ sóng radio mạnh, chẳng hạn như khi lái xe qua cầu kim loại hẹp.

■ **Ví dụ về các trường hợp cảm biến ra-đa không thể phát hiện chính xác xe phía trước do tình trạng của chính chiếc xe**

- Xe phía trước chỉ dừng lại trong thời gian ngắn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước đang chạy quá chậm.
- Xe phía trước rẽ phải, trái hoặc quay đầu đột ngột.

■ **Ví dụ về các trường hợp cảm biến ra-đa không thể phát hiện chính xác xe phía trước do các điều kiện khác**

- Có người đi bộ, xe đạp hoặc xe lăn điện phía trước xe của bạn, hoặc xe phía trước có hình dạng đặc biệt.
- Một phương tiện khác, người đi bộ hoặc xe đạp đột nhiên di chuyển giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay trước mặt xe bạn.

# Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*

Hệ thống nhắc nhở bạn về thông tin biển báo, chẳng hạn như giới hạn tốc độ hiện tại mà xe vừa vượt qua, hiển thị trên đồng hồ đo.

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

Khi camera nằm phía sau gương chiếu hậu ghi lại các biển báo giao thông trong khi lái xe, hệ thống sẽ hiển thị các biển báo mà xe bạn có thể nhận diện. Biểu tượng biển báo sẽ hiển thị cho đến khi xe đạt được thời gian và quãng đường định trước.
Nếu hệ thống không phát hiện được bất kỳ biển báo giao thông nào khi bạn đang lái xe, biểu tượng biển báo sẽ không được hiển thị.

### Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*

Không phải tất cả các biển báo đều hiển thị, tuy nhiên bạn không nên bỏ qua bất kỳ biển báo nào được đặt bên lề đường. Hệ thống không thể nhận diện tất cả các biển báo giao thông ở các quốc gia mà bạn lái xe cũng như trong mọi tình huống. Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống. Luôn lái xe ở tốc độ phù hợp với điều kiện đường sá.

Tuyệt đối không dán tấm phim hoặc gắn bất kỳ vật gì lên kính chắn gió mà có thể cản trở tầm nhìn của camera và gây ra sự cố hoạt động bất thường của hệ thống.
Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu cũng có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường. Sau khi thay kính chắn gió, hãy mang xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
➔ **Camera cảm biến phía trước** Tr. 763

Bạn có thể bật và tắt Hệ thống nhận diện biển báo giao thông.
➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

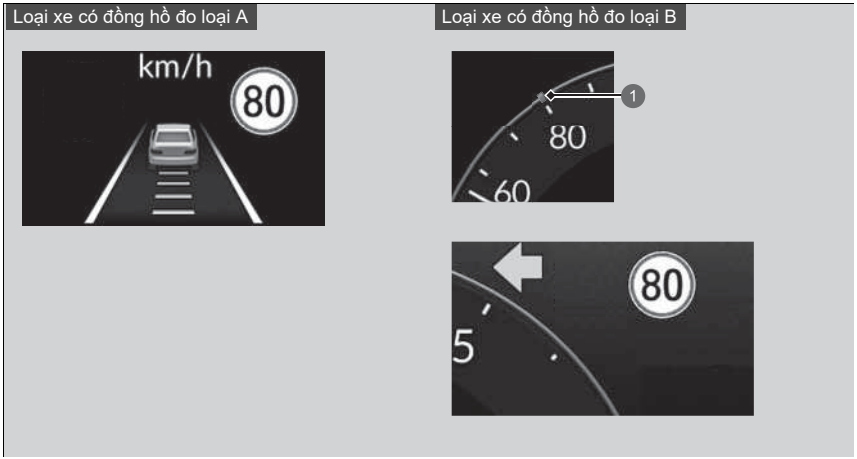


❶ Biển báo giới hạn tốc độ

Biểu tượng biển báo cũng có thể chuyển sang biểu tượng khác hoặc biến mất khi:

- Kết thúc giới hạn tốc độ hoặc phát hiện giới hạn tốc độ khác.
- Xe của bạn đi vào/ra khỏi đường cao tốc hoặc đường quốc lộ.
- Bạn bật xi nhan để rẽ ở giao lộ.

## Hệ thống nhận diện biển báo giao thông*

Để giúp giảm khả năng nhiệt độ bên trong xe quá cao khiến hệ thống cảm biến của camera bị tắt, hãy tìm khu vực có bóng râm hoặc hướng đầu xe tránh khỏi mặt trời khi đỗ xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng, thì không được che phần vỏ camera để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera.

Nếu xe bạn vượt quá giới hạn tốc độ được phát hiện, biểu tượng biểu thị biển báo giới hạn tốc độ cho khu vực hiện tại sẽ nhấp nháy trên màn hình.

➲ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Thông báo về giới hạn tốc độ của hệ thống có chính xác hay không phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định như các đơn vị hiển thị trên biển báo giao thông cũng như tốc độ và hướng di chuyển của xe. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị cảnh báo sai hoặc thông tin không chính xác khác.

➲ **Điều kiện và hạn chế của Hệ thống nhận diện biển báo giao thông** Tr. 758



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống nhận diện biển báo giao thông

Hệ thống nhận diện biển báo giao thông có thể không nhận diện chính xác, nhận diện chậm, hoặc không nhận diện được biển báo giao thông trong các trường hợp sau.

### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm, hoặc ở nơi tối như đường hầm dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.

### ■ Điều kiện đường sá

- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

### ■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Xe đang kéo rơ moóc.

Điều kiện và hạn chế của Hệ thống nhận diện biển báo giao thông

Khi Hệ thống nhận diện biển báo giao thông gặp trục trặc, thông báo sẽ hiển thị trên đồng hồ đo. Nếu thông báo này không biến mất, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ Vị trí hoặc tình trạng của biển báo giao thông**

- Biển báo nằm ở vị trí khó nhìn thấy.
- Biển báo được đặt cách xa xe của bạn.
- Biển báo được đặt ở nơi đèn chiếu xa không chiếu tới.
- Biển báo nằm ở góc đường hoặc ở khúc cua.
- Biển báo bị mờ hoặc bị cong.
- Biển báo bị xoay hoặc hư hỏng.
- Biển báo bị che phủ bởi bùn, tuyết hoặc sương giá.
- Một phần của biển báo bị cây cối che khuất hoặc ở trong bóng của một chiếc xe hoặc vật thể khác.
- Đèn (chẳng hạn như đèn đường) phản chiếu lên bề mặt của biển báo hoặc biển báo bị khuất trong bóng tối.
- Biển báo quá sáng hoặc quá tối (biển báo điện).
- Các biển báo nhỏ (biển báo phụ, v.v.).

**■ Các điều kiện khác**

- Khi bạn lái xe với tốc độ cao.



*Còn nữa*

Hệ thống nhận diện biển báo giao thông có thể không hoạt động chính xác, chẳng hạn như hiển thị các biển báo không tuân thủ các quy định thực tế của tuyến đường hoặc không tồn tại trong các trường hợp sau.

▶ Biển báo giới hạn tốc độ có thể hiển thị ở tốc độ cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ giới hạn thực tế.

- Có một biển báo phụ ghi thêm thông tin như thời tiết, thời gian, loại xe, v.v.
- Các con số trên biển báo khó đọc (biển báo điện tử, các số bị mờ, v.v.).
- Biển báo ở gần làn đường bạn đang lái xe, mặc dù không dành cho làn đường đó, chẳng hạn như biển báo giới hạn tốc độ nằm ở tại vị trí giao nhau giữa đường nhánh và đường chính.
- Có những vật thể có màu sắc hoặc hình dạng tương tự với vật thể mà hệ thống nhận dạng được (biển báo nhìn giống nhau, biển báo điện, bảng quảng cáo, công trình kiến trúc, v.v.).

## ■ Các biển báo hiển thị trên đồng hồ đo

Có thể hiển thị đồng thời tối đa hai biển báo giới hạn tốc độ cạnh nhau khi được phát hiện. Các biểu tượng giới hạn tốc độ có thể được hiển thị trên đồng hồ đo Các biển báo bổ sung cho biết giới hạn tốc độ dựa trên khoảng thời gian cụ thể cũng có thể xuất hiện.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

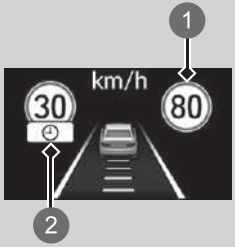


❶ Biển báo giới hạn tốc độ
❷ Biển báo giới hạn tốc độ bổ sung dựa trên các điều kiện*1

Tùy thuộc vào tình huống, *1 có thể xuất hiện ở phía bên phải.



*Còn nữa*

Loại xe có đồng hồ đo loại B

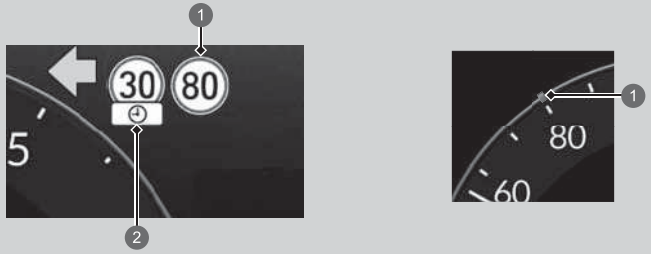


❶ Biển báo giới hạn tốc độ
❷ Biển báo giới hạn tốc độ bổ sung dựa trên các điều kiện*1

Tùy thuộc vào tình huống, *1 có thể xuất hiện ở phía bên phải.

# Camera cảm biến phía trước

Camera, được sử dụng trong các hệ thống như Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS), Hỗ trợ lái xe khi tắc đường*, Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*, Hệ thống nhận diện biển báo giao thông* và Đèn pha thích ứng tự động, được thiết kế để phát hiện vật thể kích hoạt bất kỳ hệ thống nào vận hành chức năng của hệ thống.

## ■ Lưu ý về vị trí và mẹo xử lý camera

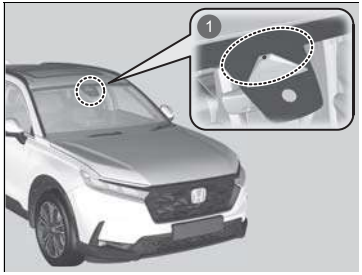


❶ Camera cảm biến phía trước

Camera được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Giúp làm giảm tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến của camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào khi đỗ xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không che phần vỏ camera để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera.

### Camera cảm biến phía trước

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera và làm cho hệ thống hoạt động bất thường.
Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu cũng có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.
Sau khi thay kính chắn gió, hãy mang xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên bảng điều khiển để tránh làm phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## Camera cảm biến phía trước

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao)** xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều hoà không khí để làm mát bên trong xe, nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ vùng xung quanh camera.

Nếu thông báo **Some driver assist system cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition. (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Hãy lau sạch kính chắn gió phía trước, nếu không thì điều kiện quan sát sẽ không đảm bảo.)** xuất hiện:

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lau sạch kính chắn gió. Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

# Cảm biến ra-đa

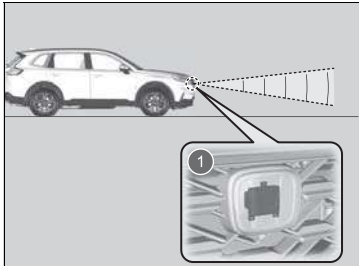


❶ Cảm biến ra-đa

Cảm biến ra-đa nằm phía sau biểu tượng Honda trên lưới tản nhiệt phía trước.

## Cảm biến ra-đa

Để hệ thống hoạt động đúng cách, hãy tuân thủ các biện pháp phòng ngừa sau.

- Luôn giữ cho biểu tượng và lưới tản nhiệt phía trước sạch sẽ.
- Không bao giờ sử dụng dung môi hóa học hoặc bột đánh bóng để làm sạch biểu tượng và lưới tản nhiệt phía trước. Làm sạch bằng nước hoặc chất tẩy rửa nhẹ.
- Không dán bất kỳ nhãn dán hoặc sơn nào lên biểu tượng hoặc lưới tản nhiệt phía trước.
- Không làm trầy xước hoặc làm hỏng biểu tượng hoặc lưới tản nhiệt phía trước.
- Không thay thế biểu tượng, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản trước.
- Không gỡ bỏ hoặc tháo rời cảm biến ra-đa.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Vỏ cảm biến ra-đa bị va đập mạnh.
- Lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản trước cần được sửa chữa.

Nếu xe gặp phải bất kỳ tình huống nào sau đây, cảm biến ra-đa có thể không hoạt động đúng cách. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra:

- Xe của bạn bị va chạm trực diện.
- Xe của bạn đi qua vùng nước sâu hoặc bị ngập trong nước sâu.
- Xe của bạn va mạnh vào chỗ gồ ghề, lề đường, vật cản, dốc hoặc bờ đất, có thể làm rung mạnh cảm biến ra-đa.

# Cảm biến siêu âm*

## ■ Vị trí và phạm vi của các cảm biến

Các cảm biến siêu âm nằm ở cản trước và cản sau.

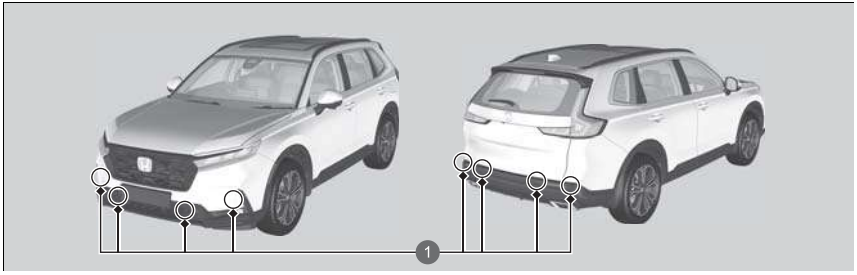


❶ Cảm biến siêu âm

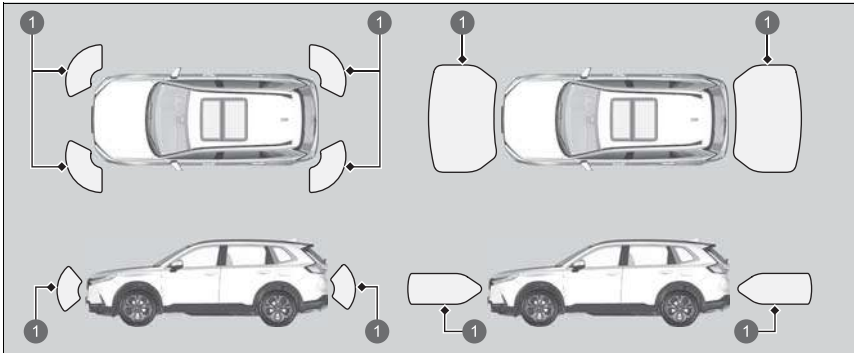


❶ Phạm vi cảm biến

### Cảm biến siêu âm*

Để các cảm biến siêu âm hoạt động hiệu quả, không:

- Dán nhãn hoặc đặt các vật khác lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.
- Vỗ vào khu vực xung quanh các cảm biến.
- Tháo rời cảm biến bất kỳ.
- Đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Cảm biến bị tác động mạnh.
- Cần làm gì đó ở khu vực xung quanh cảm biến.

Trong các trường hợp sau, cảm biến siêu âm có thể không hoạt động hiệu quả. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

- Cản trước hoặc cản sau va vào đồi, khối chèn bánh xe, lề đường, bờ kè, v.v.
- Xe bị va chạm ở phía trước hoặc phía sau.
- Lái xe qua chỗ nước sâu.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hệ thống phanh

## ■ Phanh đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Khi đã gài phanh đỗ, bạn có thể nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.

❶ Công tắc phanh đỗ điện

### ■ Gài phanh

Bạn có thể gài phanh đỗ điện bất cứ khi nào xe có ắc-quy ở bất kỳ chế độ nguồn nào.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

- ▶ Đèn báo ở công tắc sáng.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) sáng.

❶ Công tắc phanh đỗ điện

### ■ Nhả phanh

Chế độ nguồn phải ở BẬT để nhả phanh đỗ điện.

**1.** Nhấn bàn đạp phanh.

**2.** Ấn công tắc phanh đỗ điện.

- ▶ Đèn báo ở công tắc tắt.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

Sử dụng công tắc để nhả phanh đỗ sẽ giúp xe khởi động chậm và êm ái khi đỗ đèo trên đồi dốc.

**»Hệ thống phanh**

Khi nhấn bàn đạp phanh, bạn có thể nghe thấy tiếng vù vù phát từ khoang động cơ. Điều này là do hệ thống phanh đang hoạt động và là bình thường.

**»Phanh đỗ**

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ hệ thống phanh đỗ điện từ khu vực bánh xe sau khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Điều này là bình thường.

Khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do hệ thống phanh đỗ điện đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Bạn không thể gài hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc-quy hết điện.

➡ **Nếu ắc-quy hết điện** Tr. 906

**Nếu bạn kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ điện trong khi lái xe, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó gài phanh đỗ điện và nhả công tắc.**



*Còn nữa*

### ■ Vận hành tính năng phanh đỗ tự động

Nếu tính năng phanh đỗ tự động được kích hoạt:

- Phanh đỗ sẽ được kích hoạt tự động khi bạn chuyển chế độ nguồn sang TẮT MÁY.
- Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

➡ **Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động** Tr. 769

### ■ Nhả tự động

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ.

Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi xảy ra tắc nghẽn giao thông.

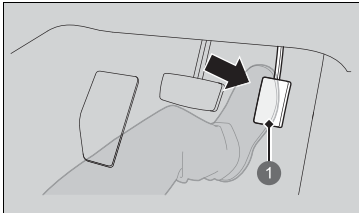


Nhấn nhẹ bàn đạp ga.

Khi đang ở trên dốc, có thể cần tăng ga để nhả phanh.

▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

❶ Bàn đạp ga

Bạn có thể nhả phanh đỗ tự động khi:

- Người lái thắt dây đai an toàn.
- Động cơ đang hoạt động.
- Cần số không ở số [P] hoặc [N].

Phanh đỗ

Trong các trường hợp sau, phanh đỗ tự động hoạt động.

- Khi xe dừng quá 10 phút trong khi chế độ Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp đang được kích hoạt.
- Khi người lái không thắt dây an toàn trong khi xe dừng tự động bởi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp.
- Khi tắt động cơ, ngoại trừ bằng Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*, trong khi ACC bao gồm Dải tốc độ thấp được kích hoạt.
- Khi xe dừng và hệ thống giữ phanh tự động đã được kích hoạt hơn 10 phút.
- Khi người lái không thắt dây an toàn trong khi xe dừng và gài giữ phanh.
- Khi tắt động cơ, ngoại trừ bằng Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*, trong khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt.
- Khi có sự cố với hệ thống giữ phanh trong khi chức năng giữ phanh đang được kích hoạt.

Nếu phanh đỗ không thể nhả tự động, hãy nhả bằng tay.

Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga mạnh hơn để tự động nhả phanh đỗ điện.

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hệ thống truyền động





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động**

Khi chế độ nguồn ở BẬT, hãy làm theo các bước sau để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động.

**1.** Sang số [P].

**2.** Không cần nhấn bàn đạp phanh, hãy kéo lên rồi nhả công tắc phanh đỗ điện.
▶ Kiểm tra đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

**3.** Kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ điện. Khi nghe thấy tiếng bíp, hãy thả tay ra và trong vòng 3 giây tiếp tục kéo công tắc lên và giữ.

**4.** Khi nghe thấy âm thanh thông báo quy trình đã hoàn tất, hãy thả công tắc ra.
▶ Hai tiếng bíp biểu thị tính năng đã được kích hoạt.
▶ Một tiếng bíp biểu thị tính năng đã hủy kích hoạt.
▶ Khi đã hoàn tất việc kích hoạt tính năng này, phanh đỗ sẽ vẫn được gài sau khi bạn tắt động cơ.
▶ Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

Nếu cần tạm thời hủy kích hoạt tính năng này khi phải kéo xe của bạn, hãy làm theo quy trình dưới đây.

**1.** Nhấn bàn đạp phanh và dừng xe.

**2.** TẮT MÁY, sau 2 giây ấn công tắc phanh đỗ điện xuống.
▶ Cài đặt kích hoạt và hủy kích hoạt cho tính năng sẽ không bị ảnh hưởng.
▶ Trước khi tạm thời hủy kích hoạt tính năng này, hãy đảm bảo tắt cả Hệ thống kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp và Hệ thống giữ phanh tự động.
▶ Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

**Phanh đỗ**

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:
- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách)
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ

**Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động**

Nếu gài phanh đỗ khi trời lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng tại chỗ.
Khi đỗ xe, hãy chèn bánh xe và đảm bảo đã tắt tính năng phanh đỗ tự động.
Ngoài ra, khi mang xe đến trạm rửa xe kiểu băng chuyền hoặc khi kéo xe, hãy tắt tính năng phanh đỗ tự động và nhả phanh đỗ.



*Còn nữa*

## ■ Phanh chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp giúp tăng lực dừng khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

➔ **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp** Tr. 775
➔ **Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)** Tr. 774

Phanh chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do ma sát kim loại khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Kích hoạt phanh động cơ bằng cách nhấc chân khỏi bàn đạp ga và giảm số xuống vị trí tốc độ thấp hơn.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì việc này sẽ tác dụng nhẹ lên phanh, làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Đồng thời cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

Bất cứ khi nào phanh được kích hoạt bởi CMBS hoặc một hệ thống khác tự động điều khiển phanh, bàn đạp phanh sẽ được nhấn xuống và nhả ra theo chức năng phanh.

## ■ Giữ phanh tự động

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bàn đạp ga được nhấn. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi chờ đèn đỏ hoặc khi tắc đường.

### ■ Bật hệ thống

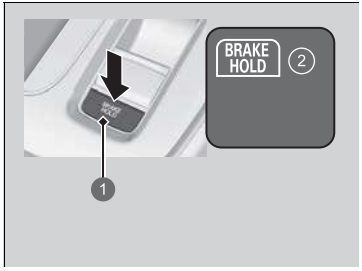


❶ Nút giữ phanh tự động
❷ Sáng

Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.

▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật.

Mỗi khi người lái thắt dây an toàn và khởi động động cơ, hệ thống sẽ ở chế độ bật hoặc tắt như đã được chọn ở lần lái xe gần nhất.

Giữ phanh tự động

**⚠CẢNH BÁO**

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp phanh.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc sử dụng hệ thống để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

**⚠CẢNH BÁO**

Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể làm cho xe di chuyển bất ngờ.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách gạt cần số đến P và gài phanh đỗ.



Còn nữa

### ■ Kích hoạt hệ thống

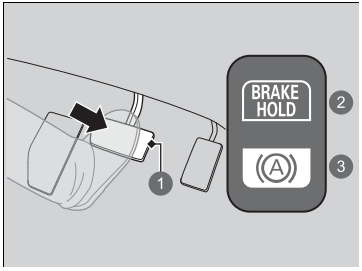


Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn. Cần số không được ở số [P] hoặc [N].

▶ Đèn báo giữ phanh tự động sáng. Phanh được giữ trong 10 phút.

▶ Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

❶ Bàn đạp phanh
❷ Bật
❸ Sáng

### ■ Hủy hệ thống

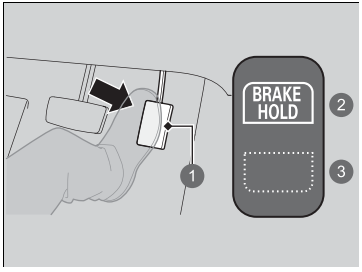


Nhấn bàn đạp ga trong khi cần số không ở số [P] hoặc [N]. Hệ thống bị hủy và xe bắt đầu di chuyển.

▶ Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống tiếp tục hoạt động.

❶ Bàn đạp ga
❷ Bật
❸ Tắt

Giữ phanh tự động

**⚠CẢNH BÁO**

Khi sử dụng tính năng giữ phanh tự động, hãy để chân trên bàn đạp phanh cho đến khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Nhấc chân ra khỏi bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

### ■ Hệ thống tự động hủy khi:

- Gài phanh đỗ.
- Nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến P hoặc R.

### ■ Hệ thống tự động hủy và phanh đỗ được gài khi:

- Phanh được giữ trong hơn 10 phút.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động gặp sự cố.

### ■ Tắt hệ thống giữ phanh tự động

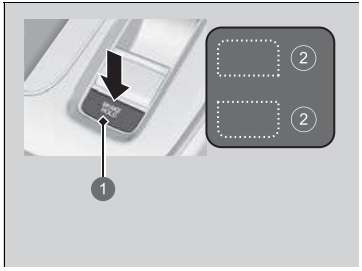


❶ Nút giữ phanh tự động
❷ Tắt

Chỉ đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sáng.

- Ấn nút giữ phanh tự động.
  ▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Khi đèn báo giữ phanh tự động sáng cùng lúc:

- Ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.
  ▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động và đèn báo giữ phanh tự động tắt.

#### Giữ phanh tự động

Khi hệ thống được kích hoạt, bạn có thể tắt động cơ hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm bình thường.

➡ **Khi xe đã dừng** Tr. 777

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

#### Tắt hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Nếu tắt động cơ hoặc người lái không thắt dây đai an toàn trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật, hệ thống giữ phanh tự động sẽ tự động tắt. Trong trường hợp này, khi người lái thắt dây đai an toàn và khởi động lại động cơ, hệ thống giữ phanh tự động sẽ bật mà không cần ấn nút giữ phanh tự động.

# Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

## ■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều so với thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

### ■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc bàn đạp phanh. Khi lái xe trên đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay nếu bạn cố dừng xe trên đường có băng hoặc tuyết.

ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:
- Đường ướt hoặc phủ tuyết.
- Đường lát đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, ví dụ như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại hoặc kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.
ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

ABS không có chức năng làm giảm thời gian và khoảng cách dừng xe vì: Hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe cần có khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lắp xích bọc lốp*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau với hệ thống ABS:
- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.

Hiện tượng rung và tiếng ồn này là bình thường với hệ thống ABS và không cần lo ngại.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

**■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp**

Nhấn chắc bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp hoạt động, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng ồn phát ra. Điều này là bình thường. Tiếp tục nhấn chắc bàn đạp phanh.

# Tín hiệu dừng khẩn cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái xe ở tốc độ từ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh bất ngờ bằng cách nháy liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe bạn.

**■ Khi hệ thống hoạt động:**

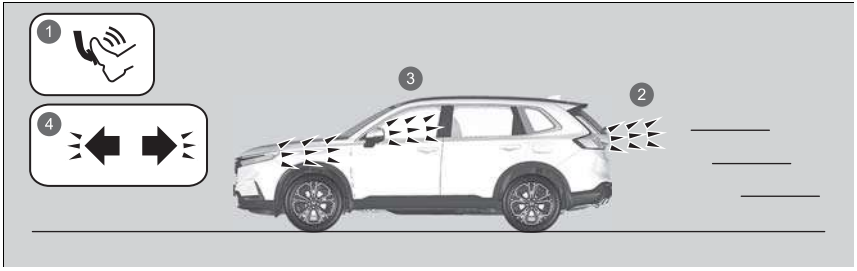


❶ Phanh gấp
❷ Các đèn phanh sáng
❸ Các đèn cảnh báo nguy hiểm nháy
❹ Các đèn cảnh báo nguy hiểm nhấp nháy

Các đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nháy khi:
- Nhả bàn đạp phanh.
- Tắt hệ thống ABS.
- Tốc độ giảm tốc của xe của bạn trở nên vừa phải.
- Ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nháy khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

## Khi xe đã dừng

**1.** Nhấn chắc bàn đạp phanh.
**2.** Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện liên nhưng không hết cỡ.
**3.** Sang số [P].
**4.** Tắt động cơ.
▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt trong khoảng 30 giây.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

Đỗ xe

**⚠CẢNH BÁO**

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ.

Xe bị trượt có thể gây ra va chạm dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận [P] hiển thị trên đèn báo vị trí số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.



*Còn nữa*

Khi xe đã dừng

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số sang P trước khi xe dừng hẳn.

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi gài. Không kéo phanh đỗ nếu ở trong điều kiện thời tiết như vậy, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lăn xuống, hoặc chèn các bánh xe để ngăn xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

# Hệ thống cảm biến đỗ

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/thông tin giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

## ■ Vị trí và phạm vi của cảm biến

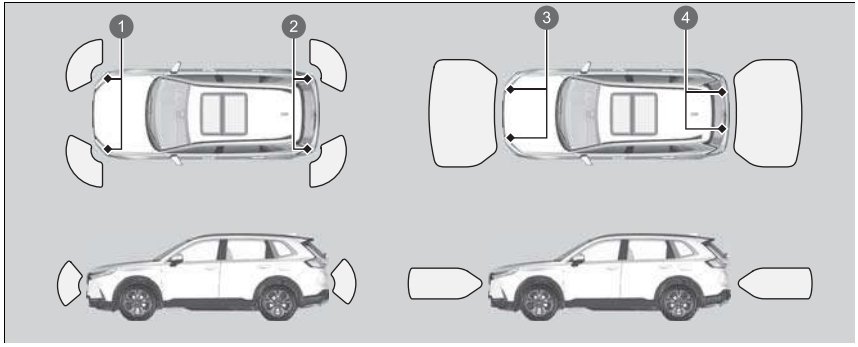


❶ Cảm biến góc trước*
❷ Cảm biến góc sau
❸ Cảm biến giữa trước*
❹ Cảm biến giữa sau

### Hệ thống cảm biến đỗ

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động bình thường khi:
- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi bẩn che phủ.
- Xe để bên ngoài trời nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:
- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc miếng bọt biển.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:
- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

Không được đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

Loại xe có cảm biến phía trước

▶Nếu bạn lắp bất kỳ phụ kiện nào (chẳng hạn như móc kéo* hoặc giá để xe đạp) lên hoặc xung quanh các cảm biến phía sau, hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Bật và tắt Hệ thống cảm biến đỗ

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 165, 194
➔ **Hệ thống hỗ trợ an toàn** Tr. 178, 207

Các cảm biến góc trước*, góc sau và cảm biến giữa phía sau bắt đầu phát hiện vật cản khi hộp số ở số [R] và tốc độ xe nhỏ hơn 9 km/h.

Loại xe có cảm biến phía trước

Cảm biến góc trước và cảm biến giữa trước bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số không ở số [P] hoặc [R] và tốc độ xe dưới 9 km/h.

Hệ thống cảm biến đỗ

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

Loại xe có cảm biến phía trước

Bạn có thể bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ phía sau bằng màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Loại xe có camera đa hướng

Khi xe di chuyển về phía trước với tốc độ 9 km/h hoặc thấp hơn, hệ thống sẽ phát hiện bất kỳ vật cản nào phía trước xe và hình ảnh từ camera phía trước sẽ hiển thị khi khoảng cách giữa xe và vật cản giảm dần.

➔ **Camera đa hướng*** Tr. 791

Bạn có thể tùy chỉnh việc hiển thị hoặc không hiển thị hình ảnh từ camera phía trước khi phát hiện vật cản.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Vận hành màn hình

Loại xe có camera lùi đa hướng

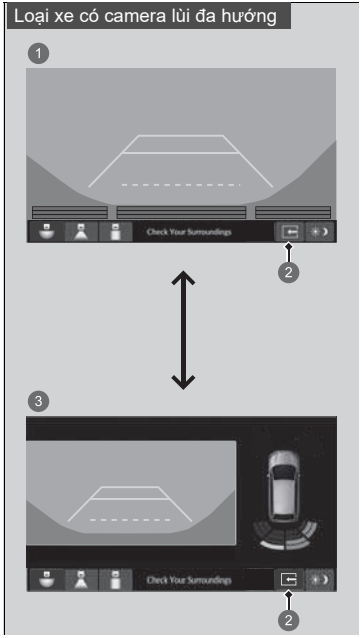


Bạn có thể chuyển màn hình hiển thị sang tắt song song hai màn hình và bật song song hai màn hình bằng cách chạm vào thanh công cụ chia đôi màn hình.

❶ Tắt song song hai màn hình
❷ Thanh công cụ chia đôi màn hình
❸ Bật song song hai màn hình



*Còn nữa*

Loại xe có camera đa hướng

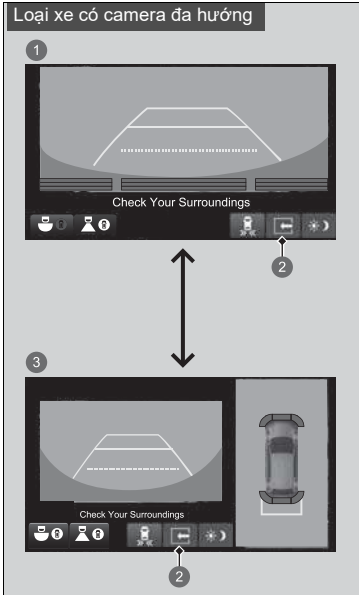


❶ Tắt song song hai màn hình
❷ Thanh công cụ chia đôi màn hình
❸ Bật song song hai màn hình

## ■ Khi phát hiện khoảng cách giữa xe và vật cản trở nên ngắn hơn

Loại xe có cảm biến phía trước

**Đèn báo cảm biến đỗ**

Đèn báo cảm biến đỗ nhấp nháy.

▶ Nếu hệ thống tắt, chỉ đèn báo cảm biến đỗ nhấp nháy khi phát hiện có vật cản.

Tất cả các loại xe

| Độ dài tiếng bíp | Khoảng cách giữa Tấm cản và Vật cản | | Đèn Báo | Màn hình giao diện thông tin cho người lái | Màn hình âm thanh/ thông tin |
|---|---|---|---|---|---|
| | Cảm biến góc | Cảm biến giữa | | | |
| Trung bình | — | Trước*: Khoảng 70-60*4 hoặc 75-65*5 cm<br>Sau: Khoảng 110-75*4 hoặc 110-70*5 cm | Sáng*1/ Nhấp nháy*2 Màu vàng*3 | 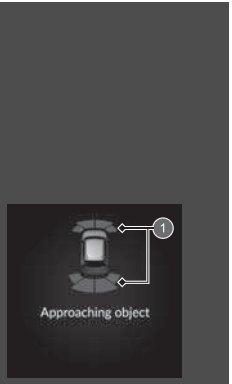 | |
| Ngắn | Trước*: Khoảng 55-45*4 hoặc 60-45*5 cm<br>Sau: Khoảng 60-45*4 hoặc 65-45*5 cm | Trước*: Khoảng 60-50*4 hoặc 65-55*5 cm<br>Sau: Khoảng 75-60*4 hoặc 70-60*5 cm | Sáng*1/ Nhấp nháy*2 Màu hổ phách | | |
| Rất ngắn | Khoảng 45-35 cm | Trước*: Khoảng 50-40*4 hoặc 55-45*5 cm<br>Sau: Khoảng 60-50 cm | | | |
| Liên tục | Khoảng 35 cm trở xuống | Trước*: Khoảng 40*4 hoặc 45*5 cm hoặc ngắn hơn<br>Sau: Khoảng 50 cm trở xuống | Sáng*1/ Nhấp nháy*2 Màu đỏ | | |

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*1: Trên màn hình giao diện thông tin cho người lái
*2: Trên màn hình âm thanh/thông tin
*3: Ở giai đoạn này, chỉ có các cảm biến giữa phát hiện vật cản.
*4: Loại xe tại Châu Đại Dương
*5: Ngoại trừ các loại xe tại Châu Đại Dương
❶ Đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.

Để tạm thời tắt tiếng bíp, ấn vòng lựa chọn bên trái*6 hoặc bên phải*7 trong khi tiếng bíp đang vang lên. TẮT tạm thời sẽ bị hủy khi chuyển vị trị số hoặc tốc độ xe đạt từ 14 km/h trở lên.



*6: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*7: Loại xe có đồng hồ đo loại B

# Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường*

Cảm biến ra-đa giúp bạn quan sát khu vực góc phía sau khi lùi xe và cảnh báo cho bạn nếu phát hiện có xe đang đi đến từ góc phía sau.

Hệ thống này rất thuận tiện khi bạn lùi ra khỏi chỗ đỗ xe.

Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường*

**⚠THẬN TRỌNG**

Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường không thể phát hiện được tất cả các xe đang đến gần và có thể không phát hiện được bất kỳ xe đang đến gần nào.

Cần quan sát để đảm bảo an toàn trước khi lùi xe để tránh xảy ra va chạm.

Không phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống khi lùi xe; luôn sử dụng gương, quan sát phía sau và hai bên xe trước khi lùi xe.

Còi báo cảnh báo của hệ thống cảm biến đỗ sẽ ghi đè lên còi báo của Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường khi các cảm biến đang phát hiện vật cản ở phạm vi gần nhất.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Cách hoạt động của hệ thống

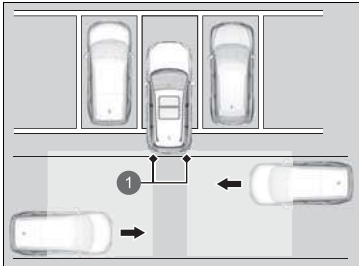


Hệ thống được kích hoạt khi:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường bật.
  ➡ **Bật và Tắt Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường** Tr. 788
- Cần số ở số R.
- Xe của bạn di chuyển với tốc độ từ 5 km/h trở xuống.

❶ Cảm biến ra-đa:
Bên dưới các góc của cản sau.

Khi phát hiện xe đang đến gần từ góc phía sau, Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường sẽ cảnh báo cho bạn bằng còi báo và hiển thị cảnh báo trên màn hình.

Hệ thống sẽ không phát hiện xe đang đến gần sát ngay phía sau xe của bạn, và cũng sẽ không đưa ra cảnh báo về chiếc xe được phát hiện khi xe đó di chuyển sát ngay phía sau xe của bạn.

Hệ thống sẽ không đưa ra cảnh báo đối với xe không chạy gần xe bạn và hệ thống có thể cảnh báo khi có người đi bộ, xe đạp hoặc vật thể đứng yên.

### Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường*

Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường không phát hiện hoặc có thể trì hoãn việc phát hiện phương tiện đang đến gần, hoặc có thể báo động phát hiện ngay cả khi không có phương tiện đang đến gần trong các điều kiện sau:

- Khi có vật cản, chẳng hạn như một chiếc xe khác hoặc một bức tường gần cản sau của xe bạn và làm cản trở phạm vi của cảm biến ra-đa.
- Xe của bạn di chuyển với tốc độ từ 5 km/h trở lên.
- Xe đang đến gần di chuyển với tốc độ từ 10km/h đến 25km/h.
- Hệ thống thu nhiễu bên ngoài từ các cảm biến ra-đa của xe khác hoặc thu sóng radio mạnh từ một địa điểm gần đó.
- Cả hai góc của cản sau bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi bẩn bao phủ.
- Khi thời tiết xấu.
- Xe đang đi xuống dốc.
- Xe của bạn bị nghiêng do chở hành lý nặng ở phía sau.
- Xe đang lùi về phía bức tường, cột điện, xe khác, v.v.

Cản sau hoặc cảm biến không được sửa chữa đúng cách hoặc cản sau bị biến dạng. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Để hệ thống vận hành đúng cách, hãy luôn giữ khu vực góc cản sau sạch sẽ.
Không che khu vực góc cản sau bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác

Biểu tượng mũi tên sẽ xuất hiện bên phía xe đang đến gần trên màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe có camera lùi đa hướng

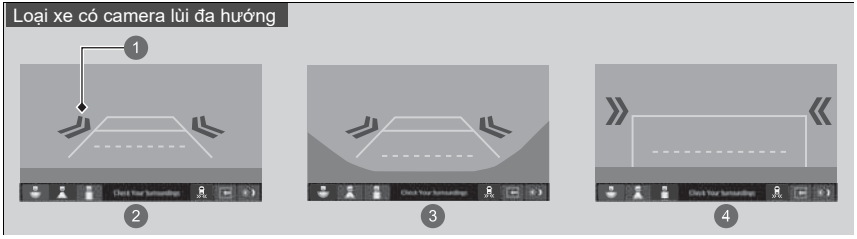


❶ Biểu tượng mũi tên
❷ Góc nhìn bình thường
❸ Góc nhìn rộng
❹ Góc nhìn từ trên xuống

Loại xe có camera đa hướng

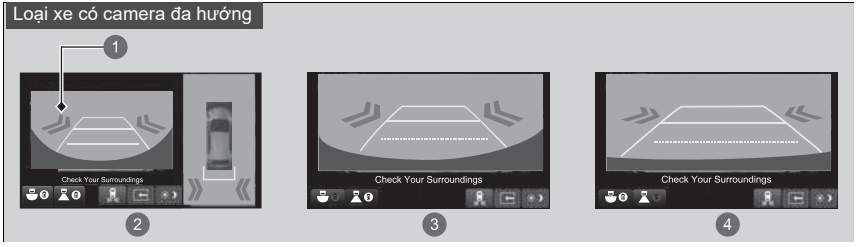


❶ Biểu tượng mũi tên
❷ Góc nhìn sát mặt đất phía sau
❸ Góc nhìn góc rộng phía sau
❹ Góc nhìn bình thường phía sau

Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác

Nếu biểu tượng ở góc phải phía bên dưới màn hình chuyển sang màu hổ phách khi cần số ở R, thì có thể có bùn, tuyết, băng và mảnh vụn tích tụ gần khu vực cảm biến. Hệ thống tạm thời bị hủy. Kiểm tra các góc tấm cản xem có vật cản nào không và làm sạch toàn bộ khu vực nếu cần.

Nếu biểu tượng sáng khi cần số ở R, Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường có thể có sự cố. Không sử dụng hệ thống và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu màn hình hiển thị vẫn duy trì như vậy khi cần số ở R, hệ thống camera sau và Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường có thể có sự cố. Không sử dụng hệ thống và mang xe đến đại lý để kiểm tra.



Còn nữa

## ■ Bật và Tắt Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường

Loại xe có camera lùi đa hướng

❶ Biểu tượng Cảnh báo vật thể băng ngang đường

Loại xe có camera đa hướng

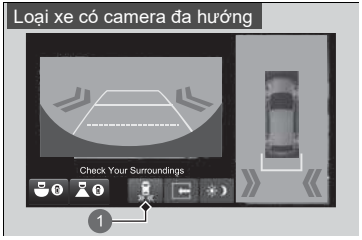


❶ Biểu tượng Cảnh báo vật thể băng ngang đường

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng cách ấn vào biểu tượng Cảnh báo vật thể băng ngang đường trên màn hình âm thanh/thông tin.

Bạn cũng có thể bật và tắt hệ thống bằng tính năng tùy chỉnh trên màn hình âm thanh/thông tin.

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

# Camera lùi đa hướng ở xe bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị hình ảnh phía sau xe bạn. Màn hình tự động chuyển sang hiển thị hình ảnh phía sau xe khi gạt cần số đến R.

## ■ Vùng hiển thị camera lùi đa hướng

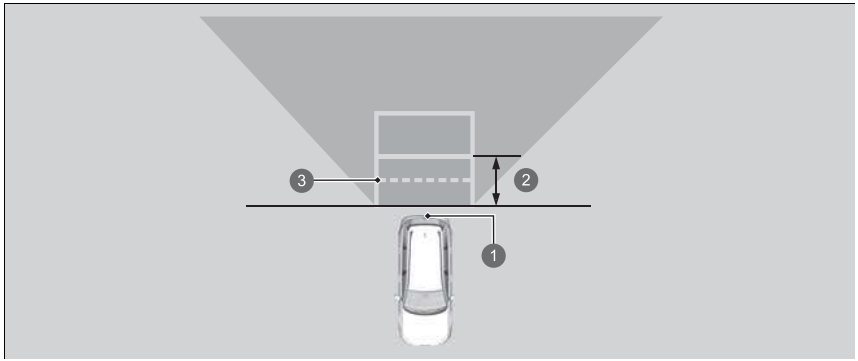


❶ Camera
❷ Xấp xỉ 1 m
❸ Phạm vi mở cửa hậu

### Camera lùi đa hướng ở xe bạn

Tầm quan sát của camera lùi rất hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính đặt biệt của camera làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy xác nhận trực quan xem có an toàn không trước khi lùi xe. Các điều kiện nhất định (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị phía sau vì màn hình không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe bạn.

Hình ảnh camera lùi được hiển thị ưu tiên trên màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, hãy dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Bạn có thể quan sát theo ba chế độ camera khác nhau trên màn hình âm thanh/thông tin.
Chạm vào biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ quan sát.

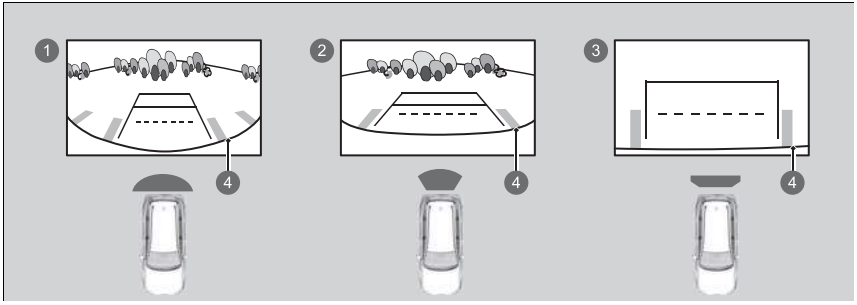


❶ Chế độ quan sát rộng
❷ Chế độ quan sát thường
❸ Chế độ quan sát từ trên xuống
❹ Tấm cản

- Nếu chế độ quan sát được sử dụng lần gần đây nhất là Rộng hoặc Thường, thì chế độ đó sẽ vẫn được chọn ở lần tiếp theo gạt cần số đến R.
- Trước khi tắt động cơ, nếu chế độ quan sát đang được sử dụng là quan sát từ Trên xuống, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn ở lần tiếp theo đặt chế độ nguồn ở BẬT và gạt cần số đến R.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và đã 10 giây trôi qua sau khi bạn ra khỏi số R, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn ở lần tiếp theo gạt cần số đến R.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và về lại số R trong vòng 10 giây sau khi ra khỏi số R, chế độ quan sát từ Trên xuống sẽ vẫn được chọn.

Camera lùi đa hướng ở xe bạn

Bạn có thể thay đổi các cài đặt **Fixed Guideline** (Dẫn hướng cố định) và **Dynamic Guideline** (Dẫn hướng động).
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

**Fixed Guideline (Dẫn hướng cố định)**
**ON:** Dẫn hướng xuất hiện khi bạn gạt cần số đến R.
**OFF:** Dẫn hướng không xuất hiện.
**Dynamic Guideline (Dẫn hướng động)**
**ON:** Dẫn hướng di chuyển theo hướng xoay của vô lăng.
**OFF:** Dẫn hướng không di chuyển.

Nếu hình ảnh phía sau xe không hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin trong khi vị trí số ở R, có thể hệ thống có sự cố. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

# Camera đa hướng*

Đây là hệ thống bốn camera quan sát các khu vực thường được gọi là “điểm mù” từ các góc độ khác nhau, sau đó hiển thị hình ảnh trên màn hình âm thanh/thông tin. Hệ thống này có thể được sử dụng để:

- Kiểm tra vật cản khi bạn đang di chuyển ở số R.
  - **Kiểm tra xem phía sau xe có vật cản nào không.** Tr. 798
- Kiểm tra xem có vật cản nào phía trước xe khi đỗ xe hoặc di chuyển trong khu vực chật hẹp.
  - **Kiểm tra phía trước và hai bên xe của bạn** Tr. 800
  - **Kiểm tra hai bên xe của bạn** Tr. 803
- Kiểm tra cả hai bên phải và trái xe khi băng qua đoạn đường giao nhau ở những nơi tầm nhìn kém (góc nhìn bị che khuất, v.v.).
  - **Kiểm tra từ góc nhìn điểm mù phía trước tại các đường giao nhau.** Tr. 802

## Camera đa hướng*

### ⚠CẢNH BÁO

Việc không quan sát kỹ khu vực xung quanh xe (trực tiếp hoặc thông qua gương) có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Khu vực hiển thị trên màn hình hệ thống camera đa hướng bị giới hạn. Màn hình có thể không hiển thị tất cả người đi bộ hoặc các vật thể khác xung quanh xe của bạn.

Không nên chỉ dựa vào màn hình hệ thống camera đa hướng để đánh giá xem việc di chuyển xe có an toàn hay không.

### ⚠CẢNH BÁO

Việc không chú ý đúng cách đến môi trường xung quanh khi lái xe có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Để giảm thiểu nguy cơ va chạm, chỉ nhìn vào màn hình hệ thống camera đa hướng khi đủ an toàn để làm như vậy.

Hệ thống camera đa hướng không loại bỏ tất cả các điểm mù. Hệ thống chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

## ■ Hiển thị hình ảnh từ camera đa hướng

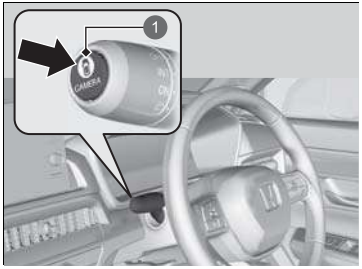


❶ Nút **CAMERA**

**■ Dành cho các góc nhìn phía trước:**
Ấn nút **CAMERA** hoặc lựa chọn **Multi View Camera (Camera đa hướng)** khi xe đang đứng yên hoặc di chuyển với tốc độ từ 20 km/h trở xuống. Ấn nút một lần nữa để chuyển đổi góc nhìn của camera.

**■ Dành cho các góc nhìn phía sau:**
Thay đổi vị trí số sang R khi xe đang đứng yên. Nhấn lại nút **CAMERA** để chuyển sang chế độ góc nhìn phía sau.
Bạn có thể tùy chỉnh cài đặt hiển thị.
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

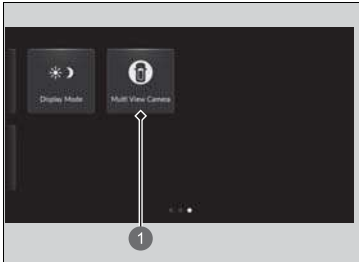


❶ **Camera đa hướng**

Camera đa hướng*

Luôn giữ cho thấu kính camera sạch sẽ và không bị bám bụi bẩn.

Hệ thống định vị bị vô hiệu hóa khi vị trí số ở R.

Nếu bạn ấn nút **CAMERA** hoặc lựa chọn **Multi View Camera (Camera đa hướng)** khi tốc độ xe vượt quá 25 km/h, màn hình chờ sẽ hiện lên. Khi tốc độ xe giảm xuống dưới 20 km/h, màn hình sẽ chuyển sang hiển thị hình ảnh từ hệ thống camera đa hướng.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Vị trí camera và hình ảnh

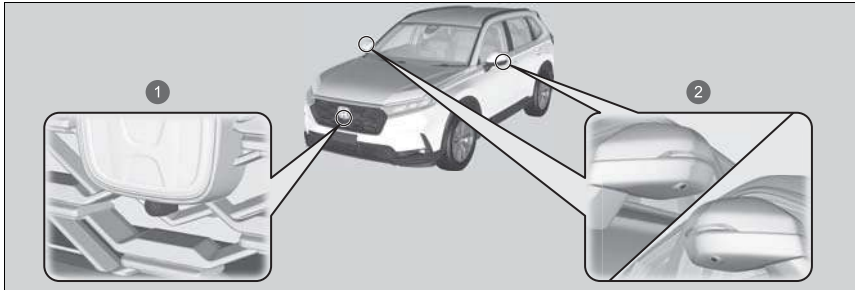


❶ Camera góc nhìn phía trước
❷ Các camera góc nhìn bên cạnh

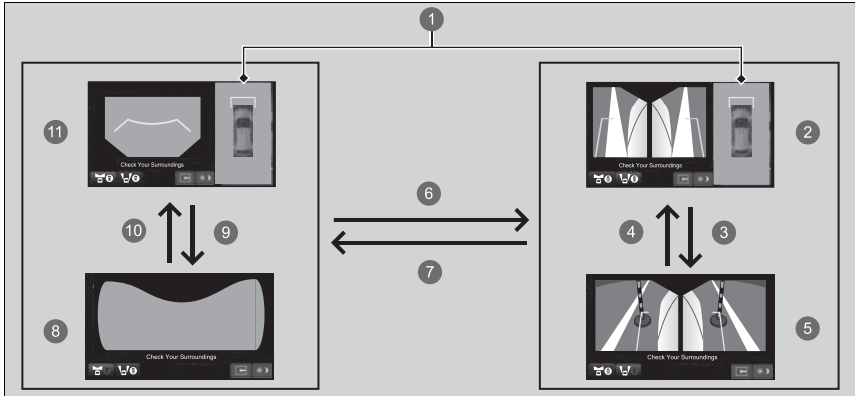




*Còn nữa*

❶ Góc nhìn sát mặt đất: Hình ảnh nhìn từ trên cao được tạo ra bằng cách kết hợp các hình ảnh được chụp bởi bốn camera.
❷ Góc nhìn bên trái và bên phải + Góc nhìn sát mặt đất
❸ hoặc
❹ 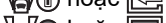 hoặc
❺ Góc nhìn bên trái và bên phải
❻ hoặc hoặc nút **CAMERA**
❼ 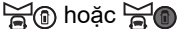 hoặc
❽ Góc nhìn điểm mù phía trước
❾ hoặc
❿ 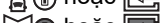 hoặc
⓫ Góc nhìn phía trước + Góc nhìn sát mặt đất

Các thấu kính đặc biệt của hệ thống camera đa hướng khiến khoảng cách trông khác với thực tế - các vật thể hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin có thể trông gần hơn hoặc xa hơn và có thể bị biến dạng. Điều này trở nên rõ rệt hơn khi vật thể càng ở xa xe của bạn.

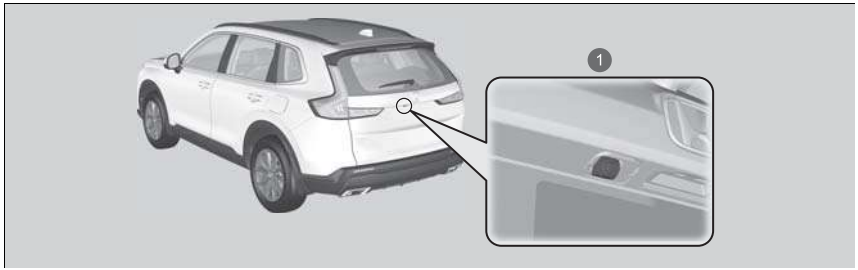


❶ Camera góc nhìn phía sau

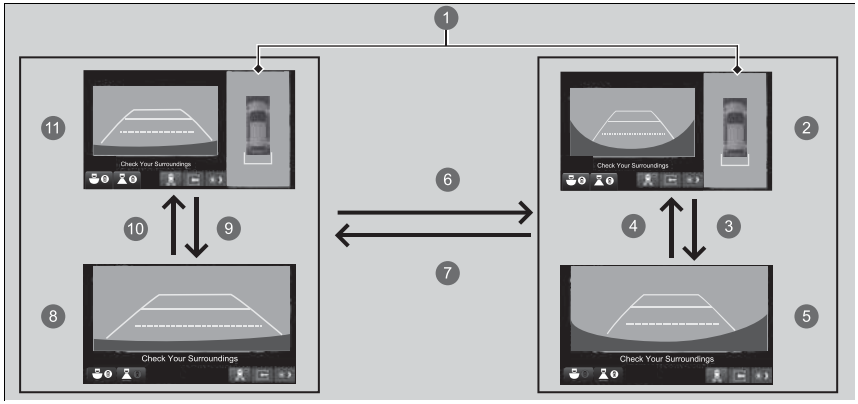


❶ Góc nhìn sát mặt đất: Hình ảnh nhìn từ trên cao được tạo ra bằng cách kết hợp các hình ảnh được chụp bởi bốn camera.
❷ Góc nhìn góc rộng phía sau + Góc nhìn sát mặt đất
❸ hoặc

*Còn nữa*

❹ 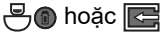 hoặc
❺ Góc nhìn góc rộng phía sau
❻ 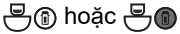 hoặc  hoặc nút **CAMERA**
❼ 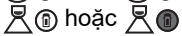 hoặc  hoặc nút **CAMERA**
❽ Góc nhìn bình thường phía sau
❾ 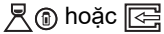 hoặc
❿ 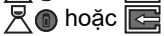 hoặc
⓫ Góc nhìn bình thường phía sau + Góc nhìn sát mặt đất

Các thấu kính đặc biệt của hệ thống camera đa hướng khiến khoảng cách trông khác với thực tế - các vật thể hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin có thể trông gần hơn hoặc xa hơn và có thể bị biến dạng. Điều này trở nên rõ rệt hơn khi vật thể càng ở xa xe của bạn.

## ■ Vạch tham chiếu và vạch hướng dẫn

Những mục sau có thể được hiển thị khi hệ thống camera đa hướng hoạt động.
**Vạch hướng dẫn cố định:** Giúp bạn cảm nhận khoảng cách giữa xe của bạn và môi trường xung quanh. Khoảng cách có thể hiển thị khác với khoảng cách thực tế.
**Vạch hướng dẫn động:** Chỉ ra hướng di chuyển của xe khi vô lăng đang ở vị trí hiện tại.

Hiển thị hình ảnh từ các camera đa hướng

Vị trí/khoảng cách được hiển thị bởi các vạch hướng dẫn và góc nhìn camera trên màn hình có thể khác với vị trí/khoảng cách thực tế do sự thay đổi chiều cao của xe, điều kiện đường sá và các yếu tố khác. Các vạch hướng dẫn chỉ nên được sử dụng để tham khảo.

Bạn có thể bật và tắt các vạch hướng dẫn bằng màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 443, 540

Nếu bạn tắt các vạch hướng dẫn, vạch hướng dẫn sẽ vẫn tắt cho đến khi bạn bật lại.



*Còn nữa*

## ■ Sử dụng camera đa hướng

**■ Kiểm tra xem phía sau xe có vật cản nào không.**

Màn hình tự động thay đổi sang góc nhìn phía sau khi vị trí số được chuyển sang R.

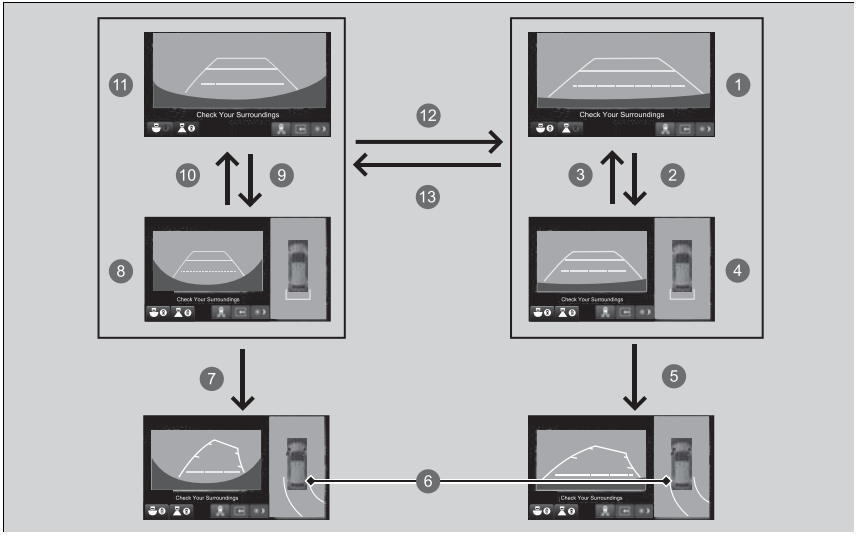


Sử dụng camera đa hướng

Hình ảnh mặt đất vẫn hiển thị ngay cả khi gương cửa cụp lại. Tuy nhiên, góc nhìn có thể quan sát được và điểm mù sẽ thay đổi.

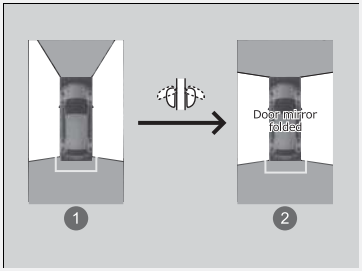


❶ Không cụp
❷ Cụp

❶ Góc nhìn bình thường phía sau
❷ hoặc
❸ hoặc
❹ Góc nhìn bình thường phía sau + Góc nhìn sát mặt đất
❺ Khi vô lăng xoay quá 90 độ.
❻ Các vạch chiếu xuất hiện cách thân xe 35 cm về phía ngoài.
❼ Khi vô lăng xoay quá 90 độ.
❽ Góc nhìn góc rộng phía sau + Góc nhìn sát mặt đất
❾ hoặc
❿ hoặc
⓫ Góc nhìn góc rộng phía sau
⓬ hoặc hoặc nút **CAMERA**
⓭ hoặc hoặc nút **CAMERA**

**Kiểm tra xem phía sau xe có vật cản nào không.**

Khi thay đổi vị trí số từ/sang R, bạn có thể gặp hiện tượng trễ trong việc chuyển đổi giữa màn hình âm thanh/thông tin và hình ảnh góc nhìn phía sau.

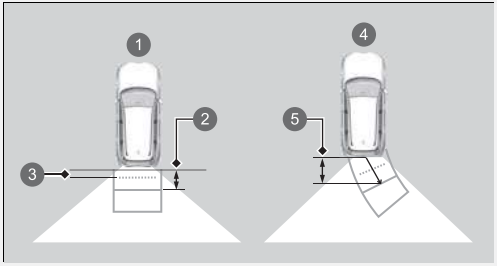


Khoảng cách xấp xỉ:
❶ Các vạch hướng dẫn chỉ ra
❷ 1,1 m
❸ 80 cm
❹ Các vạch chiếu chỉ ra
❺ 1,1 m



*Còn nữa*

## ■ Kiểm tra phía trước và hai bên xe của bạn

Bạn có thể hiển thị màn hình góc nhìn phía trước sát mặt đất bằng cách sử dụng cả bốn camera của hệ thống. Ấn nút **CAMERA** khi tốc độ xe dưới 20 km/h sẽ thay đổi hình ảnh như sau.

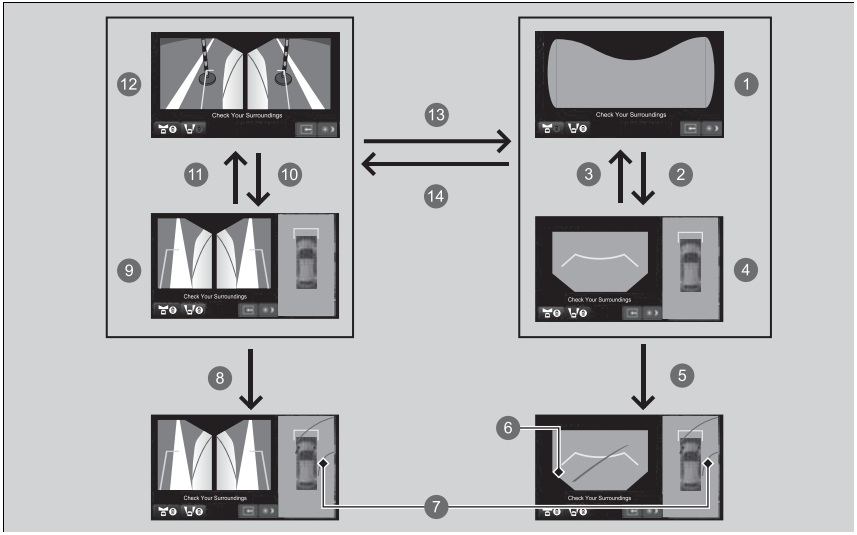


### Kiểm tra phía trước và hai bên xe của bạn

Nếu tốc độ xe vượt quá 25 km/h trong khi hình ảnh góc nhìn phía trước hoặc bên cạnh từ camera đa hướng đang hiển thị, màn hình sẽ tự động chuyển sang màn hình âm thanh/thông tin.

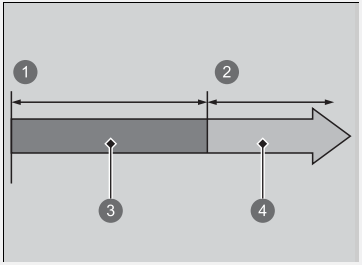


1. 0 km/h
2. 25 km/h
3. Màn hình camera
4. Màn hình Âm thanh/Thông tin

❶ Góc nhìn điểm mù phía trước
❷ hoặc
❸ hoặc
❹ Góc nhìn phía trước + Góc nhìn sát mặt đất
❺ Khi vô lăng xoay quá 90 độ.
❻ Các điểm mù xuất hiện dưới dạng màu đen.
❼ Các vạch chiếu xuất hiện cách thân xe 35 cm về phía ngoài.
❽ Khi vô lăng xoay quá 90 độ.
❾ Góc nhìn bên trái và bên phải + Góc nhìn sát mặt đất
❿ hoặc
⓫ hoặc
⓬ Góc nhìn bên trái và bên phải
⓭ hoặc
⓮ hoặc hoặc nút **CAMERA**

**»Kiểm tra phía trước và hai bên xe của bạn**

Khoảng cách xấp xỉ mà đường tham chiếu chỉ ra

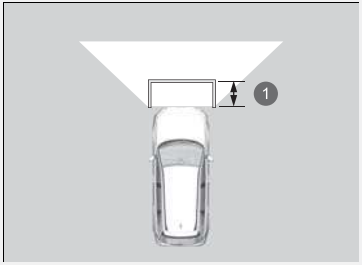


❶ 1,1 m



*Còn nữa*

**■ Kiểm tra từ góc nhìn điểm mù phía trước tại các đường giao nhau.**

Màn hình góc nhìn điểm mù phía trước rất hữu ích khi bạn cần kiểm tra các phương tiện đang băng qua từ cả hai hướng tại đoạn đường giao nhau có tầm nhìn hạn chế.

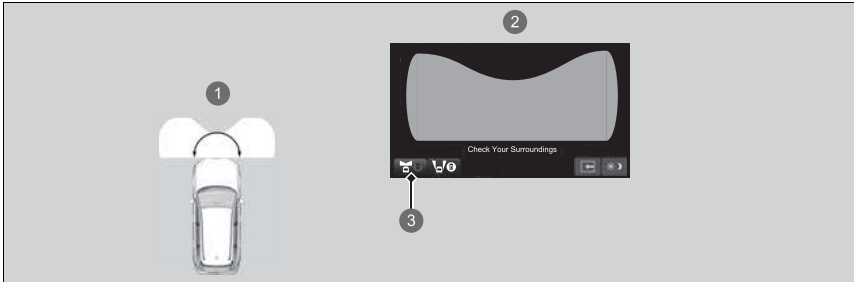


❶ Góc mà màn hình góc nhìn điểm mù phía trước cung cấp là 180 độ.
❷ Màn hình góc nhìn điểm mù phía trước
❸ Khi ấn nút **CAMERA** hoặc lựa chọn **Multi View Camera (Camera đa hướng)** và biểu tượng Góc nhìn điểm mù phía trước.

**Kiểm tra từ góc nhìn điểm mù phía trước tại các đường giao nhau.**

Góc nhìn điểm mù phía trước là góc nhìn góc rộng Hình ảnh sẽ bị biến dạng đáng kể và các vật thể có thể xuất hiện gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

## ■ Kiểm tra hai bên xe của bạn

Màn hình góc nhìn hai bên rất tiện lợi khi bạn tấp vào lề đường hoặc trạm thu phí, hoặc khi cần di chuyển chậm qua các phương tiện đang đi ngược chiều trên đường hẹp.

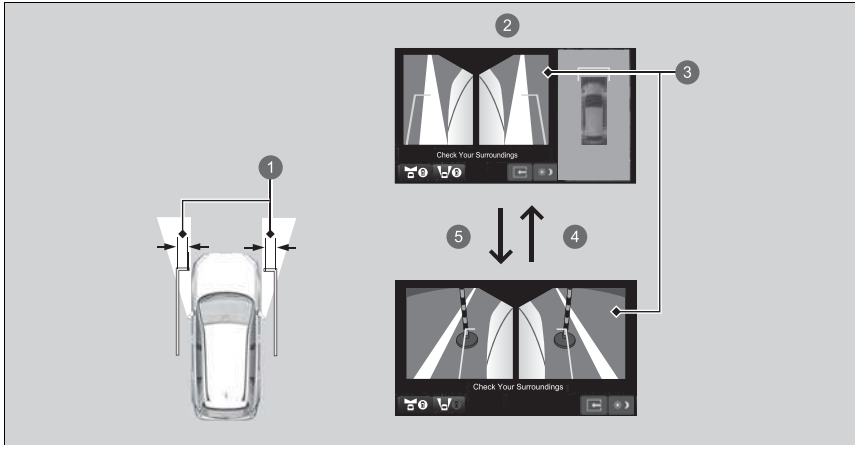


❶ 40 cm
❷ Màn hình góc nhìn hai bên
❸ Góc nhìn hai bên: Hình ảnh từ các camera hai bên
❹ hoặc
❺ hoặc

Khoảng cách xấp xỉ mà các vạch chiếu chỉ ra là 40 cm từ xe

**»Kiểm tra hai bên xe của bạn**

Khi gương cửa hai bên cụp lại, góc nhìn hai bên sẽ không hiển thị.



*Còn nữa*

## ■ Hạn chế của camera đa hướng

Hệ thống có thể không hoạt động đúng cách trong các điều kiện sau.

| Điều kiện | | Giải pháp |
|---|---|---|
| Vạch chiếu không chính xác. | | Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. |
| Hình ảnh có thể không hiển thị rõ ràng khi: | • Kích hoạt hệ thống trong thời tiết xấu (mưa lớn, tuyết, sương mù, v.v.) hoặc trong bóng tối.<br>• Nhiệt độ camera cao.<br>• Có sự thay đổi đột ngột giữa sáng và tối, chẳng hạn khi vào hoặc ra khỏi đường hầm.<br>• Lái xe hướng vào ánh sáng mặt trời (ví dụ: lúc bình minh hoặc hoàng hôn).<br>• Thấu kính camera bị trầy xước. | Không sử dụng hệ thống camera đa hướng mà chỉ dựa vào xác nhận trực quan cho đến khi điều kiện cho phép hệ thống hoạt động đúng cách. |
| | • Thấu kính camera bị che phủ bởi bụi bẩn, hơi ẩm hoặc mảnh vụn.<br>• Khi có giọt nước hoặc côn trùng bám trên thấu kính camera. | Làm sạch thấu kính camera bằng khăn mềm thấm nước, chất tẩy rửa nhẹ hoặc dung dịch lau kính. |
| | • Màn hình âm thanh/thông tin bị bẩn. | Lau màn hình bằng khăn mềm khô. |
| Góc camera bị thay đổi. | Camera hoặc khu vực xung quanh camera bị va đập mạnh. | Không sử dụng hệ thống camera đa hướng và liên hệ đại lý. |
| Hiển thị thông báo lỗi trong khi sử dụng hệ thống camera đa hướng. | | |
| Hình ảnh không xuất hiện trên màn hình khi bạn ấn nút **CAMERA** hoặc lựa chọn **Multi View Camera (Camera đa hướng)** trên màn hình âm thanh/ thông tin và xe đang di chuyển ở tốc độ 20 km/h hoặc chậm hơn. | | |

# Thông tin nhiên liệu

## ■ Nhiên liệu khuyên dùng

Loại xe tại Pakistan

**Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2 mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên**

Xe của bạn được thiết kế để hoạt động với xăng không chì EURO V/5 có chỉ số Octan từ 91 trở lên.
Dùng xăng không chì loại thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng loại thông thường trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe tại Singapore

**Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên**

Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 92 có thể làm hư hỏng động cơ.

Loại xe tại Đài Loan

**Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên**

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Loại xe ở các quốc gia khác

**Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên**

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Thông tin nhiên liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những rủi ro sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khi xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

*Còn nữa*

**■ Dung tích bình nhiên liệu: 57 L**

**■ Dung dịch vệ sinh động cơ**

Chất lượng nhiên liệu thay đổi theo vùng. Thêm dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng theo hướng dẫn về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.
Hãy sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng Honda. Nếu không có sẵn, hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa gốc PEA (polyetheramine) để thay thế.
Có thể cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun ở các quốc gia hoặc khu vực không có lịch bảo dưỡng. Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

# Cách nạp nhiên liệu

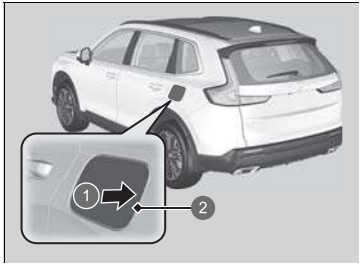


❶ Ấn
❷ Cửa nạp nhiên liệu

❶ Nắp

**1.** Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở bên trái và phía sau xe.
**2.** Tắt động cơ.
**3.** Mở khóa cửa người lái.
▶ Cửa nạp nhiên liệu ở bên ngoài xe sẽ mở khóa.
**4.** Ấn và nhả vùng có mũi tên để nhả cửa nạp nhiên liệu. Bạn sẽ nghe thấy tiếng tách và nắp sẽ mở ra nhẹ nhàng.
**5.** Dùng tay kéo cửa nạp nhiên liệu đến vị trí mở hoàn toàn.

**6.** Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, hãy đợi đến khi không còn tiếng xì, sau đó từ từ xoay núm để mở nắp bình nhiên liệu.

Cách nạp nhiên liệu

## ⚠CẢNH BÁO

Xăng rất dễ cháy và dễ nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc chấn thương nặng khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn.

## ⚠THẬN TRỌNG

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu, giúp nhiên liệu không bị tràn ra ngoài do thay đổi nhiệt độ không khí.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động dừng.
Đổ thêm nhiên liệu có thể làm bình nhiên liệu bị tràn.

Dùng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính để mở khóa cửa nạp nhiên liệu. Các cửa xe và cửa nạp nhiên liệu sẽ tự động khóa lại nếu sử dụng chức năng mở khóa từ xa. Có thể tắt chức năng này bằng cách mở và đóng nhanh cửa người lái.



*Còn nữa*

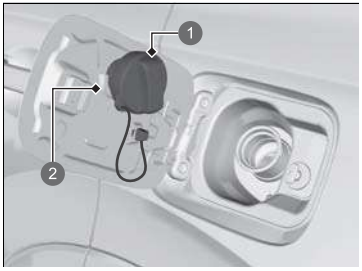


1 Nắp
2 Giá đỡ

**7.** Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
**8.** Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.
► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi bơm sẽ tự động ngắt. Điều này giúp để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.
**9.** Sau khi đổ đầy, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.
► Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

Cách nạp nhiên liệu

Sử dụng tính năng Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe cũng sẽ khóa cửa nạp nhiên liệu. Luôn đảm bảo cả cửa người lái và cửa nạp nhiên liệu đều mở khóa trước khi mở cửa nạp nhiên liệu.

**Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** Tr. 226

# Cải thiện tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải $CO_2$

Tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải $CO_2$ phụ thuộc vào một số yếu tố bao gồm điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các yếu tố này và một số yếu tố khác, có thể bạn không thể đạt được mức tiết kiệm nhiên liệu định mức của xe.

## Bảo dưỡng và tiết kiệm nhiên liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách.
Thực hiện theo lịch bảo dưỡng và nếu cần, hãy tham khảo thông tin dịch vụ được cung cấp cho xe của bạn.

**Lịch bảo dưỡng** Tr. 822

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt khuyên dùng.
  **Dầu động cơ khuyên dùng** Tr. 832
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Giữ xe sạch sẽ. Tuyết hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

### Cải thiện tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải $CO_2$

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 100 | × | Lít nhiên liệu | ÷ | Kilomet đi được | = | L trên 100 km |
| Kilomet đi được | ÷ | Lít nhiên liệu | = | Kilomet trên Lít | | |

**Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC)**

Bạn có thể cải thiện quãng đường đã đi và giảm lượng khí thải $CO_2$ của xe như sau:

- Vận hành xe bạn một cách chính xác.
- Thường xuyên bảo dưỡng xe.
- Duy trì áp suất lốp thích hợp.
- Tránh chở quá tải.
- Áp dụng các kỹ thuật lái xe hiệu quả, chẳng hạn như lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian chạy không tải và tránh lái xe một cách thô bạo.

**MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU**

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA
Cơ sở sản xuất: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM
Loại nhiên liệu: Xăng
Chu trình thử nghiệm: Theo TCVN 6785:2015

| Tên thương mại | Mã kiểu loại | Chu trình tổ hợp |
|---|---|---|
| CR-V G | G-RS382TENX | **7,49** |
| CR-V L | L-RS384TENX | **7,30** |
| Đơn vị: Lít/100km | | |
| **Ghi chú:** Mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe. | | |

## Lưu ý khi xử lý

Tu-bô tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao sử dụng tua-bin được điều khiển bởi áp suất khí xả của động cơ để cung cấp một lượng lớn khí nén vào động cơ nhằm đạt được công suất lớn hơn.

- Khi động cơ nguội ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.

- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo lịch bảo dưỡng. Tua-bin quay ở tốc độ rất cao, trên 100.000 vòng/phút và nhiệt độ tua-bin trên 700°C. Tua-bin được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và lọc dầu theo quãng đường hoặc thời gian trên lịch bảo dưỡng, dầu động cơ đã xuống cấp có thể gây ra sự cố như kẹt và tiếng ồn bất thường ở ổ trục tua-bin.

Xe có động cơ tăng áp

Lịch bảo dưỡng để thay dầu động cơ và lọc dầu hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy thực hiện theo lịch bảo dưỡng này.

➔ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 815
➔ **Dầu động cơ khuyên dùng** Tr. 832

Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool. (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không lái xe. Để động cơ nguội.)** hoặc **Engine temperature near limit. Avoid strong acceleration and high speed. (Nhiệt độ động cơ gần đạt đến giới hạn. Tránh tăng tốc nhanh và lái ở tốc độ cao.)** có thể xuất hiện trên giao diện thông tin người lái khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe trong điều kiện tải trọng cao, chẳng hạn như ở tốc độ cao hoặc trên địa hình đồi núi.
Điều này là bình thường. Thông báo sẽ tắt sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vạch báo trên đồng hồ đo nhiệt độ sẽ ở mức cao hơn khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như đi với tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Vạch báo trên đồng hồ đo sẽ xuống mức thấp hơn sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

# Bảo dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.


**Trước khi thực hiện bảo dưỡng**
- Kiểm tra và bảo dưỡng ..... 812
- An toàn khi thực hiện bảo dưỡng ..... 813
- Phụ tùng và dung dịch dùng trong bảo dưỡng ..... 814

**Hệ thống giám sát dầu** ..... 815
**Lịch bảo dưỡng** ..... 822
**Dưới nắp ca-pô**
- Các mục bảo dưỡng dưới nắp ca-pô ..829
- Mở nắp ca-pô ..... 830
- Dầu động cơ khuyên dùng ..... 832
- Kiểm tra dầu ..... 834
- Bổ sung dầu động cơ ..... 835
- Nước làm mát động cơ ..... 836
- Dầu hộp số ..... 839
- Dầu phanh ..... 840
- Bổ sung nước rửa kính ..... 841
- Lọc nhiên liệu ..... 841

**Thay bóng đèn** ..... 842
**Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước** ..... 845
**Kiểm tra và bảo dưỡng**
- Kiểm tra lốp ..... 849
- Vạch báo độ mòn lốp ..... 850
- Tuổi thọ lốp ..... 850
- Thay lốp và bánh xe ..... 851
- Đảo lốp ..... 852
- Thiết bị bám đường tuyết ..... 854

**Ắc-quy** ..... 855
**Bảo dưỡng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa**
- Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa. 859

**Bảo dưỡng Hệ thống điều hòa không khí** .862
**Vệ sinh**
- Vệ sinh nội thất ..... 865
- Vệ sinh ngoại thất ..... 868

**Phụ kiện và điều chỉnh** ..... 871

## Kiểm tra và bảo dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện bất kỳ dấu hiệu bất thường nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, cặn dầu trên đất, v.v.), hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ bảo dưỡng kèm theo xe/lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình bảo dưỡng và kiểm tra.

➔ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 822

### ■ Phân loại kiểm tra và bảo dưỡng

**■ Kiểm tra thường xuyên**

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

**■ Kiểm tra định kỳ**

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.
  ➔ **Dầu phanh** Tr. 840
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính vật gì lạ không.
  ➔ **Kiểm tra và bảo dưỡng** Tr. 849
- Kiểm tra các đèn bên ngoài xe hàng tháng.
  ➔ **Thay bóng đèn** Tr. 842
- Kiểm tra tình trạng của các cần gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
  ➔ **Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước** Tr. 845

# An toàn khi thực hiện bảo dưỡng

Sau đây là một số biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

## ■ An toàn khi bảo dưỡng

- Để giảm nguy cơ cháy nổ, hãy để ắc-quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Tuyệt đối không để giẻ lau, khăn, hoặc các vật dễ cháy khác dưới nắp ca-pô.
  ▶ Nhiệt từ các bộ phận xung quanh có thể làm các vật này bắt lửa, gây ra hỏa hoạn.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng chất tẩy dầu mỡ hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng có bán trên thị trường, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc-quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa carbon monoxit rất độc hại và có thể gây chết người.
  ▶ Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

An toàn khi thực hiện bảo dưỡng

**⚠CẢNH BÁO**

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố trước khi lái xe có thể gây ra tai nạn khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ bảo dưỡng này.

**⚠CẢNH BÁO**

Không thực hiện theo đúng các hướng dẫn và các biện pháp phòng ngừa bảo dưỡng có thể khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và biện pháp phòng ngừa trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.



*Còn nữa*

### ■ An toàn cho xe

- Phải dừng xe.
  ▶ Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Đảm bảo quạt két nước ngừng hoạt động trước khi kiểm tra khoang động cơ.
  ▶ Tùy theo tình trạng xe, quạt két nước có thể hoạt động ngay cả khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
  ▶ Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận chuyển động có thể khiến bạn bị thương.
  ▶ Không khởi động động cơ trừ khi được hướng dẫn và không để tay chân gần các bộ phận chuyển động.

  Loại xe có Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời

  ▶ Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

## Phụ tùng và dung dịch dùng trong bảo dưỡng

Hãy sử dụng Phụ tùng chính hãng Honda và các loại dung dịch được khuyên dùng khi bảo dưỡng và sửa chữa xe. Phụ tùng chính hãng Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng cho xe của Honda.

Thông tin cảnh báo sẽ xuất hiện để nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần mang xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

## Hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu

Loại xe có đồng hồ đo loại A

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
**2.** Ấn nút [⌂] (màn hình chính).
**3.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi 🔧 hiển thị.
**4.** Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
Tuổi thọ dầu động cơ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

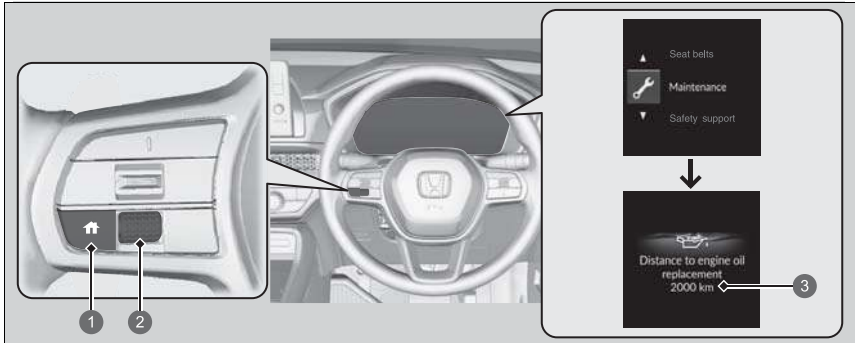


❶ Nút [⌂] (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Khoảng cách còn đi được cho đến kỳ thay dầu động cơ tiếp theo

Đèn báo thông báo hệ thống (ⓘ) sáng liên tục trên bảng điều khiển khi xe đến kỳ bảo dưỡng. Hãy mang ngay xe đến đại lý để được bảo dưỡng.

*Còn nữa*

Hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu

Dựa vào điều kiện hoạt động của động cơ và dầu động cơ, quãng đường xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Bất kể thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị điều gì, hãy thực hiện bảo dưỡng thường xuyên. Hãy tham khảo lịch bảo dưỡng để biết thêm thông tin chi tiết.

➡ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 822

Loại xe có đồng hồ đo loại B

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT.

**2.** Cuộn vòng lựa chọn bên phải cho đến khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị. Tuổi thọ dầu động cơ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

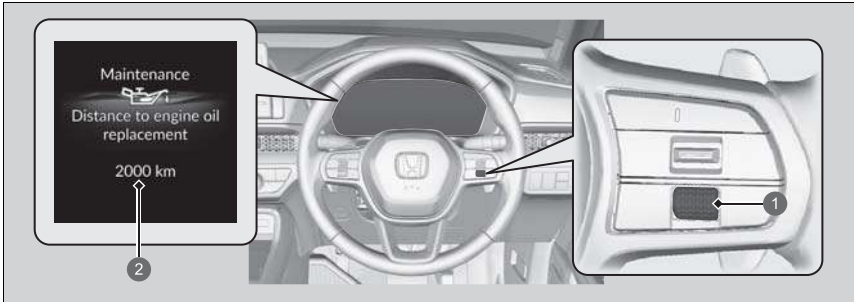


❶ Vòng lựa chọn bên phải
❷ Khoảng cách còn đi được cho đến kỳ thay dầu động cơ tiếp theo

Đèn báo thông báo hệ thống (ⓘ) sáng liên tục trên bảng điều khiển khi xe đến kỳ bảo dưỡng. Hãy mang ngay xe đến đại lý để được bảo dưỡng.

## Thông tin hệ thống giám sát dầu trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

| Thông báo cảnh báo | Màn hình tuổi thọ dầu | Thông tin |
|---|---|---|
| **Bình thường**<br>— | 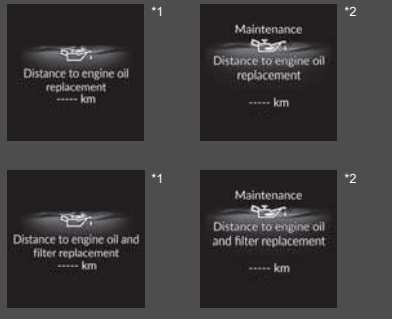 | Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo, hoặc lần thay dầu và lọc dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái. |
| | 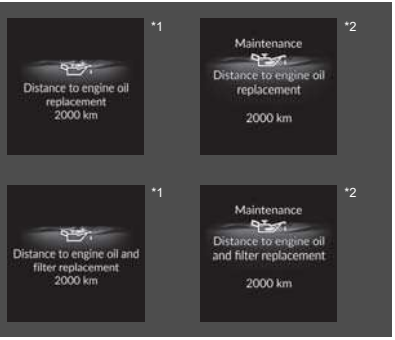 | Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, trên màn hình sẽ hiển thị tuổi thọ dầu động cơ còn lại hoặc tuổi thọ dầu động cơ và lọc dầu còn lại. |

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

| Thông báo cảnh báo | Màn hình tuổi thọ dầu | Thông tin |
|---|---|---|
| **Sắp đến hạn thay dầu**<br> <br> 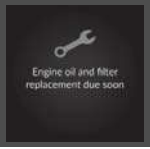 | <br> <br> <br> | Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu sắp đến hạn thay dầu. |
| **Đến hạn thay dầu**<br> <br> 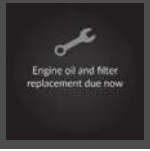 | <br> 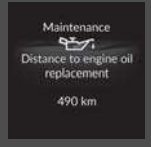 <br> 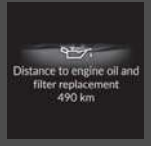 <br> 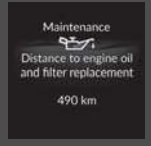 | Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã đến hạn thay dầu. Phải kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt. |

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

| Thông báo cảnh báo | Màn hình tuổi thọ dầu | Thông tin |
|---|---|---|
| **Quá hạn thay dầu**<br> <br><br> <br> | <br><br> <br> | Dầu động cơ, hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã quá hạn thay dầu. Phải kiểm tra và bảo dưỡng ngay. |

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ■ Thiết lập lại màn hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu động cơ sau khi thực hiện bảo dưỡng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
**2.** Ấn nút (màn hình chính).
**3.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi hiển thị.
**4.** Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
**5.** Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái khoảng 10 giây để vào chế độ thiết lập lại.
**6.** Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset (Đặt lại)** (Bạn cũng có thể chọn **Cancel (Hủy)** để kết thúc quy trình).
**7.** Ấn vòng lựa chọn bên trái để thiết lập lại mục đã chọn.
▶ Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được thiết lập lại thành ----- km.

❶ Nút (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái

Thiết lập lại màn hình

CHÚ Ý
Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu
Bạn cũng có thể đặt lại màn hình hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.
**Cài đặt xe*** Tr. 183

Loại xe có Màn hình giải trí
Bạn cũng có thể đặt lại màn hình hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu bằng màn hình âm thanh/ thông tin.
Loại xe không tích hợp Google
**Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 452
Loại xe tích hợp Google
**Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 552

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng. Nếu không phải đại lý thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.




* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có đồng hồ đo loại B

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
**2.** Cuộn vòng lựa chọn bên phải cho đến khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị.
**3.** Ấn và giữ vòng lựa chọn bên phải khoảng 10 giây để vào chế độ thiết lập lại.
**4.** Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Reset (Đặt lại)** (Bạn cũng có thể chọn **Cancel (Hủy)** để kết thúc quy trình).
**5.** Ấn vòng lựa chọn bên phải để thiết lập lại mục đã chọn.
► Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được thiết lập lại thành ----- km.

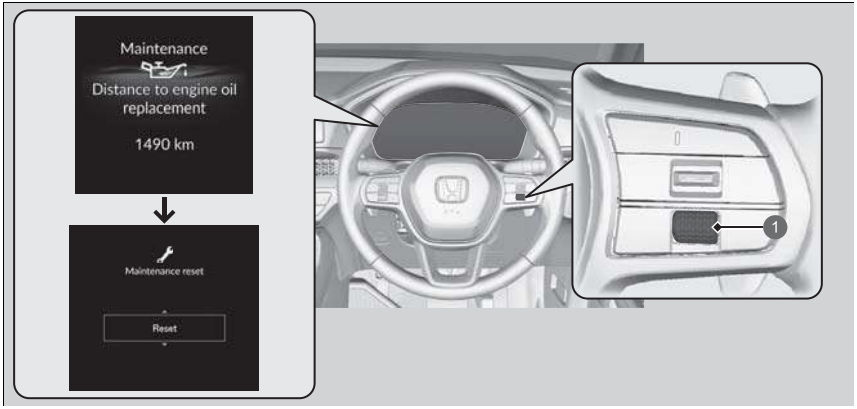


❶ Vòng lựa chọn bên phải

# Lịch bảo dưỡng

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về vùng miền và khí hậu, có thể cần bổ sung một số quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo thông tin bảo dưỡng kèm theo xe bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý Honda ủy quyền đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC), Úc và New Zealand.

| Bảo dưỡng tại quãng đường hoặc thời gian được chỉ định - tùy theo điều kiện nào đến trước. | km X 1.000 | 20 | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | tháng | 12 | 24 | 36 | 48 | 60 | 72 | 84 | 96 | 108 | 120 |
| Thay dầu động cơ | | Khi cảnh báo xuất hiện hoặc 1 năm | | | | | | | | | |
| Thay lọc dầu động cơ | | Khi cảnh báo xuất hiện hoặc 2 năm | | | | | | | | | |
| Thay lọc gió động cơ | | Sau mỗi 30.000 km | | | | | | | | | |
| Kiểm tra khe hở xu-páp*1 | | Sau mỗi 120.000 km | | | | | | | | | |
| Thay thế bu-gi*2 | | Sau mỗi 100.000 km | | | | | | | | | |
| Kiểm tra dây đai truyền động | | | • | | • | | • | | • | | • |
| Thay nước làm mát động cơ | | Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm | | | | | | | | | |
| Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng*3 | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm | | | | | | | | | |
| Thay dầu hộp số | | | • | | • | | • | | • | | • |
| Thay dầu vi sai sau*4 | | • | | | | • | | | | • | |
| Thay lọc gió điều hoà | | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| Kiểm tra phanh trước và sau | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm | | | | | | | | | |

*1: Phương pháp cảm nhận
Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.
*2: Kiểm tra tại 20.000 km (loại xe tại Algeria), kiểm tra tại 15.000 km (loại xe tại Nigeria, Ghana, Bờ Biển Ngà và Benin)
*3: Cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun cho các loại xe tại các quốc gia Afghanistan, Bangladesh, Cape Verde, Djibouti, Cộng hòa Dominica, Guinea Xích đạo, Gambia, Grand Cayman, Guatemala, Guinea, Haiti, Honduras, Iraq, Liberia, Nicaragua, Nigeria, Philippines, Peru, Sierra Leone, Togo và Venezuela.
*4: Loại xe AWD

| Bảo dưỡng tại quãng đường hoặc thời gian | km X 1.000 | 20 | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| được chỉ định - tùy theo điều kiện nào đến trước. | tháng | 12 | 24 | 36 | 48 | 60 | 72 | 84 | 96 | 108 | 120 |
| Thay dầu phanh | | Sau mỗi 3 năm | | | | | | | | | |
| Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa[*1] | Bình thường | Sau mỗi 150.000 km | | | | | | | | | |
| | Khắc nghiệt | Sau mỗi 70.000 km[*3] | | | | | | | | | |
| Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa[*2] | Bình thường | Sau mỗi 180.000 km | | | | | | | | | |
| | Khắc nghiệt | Sau mỗi 110.000 km[*3] | | | | | | | | | |
| Kiểm tra ngày hết hạn của lọ keo bộ vá lốp (nếu có trang bị) | | Sau mỗi 1 năm | | | | | | | | | |
| Đảo lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần) | | Sau mỗi 10.000 km | | | | | | | | | |
| **Kiểm tra trực quan các mục sau:** | | | | | | | | | | | |
| Chắn bụi trục truyền động<br>Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chắn bụi<br>Thành phần hệ thống treo | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm | | | | | | | | | |
| Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA)<br>Hệ thống xả<br>Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu<br>Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu | | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |

*1: Các loại xe tại Châu Phi (ngoại trừ Nam Phi), Nam Mỹ (ngoại trừ Brazil) và Indonesia
*2: Ngoại trừ các loại xe tại Châu Phi (ngoại trừ Nam Phi), Nam Mỹ (ngoại trừ Brazil) và Indonesia
*3: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC)

| Bảo dưỡng tại quãng đường hoặc thời gian được chỉ định - tùy theo điều kiện nào đến trước. | km X 1.000 | 20 | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | tháng | 12 | 24 | 36 | 48 | 60 | 72 | 84 | 96 | 108 | 120 |
| Thay dầu động cơ | | Khi cảnh báo xuất hiện hoặc 1 năm | | | | | | | | | |
| Thay lọc dầu động cơ | | Khi cảnh báo xuất hiện hoặc 2 năm | | | | | | | | | |
| Thay lọc gió động cơ | | Sau mỗi 30.000 km | | | | | | | | | |
| Kiểm tra khe hở xu-páp*1 | | Sau mỗi 120.000 km | | | | | | | | | |
| Thay bu-gi | | Sau mỗi 100.000 km | | | | | | | | | |
| Kiểm tra dây đai truyền động | | | • | | • | | • | | • | | • |
| Thay nước làm mát động cơ | | Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm | | | | | | | | | |
| Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng*2 | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm | | | | | | | | | |
| Thay dầu hộp số | | | • | | • | | • | | • | | • |
| Thay dầu vi sai sau*3 | | • | | | | • | | | | • | |
| Thay lọc gió điều hoà | | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| Kiểm tra phanh trước và sau | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm | | | | | | | | | |

*1: Phương pháp cảm nhận
Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.
*2: Đối với các loại xe được chỉ định sử dụng ở Bahrain và Ả Rập Xê-út, cần phải sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thường xuyên.
*3: Loại xe AWD

| Bảo dưỡng tại quãng đường hoặc thời gian được chỉ định - tùy theo điều kiện nào đến trước. | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | km X 1.000 | 20 | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
| | tháng | 12 | 24 | 36 | 48 | 60 | 72 | 84 | 96 | 108 | 120 |
| Thay dầu phanh | | Sau mỗi 3 năm | | | | | | | | | |
| Thay lọc nhiên liệu trong bình | Bình thường | Sau mỗi 150.000 km | | | | | | | | | |
| | Khắc nghiệt | Sau mỗi 70.000 km*1 | | | | | | | | | |
| Đảo lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần) | | Sau mỗi 10.000 km | | | | | | | | | |
| **Kiểm tra trực quan các mục sau:** | | | | | | | | | | | |
| Chắn bụi trục truyền động<br>Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chắn bụi<br>Thành phần hệ thống treo | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm | | | | | | | | | |
| Mức điện phân ắc-quy | | Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng | | | | | | | | | |
| Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA)<br>Hệ thống xả<br>Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu<br>Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu | | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |

*1: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

## Điều kiện lái khắc nghiệt

Thực hiện theo Lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái khắc nghiệt nếu bạn lái xe CHỦ YẾU trong một hoặc nhiều các điều kiện dưới đây:

- Lái dưới 8 km mỗi chuyến đi hoặc ở trong nhiệt độ đóng băng, lái dưới 16 km mỗi chuyến đi.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết cực kỳ nóng, trên 35°C.
- Chạy không tải trong thời gian dài hoặc chạy xe ở tình trạng dừng-tiến trong thời gian dài.
- Kéo rơ moóc*, chạy xe với tải nặng trên giá chở hành lý nóc xe, hoặc chạy xe trong điều kiện đường đồi núi.
- Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

CHÚ Ý: Nếu bạn chỉ THỈNH THOẢNG lái xe trong điều kiện “khắc nghiệt”, bạn nên thực hiện theo Lịch bảo dưỡng cho điều kiện thường.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Ghi chép bảo dưỡng (Với xe không có sổ bảo dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

| | Km hoặc Tháng | Ngày | Chữ ký hoặc Đóng dấu |
|---|---|---|---|
| **20.000 km**<br>(hoặc 12 tháng) | | | |
| **40.000 km**<br>(hoặc 24 tháng) | | | |
| **60.000 km**<br>(hoặc 36 tháng) | | | |
| **80.000 km**<br>(hoặc 48 tháng) | | | |
| **100.000 km**<br>(hoặc 60 tháng) | | | |
| **120.000 km**<br>(hoặc 72 tháng) | | | |
| **140.000 km**<br>(hoặc 84 tháng) | | | |
| **160.000 km**<br>(hoặc 96 tháng) | | | |
| **180.000 km**<br>(hoặc 108 tháng) | | | |
| **200.000 km**<br>(hoặc 120 tháng) | | | |

## Các mục bảo dưỡng dưới nắp ca-pô

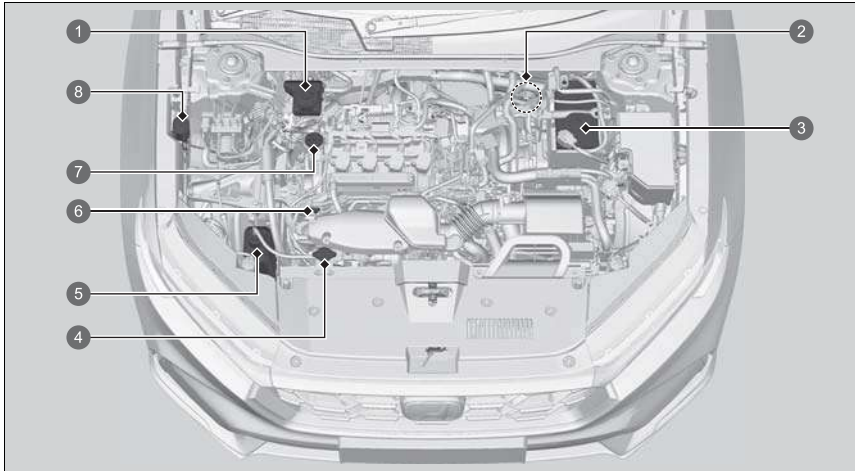


❶ Dầu phanh/(Nắp màu đen)
(Loại vô lăng bên phải)
❷ Dầu phanh/(Nắp màu đen)
(Loại vô lăng bên trái)
❸ Ắc-quy
❹ Nắp két nước
❺ Bình chứa nước làm mát động cơ
❻ Que thăm dầu động cơ (Màu cam)
❼ Nắp đổ dầu động cơ
❽ Nước rửa kính
(Nắp màu xanh dương)

# Mở nắp ca-pô

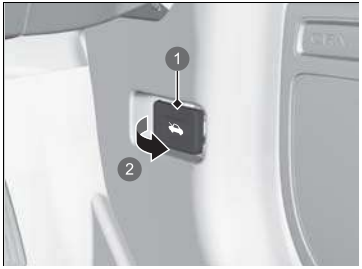


❶ Lẫy nhả nắp ca-pô
❷ Kéo

**1.** Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
**2.** Kéo lẫy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.
▶ Nắp ca-pô sẽ nẩy nhẹ lên.

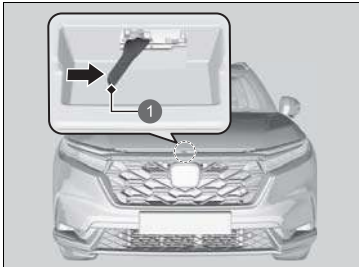


❶ Cần

**3.** Đẩy cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của nắp ca-pô ra giữa) sang bên và nâng nắp ca-pô. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.

Mở nắp ca-pô

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nhấc cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Loại xe có Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

**4.** Nâng nắp ca-pô lên gần hết mức.
► Hệ thống hỗ trợ thủy lực sẽ nâng nắp ca-pô lên hết phần còn lại và giữ nắp ca-pô cố định.

Khi đóng, hạ xuống khoảng 30 cm, sau đó ấn xuống dứt khoát bằng tay.

# Dầu động cơ khuyên dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hãng hoặc loại dầu động cơ khác trên thị trường với độ nhớt phù hợp (đối với nhiệt độ môi trường) như hình minh họa bên dưới.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

## Dầu động cơ khuyên dùng

Chất phụ gia dầu động cơ

Loại xe có bộ lọc hạt xăng

Bạn không thể sử dụng Chất phụ gia dầu động cơ.

Loại xe không có bộ lọc hạt xăng

Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia dầu động cơ. Trên thực tế, chất phụ gia không đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Loại xe không có bộ lọc hạt xăng

Con dấu dưới đây biểu thị dầu đang dùng là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu mỏ Hoa Kỳ.

| Loại xe | Nhãn nắp đổ dầu động cơ | Dầu động cơ chính hãng | Dầu động cơ trên thị trường |
|---|---|---|---|
| Có bộ lọc hạt xăng | | • Dầu động cơ chính hãng Honda<br> 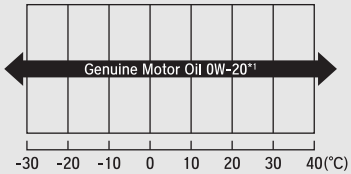 <br>Nhiệt độ môi trường xung quanh | • ACEA C2/C3/C5<br> 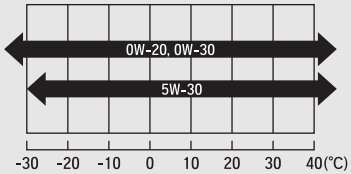 <br>Nhiệt độ môi trường xung quanh |
| Không có bộ lọc hạt xăng | | • Dầu động cơ chính hãng Honda<br> 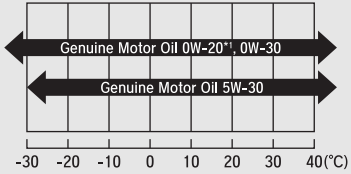 <br>Nhiệt độ môi trường xung quanh | • Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn<br>• Nhãn chứng nhận API "Starburst"<br>• ACEA A5/B5<br> 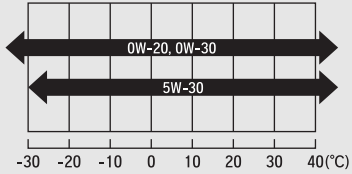 <br>Nhiệt độ môi trường xung quanh |

*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

# Kiểm tra dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu.
Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

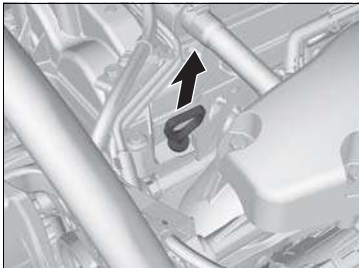

**1.** Rút que thăm dầu (màu cam) ra.
**2.** Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
**3.** Cắm que thăm dầu hết cỡ vào lỗ.

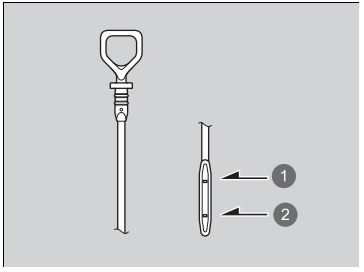


**4.** Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

❶ Vạch trên
❷ Vạch dưới

Kiểm tra dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

# Bổ sung dầu động cơ

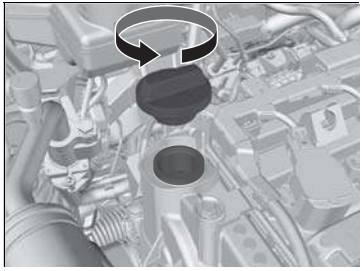

1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và vặn thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

Bổ sung dầu động cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay để tránh làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

# Nước làm mát động cơ

**Nước làm mát quy định: Chất chống đông Honda Antifreeze/ Coolant Type2 dành cho mọi mùa**

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không đổ thêm chất chống đông hoặc nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

## ■ Bình chứa

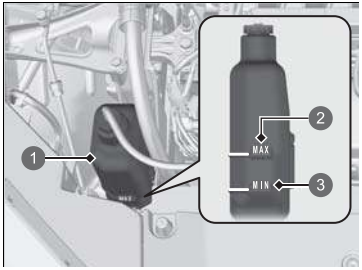


❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
   ▶ Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN (TỐI THIỂU)**, hãy đổ thêm nước làm mát được quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX (TỐI ĐA)**.

Nước làm mát động cơ

**⚠CẢNH BÁO**

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội hẳn trước khi tháo nắp két nước.

CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới -30°C, thì nên thay đổi hỗn hợp nước làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat của một thương hiệu lớn khác để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyên dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hãng Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hãng Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Vì các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

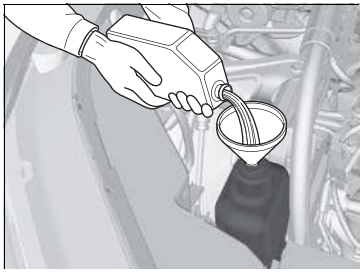

**3.** Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.



*Còn nữa*

## ■ Két nước

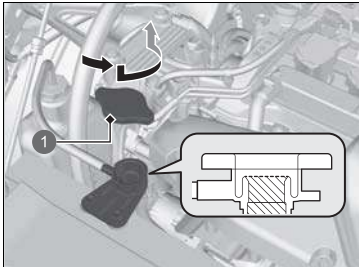


❶ Nắp két nước

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Bổ sung nước làm mát nếu ở dưới mức đó.
5. Đậy nắp két nước và vặn chặt.

## ■ Nắp két nước

- Không được mở khi còn nóng.
- Nước làm mát còn nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van xả áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

Két nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

# Dầu hộp số

## ■ Dầu hộp số vô cấp (CVT)

**Dầu quy định: Honda HCF-2**

Mang xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay dầu nếu cần thiết.
Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp (CVT).
➲ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 822

Không được phép tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp (CVT).

≫Dầu hộp số

CHÚ Ý

**Không pha dầu Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.**
Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền của hộp số và làm hỏng hộp số.
Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

# Dầu phanh

**Dầu quy định: Dầu phanh đạt chuẩn DOT 3 hoặc DOT 4**

## ■ Kiểm tra dầu phanh

Loại vô lăng bên trái

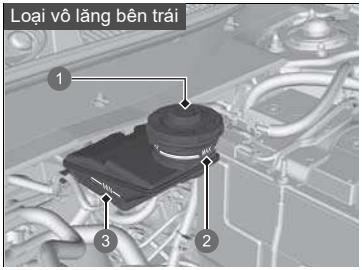


Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN (TỐI THIỂU)** và **MAX (TỐI ĐA)** ở sườn bình chứa.

❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

Loại vô lăng bên phải

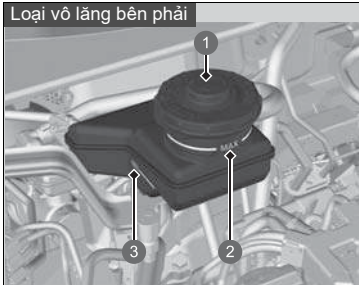


❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

Dầu phanh

CHÚ Ý

Dầu phanh loại DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng loại dầu phanh chính hãng.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN (TỐI THIỂU)**, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

## Bổ sung nước rửa kính

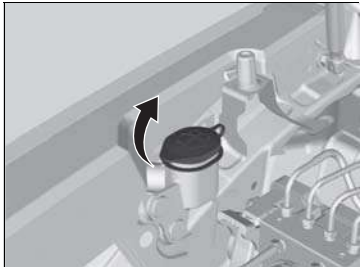

Kiểm tra mức nước rửa kính.

Nếu ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để tràn ra bình chứa.

## Lọc nhiên liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên có tay nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

Bổ sung nước rửa kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn của xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm nước rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

## Đèn chiếu sáng

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn xi nhan trước và Đèn vị trí/Đèn ban ngày

Đèn xi nhanh trước và đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn sương mù trước*

Đèn sương mù trước là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn xi nhan bên/Đèn báo khẩn cấp

Đèn xi nhan bên gương cửa là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn phanh, Đèn hậu, Đèn đánh dấu bên hông phía sau và Đèn xi nhan sau

Đèn phanh, đèn hậu, đèn đánh dấu bên hông phía sau và đèn xi nhan sau là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn chiếu sáng

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở các vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo theo rơ moóc*, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại định hướng đèn.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Đèn hậu, Đèn sương mù sau* và Đèn lùi

Đèn hậu, đèn sương mù sau* và đèn lùi là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn biển số sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn phanh cao

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Bóng đèn khác

## ■ Đèn gương cá nhân*

Khi thay, sử dụng các bòng đèn sau.

| Đèn gương cá nhân: | 1,4 W |
|---|---|

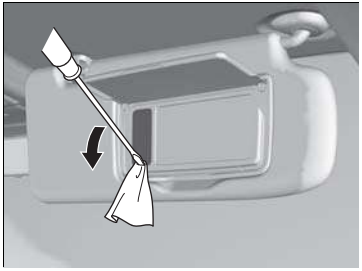

**1.** Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
▶ Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

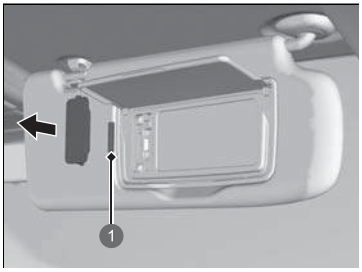


❶ Bóng Đèn

**2.** Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Kiểm tra lưỡi gạt nước

Nếu miếng cao su của lưỡi gạt nước xuống cấp sẽ để lại các vệt bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt luỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

## Nâng cần gạt nước phía trước

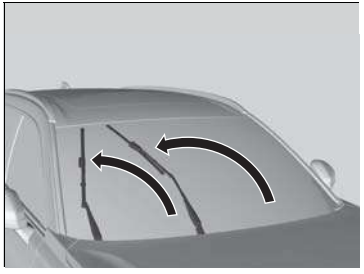

**1.** Đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó ở chế độ TẮT MÁY.

**2.** Trong vòng 10 giây sau khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, giữ công tắc gạt nước ở vị trí **MIST** trong hơn hai giây.

▶ Cả hai cần gạt nước được đặt ở vị trí bảo dưỡng như hình minh họa.

**3.** Nâng cả hai cần gạt nước lên.

Nâng cần gạt nước phía trước

CHÚ Ý

**Khi nâng cần gạt nước, luôn thực hiện theo hướng dẫn để di chuyển cần gạt nước vào vị trí bảo dưỡng.**

Cần gạt nước có thể bị hỏng nếu tháo bằng tay.

# Thay lưỡi gạt nước phía trước

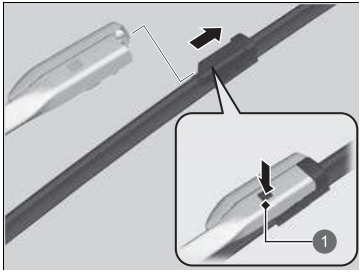


❶ Vấu

1. Nâng cả hai cần gạt nước lên.
   ➡ **Nâng cần gạt nước phía trước** Tr. 845
2. Ấn vấu khóa, sau đó trượt lưỡi gạt nước ra khỏi cần gạt nước.
3. Trượt lưỡi gạt mới vào cần gạt cho tới khi khớp vào đúng vị trí.
4. Hạ thấp cả hai cần gạt nước.
5. Đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó đặt công tắc cần gạt nước đến vị trí **MIST** một lần.
   ► Cần gạt nước trở lại vị trí chuẩn.

Thay lưỡi gạt nước phía trước

CHÚ Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước lên kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.

# Thay cao su lưỡi gạt nước sau

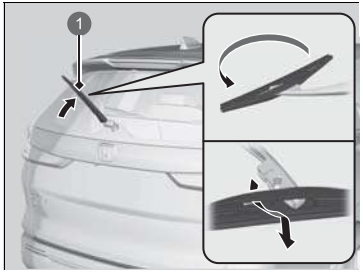


❶ Cần gạt nước

**1.** Nâng cần gạt nước lên.
**2.** Xoay đầu dưới của lưỡi gạt nước lên cho đến khi ra khỏi cần gạt nước.

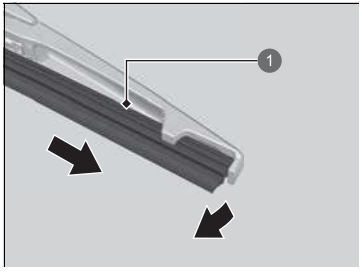


❶ Lưỡi

**3.** Trượt lưỡi gạt ra khỏi cần gạt nước.

Thay cao su lưỡi gạt nước sau

CHÚ Ý

Không cố nhấc mạnh cần gạt nước lên.
Cần gạt nước có thể bị hỏng nếu bị nâng quá cao.

CHÚ Ý

Không thả mạnh cần gạt nước để tránh làm hỏng cửa kính sau.



*Còn nữa*

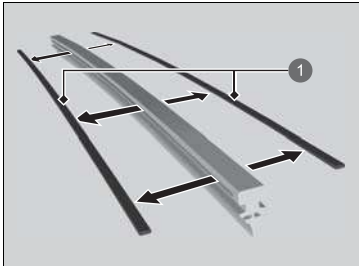


❶ Thanh giữ

**4.** Tháo thanh giữ ra khỏi lưỡi gạt nước và lắp cao su lưỡi gạt nước mới.

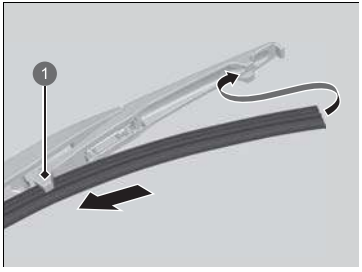


❶ Giá đỡ

**5.** Trượt lưỡi gạt nước mới vào trong giá đỡ.
► Đảm bảo lưỡi gạt ăn khớp, sau đó lắp cụm lưỡi gạt nước vào cần gạt nước.

## Kiểm tra lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

### ■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp điều khiển xe dễ dàng, thuận tiện hơn và nâng cao tuổi thọ lốp. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

Lốp quá non sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe, tiết kiệm nhiên liệu và lốp dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng sẽ gây khó lái, lốp dễ bị hỏng hơn khi đụng phải vật cản trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một lốp trông có vẻ thấp hơn các lốp kia, hãy kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bao gồm cả lốp dự phòng* bằng đồng hồ đo áp suất lốp. Ngay cả lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10–20 kPa (0,1–0,2 bar, 1–2 psi) mỗi tháng.

### ■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.
Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình hoặc vết lồi ở thành lốp hoặc trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn ở thành lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Nếu độ mòn lốp không đều, hãy mang xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.
  ➡ **Vạch báo độ mòn lốp** Tr. 850
- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Kiểm tra lốp

**⚠CẢNH BÁO**

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này nghĩa là đo áp suất khi đã đỗ xe được ít nhất ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

Loại xe tại Đài Loan

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

➡ **Hiệu chỉnh TPMS** Tr. 657

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp*.

➡ **Hiệu chỉnh Hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 660

# Vạch báo độ mòn lốp

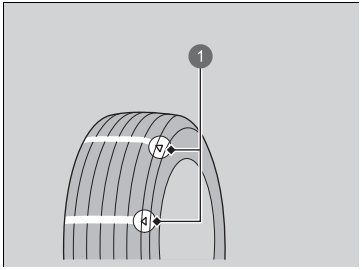


1 Minh họa vạch báo độ mòn lốp

Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp, nông hơn khoảng 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

**Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.**

Kiểm tra lốp

Hãy đến đại lý kiểm tra lốp xe nếu bạn cảm thấy rung lắc liên tục khi lái xe. Lốp mới và bất kỳ lốp nào đã được tháo và lắp lại phải được cân chỉnh đúng cách.

# Tuổi thọ lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm thói quen lái xe, điều kiện đường sá, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp hàng năm sau 5 năm sử dụng lốp. Tất cả lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng*, cần phải được thay sau 10 năm tính từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó như thế nào.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Thay lốp và bánh xe

Thay lốp xe mới có cùng kích cỡ, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và Hỗ trợ ổn định xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể thay cả bốn lốp cùng một lúc, hãy thay hai lốp trước cùng lúc hoặc hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

Thay lốp và bánh xe

**⚠CẢNH BÁO**

Lắp lốp không cùng chủng loại và kích cỡ có thể ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và độ ổn định của xe. Điều này có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

# Đảo lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mòn và gia tăng tuổi thọ lốp.

## ■ Mô hình đảo lốp xe

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ hoặc dụng cụ vá lốp

Đảo lốp như hình minh họa dưới đây.

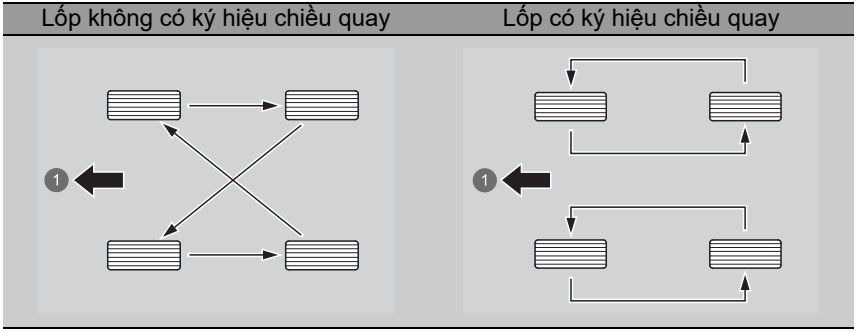


❶ Trước

Đảo lốp

Lốp xe loại gân lốp một chiều chỉ được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên kia).
Lốp xe loại này phải được lắp với ký hiệu chiều quay hướng về phía trước như hình minh họa dưới đây.

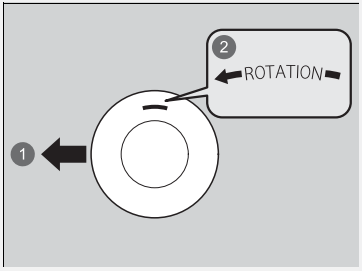


❶ Trước
❷ Ký hiệu chiều quay

Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Lực siết đai ốc bánh xe cho lốp được trang bị tiêu chuẩn cho xe của bạn như sau.
Lực siết đai ốc bánh xe:
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ tiêu chuẩn

Đảo lốp, bao gồm cả lốp dự phòng, như hình minh họa dưới đây.

| Loại vô lăng | Lốp không có ký hiệu chiều quay | Lốp có ký hiệu chiều quay |
|---|---|---|
| Vô lăng bên phải | 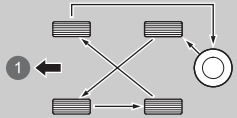 | 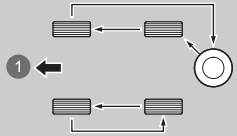 |
| Vô lăng bên trái | 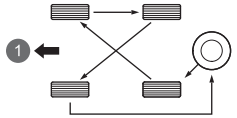 | 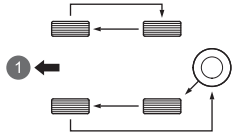 |

❶ Trước

Đảo lốp

Loại xe tại Đài Loan

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

➡ **Hiệu chỉnh TPMS** Tr. 657

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp*.

➡ **Hiệu chỉnh Hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 660



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Thiết bị bám đường tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách phù hợp với xe khác khi lái.

Đặc biệt chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp dùng cho cả bốn mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:
- Chọn các lốp có kích cỡ và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Đối với xích bọc lốp:
- Liên hệ với đại lý trước khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh và Châu Đại Dương

Loại xe tại Bangladesh, Brunei, Pakistan, Singapore và Sri Lanka

| Kích cỡ lốp ban đầu*1 | Loại xích |
|---|---|
| **235/65R17 104H** | **RUD-matic classic 4716134** |
| **235/60R18 103H** | **RUD-matic classic 4716134** |
| **235/55R19 101Y** | **RUD-matic classic V 19642** |

*1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

Tất cả các loại xe
- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích khi lắp. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái chậm.

Thiết bị bám đường tuyết

**⚠CẢNH BÁO**

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về việc lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn hoạt động của xe.

Chỉ dùng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định của pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp dùng cho mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với đại lý.

## Kiểm tra ắc-quy

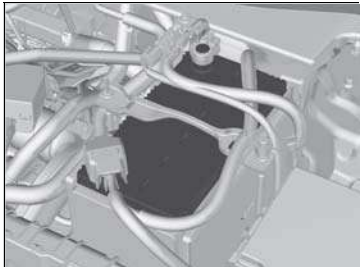

Tình trạng ắc-quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc-quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc-quy hàng tháng.

Ắc-quy

**⚠CẢNH BÁO**

Ắc-quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc ngọn lửa có thể làm nổ ắc-quy gây tử vong hoặc chấn thương nặng.

Không để ắc-quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc-quy.

**⚠CẢNH BÁO**

Ắc-quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn cao và rất độc hại.

Để chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc-quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

*Còn nữa*

Ắc-quy

**Phương pháp sơ cứu khẩn cấp**
Mắt: Rửa sạch bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi ngay cho bác sĩ.
Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi ngay cho bác sĩ.
Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi ngay cho bác sĩ.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ắc-quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc-quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc-quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc-quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.
Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Loại xe có Màn hình giải trí

Ắc-quy lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời* hoặc Cập nhật hệ thống.
Việc sử dụng loại ắc-quy khác với loại được chỉ định có thể làm giảm tuổi thọ ắc-quy và ngăn Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* hoặc Cập nhật hệ thống kích hoạt. Nếu bạn cần thay ắc-quy, đảm bảo chọn đúng loại và kích thước quy định.
Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

**Thông số kỹ thuật** Tr. 940



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Nạp ắc-quy

Tháo cả hai cáp ắc-quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp  âm (−) trước và nối lại cáp này sau cùng.

Loại xe có Màn hình giải trí

Nếu tháo cáp ắc-quy trong khi đang cập nhật hệ thống, hệ thống điện có thể bị hỏng vĩnh viễn. Chỉ tháo cáp ắc-quy khi không thực hiện cập nhật hệ thống.

Ắc-quy

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Nhãn ắc-quy

Ví dụ

Nhãn ắc-quy

**NGUY HIỂM**

- Để ắc-quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ắc-quy sinh ra khí nổ có thể gây nổ.
- Đeo kính và găng tay cao su khi xử lý ắc-quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mất thị lực nếu tiếp xúc với chất điện phân của ắc-quy.
- Không cho trẻ em chạm vào ắc-quy trong bất kỳ trường hợp nào. Đảm bảo bất kỳ ai xử lý ắc-quy đều hiểu rõ các mối nguy hiểm và có quy trình xử lý đúng.
- Đặc biệt cẩn thận khi xử lý chất điện phân của ắc-quy vì có chứa axit sunfuric loãng. Tiếp xúc với mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mất thị lực.
- Đọc kỹ và hiểu rõ hướng dẫn này trước khi xử lý ắc-quy. Nếu không có thể gây chấn thương và hư hỏng xe.
- Không sử dụng ắc-quy nếu mức điện phân ở mức hoặc thấp hơn mức khuyến nghị. Sử dụng ắc-quy có mức điện phân thấp có thể khiến ắc-quy phát nổ, gây chấn thương nặng.

# Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

## ■ Chìa khóa điều khiển từ xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin chìa khóa điều khiển từ xa.

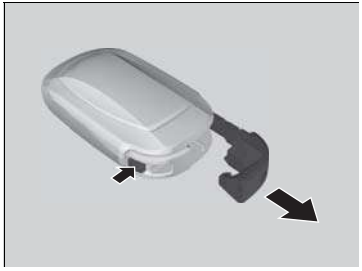

**Loại pin: CR2032**

**1.** Tháo chìa khóa tích hợp.

**2.** Đặt mặt có các nút hướng xuống dưới, tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận khe phía trên bằng tay cầm chìa khóa.

▶ Bọc tay cầm chìa khóa bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

**⚠⚠CẢNH BÁO**

**NGUY HIỂM BỎNG HÓA CHẤT**

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa thì có thể gây bỏng nặng bên trong cơ thể và thậm chí có thể dẫn đến tử vong.

Để pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em. Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

**THẬN TRỌNG:** Thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng loại hoặc tương đương.

**THẬN TRỌNG:** Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

**THẬN TRỌNG:** Không vứt pin vào lửa hoặc lò nướng nóng, hoặc không nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc, vì có thể dẫn đến cháy nổ.

**THẬN TRỌNG:** Không để pin ở độ cao với áp suất không khí cực thấp để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

Dấu cảnh báo ở gần pin cúc áo*.

CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

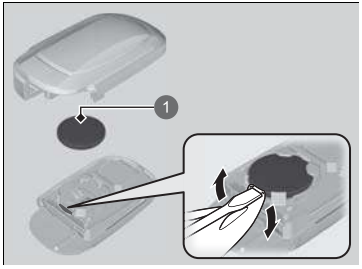


❶ Pin

**3.** Dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép pin để tháo pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

► Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

Thay pin có bán trên thị trường hoặc pin ở đại lý.

Theo Tiêu chuẩn Úc;

**CẢNH BÁO**

- Pin cấp nguồn cho bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa rất nguy hiểm - để pin mới và pin đã qua sử dụng tránh xa trẻ em.
- Nếu nuốt phải hoặc nhét pin cúc áo/đồng xu Lithium vào bên trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể đều có thể khiến người đó bị thương nặng hoặc tử vong trong vòng 2 giờ trở xuống.
- Đến ngay cơ sở y tế nếu nghi ngờ đã nuốt phải hoặc nhét pin vào bên trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể.

## ■ Khóa thẻ từ*

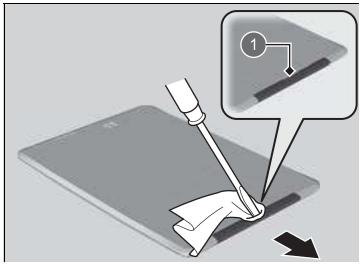


❶ Rãnh

**Loại pin: CR2412**

**1.** Đặt mặt khóa thẻ từ có logo H hướng xuống dưới.
**2.** Đẩy để trượt rãnh của ngăn chứa pin bằng tua-vít đầu dẹt và tháo ngăn chứa pin.
▶ Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước ngăn chứa pin.

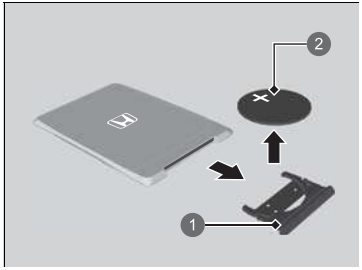


❶ Ngăn chứa pin
❷ Pin

**3.** Tháo pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.
**4.** Để lắp lại, đẩy ngăn chứa pin vào trong khóa thẻ từ cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
▶ Đảm bảo đã lắp ngăn chứa pin đúng phía.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Lọc gió điều hoà

## ■ Thời điểm nên thay lọc gió điều hoà

Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng được khuyến nghị cho xe của bạn. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

➔ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 822

## ■ Cách thay lọc gió điều hoà

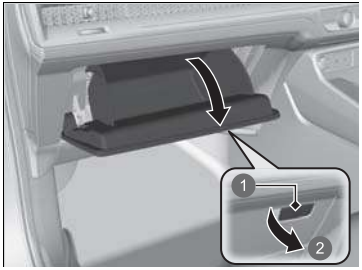


❶ Tay nắm
❷ Kéo

**1.** Mở hộp đựng đồ.

Lọc gió điều hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống điều hoà không khí bị giảm đáng kể, và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và các mảnh vụn nhỏ khác trong không khí.

Nếu bạn không biết thay lọc gió điều hoà, hãy mang xe đến đại lý để thay.

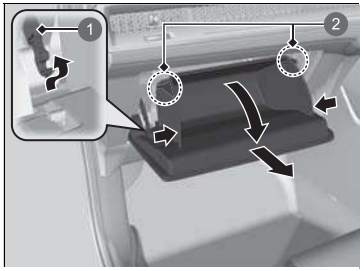


❶ Cần giữ
❷ Vấu

**2.** Đẩy cần giữ của hộc đựng đồ phía hành khách để tháo ra khỏi hộc đựng đồ.
**3.** Ấn hai bên tấm ốp để tháo hai vấu.
**4.** Tháo hộp đựng đồ.



*Còn nữa*

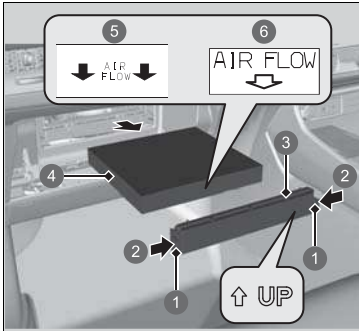


❶ Vấu
❷ Ấn
❸ Nắp
❹ Lọc gió điều hoà
❺ Loại xe tại Campuchia, Lào, Malaysia, Philippines và Việt Nam
❻ Ngoại trừ các loại xe tại Campuchia, Lào, Malaysia, Philippines và Việt Nam

**5.** Ấn vào các vấu ở các góc của vỏ hộp lọc gió điều hoà, rồi tháo ra.
**6.** Tháo lọc gió ra khỏi hộp.
**7.** Lắp lọc gió mới vào hộp.
► Đặt mũi tên **AIR FLOW (LUỒNG GIÓ)** hướng xuống dưới.

# Vệ sinh nội thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau.
Dùng khăn ẩm thấm hỗn hợp chất tẩy rửa nhẹ và nước ấm để lau sạch bụi bẩn.
Dùng khăn sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

## ■ Vệ sinh dây đai an toàn

Dùng bàn chải mềm với hỗn hợp xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng khăn sạch lau sạch các móc luồn dây đai an toàn.

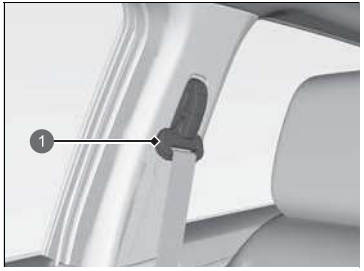


❶ Móc luồn dây đai

Vệ sinh nội thất

Không làm đổ chất lỏng bên trong xe. Các thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên các thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc. Làm như vậy có thể khiến các thiết bị hỏng hoặc gây cháy bên trong xe.
Nếu không may để chất thơm có silicon bám vào các thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần, các hóa chất và chất thơm dạng lỏng có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt.
Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzene hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.
Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

Chú ý không làm đổ chất thơm dạng lỏng ra xe.



*Còn nữa*

## ■ Vệ sinh cửa kính

Dùng nước rửa kính để lau.

## ■ Thảm lót sàn

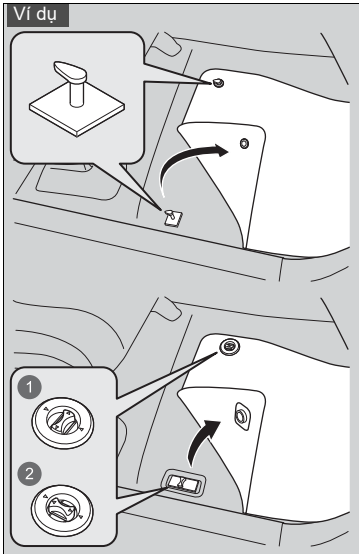


Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt về phía trước.

**Không đặt thêm thảm lót sàn lên trên thảm đã được móc cố định.**

❶ Mở khóa
❷ Khóa

### Vệ sinh cửa kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau cửa kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh nắp của các bộ phận điện xung quanh gương chiếu

### Thảm lót sàn

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn kèm theo xe, đảm bảo phải sử dụng loại thảm dành riêng cho loại xe của bạn, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe.
Đặt đúng vị trí các thảm lót sàn hàng ghế thứ hai. Nếu không được cố định đúng vị trí, thảm lót sàn có thể ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

## ■ Vệ sinh đồ da chính hiệu*

Để vệ sinh đồ da đúng cách:

**1.** Trước tiên, dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi hoặc vết bẩn.

**2.** Làm sạch đồ da bằng vải mềm thấm dung dịch có tỷ lệ 90% nước và 10% xà phòng trung tính.

**3.** Dùng khăn ẩm sạch lau sạch hết xà phòng còn sót lại.

**4.** Lau sạch nước còn sót lại và để đồ da khô tự nhiên trong bóng râm.

**»Vệ sinh đồ da chính hiệu***

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn hoặc bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Vết bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo tối màu có thể chà xát vào ghế da, làm đổi màu hoặc làm ố da.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Vệ sinh ngoại thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xem có vết xước trên bề mặt sơn không. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

## ■ Rửa xe

Rửa xe thường xuyên. Rửa xe thường xuyên hơn nữa trong các điều kiện sau:

- Nếu lái trên đường có muối.
- Nếu lái trên đường bờ biển.
- Nếu nhựa đường, nhọ nồi, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

## ■ Sử dụng máy rửa xe tự động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp các gương cửa.
- Đối với loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động, hãy tắt cần gạt nước.

## ■ Sử dụng máy rửa xe áp suất cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.
- Không phun nước trực tiếp lên camera hoặc khu vực xung quanh camera. Nước có thể lọt vào thấu kính và khiến camera gặp sự cố.

### Rửa xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi để tránh xảy ra sự cố.

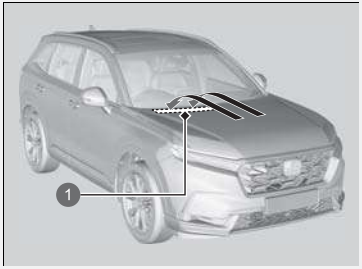


❶ Lỗ thông hơi

Khóa cửa khi rửa xe.
Không phun nước vào cửa nạp nhiên liệu. Vì vòi phun áp suất cao có thể làm cửa này mở.

Nếu bạn cần nhấc cần gạt nước ra khỏi kính chắn gió, trước tiên hãy đặt cần gạt nước về vị trí bảo dưỡng.

**Nâng cần gạt nước phía trước** Tr. 845

Nếu có nước và bất kỳ hóa chất nào bám trên phanh khi đang rửa xe, hãy lái xe một đoạn ngắn và nhấn phanh nhiều lần trước khi đỗ xe.
Đỗ xe khi phanh còn ướt có thể khiến phanh bị gỉ sét.

## ■ Phủ sáp

Một lớp sáp tốt phủ ngoài thân xe sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Sáp sẽ bị mòn theo thời gian và làm lộ ra lớp sơn xe, vì vậy hãy phủ lại sáp khi cần thiết.

## ■ Vệ sinh cản xe và các bộ phận phủ nhựa khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát động cơ hoặc dung dịch ắc-quy lên các bộ phận phủ nhựa có thể làm các bộ phận này mất màu hoặc bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

## ■ Vệ sinh cửa kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

## ■ Vệ sinh bánh xe vành nhôm

Vành nhôm dễ bị hỏng do muối và các chất bẩn khác trên đường. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và chất tẩy rửa trung tính để lau sạch vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (kể cả một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm, khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

Phủ sáp

CHÚ Ý

Dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, kim loại, và nhựa trên xe. Lau sạch ngay nếu có.

Vệ sinh cản xe và các bộ phận phủ nhựa khác

Liên hệ với đại lý về vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận phủ nhựa.



*Còn nữa*

## ■ Thấu kính đèn bên ngoài bị mờ

Các thấu kính bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong thấu kính đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong thấu kính đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là hiện tượng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.
Đặc tính thiết kế của thấu kính đèn có thể làm tăng độ ẩm trên bề mặt khung của thấu kính đèn. Đây cũng không phải là sự cố.
Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong thấu kính đèn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

## Phụ kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp phụ kiện lên kính chắn gió. Điều này có thể cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp bất kỳ phụ kiện nào ngoại trừ Phụ kiện chính hãng Honda thiết kế riêng cho xe của bạn lên các khu vực được đánh dấu **SRS AIRBAG (TÚI KHÍ SRS)**, lên cạnh hoặc lưng ghế trước, lên cạnh của hàng ghế thứ hai (dành cho loại xe có túi khí bên phía sau), lên các trụ trước hoặc trụ bên hoặc gần các cửa kính bên. Lắp các phụ kiện không phải là Phụ kiện chính hãng Honda dành riêng cho xe của bạn lên những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí bung.
- Đảm bảo các phụ kiện điện tử không làm quá tải mạch điện hoặc không làm cản trở hoạt động bình thường của xe.

  ➡ **Cầu chì** Tr. 920
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện từ nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để được hỗ trợ. Nếu có thể, hãy yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.



**⚠CẢNH BÁO**

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và hiệu suất của xe, gây va chạm khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về phụ kiện và điều chỉnh.

# Điều chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hãng Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự.

Ngay cả những điều chỉnh nhỏ trong hệ thống xe cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động tổng thể của xe. Luôn đảm bảo lắp đặt và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị trên xe, không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, làm hệ thống gặp sự cố như hết điện ắc-quy, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện tử nào.

## Phụ kiện và điều chỉnh

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo, máy bộ đàm, ăng-ten vô tuyến và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng Phụ kiện chính hãng Honda để đảm bảo cho xe hoạt động tốt.

Một số Phụ kiện chính hãng Honda có sách hướng dẫn sử dụng kèm theo về cách vận hành và bảo dưỡng chi tiết của phụ kiện đó. Nếu có sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đó để biết đầy đủ thông tin chi tiết.

Nếu bất kỳ Phụ kiện chính hãng Honda nào không hoạt động được, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo (nếu có) hoặc hỏi ý kiến đại lý để được hỗ trợ xử lý sự cố.

# Xử lý sự cố bất ngờ

Chương này đề cập đến các cách xử lý các tình huống bất ngờ.


**Dụng cụ*** ..... 874
**Nếu lốp xe bị xẹp**
Loại xe có dụng cụ vá lốp
Vá lốp xẹp khẩn cấp ..... 875
Loại xe có lốp dự phòng
Thay lốp xẹp ..... 888
**Xử lý kích nâng** ..... 899
**Động cơ không khởi động**
Kiểm tra động cơ ..... 900
Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa/khóa thẻ từ* yếu ..... 902
Khởi động động cơ khẩn cấp ..... 904
Dừng động cơ khẩn cấp ..... 905
**Nếu ắc-quy hết điện**
Quy trình kích nổ ..... 906
**Không gạt được cần số** ..... 909
**Quá nhiệt** ..... 911
**Đèn báo sáng/Nhấp nháy**
Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện ..... 913
Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng. 914
Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy ..... 914
Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy ..... 915
Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo Hệ thống phanh (Màu hổ phách) sáng.... 916
Nếu đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng ..... 917
Loại xe tại Đài Loan
Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng hoặc nhấp nháy ..... 918
Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan
Nếu đèn báo Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/Xẹp lốp* sáng hoặc nhấp nháy.919
**Cầu chì**
Vị trí cầu chì ..... 920
Kiểm tra và thay cầu chì ..... 925
**Kéo xe khẩn cấp** ..... 928
**Nếu bạn không mở được cửa nạp nhiên liệu** ..... 929
**Nếu bạn không thể mở được cửa hậu** .931
**Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*** ..... 933


* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Loại dụng cụ

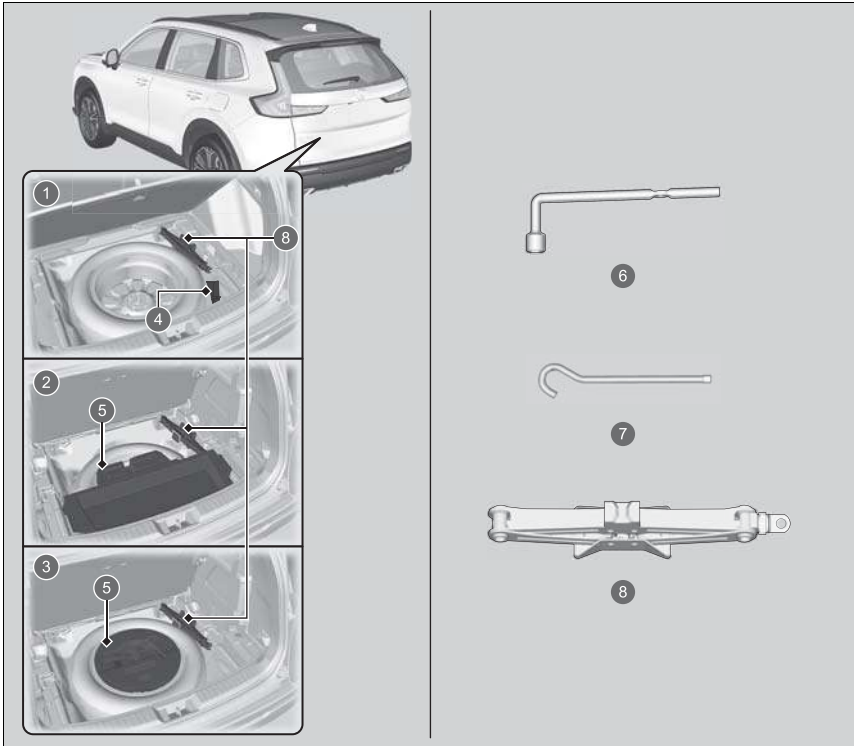


❶ Các loại xe 5 chỗ ngồi với lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn
❷ Các loại xe 7 chỗ ngồi với lốp dự phòng cỡ nhỏ
❸ Các loại xe 7 chỗ ngồi với lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn
❹ Túi dụng cụ
❺ Hộp dụng cụ
❻ Cờ-lê vặn đai ốc bánh xe/Tay kích
❼ Thanh nối tay kích
❽ Kích

**Loại dụng cụ**

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có dụng cụ vá lốp

## Vá lốp xẹp khẩn cấp

Nếu lốp xe có vết cắt lớn hoặc bị hư hỏng nặng, bạn cần phải gọi dịch vụ kéo xe. Nếu lốp chỉ có lỗ thủng nhỏ, ví dụ như bị đinh đâm, bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trước khi lái xe đến trạm sửa chữa xe gần nhất.

Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn.

**1.** Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và kéo phanh đỗ.
**2.** Sang số P.
**3.** Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Vá lốp xẹp khẩn cấp

Không nên sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trong các trường hợp sau. Hãy liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ ven đường để kéo xe.

- Keo vá lốp hết hạn.
- Nhiều lốp bị thủng cùng một lúc.
- Vết thủng hoặc vết cắt lớn hơn 4 mm.
- Thành lốp bị hư hỏng hoặc vết thủng nằm ngoài vùng tiếp xúc.

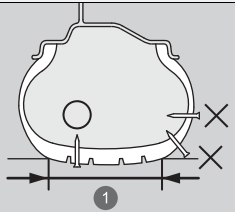


| Lốp xe bị thủng: | Sử dụng dụng cụ |
|---|---|
| Nhỏ hơn 4 mm | Có |
| Lớn hơn 4 mm | Không |

1 Vùng tiếp xúc

- Hư hỏng do lái xe khi lốp quá non.
- Mép lốp không lắp khít.
- Vành bánh xe bị hỏng.

Không rút đinh hoặc vít đã đâm thủng lốp. Bởi nếu rút ra bạn sẽ không thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

Còn nữa

## ■ Chuẩn bị vá lốp xẹp khẩn cấp

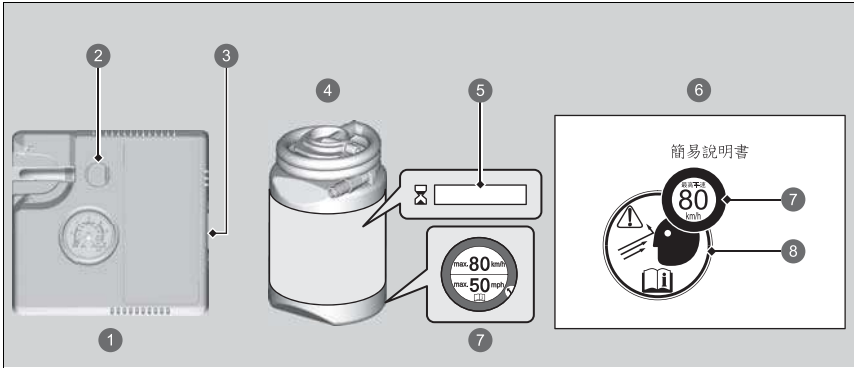


❶ Máy nén khí
❷ Nút xì hơi
❸ Công tắc máy nén khí
❹ Keo vá lốp
❺ Hạn sử dụng
❻ Hướng dẫn sử dụng
❼ Nhãn giới hạn tốc độ
❽ Nhãn bánh xe

### Chuẩn bị vá lốp xẹp khẩn cấp

Một trong các nhãn giới hạn tốc độ được dán ở đáy lọ keo vá lốp.

Khi vá lốp khẩn cấp, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ.

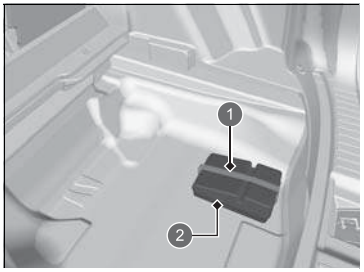


❶ Dây đai
❷ Túi

**1.** Mở cửa hậu.
**2.** Tháo dây đai và lấy túi ra khỏi khoang hành lý.
**3.** Lấy bộ dụng cụ ra khỏi túi.
**4.** Đặt bộ dụng cụ nằm ngửa trên mặt đất phẳng, gần lốp xẹp và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng bộ dụng cụ.



*Còn nữa*

## ■ Bơm keo vá lốp và bơm hơi

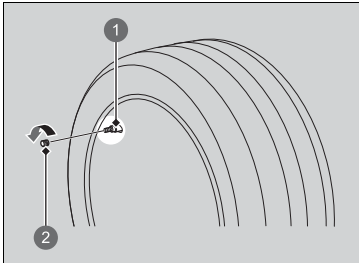


❶ Thân van lốp
❷ Nắp van

**1.** Tháo nắp van ra khỏi thân van lốp.

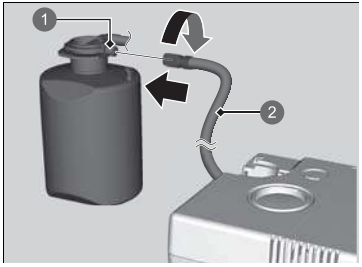


❶ Van lọ keo vá lốp
❷ Ống máy nén khí

**2.** Lắc đều lọ keo vá lốp.
**3.** Lắp ống máy nén khí vào van lọ keo vá lốp. Vặn chặt cho đến khi chắc chắn.

Bơm keo vá lốp và bơm hơi

**⚠CẢNH BÁO**

Keo vá lốp có chứa chất độc và có thể gây tử vong nếu nuốt phải.

Nếu không may nuốt phải, không được cố ép để nôn ra. Hãy uống nhiều nước và đến ngay cơ sở y tế.

Nếu keo vá lốp dính vào da và mắt, hãy rửa sạch bằng nước mát và đến cơ sở y tế nếu cần.

Để keo vá lốp tránh xa tầm tay của trẻ nhỏ.

Keo vá lốp có thể làm đổi màu quần áo và các chất liệu khác. Hãy cẩn thận trong quá trình xử lý và lau sạch ngay nếu keo tràn ra.

Tắt máy nén khí khi nối ống máy nén khí.

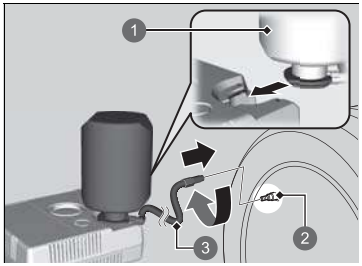


❶ Keo vá lốp
❷ Thân van lốp
❸ Ống bơm keo vá lốp/dẫn khí

**4.** Dốc ngược lọ keo vá lốp, sau đó lắp lọ keo vá lốp vào phần miệng hở của máy nén khí.
**5.** Lắp ống bơm keo vá lốp/dẫn khí vào thân van lốp, rồi vặn chặt.



*Còn nữa*

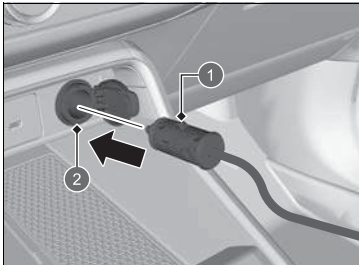


❶ Giắc cắm
❷ Ổ cắm điện phụ kiện

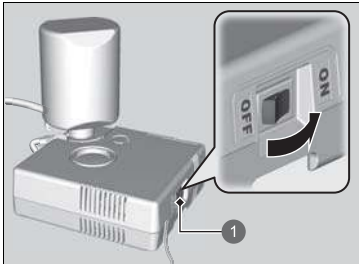


❶ Công tắc máy nén khí

**6.** Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.
▶ Cẩn thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.
▶ Không cắm bất kỳ thiết bị điện nào khác vào các ổ cắm điện phụ kiện khác.
➔ **Ổ cắm điện phụ kiện** Tr. 317
**7.** Khởi động động cơ.
➔ **Khí CO** Tr. 133

**8.** Bật máy nén khí để bơm lốp xe.
▶ Bơm nén khí bắt đầu bơm keo vá lốp và hơi vào lốp xe.
**9.** Sau khi áp suất không khí đạt đến áp suất quy định, hãy tắt máy nén khí.
▶ Kiểm tra đồng hồ đo áp suất lốp trên máy nén khí.
▶ Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

Bơm keo vá lốp và bơm hơi

**⚠CẢNH BÁO**

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ được phép chạy động cơ để cấp nguồn cho máy nén khí khi xe đang ở ngoài trời.

CHÚ Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.

Bạn có thể nghe thấy tiếng mô-tơ của máy nén khí đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Khi đang bơm keo vá lốp, áp suất hiển thị trên đồng hồ đo áp suất sẽ cao hơn thực tế. Sau khi bơm keo vá lốp xong, áp suất sẽ giảm và sau đó bắt đầu tăng trở lại do lốp được bơm hơi. Điều này là bình thường. Để đo chính xác áp suất lốp bằng đồng hồ đo, chỉ tắt máy nén khí sau khi bơm keo vá lốp xong.

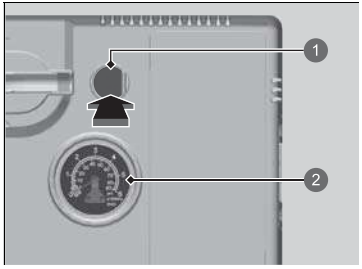


❶ Nút xì hơi
❷ Đồng hồ đo áp suất

**10.** Rút giắc cắm điện ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
**11.** Rút ống bơm keo vá lốp/dẫn khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
**12.** Tháo lọ keo vá lốp ra khỏi máy nén khí.
**13.** Ấn nút xì hơi cho đến khi đồng hồ đo trở về 0 kPa (0 bar, 0 psi).

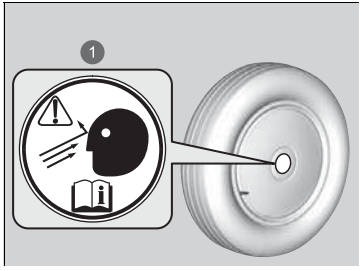


❶ Nhãn bánh xe

**14.** Dán nhãn bánh xe lên bề mặt phẳng của bánh xe.
▶ Bề mặt bánh xe phải sạch để đảm bảo nhãn dán bám chắc.
**15.** Cất dụng cụ vá lốp vào khoang hành lý.

**Bơm keo vá lốp và bơm hơi**

Nếu trong vòng 10 phút bơm mà không đạt được mức áp suất lốp quy định, lốp xe có thể bị hỏng quá nặng nên không thể dùng dụng cụ vá lốp và cần phải kéo xe đi.

Đến đại lý Honda để mua lọ keo vá lốp mới và xử lý đúng cách lọ keo đã hết.

Hãy thông báo cho đại lý Honda hoặc dịch vụ cứu hộ giao thông biết bạn đã sử dụng keo vá lốp khi bạn yêu cầu thay hoặc vá lốp xẹp.

Máy nén khí này được thiết kế dành cho lốp xe ô tô. Kiểm tra phần sau:
- Nguồn điện của máy nén khí chỉ được cấp từ ổ cắm điện phụ kiện điện áp một chiều 12 vôn trên xe của bạn.
- Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.
  Để bơm nguội bớt khi cần sử dụng liên tục.



*Còn nữa*

## ■ Phân bổ Keo vá lốp trong lốp xe

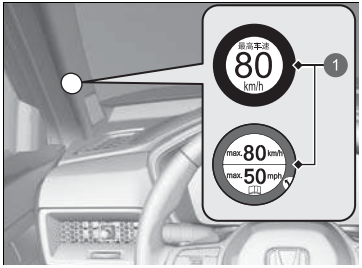


1. Dán một trong hai nhãn giới hạn tốc độ vào vị trí như hình minh họa.
2. Lái xe khoảng 10 phút.
   ► Không vượt quá 80 km/h.
3. Dừng xe ở nơi an toàn.

❶ Nhãn giới hạn tốc độ

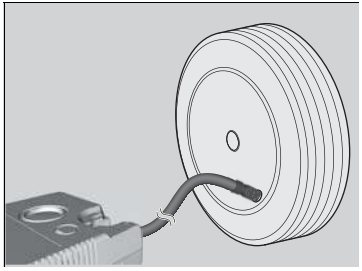

**4.** Kiểm tra lại áp suất không khí bằng đồng hồ đo trên máy nén khí.
▶ Không được bật máy nén khí để kiểm tra áp suất.

**5.** Nếu áp suất lốp:
- Dưới 130 kPa (1,3 bar, 19 psi): Không bơm thêm hơi hoặc tiếp tục lái xe. Lốp bị thủng nặng. Gọi dịch vụ kéo xe.
  ➲ **Kéo xe khẩn cấp** Tr. 928
- Lốp trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)/lốp sau: 220 kPa (2,2 bar, 32 psi) trở lên: Tiếp tục lái xe thêm 10 phút nữa hoặc cho tới khi đến trạm sửa chữa xe gần nhất. Không vượt quá 80 km/h.

▶ Nếu áp suất lốp không giảm sau 10 phút lái xe, bạn không cần kiểm tra áp suất nữa.



*Còn nữa*

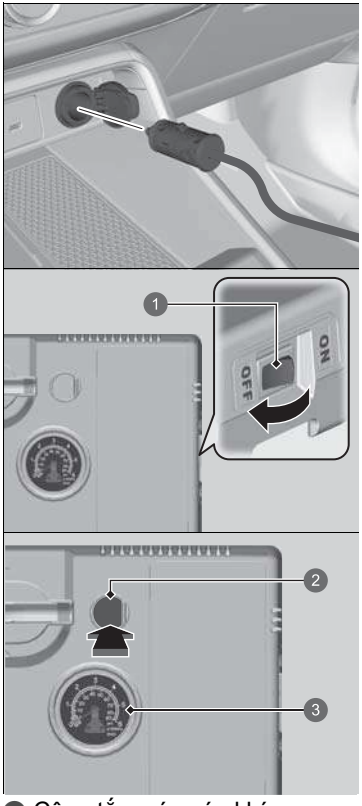


❶ Công tắc máy nén khí
❷ Nút xì hơi
❸ Đồng hồ đo áp suất lốp

- Lớn hơn 130 kPa (1,3 bar, 19 psi), nhưng nhỏ hơn lốp trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)/lốp sau: 220 kPa (2,2 bar, 32 psi):
  Bật máy nén khí để bơm lốp cho đến khi áp suất lốp đạt: lốp trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)/lốp sau: 220 kPa (2,2 bar, 32 psi).
  ➡ **Bơm keo vá lốp và bơm hơi** Tr. 878
  Sau đó, lái xe cẩn thận thêm 10 phút nữa hoặc cho tới khi đến trạm sửa chữa xe gần nhất.
  Không vượt quá 80 km/h.

▶ Bạn nên lặp lại quy trình này cho đến khi áp suất lốp nằm trong phạm vi quy định.

**6.** Rút dụng cụ vá lốp ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
**7.** Tháo ống dẫn khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
**8.** Ấn nút xì hơi cho đến khi đồng hồ đo trở về 0 kPa (0 bar, 0 psi).
**9.** Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp.

Phân bổ Keo vá lốp trong lốp xe

**⚠CẢNH BÁO**

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ được phép chạy động cơ để cấp nguồn cho máy nén khí khi xe đang ở ngoài trời.

## ■ Bơm lốp non hơi

Bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp để bơm lốp non hơn không bị thủng.

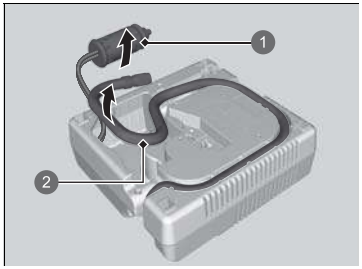


❶ Giắc cắm điện
❷ Ống dẫn khí

**1.** Lấy dụng cụ vá lốp ra khỏi khoang hành lý.

➡ **Chuẩn bị vá lốp xẹp khẩn cấp** Tr. 876

**2.** Đặt bộ dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp bị non hơi và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng bộ dụng cụ.

**3.** Tháo ống dẫn khí ra khỏi bộ dụng cụ.

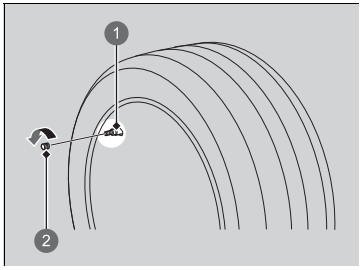


❶ Thân van lốp
❷ Nắp van

**4.** Tháo nắp van.

≫Bơm lốp non hơi

**⚠CẢNH BÁO**

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ được phép chạy động cơ để cấp nguồn cho máy nén khí khi xe đang ở ngoài trời.

CHÚ Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.



*Còn nữa*

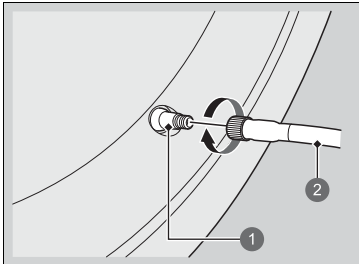


❶ Thân van lốp
❷ Ống dẫn khí

**5.** Lắp ống dẫn khí vào thân van lốp, rồi vặn chặt.

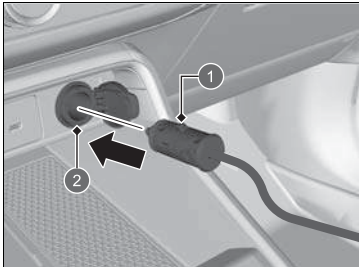


❶ Giắc cắm
❷ Ổ cắm điện phụ kiện

**6.** Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.
► Cẩn thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.
➔ **Ổ cắm điện phụ kiện** Tr. 317

**7.** Khởi động động cơ.
➔ **Khí CO** Tr. 133

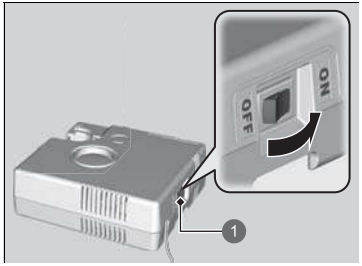


❶ Công tắc máy nén khí

**8.** Bật công tắc máy nén khí để bơm lốp.
- ▶ Bơm nén khí bắt đầu bơm hơi vào lốp xe.
- ▶ Nếu bạn đã khởi động động cơ, hãy để động cơ chạy trong khi bơm hơi.

**9.** Bơm lốp đến áp suất lốp quy định.
**10.** Tắt máy nén khí.
- ▶ Kiểm tra đồng hồ đo áp suất trên máy nén khí.
- ▶ Nếu lốp quá căng, ấn nút xả hơi.

**11.** Rút giắc cắm điện ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
**12.** Tháo ống dẫn khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
**13.** Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp.

Loại xe có lốp dự phòng

# Thay lốp xẹp

Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng cỡ nhỏ. Mang xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp thông thường.

**1.** Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
**2.** Đưa hộp số vào đến P.
**3.** Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Thay lốp xẹp

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Tuân theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng cỡ nhỏ:
Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng cỡ nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định.
➡ **Thông số kỹ thuật** Tr. 940

Khi lái xe với lốp dự phòng cỡ nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h. Thay lốp xe bình thường càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng với loại xe khác. Không sử dụng loại lốp dự phòng hoặc lốp xe loại nhỏ khác cho xe của bạn.

Không lắp xích bọc lốp vào lốp dự phòng cỡ nhỏ. Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp cùng kích cỡ phía sau để thay cho lốp xẹp đó và lấy lốp dự phòng cỡ nhỏ thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Tháo lốp trước bị xẹp và thay bằng lốp thường đã tháo ra từ phía sau. Sau đó, gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

Dùng lốp dự phòng cỡ nhỏ sẽ làm xe đi gần hơn và làm giảm độ bám đường trên một số mặt đường. Bạn cần lái xe thận trọng hơn.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ nhỏ hơn lốp thông thường. Khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn thông thường khi bạn lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có vật cản có thể làm hư hỏng gầm xe.

## ■ Chuẩn bị thay lốp xẹp

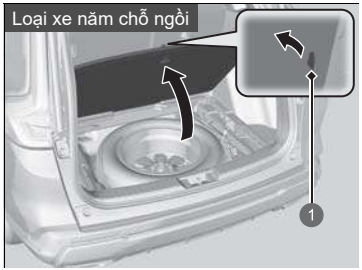


❶ Dây đai

❶ Túi dụng cụ
❷ Lốp dự phòng

Loại xe năm chỗ ngồi

**1.** Kéo dây đai và mở nắp khoang hành lý dưới sàn xe.

**2.** Lấy túi dụng cụ ra khỏi khoang hành lý. Lấy cờ-lê tháo đai ốc bánh xe và tay kích ra khỏi túi dụng cụ. Chuyển sang bước 5 và 6.

Thay lốp xẹp

**CẢNH BÁO:** Chỉ sử dụng kích để hỗ trợ sự cố xe khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

CHÚ Ý

Không dùng kích nếu kích không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc đội dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Loại xe bảy chỗ ngồi

Hình dạng của hộp dụng cụ khác nhau tùy từng loại xe.

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Không lắp nhiều hơn một lốp dự phòng cỡ nhỏ cùng một lúc.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Không sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ nếu xe bạn đang kéo rơ moóc.



*Còn nữa*

Loại xe bảy chỗ ngồi

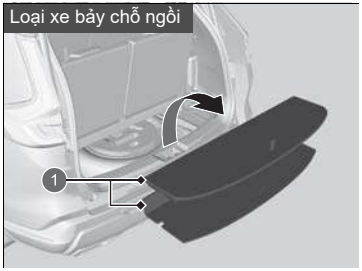


❶ Nắp khoang hành lý dưới sàn xe

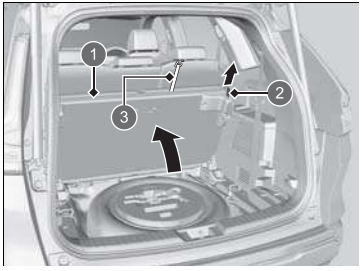


❶ Đệm ghế
❷ Dây đai
❸ Móc

Loại xe bảy chỗ ngồi

**1.** Tháo nắp khoang hành lý dưới sàn xe (trên và dưới).
➔ **Khoang lưu trữ hành lý*** Tr. 313
➔ **Hộp đựng đồ dưới sàn xe*** Tr. 314

**2.** Gập hàng ghế thứ ba xuống.
➔ **Gập hàng ghế thứ ba xuống** Tr. 294

**3.** Mở đệm ghế bằng cách kéo dây đai. Đẩy đệm ghế về phía trước, sau đó treo móc vào tựa đầu.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

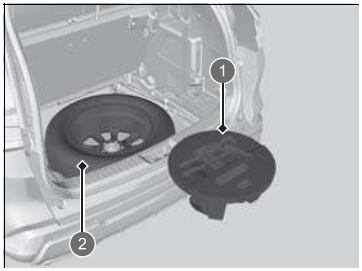


❶ Hộp dụng cụ
❷ Lốp dự phòng

**4.** Lấy hộp dụng cụ ra khỏi khoang hành lý. Lấy cờ-lê tháo đai ốc bánh xe và tay kích ra khỏi hộp dụng cụ.



*Còn nữa*

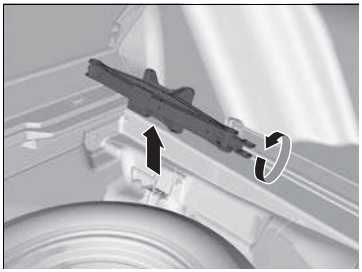

Tất cả các loại xe

**5.** Lấy kích ra khỏi khoang chứa lốp dự phòng.

**6.** Tháo bu-lông cánh và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

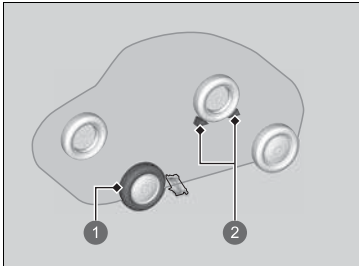


**7.** Chèn khối chèn bánh xe hoặc chèn hòn đá vào phía trước và phía sau bánh xe theo đường chéo so với lốp xe xẹp.

❶ Lốp cần thay.
❷ Khối chèn bánh xe

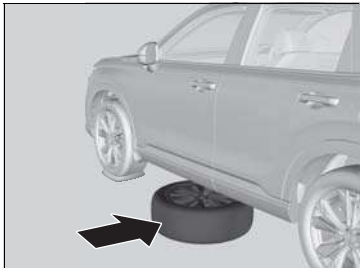

**8.** Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) dưới thân xe, gần lốp cần thay.

**9.** Dùng cờ-lê vặn đai ốc bánh xe xoay khoảng một vòng để nới lỏng đai ốc bánh xe.



*Còn nữa*

## ■ Cách lắp kích

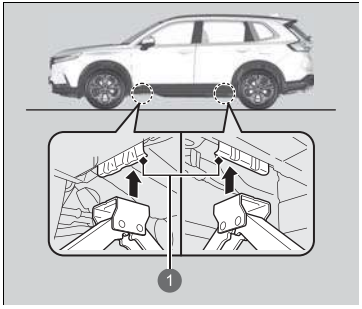


❶ Điểm kê

**1.** Đặt kích bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.

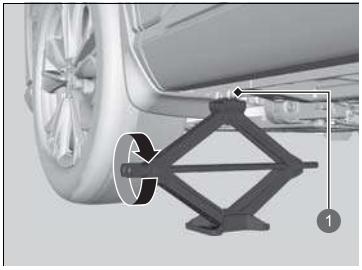


❶ Điểm kê

**2.** Xoay đầu tay quay của giá đỡ theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kích chạm vào điểm kê.
▶ Đảm bảo vấu điểm kê nằm đúng vị trí trong rãnh kích.

Cách lắp kích

**⚠CẢNH BÁO**

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kích, gây chấn thương nặng cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn thay lốp, không được để ai ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kích.

**CẢNH BÁO:** Kích phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn, bằng với bề mặt đang đỗ xe.

Loại xe tại Châu Đại Dương

Kích đi kèm với xe của bạn có nhãn như sau.

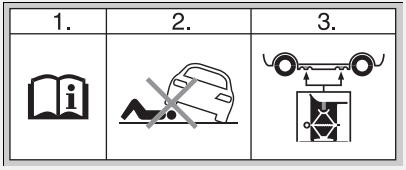


1. Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng.
2. Không được chui xuống gầm xe khi đang đỡ xe bằng kích.
3. Đặt kích ở nơi có bề mặt chắc chắn.

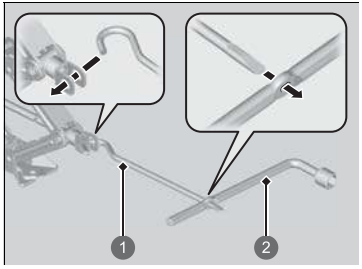


❶ Thanh nối tay kích
❷ Cờ-lê vặn đai ốc làm tay kích

**3.** Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

Cách lắp kích

Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

Dùng kích có sẵn cho xe của bạn.
Các kích khác có thể không chịu được cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kê.

Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích an toàn:
- Không dùng kích khi động cơ đang hoạt động.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại điểm kê.
- Không được vào xe khi đang dùng kích.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích.



*Còn nữa*

## ■ Thay lốp xẹp

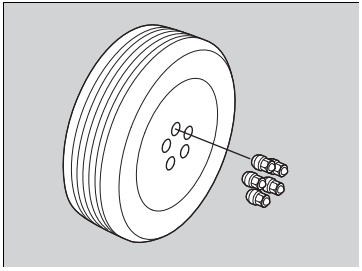

**1.** Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.

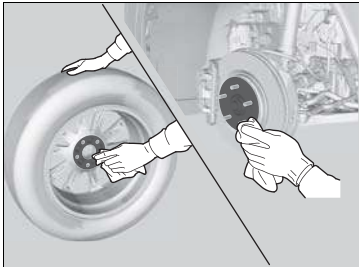

**2.** Lau sạch bề mặt lắp của bánh xe bằng vải sạch.
**3.** Lắp lốp dự phòng vào.
**4.** Vặn đai ốc bánh xe đến khi chạm vào miệng xung quanh các lỗ lắp thì ngừng vặn.

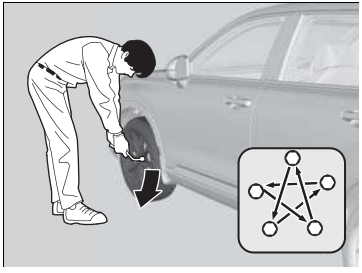

**5.** Hạ thấp xe và tháo kích ra.
Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình minh họa. Siết lần lượt từng đai ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.
**Lực siết đai ốc bánh xe:**
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Thay lốp xẹp

Không siết quá chặt đai ốc bánh xe bằng cách dùng chân hoặc ống để tạo thêm lực mô-men xoắn.

## ■ Cất giữ lốp xẹp

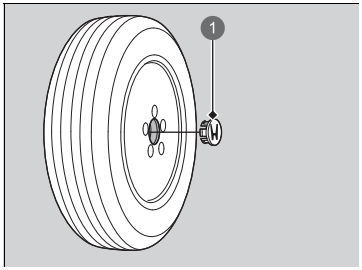


❶ Chụp giữa

**1.** Tháo chụp giữa.
**2.** Đặt úp lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.

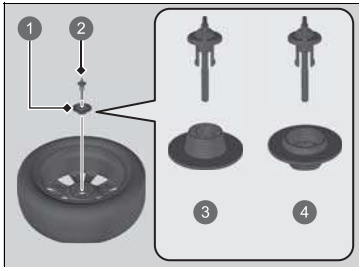


❶ Đệm côn
❷ Bu-lông cánh
❸ Đối với lốp dự phòng cỡ nhỏ
❹ Đối với lốp thông thường

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

**3.** Tháo đệm côn ra khỏi bu-lông cánh, lật ngược lại và lắp lại vào bu-lông. Siết chặt lốp xẹp bằng bu-lông cánh.

Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

**3.** Siết chặt lốp xẹp bằng bu-lông cánh.

Tất cả các loại xe

**4.** Cất giữ cẩn thận cờ-lê vặn đai ốc bánh xe và thanh nối tay kích vào túi dụng cụ* hoặc hộp dụng cụ*. Cất túi dụng cụ* hoặc hộp dụng cụ* vào khoang hành lý đúng cách.
**5.** Cất kích vào giá đỡ. Xoay đầu tay quay để khóa vào đúng vị trí.

Loại xe bảy chỗ ngồi

**6.** Để hàng ghế thứ ba về vị trí ban đầu.
➲ **Gập hàng ghế thứ ba xuống** Tr. 294

Cất giữ lốp xẹp

**⚠CẢNH BÁO**

Các vật dụng cất giữ không chắc chắn có thể bị văng trong xe trong trường hợp xảy ra va chạm và gây chấn thương nặng cho người ngồi trong xe.
Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

## ■ Hệ thống cảnh báo xẹp lốp và lốp dự phòng

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Nếu bạn thay lốp bị xẹp bằng lốp dự phòng, đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ bật sáng khi bạn đang lái xe. Sau khi lái xe được vài km, thông báo **Tyre pressure monitor system problem (Sự cố hệ thống giám sát áp suất lốp)** sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và đèn báo sẽ nhấp nháy trong thời gian ngắn rồi sáng liên tục; tuy nhiên, đây là hiện tượng bình thường và không đáng lo ngại.

Tất cả các loại xe

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp xẹp bằng lốp thông thường quy định.

➔ **Hiệu chỉnh Hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 660

Loại xe có dụng cụ vá lốp

Xe của bạn có các điểm kê kích như hình minh họa. Hãy tham khảo đại lý khi thay lốp xe.

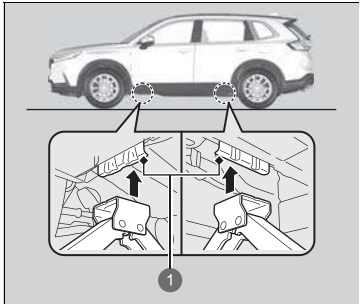


❶ Điểm kê

## Kiểm tra động cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

| Tình trạng bộ khởi động | Danh mục kiểm tra |
|---|---|
| **Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động chậm.**<br>Có thể ắc-quy hết điện. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp. | **Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.**<br>• Nếu xuất hiện thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa)**.<br>➡ **Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa/khóa thẻ từ* yếu** Tr. 902 |
| | **Kiểm tra cầu chì.**<br>Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc mang xe đến đại lý để kiểm tra.<br>➡ **Kiểm tra và thay cầu chì** Tr. 925 |
| **Bộ khởi động khởi động bình thường nhưng động cơ không khởi động.**<br>Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp. | **Xem lại quy trình khởi động động cơ.**<br>Làm theo các hướng dẫn, và thử khởi động lại động cơ. ➡ **Khởi động động cơ** Tr. 611 |
| | **Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy.**<br>Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ.<br>➡ **Hệ thống chống nổ máy** Tr. 247<br>➡ **Đèn báo** Tr. 148 |
| | **Kiểm tra mức nhiên liệu.**<br>Cần có đủ nhiên liệu trong bình chứa. ➡ **Đồng hồ đo nhiên liệu** Tr. 161 |
| | **Kiểm tra cầu chì.**<br>Kiểm tra tất cả các cầu chì hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Kiểm tra và thay cầu chì** Tr. 925 |
| | **Nếu sự cố vẫn tiếp diễn:**<br>➡ **Kéo xe khẩn cấp** Tr. 928 |

Nếu bạn không thể khởi động động cơ sau khi đã kiểm tra tất cả các mục trong danh sách trên, hãy mang xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nếu bạn cần khởi động xe ngay lập tức, hãy sử dụng xe hỗ trợ hoặc bình ắc-quy tăng cường để khởi động.

➔ **Nếu ắc-quy hết điện** Tr. 906

Tùy thuộc vào tình huống, có thể tạm thời khởi động động cơ bằng cách sử dụng quy trình khởi động khẩn cấp.

➔ **Khởi động động cơ khẩn cấp** Tr. 904

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

# Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa/khóa thẻ từ* yếu

Nếu tiếng bíp vang lên, thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy và động cơ không khởi động, hãy khởi động động cơ như sau:

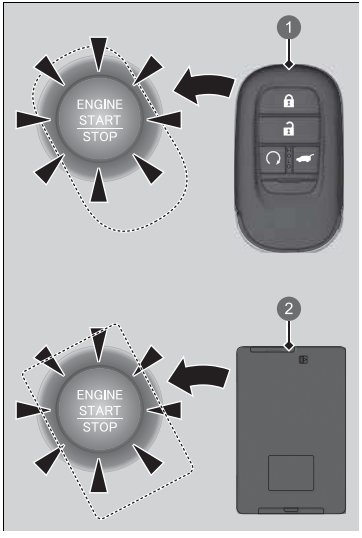


1. Chìa khóa điều khiển từ xa
2. Khóa thẻ từ*

1. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.
   ► Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy khoảng 30 giây.
2. Chạm vào giữa nút **ENGINE START/STOP** có biểu tượng chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* phải quay về phía bạn.
   ► Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** sáng liên tục trong khoảng 10 giây.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

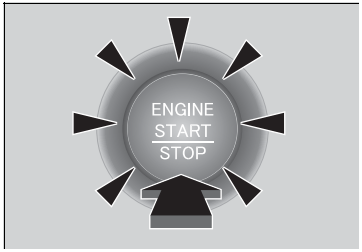


**3.** Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** sáng.
▶ Động cơ khởi động.
▶ Nếu không nhấn bàn đạp phanh, xe sẽ chuyển sang chế độ PHỤ KIỆN.

# Khởi động động cơ khẩn cấp

Nếu động cơ không khởi động theo quy trình khởi động thông thường, bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp dưới đây.
Chỉ sử dụng quy trình này trong trường hợp khẩn cấp.

**1.** Đảm bảo gài phanh đỗ.
**2.** Đảm bảo cần số ở P, sau đó đặt chế độ nguồn sang PHỤ KIỆN.
**3.** Nhấn chắc bàn đạp phanh, sau đó ấn và giữ nút **ENGINE START/ STOP** trong ít nhất 15 giây.

Ngay cả khi bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình trên thì đây vẫn được coi là sự cố hệ thống.
Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Khởi động động cơ khẩn cấp

Tham khảo phần sau nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí P.

**Không gạt được cần số** Tr. 909

# Dừng động cơ khẩn cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện mà động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, nên sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn.

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ dừng.
Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, gạt cần số đến P sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó, ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Dừng động cơ khẩn cấp

CHÚ Ý

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

## Quy trình kích nổ

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.

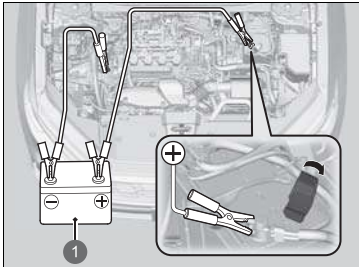


❶ Ắc-quy tăng cường

**1.** Mở nắp ở cực dương ⊕ của ắc-quy xe.
**2.** Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực ⊕ của ắc-quy xe.
**3.** Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực ⊕ của ắc-quy tăng cường.
   ▶ Chỉ sử dụng ắc-quy tăng cường loại 12 vôn.
   ▶ Khi sử dụng bộ nạp ắc-quy ô tô để kích nổ ắc-quy 12 vôn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để thiết lập cho đúng.
**4.** Nối dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực ⊖ của ắc-quy tăng cường.

Quy trình kích nổ

**⚠CẢNH BÁO**

Ắc-quy có thể nổ nếu không làm theo đúng quy trình, gây chấn thương nặng cho bất kỳ ai ở gần ắc-quy.

Không để ắc-quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

CHÚ Ý

Nếu để ắc-quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đóng băng. Khởi động bằng ắc-quy nối ngoài bị đóng băng có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để không bị tuột ra khi động cơ rung. Cẩn thận không làm rối cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi gắn hoặc tháo các cáp nối ngoài.

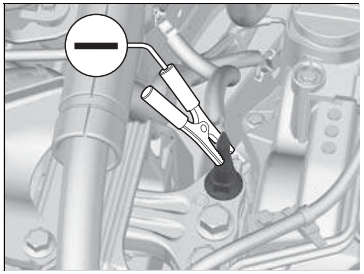

5. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ hai vào bu-lông gắn động cơ như hình minh họa. Không nối dây cáp nối ngoài với bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ của xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe bạn. Nếu xe khởi động chậm, hãy kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng và tiếp xúc tốt chưa.

Quy trình kích nổ

Ắc-quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

*Còn nữa*

## ■ Làm gì sau khi khởi động động cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo các dây cáp nối ngoài theo trình tự sau.

**1.** Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi gầm xe.
**2.** Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊖ của ắc-quy tăng cường.
**3.** Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊕ của ắc-quy xe.
**4.** Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊕ của ắc-quy tăng cường.

Mang xe đến trạm sửa chữa xe gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

Quy trình kích nổ

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống phanh (màu hổ phách), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách cùng với thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Không gạt được cần số

Làm theo quy trình dưới đây nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí P.

## ■ Nhả khóa

Loại vô lăng bên trái

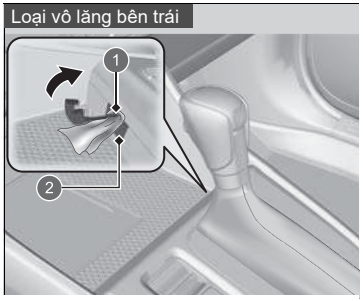


❶ Khe nhả khóa sang số
❷ Nắp

**1.** Đặt phanh đỗ.
**2.** Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
**3.** Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.

Loại vô lăng bên trái

**4.** Bọc vải xung quanh đầu chìa khóa tích hợp. Sau đó, đưa vào trong khe nhả khóa sang số như hình minh họa và tháo nắp ra.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

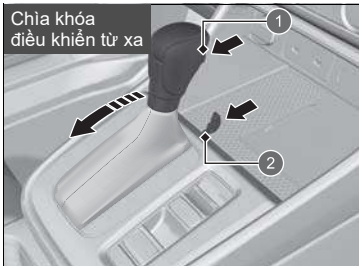


❶ Nút nhả
❷ Khe nhả khóa sang số

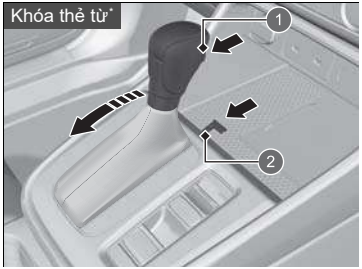


❶ Nút nhả
❷ Khe nhả khóa sang số

Tất cả các loại xe

**5.** Cắm chìa khóa vào khe nhả khóa sang số.

**6.** Trong khi cắm chìa khóa vào, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến số [N].
► Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Cách xử lý quá nhiệt

Các dấu hiệu quá nhiệt như sau:

Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao hoặc động cơ đột ngột giảm công suất.

Tất cả các loại xe

- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool. (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không lái xe. Để động cơ nguội.)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

**■ Bước đầu tiên**

**1.** Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.

**2.** Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.

▶ **Có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi nước hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

Cách xử lý quá nhiệt

**⚠CẢNH BÁO**

Hơi nước và tia nước bắn ra từ động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

CHÚ Ý

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Tiếp tục lái xe với đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao có thể làm hỏng động cơ.

Tất cả các loại xe

Tiếp tục lái xe khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool. (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không lái xe. Để động cơ nguội.)** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.



*Còn nữa*

## ■ Bước tiếp theo

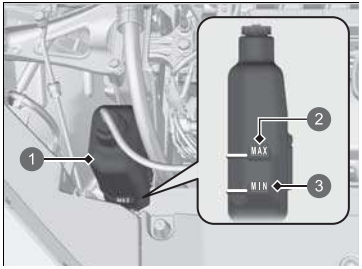


❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

**1.** Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy không và dừng động cơ khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool. (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không lái xe. Để động cơ nguội.)** biến mất khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái.
▶ Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.

**2.** Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
▶ Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX (TỐI ĐA)**.
▶ Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến đế cổ lọc và đóng nắp lại.

## ■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra màn hình giao diện thông tin cho người lái.
Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool. (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không lái xe. Để động cơ nguội.)** không xuất hiện nữa, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Cách xử lý quá nhiệt

### ⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội hẳn trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy mang xe đến đại lý để súc rửa hệ thống bằng chất chống đông càng sớm càng tốt.

# Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện

■ **Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện**

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ **Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện**

**1.** Ngay lập tức đỗ xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.

**2.** Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ **Làm gì sau khi đỗ xe**

**1.** Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.

**2.** Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

▶ Đổ thêm dầu nếu cần.

➡ **Kiểm tra dầu** Tr. 834

**3.** Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo **Engine oil pressure low (Áp suất dầu động cơ thấp)**.

▶ Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.

▶ Cảnh báo không biến mất trong 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

# Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng

**■ Nguyên nhân đèn báo sáng**

Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.

**■ Làm gì khi đèn báo sáng**

Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý để kiểm tra xe.

# Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy

**■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy**

- Sáng khi hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

**■ Làm gì khi đèn báo sáng**

Tránh lái xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

**■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy**

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc-quy.

Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống. Để đại lý kiểm tra xe.

# Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy

■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ **Làm gì nếu đèn báo sáng khi đang lái xe**

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

■ **Nguyên nhân đèn báo nhấp nháy**

Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo nhấp nháy**

Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy

Mang ngay xe đi sửa chữa.
Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm.
Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.
Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động.
Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

**Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo Hệ thống phanh (Màu hổ phách) sáng**
Tr. 916

# Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo Hệ thống phanh (Màu hổ phách) sáng

(Màu đỏ)

(Màu hổ phách)

■ **Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) cũng sáng, hãy nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.**

➔ **Phanh đỗ** Tr. 767

- Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng liên tục hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) cũng sáng, hãy dừng xe ở nơi an toàn và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
  ► Để ngăn xe di chuyển, gạt cần số đến P.

- Nếu chỉ có đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) tắt, tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo Hệ thống phanh (Màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo Hệ thống phanh (Màu hổ phách) sáng

Nếu bạn kéo phanh đỗ, có thể sẽ không nhả được phanh.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc chứng tỏ phanh đỗ đang hoạt động.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động vì đang thực hiện kiểm tra hệ thống.

# Nếu đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng

■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

Sáng nếu hệ thống EPS hoặc Hệ thống theo dõi mức độ tập trung của người lái có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng**

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
  Nếu đèn báo sáng và sáng liên tục, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
- Nếu **Do not drive (Không lái xe)** hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

Loại xe tại Đài Loan

# Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng hoặc nhấp nháy

**■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy**

Áp suất lốp quá thấp, hoặc chưa hiệu chỉnh TPMS. Nếu TPMS có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng liên tục.

**■ Làm gì khi đèn báo sáng**

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

► Hiệu chỉnh TPMS sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

➲ **Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS)** Tr. 656

**■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng**

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp bị quá nhiệt và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.

Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan

# Nếu đèn báo Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/ Xẹp lốp* sáng hoặc nhấp nháy

**■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy**

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng liên tục.

Nếu xe được lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ*, đèn báo sẽ sáng hoặc nhấp nháy khoảng một phút rồi sáng liên tục.

**■ Làm gì khi đèn báo sáng**

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

▶ Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

➔ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*** Tr. 659

Nếu lốp dự phòng cỡ nhỏ* làm đèn báo sáng, hãy thay sang lốp thông thường. Đèn báo tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

**■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng**

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng cỡ nhỏ* làm đèn báo nhấp nháy rồi sáng liên tục, hãy thay sang lốp thông thường. Đèn báo tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/Xẹp lốp* sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp bị quá nhiệt và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Vị trí cầu chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

## ■ Hộp cầu chì khoang động cơ

Nằm gần ắc-quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.
Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.

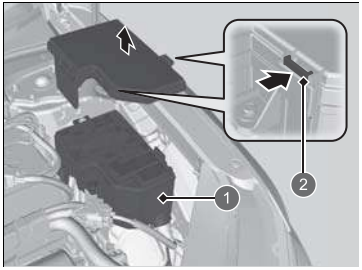


❶ Hộp cầu chì
❷ Vấu

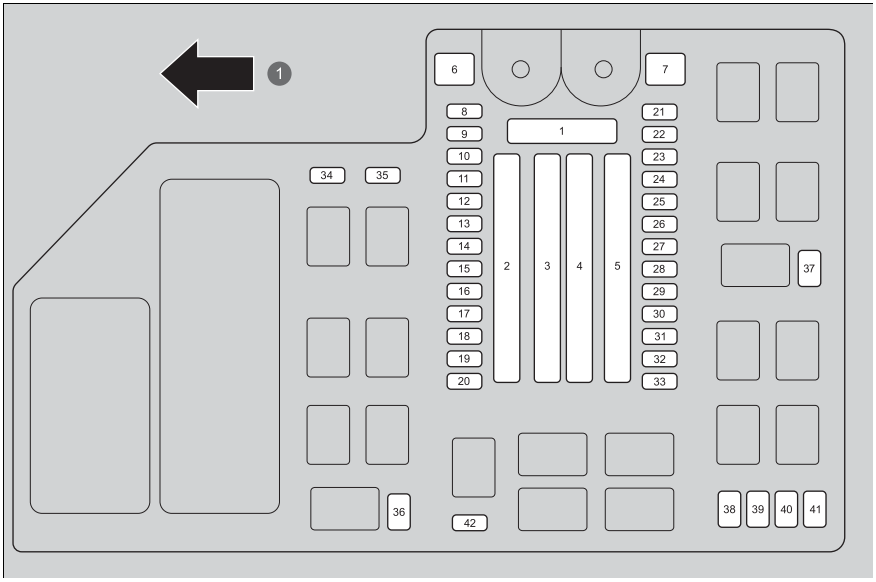


❶ Trước

## ■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

| | Mạch được bảo vệ | Amps |
|---|---|---|
| 1 | Cầu chì chính | 125 A |
| 2 | Dừng động cơ tạm thời 2* | 30 A |
| | – | 40 A |
| | Hộp cầu chì tự chọn 1 | 60 A |
| | – | 40 A |
| | Hộp cầu chì tự chọn 2* | 60 A |
| | – | 60 A |
| | Hộp cầu chì chính 1 | 60 A |
| 3 | Âm thanh AMP* | 30 A |
| | Công tắc từ ST | 30 A |
| | – | 40 A |
| | Sấy kính sau | 30 A |
| | – | 50 A |
| | Mô-tơ quạt gió | 40 A |
| | Mô-tơ cửa hậu điện* | 40 A |
| 4 | ABS/VSA FSR | 40 A |
| | Mô-tơ ABS/VSA | 40 A |
| | – | 40 A |
| | Bộ trợ lực phanh điện | 40 A |
| | IG Chính 1 | 30 A |
| | – | 40 A |
| | IG Chính 2 | 30 A |
| 5 | Dừng động cơ tạm thời 1* | 30 A |
| | Cần gạt nước | 30 A |
| | EPS | 70 A |
| | – | 30 A |
| | – | 40 A |
| | Quạt chính | 30 A |
| | Hộp cầu chì chính 2 | 60 A |
| 6 | Quạt phụ | 30 A |
| 7 | Mô-đun rơ-le 2 | 20 A |
| 8 | – | – |
| 9 | Dự phòng | 10 A |
| 10 | – | – |
| 11 | Đèn sương mù sau* | 10 A |
| 12 | – | – |
| 13 | Âm thanh phụ* | 15 A*1 / 7,5 A*2, *3 |
| 14 | – | – |
| 15 | Đèn sương mù trước* | 10 A |
| 16 | – | – |
| 17 | Bộ ly hợp từ A/C | 10 A |
| 18 | Còi | 15 A |
| 19 | Bộ rửa kính phía trước | 15 A |
| 20 | Âm thanh | 15 A |
| 21 | Mô-đun rơ-le 1 | 20 A |
| 22 | DBW | 15 A |
| 23 | Nguy hiểm | 10 A |
| 24 | VBU | 10 A |
| 25 | IGP | 15 A |
| 26 | TCU | 10 A |
| 27 | Đèn chiếu sáng trái | 20 A |
| 28 | Kim phun | 20 A |
| 29 | Đèn dừng | 10 A |
| 30 | Đèn chiếu sáng phải | 20 A |
| 31 | Cuộn IG | 15 A |
| 32 | – | – |
| 33 | – | – |
| 34 | – | – |
| 35 | – | – |
| 36 | Âm thanh chính VST* | 15 A |
| 37 | Âm thanh phụ VST* | 15 A |
| 38 | – | – |
| 39 | IGPS VBACT | 7,5 A |
| 40 | IGPS FAN | 7,5 A |
| 41 | IGPS LAF | 7,5 A |
| 42 | IG1 Giám sát 2 | 5 A |

*1: Các loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google và AMP thông thường
*2: Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
*3: Các loại xe có BOSE AMP và Camera đa hướng

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



*Còn nữa*

## ■ Hộp cầu chì chính trong xe

Nằm dưới bảng táp-lô.
Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.

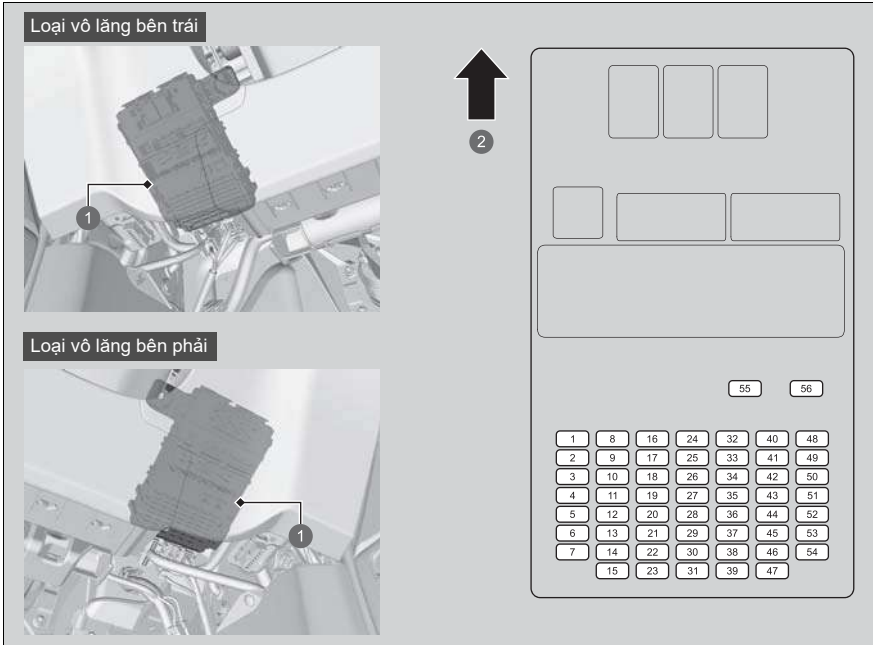


❶ Hộp cầu chì
❷ Hướng lên trên

## ■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

| | Mạch được bảo vệ | Amps |
|---|---|---|
| 1 | Cửa kính điện người lái | 20 A |
| 2 | Cửa kính điện hành khách trước | 20 A |
| 3 | Cửa kính điện sau bên phải | 20 A |
| 4 | Cửa kính điện sau bên trái | 20 A |
| 5 | Tùy chọn | 10 A |
| 6 | SRS | 10 A |
| 7 | Mô-tơ cửa hậu* | (10 A) |
| 8 | – | – |
| 9 | Ổ cắm điện phụ kiện trước | 20 A |
| 10 | Khóa cửa | 20 A |
| 11 | Đồng hồ đo | 10 A |
| 12 | Tùy chọn 3 (Hệ thống ngắt khởi động)* | 10 A |
| 13 | Tùy chọn 2 | 10 A |
| 14 | Tùy chọn 6 (VB SOL) | 10 A |
| 15 | – | – |
| 16 | IMG | 10 A |
| 17 | Rơ moóc* | 20 A |
| 18 | – | – |
| 19 | – | – |
| 20 | Sạc USB | 10 A |
| 21 | Ổ cắm điện phụ kiện (Khoang hành lý) | 20 A |
| 22 | THÔNG MINH | 10 A |
| 23 | – | – |
| 24 | E-DPS* | 20 A |
| 25 | – | – |
| 26 | SRS | 10 A |
| 27 | ACG | 10 A |
| 28 | Tùy chọn 5 (ABS) | 10 A |
| 29 | Bơm nhiên liệu | 20 A |
| 30 | Mở khóa cửa bên trái | 10 A |
| 31 | Mở khóa cửa bên phải | 10 A |
| 32 | Cửa sổ trời toàn cảnh* | 20 A |
| 33 | Bộ sạc USB PD* | 10 A |
| 34 | – | – |
| 35 | Tấm che nắng* | 20 A |
| 36 | – | – |
| 37 | – | – |
| 38 | Quạt gió phía sau* | 20 A |
| 39 | Khóa cửa bên phải | 10 A |
| 40 | Trượt ghế điện người lái* | 20 A |
| 41 | Ngả ghế điện người lái* | 20 A |
| 42 | – | – |
| 43 | Tùy chọn | 10 A |
| 44 | Đèn ban ngày | 5 A |
| 45 | ACC | 10 A |
| 46 | – | – |
| 47 | Khóa cửa bên trái | 10 A |
| 48 | Bộ sưởi ghế trước* | 20 A |
| 49 | Ngả ghế điện hành khách* | 20 A |
| 50 | Hỗ trợ thắt lưng ghế điện người lái* | 10 A |
| 51 | – | – |
| 52 | Bộ đóng cửa hậu điện* | 20 A |
| 53 | Trượt ghế điện hành khách* | 20 A |
| 54 | Tùy chọn 1 | 10 A |
| 55 | – | – |
| 56 | – | – |

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Đài Loan

## ■ Hộp cầu chì phụ trong xe

Nằm dưới bảng táp-lô.
Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.

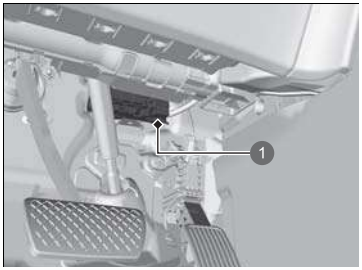


❶ Hộp cầu chì phụ

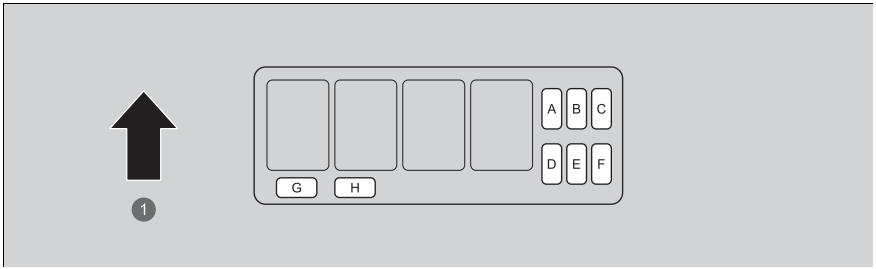


❶ Hướng lên trên

### ■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

| | Mạch được bảo vệ | Amps |
|---|---|---|
| A | ACC | 5 A |
| B | EOP | 10 A |
| C | – | – |
| D | Đồng hồ đo | 10 A |
| E | Tùy chọn | 10 A |
| F | – | – |
| G | – | – |
| H | – | – |

# Kiểm tra và thay cầu chì

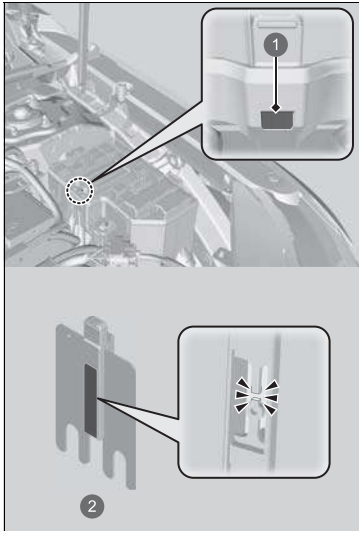


❶ Lỗ
❷ Cầu chì chính

**1.** Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Tắt các đèn chiếu sáng và tất cả các phụ kiện.
**2.** Tháo vỏ hộp cầu chì.
**3.** Kiểm tra cầu chì chính trong hộp cầu chì khoang động cơ.
▶ Quan sát cầu chì qua lỗ.
▶ Nếu cầu chì bị cháy, hãy mang xe đến đại lý để thay cầu chì.

Kiểm tra và thay cầu chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng.

Sử dụng sơ đồ để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định.
➔ **Vị trí cầu chì** Tr. 920
Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.



*Còn nữa*

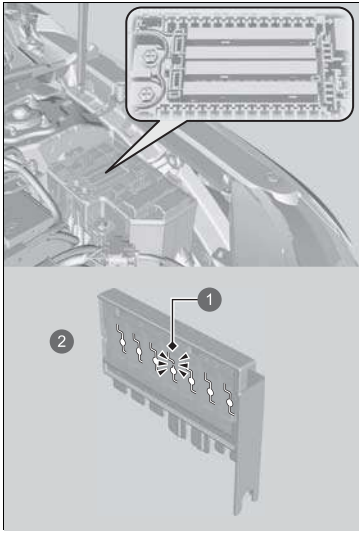


❶ Cháy cầu chì
❷ Cầu chì kết hợp

**4.** Kiểm tra các cầu chì kết hợp trong hộp cầu chì khoang động cơ.
▶ Quan sát khoảng trống giữa các cầu chì.
▶ Nếu cầu chì bị cháy, hãy mang xe đến đại lý để thay cầu chì.

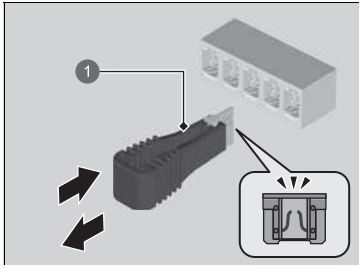


❶ Kẹp tháo cầu chì

**5.** Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
▶ Nếu có cầu chì bị cháy, tháo cầu chì bằng kẹp tháo cầu chì và thay cái mới.

# Kéo xe khẩn cấp

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

**■ Thiết bị kéo sàn phẳng**

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.
**Đây là cách tốt nhất để vận chuyển xe của bạn.**

Loại xe 2WD

**■ Thiết bị nâng bánh xe**

Xe kéo sử dụng hai thanh nâng đặt dưới lốp trước và nâng lốp xe lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

Kéo xe khẩn cấp

CHÚ Ý

Cố nâng hoặc kéo xe bằng tấm cản sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cản không có chức năng nâng đỡ trọng lượng của xe.

CHÚ Ý

Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích.
Kéo xe bằng dây thừng hoặc xích rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắc từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

Loại xe 2WD

Đảm bảo nhả phanh đỗ. Nếu không thể nhả phanh đỗ, xe của bạn phải được vận chuyển bằng thiết bị kéo sàn phẳng.

➡ **Phanh đỗ** Tr. 767

## Làm gì nếu không mở được cửa nạp nhiên liệu

Nếu bạn không mở được cửa nạp nhiên liệu, hãy làm theo quy trình sau.

Loại xe năm chỗ ngồi

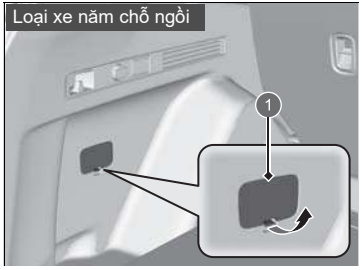


❶ Miếng ốp

Loại xe bảy chỗ ngồi

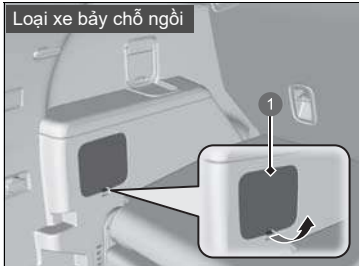


❶ Miếng ốp

**1.** Mở cửa hậu.

Loại xe bảy chỗ ngồi

**2.** Gập hàng ghế thứ ba xuống.

➔ **Gập hàng ghế thứ ba xuống** Tr. 294

Tất cả các loại xe

**3.** Tháo nắp ắc-quy.

Làm gì nếu không mở được cửa nạp nhiên liệu

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.



*Còn nữa*

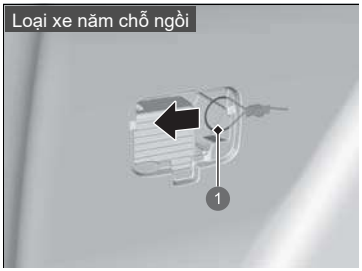


❶ Dây nhả

❶ Dây nhả

**4.** Kéo dây nhả như hình minh họa.

**5.** Mở cửa nạp nhiên liệu.

➡ **Cách nạp nhiên liệu** Tr. 807

## ■ Làm gì nếu không mở được cửa hậu

Nếu bạn không mở được cửa hậu, hãy làm theo quy trình sau.

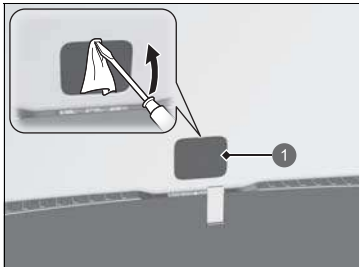


❶ Miếng ốp

**1.** Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo miếng ốp nằm ở phía sau cửa hậu.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

Loại xe có cửa hậu điện

❶ Cần

**2.** Để mở cửa hậu, hãy đẩy cửa hậu đồng thời dùng tua-vít đầu dẹt đẩy cần gạt sang bên phải.

Làm gì nếu không mở được cửa hậu

Khi bạn mở cửa hậu từ bên trong xe, hãy đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh cửa hậu để cửa không va vào bất kỳ ai hoặc bất kỳ vật gì.

Theo dõi:
Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

*Còn nữa*

Loại xe không có cửa hậu điện

❶ Cần

## Cuộc gọi khẩn cấp tự động

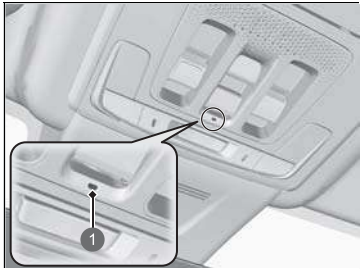


❶ Đèn báo eCall

Nếu xe xảy ra va chạm, hệ thống sẽ cố gắng kết nối với tổng đài của Điểm trả lời an toàn công cộng (PSAP). Khi kết nối thành công, một số thông tin về xe sẽ được gửi đến tổng đài PSAP người mà bạn có thể nói chuyện cùng. Những thông tin đó bao gồm:

- Số nhận dạng xe (VIN)
- Loại xe (xe chở khách hoặc xe tải loại nhỏ)
- Loại nhiên liệu xe sử dụng (xăng/diesel/CNG/LPG/điện/hydro)
- Ba điểm đến gần đây nhất của xe
- Hướng di chuyển
- Chế độ khởi động (tự động hoặc bằng tay)
- Mốc thời gian

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của tổng đài viên.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục trong 1 giây, sau đó chuyển sang màu đỏ trong 1 giây.

### Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

Xe của bạn được trang bị hệ thống dịch vụ eCall.

Dịch vụ eCall là dịch vụ công cộng vì lợi ích chung và được sử dụng miễn phí.

Hệ thống eCall trong xe được kích hoạt khi chế độ nguồn BẬT. Khi xảy ra va chạm, hệ thống sẽ xác định mức độ va chạm dựa vào thông tin thu được từ các cảm biến trên xe, sau đó kích hoạt chức năng gọi khẩn cấp tùy thuộc vào mức độ va chạm đó.

Hệ thống eCall trong xe cũng có thể được kích hoạt thủ công nếu cần.

**Gọi khẩn cấp bằng cách thủ công** Tr. 935

Bất kỳ hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân nào thông qua hệ thống eCall trên xe đều phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định trong Chỉ thị 95/46/EC (được thay thế bởi Quy định (EU) 2016/679) và 2002/58/EC và đặc biệt, phải dựa trên sự cần thiết phải bảo vệ lợi ích thiết yếu của các cá nhân theo Điều 7(d) của Chỉ thị 95/46/EC (được thay thế bởi Quy định (EU) 2016/679).



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa*

Nếu hệ thống eCall hoạt động bình thường, đèn báo sẽ sáng màu xanh lục.
- Màu xanh lục: Hệ thống eCall đã sẵn sàng.
- Nhấp nháy màu xanh lục: Hệ thống eCall được kết nối và đang thực hiện cuộc gọi eCall với tổng đài PSAP.
- Nhấp nháy màu đỏ ngắt quãng liên tục: Lỗi kết nối hệ thống eCall với tổng đài. Đèn báo eCall sẽ tiếp tục nhấp nháy như vậy trong 5 giây, sau đó sẽ sáng màu xanh lục.

Nếu hệ thống eCall bị vô hiệu hóa trong trường hợp xảy ra lỗi hệ thống nghiêm trọng, cảnh báo sau sẽ được đưa ra cho người ngồi trong xe:
- Đèn báo sáng đỏ hoặc tắt lịm: Hệ thống eCall có sự cố. Nếu đèn báo tiếp tục sáng đỏ hoặc tắt lịm ngay cả khi bạn đã khởi động lại xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
- Đèn báo nhấp nháy đỏ: Điện áp ắc-quy dự phòng ở mức cực thấp. Khi nguồn ở BẬT, ắc-quy sẽ tiến hành nạp lại điện. Khi ắc-quy được nạp đến một mức nhất định, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục.

### Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

Người nhận dữ liệu được xử lý bởi hệ thống eCall trên xe là các điểm tiếp nhận an toàn công cộng có liên quan được chỉ định bởi các cơ quan công quyền tương ứng của quốc gia nơi các điểm tiếp nhận đặt trụ sở và là những người đầu tiên nhận được dữ liệu.

Xe của bạn KHÔNG thể kết nối với tổng đài PSAP nếu:
- Cả ắc-quy 12 V và ắc-quy dự phòng đều quá yếu.
- Xe của bạn nằm ngoài vùng phủ sóng di động.
- Hệ thống eCall hoặc thiết bị ngoại vi của hệ thống như micro hoặc loa có sự cố.

Ắc-quy dự phòng có tuổi thọ ít nhất 3 năm, sau đó có thể cần phải thay thế.

Ắc-quy dự phòng không có sẵn trên thị trường. Hãy đến đại lý để thay thế.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Gọi khẩn cấp bằng cách thủ công

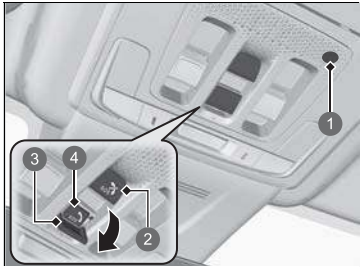


❶ Micro
❷ Nút hủy **SOS**
❸ Nắp
❹ Nút **SOS**

Nếu cần thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, bạn có thể thiết lập kết nối thủ công. Ấn và giữ nút **SOS** trong hơn 0,5 giây.

Để hủy cuộc gọi, ấn nút hủy **SOS** trong hơn 0,5 giây, trong vòng 5 giây tính từ khi ấn nút **SOS**.

Nút **SOS** có nắp bảo vệ. Mở nắp ra để ấn nút.

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của tổng đài viên.

**Gọi khẩn cấp bằng cách thủ công**

KHÔNG ấn nút khi bạn đang lái xe. Nếu bạn cần liên hệ với tổng đài, hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi thực hiện cuộc gọi.

Nếu hệ thống eCall không thể kết nối với tổng đài PSAP ở lần gọi đầu tiên, hãy gọi lại cho đến khi kết nối thành công. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không thể kết nối được nữa sau 2 phút tính từ lần gọi đầu tiên.

Khi hệ thống đã kết nối thành công với tổng đài, bạn không thể hủy cuộc gọi bằng nút hủy **SOS**.



*Còn nữa*

Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

**Bảo mật dữ liệu**

Hệ thống eCall trên xe được thiết kế để đảm bảo rằng:

- Dữ liệu có trong bộ nhớ hệ thống không được sao lưu ra bên ngoài hệ thống trước khi eCall hoạt động.
- Không thể truy xuất hoặc theo dõi liên tục hệ thống khi hệ thống đang hoạt động bình thường.
- Dữ liệu trong bộ nhớ trong của hệ thống được xóa tự động và liên tục.

Để hệ thống hoạt động bình thường, dữ liệu vị trí của xe liên tục được ghi đè vào bộ nhớ trong của hệ thống, vì vậy ba điểm đến gần đây nhất của xe được cập nhật liên tục.

Nhật ký dữ liệu hoạt động trong hệ thống eCall trên xe được lưu giữ không lâu hơn thời gian cần thiết để đạt được mục đích xử lý cuộc gọi khẩn cấp eCall và trong mọi trường hợp không quá 13 giờ kể từ thời điểm cuộc gọi khẩn cấp eCall được khởi tạo.



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

**Quyền của chủ xe**

Chủ thể dữ liệu (chủ sở hữu xe) có quyền truy cập dữ liệu và, nếu phù hợp, yêu cầu chỉnh sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu liên quan đến mình, mà việc xử lý dữ liệu đó không tuân thủ các quy định của Chỉ thị 95/46/EC (được thay thế bởi Quy định (EU) 2016/679).

Bất kỳ bên thứ ba nào được tiết lộ về dữ liệu phải được thông báo về việc sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu tuân theo đúng Chỉ thị này, trừ khi chứng minh được việc thông báo là không thể hoặc không cần thiết.

Chủ thể dữ liệu có quyền khiếu nại với cơ quan bảo vệ dữ liệu có thẩm quyền nếu chủ thể thấy rằng quyền của họ bị xâm phạm trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân của họ.

Thông tin dịch vụ eCall của Honda:
Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về eCall, hãy liên hệ với văn phòng dịch vụ tại quốc gia bạn cư trú. Xem sổ bảo dưỡng hoặc trang web Honda tại địa phương của bạn để biết danh sách các văn phòng.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Thông tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng xe và các thông tin khác theo quy định.

**Thông số kỹ thuật** ..... 940
**Số nhận dạng**
Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số ..... 943
**Tuân thủ quy định tiện ích***
Quy định bảo vệ môi trường.....944
**Thiết bị phát sóng radio*** ..... 945
**Giấy phép mã nguồn mở**..... 956

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Thông số kỹ thuật xe

| | |
|---|---|
| Loại xe | CR-V |
| Trọng lượng không tải của xe | 1.584 - 1.597 kg[*1]<br>1.594 - 1.665 kg[*2]<br>1.602 - 1.749 kg[*3]<br>1.605 - 1.700 kg[*4]<br>1.613 - 1.700 kg[*5]<br>1.649 - 1.671 kg[*6]<br>1.653 - 1.662 kg[*7]<br>1.653 - 1.763 kg[*8]<br>1.750 kg[*9] |
| Trọng lượng tối đa cho phép | Xem nhãn chứng nhận trên khung cửa phía người lái[*10]<br>2.258 kg[*11]<br>2.300 kg[*12]<br>2.326 kg[*13]<br>2.350 kg[*14] |
| Tải trọng trục tối đa cho phép | Xem nhãn chứng nhận trên khung cửa phía người lái[*10] |
| | Trước: 1.180 kg |
| | Sau: 1.150 kg[*15]<br>1.300 kg[*16] |

*1: Loại xe tại Đài Loan
*2: Loại xe tại Malaysia
*3: Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh, Bangladesh, Brunei và Sri Lanka
*4: Loại xe tại Singapore
*5: Loại xe tại Châu Đại Dương
*6: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*7: Loại xe tại Việt Nam
*8: Loại xe tại Châu Phi và Trung Đông
*9: Loại xe tại Pakistan
*10: Loại xe tại Châu Phi và Trung Đông có lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn
*11: Loại xe tại Châu Đại Dương có năm chỗ ngồi
*12: Loại xe năm chỗ ngồi ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương
*13: Loại xe tại Châu Đại Dương có bảy chỗ ngồi
*14: Các loại xe bảy chỗ ngồi ngoại trừ loại xe tại Châu Đại Dương
*15: Các loại xe năm chỗ ngồi
*16: Các loại xe bảy chỗ ngồi

## ■ Thông số kỹ thuật động cơ

| | |
|---|---|
| Loại | Động cơ DOHC 4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước |
| Đường kính x Hành trình piston | 73 × 89,5 mm |
| Dung tích | 1.498 $cm^3$ |
| Tỷ số nén | 10,3 : 1 |
| Bu-gi | NGK DILKAR8P8SY |
| Công suất tối đa[*1] | 142 kW (190 HP)/6.000 rpm |
| Mô-men xoắn tối đa[*1] | 243 N·m (24,8 kgf·m)/1.700-5.000 rpm |
| Tốc độ tối đa[*1] | 190 km/h |

*1: Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh và Iraq

## ■ Nhiên liệu

| | |
|---|---|
| Nhiên liệu: Loại | Loại xe tại Pakistan<br>Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2 mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên<br>Loại xe tại Singapore<br>Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên<br>Loại xe tại Đài Loan<br>Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên<br>Loại xe ở các quốc gia khác<br>Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên |
| Dung tích bình nhiên liệu | 57 L |

## ■ Ắc-quy

| | |
|---|---|
| Dung lượng | 48AH(5)/60AH(20)[*1]<br>36AH(5)/47AH(20)[*2] |

*1: Loại xe tại Đài Loan
*2: Ngoại trừ loại xe tại Đài Loan
Dừng động cơ tạm thời[*1]:
Ắc-quy lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời. Nếu bạn cần thay ắc-quy, hãy đảm bảo chọn loại ắc-quy được chỉ định (LN2 EFB).
Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

## ■ Nước rửa kính

| | |
|---|---|
| Dung tích bình chứa | 1,5 L |

## ■ Bóng đèn

| | |
|---|---|
| Đèn chiếu sáng (Chiếu gần) | LED |
| Đèn chiếu sáng (Chiếu xa) | LED |
| Đèn sương mù trước* | LED |
| Đèn xi nhan/Đèn định vị/ Đèn ban ngày | LED |
| Đèn xi nhan bên (trên gương cửa) | LED |
| Đèn phanh | LED |
| Đèn hậu | LED |
| Đèn xi nhan sau | LED |
| Đèn đánh dấu bên hông phía sau | LED |
| Đèn lùi | LED |
| Đèn sương mù sau* | LED |
| Đèn phanh cao | LED |
| Đèn biển số sau | LED |
| Đèn trong xe | |
| Đèn đọc sách phía trước | LED |
| Đèn đọc sách phía sau | LED |
| Đèn viền* | LED |
| Đèn chỗ để chân* | LED |
| Đèn gương cá nhân* | 1,4 W |
| Đèn bảng điều khiển trung tâm | LED |
| Đèn hộc đựng đồ* | LED |
| (Các) Đèn khoang hành lý | LED |
| Đèn hộp đựng đồ trung tâm | LED |
| Đèn tay nắm cửa bên trong* | LED |
| Đèn ngăn để cốc* | LED |

## ■ Điều hòa không khí

| | |
|---|---|
| Loại môi chất lạnh | HFC-134a (R-134a) |
| Khối lượng nạp | 520 - 570 g*1<br>690 - 740 g*2 |

*1: Các loại xe không có dàn lạnh phía sau
*2: Các loại xe có dàn lạnh phía sau

## ■ Dầu phanh

| | |
|---|---|
| Chỉ định | Dầu phanh đạt chuẩn DOT 3 hoặc DOT 4 |

## ■ Dầu hộp số vô cấp

| | | |
|---|---|---|
| Chỉ định | Honda HCF-2 | |
| Dung tích | Thay | 3,5 L*1<br>3,9 L*2 |

*1: Loại xe 2WD
*2: Loại xe AWD

## ■ Dầu động cơ

| | | |
|---|---|---|
| Khuyến nghị | Các loại xe có bộ lọc hạt xăng | Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil 0W-20<br>ACEA C2/C3/C5 0W-20, 0W-30, 5W-30 |
| | Các loại xe không có bộ lọc hạt xăng | Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil 0W-20, 0W-30, 5W-30<br>Dầu đạt API cấp SN hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA A5/B5<br>0W-20, 0W-30, 5W-30 |
| Dung tích | Thay | 3,2 L |
| | Thay cả lọc | 3,5 L |

Tham khảo trang sau để xác định xe bạn có được trang bị bộ lọc hạt xăng không.

➡ **Dầu động cơ khuyên dùng** Tr. 832

## ■ Dầu vi sai phía sau*

| | |
|---|---|
| Chỉ định | Honda DPSF-II |
| Dung tích | Thay 1,247 L |

## ■ Nước làm mát động cơ

| | |
|---|---|
| Chỉ định | Chất chống đông Honda Antifreeze/ Coolant Type2 dành cho mọi mùa |
| Tỷ lệ | 50/50 với nước cất |
| Dung tích | 5,93 L*1<br>(thay cả 0,61 L còn lại trong bình chứa)<br>5,94 L*2<br>(thay cả 0,61 L còn lại trong bình chứa)<br>6,02 L*3<br>(thay cả 0,61 L còn lại trong bình chứa) |

*1: Loại xe tại Đài Loan
*2: Loại vô lăng bên trái ngoại trừ các loại xe tại Đài Loan
*3: Loại vô lăng bên phải



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## ■ Lốp xe

| | | |
|---|---|---|
| Thường | Kích thước | 235/65R17 104H*1<br>235/60R18 103H*2<br>235/55R19 101Y*3 |
| | Áp suất | Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái |
| Lốp dự phòng cỡ nhỏ* | Kích thước | T155/90D17 112M |
| | Áp suất kPa (bar [psi]) | 420 kPa (4,2 bar, 60 psi) |
| Dự phòng* (Lốp kích cỡ tiêu chuẩn) | Kích thước | 235/65R17 104H*1<br>235/60R18 103H*2<br>235/55R19 101Y*3 |
| | Áp suất | Giống lốp thông thường. Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái |
| Kích thước bánh xe | Thường | 17X7 1/2J*1<br>18X7 1/2J*2<br>19X7 1/2J*3 |
| | Lốp dự phòng cỡ nhỏ* | 17X4T |
| | Dự phòng* (Lốp kích cỡ tiêu chuẩn) | 17X7 1/2J*1<br>18X7 1/2J*2<br>19X7 1/2J*3 |

*1: Loại xe có bánh xe 17 inch
*2: Loại xe có bánh xe 18 inch
*3: Loại xe có bánh xe 19 inch

## ■ Phanh

| Loại | Trợ lực |
|---|---|
| Trước | Đĩa thông gió |
| Sau | Đĩa đặc |
| Đỗ xe | Hệ thống phanh đỗ điện |

## ■ Kích thước xe

| | | |
|---|---|---|
| Chiều dài | | 4.690 mm*1<br>4.691 mm*2, *3, *4<br>4.704 mm*5<br>4.706 mm*6, *7, *8, *9 |
| Chiều rộng | | 1.866 mm |
| Chiều cao | | 1.674 mm*2, *10, *25<br>1.681 mm*3, *12, *14, *16, *18<br>1.684 mm*24<br>1.691 mm*11, *13, *15, *17, *21 |
| Chiều dài cơ sở | | 2.700 mm*11, *13, *15, *17, *21<br>2.701 mm*3, *12, *14, *16, *18, *20<br>2.702 mm*10, *19, *24, *25 |
| Vệt bánh xe | Trước | 1.608 mm*13, *17<br>1.611 mm*3, *14, *18<br>1.612 mm*10, *12, *19, *21, *22, *24, *25<br>1.613 mm*11, *20, *23 |
| | Sau | 1.623 mm*13, *17<br>1.627 mm*3, *14, *18<br>1.638 mm*11, *26<br>1.640 mm*12, *21, *24, *27<br>1.641 mm*10, *19, *20, *22, *25 |

*1: Loại xe tại Đài Loan
*2: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*3: Loại xe tại Việt Nam
*4: Loại xe tại Malaysia
*5: Loại xe tại Châu Đại Dương
*6: Loại xe tại Châu Phi và Trung Đông
*7: Loại xe tại Pakistan
*8: Loại xe tại Singapore
*9: Loại xe tại Mỹ La-tinh và Bangladesh, Brunei và Sri Lanka
*10:Loại xe tại Fiji
*11:Loại xe tại Malaysia với AWD
*12:Loại xe tại Malaysia với 2WD
*13:Loại xe tại Mỹ La-tinh và Đông Nam Á với AWD
*14:Loại xe tại Mỹ La-tinh và Đông Nam Á với 2WD
*15:Loại xe tại Úc và New Zealand với AWD
*16:Loại xe tại Úc và New Zealand với 2WD
*17:Loại xe tại Bahrain, Kuwait, Qatar, Ả Rập Xê-út với AWD
*18:Loại xe tại Bahrain, Kuwait, Qatar, Ả Rập Xê-út với 2WD
*19:Loại xe tại Philippines
*20:Loại xe tại Campuchia và Lào
*21:Loại xe tại Châu Phi và Jordan và Lebanon có lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn
*22:Loại xe tại Úc và New Zealand có bảy chỗ ngồi
*23:Loại xe tại Úc và New Zealand có năm chỗ ngồi
*24:Loại xe tại Iraq, Jordan, Lebanon, Oman, UAE và Yemen với AWD và lốp dự phòng 17 inch
*25:Loại xe tại Iraq, Jordan, Lebanon, Oman, UAE và Yemen với 2WD và lốp dự phòng 17 inch
*26:Loại xe tại Úc và New Zealand với AWD và năm chỗ ngồi
*27:Loại xe tại Úc và New Zealand với 2WD và năm chỗ ngồi

Loại xe tại Châu Đại Dương

## ■ Trọng lượng kéo tối đa

| | |
|---|---|
| Rơ moóc có phanh | 1.000 kg*1<br>1.500 kg*2 |
| Rơ moóc không có phanh | 600 kg |
| Tải trọng dọc trục tối đa cho phép tác dụng lên thiết bị móc kéo | 100 kg |

*1: Các loại xe bảy chỗ ngồi
*2: Các loại xe năm chỗ ngồi

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số

Xe bạn có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm. Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.

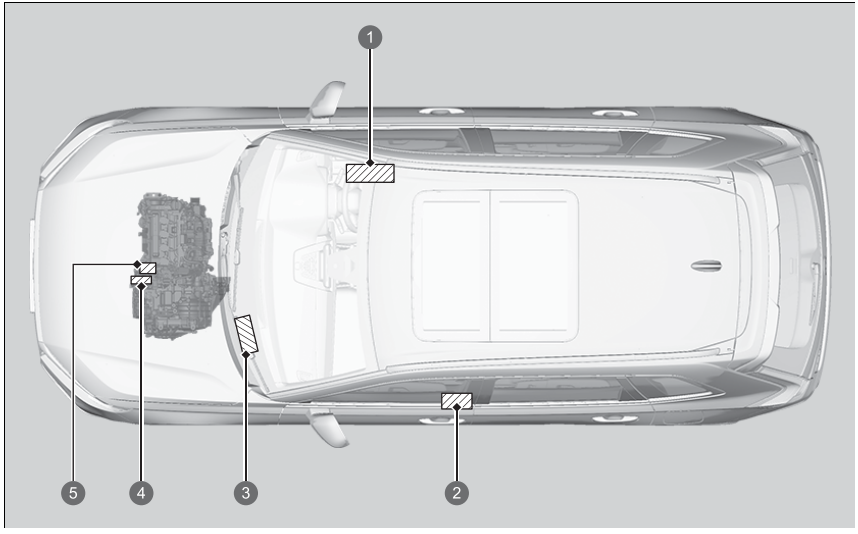


❶ Số nhận dạng xe
❷ Nhãn chứng nhận*/Số nhận dạng xe*/Bảng chứng nhận*
❸ Số nhận dạng xe*
❹ Số hộp số vô cấp
❺ Số máy

▶Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số

Số nhận dạng xe (VIN) nằm ở bên dưới nắp che.

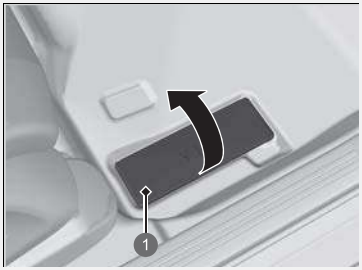


❶ Nắp che

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

## Quy định bảo vệ môi trường

Loại xe tại Đài Loan

CHÚ Ý

Ắc-quy đã qua sử dụng cần phải được thu gom để xử lý phù hợp với các quy định của Cục Bảo vệ Môi trường.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

# Thiết bị phát sóng radio*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng radio khi hoạt động.

Loại xe tại Antigua, Barbuda, Ai Cập, Qatar và Suriname

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa | |
|---|---|
| BCM | FOB |
| Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.<br>Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó. | Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.<br>Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó. |

Loại xe tại Ai Cập và Qatar

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa |
|---|
| Thẻ* |
| Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.<br>Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó. |

Loại xe tại Úc

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm |
|---|
| |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Benin

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm |
| --- |
| AGREE PAR L'ARCEP BENIN<br>Numéro d'agrément : 2022-160<br>Date d'agrément : 2022_05_24 |

Loại xe tại Ghana

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm |
| --- |
| NCA Approved: 7E6-M1-X9B-SRD |

Loại xe tại Grand Caymania

Hệ thống mở cửa không chìa khóa
BCM

*https://continental-homologation.com/honda*

CE

Bằng văn bản này, Continental Automotive GmbH tuyên bố rằng sản phẩm này [41580430] tuân thủ các yêu cầu cơ bản và các quy định liên quan khác của Chỉ Thị 2014/53/EU.
Toàn văn bản Tuyên bố hợp chuẩn của Liên minh Châu Âu có sẵn tại địa chỉ internet sau: https://continental-homologation.com/honda

Continental Automotive GmbH
Địa chỉ: Siemensstrasse 12
D-93055 Regensburg
Đức

Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa

- Băng tần: 125 KHz

- Đầu ra truyền tối đa: 10 mW

Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst

Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300
Aalst - Bỉ

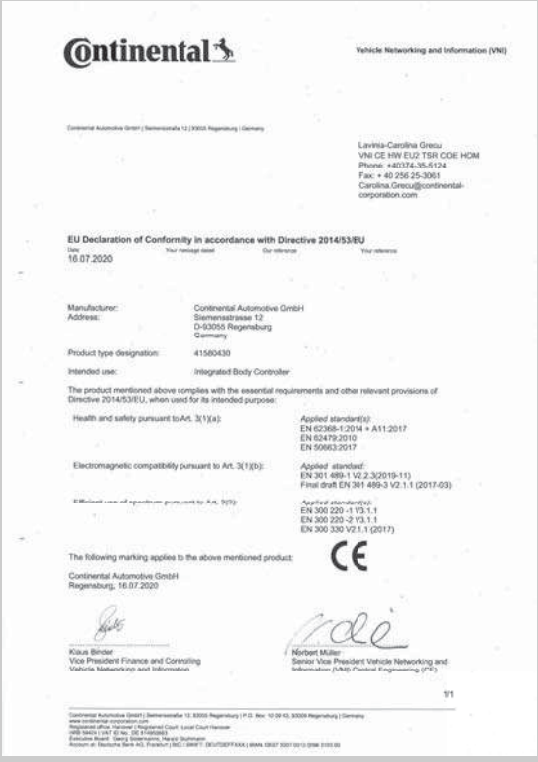

Continental

Vehicle Networking and Information (VNI)

Lavinia-Carolina Grecu
VNI CE HW EU2 TSR COE HOM
Phone: +40374-35-5124
Fax: + 40 256 25-3061
Carolina.Grecu@continental-corporation.com

**EU Declaration of Conformity in accordance with Directive 2014/53/EU**

16.07.2020

Manufacturer: Continental Automotive GmbH
Address: Siemensstrasse 12, D-93055 Regensburg, Germany

Product type designation: 41580430

Intended use: Integrated Body Controller

The product mentioned above complies with the essential requirements and other relevant provisions of Directive 2014/53/EU, when used for its intended purpose:

Health and safety pursuant to Art. 3(1)(a): Applied standard(s): EN 62368-1:2014 + A11:2017; EN 62479:2010; EN 50663:2017

Electromagnetic compatibility pursuant to Art. 3(1)(b): Applied standard: EN 301 489-1 V2.2.3(2019-11); Final draft EN 301 489-3 V2.1.1 (2017-03)

Applied standard(s): EN 300 220 -1 V3.1.1; EN 300 220 -2 V3.1.1; EN 300 330 V2.1.1 (2017)

The following marking applies to the above mentioned product: CE

Continental Automotive GmbH
Regensburg, 16.07.2020

Klaus Binder
Vice President Finance and Controlling

Norbert Müller
Senior Vice President Vehicle Networking and

1/1

Loại xe tại Grand Caymania

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa<br>FOB |
|---|
| *https://continental-homologation.com/honda*<br><br>CE<br><br>Bằng văn bản này, Continental Automotive GmbH tuyên bố rằng sản phẩm này [TP_4] tuân thủ các yêu cầu cơ bản và các quy định liên quan khác của Chỉ Thị 2014/53/EU.<br>Toàn văn bản Tuyên bố hợp chuẩn của Liên minh Châu Âu có sẵn tại địa chỉ internet sau: https://continental-homologation.com/honda<br><br>Continental Automotive GmbH<br>Địa chỉ: Siemensstrasse 12<br>D-93055 Regensburg<br>Đức<br><br>Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa<br><br>- Băng tần: 433,92 MHz<br><br>- Đầu ra truyền tối đa: 1 mW<br><br>Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst<br><br>Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300<br>Aalst - Bỉ |

Continental

Vehicle Networking and Information

Morar Petre Bogdan
VNI CE HW EU2 TSR COE HOM
Phone: + 40 374- 35-5511
Fax: + 40 374- 33-3001
petre-bogdan.morar@continental-corporation.com

Date 15.05.2020

**EU Declaration of Conformity in accordance with Directive 2014/53/EU**

Manufacturer: Continental Automotive GmbH
Address: Siemensstrasse 12, D-93055 Regensburg, Germany

Product type designation: TP_4

Intended use: Radio Frequency Transmitter used in vehicle locking/unlocking system

The product mentioned above complies with the essential requirements and other relevant provisions of Directive 2014/53/EU, when used for its intended purpose:

Health and safety pursuant to Art. 3(1)(a): Applied standard(s): EN 62368-1:2014+A11:2017, EN 62479:2010, EN 50663:2017

Electromagnetic compatibility pursuant to Art. 3(1)(b): Applied standard(s): DRAFT EN 301 489-1 V2.2.1(2019-03)

Efficient use of spectrum pursuant to Art. 3(2): EN 300 220 -1: V3.1.1, EN 300 220 -2: V3.1.1, EN 300 330 -V2.1.1 2017-02

The following marking applies to the above mentioned product: CE

Continental Automotive GmbH
Regensburg, 19.05.2020

Klaus Binder
Vice President Finance and Controlling
Central Engineering (CE)
Vehicle Networking and Information (VNI)

Norbert Müller
Senior Vice President
Central Engineering (CE)
Vehicle Networking and Information(VNI)

1/1

Loại xe tại Jamaica

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa | |
|---|---|
| BCM | FOB |
| Sản phẩm này đã được Jamaica phê duyệt kiểu loại: SMA - “41580430” trên sản phẩm | Sản phẩm này đã được Jamaica phê duyệt kiểu loại: SMA - “TP_4 ” trên sản phẩm |

Loại xe tại Nigeria

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa | | |
|---|---|---|
| BCM | FOB | Khóa thẻ từ* |
| 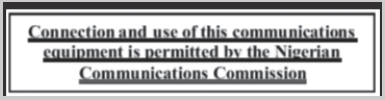  | 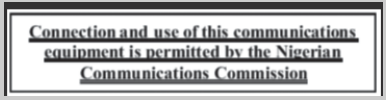  | 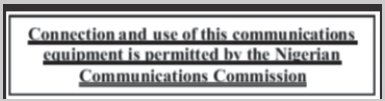  |

Loại xe tại Nigeria

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm | Hệ thống điện thoại rảnh tay |
|---|---|
| Việc kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này được Ủy ban Truyền thông Nigeria cho phép | Việc kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này được Ủy ban Truyền thông Nigeria cho phép |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Oman

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm |
| --- |
| OMAN TRA<br>R/7983/19<br>D172338 |
| Oman – TRA<br>D172338<br>R/13339/22 |

Loại xe tại Pakistan

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm |
| --- |
| Approved by PTA<br>TAC NO: 9.243/2023<br>PTA |

Loại xe tại Philippines

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa | |
| --- | --- |
| BCM | FOB |
| Số ESD-RCE-2023291 | Số ESD-RCE-2022596C |
| NTC<br>Type Accepted | NTC<br>Type Accepted |

Loại xe tại Singapore

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa | | |
|---|---|---|
| BCM | FOB | Khóa thẻ từ* |
| Complies with IMDA Standards DB106440 | Complies with IMDA Standards DB106440 | **Complies with IMDA Standards DA107974** |

Loại xe tại Singapore

| Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm |
|---|
| Complies with IMDA Standards DA01740A |



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Đài Loan

| Sạc USB | |
|---|---|
| http://www.alpine.com/e/RoHS/UCU.pdf | |
| **D74006** **RoHS(Pb)** | |
| (1 Port USB CHARGER) | (2 Port USB CHARGER) |
| 最大額定電流 3.0 A | 最大額定電流 6.0 A |
| 12.0 V 直流電源； 負極接地 | 12.0 V 直流電源； 負極接地 |
| 12.0 V 3.0 A MAX | 12.0 V 6.0 A MAX |

## Thiết bị phát sóng radio*

Loại xe tại Đài Loan

低功率射頻器材技術規範 章節3.8.2警語

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất

| Hệ thống mở cửa không chìa khóa | | |
|---|---|---|
| BCM | FOB | Khóa thẻ từ* |
| TRA<br>SỐ ĐĂNG KÝ : ER88345/20<br>MÃ SỐ ĐẠI LÝ: DA36975/14 | TRA<br>SỐ ĐĂNG KÝ : ER81325/20<br>MÃ SỐ ĐẠI LÝ: DA36975/14 | TRA<br>SỐ ĐĂNG KÝ : ER02042/21<br>MÃ SỐ ĐẠI LÝ: DA83384/19 |

Loại xe tại các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất

Kiểm soát hành trình thích ứng/Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm

Loại xe tại các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất

Bộ sạc không dây*

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất

| Hệ thống điện thoại rảnh tay |
| --- |
| Tên ID đại lý chế độ: 0034163/10<br>TARTTE: ER10553/22 |

Loại xe tại các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất

| Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)* |
| --- |
| |



 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Việt Nam

**1. Gương chiếu hậu xe ô tô – Gương trong**

**2. Kính an toàn xe ô tô**

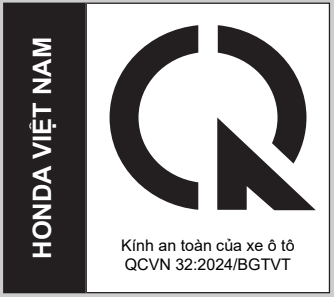


**3. Thùng nhiên liệu xe ô tô**

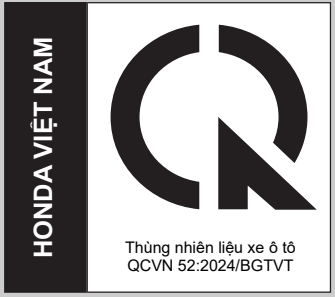


**4. Ô tô con**

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*Còn nữa* 

# Giấy phép mã nguồn mở

**■ Giấy phép mã nguồn mở cho đồng hồ đo**

Phần mềm được nhúng trong sản phẩm này là phần mềm mã nguồn mở. Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thông tin chi tiết về phần mềm mã nguồn mở.
*https://www.nippon-seiki.co.jp/global/business_ic_meter/*

**■ Giấy phép mã nguồn mở cho TCU***

Ngoại trừ Màn hình giải trí có tích hợp Google

Thông tin phần mềm mã nguồn mở/miễn phí
Xe này có Phần mềm mã nguồn mở/miễn phí (FOSS).
Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.
*https://www.denso.com/global/en/opensource/tcu/honda/*

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Để lấy mã nguồn có trong sản phẩm này, theo GPL, LGPL, MPL và các giấy phép mã nguồn mở khác có nghĩa vụ công bố mã nguồn và để truy cập tất cả các điều khoản giấy phép được đề cập, thông báo bản quyền và các tài liệu liên quan khác, vui lòng truy cập *https://opensource.lge.com*. LG Electronics cũng sẽ cung cấp mã nguồn mở cho bạn trên đĩa CD-ROM kèm theo một khoản phí (như chi phí phương tiện, vận chuyển và xử lý) theo email yêu cầu được gửi tới opensource@lge.com. Bất kỳ ai nhận được thông tin này trong thời hạn ba năm tính từ lần cuối giao xe này đều có thể thực hiện như trên.

**■ Giấy phép mã nguồn mở cho Camera đa hướng***

Thông tin phần mềm mã nguồn mở/miễn phí
Xe này có Phần mềm mã nguồn mở/miễn phí (FOSS).
Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.
*http://car.panasonic.jp/oss/n03pkdl6*





* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

**■ Giấy phép mã nguồn mở cho camera cảm biến phía trước**

“Sản phẩm bao gồm mã được công bố công khai: https://www.jonolick.com/uploads/7/9/2/1/7921194/jo_jpeg.cpp
Mã được dựa trên https://github.com/jpeg-js/jpeg-js/blob/master/lib/encoder.js
Bản quyền (c) 2008, Adobe Systems Incorporated

Bảo lưu mọi quyền.

Việc phân phối lại và sử dụng dưới dạng mã nguồn và dạng nhị phân, có hoặc không có sửa đổi, được phép với điều kiện đáp ứng các yêu cầu sau:

* Việc phân phối lại mã nguồn phải giữ nguyên thông báo bản quyền ở trên, danh sách các điều kiện này và tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây.

* Việc phân phối lại dưới dạng nhị phân phải sao chép lại thông báo bản quyền ở trên, danh sách các điều kiện này và tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây trong tài liệu và/hoặc các tài liệu khác đi kèm với bản phân phối.

* Tên của Adobe Systems Incorporated cũng như tên của các cộng tác viên không được sử dụng để chứng thực hoặc quảng bá các sản phẩm được phát triển từ phần mềm này nếu không có sự cho phép bằng văn bản trước đó.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI CÁC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN VÀ CÁC CỘNG TÁC VIÊN “NGUYÊN TRẠNG” VÀ MỌI BẢO HÀNH RÕ RÀNG HOẶC NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO HÀNH NGỤ Ý VỀ KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỀU BỊ TỪ CHỐI. TRONG BẤT KỲ TRƯỜNG HỢP NÀO, CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN HOẶC CÁC CỘNG TÁC VIÊN KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT KỲ THIỆT HẠI TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, MẪU MỰC HOẶC HỆ QUẢ NÀO (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở VIỆC MUA SẮM HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN; HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) DÙ BẰNG NGUYÊN NHÂN NÀO VÀ TRÊN BẤT KỲ LÝ THUYẾT TRÁCH NHIỆM NÀO, DÙ LÀ TRONG HỢP ĐỒNG, TRÁCH NHIỆM NGHIÊM NGẶT, HAY VI PHẠM DÂN SỰ (BAO GỒM SƠ SUẤT HOẶC HÌNH THỨC KHÁC) PHÁT SINH BẰNG BẤT KỲ CÁCH NÀO TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, NGAY CẢ KHI ĐÃ ĐƯỢC CẢNH BÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA THIỆT HẠI NHƯ VẬY.
*/
/*

## Số

Chế độ sang số tay 7 cấp ..... 625

## A

ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)..... 774
An toàn cho trẻ em..... 81
Khóa cửa an toàn cho trẻ em..... 234
Áp suất lốp..... 849, 942
AWD (Dẫn động bốn bánh)..... 655
Ắc-quy
Bảo dưỡng (Kiểm tra ắc-quy)..... 855
Bảo dưỡng (Thay thế)..... 859
Đèn báo hệ thống sạc..... 141, 914
Nếu ắc-quy hết điện..... 906
Ắc-quy hết điện..... 906

## B

Bảng điều khiển..... 135
Bảng thông số kỹ thuật dầu bôi trơn..... 941
Bảo dưỡng..... 811
An toàn..... 813
Ắc-quy..... 855
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa..... 859
Bổ sung nước làm mát..... 836
Các biện pháp phòng ngừa..... 812
Dầu hộp số..... 839
Dầu phanh..... 840
Dầu..... 834
Dưới nắp ca-pô..... 829
Điều hoà không khí..... 862
Hệ thống giám sát dầu..... 815
Lịch bảo dưỡng..... 822
Lốp..... 849
Nước làm mát..... 836
Thay bóng đèn..... 842
Vệ sinh..... 865
Biện pháp phòng ngừa khi lái xe..... 617
*Bluetooth*® Âm thanh..... 348, 429, 521
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa..... 229
Bộ sạc không dây..... 319
Bổ sung
Dầu động cơ..... 835
Nước làm mát..... 836
Rửa kính..... 841
Bộ sưởi (Ghế trước)..... 323
Bộ sưởi ghế trước..... 323
Bộ sưởi ghế..... 323
Bu-gi..... 940

## C

Cài đặt đồng hồ..... 218
Cài đặt hồ sơ..... 539
Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình..... 168, 197
Cài đặt màn hình hiển thị..... 341, 406
Cài đặt..... 183
Cảm biến nhiệt độ..... 162, 330
Camera cảm biến phía trước..... 763
Camera đa hướng..... 791
Camera lùi đa hướng..... 789
Cảnh báo áp suất dầu thấp..... 913
Cảnh báo tốc độ..... 172, 201
Cảnh báo..... 182, 211
Cần chọn số..... 29
Cần gạt nước gián đoạn tự động..... 273
Cần gạt nước và rửa kính..... 272
Gạt tự động ngắt quãng..... 273
Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước..... 845
Sau..... 274
Cần số..... 29
Không gạt được cần số..... 909
Nhả..... 909
Cập nhật hệ thống..... 407, 504
Cầu chì..... 920
Kiểm tra và thay thế..... 925
Vị trí..... 920, 922, 924
CMBS (Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm Hệ thống)..... 677
Công tắc
(Xung quanh vô lăng)..... 6, 7, 8, 257
Công tắc đèn đọc sách..... 304
Cổng USB..... 338, 391, 488
Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)..... 933
Cuộc gọi khẩn cấp tự động..... 933
Cuộc gọi khẩn cấp thủ công..... 935
Cửa hậu điện..... 238
Cửa hậu..... 236
Không thể mở..... 931
Cửa kính (Mở và đóng)..... 249
Cửa kính điện..... 249
Cửa nạp nhiên liệu..... 807, 929

Cửa sổ trời toàn cảnh ..... 253
Cửa ..... 219
Chìa khóa ..... 219
Hệ thống chống khóa cửa ..... 231
Khóa cửa tự động ..... 235
Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài ..... 223
Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong ..... 232
Mở khóa cửa tự động ..... 235
Thông báo mở cửa và/hoặc cửa hậu ..... 46
Cường độ tín hiệu chìa khóa điều khiển từ xa/ khóa thẻ từ yếu ..... 222
Chăm sóc ngoại thất (Vệ sinh) ..... 868
Chất phụ gia, dầu động cơ ..... 832
Chìa khóa ..... 219
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa ..... 229
Cửa sau không mở ..... 234
Chống khóa cửa ..... 231
Thẻ mã số ..... 221
Chiếu hậu trong xe ..... 279, 280
Chống khóa cửa không chìa khóa ..... 231
Chức năng phanh hỗ trợ khởi động ..... 634
Chức năng tự động cụp gương cửa
Chức năng ..... 282
Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái ..... 173, 202

## D

DAB ..... 419
Dầu
Hộp số vô cấp ..... 839
Nước làm mát động cơ ..... 836
Nước rửa kính chắn gió ..... 841
Phanh ..... 840
Dầu (Động cơ) ..... 832
Bổ sung ..... 835
Cảnh báo áp suất dầu thấp ..... 913
Dầu động cơ khuyên dùng ..... 832
Độ nhớt ..... 832
Kiểm tra ..... 834
Dầu động cơ ..... 832
Bổ sung ..... 835
Cảnh báo áp suất dầu thấp ..... 913
Dầu động cơ khuyên dùng ..... 832
Kiểm tra ..... 834
Dây an toàn (Ghế) ..... 47
Dây đai an toàn ..... 47
Đèn cảnh báo ..... 50, 142
Điều chỉnh móc neo vai ..... 55
Kiểm tra ..... 59
Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em bằng Dây đai an toàn Hông/Vai ..... 122
Nhắc nhở ..... 50
Phụ nữ mang thai ..... 58
Thắt ..... 53
Dụng cụ sửa chữa tạm thời (TRK) ..... 875
Dụng cụ ..... 874
Dừng động cơ khẩn cấp ..... 905
Dừng ..... 777
Đài (FM/AM) ..... 342, 414
Đài (FM/AM) ..... 507, 512
Đài AM/FM ..... 342, 414, 507, 512
Đài AM/FM ..... 342, 414, 507, 512
Đạp hết ga ..... 619
Đèn ban ngày ..... 266
Đèn báo áp suất lốp/TPMS thấp ..... 918
Đèn báo chế độ ECON ..... 149
Đèn báo chiếu xa ..... 147
Đèn báo eCall ..... 933
Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/ xẹp lốp ..... 919
Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động
Đèn báo ..... 140
Đèn báo hệ thống sạc ..... 141, 914
Đèn báo nhiên liệu thấp (màu hổ phách) ..... 142
Đèn báo nhiệt độ thấp ..... 143
Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) ..... 138, 139, 915, 916
Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) ..... 140, 916
Đèn báo sự cố ..... 141, 914
Đèn báo thông báo hệ thống ..... 150
Đèn báo vị trí số ..... 141, 621, 623
Đèn báo xin vượt ..... 261
Đèn báo ..... 136
Áp suất lốp thấp/TPMS ..... 145, 656
Cảm biến đỗ ..... 150
Cảnh báo hệ thống an ninh ..... 149
Chế độ ECON ..... 149, 627
Chiếu xa ..... 147
Đèn báo cảnh báo tốc độ ..... 150
Đèn báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)/ Số ..... 141

Đèn báo sự cố ..... 141
Đèn bật ..... 147
Đèn pha thích ứng tự động ..... 147
Đèn sương mù sau ..... 147
Đèn sương mù trước ..... 147
Giữ phanh tự động ..... 140, 772
Hệ thống bảo vệ phụ trợ ..... 143
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/ Xẹp lốp ..... 146, 659
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) .. 143
Hệ thống chống nổ máy ..... 148
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách) ..... 155
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường (màu xám) ..... 155
Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh (màu trắng/màu xanh lục) ..... 153
Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh (màu trắng/màu xanh lục) ..... 153
Hệ thống giữ phanh tự động ..... 140, 771
Hệ thống hỗ trợ đổ đèo (Màu trắng/màu xanh lục) ..... 149
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu trắng/màu xanh lục) ..... 154
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu hổ phách) ..... 154
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) Hệ thống ..... 144, 652
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách) ..... 154
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu xám) ..... 154
Hệ thống sạc ..... 141
Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu hổ phách) ..... 151
Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu xanh lục) ..... 151
Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) Hệ thống ..... 143
Hệ thống truyền động ..... 141
Hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) ..... 156
Hỗ trợ an toàn (màu xanh lục/màu xám) 159
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (màu hổ phách) ... 153
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp (màu trắng/màu xanh lục) ..... 153
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm khoảng thời gian Dải tốc độ thấp ... 154, 707
Ngừng hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời ..... 152
Nhắc nhở thắt dây đai an toàn ..... 142
Nhiên liệu thấp (màu hổ phách) ..... 142
Nhiệt độ thấp ..... 143
Phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) ..... 140, 916
Phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) ..... 138, 139, 915, 916
TẮT hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) 144, 653
TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời ..... 151
TẮT tính năng tự động hỗ trợ lái của hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ..... 155
Thông báo hệ thống ..... 150
Vị trí số ..... 141
Xi nhan và cảnh báo nguy hiểm ..... 147
Đèn cảnh báo sáng/nhấp nháy ..... 913
Đèn chiếu sáng ..... 261
Đèn pha thích ứng tự động ..... 269
Điều chỉnh ..... 267
Hiệu chỉnh ..... 842
Làm mờ ..... 261
Vận hành ..... 261
Đèn pha thích ứng tự động ..... 269
Đèn báo ..... 147
Đèn sương mù ..... 264
Đèn trong xe ..... 303
Đèn ..... 261, 842
Công tắc đèn ..... 261
Đèn ban ngày ..... 266
Đèn báo chiếu xa ..... 147
Đèn báo đèn bật ..... 147
Đèn pha thích ứng tự động ..... 269
Đèn sương mù trước ..... 264
Đèn sương mù ..... 264
Đèn trong xe ..... 303
Thay bóng đèn ..... 842
Điểm kê ..... 894
Điện thoại ..... 171
Điều chỉnh
Âm thanh ..... 340, 405
Đèn chiếu sáng ..... 267
Đồng hồ ..... 218
Ghế trước ..... 283

Gương ..... 279
Hàng ghế thứ ba ..... 293
Hàng ghế thứ hai ..... 288
Tựa đầu ..... 297
Tựa tay ..... 301
Vô lăng ..... 278
Điều chỉnh (và Phụ kiện) ..... 871
Điều khiển âm thanh từ xa ..... 339, 392, 489
Điều khiển ..... 217
Điều khiển phanh ở tốc độ thấp ..... 691
Định vị ..... 171, 200
Độ nhớt (Dầu) ..... 832, 941
Động cơ
Dầu ..... 832
Khởi động ..... 611
Nếu ắc-quy hết điện ..... 906
Số máy ..... 943
Đồng hồ đo hành trình ..... 168, 197
Đồng hồ đo tốc độ động cơ ..... 160
Đồng hồ đo tốc độ ..... 160
Đồng hồ đo ..... 160
Đồng hồ ..... 218
Đồng hồ, đồng hồ đo ..... 160

## G

Gập hàng ghế thứ ba xuống ..... 294
Gập hàng ghế thứ hai xuống
Ghế ..... 290, 291
Ghế lót đặc biệt (dành cho trẻ em) ..... 131
Ghế sau
Hàng ghế thứ ba ..... 293
Hàng ghế thứ hai ..... 288
Ghế trước ..... 283
Điều chỉnh ..... 284
Ghế ..... 283
Bộ sưởi ghế ..... 323
Điều chỉnh ..... 283
Ghế trước ..... 283
Hàng ghế thứ ba ..... 293
Hàng ghế thứ hai ..... 288
Gương bên ngoài ..... 281
Gương cá nhân ..... 11
Gương cửa ..... 281
Gương chiếu hậu ..... 279, 280
Gương ..... 279
Cửa ..... 281
Điều chỉnh ..... 279
Gương chiếu hậu trong xe ..... 279, 280
Giám sát phân phối mô-men AWD
Giám sát ..... 177, 206
Giấy phép mã nguồn mở TCU ..... 956
Giấy phép mã nguồn mở ..... 589, 956
Giới hạn tải trọng ..... 601
Giữ phanh tự động ..... 771
Đèn báo ..... 140, 771

## H

Hàng ghế thứ ba (Gập xuống) ..... 294
Hàng ghế thứ hai (Gập xuống) ..... 290
Hành lý (Giới hạn tải trọng) ..... 601
Hệ dẫn động bốn bánh (AWD) thời gian thực
với hệ thống điều khiển thông minh ..... 655
Hệ thống an ninh ..... 247
Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh ..... 149
Đèn báo hệ thống chống nổ máy ..... 148
Hệ thống âm thanh ..... 334
Cách cập nhật bằng thiết bị USB ..... 410
Cách cập nhật không dây ..... 409, 505
Cách cập nhật ..... 407
Cài đặt cập nhật hệ thống ..... 408, 506
Cài đặt đồng hồ ..... 402, 499
Cài đặt hình nền ..... 403, 500
Cài đặt hồ sơ ..... 539
Cài đặt màn hình hiển thị ..... 341, 406, 503
Cập nhật hệ thống ..... 407, 504
Cổng USB ..... 338, 391, 488
Chọn nguồn âm thanh ..... 401, 498
Chức năng hệ thống âm thanh ..... 336, 389
Chức năng phím tắt ứng dụng ..... 396
DAB ..... 419
Điều chỉnh âm thanh ..... 340, 405, 502
Hạn chế khi vận hành thủ công ..... 370, 466
Hệ thống dữ liệu radio (RDS) ..... 417
Kết nối Wi-Fi ..... 432, 524
Khởi động ..... 388, 484
Màn hình âm thanh/thông tin ..... 492
MP3/WMA/AAC ..... 346, 425
Ổ USB flash ..... 425, 518, 582
Tích hợp Google ..... 533
Tính năng tùy chỉnh ..... 540
Thông báo lỗi ..... 578

Thông tin chung ..... 580
Thông tin người dùng ..... 535
Ứng dụng Android Auto™ ..... 529
Ứng dụng Apple CarPlay ..... 525
Vận hành cơ bản ..... 336, 389, 486
Vùng trạng thái ..... 401, 497
Hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS) ..... 64
Hệ thống cảm biến đỗ ..... 779
Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường 785
Hệ thống cảnh báo xẹp lốp ..... 659
Đèn báo ..... 918, 919
Khởi tạo ..... 660
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) ..... 774
Đèn báo ..... 143
Hệ thống chống khóa cửa ..... 231
Hệ thống chống nổ máy ..... 247
Đèn báo ..... 148
Hệ thống dẫn động bốn bánh (AWD) ..... 655
Hệ thống dữ liệu radio (RDS) ..... 417, 510
Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) ..... 561
Cài đặt điện thoại ..... 566
Danh mục HFT ..... 563
Hạn chế khi vận hành thủ công ..... 562
Liên hệ yêu thích ..... 571
Màn hình trạng thái HFT ..... 562
Nút HFT ..... 561
Nhạc chuông ..... 570
Nhận cuộc gọi ..... 576
Tạo cuộc gọi ..... 573
Tùy chọn khi đang gọi ..... 577
Tự động chuyển cuộc gọi ..... 570
Tự động nhập danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi ..... 569
Hệ thống điện thoại rảnh tay ..... 368, 463
Cài đặt điện thoại ..... 373, 470
Danh mục HFT ..... 371, 467
Hạn chế khi vận hành thủ công ..... 370, 466
Liên hệ yêu thích ..... 381, 475
Màn hình cài đặt điện thoại ..... 469
Màn hình trạng thái HFT ..... 370, 465
Nút HFT ..... 368, 463
Nhạc chuông ..... 378, 474
Nhận cuộc gọi ..... 386, 481
Tạo cuộc gọi ..... 383, 479
Tùy chọn khi đang gọi ..... 387, 482
Tự động chuyển cuộc gọi ..... 378, 474
Tự động nhập danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây ..... 380, 473
Hệ thống điều hòa không khí (Hệ thống điều hòa không khí) ..... 325
Cảm biến ..... 330
Chế độ đồng bộ hóa ..... 329
Chế độ tuần hoàn gió/Lấy gió ngoài ..... 327
Làm tan sương kính chắn gió và Cửa kính ..... 328
Lọc gió điều hoà ..... 862
Sử dụng điều hòa không khí tự động ..... 325
Thay đổi chế độ ..... 327
Hệ thống điều hòa không khí ..... 325
Cảm biến ..... 330
Chế độ đồng bộ hóa ..... 329
Chế độ tuần hoàn gió/Lấy gió ngoài ..... 327
Làm tan sương kính chắn gió và Cửa kính ..... 328
Lọc gió điều hoà ..... 862
Sử dụng điều khiển không khí tự động ..... 325
Thay đổi chế độ ..... 325
Hệ thống EPS (Trợ lực lái điện) ..... 917
Hệ thống ghế an toàn trẻ em ..... 81
Chọn hệ thống ghế an toàn trẻ em ..... 87
Ghế lót đặc biệt ..... 131
Hệ thống ghế an toàn trẻ em dành cho trẻ nhỏ ..... 86
Hệ thống ghế an toàn trẻ em dành cho trẻ sơ sinh ..... 84
Hệ thống ghế an toàn trẻ em quay mặt về phía sau ..... 84
Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn trẻ em bằng Dây đai an toàn Hông/Vai ..... 122
Sử dụng dây thắt ..... 125
Trẻ lớn ..... 130
Hệ thống ghi nhớ vị trí lái xe ..... 276
Hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS) ..... 656
Đèn báo ..... 145
Hệ thống giám sát dầu ..... 815
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường (màu xám) ..... 155
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ..... 697
Bật và Tắt ..... 702
Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh 637
Đèn báo ..... 153
Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh ..... 644

Hệ thống giới hạn tốc độ, có thể điều chỉnh 637
Hệ thống giới hạn tốc độ, thông minh ..... 644
Đèn báo ..... 153
Hệ thống hỗ trợ đỗ đèo ..... 635
Đèn báo ..... 149
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ..... 729
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc ..... 616
Hệ thống hỗ trợ lái xe khi tắc đường ..... 742
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) ..... 652
Đèn báo hệ thống ..... 144
Đèn báo TẮT ..... 144
Nút OFF ..... 653
Hệ thống màn hình giải trí ..... 388
Hệ thống mở cửa không chìa khóa ..... 223
Hệ thống nhận dạng biển báo giao thông . 756
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám) ..... 154
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) ..... 677
Hệ thống phanh ..... 767
Dầu ..... 840
Đèn báo (màu đỏ) ..... 138, 139, 915, 916
Đèn báo (màu hổ phách) ..... 140, 916
Giữ phanh tự động ..... 771
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) . 774
Hệ thống hỗ trợ phanh ..... 775
Phanh chân ..... 770
Phanh đỗ ..... 767
Hệ thống rửa kính ..... 272
Bổ sung/đổ đầy nước rửa kính ..... 841
Công tắc ..... 272
Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời . 628
Nút OFF ..... 630
Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành Hệ thống ..... 751
Hệ thống thông tin điểm mù ..... 665
Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)
Đèn báo ..... 143, 917
HFT (Điện thoại rảnh tay) ..... 368, 463, 561
Hiển thị nhiệt độ ngoài trời ..... 162
Hình nền ..... 403, 500
Honda SENSING ..... 33, 674
Hỗ trợ an toàn ..... 178, 207
Hỗ trợ xử lý nhanh ..... 654
Hộc đựng đồ ..... 306
Hộc giữ cốc ..... 308
Hộc giữ cốc ..... 308
Hộp đựng đồ trung tâm ..... 307
Hộp số vô cấp
Dầu ..... 839
Đạp hết ga ..... 619
Không gạt được cần số ..... 909
Sang số ..... 620, 622
Vận hành cần số ..... 29, 621, 623
Xe chuyển động từ từ ..... 619
Hộp số ..... 619, 620, 622
Chế độ sang số tay 7 cấp ..... 625
Dầu ..... 839
Đạp hết ga ..... 619
Đèn báo vị trí số ..... 141, 621, 623
Không gạt được cần số ..... 909
Số máy ..... 943
Xe chuyển động từ từ ..... 619
Hướng dẫn lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa ..... 609

## K

Kéo rơ moóc ..... 602
Giới hạn tải trọng ..... 602
Thiết bị và phụ kiện ..... 604
Kéo xe của bạn
Khẩn cấp ..... 928
Kéo xe khẩn cấp ..... 928
Két nước ..... 838
Kết nối Wi-Fi ..... 432, 524
Kích nổ ..... 906
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp ..... 153, 707
Kiểm tra an toàn ..... 46
Kính (chăm sóc) ..... 866, 869
Kính chắn gió
Cần gạt nước và rửa kính ..... 272
Lưỡi gạt nước ..... 845
Nước rửa kính ..... 841
Tan băng/Tan sương ..... 275, 328
Vệ sinh ..... 866, 869
Khí carbon monoxide ..... 133
Khóa cửa an toàn cho trẻ em ..... 234
Khóa/Mở khóa ..... 219
Chìa khóa ..... 219
Khóa cửa an toàn cho trẻ em ..... 234
Khóa/Mở khóa cửa tự động ..... 235

Sử dụng chìa khóa ..... 230
Từ bên ngoài ..... 223
Từ bên trong ..... 232
Khôi phục tất cả cài đặt về thiết lập mặc định ..... 367, 462, 560
Không có nội dung ..... 180
Khởi động động cơ
Không khởi động ..... 900
Nếu ắc-quy hết điện ..... 906
Khởi động động cơ khẩn cấp ..... 904
Khu vực lưu trữ dưới sàn xe ..... 313

## L

Lái xe an toàn ..... 41
Lái xe ..... 597
Hộp số vô cấp ..... 619
Khởi động động cơ ..... 611
Phanh ..... 767
Vị trí sang số ..... 620, 622
Làm mờ
Đèn chiếu sáng ..... 261
Gương chiếu hậu ..... 279, 280
Làm tan sương kính chắn gió và Cửa kính ..... 328
Lẫy sang số (Chế độ sang số tay 7 cấp) ..... 625
Lọc
Lọc gió điều hòa ..... 862
Lọc gió điều hoà ..... 862
Lối vào hàng ghế thứ ba ..... 292
Lốp mòn ..... 849
Lốp mùa đông ..... 854
Xích bọc lốp ..... 854
Lốp ..... 849
Áp suất lốp ..... 942
Đảo lốp ..... 852
Kiểm tra và bảo dưỡng ..... 849
Kiểm tra ..... 849
Lốp mùa đông ..... 854
Thủng/Xẹp lốp ..... 888
Vạch báo độ mòn ..... 850
Xích bọc lốp ..... 854
Lựa chọn hệ thống ghế an toàn trẻ em ..... 87

## M

Màn hình âm thanh màu ..... 336
Màn hình âm thanh/thông tin ..... 395, 492
Màn hình giải trí ..... 484
Màn hình giao diện thông tin cho người lái ..... 165, 191, 194
Chuyển đổi màn hình hiển thị ..... 165, 194
Màn hình hiển thị trên kính chắn gió ..... 212
Màn hình tùy chỉnh ..... 182, 210
Mang theo hành lý ..... 599, 601
Móc neo phía dưới ..... 115
Móc neo vai ..... 55
Móc treo áo khoác ..... 310
Móc treo đồ ..... 311
Mở khóa cửa ..... 223
Mở/Đóng
Cửa hậu ..... 236
Cửa kính điện ..... 249
Cửa sổ trời toàn cảnh ..... 253
Nắp ca-pô ..... 830
MP3 ..... 346, 425

## N

Nạp ắc-quy yếu điện ..... 914
Nạp nhiên liệu ..... 805
Đèn báo nhiên liệu thấp (màu hổ phách) 142
Đồng hồ đo nhiên liệu ..... 161
Xăng ..... 805, 940
Nắp bình nhiên liệu ..... 807
Nếu bạn không thể mở được cửa hậu ..... 931
Núm chọn (âm thanh) ..... 337
Nút cảnh báo nguy hiểm ..... 6, 7
Nút ECON ..... 627
Nút ENGINE START/STOP ..... 257
Nút hủy SOS ..... 935
Nút sấy kính sau ..... 275
Nút SOS ..... 935
Nước làm mát (Động cơ)
Bổ sung nước làm mát ..... 836
Quá nhiệt ..... 911
Nước làm mát động cơ
Bổ sung nước làm mát ..... 836
Đồng hồ đo nhiệt độ ..... 161
Quá nhiệt ..... 911
Ngăn đựng kính râm ..... 312
Nguy hiểm do khí xả

(Khí carbon monoxide) ..... 133
Nhãn an toàn ..... 134
Nhãn cảnh báo ..... 134
Nhãn chứng nhận ..... 943
Nhiên liệu chỉ định ..... 805, 940
Nhiên liệu ..... 31, 805
Đèn báo nhiên liệu thấp (màu hổ phách) 142
Đồng hồ đo ..... 161
Khuyên dùng ..... 805
Nạp nhiên liệu ..... 805
Quãng đường ..... 168, 197
Tiết kiệm nhiên liệu tức thời ..... 168, 197
Tiết kiệm nhiên liệu trung bình ..... 168, 197
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải $CO_2$ 809
Nhiệt độ
Đồng hồ đo ..... 161
Hiển thị nhiệt độ ngoài trời ..... 162

## O

Oát ..... 941
Ổ cắm điện phụ kiện ..... 317
Ổ USB flash ..... 346, 425, 518, 582

## P

Phanh chân ..... 770
Phanh đỗ ..... 767
Phát âm thanh *Bluetooth*® ..... 348, 429, 521
Phụ kiện và điều chỉnh ..... 871
Phụ nữ mang thai ..... 58

## Q

Quá nhiệt ..... 911
Quan sát làn đường ..... 669
Quãng đường ..... 168, 197
Que thăm (Dầu động cơ) ..... 834
Quy định ..... 945

## R

RDS (Hệ thống dữ liệu radio) ..... 417, 510

## S

Sang số (Hộp số) ..... 620, 622
Sấy kính ..... 275
Siri Eyes Free ..... 352
Số (Nhận dạng) ..... 943
Số nhận dạng xe ..... 943
Số nhận dạng ..... 943
Số máy và Số hộp số ..... 943
Số nhận dạng ..... 943
Sửa chữa lốp xẹp tạm thời ..... 875

## T

Tích hợp Google ..... 533
Tiết kiệm nhiên liệu tức thời ..... 168, 197
Tiết kiệm nhiên liệu trung bình ..... 168, 197
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải $CO_2$ 809
Tín hiệu dừng khẩn cấp ..... 776
Tính năng ..... 333
Tốc độ trung bình ..... 170, 199
TPMS
(Hệ thống giám sát áp suất lốp) ..... 656
Đèn báo ..... 145
Túi khí bên ..... 73
Túi khí đầu gối ..... 67
Túi khí rèm bên ..... 76
Túi khí SRS (Túi khí) ..... 64
Túi khí trung tâm ..... 71
Túi khí trước (SRS) ..... 64
Túi khí ..... 62
Cảm biến ..... 62
Đèn báo ..... 78, 143
Kiểm tra và thay thế túi khí ..... 79
Sau va chạm ..... 64
Túi khí bên ..... 73
Túi khí đầu gối ..... 67
Túi khí rèm bên ..... 76
Túi khí trung tâm ..... 71
Túi khí trước (SRS) ..... 64
Thiết bị ghi dữ liệu sự kiện ..... 1
Tùy chỉnh
Tính năng ..... 183, 362, 443, 452, 540
Tựa đầu ..... 297, 299
Tựa tay ..... 301
Thay bóng đèn
Đèn biển số sau ..... 843
Đèn chiếu sáng ..... 842
Đèn gương cá nhân ..... 844
Đèn hậu, Đèn sương mù sau và Đèn lùi
Đèn ..... 843

Đèn phanh cao ..... 843
Đèn phanh, Đèn hậu, Đèn đánh dấu bên hông phía sau và Đèn xi nhan sau ..... 842
Đèn sương mù trước ..... 842
Đèn xi nhan bên/Đèn báo khẩn cấp Đèn ..... 842
Đèn xi nhan trước, Đèn vị trí/ Đèn ban ngày ..... 842
Thay bóng đèn ..... 842
Thay thế
Ắc-quy ..... 859
Bóng đèn ..... 842
Cao su lưỡi gạt nước sau ..... 847
Cao su lưỡi gạt nước ..... 845
Cầu chì ..... 920, 922, 924
Lốp ..... 851, 888
Thẻ mã số chìa khóa ..... 221
Thiết bị phát ra sóng radio ..... 945
Thông báo an toàn ..... 0
Thông số kỹ thuật bóng đèn ..... 941
Thông số kỹ thuật ..... 940
Thông tin người dùng ..... 535
Thông tin pháp lý về Apple CarPlay/Android Auto ..... 594
Thời gian (Cài đặt) ..... 218
Thời gian xe chạy ..... 170, 199
Thủng (Lốp) ..... 875
TRK (Dụng cụ sửa chữa tạm thời) ..... 875
Trọng tải tối đa cho phép ..... 601, 940

## U

Ứng dụng Android Auto ..... 358, 439
Ứng dụng Android Auto™ ..... 529
Ứng dụng Apple CarPlay ..... 354, 433, 525

## V

Vạch báo độ mòn (Lốp) ..... 850
Vận hành hệ thống điều khiển bằng giọng nói. 411
Lệnh âm thanh ..... 412
Lệnh chung ..... 412
Lệnh danh sách ..... 413
Lệnh định vị ..... 413
Lệnh qua điện thoại ..... 412
Lệnh tiêu chuẩn ..... 413
Màn hình cổng điều khiển giọng nói ..... 412
Nhận dạng giọng nói ..... 411
Vệ sinh nội thất ..... 865
Vệ sinh ngoại thất ..... 868
Vô lăng ..... 278
Điều chỉnh ..... 278
VSA (Hệ thống hỗ trợ ổn định xe) ..... 652

## W

WMA ..... 346, 425

## X

Xăng ..... 805
Đồng hồ đo ..... 161
Nạp nhiên liệu ..... 805
Tiết kiệm nhiên liệu tức thời ..... 168, 197
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải $CO_2$ 809
Thông tin ..... 805
Xe có động cơ tăng áp ..... 810
Xẹp lốp ..... 875
Xi nhan
Đèn báo (Bảng điều khiển) ..... 147
Xử lý sự cố ..... 873
Bàn đạp phanh rung ..... 37
Cháy cầu chì ..... 920, 922, 924
Còi báo kêu khi mở cửa ..... 38
Cửa sau không mở ..... 38, 234
Đèn báo cảnh báo ..... 136
Động cơ không khởi động ..... 900
Kéo xe khẩn cấp ..... 928
Không gạt được cần số ..... 909
Ồn khi phanh ..... 39
Quá nhiệt ..... 911
Thủng/Xẹp lốp ..... 888

HONDA

4F3A0V20
00X4F-3A0-V200

© 2025 Honda Motor CO., LTD.

PRINTED IN VIETNAM